MỤC LỤC

[CHUYÊN ĐỀ 1: 3](#_Toc41230549)

[CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG 3](#_Toc41230550)

[CHUYÊN ĐỀ 2 15](#_Toc41230560)

[HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ 15](#_Toc41230561)

[CHUYÊN ĐỀ 3 30](#_Toc41230567)

[TRUYỆN KIỀU – NGUYỄN DU 30](#_Toc41230568)

[CHUYÊN ĐỀ 4: 34](#_Toc41230580)

[BA ĐOẠN TRÍCH TRUYỆN KIỀU 34](#_Toc41230581)

[CHUYÊN ĐỀ 5 51](#_Toc41230607)

[LỤC VÂN TIÊN CỨU KIỀU NGUYỆT NGA 51](#_Toc41230608)

[CHUYÊN ĐỀ 6: 56](#_Toc41230613)

[ĐỒNG CHÍ 56](#_Toc41230614)

[CHUYÊN ĐỀ 7: 73](#_Toc41230621)

[BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH 73](#_Toc41230622)

[CHUYÊN ĐỀ 8: 83](#_Toc41230628)

[ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ 83](#_Toc41230629)

[CHUYÊN ĐỀ 9: 94](#_Toc41230637)

[BẾP LỬA 94](#_Toc41230638)

[CHUYÊN ĐỀ 10: ÁNH TRĂNG 110](#_Toc41230656)

[CHUYÊN ĐỀ 11: LÀNG 122](#_Toc41230666)

[CHUYÊN ĐỀ 12: LẶNG LẼ SA PA 137](#_Toc41230685)

[CHUYÊN ĐỀ 13: 155](#_Toc41230711)

[CHIẾC LƯỢC NGÀ 155](#_Toc41230712)

[CHUYÊN ĐỀ 14 172](#_Toc41230729)

[MÙA XUÂN NHO NHỎ 172](#_Toc41230730)

[CHUYÊN ĐỀ 15: 192](#_Toc41230756)

[VIẾNG LĂNG BÁC 192](#_Toc41230757)

[CHUYÊN ĐỀ 16 209](#_Toc41230758)

[SANG THU 209](#_Toc41230759)

[CHUYÊN ĐỀ 17 225](#_Toc41230764)

[NÓI VỚI CON 225](#_Toc41230765)

[CHUYÊN ĐỀ 18: 239](#_Toc41230780)

[BẾN QUÊ 239](#_Toc41230781)

[CHUYÊN ĐỀ 19: 257](#_Toc41230799)

[NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI 257](#_Toc41230800)

**CHUYÊN ĐỀ 1:**

**CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG**

**A.Kiến thức trọng tâm:**

1. Cảm nhận vẻ đẹp truyền thống và số phận oan nghiệt của người phụ nữ Việt Nam trong xã hội phong kiến qua nhân vật Vũ Nương.
2. Phân tích giá trị hiện thực và nhân đạo
3. Nắm được thành công nghệ thuật.

# B.Phân tích:

* **Khái quát về tác giả, tác phẩm:**
* Nguyễn Dữ là gương mặt nổi bật của văn học Việt Nam thế kỉ XVI.
* Với tập truyện ngắn “Truyền kì mạn lục” ông thực sự đã mang đến cho nền văn học dân tộc một “Thiên cổ kì bút” có khả năng lay động lòng người bởi giá trị mọi mặt của nó.
* “Chuyện người con gái Nam Xương” là thiên thứ 16 và là thiên tiêu biểu trong tập sáng tác này. Qua câu chuyện về cuộc đời và cái chết thương tâm của Vũ Nương, “Chuyện người con gái Nam Xương” thể hiện niềm cảm thương đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ phong kiến, đồng thời khẳng định vẻ đẹp truyền thống của họ. Tác phẩm là một áng văn hay, thành công về nghệ thuật dựng truyện, miêu tả nhân vật, kết hợp tự sự với trữ tình.

# Vẻ đẹp truyền thống và số phận oan nghiệt của người phụ nữ:

* 1. **Vẻ đẹp truyền thống:**
* Mở đầu tác phẩm, tác giả đã có lời giới thiệu bao quát về Vũ Nương “Tính đã thuỳ mị nết na lại thêm tư dung tốt đẹp” tạo ấn tượng về một chân dung phụ nữ hoàn hảo.
* Sau đó ông đi sâu miêu tả vẻ đẹp tâm hồn, phẩm chất của nhân vật trong các mối quan hệ khác nhau, trong các tình huống khác nhau.

# Trước hết Vũ Nương là người phụ nữ thuỷ chung, son sắc trong tình nghĩa vợ chồng:

* Trong cuộc sống vợ chồng, biết Trương Sinh vốn có tính đa nghi, nên nàng luôn

“giữ gìn khuôn phép, không từng để lúc nào vợ chồng phải đến thất hòa”. Nàng luôn giữ cho tình cảm gia đình đầm ấm, yên vui. Nàng là một người vợ hiền thục, khôn khéo, nết na đúng mực!

Hạnh phúc êm ấm tưởng bền lâu, không ngờ đất nước xảy ra binh biến, Trương Sinh phải đầu quân ra trận ở biên ải xa xôi. Buổi tiễn chồng đi lính, Vũ Nương rót chén rượu đầy, dặn dò chồng những lời tình nghĩa, đằm thắm, thiết tha: “ Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong được đeo ấn hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thế là đủ rồi”. Ước mong của nàng thật bình dị, lời lẽ dịu dàng ấy, chứng tỏ nàng luôn coi trọng hạnh phúc gia đình mà xem thường mọi công danh phù phiếm. Nàng cảm thông trước những nỗi vất vả gian lao mà chồng sẽ phải chịu đựng: “Chỉ e việc quân khó liệu, thế giặc khôn lường.Giặc cuồng còn lẩn lút, quân triều còn gian lao, rồi thế chẻ tre chưa có, mà mùa dưa chín quá kì, khiến thiếp ôm nỗi quan hoài, mẹ già triền miên lo lắng.”.Qua lời nói dịu dàng, nàng cũng bộc lộ nỗi khắc khoải nhớ chồng của mình: “Nhìn trăng soi thành cũ, lại sửa soạn áo rét, gửi người ải xa, trông liễu rủ bãi hoang, lại thổn thức tâm tình, thương người đất thú! Dù có thư tín nghìn hàng,cũng sợ không có cánh hồng bay bổng”. Đúng là lời nói, cách nói của một người vợ hết mực thùy mị, dịu dàng. Trái tim ấy giàu lòng yêu thương, biết chịu đựng những thử thách, biết đợi chờ để yên lòng người đi xa, thật đáng trân trọng biết bao!

* Khi xa chồng, Vũ Nương ngày ngày đợi chờ, ngóng trông đến thổn thức “Giữ trọn tấm lòng thủy chung, son sắt”, “tô son điểm phấn từng đã nguôi lòng, ngõ liêu tường hoa chưa hề bén gót”. Nỗi nhớ thương dài theo năm tháng “Mỗi khi thấy bướm lượn đầy vườn,mây che kín núi,thì nỗi buồn góc bể chân trời không thể nào ngăn được”. Nàng vừa thương chồng, vừa nhớ chồng, vừa thương xót cho chính mình đêm ngày phải đối mặt với nỗi cô đơn vò võ. Tâm trạng nhớ thương đau buồn ấy của Vũ Nương cũng là tâm trạng chung của những người chinh phụ trong mọi thời loạn lạc xưa nay:

*"… Nhớ chàng đằng đẵng đường lên bằng trời Trời thăm thẳm xa vời khôn thấu*

*Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong…"*

(*Chinh phụ ngâm*)

-> Thể hiện tâm trạng ấy, Nguyễn Dữ vừa cảm thông với nỗi đau khổ của Vũ Nương, vừa ca ngợi tấm lòng thủy chung, thương nhớ đợi chờ chồng của nàng.

* Khi hạnh phúc gia đình có nguy cơ tan vỡ: Vũ Nương ra sức cứu vãn, hàn gắn. Khi người chồng trút cơn ghen bóng gió lên đầu, Vũ Nương đã ra sức thanh minh, phân trần. Nàng đã viện đến cả thân phận và tấm lòng của mình để thuyết phục chồng “Thiếp vốn con kẻ khó được nương tựa nhà giàu.....cách biệt ba năm giữ gìn một tiết.....” Những lời nói nhún nhường tha thiết đó cho thấy thái độ trân trọng chồng, trân trọng gia đình nhà chồng, niềm tha thiết gìn giữ gia đình nhất mực của Vũ Nương.
* Rồi những năm tháng sống ở chốn làng mây cung nước sung sướng nàng vẫn không nguôi nỗi thương nhớ chồng con. Vừa gặp lại Phan lang, nghe Lang kể về tình cảnh gia đình nàng đã ứa nước mắt xót thương. Mặc dù đã nặng lời thề sống chết với Linh Phi nhưng nàng vẫn tìm cách trở về với chồng con trong giây lát để nói lời đa tạ tấm lòng chồng. Rõ ràng trong trái tim người phụ nữ ấy, không bợn chút thù hận, chỉ có sự yêu thương và lòng vị tha.

# Vũ Nương còn là người con dâu hiếu thảo với mẹ chồng, một người mẹ hiền đầy tình yêu thương con.

* Trong ba năm chồng đi chiến trận, một mình nàng vừa làm con vừa làm cha vừa làm mẹ để chăm sóc phụng dưỡng mẹ chồng, nuôi dạy con thơ.
* Với mẹ chồng, nàng là một cô con dâu hiếu thảo. Chồng xa nhà, nàng đã thay chồng phụng dưỡng mẹ chu đáo. Khi bà ốm nàng đã thuốc thang lễ bái thần phật và lấy những lời khôn khéo để khuyên răn để bà vơi bớt nỗi nhớ thương con. Đến khi bà mất, nàng đã hết lời thương xót, ma chay tế lễ cẩn trọng hệt như với cha mẹ đẻ của mình. Cái tình ấy quả có thể cảm thấu cả trời đất cho nên trước lúc chết người mẹ già ấy đã trăng trối những lời yêu thương, động viên, trân trọng con dâu “Sau này, trời xét lòng lành, ban cho phúc đức giống dòng tươi tốt, con cháu đông đàn, xanh kia quyết chẳng phụ lòng con như con đã chẳng phụ mẹ".
* Với con thơ nàng hết sức yêu thương, chăm chút. Sau khi xa chồng đầy tuần, nàng sinh bé Đản, một mình gánh vác cả giang sơn nhà chồng nhưng chưa khi nào nàng chểnh mảng việc con cái. Chi tiết nàng chỉ bóng mình trên vách và bảo đó là cha Đản cũng xuất phát từ tấm lòng của người mẹ : để con trai mình bớt đi cảm giác thiếu vắng tình cảm của người cha.

=> Nguyễn Dữ đã dành cho nhân vật một thái độ yêu mến, trân trọng qua từng trang truyện, từ đó khắc họa thành công hình tượng người phụ nữ với đầy đủ phẩm chất tốt đẹp.

# Số phận oan nghiệt:

* Vũ Nương đã làm tròn bổn phận của một phụ nữ, người vợ, người mẹ, người con, ở cương vị nào nàng cũng làm rất hoàn hảo. Nàng đúng là người phụ nữ lí tưởng của gia đình. Nàng xứng đáng được hưởng hạnh phúc nhưng hạnh phúc đã không mỉm cười với nàng.
* Ngày Trương Sinh trở vể cũng là lúc bi kịch cuộc đời nàng xảy ra. Câu chuyện của bé Đản, đứa con trai vừa lên ba tuổi, về “ một người đàn ông đêm nào cũng đến” đã làm cho Trương Sinh nghi ngờ. Với bản tính hay ghen cộng thêm tính gia trưởng, thất học, Trương Sinh đối xử với vợ hết sức tàn nhẫn. Giấu biệt lời con nói, Trương Sinh đã “ mắng nhiếc nàng và đánh đuổi đi” mặc cho Vũ Nương hết sức phân trần, mặc cho “hàng xóm can ngăn cũng chẳng ăn thua gì”. Nàng đau khổ đến xé lòng “nay đã bình rơi trâm gãy, mây tạnh mưa tan, sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió”, “khóc tuyết bông hoa rụng cuống, kêu xuân cái én lìa đàn, nước thẳm buồn xa…” Bi kịch dâng tràn đến đỉnh điểm, Vũ Nương phải tìm đến cái chết để chứng minh cho sự trong sạch của chính mình! Còn gì đớn đau, còn gì bi thương hơn thế???...
* Thật ra, nỗi bất hạnh của Vũ Nương không phải bắt đầu ở tấn bi kịch này. Nỗi bất hạnh đến với Vũ Nương từ khi nàng chấp nhận cuộc hôn nhân với Trương Sinh. Từ đầu, ta đã nhận ra đây là một cuộc hôn nhân không bình đẳng. Vũ Nương vốn “ con kẻ khó, được nương tựa nhà giàu”, còn Trương Sinh muốn lấy được Vũ Nương chỉ cần “ nói với mẹ đem trăm lạng vàng cưới nàng về làm vợ”. Sự cách bức ấy cộng thêm cái thế của người chồng, người đàn ông trong chế độ nam quyền phong kiến đã khiến cho Trương Sinh tự cho mình cái quyền đánh đuổi vợ không cần có chứng cứ rõ ràng. Trong những ngày làm dâu nhà họ Trương, Vũ Nương cũng đâu hạnh phúc hơn gì! Nàng phải luôn chịu đựng sự xét nét “ phòng ngừa quá sức” của chồng.
* Lấy chồng không được bao lâu thì niềm vui “nghi gia nghi thất” của Vũ Nương bị mất đi bởi chồng “có tên trong số lính đi vào loại đầu”. Nàng thiếu phụ tuổi xuân còn phơi phới đã phải gánh chịu nỗi buồn “chiếc bóng năm canh” của đời người chinh phụ.

*Mặt biếng tô miệng càng biếng nói Sớm lại chiều dòi dõi nương song Nương song luống ngẩn ngơ lòng Vắng chàng điểm phấn tô hồng với ai*

(*Chinh phụ ngâm khúc*)

* Rồi gánh nặng gia đình chồng cộng thêm noi cô đơn vì phòng không gối chiếc đã bào mòn tuổi xuân của Vũ Nương. Ta có thể cảm nhận được nỗi vất vả của nàng qua những vần điệu ca dao cổ:

*Có con phải khổ vì con*

*Có chồng phải gánh giang sơn nhà chồng”*

Hình như số phận của những người phụ nữ trong xã hội phong kiến ngày xưa đều có chung nỗi bất hạnh như thế!

Ở phần sau của câu chuyện, ta thấy Vũ Nương được sống sung sướng dưới Thủy cung, được kề cận với Linh Phi, vợ vua biển Nam Hải nhưng không vì thế mà ta thấy nàng hạnh phúc. Và làm sao có thể hưởng thụ hạnh phúc cho được khi quyền làm mẹ,làm vợ của nàng vĩnh viễn không còn? Bi kịch vẫn đeo bám theo Vũ Nương vào tận chốn Thủy cung huyền bí. Người đọc càng cảm thấy xót xa hơn khi nghe câu nói của nàng ở cuối truyện: “ Đa tạ tình chàng, thiếp chẳng trở về nhân gian được nữa”. Âm dương đã cách trở đôi đường. Hạnh phúc bị tan vỡ khó lòng hàn gắn lại được. Kết thúc câu chuyện bi đát này là một khoảng vắng mênh mông, mờ mịt… Đằng sau yếu tố hoang đường, câu chuyện về nàng Vũ Nương mang đậm tính hiện thực và thấm đẫm tinh thần nhân đạo.

# Giá trị hiện thực và nhân đạo:

* 1. **Giá trị hiện thực:**
* Về giá trị hiện thực,tác phẩm đã đề cập tới số phận bi kịch của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến thông qua hình tượng nhân vật Vũ Nương. Vốn là người con gái xuất thân từ tầng lớp bình dân thuỳ mị, nết na ; tư dung tốt đẹp. Khi chồng đi lính. Vũ Nương một mình vừa chăm sóc, thuốc thang ma chay cho mẹ chồng vừa nuôi con, đảm đang, tận tình, chu đáo. Để rồi khi chàng Trương trở về, chỉ vì câu nói ngây thơ của bé Đản mà trương Sinh đã nghi ngờ lòng thuỷ chung của vợ. Từ chỗ nói bóng gió xa xô i, rồi mắng chửi, hắt hủi và cuối cùng là đuổi Vũ Nương ra khỏi nhà, Trương Sinh đã đẩy Vũ Nương tới bước đường cùng quẫn và bế tắc, phải chọn cái chết để tự minh oan cho mình.
* Ngoài ra, truyện còn phản ánh hiện thực về xã hội phong kiến Việt Nam với những biểu hiện bất công vô lí. Đó là một xã hội dung túng cho quan niệm trọng nam khinh nữ, để cho Trương Sinh – một kẻ thất học, vũ phu ngang nhiên chà đạp lên giá trị nhân phẩm của người vợ hiền thục nết na.

+ Xét trong quan hệ gia đình, thái độ và hành động của Trương Sinh chỉ là sự ghen tuông mù quáng, thiếu căn cứ (chỉ dựa vào câu nói vô tình của đứa con ba tuổi, bỏ ngoài tai mọi lời thanh minh của vợ và lời can ngăn của hàng xóm).

+ Nhưng xét trong quan hệ xã hội : hành động ghen tuông của Trương Sinh không phải là một trạng thái tâm lí bột phát trong cơn nóng giận bất thường mà là hệ quả của một loại tính cách – sản phẩm của xã hội đương thời.

* Tuy nhiên, nếu Trương Sinh là thủ phạm trực tiếp gây nên cái chết của Vũ Nương thì nguyên nhân sâu xa là do chính xã hội phong kiến bất công – xã hội mà ở đó người phụ nữ không thể đứng ra để bảo vệ cho giá trị nhân phẩm của mình, và lời buộc tội, gỡ tội cho người phụ nữ bất hạnh ấy lại phụ thuộc vào những câu nói ngây thơ của đứa trẻ ba tuổi (lời bé Đản). Đó là chưa kể tới một nguyên nhân khác nữa : do chiến tranh phong kiến – dù không được miêu tả trực tiếp, nhưng cuộc chiến tranh ấy đã tác động hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp tới số phận từng nhân vật trong tác phẩm (người mẹ sầu nhớ con mà chết; Vũ Nương và Trương Sinh phải sống cảnh chia lìa; bé Đản sinh ra đã thiếu thốn tình cảm của người cha và khi cha trở về thì mất mẹ ). Đây là một câu chuyện diễn ra đầu thế kỉ XV (cuộc chiến tranh xảy ra thời nhà Hồ) được truyền tụng trong dân gian, nhưng phải chăng qua đó, tác phẩm còn ngầm phê phán cuộc nội chiến đẫm máu trong xã hội đương thời (thế kỉ XVI).

# Giá trị nhân đạo:

* **Nhận định khái quát về tư tưởng nhân đạo trong văn học:**
* Văn học là một hoạt động sáng tạo của con người nhằm khám phá và khẳng định những giá trị của đời sống, nhằm vươn tới những điều tốt đẹp và hoàn thiện của con người và cuộc đời. Tư tưởng nhân đạo thường là một tư tưởng lớn thấm nhuần trong những nền văn học tiến bộ, trong những tác phẩm văn học ưu tú.

Nói tới tư tưởng nhân đạo là nói tới thái độ của nhà văn trong cách khám phá đời sống và con người . Nhà văn đã nhìn thấy những bất công, nghịch cảnh, nghịch lí đối với con người và thủ phạm của nó; nhà văn thể hiện sự quan tâm, niềm cảm thương sâu sắc đối với những con người phải chịu áp bức,khổ đau, thiệt thòi; thể hiện thái độ căm ghét, lên án, tố cáo những cái xấu, cái ác. Quan trọng hơn, nhà văn khẳng định và ca ngợi vẻ đẹp của con người, thể hiện niềm tin vào cái đẹp, vào công lí, hướng tới những giải pháp đem lại hạnh phúc cho con người…

* Giá trị nhân đạo thường không tách rời giá trị hiện thực( phải khổ người ta mới thương; phải bất công, ngang trái người ta mới lên án, tố cáo) và luôn được làm sáng rõ, thuyết phục trong những tìm tòi, sáng tạo về nghệ thuật.

# Giá trị nhân đạo trong “Chuyện người con gái Nam Xương”:

* Trân trọng vẻ đẹp của người phụ nữ thông qua hình tượng nhân vật Vũ Nương.
* Thể hiện niềm tin vào điều tốt đẹp: Đề cao giá trị nhân nghĩa “ở hiền gặp lành” qua kết thúc phần nào có hậu, thể hiện ước mơ ngàn đời của nhân dân.
* Qua số phận nhiều thiệt thòi, bất hạnh của người phụ nữ trong xã hội phong kiến có nhiều bất công ( Bi kịch của Vũ Nương ):

+ Cất lên tiếng nói tố cáo xã hội đã chà đạp lên quyền sống, quyền hưởng hạnh phúc của con người.

+ Thể hiện niềm cảm thông, thương xót cho số phận oan trái.

# Thành công về nghệ thuật:

* Xây dựng được cốt truyện có phạm vi khái quát được hiện thực xã hội và đời sống ( chuyện Trương Sinh đi lính, cảnh ngộ neo đơn của người phụ trong thời loạn lạc, cuộc hôn nhân sắp đặt, thói gia trưởng của người đàn ông phong kiến…); tạo được tình huống đơn giản mà đặc sắc làm nổi bật được tính chất éo le, bi kịch trong cuộc đời người phụ nữ thời xưa; làm rõ được cái trớ trêu với hạnh phúc của con người.
* Miêu tả tính cách nhân vật một cách sắc sảo, già dặn. Nhân vật Vũ Nương hiện lên rõ nét cả về đức tính và thân phận. Việc nàng trỏ cái cái bóng nói là chồng để dỗ con, cái chết của nàng và việc nàng trở về trên sông… tuy không nhiều chi tiết nhưng đủ gây ấn tượng về một Vũ Nương chung thủy, tiết liệt nhưng vị tha… Nhân vật Trương Sinh cũng được khắc họa khá điển hình với tính ghen tuông và gia trưởng đến mức hồ đồ…
* Việc vận dụng linh hoạt các loại hình ngôn ngữ: đối thoại, độc thoại cùng sự kết hợp nhuần nguyễn giữa yếu tố thực và kỳ ảo cũng góp phần làm nên thành công cho tác phẩm, tạo ấn tượng sâu sắc trong lòng độc giả.

**4.** [**Các chi tiết kì ảo**](http://thcsdaoduytuhn.vn/)**:**

**a. Những chi tiết kì ảo:**

– Phan Lang nằm mộng rồi thả rùa.

– Phan Lang lạc vào động rùa của Linh Phi, được đãi yến vàgặp, trò chuyện với Vũ Nương; được trở về dương thế.

– Vũ Nương hiện về sau khi Trương Sinh lập đàn giải oan cho nàng ở bến Hoàng Giang.

**b. Ý nghĩa:**

– Tăng sức hấp dẫn bằng sự li kì và trí tượng tượng phongphú.

– Hoàn chỉnh thêm những nét đẹp vốn có của Vũ Nương, một người dù đã ở thế giới khác, vẫn quan tâm đến chồng con, nhà cửa, phần mộ Tổ tiên, khao khát được phục hồi danh dự.

– Tạo nên một kết thúc phần nào có hậu, thể hiện ước mơ ngàn đời của nhân dân ta về sự công bằng: người tốt dù có phải trải qua bao oan khuất, cuối cùng sẽ được minh oan.

– Khẳng định niềm cảm thương của tác giả đối với sự bi thảm của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

**3. Ý nghĩa**[**chi tiết cái bóng**](http://thcsdaoduytuhn.vn/)**:**

**a. Cách kể chuyện:**

– Cái bóng là một chi tiết đặc sắc, là một sáng tạo nghệ thuật độc đáo làm cho câu chuyện hấp dẫn hơn so với truyện cổ tích.

– Cái bóng là đầu mối, điểm nút của câu chuyện. Thắt nút là nó, mà mở nút cũng là nó.

**b. Góp phần thể hiện tính cách nhân vật:**

– Bé Đản ngây thơ

– Trương Sinh hồ đồ, đa nghi.

– Vũ Nương yêu thương chồng con.

**Đề 1: Suy nghĩ về số phận người phụ nữ thời phong kiến qua nhân vật Vũ Nương trong “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ.**

I.Mở bài:

Người phụ nữ luôn là đề tài quen thuộc được hể hiện trong văn học thời trung đại. Viết về họ, Hồ Xuân Hương đã rất thành ông với bài thơ “Bánh trôi nước”, đại thi hào Nguyễn Du với kiệt tác “TruyệnKiều” và Nguyễn Dữ - học trò của Nguyễn Bỉnh Khiêm với “Chuyện người con gáiNam Xương” – thiên thứ 16 của “Truyền kì mạn lục”. Qua nhân vật Vũ Nương, câu chuyện đem đến bao suy tu, trăn trở cho người đọc về thân phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến đầy bất công.

1. Thân bài:
   1. Khái quát ( Dẫn dắt vào bài):

* “Chuyện người con gái Nam Xương” xoay quanh về cuộc đời và số phận bi thảm của Vũ Nương – người con gái nhan sắc, đức hạnh. Nàng lấy chồng là Trương Sinh, con nhà hào phú nhưng ít học, có tính đa nghi và hayghen. Cuộc sống gia đình đang êm ấm thì Trương Sinh phải đầu quân đi lính.Chàng đi đầy tuần,Vũ Nương sinh con trai, hết lòng nuôi dạy con, chăm sóc, lo ma chay cho mẹ già chu đáo và thủy chung đợi chồng. Đêm đêm, nàng thường trỏ bóng mình trên vách và nói với con đó là cha của bé. Giặc tan, Trương Sinh trở về, tin lời con nhỏ, nghi ngờ vợ thất tiết, nhục mạ, đánh đuổi nàng đi. Phẫn uất, Vũ Nương nhảy xuống sông Hoàng Giang tự vẫn. Qua câu chuyện kể, ta thấy người phụ nữ là nạn nhân của xã hội phong kiến bất công. Cuộc đời của họ là một chuỗi dài những khổ đau, bất hạnh.
  1. Phân tích:

a, Người phụ nữ là nạn nhân của chế độ nam quyền:

* Cũng giống như số phận của bao người phụ nữ trong xã hội phong kiến, Vũ Nương đã phải chịu sự ràng buộc bởi những lễ giáo khắt khe, ngặt nghèo. Biết nàng “tính đã thùy mị nết na,lại thêm tư dung tốt đẹp” cho nên Trương Sinh mến vì dung hạnh nói với mẹ xin trăm lạng vàng cưới về. Đây là một cuộc hôn nhân không bình đẳng, bởi lẽ nó không phải là sự rung động của hai trái tim cùng một nhịp mà là do sự sắp đặt mang tính chất mua bán. Sự sắp đặt của con nhà giàu, lắm tiền nhiều của, muốn gì được nấy, sắp đặt cho con nhà khó “cha mẹ đặt đâu thì con phải ngồi đó”.Cuộc hôn nhân có sự cách bức giàu nghèo đã khiến Vũ Nương luôn luôn mặc cảm“thiếp vốn con kẻ khó được nương tựa nhà giàu”. Dù Vũ Nương có luôn giữ gìn khuôn phép thì cuộc sống vợ chồng ấy vẫn tiềm ẩn nguy cơ tan vỡ và sau này cũng là cái thế để Trương Sinh độc đoán, gia trưởng, đối xử với vợ một cách vũ phu,thô bạo.
* Trương Sinh vốn ít học, lại có tính đa nghi và hay ghen, do vậy sự nghi kị, ngờ vực làm mầm mống của sự bất hòa đã ủ sẵn trong gia đình. Để rồi, sau ba năm xa cách, khi trở về tưởng Trương Sinh sẽ mang lại hạnh phúc cho gia đình thì cũng lại là lúc tại họa ập xuống cuộc đời Vũ Nương. Chỉ vì lời nói ngây thơ của bé Đản: “Ô hay! Ông cũng là cha tôi ư? Mà ông lại biết nói chứ không giống như cha tôi trước kia…”, làm cho Trương Sinh ngờ vực, hiểu lầm vợ hư hỏng. Dù Vũ Nương có tha thiết giãi bày, có hết lời phân trần để chồng hiểu rõ tấm lòng mình, dù họ hàng làng xóm có hết lòng khuyên can và biện hộ cho nàng thì Trương Sinh cũng không hề đếm xỉa tới,mà chỉ một mực nghi oan cho vợ. Rồi từ chỗ “la um lên cho hả giận”, Trương Sinh đã mắng nhiếc, đuổi vợ đi. Phải chăng, xã hội phong kiến với chế độ nam quyền độc đoán, với thói “trọng nam khinh nữ” bám chặt vào huyết quản đã dung túng,cho phép người đàn ông được quyền coi thường, rẻ rúng và đối xử thô bạo với người phụ nữ? Thương nhớ chồng là thế, lại bị chồng ruồng rẫy, gạt bỏ. Giữ gìn khuôn phép, rất mực thủy chung lại bị coi là thất tiết, chịu tiếng nhuốc nhơ…Nàng không hiểu vì sao bị đối xử bất công, bị mắng nhiếc và đuổi đi, không có quyền được tự bảo vệ ngay cả khi có họ hàng làng xóm bênh vực và biện bạch cho.Hạnh phúc gia đình, thú vui nghi gia nghi thất, niềm khao khát của cả đời nàng đã tan vỡ, tình yêu không còn “bình rơi trâm gãy, mây tạnh mưa tan, sen rủ trong ao, liễu tàn

trước gió”, cả nỗi đau khổ chờ chống đến hóa đá trước đây,cũng không còn có thể có lại được nữa. Thất vọng đến tột cùng, cuộc hôn nhân đã không có cách nào hàn gắn nổi, Vũ Nương đành mượn sông Hoàng Giang rửa sạch nỗi oan nhục, giãi bỏ tấm lòng trong trắng của mình. Lời than của nàng như lời nguyền xin thần sông chứng giám nỗi oan khuất và đức hạnh của nàng: “Kẻ bạc mệnh này duyên phận hẩm hiu, chồng con rẫy bỏ, điều đâu bay buộc, tiếng chịu nhuốc nhơ, thần sông có linh, xin ngài chứng giám. Thiếp nếu đoan trang giữtiết, trinh bạch gìn lòng, vào nước xin làm ngọc Mỵ nương, xuống đất xin làm cỏ ngu mĩ. Nhược bằng lòng chim dạ cá, lừa chồng dối con, dưới xin làm mồi cho cá tôm, trên xin làm cơm cho diều quạ và xin chịu khắp mọi người phỉ nhổ".

-> Qua tác phẩm,ta thấy Vũ Nương đã nhiều lần gắng gượng để vượt lên số phận nhưng cuộc đời nàng không thoát khỏi là nạn nhân của chế độ nam quyền độc đoán, chà đạp và ức hiếp con người.

-> Cái chết của Vũ Nương thực chất là do bị chồng bức tử - một cái chết đầy oan ức. Vậy mà, Trương Sinh thấy nàng tự tận chỉ một chút động lòng mà không hề ân hận, day dứt. Ngay cả khi, đứa con trỏ tay vào bóng chàng trên vách nói là cha, chàng hiểu rõ nỗi oan của vợ thì cũng coi là việc đã qua rồi. Như thế, chuyện danh dự , chuyện sinh mệnh của người phụ nữ bị tùy tiện định đoạt bởi người chồng, người đàn ông mà không có hành lang đạo lí, không được dư luận xã hội bảo vệ, chở che. Nỗi oan của Vũ Nương đã vượt ra ngoài phạm vi gia đình, là một trong muôn vàn oan khuất của cái xã hội vùi dập thân phận con người, nhất là người phụ nữ.Sống trong xã hội đầy rẫy những oan trái, bất công, quyền sống của con người không được đảm bảo, người phụ nữ với thân phận “bèo dạt mây trôi” có thể gặp bao nhiêu tai họa giáng xuống bất kì lúc nào, vì những nguyên cớ vu vơ không thể tưởng tượng. Rõ ràng, xã hội phong kiến đã sinh ra bao Trương Sinh với đầ uóc gia trưởng, độc đoán, là nguyên nhân sâu xa của những đau khổ mà người phụ nữ phải chịu.

b. Người phụ nữ là nạn nhân của chiến tranh phi nghĩa:

* Không chỉ là nạn nhân của chế độ nam quyền độc đoán, người phụ nữ còn là nạn nhân của chiến tranh phong kiến. Cả cuộc đời Vũ Nương, chỉ vui thú nghi gia nghi thất vậy mà về làm vợ Trương Sinh, cuộc sống vợ chồng “sum họp chưa thỏa tình chăn gối,chia phôi vì động việc lửa binh”. Buổi Trương Sinh ra đi, mẹ già bịn rịn, vợ trẻ đương bụng mang dạ chửa chưa khuyến luyến sự thể rồi sẽ ra sao đã khiến mọi người có mặt ở đó đều phải ứa hai hàm lệ: “Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong được đeo ấn hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ,chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thế là đủ rồi. Chỉ e việc quân khó liệu, thế giặc khôn lường. Giặc cuồng còn lẩn lút, quân triều còn gian lao,rồi thế chẻ tre chưa có, mà mùa dưa chín quá kì, khiến thiếp ôm nỗi quan hoài,mẹ già triền miên lo lắng.”
* Những câu văn biền ngẫu, sóng đôi như trái tim người vợ trẻ phập phồng lo sợ cho người chồng phải đi lính thú. Chiến tranh xa cách, mẹ già cũng vì thương nhớ con mà sinh bệnh rồi qua đời. Con thơ được sinh ra không biết mặt cha, vợ trẻ nhớ chồng chỉ còn biết trỏ vào bóng mình trên vách, bảo là cha của bé…Chính chiến tranh làm cho gia đình li tán, vợ chồng xa cách dẫn đến hiểu lầm. Cũng chính cái mối nghi ngờ không thể gỡ ra ấy của Trương Sinh đã trở thành nguyên nhân gây bất hạnh cho cuộc đời Vũ Nương. Nếu không có chiến tranh, Trương Sinh không bị bắt đi lính,thì đâu bé Đản không chịu nhận cha, thì đâu Vũ Nương phải chịu nỗi oan tày trời dẫn đến cái chết thương tâm. Rõ ràng, chiến tranh phong kiến đã gây ra cảnh sinh li và cũng góp phần dẫn đến cảnh từ biệt, làm tan nát bao nhiêu gia đình.

=> Có thể nói,sống trong xã hội phong kiến bất công, Vũ Nương cũng như bao người phụ nữ khác – người con gái bình dân trong “Bánh trôi nước”, Thúy Kiều, Đạm Tiên trong “Truyện Kiều” đều phải sống long đong, trôi dạt, phải tìm đến cái chết giải nỗi oan ức, phải thoát khỏi cuộc đời đầy khổ đau ở chốn nhân gian. Đại thi hào Nguyễn Du đã khái quát về cuộc đời, thân phận người phụ nữ bằng tiếng kêu đầy ai oán:

*“ Đau đớn thay phận đàn bà*

*Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung”.*

c. Tấm lòng nhân đạo của Nguyễn Dữ:

* Viết về cuộc đời và số phận bi thảm của Vũ Nương, của người phụ nữ trong xã hội phong kiến, tác giả Nguyễn Dữ đã tố cáo, lên án xã hội bất công, vô nhân đạo,chà đạp lên quyền sống của con người. Đây cũng là tiếng kêu thương đầy nước mắt, là sự xót xa thương cảm của tác giả trước nỗi oan khiên mà người phụ nữ phải gánh chịu.

1. Kết bài:

Qua “Chuyện người con gái Nam Xương”, ta xót xa thương cảm cho người phụ nữ bất hạnh trong xã hội xưa bao nhiêu, ta càng căm giận cái xã hội thối nát, bất công đã đẩy người phụ nữ vào vòng oan trái bấy nhiêu. Đọc tác phẩm, ta lại càng thêm nâng niu, trân trọng cái tài, cái tâm của người con huyện Thanh Miện, Hải Dương dành cho những thân phận bọt bèo trong xã hội phong kiến đương thời.

**CÁC CÂU HỎI THƯỜNG GẶP**

**Câu 1**: **Nêu những nguyên nhân dẫn tới cái chết oan khuất của Vũ Nương?**

* **Nguyên nhân trực tiếp**

**D**o lời nói ngây thơ của bé Đản. Đêm đêm, ngồi buồn dưới ngọn đèn khuya, Vũ Nương thường “trỏ bóng mình mà bảo là cha Đản”. Vậy nên Đản mới ngộ nhận đó là cha mình, khi người cha thật chở về thì không chịu nhận và còn vô tình đưa ra những thông tin khiến mẹ bị oan.

* **Nguyên nhân gián tiếp**

+ Do người chồng đa nghi, hay ghen. Ngay từ đầu, Trương Sinh đã được giới thiệu là người “đa nghi, đối với vợ phòng ngừa quá sức”, lại thêm “không có học”. Đó chính là mầm mống của bi kịch sau này khi có biến cố xảy ra. Biến cố đó là việc Trương Sinh phải đi lính xa nhà, khi về mẹ đã mất. Mang tâm trạng buồn khổ, chàng bế đứa con lên ba đi thăm mộ mẹ, đứa trẻ lại quấy khóc không chịu nhận cha. Lời nói ngây thơ của đứa trẻ làm đau lòng chàng:“Ô hay! Thế ra ông cũng là cha tôi ư? Ông lại biết nói, chứ không như cha tôi trước kia, chỉ nín thin thít” Trương Sinh gạn hỏi đứa bé lại đưa thêm những thông tin gay cấn, đáng nghi: “Có một người đàn ông đêm nào cũng đến” (hành động lén lút che mắt thiên hạ), “mẹ Đản đi cũng đi, mẹ Đảng ngồi cũng ngồi” (hai người rất quấn quýt nhau), “chẳng bao giờ bế Đản cả” (người này không muốn sự có mặt của đứa bé). Những lời nói thật thà của con đã làm thổi bùng lên ngọn lửa ghen tuông trong lòng Trương Sinh.

+ Do cách cư xử hồ đồ, thái độ phũ phàng, thô bạo của Trương Sinh. Là kẻ không có học, lại bị ghen tuông làm cho mờ mắt, Trương Sinh không đủ bình tĩnh, sáng suốt để phân tích những điều phi lý trong lời nói con trẻ. Con người độc đoán ấy đã vội vàng kết luận, “đinh ninh là vợ hư”. Chàng bỏ ngoài tai tất cả những lời biện bạch, thanh minh, thậm chí là van xin của vợ. Khi Vũ Nương hỏi ai nói thì lại giấu không kể lời con. Ngay cả những lời bênh vực của họ hàng, làng xóm cũng không thể cời bỏ oan khuất cho Vũ Nương. Trương Sinh đã bỏ qua tất cả những cơ hội để cứu vãn tấn thảm kịch, chỉ biết la lên cho hả giận. Trương Sinh lúc ấy không còn nghĩ đến tình nghĩa vợ chồng, cũng chẳng quan tâm đến công lao to lớn của Vũ Nương đối với gia đình, nhất là gia đình nhà chồng. Từ đây có thể thấy Trương Sinh là con đẻ của chế độ nam quyền bất công, thiếu lòng tin và thiếu tình thương, ngay cả với người thân yêu nhất.

+ Do cuộc hôn nhân không bình đẳng, Vũ Nương chỉ là “con nhà kẻ khó”, còn Trương Sinh là “con nhà hào phú”. Thái độ tàn tệ, rẻ rúng của Trương Sinh đối với Vũ Nương đã phần nào thể hiện quyền thế của người giàu đối với người nghèo trong một xã hội mà đồng tiền đã bắt đầu làm đen bạc thói đời.

+ Do lễ giáo hà khắc, phụ nữ không có quyền được nói, không có quyền được tự bảo vệ mình. Trong lễ giáo ấy, chữ trinh là chữ quan trọng hàng đầu; người phụ nữ khi đã bị mang tiếng thất tiết với chồng thì sẽ bị cả xã hội hắt hủi, chỉ còn một con đường chết để tự giải thoát.

+ Do chiến tranh phong kiến gây nên cảnh sinh ly và cũng góp phần dẫn đến cảnh tử biệt. Nếu không có chiến tranh, Trương Sinh không phải đi lính thì Vũ Nương đã không phải chịu nỗi oan tày trời dẫn đến cái chết thương tâm như vậy.

**Câu 2: Có mấy cái bóng xuất hiện trong tác phẩm? Nêu ý nghĩa của chi tiết cái bóng.**

Có hai cái bóng xuất hiện trong tác phẩm:

* **Cái bóng “trên tường” hay còn được gọi là “Cha Đản”**

Đây vừa là chi tiết thắt nút, là nguyên nhân trực tiếp dẫn tới cái chết của Vũ Nương. Đồng thời cũng là chi tiết mở nút khi Trương Sinh nhận ra cái bóng trên tường chính là người mà bé Đản gọi là Cha, từ đó nhận ra mình đã nghi oan cho Vũ Nương. Chi tiết cái bóng còn góp phần hoàn thiện thêm vẻ đẹp nhân cách của Vũ Nương, đồng thời cũng thể hiện rõ nét hơn số phận bi kịch của Vũ Nương nói riêng và người phụ nữ Việt Nam nói chung. Cái bóng “trên tường” còn góp phần tố cáo những oan trái, bất công trong xã hội phong kiến xưa.

* **Cái bóng “trên sông” khi Vũ Nương trở về**

Đây là cái bóng mang ý nghĩa của chi tiết kỳ ảo. Bóng “trên sông” có ý nghĩa:

+ “Chiếc bóng” xuất hiện ở cuối truyện: “Rồi trong chốc lát, bóng nàng loang loáng mờ nhạt dần mà biến đi mất” : khắc họa giá trị hiện thực, nhân đạo sâu sắc của tác phẩm.

 + “Chiếc bóng” mang ý nghĩa thức tỉnh người đọc về bài học hạnh phúc muôn đời: một khi đánh mất niềm tin, hạnh phúc chỉ còn là chiếc bóng mờ ảo, hư vô. Oan đã được giải nhưng Vũ Nương không thể trở về trần gian được nữa. Câu chuyện trước sau vẫn là bi kịch về cuộc đời của một người con gái thủy chung, đức hạnh.

**Câu 3: Nêu ý nghĩa của chi tiết kỳ ảo trong tác phẩm**

* **Các chi tiết kỳ ảo trong câu chuyện**:

- Phan Lang nằm mộng rồi thả rùa.

- Phan Lang gặp nạn, lạc vào động rùa, gặp Linh Phi, được cứu giúp; gặp lại Vũ Nương, được sứ giả của Linh Phi rẽ đường nước đưa về dương thế.

- Vũ Nương hiện về trong lễ giải oan trên bến Hoàng Giang giữa lung linh, huyền ảo rồi lại biến đi mất.

* **Cách đưa các chi tiết kỳ ảo**:

- Các yếu tố này được đưa vào xen kẽ với những yếu tố thực về địa danh, về thời điểm lịch sử, những chi tiết thực về trang phục của các mỹ nhân, về tình cảnh nhà Vũ Nương không người chăm sóc sau khi nàng mất… Cách thức này làm cho thế giới kỳ ảo lung linh, mơ hồ trở nên gần với cuộc đời thực, làm tăng độ tin cậy, khiến người đọc không cảm thấy ngỡ ngàng.

* **Ý nghĩa của các chi tiết kỳ ảo:**

- Cách kết thúc này làm nên đặc trưng của thể loại truyện truyền kỳ.

- Làm hoàn chỉnh thêm nét đẹp vốn có của Vũ Nương: nặng tình, nặng nghĩa, quan tâm đến chồng con, phần mộ tổ tiên, khao khát được phục hồi danh dự.

- Tạo nên một kết thúc phần nào có hậu cho câu chuyện.

- Thể hiện về ước mơ, về lẽ công bằng ở cõi đời của nhân dân ta.

- Chi tiết kỳ ảo đồng thời cũng không làm mất đi tính bi kịch của câu chuyện. Vũ Nương trở về mà vẫn xa cách ở giữa dòng bởi nàng và chồng con vẫn âm dương chia lìa đôi ngả, hạnh phúc đã vĩnh viễn rời xa. Tác giả đưa người đọc vào giấc chiêm bao rồi lại kéo chúng ta sực tỉnh giấc mơ - giấc mơ về những người phụ nữ đức hạnh vẹn toàn. Sương khói giải oan tan đi, chỉ còn một sự thực cay đắng: nỗi oan của người phụ nữ không một đàn tràng nào giải nổi. Sự ân hận muộn màng của người chồng, đàn cầu siêu của tôn giáo đều không cứu vãn được người phụ nữ. Đây là giấc mơ mà cũng là lời cảnh tỉnh của tác giả. Nó để lại dư vị ngậm ngùi trong lòng người đọc và là bài học thấm thía về giữ gìn hạnh phúc gia đình.

**Câu 4: Phân tích ba lời thoại của Vũ Nương kể từ khi Trương Sinh hiểu lầm nàng cho tới khi nàng tự vẫn.**

* **Lần 1:** “ Thiếp vốn con kẻ khó được nương tựa nhà giàu được nương tựa nhà giàu. Sum họp chưa thỏa tình chăn gối, chia phôi vì động việc lửa binh. Cách biệt ba năm giữ gìn mọt tiết. Tô son điểm phấn từng đã nguôi lòng, ngõ liễu tường hoa chưa hề bén gót. Đâu có sự mất nết hư thân như lời chàng nói..Dám xin bày tỏ để cởi mối nghi ngờ. Mong chàng đừng một mực nghi oan cho thiếp”

-> Nàng phân trần để chồng hiểu rõ lòng mình. Nàng đã nói đến thân phận, tình nghĩa vợ chồng, khẳng định tấm lòng thuỷ chung trong trắng, xin chồng đừng nghi oan, có nghĩa là nàng hết lòng hàn gắn hạnh phúc gia đình.

* **Lần 2:** “ Thiếp sở dĩ nương tựa vào chàng vì có cái thú vui nghi gia nghi thất. Nay đã bình rơi trâm gãy, mây tạnh mưa tan, sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió; khóc tuyết bông hoa rụng cuống, kêu xuân cái én lìa đàn, nước thẳm buồn xa, đầu còn có thể lại lên núi .Vọng Phu kia nữa”

-> Nàng đã nói lên nỗi đau đớn thất vọng khi không hiểu sao mình bị nghi oan, bị đối xử bất công. Đồng thời đó còn là sự tuyệt vọng đến cùng cực khi khao khát của cả đời nàng vun đắp đã tan vỡ. Tình yêu không còn. Cả nỗi đau khỏ chờ chồng đến hoá đá như trước đây cũng không còn có thể làm được nữa.

* **Lần 3**: “ Kể bạc mệnh này duyên phận hẩm hiu, chồng con rẫy bỏ, điều đâu bay buộc, tiếng chịu nhuốc nhơ, thần sông có linh, xin ngài chứng giám. Thiếp nếu đoan trang giữ tiết, trinh bạch gìn lòng, vào nước xin làm ngọc Mị Nương, xuống đất xin làm cỏ Ngu Mĩ. Nhược bằng lòng chim dạ cá, lừa chồng dối con, dưới xin làm mồi cho cá tôm, trên xin làm cơm cho diều quạ và xin chịu khắp mọi người phỉ nhố”

-> Đây là lời độc thoại. Lời thoại là một lời than, một lời nguyền xin thần sông chứng giám nỗi oan khuất và tiết hạnh trong sạch của nàng. Lời thoại đã thể hiện nỗi thất vọng đến tột cùng, nỗi đau cùng cực của người phụ nữ phẩm giá nhưng bị nghi oan nên tự đẩy đến chỗ tận cùng là cái chết

**Câu 5: Tại sao Vũ Nương không muốn trở về với chồng con rồi lại quyết định trở về. Trở về rồi lại không trở về . Tác giả muốn nhắn gửi điều gì ?**

Vũ Nương dù khi sống hay lúc đã thác làm ma đều khát khao hạnh phúc gia đình. Nàng vì phải chịu nỗi oan cay nghiệt mà chết . Nhưng vì lòng thanh sạch mà được sống dưới thủy cung. Trong những ngày sống cuộc sống nơi cung nước, Vũ Nương vẫn không quên mong nhớ dương gian và thầm mong chồng sẽ giải oan cho nàng. Vũ Nương nhờ Phan Lang nhắn Trương Sinh lập đàn giải oan là để chính chồng nàng chiêu tiết cho nàng, và hiểu tấm lòng chung thủy của nàng. Âm dương cách trở, nàng chỉ hiện về trong thoáng chốc rồi biến mất. Qua chi tiết này tác giả không chỉ khắc họa sâu sắc bi kịch của Vũ Nương mà còn khẳng định một lần nữa vẻ đẹp tâm hồn của nàng. Lời thoại của Vũ Nương không trở về vì đã thề sống chết với đức Linh Phi còn chứng tỏ nàng là người sống tình nghĩa, đã mắc ân với Linh Phi thì nàng sẽ ở lại trả ân đức đó.

**Câu 6: Phân tích ý nghĩa của lời thoại sau: “Thiếp cảm ơn đức của Linh Phi, đã thề sống chết không bỏ. Đa tạ tình chàng, thiếp chẳng thể trờ về nhân gian được nữa.”**

* Đây là lời nó cuối cùng của Vũ Nương với Trương Sinh vọng vào từ giữa dòng sông khi chàng lập đàn giải oan cho Vũ Nương.
* Xây dựng lời thoại cuối cùng của tác phẩm, Nguyễn Dữ đã hoàn thiện vẻ đẹp tâm hồn nhân vật Vũ Nương. Cho dù Vũ Nương không thể trở về nhân gian nhưng khát vọng về cuộc sống nơi trần thế cũng như khát vọng trong nàng từ trước kia vẫn tha thiết khôn nguôi.
* Câu nói còn cho thấy dù ở trong hoàn cảnh nào (cả khi bị đẩy đến chỗ phải tìm đến cái chết) thì Vũ Nương vẫn là con người giàu ân nghĩa, thủy chung.
* Sự trân trọng ân nghĩa, thủy chung của Vũ Nương chính là sự trân trọng danh dự phẩm giá của chính mình. Đối với nàng, điều đó quan trọng hơn cả sinh mệnh của bản thân, nó còn thiêng liêng hơn cả khát vọng trở về nhân gian dù khát vọng ấy vô cùng tha thiết. Đó cũng chính là lí do mà Vũ Nương không thể “Trở về  nhân gian”.
* Câu nói còn là lời tố cáo nhẹ nhàng mà sâu sắc xã hội phong kiến – một xã hội đầy bất công ngang trái, xã hội không có đất để cho những người phụ nữ như Vũ Thị Thiết được sống.

**CHUYÊN ĐỀ 2**

**HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ**

**Ngô Gia Văn Phái**

**I. Tác giả**

Ngô Gia Văn phái: Ngô Gia Văn Phái: một nhóm tác giả dòng họ Ngô Thì, ở làng Tả Thanh Oai, nay thuộc huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây, trong đó hai tác giả chính là Ngô Thì Chí (1753-1788), làm quan thời Lê Chiêu Thống, và Ngô Thì Du (1772-1840), làm quan dưới chiều nhà Nguyễn.

**II. Tác phẩm**

**1.1. Vài nét chính về tác phẩm**

1. Nhan đề: “Hoàng Lê nhất thống chí” viết bằng chữ Hán ghi chép về sự thống nhất của vương triều nhà Lê vào thời điểm Tây Sơn diệt Trịnh, trả lại Bắc Hà cho vua Lê. Nó không chỉ dừng lại ở sự thống nhất của vương triều nhà Lê, mà còn được viết tiếp, tái hiện một giai đoạn lịch sử đầy biến động của xã hội phong kiến Việt Nam vào 30 năm cuối thế kỷ XVIII và mấy năm đầu thế kỷ XIX. Cuốn tiểu thuyết có tất cả 17 hồi.

**2. Thể loại:** (chí là một lối văn ghi chép sự vật, sự việc).

Cũng có thể xem Hoàng Lê nhất thống chí là một cuốn tiểu thuyết lịch sử viết theo lối chương hồi.

**3. Hoàn cảnh:** hồi thứ 14, viết về sự kiện Quang Trung đại phá quân Thanh.

**4. Khái quát nội dung và nghệ thuật**

- Nội dung: Với quan điểm lịch sử đúng đắn và niềm tự hào dân tộc, các tác giả “Hoàng Lê nhất thống chí” đã tái hiện chân thực hình ảnh người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ qua chiến công thần tốc đại phá quân Thanh, sự thảm hại của quân tướng nhà Thanh và số phận bi đát của vua tôi Lê Chiêu Thống.

- Nghệ thuật: Kể chuyện xen kẽ miêu tả một cách sinh động cụ thể, gây được ấn tượng mạnh.

**5. Tóm tắt hồi 14 “Hoàng Lê nhất thống chí”**

- Trước thế mạnh của giặc, quân Tây Sơn ở Thăng Long, rút quân về Tam Điệp và cho người vào Phủ Xuân cấp báo với Nguyễn Huệ.

- Nhận được tin ngày 24/11, Nguyễn Huệ liền tổ chức lại lực lượng chia quân làm hai đạo thuỷ – bộ.

- Ngày 25 tháng Chạp, làm lễ lên ngôi lấy hiệu là Quang Trung, trực tiếp chỉ đạo hai đạo quân tiến ra Bắc.

- Ngày 29 tháng Chạp, quân Tây Sơn ra đến Nghệ An, Quang Trung cho dừng lại một ngày, tuyển thêm hơn 1 vạn tinh binh, mở một cuộc duyệt binh lớn.

- Ngày 30, quân của Quang Trung ra đến Tam Điệp, hội cùng Sở và Lân. Quang Trung đã khẳng định : “Chẳng quá mười ngày có thể đuổi được người Thanh“. Cũng trong ngày 30, giặc giã chưa yên, binh đao hãy còn mà ông đã nghĩ đến kế sách xây dựng đất nước mười năm sau chiến tranh. Ông còn mở tiệc khao quân, ngầm hẹn mùng 7 sẽ có mặt ở thành Thăng Long mở tiệc lớn. Ngay đêm đó, nghĩa quân lại tiếp tục lên đường. Khi quân Tây Sơn ra đến sông Thanh Quyết gặp đám do thám của quân Thanh, Quang Trung ra lệnh bắt hết không để sót một tên.

- Rạng sáng ngày 3 Tết, nghĩa quân bí mật bao vây đồn Hạ Hồi và dùng mưu để quân Thanh đầu hàng ngay, hạ đồn dễ dàng.

- Rạng sáng ngày mùng 5 Tết, nghĩa quân tấn công đồn Ngọc Hồi. Quân giặc chống trả quyết liệt, dùng ống phun khói lửa ra nhằm làm ta rối loạn, nhưng gió lại đổi chiều thành ra chúng tự hại mình. Cuối cùng, quân Thanh phải chịu đầu hàng, thái thú Điền châu Sầm Nghi Đống thắt cổ tự tử.

- Trưa mùng 5 Tết, Quang Trung đã dẫn đầu đoàn quân thắng trận tiến vào Thăng Long. Đám tàn quân của giặc tìm về phía đê Yên Duyên gặp phục binh của ta, trốn theo đường Vịnh Kiều lại bị quân voi ở Đại áng dồn xuống đầm Mực giày xáo, chết hàng vạn tên. Một số chạy lên cầu phao, cầu phao đứt, xác người ngựa chết làm tắc cả khúc sông Nhị Hà. Mùng 4 Tết nghe tin quân Tây Sơn tấn công, Tôn Sỹ Nghị và Lê Chiêu Thống đã vội vã bỏ lên biên giới phía bắc. Khi gặp lại nhau, Nghị có vẻ xấu hổ nhưng vẫn huyênh hoang. Cả hai thu nhặt tàn quân, kéo về đất Bắc

**B. Phân tích tác phẩm**

**1. Vẻ đẹp của người anh hùng áo vải Quang Trung**

**1.1.Trước hết Quang Trung là một con người hành động mạnh mẽ quyết đoán**

- Từ đầu đến cuối đoạn trích, Nguyễn Huệ luôn luôn là con người hành động một cách xông xáo, nhanh gọn có chủ đích và rất quả quyết.

- Nghe tin giặc đã đánh chiếm đến tận Thăng Long mất cả một vùng đất đai rộng lớn mà ông không hề nao núng “định thân chinh cầm quân đi ngay”.

- Rồi chỉ trong vòng hơn một tháng, Nguyễn Huệ đã làm được bao nhiêu việc lớn: “tế cáo trời đất”, lên ngôi hoàng đế, dốc xuất đại binh ra Bắc…

**1.2. Đó là một con người có trí tuệ sáng suốt và nhạy bén**

Ngay khi mấy chục vạn quân Thanh do Tôn Sĩ Nghị hùng hổ kéo vào nước ta, thế giặc đang mạnh, tình thế khẩn cấp, vận mệnh đất nước “ngàn cân treo sợi tóc”, Nguyễn Huệ đã quyết định lên ngôi hoàng đế để chính danh vị, lấy niên hiệu là Quang Trung.

Việc lên ngôi đã được tính kỹ với mục đích thống nhất nội bộ, hội tụ anh tài và quan trọng hơn là “để yên kẻ phản trắc và giữ lấy lòng người”, được dân ủng hộ.

\* Sáng suốt trong việc nhận định tình hình địch và ta

- Qua lời dụ tướng sĩ trước lúc lên đường ở Nghệ An, Quang Trung đã chỉ rõ “đất nào sao ấy” người phương Bắc không phải nòi giống nước ta, bụng dạ ắt khác”. Ông còn vạch rõ tội ác của chúng đối với nhân dân ta: “Từ đời nhà hán đến nay, chúng đã mấy phen cướp bóc nước ta, giết hại dân ta, vơ vét của cải, người mình không thể chịu nổi, ai cũng muốn đuổi chúng đi”.

- Quang Trung đã khích lệ tướng sĩ dưới quyền bằng những tấm gương chiến đấu dũng cảm chống giặc ngoại xâm giành lại độc lập của cha ông ta từ ngàn xưa như: Trưng nữ Vương, Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành…

- Quang Trung đã dự kiến được việc Lê Chiêu Thống về nước có thể làm cho một số người Phù Lê “thay lòng đổi dạ” với mình nên ông đã có lời dụ với quân lính chí tình, vừa nghiêm khắc: “các người đều là những người có lương tri, hãy nên cùng ta đồng tâm hiệp lực để dựng lên công lớn. Chớ có quen thói cũ, ăn ở hai lòng, nếu như việc phát giác ra sẽ bị giết chết ngay tức khắc, không tha một ai”.

\* Sáng suốt trong việc sét đoán bê bối

- Trong dịp hội quân ở Tam Điệp, qua lời nói của Quang Trung với Sở và Lân ta thấy rõ: Ông rất hiểu việc rút quân của hai vị tướng giỏi này. Đúng ra thì “quân thua chém tướng” nhưng không hiểu lòng họ, sức mình ít không địch nổi đội quân hùng tướng hổ nhà Thanh nên đành phải bỏ thành Thăng Long rút về Tam Điệp để tập hợp lực lượng. Vậy Sở và Lân không bị trừng phạt mà còn được ngợi khen.

- Đối với Ngô Thì Nhậm, ông đánh giá rất cao và sử dụng như một vị quân sĩ “đa mưu túc trí” việc Sở và Lân rút chạy Quang Trung cũng đoán là do Nhậm chủ mưu, vừa là để bảo toàn lực lượng, vừa gây cho địch sự chủ quan. Ông đã tính đến việc dùng Nhậm là người biết dùng lời khéo léo để dẹp việc binh đao.

**1.3. Quang Trung là người có tầm nhìn xa trông rộng**

- Mới khởi binh đánh giặc, chưa giành được tấc đất nào vậy mà vua Quang Trung đã nói chắc như đinh đóng cột “phương lược tiến đánh đã có tính sẵn”.

- Đang ngồi trên lưng ngựa, Quang Trung đã nói với Nhậm về quyết sách ngoại giao và kế hoạch 10 tới ta hoà bình. Đối với địch, thường thì biết là thắng việc binh đao không thể dứt ngay được vì xỉ nhục của nước lớn còn đó. Nếu “chờ 10 năm nữa ta được yên ổn mà nuôi dưỡng lực lượng, bấy giờ nước giàu quân mạnh thì ta có sợ gì chúng”.

**1.4. Quang Trung là vị tướng có tài thao lược hơn người**

- Cuộc hành quân thần tốc do Quang Trung chỉ huy đến nay vẫn còn làm chúng ta kinh ngạc. Vừa hành quân, vừa đánh giặc mà vua Quang Trung hoạch định kế hoạch từ 25 tháng chạp đến mùng 7 tháng giêng sẽ vào ăn tiết ở Thăng Long, trong thực tế đã vượt mức 2 ngày.

- Hành quân xa, liên tục như vậy nhưng đội quân vẫn chỉnh tề cũng là do tài tổ chức của người cầm quân.

**1.5. Hình ảnh vị vua lẫm liệt trong chiến trận**

- Vua Quang Trung thân chinh cầm quân không phải chỉ trên danh nghĩa. Ông làm tổng chỉ huy chiến dịch thực sự.

- Dưới sự lãnh đạo tài tình của vị tổng chỉ huy này, nghĩa quân Tây Sơn đã đánh những trận thật đẹp, thắng áp đảo kẻ thù.

- Khí thế đội quân làm cho kẻ thù khiếp vía và hình ảnh người anh hùng cũng được khắc hoạ lẫm liệt: trong cảnh “khói tỏ mù trời, cách gang tấc không thấy gì” nổi bật hình ảnh nhà vua “cưỡi voi đi đốc thúc” với tấm áo bào màu đỏ đã sạm đen khói súng.

- Hình ảnh người anh hùng được khắc hoạ khá đậm nét với tính cách mạnh mẽ, trí tuệ sáng suốt, nhạy bén, tài dùng binh như thần; là người tổ chức và là linh hồn của chiến công vĩ đại.

**2. Sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh và số phận bi đát của vua tôi Lê Chiêu Thống phản nước, hại dân đã được miêu tả như thế nào? Em có nhận xét gì về lối văn trần thuật ở đây?**

**2.1. Đối lập với hình ảnh nghĩa quân Tây Sơn là chân dung của kẻ thù xâm lược.**

- Tôn Sỹ Nghị kiêu căng, tự mãn, chủ quan:

+ Kéo quân vào Thăng Long dễ dàng “ngày đi đêm nghỉ” như “đi trên đất bằng”, cho là vô sự, không đề phòng gì, chỉ lảng vảng ở bên bờ sông, lấy thanh thế suông để doạ dẫm.

+ Hơn nữa y còn là một tên tướng bất tài, cầm quân mà không biết tình hình thực hư ra sao. Dù được vua tôi Lê Chiêu Thống báo trước, y vẫn không chút đề phòng suốt mấy ngày Tết “chỉ chăm chú vào việc yến tiệc vui mừng, không hề lo chi đến việc bất chắc”, cho quân lính mặc sắc vui chơi.

- Khi quân Tây Sơn đánh đến nơi, tướng thì sợ mất mật, ngựa không kịp đóng yên, người không kịp mặc giáp… chuồng trước qua cầu phao, quân thì lúc lâm trận “ai nấy đều rụng rời, sợ hãi, xin ra hàng hoặc bỏ chạy toán loạn, giày xéo lên nhau mà chết”, “quân sĩ các doanh nghe thấy đều hoảng hốt, tan tác bỏ chạy, tranh nhau qua cầu sang sông, xô đẩy nhau rơi xuống mà chết rất nhiều”, “đến nỗi nước sông Nhị Hà vì thế mà tắc nghẽn không chảy được nữa”. Cả đội binh hùng, tướng mạnh, chỉ quen diễu võ dương oai bây giờ chỉ còn biết tháo chạy, mạnh ai nấy chạy, “đêm ngày đi gấp, không dám nghỉ ngơi”

\* Nghệ thuật: kể chuyện, xen kẽ với những chi tiết tả thực thật cụ thể, chi tiết, sống động với nhịp điệu nhanh, dồn dập, gấp gáp gợi sự hoảng hốt của kẻ thù. Ngòi bút miêu tả khách quan nhưng vẫn hàm chứng tâm trạng hả hê, sung sướng của người viết cũng như của dân tộc trước thắng lợi của Sơn Tây.

**2.2. Số phận thảm hại của bọn vua tôi Lê Chiêu Thống phản nước, hại dân**

- Lê Chiêu Thống và những bề tôi trung thành của ông ta đã vì lợi ích riêng của dòng họ mà đem vận mệnh của cả dân tộc đặt vào tay kẻ thù xâm lược, lẽ tất nhiên họ phải chịu đựng nỗi sỉ nhục của kẻ đi cầu cạnh, van xin, không còn đâu tư cách bậc quân vương, và kết cục cũng phải chịu chung số phận bi thảm của kẻ vọng quốc.  
- Khi có biến, quân Thanh tan rã, Lê Chiêu Thống vội vã cùng mấy bề tôi thân tín “đưa thái hậu ra ngoài”, chạy bán sống bán chết, cướp cả thuyền dân để qua sông, “luôn mấy ngày không ăn”. May gặp người thổ hào thương tình đón về cho ăn và chỉ đường cho chạy trốn. Đuổi kịp Tôn Sĩ Nghị, vua tôi chỉ còn biết nhìn nhau than thở, oán giận chảy nước mắt, và sau khi sang đến Trung Quốc phải cạo đầu, tết tóc, ăn mặc giống người Mãn Thanh và cuối cùng gửi nắm xương tàn nơi đất khách quê người.

Nghệ thuật: Xen kẽ kể với tả sinh động, cụ thể gây ấn tượng mạnh. Ngòi bút đậm chút xót thương của tác giả bề tôi trung thành của nhà Lê.

So sánh ngòi bút của tác giả khi miêu tả hai cuộc tháo chạy (một của quân tướng nhà Thanh và một của vua tôi Lê Chiêu Thống) có gì khác biệt? Giải thích vì sao có sự khác biệt đó?

- Tất cả đều là tả thực, với những chi tiết cụ thể, nhưng âm hưởng lại rất khác nhau:

- Đoạn văn trên nhịp điệu nhanh, mạnh, hối hả “ngựa không kịp đóng yên, người không kịp mặc áo giáp”, “tan tác bỏ chạy, tranh nhau qua cầu sang sông, xô đẩy nhau…”, ngòi bút miêu tả khách quan nhưng vẫn hàm chứa tâm trạng hả hê, sung sướng của người thắng trận trước sự thảm bại của lũ cướp nước.

- Ở đoạn văn dưới, nhịp điệu có chậm hơn, tác giả dừng lại miêu tả tỉ mỉ những giọt nước mắt thương cảm của người thổ hào, nước mắt tủi hổ của vua tôi Lê Chiêu Thống, cuộc thiết đãi thịnh tình “giết gà, làm cơm” của kẻ bề tôi… âm hưởng có phần ngậm ngùi, chua xót. Là những cựu thần của nhà Lê, các tác giả không thể không mủi lòng trước sự sụp đổ của một vương triều mà mình từng phụng thờ, tuy

vẫn hiểu đó là kết cục không thể tránh khỏi.

**Tổng kết:**

**Nội dung:**

– Với quan điểm lịch sử đúng đắn và niềm tự hào dân tộc, các tác giả *“Hoàng lê nhất thống chí”*đã tái hiện chân thực hình ảnh người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ qua chiến công thần tốc đại phá quân Thanh, sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh và số phận bi đát của vua tôi Lê Chiêu Thống.

**Nghệ thuật:**

– Cách trần thuật đặc sắc.

– Ghi lại những sự kiện lịch sử diễn biến gấp gáp, khẩn trương qua từng mốc thời gian.

– Miêu tả cụ thể từng hành động, lời nói của nhân vật chính,từng trận đánh và những mưu lược tính toán, thế đối lập giữa hai đội quân ( một bên thì xộc xệch, trễ nải, nhát gan; một bên thì xông xáo dũng mãnh, nghiêm minh).

– Hình ảnh người anh hùng Nguyễn Huệ được khắc họa khá đậm nét, có tính cách quả cảm, mạnh mẽ, có trí tuệ sáng suốt, có tài dụng binh như thần, là người có tổ chức và là linh hồn của những chiến công vĩ đại.

– Một sự mâu thuẫn: Nhan đề mang ý nghĩa ca ngợi nhà Lê,nhưng nội dung tác phẩm lại vạch rõ sự thối nát, mục ruỗng của triều đình nhà Lê, và ca ngợi người anh hùng áo vải Tây Sơn Nguyễn Huệ.

**III. Một số câu hỏi**

**Qua đoạn trích tác phẩm, em cảm nhận hình ảnh người anh hùng dân tộc Quang Trung – Nguyễn Huệ như thế nào? Theo em, nguồn cảm hứng nào đã chi phối ngòi bút tác giả khi tạo dựng hình ảnh người anh hùng dân tộc này?**

**Gợi ý**

**1.** [**Hình tượng người anh hùng Nguyễn Huệ**](http://thcsdaoduytuhn.vn/)**:**

**a. Con người hành động với tính cách mạnh mẽ, quyết đoán:**

\* Trong mọi tình huống, Nguyễn Huệ luôn thể hiện là con người hành động với tính cách mạnh mẽ, quyết đoán. Ông luôn xông xáo, giải quyết nhanh gọn và có chủ đích. Điều đó thể hiện qua từng thái độ, từng hành động của nhân vật:

– Nhận được tin giặc chiếm Thăng Long thì *“giận lắm”,”định thân chinh cầm quân đi ngay”.*

– Chỉ trong vòng hơn một tháng, Nguyễn Huệ đã làm rất nhiều việc lớn:

+ Tế cáo trời đất, lên ngôi hoàng đế để *“chính vị hiệu”,”giữ lấy lòng người”.*

+ Tự mình *“đốc suất đạo binh”* ra Bắc.

+ Tìm gặp người cống sĩ ở huyện La Sơn là Nguyễn Thiếp để hỏi kế sách.

+ Tuyển mộ quân sĩ và *“mở cuộc duyệt binh lớn”* ở Nghệ An, phủ dụ tướng sĩ.

**b. Con người có trí tuệ sáng suốt, nhạy bén trước thời cuộc:**

– Sáng suốt trong việc phân tích tình hình thời cuộc, thế tương quan giữa ta và địch. Trong lời phủ dụ quân sĩ ở Nghệ An:

+ Nguyễn Huệ đã khẳng định chủ quyền của dân tộc*(“đất nào sao ấy, đều đã phân biệt rõ ràng”)*và lên án hành động xâm lăng phi nghĩa, trái đạo trời của quân Thanh, nêu bật dã tâm của chúng*(“bụng dạ ắt khác…cướp bóc nước ta, giết hại nhân dân, vơ vét của cải”)*

+ Nhắc lại truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta.

+ Kêu gọi quân lính đồng tâm hiệp lực, ra kỉ luật nghiêm.

=> Lời phủ dụ có thể xem như một bài hịch ngắn gọn mà ý tứ phong phú, sâu xa, nó tác động, kích thích lòng yêu nước, ý chí quật cường của dân tộc.

– Sáng suốt trong việc xét đoán và dùng người: Thể hiện qua cách xử trí  vừa có lí  vừa có tình với các tướng sĩ tại Tam Điệp.Ông rất hiểu tướng sĩ, hiểu tường tận năng lực của bề tôi, khen chê đúng người đúng việc.

**c. Con người có ý chí quết thắng và tầm nhìn xa trông rộng:**

– Mới khởi binh, chưa lấy được tấc đất nào, vậy mà Quang Trung đã tuyên bố chắc nịch *“phương lược tiến đánh đã có sẵn”, “Chẳng qua mươi ngay có thể đuổi được người Thanh”.*

– Biết trước kẻ thù *“lớn gấp mười nước mình”,* bị thua một trận *“ắt lấy làm thẹn mà lo mưu báo thù”*khiến việc binh đao không bao giờ dứt nên Nguyễn Huệ còn tính sẵn cả kế hoạch ngoại giao sau chiến thắng để có thời gian *“yên ổn mà nuôi dưỡng lực lượng”,* làm cho nước giàu quân mạnh.

**d. Con người có  tài dụng binh như thần:**

– Cuộc hành quân thần tốc của nghĩa quân Tây Sơn do vua Quang Trung chỉ huy:

Ngày 25 tháng Chạp xuất quân từ Phú Xuân(Huế),ngày 29 đã tới Nghệ An, vượt khoảng 350km qua núi, qua đèo. Đến Nghệ An, vừa tuyển quân, tổ chức đội ngũ, vừa duyệt binh, chỉ trong vòng một ngày. Hôm sau, tiến quân ra Tam Điệp(cách khoảng 150km). Và đêm 30 tháng Chạp đã *“lập tức lên đường”,* tiến quân ra Thăng Long. Mà tất cả đều là đi bộ. Có sách còn nói vua [Quang Trung](http://thcsdaoduytuhn.vn/) sử dụng cả biện pháp dùng võng khiêng, cứ hai người khiêng thì một người được nằm nghỉ, luân phiên nhau suốt đêm ngày. Từ Tam Điệp ra Thăng Long (khoảng hơn 150km), vừa hành quân, vừa đánh giặc mà vua Quang Trung định kế hoạch chỉ trong vòng 7 ngày, mồng 7 tháng Giêng sẽ vào ăn Tết ở Thăng Long. Trên thực tế, đã thực hiện kế hoạch sớm hai ngày: trưa mồng 5 đã vào Thăng Long.

– Hành quân xa liên tục như vậy, thường quân đội sẽ mệt mỏi,rã rời, nhưng nghĩa binh Tây Sơn *“cơ nào đội ấy vẫn chỉnh tề”,”từ quân đến tướng, hết thảy cả năm đạo quân đều vâng mệnh lệnh, một lòng một chí quyết chiến quyết thắng”.* Đó là nhờ tài năng quân sự lỗi lạc ở người cầm quân:  hơn một vạn quân mới tuyển đặt ở trung quân, còn quân tinh nhuệ từ đất Thuận Quảng ra thì bao bọc ở bốn doanh tiền, hậu, tả, hữu.

– Tổ chức các trận đánh hợp lí, ít hao tổn binh lực:

+ Trận Hà Hồi …không cần đánh.

+ Trận Ngọc Hồi…được thành.

**e. Hình ảnh vị anh hùng lẫm liệt trong chiến trận:**

– Là một tổng chỉ huy chiến dịch thực sự: thân chinh cầm quân ra trận, vừa hoạch định chiến lược, sách lược, vừa trực tiếp tổ chức quân sĩ, bài binh bố trận, vừa tự mình thống lĩnh một mũi tiến công, cưỡi voi đi đốc thúc, xông pha nơi trận tiền.

– Hình ảnh người thủ lĩnh ấy đã làm quân sĩ nức lòng, tạo niềm tin quyết chiến quyết thắng, đồng thời khiến kẻ thù kinh hồn bạt vía, rơi vào cảnh đại bại nhanh chóng.

– Ngòi bút trần thuật như thần làm hình ảnh vị vua xung trận giữa làn đạn, cưỡi voi tả đột hữu xung, áo bào đỏ đã sạm đen khói súng thực là lẫm liệt.

**2. Chân dung bọn cướp nước và bán nước:**

– Đối lập với hình ảnh nghĩa quân Tây Sơn là chân dung của kẻ thù xâm lược. Kéo quân vào Thăng Long rất dễ dàng, như *“đi trên đất bằng”,* quân Thanh đã quá chủ quan, cho là vô sự, không đề phòng gì. Lính thì rời doanh trại để đi kiếm củi, buôn bán ở chợ;tướng thì suốt ngày lo yến tiệc, cờ bạc. Vì vậy, khi bị quân Tây Sơn tiến công bất ngờ đúng vào thời điểm Tết Âm lịch, quân Thanh ở các thành đã không kịp trở tay, *“rụng rời sợ hãi”,*chống không nổi *“bỏ chạy toán loạn,giày xéo lên nhau mà chết”,”thây chất đầy đồng, máu chảy thành suối”*đến nỗi nước sông Nhị Hà vì thế mà tắc nghẽn không chảy được nữa. Nhục nhã nhất là hình ảnh Tôn Sĩ Nghị *“sợ mất mật, ngựa không kịp đóng yên, người không kịp mặc áo giáp, dẫn bọn lính kị mã của mình chuồn trước qua cầu phao, rồi nhằm hướng bắc mà chạy”…*

– Số phận những kẻ bán nước là[Lê Chiêu Thống](http://thcsdaoduytuhn.vn/) và những kẻ bề tôi của hắn cũng không kém phần thảm hại. Vì mưu lợi ích  riêng của dòng họ, vua Lê Chiêu Thống đã làm cái trò bỉ ổi *“cõng rắn cắn gà nhà”, “rước voi giày mả tổ”,* cúi đầu chịu đựng nỗi nhục của kẻ đi cầu cạnh, van xin. Để rồi khi quân Thanh tan rã, cả bọn vội vã chạy bán sống, bán chết, chịu đói, chịu nhục, chỉ biết *“nhìn nhau than thở, oán giận chảy nước mắt”.*

=> Có thể thấy rõ chất hiện thực trong bức tranh miêu tả của các tác giả. Dù là những kẻ tôi trung với nhà Lê, và trong cách miêu tả cảnh khốn quẫn của vua Lê Chiêu Thống, các tác giả vẫn thể hiện sự ngậm ngùi,thương cảm, nhưng quan điểm tôn trọng lịch sử và ý thức dân tộc của những trí thức đã giúp họ phản ánh đúng diễn biến lịch sử, làm nổi bật hành động “*cõng rắn cắn gà nhà”* của ông vua phản nước Lê Chiêu Thống cũng như tô đậm chiến công lẫy lừng của người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ và nghĩa quân Tây Sơn.Đó chính là một trong những yếu tố tạo nên giá trị tác phẩm.

**Câu hỏi 2: Ngòi bút của tác giả khi miêu tả hai cuộc tháo chạy (một của quân tướng nhà Thanh và một của vua tôi Lê Chiêu Thống) có gì khác biệt? Hãy giải thích vì sao có sự khác biệt đó.**

**Gợi ý:**

– Tất cả đều tả thực, với những chi tiết cụ thể, nhưng âm hưởng lại khác nhau:

+ Đoạn văn trên nhịp điệu nhanh, mạnh, hối hả, ngòi bút miêu tả khách quan nhưng vẫn hả hê sung sướng của người thắng trận trước sự thảm bại của lũ cướp nước.

+ Đoạn văn dưới nhịp điệu chậm hơn, miêu tả tỉ mỉ giọt nước mắt của người thổ hào, nước mắt tủi hổ của vua tôi nhà Lê… Âm hưởng có phần ngậm ngùi, chua xót.

– Vì các tác giả đều là những cựu thần của nhà Lê, nên không thể không có sự thương xót, ngậm ngùi cho tình cảnh của vua tôi Lê Chiêu Thống.Đấy là điều tạo nên sự khác biệt trong thái độ và cách miêu tả hai cuộc tháochạy.

**Câu 3: Đọc đoạn văn:**

“- Quân Thanh sang xâm lấn nước ta, hiện ở Thăng Long, các ngươi đã biết chưa? Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao ấy, đều đã phân biệt rõ ràng, phương Nam, phương Bắc chia nhau mà cai trị. Người phương Bắc không phải nòi giống nước ta, bụng dạ ắt khác. Từ đời nhà Hán đến nay, chúng đã mấy phen cướp bóc nước ta, giết hại nhân dân, vơ vét của cải, người mình không thể chịu nổi, ai cũng muốn đuổi chúng đi. Đời Hán có Trưng Nữ Vương, đời Tống có Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, đời Nguyên có Trần Hưng Đạo, đời Minh có Lê Thái Tổ, các ngài không nỡ ngồi nhìn chúng làm điều tàn bạo, nên đã thuận lòng người, dấy nghĩa quân, đều chỉ đánh một trận là thắng và đuổi được chúng về phương Bắc. Ở các thời ấy, Bắc, Nam riêng phận, bờ cõi lặng yên, các vua truyền ngôi lâu dài. Từ đời nhà Đinh tới đây, dân ta không đến nỗi khổ như hồi nội thuộc xưa kia. Mọi việc lợi, hại, được, mất ấy đều là chuyện cũ rành rành của các triều đại trước. Nay người Thanh lại sang, mưu đồ lấy nước Nam ta đặt làm quận huyện, không biết trông gương mấy đời Tống, Nguyên, Minh ngày xưa. Vì vậy, ta phải kéo quân ra đánh đuổi chúng. Các ngươi đều là những kẻ có lương tri, lương năng, hãy nên cùng ta đồng tâm hiệp lực, để dựng nên công lớn. Chớ có quen theo thói cũ, ăn ở hai lòng, nếu như việc phát giác ra, sẽ bị giết chết ngay tức khắc, không tha một ai, chớ bảo là ta không nói trước!”

(Hoàng Lê nhất thống chí – Hồi thứ mười bốn – Ngô gia văn phái, Ngữ văn 9, Tập một, NXB GD. H. 2009. tr 66)

**Có ý kiến nhận xét: Đọc lời dụ tướng sĩ của vua Quang Trung – Nguyễn Huệ, ta nghe như âm vang của Nam quốc sơn hà (Lý Thường Kiệt), Hịch tướng sĩ (Trần Quốc Tuấn), Bình Ngô đại cáo (Nguyễn Trãi).**

**Em hãy phân tích lời dụ tướng sĩ của vua Quang Trung – Nguyễn Huệ và làm sáng tỏ nhận xét trên.**

***Gợi ý:***

**1. Giới thiệu khái quát về “Hoàng Lê nhất thống chí” và hồi thứ mười bốn của tác phẩm.**

– “Hoàng Lê nhất thống chí” do một nhóm tác giả thuộc dòng họ Ngô Thì ở làng Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Hà Nội). Tác phẩm là cuốn tiểu thuyết lịch sử viết theo lối chương hồi. Cuốn tiểu thuyết có tất cả 17 hồi viết ở những thời điểm khác nhau, tái hiện một giai đoạn lịch sử đầy biến động của xã hội phong kiến Việt Nam vào khoảng ba mươi năm cuối của thế kỷ XVIII và mấy năm đầu thế kỷ XIX.

– Hồi thứ mười bốn thể hiện niềm tự hào dân tộc của các tác giả qua việc tái hiện chân thực hình ảnh người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ qua chiến công thần tốc đại phá quân Thanh, sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh và số phận bi đát của vua tôi Lê Chiêu Thống.

**2. Khái quát vẻ đẹp của người anh hùng dân tộc Quang Trung – Nguyễn Huệ trong “Hoàng Lê nhất thống chí” (hồi thứ mười bốn).**

Trong lịch sử các triều đại Việt Nam, Quang Trung là một vị vua văn võ toàn tài, có công lao lớn trong sự nghiệp đánh đuổi giặc ngoại xâm. Nhân vật lịch sử đi vào văn chương như một hình ảnh đẹp. “Hoàng Lê nhất thống chí” (hồi thứ mười bốn) đã làm toát lên vẻ đẹp hào hùng của người anh hùng áo vải trong chiến công lừng lẫy đại phá quân Thanh: là một vị vua yêu nước thương dân; là người có trí tuệ sáng suốt, nhạy bén; có tầm nhìn xa trông rộng; hành động mạnh mẽ quyết đoán, tài dụng binh như thần; ý chí quyết chiến quyết thắng…

**3. Lời dụ tướng sĩ của vua Quang Trung thể hiện sự anh minh sáng suốt và mang âm hưởng hào hùng của các tác phẩm: Nam quốc sơn hà (Lý Thường Kiệt), Hịch tướng sĩ (Trần Quốc Tuấn), Bình Ngô đại cáo (Nguyễn Trãi).**

a. Trước hết, vua Quang Trung khẳng định chủ quyền của dân tộc.

“Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao ấy, đều đã phân biệt rõ ràng, phương Nam, phương Bắc chia nhau mà cai trị”. Đó cùng là lời tuyên bố chủ quyền lãnh thổ của dân tộc trong “Nam quốc sơn hà” (Lý Thường Kiệt): “Nam quốc sơn hà Nam đế cư – Tiệt nhiên định phận tại thiên thư” (Sông núi nước Nam vua Nam ở – Rành rành định phận ở sách trời); trong “Bình Ngô đại cáo” (Nguyễn Trãi): “Như nước Đại Việt ta từ trước – Vốn xưng nền văn hiến đã lâu – Núi sông bờ cõi đã chia – Phong tục Bắc Nam cũng khác – Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời gây nền độc lập – Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên hùng cứ một phương”

b. Tiếp đến, ông nêu bật dã tâm của giặc để thổi bùng lên ngọn lửa căm thù giặc trong lòng tướng sĩ.

“Người phương Bắc không phải nòi giống nước ta, bụng dạ ắt khác. Từ đời nhà Hán đến nay, chúng đã mấy phen cướp bóc nước ta, giết hại nhân dân, vơ vét của cải, người mình không thể chịu nổi, ai cũng muốn đuổi chúng đi”, “Nay người Thanh lại sang, mưu đồ lấy nước Nam ta đặt làm quận huyện, không biết trông gương mấy đời Tống, Nguyên, Minh ngày xưa”. Hành động xâm lược của “giặc dữ” (nghịch lỗ) là hành động phi nhân nghĩa, trái đạo trời. Tội ác của giặc ngoại xâm được Trần Quốc Tuấn chỉ rõ “Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ…thật khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho để khỏi tai vạ về sau” (Hịch tướng sĩ). Nguyễn Trãi cũng đã vạch trần: “Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn – Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ – Dối trời lừa dân đủ trăm ngàn kế…”, “Độc ác thay trúc Nam Sơn không ghi hết tội…” Đúng là tội ác “Trời không dung, đất không tha”.

c. Sau đó, ông nhắc lại truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta.

“Đời Hán có Trưng Nữ Vương, đời Tống có Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, đời Nguyên có Trần Hưng Đạo, đời Minh có Lê Thái Tổ, các ngài không nỡ ngồi nhìn chúng làm điều tàn bạo, nên đã thuận lòng người, dấy nghĩa quân, đều chỉ đánh một trận là thắng và đuổi được chúng về phương Bắc”.

Lời phủ dụ tướng sĩ của người anh hùng áo vải Quang Trung trong cuộc đại phá quân Thanh đã nhắc đến Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn – một tấm gương yêu nước bất khuất có tác dụng động viên to lớn đối với các tướng sĩ. Ý chí tinh thần chống giặc ngoại xâm trong bài hịch như còn mãi âm vang: “Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa… Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng”. (Hịch tướng sĩ)  
Tấm gương Lê Thái Tổ không nỡ ngồi nhìn giặc Minh làm điều tàn bạo đã dấy nghĩa quân: “Gươm mài đá, đá núi cũng mòn…Tổ kiến hổng phá toang đê vỡ”. Đó là những dẫn chứng xác thực về lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc: “Tuy mạnh yếu nhiều lúc khác nhau – Song hào kiệt đời nào cũng có”, “Việc xưa xem xét – Chứng cứ còn ghi” (Bình Ngô đại cáo).

d. Từ đó, ông bày tỏ lòng tin vào binh lính và kêu gọi họ dốc lòng, dốc sức vì sự nghiệp chung đánh đuổi kẻ thù để bảo vệ chủ quyền của dân tộc.

“Vì vậy, ta phải kéo quân ra đánh đuổi chúng. Các ngươi đều là những kẻ có lương tri, lương năng, hãy nên cùng ta đồng tâm hiệp lực, để dựng nên công lớn”. Lời hiệu triệu toàn dân đứng lên đánh giặc giữ nước của vua Quang Trung cũng là lời khích lệ tinh thần chiến đấu của Trần Quốc Tuấn đối với các tướng dưới quyền: nêu cao tinh thần cảnh giác, chăm lo tập luyện cung tên, học tập “Binh thư yếu lược”. Đó cũng là lời của Nguyễn Trãi: “Nhân dân bốn cõi một nhà … Hoà nước sông chén rượu ngọt ngào”.

e. Cuối cùng, ông khẳng định quyết tâm sắt đá đánh đuổi quân xâm lược nhà Thanh, đồng thời cũng tuyên bố kỷ luật nghiêm minh của quân đội để răn đe những kẻ bạc nhược có ý ăn ở hai lòng.

“Chớ có quen theo thói cũ, ăn ở hai lòng, nếu như việc phát giác ra, sẽ bị giết chết ngay tức khắc, không tha một ai, chớ bảo là ta không nói trước!”. Đó cũng là thái độ nghiêm khắc của Trần Quốc Tuấn chỉ ra con đường: sống – chết, vinh – nhục; đạo thần chủ – kẻ nghịch thù để tướng sĩ thấy rõ chỉ có thể chọn một hoặc địch – hoặc ta chứ không có chỗ đứng cho những kẻ bàng quan thờ ơ trước thời cuộc.

4. Khẳng định và nêu suy nghĩ bản thân.

– Lời phủ dụ tướng sĩ của vua Quang Trung – Nguyễn Huệ tại cuộc duyệt binh lớn ở Nghệ An có thể xem như một bài hịch ngắn gọn, lập luận chặt chẽ, lời lẽ đanh thép, giọng điệu hào hùng mà ý tứ thật phong phú sâu xa, có tác dụng kích thích lòng yêu nước và truyền thống quật khởi của dân tộc.

– Trí tuệ, tấc lòng của một vị vua vì nghĩa lớn đã mạnh hơn thiên kiến giai cấp của các tác giả. Chính vì vậy mà các tác giả của “Hoàng Lê nhất thống chí” đã xây dựng một tượng đài bất hủ về người anh hùng Nguyễn Huệ – một hình ảnh hiếm thấy trong lịch sử.

– Tinh thần yêu nước là sợi chỉ hồng xuyên suốt, là một trong những giá trị nổi bật nhất của văn học Việt Nam. Các tác phẩm: Nam quốc sơn hà, Hịch tướng sĩ, Bình Ngô đại cáo, Hoàng Lê nhất thống chí mãi là những viên ngọc quý của văn chương dân tộc, lấp lánh nguồn cảm hứng yêu nước. Tự hào về chiến công của cha ông khi phá Tống, đuổi Nguyên, bình Ngô, đạp Thanh… ta cần giữ gìn phát huy truyền thống ấy hơn nữa để xứng đáng là con Lạc, cháu Hồng.

|  |
| --- |
| **Đề bài**: Hình tượng người anh hùng dân tộc Quang Trung hiện lên thật cao đệp trong hồi thứ mười bốn của tác phẩm *Hoàng Lê nhất thống chí*. Đó là một con người có khí phách hào hùng, trí tuệ sáng suốt và tài thao lược hơn người.  Em hãy làm rõ điều đó qua việc phân tích trích đoạn *Hoàng Lê nhất thống chí* được in trong sách *Ngữ văn 9.* |

# MỞ BÀI

Trong nền văn học cổ Việt Nam, tác phẩm *Hoàng Lê nhất thống chí* được coi là một cuốn tiểu thuyết tiêu biểu viết bằng chữ Hán của Ngô gia văn phái. Tác phẩm là một bức tranh hiện thực rộng lớn về xã hội phong kiến Việt Nam khoảng 30 năm cuối thế kỉ XVIII và mấy năm đầu thế kỉ XIX. Mười bảy hồi của tác phẩm đã ghi lại cuộc sống thối nát của vua quan triều Lê - Trịnh và phong trào phát triển của phong trào Tây Sơn với hình tượng người anh hùng Nguyễn Huệ đánh thắng thù trong giặc ngoài.

Hồi thứ 14 của tác phẩm đã kể lại lần thứ 3 ra Bắc của Nguyễn huệ với chiến công thần kỳ vào bậc nhất trong lịch sử đại phá 20 vạn quân Thanh chỉ trong 10 ngày và ở đây, hình tượng người anh hùng áo vải Quang Trung với khí phách hào hùng, trí tuệ sáng suốt, tài thao lược hơn người mãi mãi là hình ảnh đẹp trong những trang lịch sử chói ngời của dân tộc.

# THÂN BÀI

1. **Trước hết ở Quang Trung là hình ảnh vị hoàng đế có trí tuệ sáng suốt, có hành động mạnh mẽ quyết đoán.**

- Sự sáng suốt của Nguyễn Huệ chính là ở việc nhận định tình hình và quyết định lên ngôi hoàng đế:

+ Khi 20 vạn quân Thanh tràn vào đất Bắc Hà chiếm giữ kinh thành Thăng Long thì lúc đó Nguyễn Huệ mới chỉ là Bắc Bình Vương đang ở Phú Xuân. Nhận được tin cấp báo Nguyễn Huệ đã định “*thân chinh cầm quân đi ngay*” song trước lời bàn của các tướng sĩ, ông đã nhận thấy rằng cần phải lên ngôi hoàng đế, chính vị niên hiệu rồi mới đàng hoàng xuất quân. Ở cương vị của Nguyễn Huệ, việc tiếp thu lời bàn của các tướng sĩ, biết lắng nghe và thực thi những điều ngoài ý định của mình, đó chính là một sự sáng suốt, sự sáng suốt của vị chỉ huy biết làm gì để đem đến những lợi chung cho sự nghiệp. Cho nên chỉ trong một ngày Nguyễn Huệ đã làm xong 2 việc lớn: lên ngôi hoàng đế, lấy niên hiệu Quang Trung và cũng ngày 25 tháng Chạp, Mậu Thân, đã kịp thời hạ lệnh xuất quân. Việc lên ngôi trong tình thế cấp bách ấy đủ để thấy sự sáng suốt trong trái tim của con người luôn biết vì đất nước.

+ Quang Trung còn là người mưu lược sáng suốt khi nhận định tình hình của giặc, của ta. Ta hãy nghe Quang Trung dụ tướng sĩ trước lúc lên đường ra Bắc: “*trong khoảng vũ trụ đất nào sao ấy đều đã*

*phân biệt rõ ràng …*”. Và để khích lệ lòng yêu nước của tướng sĩ, để nêu bật chính nghĩa của ta và sự phi nghĩa của địch, ông đã dẫn ra một hệ thống song hành liên tục: cứ một triều đại phong kiến phương Bắc thì đi liền với một nhân vật kiệt xuất, tiêu biểu phương Nam. Rồi để giúp tướng sĩ nhận ra chân tướng “Phù Lê diệt Trịnh” của Tôn Sĩ Nghị, nhận ra dã tâm, bản chất xâm lược của quân Thanh. Ông khéo léo khích lệ tướng sĩ khi ngợi ca truyền thống đánh giặc của tổ tiên để từ đó mà kêu gọi tướng sĩ “*những kẻ có lương tri, lương năng hãy nên cùng ta đồng tâm hiệp lực để dựng nên công lớn*”. Lời lẽ phân tích của đấng minh quân thật rõ ràng, lập luật thật chặt chẽ khiến ta nhớ tới “Hịch tướng sĩ” của Trần Quốc Tuấn và nhớ tới “Nam quốc sơn hà” của Lý Thường Kiệt. Có thể nói Quang Trung thật sáng suốt khi nhậns thấy rõ bản chất của kẻ thù và cũng rất sáng suốt khi khơi gợi lòng yêu nước cho nên quân lính nhất nhất “*xin vâng lệnh không dám hai lòng*”.

* Ở Quang Trung còn là sự quyết đoán mưu lược trước mọi biến cố, quyết đoán trong việc nhìn nhận bề tôi, ở cương vị hoàng đế việc nhìn nhận bề tôi là một điều quan trọng. Qua lời lẽ phân tích của ông đối với Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân, những người mà đáng lẽ ra đang có tội “*quân thua chém tướng*” song Quang Trung rất hiểu năng lực của họ cho nên ông đã nhận rõ các tướng lĩnh của mình đều là “*hạng võ dũng, chỉ biết gặp giặc là đánh, đến việc tuỳ cơ ứng biến là không có tài*”. Vì thế ông đã xếp Ngô Thì Nhậm hỗ trợ cho họ. Hiểu rõ tướng lĩnh của mình, Quang Trung không phạt họ mà trái lại họ còn an ủi động viên họ “*biết lo xa biết làm cho kẻ địch chủ quan kiêu ngạo*”. Cách hiểu người, dùng người đến mức tri âm tri kỷ mà sáng suốt như thế chỉ có ở Quang Trung. Nhờ có sự sáng suốt am hiểu bề tôi tường tận, ân uy đúng mực như vậy bậc anh quân đó đã tập hợp, tổ chức được lực lượng giống như Lê Lợi xưa kia:

“*Nhân dân bốn cõi một nhà, dựng cần trúc, ngọn cờ phấp phới Tướng sĩ một lòng phu tử, hoà nước song chén rượu ngọt ngào”*

* Ở Quang Trung ta còn thấy một sự sáng suốt thật đáng quý, đó là tầm nhìn xa trông rộng. Cho dù quân Thanh đang đóng gần hết đất Bắc Hà nhưng nhờ sự sáng suốt tự tin, mưu lược tiến đánh đã sẵn “*mười ngày đánh đuổi người Thanh*”. Nhưng đó không phải là cái đích lớn mà đích lớn Quang Trung tính đến đó là “*khéo lời lẽ để dẹp yên binh đao*” cho nên Nguyễn Huệ đã sáng suốt chọn Ngô Thì Nhậm vào việc giao dịch với nhà Thanh sau này. Nhưng tầm nhìn của ông còn xa hơn nữa. Ngay cả khi ngồi trên lưng voi trước trận đánh, Quang Trung đã chuẩn bị kế hoạch cho mười năm sau, quả là một nhà chính trị văn hoá, một đấng minh quân, một người anh hùng tài trí có tầm nhìn chiến lược sâu sắc biết bao.

\* Qua việc phân tích tình hình ta, địch, qua việc chuẩn bị kế hoạch 10 năm xây dựng Đại Việt ta có thể khẳng định Quang Trung là con người có tài trí sáng suốt. Đó là điều cần thiết ở một đấng minh quân mà không phải ai cũng có được.

# Dưới ngòi bút của tác giả Ngô gia văn phái, nhân vật người anh hùng áo vải còn mang vẻ đẹp của vị tướng có tài thao lược hơn người.

+ Tài thao lược của Nguyễn Huệ ở đoạn trích hồi thứ 14 đó là sự nhanh nhẹn của một nhà quân sự, một bậc kỳ tài trong việc dùng binh. Dưới sự sáng suốt trong việc chỉ huy của Quang Trung, đội quân của ông đã lớn mạnh không ngừng. Sáng suốt trong việc nhận định tình hình của giặc để rồi chớp lấy thời cơ, tổ chức chiến dịch thần tốc có một không hai trong lịch sử. Nghệ thuật cầm quân và tài năng quân sự, tài thao lược của Quang Trung chính là ở phương diện thần tốc bất ngờ.

+ Tài thao lược của Quang Trung thể hiện ở phương diện chỉ huy thần tốc mà cho đến nay chúng ta vẫn chưa hết ngạc nhiên: tại sao Nguyễn Huệ có thể vượt qua quãng đường từ Phú Xuân đến Thăng Long chóng vánh, hơn bốn trăm dặm mét trong bốn ngày, một tốc độ di chuyển quân thần tốc và cũng một tốc độ tuyển quân thần kỳ: cứ 3 suất đinh thì lấy 1. Rồi lạ chỉ trong một ngày 30 Tết mà có thể tổ chức được cho quân lính ăn Tết rồi kịp ban bố lời dụ về chủ quyền đất nước. Đó cũng là một ngày đủ để chia thành 5 đoạ quân tiến về Thăng Long rồi dám dự tính đánh tan quân Thanh vào ngày 7 tháng giêng. Tất cả những công việc to lớn ấy chỉ diễn ra trong thời gian tính bằng ngày. Không phải là một bậc kỳ tài thì không thể làm nổi, đó chính là điều kỳ diệu của Quang Trung.

+ Tài thao lược của Quang Trung còn thể hiện rõ khi chọn cách đánh bất ngờ, biết giặc kiêu căng khinh suất là tổ chức đánh ngay, biết chọn tướng chỉ huy, hoạch định hướng tiến công, phối hợp giữa các cánh quân. Kết quả tài thao lược được thể hiện rõ ở đồn Hà Hồi, Ngọc Hồi khiến quân Thanh không kịp trở tay. Cách đánh bất ngờ thần tốc táo bạo đến mức khi quân Tây Sơn kéo vào thành Thăng Long, Tôn Sĩ Nghị không hề được tin cấp báo . Vì vậy quân tướng nhà Thanh nhìn thấy quân Tây Sơn như nhìn thấy “*tướng ở trên trời rơi xuống, quân ở dưới đất chui lên*”. Sự thảm bại của quân Thanh là kết quả tất yếu (so sánh với Bình ngô đại cáo)

“*Thành Đan Xá thây chết đầy núi …*.”

 Quang Trung cùng với đội quân của mình đánh dấu thêm mốc son chói lọi trong những trang lịch sử hào hùng của dân tộc.

# Hình ảnh Quang Trung – khí phách hào hùng lẫm liệt.

Quang Trung cưỡi voi chỉ huy chiến dịch thần tốc nhưng phong thái ung dung tỉnh táo khác thường. Quang Trung đã tự tin khẳng định 10 ngày đánh đuổi quân Thanh thể hiện trí tuệm sáng suốt, biết làm chủ trong mọi tình thế. Chính phong thái ung dung tự tin của con người có tài thao lược đã tô đậm vẻ đẹp khí phách hào hùng.

Dưới những trang văn hào hùng mang tính sử thi của đoạn trích, ta như nhìn thấy hình ảnh Quang Trung khoác áo bào đỏ cưỡi trên lưng voi chỉ huy 1 đội quân dàn trận chữ “Nhất” tiến vào Thăng Long.

“*Ba quân đội ngũ chỉnh tề tiến Trăm họ chật đường vui tiếp nghênh.”*

* Trong lịch sử phong kiến Việt Nam đã có nhiều ông vua từng thân chinh cầm quân đánh giặc nhưng vừa nắm quyền chỉ huy, vừa quyết đoán phương lược, vừa đốc xuất chiến dịch và đi với một mũi tiến công xông pha nơi hòn tên mũi đạn thì chỉ có một Quang Trung. Trong ánh sáng lờ mờ của buổi ban mai, trong khói toả mù trời của súng đạn, Quang Trung với khí phách lẫm liệt, hào hùng đã khắc tạo một hình tượng đẹp trong chiến trận. Hình ảnh ấy đã được sử sách còn ghi lại “ngày mồng 5 tháng Giêng năm Kỷ Dậu” tấm áo bào đỏ của quang Trung sạm đen khói súng. Quang Trung đã trở thành một hình tượng đẹp đẽ về người anh hùng với khí phách hiên ngang lẫm liệt trong văn học cổ Việt Nam, trở thành một tượng đài bất hủ trong văn học cổ dân tộc.
* Các tác giả Ngô gia văn phái là những cựu thần, chịu ơn sâu nghĩa nặng của nhà Lê nhưng họ đã không thể bỏ qua sự thực là ông vua nhà Lê hèn yếu cõng rắn cắn gà nhà và chiến công lừng lẫy của vua Quang Trung là niềm tự hào lớn lao của cả dân tộc. Họ là những người tôn trọng sự thực lịch sử và có ý thức dân tộc bởi thế họ viết thực và hay về người anh hùng dân tộc Quang Trung.

# KẾT LUẬN

* Ở tác phẩm *Hoàng Lê nhất thống chí* hồi thứ 14 là một sự cống hiến vô giá của các tác giả về những trang tư liệu hào hùng trong lịch sử dân tộc qua việc khắc hoạ vẻ đẹp của hình tượng người anh hùng Quang Trung. Hình ảnh Quang Trung trong đoạn trích giống như một thứ ánh sáng trong những phút đầu còn le lói nhưng vẫn sáng ấy, mỗi lúc một cao rộng, lan toả để rồi khắc sâu vào tâm khảm chúng ta vẻ đẹp trí tuệ sáng suốt, tài thao lược hơn người và một khí phách hào hùng lẫm liệt.
* Vẻ đẹp của Quang Trung trong khúc khải hoàn ca chiến thắng còn in dấu trong những câu thơ của Ngô Ngọc Du một nhà thơ đương thời:

*“Giặc đâu tàn bạo sang điên cuồng Quân vua một giận oai bốn phương Thần tốc ruổi dài xông thẳng tới*

*Như trên trời xuống ai dám đương …”*

# CHUYÊN ĐỀ 3

# TRUYỆN KIỀU – NGUYỄN DU

1. **Tác giả:**

* Nguyễn Du (1765-1820), tên chữ là Tố Như, tên hiệu là Thanh Hiên.

# Quê hương và gia đình:

* + 1. **Quê hương:**
* Quê ông ở làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Đó là một vùng quê nghèo, thiên nhiên khắc nghiệt nhưng cũng là địa linh, nơi sinh ra những bậc anh tài, hào kiệt.
* Nguyễn Du sinh ra và lớn lên ở kinh thành Thăng Long nghìn năm văn hiến, lộng lẫy và hào hoa.

# Gia đình:

* Nguyễn Du xuất thân trong một gia đinh đại quí tộc, nhiều đời làm quan to dưới triều vua Lê, chúa Trịnh và có truyền thống về văn học:

+ Cha ông là Nguyễn Nghiễm, từng ở ngôi Tể tướng mười lăm năm.

+ Mẹ ông là Trần Thị Tần, vợ thứ, người Bắc Ninh, có tài hát xướng.

+ Anh cùng cha khác mẹ là Nguyễn Khản, làm chức Tham tụng (ngang Thừa tướng) trong phủ chúa Trịnh.

-> Vì thế, mà lúc bấy giờ, trong dân gian người ta thường truyền tụng câu ca:

*“Bao giờ Ngàn Hống hết cây Sông Rum hếT nước họ này hết quan”.*

( “Ngàn Hống”: núi rừng Hồng Lĩnh; “Sông Rum” : sông Lam, ở đây là chữ Nôm cổ. Ý cả câu: Khi nào mà núi rừng Hồng Lĩnh không còn cây, dòng sông Lam không còn nước thì lúc đó dòng họ này mới hết người làm quan)

# Thời đại:

* Nguyễn Du sống vào nửa cuối TK XVIII – nửa đầu TK XIX trong hoàn cảnh xã hội có nhiều biến động dữ dội:

+ Chế độ phong kiến Việt Nam khủng hoảng trầm trọng, các tập đoàn phong kiến tranh giành quyền lực, chém giết lẫn nhau, đời sống nhân dân vô cùng cực khổ, xã hội loạn lạc, tăm tối. Nhà thơ Chế Lan Viên đã viết về thời đại Nguyễn Du sống:

*Cha ông ta từng đấm nát tay trước cánh cửa cuộc đời Cửa vẫn đóng và đời im ỉm khoá*

*Những pho tượng chùa Tây Phương không biết cách trả lời Cả dân tộc đói nghèo trong rơm rạ”.*

+ Bão táp phong trào nông dân khởi nghĩa nổi lên khắp nơi,đỉnh cao là khởi nghĩa Tây Sơn đánh đổ các tập đoàn phong kiến thống trị, quét sạch hai mươi vạn quân Thanh xâm lược.

* Thời đại ấy đã được Nguyễn Du viết trong “Truyện Kiều” bằng hai câu thơ mở đầu:

*“Trăm năm trong cõi người ta,*

*Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.*

*Trải qua một cuộc bể dâu,*

*Những điều trông thấy mà đau đớn lòng”.*

# Cuộc đời:

Sinh trưởng trong một gia đình quý tộc, bản thân lại có năng khiếu văn chương nhưng thời đại Nguyễn Du do những biến động xã hội nên gia đình cũng như bản thân ông cũng có những thăng trầm, sa sút.

* Mồ côi cha mẹ từ nhỏ, cuộc đời Nguyễn Du phải trải qua những năm tháng gian truân, trôi dạt, vất vả, long đong ( Trải qua “mười năm gió bụi” Nguyễn Du lang thang hết ở quê vợ, rồi quê mẹ, quê cha trong nghèo túng, hết sức khổ cực và tủi nhục).
* Nguyễn Du có ra làm quan cho triều Nguyễn Gia Long, ông giữ nhiều chức vụ khác nhau: Tham tri bộ Lễ, Cai bạ Quảng Bình, Chánh sứ bộ…Nhưng đó là những năm tháng làm quan bất đắc chí.
* Ông mất tại Huế năm 1820, thọ năm mươi lăm tuổi.

# Bản thân:

* Là người có hiểu biết sâu rộng, am hiểu văn hóa dân tộc và văn chương Trung Quốc.
* Nhà thơ đã sống nhiều năm lưu lạc, tiếp xúc với nhiều con người, nhiều cảnh đời, nhiều số phận khác nhau, đã tạo cho ông một vốn sống phong phú và niềm cảm thông sâu sắc với mọi kiếp người bị đày đọa.
* Nguyễn Du là người có trái tim giàu lòng nhân ái, nhìn đời với con mắt của một người đứng giữa dông tố cuộc đời và điều đó khiến tác phẩm của ông hàm chứa một chiều sâu chưa từng có trong văn thơ Việt Nam.

# Sự nghiệp sáng tác:

* Nguyễn Du là tác giả có nhiều thành tựu kiệt xuất về văn chương, ở thể loại nào ông cũng đạt được sự hoàn thiện ở trình độ cổ điển.
* Về thơ chữ Hán, ông có ba tập thơ:

+ “Thanh Hiên thi tập” ( 78 bài) được viết trước khi ông ra làm quan cho nhà Nguyễn.

+ “Nam trung tạp ngâm”(40 bài) viết trong thời gian ông ở Huế, Quảng Bình.

+ “Bắc hành tạp lục” ( 131 bài) viết trong thời gian Nguyễn Du đi sứ Trung Quốc.

* Về chữ Nôm: có bài “Văn chiêu hồn” ( Văn tế thập loại chúng sinh) được viết theo thể thơ song thất lục bát dài 184 câu. Đặc biệt là “Truyện Kiều”, với tác phẩm này đã đưa Nguyễn Du lên đỉnh cao của nền thi ca dân tộc, xứng đáng được tôn vinh “Thiên cổ văn chương thiên cổ sư”.

=> Tiểu kết: Năng khiếu văn chương, vốn sống phong phú kết tinh ở một trái tim yêu thương vĩ đại đối với con người trong một bối cảnh lịch sử cụ thể đã tạo nên thiên tài Nguyễn Du. Thiên tài ấy được thể hiện trước hết ở tác phẩm “Truyện Kiều”.

1. **Tác phẩm:**
   1. **Nguồn gốc và sự sáng tạo:**

* Nguyễn Du viết “Truyện Kiều” vào đầu thế kỉ XIX( 1805 –1809). Truyện dựa theo cốt truyện “Kim Vân Kiều truyện” của Thanh Tâm Tài Nhân ( Trung Quốc). Lúc đầu, Nguyễn Du đặt tên là “Đoạn trường tân thanh” ( Khúc ca mới đứt ruột hay Tiếng kêu đứt ruột) say này, người ta quen gọi là “Truyện Kiều”.
* Một biểu hiện nữa về sự sáng tạo của Nguyễn Du qua “Truyện Kiều” là:

+ “Kim Vân Kiều truyện” viết bằng chữ Hán, thể loại văn xuôi, có kết cấu thành từng chương (hồi). Toàn bộ tác phẩm gồm 20 chương.

+ Đến Nguyễn Du đã trở thành tác phẩm trữ tình,viết bằng chữ Nôm, theo thể lục bát có độ dài 3254 câu. Ông đã có những sáng tạo lớn về nhiều mặt nội dung cũng như nghệ thuật.

# Tóm tắt tác phẩm: ( Đọc trong sgk )

* Phần thứ nhất: Gặp gỡ và đính ước.
* Phần thứ hai: Gia biến và lưu lạc.
* Phần thứ ba: Đoàn tụ.

# Giá trị nội dung và nghệ thuật:

* + 1. **Về nội dung:**
* **Giá trị hiện thực:**
* Phơi bày hiện thực xã hội phong kiến bất công.
* Phản ánh nỗi khổ đau, bất hạnh của con người, đặc biệt là người phụ nữ.
* **Giá trị nhân đạo:** Giá trị chính của “Truyện Kiều” là giá trị nhân đạo. Giá trị này được thể hiện ở hai phương diện sau:
* “Truyện Kiều” là tiếng nói đề cao tình yêu tự do, khát vọng công lí và ngợi ca vẻ đẹp phẩm chất của con người:

+ Viết “Truyện Kiều”, Nguyễn Du đã thể hiện ước mơ đẹp đẽ của mình về một tình yêu tự do, trong sáng, chung thủy trong xã hội mà quan niệm hôn nhân phong kiến còn hết sức khắc nghiệt. Mối tình Kim – Kiều được xem như là bài ca tuyệt đẹp về tình yêu lứa đôi trong văn học dân tộc.

+ Viết “Truyện Kiều”, Nguyễn Du còn thể hiện khát vọng công lí tự do, dân chủ giữa một xã hội bất công, tù túng đầy ức chế, tàn bạo. Nguyễn Du đã xây dựng nhân vật Từ Hải – người anh hùng hảo hán, một mình dám chống lại cả cái xã hội bạo tàn ấy. Từ Hải là khát vọng của công lí, là biểu tượng cho tự do dân chủ.

+ Viết “Truyện Kiều”, Nguyễn Du còn ngợi ca vẻ đẹp phẩm chất của con người: vẻ đẹp tài sắc, trí tuệ thông minh,lòng hiếu thảo, trái tim nhân hậu, ý thức vị tha, đức thủy chung. Thúy Kiều, Từ Hải là hiện thân cho những vẻ đẹp đó!

* “Truyện Kiều” còn là tiếng nói lên án các thế lực tàn bạo,chà đạp lên quyền sống con người. Thế lực tàn bạo đó, khi là bộ mặt bọn quan lại tham lam, đê tiện, bỉ ổi – đầu mối của mọi xấu xa trong xã hội ( Hồ Tôn Hiến, Mã Giám Sinh, Sở Khanh, Tú Bà…), có khi lại là sự tàn phá, hủy diệt hung hiểm của đồng tiền trong xã hội phong kiến lúc bấy giờ, trong tay bọn người bất lương tàn bạo đã phát huy tất cả sức mạnh của nó, đổi trắng thay đen, biến con người thành thứ hàng hóa để mua bán.

# Về nghệ thuật:

* Tác phẩm là sự kết tinh thành tựu nghệ thuật văn học dân tộc trên các phương diện ngôn ngữ, thể loại.
* Với “Truyện Kiều”,ngôn ngữ văn học dân tộc và thể thơ lục bát đã đạt tới đỉnh cao rực rỡ.
* Với “Truyện Kiều”,nghệ thuật tự sự đã có bước phát triển vượt bậc, từ nghệ thuật dẫn chuyện đến nghệ thuật miêu tả thiên nhiên, khắc họa tính cách và miêu tả tâm lí con người.

# => Từ tất cả những giá trị nội dung và nghệ thuật của “Truyện Kiều”, chúng ta có thể khẳng định:

“Truyện Kiều” chính là một kiệt tác trong văn học trung đại nói riêng và văn học dân tộc nói chung.

\* Nhận xét về “Truyện Kiều”, Mộng Liên Đường chủ nhân có nói:

“…Tố Như tử dụng tâm đã khổ, tự sự đã khéo, tả cảnh đã hệt, đàm tình đã thiết, nếu không phải có con mắt trông thấu sáu cõi, tấm lòng nghĩ suốt ngàn đời, thì tài nào có bút lực ấy…”

# Ảnh hưởng của tác phẩm:

“Truyện Kiều” hàng trăm năm được lưu truyền rộng rãi và có sức chinh phục lớn đối với mọi tầng lớp độc giả.

+“Truyện Kiều” không biết tự bao giờ đã đi vào đời sống của nhân dân, và đã trở thành lời ăn tiếng nói của những người dân bình dị nhất cho đến những người trí thức, am hiểu về văn chương bác học.

+ Trong ca dao, người ta thấy có rất nhiều câu có vận dụng những hình ảnh trong “Truyện Kiều”. Ví dụ:

*“Sen xa hồ, sen khô hồ cạn,*

*Liễu xa đào liễu ngả liễu nghiêng.*

*Anh xa em như bến xa thuyền.*

*Như Thúy Kiều xa Kim Trọng, biết mấy niên cho tái hồi!”*

+ “Truyện Kiều” đã trở thành sức sống của dân tộc, là thứ thưởng ngoạn cho tao nhân mặc khách của mọi thời. Có câu:

*“Làm trai biết đánh tổ tôm*

*Uống trà mạn hảo, xem Nôm Thúy Kiều”.*

* “Truyện Kiều” còn được giới thiệu rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới. Người ta đã dịch“Truyện Kiều” ra nhiều thứ tiếng và nhiều người nước ngoài đã nghiên cứu về “Truyện Kiều”.

1. **Tổng kết:**

* Nguyễn Du là một thiên tài văn học, một bậc thầy về nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt.
* “Truyện Kiều” là một kiệt tác văn học, được lưu truyền rộng rãi và chinh phục nhiều thế hệ người đọc từ xưa đến nay.
* Rất nhiều những nhà văn, nhà thơ đã viết về “Truyện Kiều”:

*“Trải qua một cuộc bể dâu*

*Câu thơ còn đọng nỗi đau nhân tình Nổi chìm kiếp sống lênh đênh*

*Tố Như ơi, lệ chảy quanh thân Kiều!”*

*( Tố Hữu )*

Đã mấy trăm năm trôi qua rồi, nhưng “Truyện Kiều” vẫn có sức sống mãnh liệt trong dân tộc Việt Nam. Nhà thơ Tố Hữu đã thay chúng ta trả lời cho Nguyễn Du câu hỏi mà người nhắn nhủ:

*“Bất tri tam bách dư niên hậu*

*Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?”*

# CHUYÊN ĐỀ 4:

# BA ĐOẠN TRÍCH TRUYỆN KIỀU

1. **Kiến thức trọng tâm:**
   1. Cảm nhận vẻ đẹp của chị em Thúy Kiều trong đoạn trích “Chị em Thúy Kiều”.
   2. Cảm nhận bức tranh cảnh ngày xuân trong đoạn trích “ Cảnh ngày xuân”.
   3. Phân tích diễn biến tâm trạng của Thúy Kiều trong đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích”.
2. **Phân tích:**

* **Khái quát về tác giả, tác phẩm:**
* Nguyễn Du là thiên tài văn học, là nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn.
* “Truyện Kiều” của ông được coi là kiệt tác ngàn đời trong kho tàng văn chương dân tộc.
  1. **Vẻ đẹp của chị em Thúy Kiều trong đoạn trích “Chị em Thúy Kiều”**
* Dưới cái nhìn trân trọng và mến thương, đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” đã gợi tả được vẻ đẹp đặc sắc của hai cô con gái nhà họ Vượng. Vẻ đẹp của chị em Thúy Kiều cũng như vẻ đẹp của từng người đã được Nguyễn Du khắc họa một cách rõ nét bằng bút pháp ước lệ tượng trưng.

# Giới thiệu khái quát nhân vật:

* Mở đầu đoạn thơ, Nguyễn Du giới thiệu chung về hai chị em trong gia đình, lời giới thiệu cổ điển, trang trọng rằng họ là “tố nga”, đẹp và trong sáng:

*Đầu lòng hai ả tố nga*

*Thúy Kiều là chị em là Thúy Vân.*

* Tiếp đến, tác giả giới thiệu một cách khái quát nét đẹp chung và riêng của hai chị em:

*Mai cốt cách tuyết tinh thần*

*Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười.*

+ Với bút pháp ước lệ tượng trưng, tác giả đã gợi tả vẻ đẹp duyên dáng, thanh tao, trong trắng của người thiếu nữ ở hai chị em Thúy Kiều: “Mai cốt cách, tuyết tinh thần”. Vóc dáng mảnh mai, tao nhã như mai; tâm hồn trắng trong như tuyết. Đó là vẻ đẹp hài hòa đến độ hoàn mĩ cả hình thức lẫn tâm hồn, cả dung nhan và đức hạnh.

+ Hai chị em đều tuyệt đẹp, không tì vết “mười phân vẹn mười”, song mỗi người lại mang nét đẹp riêng khác nhau “mỗi người một vẻ”.

-> Bốn câu thơ đầu là bức tranh nền để từ đó tác giả dẫn người đọc lần lượt chiêm ngưỡng sắc đẹp của từng người.

# Vẻ đẹp của Thúy Vân:

* Gợi tả vẻ đẹp của Thúy Vân, tác giả viết:

*Vân xem trang trọng khác vời*

*Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang*

*Hoa cười ngọc thốt đoan trang,*

*Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.*

+ Chỉ hai chữ “trang trọng” đã gợi tả ở Vân một vẻ đẹp cao sang, quí phái. Vẻ đẹp ấy được so sánh với cái đẹp chuẩn mực của thiên nhiên

như “trăng”,”hoa”,”mây”,”tuyết”,”ngọc”. Dưới ngòi bút cuả thi nhân, chân dung Thúy Vân hiện ra toàn vẹn từ khuôn mặt, nét ngài, làn da, mái tóc đến nụ cười giọng nói.

Khuôn mặt đầy đặn, tươi sáng như trăng đêm rằm, lông mày sắc nét như mày ngài, miệng cười tươi thắm như hoa, giọng nói trong trẻo thốt ra từ hàm răng ngọc ngà là những lời đoan trang, ý tứ. Mái tóc của nàng đen mượt hơn mây, da trắng mịn màng hơn tuyết. Vân đẹp hơn những gì mỹ lệ của thiên nhiên – một vẻ đẹp tạo sự hòa hợp, êm đềm với xung quanh. Từ thông điệp nghệ thuật này, ắt hẳn Vân sẽ có cuộc đời bình yên, không sóng gió.

# Vẻ đẹp của Thúy Kiều:

* Gợi tả vẻ đẹp của Thúy Kiều, tác giả đã khái quát:

*Kiều càng sắc sảo mặn mà*

*So bề tài sắc lại là phần hơn.*

Như vậy, Nguyễn Du đã miêu tả Thúy Vân trước để làm nổi bật Thúy Kiều theo thủ pháp nghệ thuật đòn bẩy. Tả kĩ, tả đẹp để Vân trở thành tuyệt thế giai nhân, để rồi khẳng định Kiều còn hơn hẳn. Từ “càng” đứng trước hai từ láy liên tiếp “sắc sảo”,”mặn mà” làm nổi bật vẻ đẹp của Kiều: sắc sảo về trí tuệ, mặn mà về tâm hồn.

* Vẫn là những hình tượng nghệ thuật ước lệ được nhà thơ sử dụng để gợi tả nhan sắc nàng Kiều:

*Làn thu thủy, nét xuân sơn,*

*Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh*

*Một hai nghiêng nước, nghiêng thành,*

*Sắc đành đòi một tài đành họa hai*

Song thi nhân không thiên về cụ thể như tả Thúy Vân mà ở đây, ông chỉ đặc tả đôi mắt theo lối “điểm nhãn”– vẽ hồn của chân dung. “Làn thu thủy nét xuân sơn” – những hình ảnh ẩn dụ gợi đôi mắt trong sâu thẳm như làn nước mùa thu; đôi lông mày thanh tú như dáng núi mùa xuân. Cô Kiều hiện lên với vẻ đẹp khiến hoa phải ghen, liễu phải hơn, nước phải nghiêng, thành phải đổ. Thi nhân không tả trực tiếp vẻ đẹp mà tả sự đố kị, ghen ghét với vẻ đẹp ấy,tả sự ngưỡng mộ, mê say trước vẻ đẹp ấy. “Nghiêng nước nghiêng

thành” là cách nói sáng tạo điển cố để cực tả giai nhân. Rõ ràng, cái đẹp của Kiều có chiều sâu, có sức quyến rũ làm mê mẩn lòng người.

* Tạo hóa không chỉ ban cho nàng vẻ đẹp tuyệt vời mà còn phú cho nàng trí tuệ thông minh tuyệt đối:

*Thông minh vốn sẵn tính trời*

*Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm*

*Cung thương lầu bậcngũ âm*

*Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương.*

*Khúc nhà tay lựa nên chương.*

*Một thiên Bạc mệnh lại càng não nhân.*

Tài năng của Kiều đạt tới mức lý tưởng theo quan niệm thẩm mĩ phong kiến, đủ cả cầm – kì – thi – họa. Chỉ riêng tài thơ của nàng cũng đã làm nhiều người khâm phục. Chẳng

hạn, lúc đi tảo mộ “Vạch da cây vịnh bốn câu ba vần”, hay khi buộc phải cầm bút đề thơ trước cửa quan liền được khen ngợi “Tài này sắc ấy nghìn vàng chưa cân”. Đặc biệt, tài đàn của nàng vượt trội hơn cả “ làu bậc ngũ âm”. Nàng đã soạn riêng một khúc Bạc mệnh mà ai nghe cũng não lòng. Đây chính là biểu hiện của một con người có trái tim đa sầu, đa cảm.

# => Tả sắc, tài của Thúy Kiều là Nguyễn Du muốn ngợi ca cái tâm đặc biệt của nàng. Vẻ đẹp của Kiều là sự kết hợp: sắc – tài – tình đều đạt đến mức tuyệt vời.

**=> Chân dung của Thúy Kiều cũng là chân dung mang tính cách số phận.** Ngòi bút Nguyễn Du đã nhuốm màu định mệnh. Vẻ đẹp của Kiều làm cho tạo hóa phải ghét, phải

ghen, các vẻ đẹp khác phải đố kị. Sắc đẹp và tài năng của Kiều nổi trội quá mà thiên nhiên, tạo hóa thì:

*Lạ gì bỉ sắc tư phong*

*Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen*

Đây cũng là điềm báo trước về cuộc đời đầy sóng gió, chông gai của nàng.

# d.Nhận xét chung về cuộc sống hai chị em Thúy Kiều.

Bốn câu cuối cùng, tác giả ca ngợi đức hạnh của hai chị em trong một gia đình danh giá, nền nếp. Kiều và Vân đều là “khách hồng quần” lại đã đến tuổi lấy chồng “Xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê”. Câu thơ có phụ âm đầu lặp lại theo từng cặp tạo cảm giác như hối hả, giục giã của tuổi xuân nhưng cả hai chị em vẫn giữ được nền nếp gia đình:

*Êm đềm trướng rủ màn che,*

*Tường đông ong bướm đi về mặc ai.*

# => Ngợi ca vẻ đẹp của chị em Thúy Kiều, Nguyễn Du đã trân trọng, đề cao giá trị, phẩm giá của con người như nhan sắc, tài hoa, phẩm hạnh;qua đó, dự cảm về kiếp người tài hoa bạc mệnh. Sự ngưỡng mộ, ngợi ca người phụ nữ trong xã hội “trọng nam khinh nữ” chính là biểu hiện sâu sắc của cảm hứng nhân văn trong ngòi bút Nguyễn Du.

=> Đoạn thơ miêu tả chị em Thúy Kiều là một mẫu mực về văn miêu tả, có giới thiệu chung, có tả riêng từng người từ tài, sắc đến đức hạnh, bằng ngôn ngữ cô đúc, lời thơ giàu chất xúc cảm. Các phép tu từ ẩn dụ, so sánh, nhân hóa, đòn bẩy…được Nguyễn Du vận dụng một cách tài tình. Vì thế dù Nguyễn Du sử dụng ngôn ngữ hình ảnh ước lệ, tượng trưng nhưng bức chân dung của Thúy Kiều và Thúy Vân vẫn hiện lên một cách cụ thể, hấp dẫn, lôi cuốn người đọc.

* 1. **Cảm nhận bức tranh cảnh ngày xuân trong đoạn trích “ Cảnh ngày xuân”.**
* Vị trí đoạn trích: Đoạn trích “Cảnh ngày xuân” nằm ở phần đầu “Truyện Kiều”. Sau khi giới thiệu gia cảnh và tài sắc chị em Thúy Kiều, Nguyễn Du trình bày bối cảnh Thúy

Kiều gặp nấm mồ Đạm Tiên và gặp Kim Trọng. Đó là cảnh ngày xuân trong tiết Thanh minh,chị em Kiều đi chơi xuân. Cảnh ngày xuân cứ hiện dần ra theo trình tự cuộc “bộ hành chơi xuân” của chị em Thúy Kiều.

# Mở đầu là cảnh đẹp của mùa xuân được gợi tả qua khung cảnh thiên nhiên:

*Ngày xuân con én đưa thoi*

*Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.*

+ Hai câu đầu là hình ảnh khái quát về một ngày xuân tươi đẹp với hình ảnh cánh én chao liệng trên bầu trời tràn ngập ánh xuân tươi tắn, trong sáng. Đồng thời, thông qua bút pháp nghệ thuật ẩn dụ tinh tế, nhà thơ cũng ngụ ý thời gian trôi nhanh quá như “con én đưa

thoi”, chín mươi ngày xuân mà nay “đã ngoài sáu mươi” ( (tức là đã qua tháng giêng, tháng hai và đã bước sang tháng ba). Cách tính thời gian, sự cảm nhận về thời gian của thi nhân thật sâu sắc, tinh tế và thi vị. Hai chữ “thiều quang” không chỉ gợi lên cái màu hồng của ánh xuân, cái ấm áp của khí xuân mà còn gợi lên cái mênh mông bao la của đất trời mùa xuân. Cảnh ngày xuân hiện nên trong thơ Nguyễn Du vừa bình dị vừa sống động.

+ Có lẽ đây là thời điểm đẹp nhất:

*Cỏ non xanh tận chân trời,*

*Cành lê trắng điểm một vài bông hoa*

Cách viết của Nguyễn Du khiến ta không phân biệt được đâu là thơ, đâu là họa nữa. Thảm cỏ non trải rộng tới tận chân trời là gam màu nền cho bức tranh xuân. Điểm xuyết, chấm phá trên nền xanh bất tận ấy là sắc tinh khôi, thanh khiết của hoa lê nở lác đác khoe sắc, khoe hương. Lấy cảm hứng từ hai câu thơ cổ Trung Quốc: “Phương thảo liên thiên bích – Lê chi sổ điểm hoa”, Nguyễn Du chỉ thêm một chữ “trắng” cho cành lê mà bức tranh mùa xuân đã khác. Không gian như khoáng đạt,trong trẻo và nhẹ nhàng hơn, cảnh đẹp mà có hồn, chứ không tĩnh tại, chết đứng. Bằng nghệ thuật đảo ngữ “trắng điểm”, thi nhân đã tạo nên một điểm nhấn cho bức tranh, tô đậm sắc trắng của hoa lê nổi bật trên nền xanh non của cỏ. Màu sắc có sự hài hòa tới mức tuyệt diệu. Tất cả đều gợi lên vẻ đẹp riêng của mùa xuân: mới mẻ, tinh khôi, giàu sức sống ; khoáng đạt, trong trẻo ; nhẹ nhàng, thanh khiết . Nguyễn Du quả là bậc thầy về sử dụng ngôn ngữ. Chỉ với hai câu thơ, bằng một

vài nét chấm phá, mà thi nhân đã phác họa nên một bức tranh thiên nhiên tươi sáng, diễm lệ và hấp dẫn lòng người. Ẩn sau những vần thơ là cả một tâm hồn nhạy cảm của tác giả trước vẻ đẹp tinh tế của thiên nhiên, là niềm say mê yêu đời, yêu cuộc sống đến tha thiết!

# Trong tiết Thanh minh đầy chất thơ ấy xuất hiện khung cảnh lễ hội tưng bừng rộn rã:

*Thanh minh trong tiết tháng ba*

*Lễ là tảo mộ hội là đạp thanh*

*Gần xa nô nức yến anh*

*Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân*

*Dập dìu tài tử giai nhân*

*Ngựa xe như nước, áo quần như nêm*

* Một bức tranh có lễ, có hội, có gần, có xa, có sự tham gia của rất nhiều người, nhất là nam thanh, nữ tú “nô nức yến anh”. Tác giả vừa sử dụng cách nói ẩn dụ, hoán dụ vừa sử dụng hàng loạt động từ, danh từ, tính từ ghép láy hai âm tiết: “gần xa”, “yến anh”, “chị

em”, “giai nhân”, “nô nức”, “sắm sửa”, “dập dìu”, “ngổn ngang”… làm cho không khí lễ hội trở nên sống động, rộn ràng.

* Bức tranh mùa xuân trong tiết Thanh minh đã gợi lên nét đẹp truyền thống của văn hóa lễ hội ngày xưa. Các trang tài tử giai nhân vui xuân mở hội nhưng không quên những người đã mất:

*Ngổn ngang gò đống kéo lên*

*Thoi vàng vó rắc tro tiền giấy bay.*

* + 1. **Cuộc vui rồi cũng đến hồi kết thúc. Sáu câu thơ cuối là cảnh chị em Thúy Kiều du xuân trở vê.** Bức tranh tả cảnh ngụ tình mẫu mực, cổ điển trong “Truyện Kiều”, mỗi bức tranh thiên nhiên còn là một bức tranh tâm tình đầy xúc động.
* Đây là cảnh chiều xuân rất đẹp nhưng thoáng buồn. Cảnh vẫn mang cái thanh, cái dịu của mùa xuân: nắng nhạt,khe nước nhỏ, một nhịp cầu nhỏ bắc ngang.Mọi chuyển động đều nhẹ nhàng: mặt trời từ từ ngả bóng về tây, bước chân người thơ thẩn, dòng nước uốn quanh. Tuy nhiên, không khí nhộn nhịp , rộn ràng của lễ hội không còn nữa, tất cả đang nhạt dần, lặng dần.
* Những từ láy “tà tà”, “thanh thanh”,”nao nao”… không chỉ biểu đạt sắc thái cảnh vật mà còn bộc lộ tâm trạng con người. Hai chữ "nao nao" (Nao nao dòng nước uốn quanh) đã nhuốm màu tâm trạng lên cảnh vật. Dòng nước nao nao, trôi chậm lưu luyến bên chân cầu nho nhỏ, phải chăng cũng là nỗi lưu luyến, tiếc nuối của lòng người khi ngày vui

chóng qua? Nguyễn Du đã từng viết: "Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ?". Vì vậy, khi vào lễ hội, người vui thì cảnh sắc rộn ràng tươi mới. Lúc lễ hội tan rồi, người về sao tránh

khỏi sự xao xuyến, cảnh sắc sao tránh khỏi màu ảm đạm! Dường như có một nỗi niềm man mác, bâng khuâng thấm sâu, lan tỏa trong tâm hồn vốn đa tình, đa cảm như Thúy Kiều. Và ở sáu dòng cuối này, Nguyễn Du không chỉ nhằm nói tâm trạng buồn tiếc khi lễ hội vừa tàn, mà hình như, ông chuẩn bị đưa nhân vật của mình vào một cuộc gặp gỡ khác, một thế giới khác. Như ta đã biết, ngay sau buổi Thanh minh, Nguyễn Du đã sắp đặt để Thúy Kiều gặp Đạm Tiên và Kim Trọng. Vì thế, cảnh vật trong hoàng hôn này cũng là một dự báo, một linh cảm cho đoạn trường mà đời kiều sắp phải bước qua. Tả cảnh, tả tình như thế thật khéo, cách chuyển ý cũng thật tinh tế, tự nhiên.

# => Bằng kết cấu hợp lý, ngôn ngữ giàu chất tạo hình, kết hợp giữa bút pháp tả với bút pháp gợi có tính chất điểm xuyết chấm phá…đoạn thơ “Cảnh ngày xuân” đã vẽ nên bức tranh thiên nhiên, lễ hội mùa xuân tươi đẹp, trong sáng. Qua đoạn trích một lần nữa khẳng định tài năng nghệ thuật và việc sử dụng ngôn ngữ bậc thầy của Nguyễn Du.

* 1. **Phân tích diễn biến tâm trạng của Thúy Kiều trong đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích”.**
* Mộng Liên Đường đã từng nói: “Nguyễn Du có con mắt nhìn thấu cả sáu cõi, tấm lòng nghĩ suốt cả nghìn đời”. Và với con mắt tinh tế, nhạy cảm nhất, Nguyễn Du đã nhìn thấu tâm hồn Thúy Kiều để rồi thấu hiểu mọi tâm tư, nỗi lòng của nàng bằng cả trái tim yêu thương và trân trọng. Đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” đã rất thành công trong việc miêu tả tâm trạng nàng Kiều với những diễn biến tâm lí đặc sắc, gây ấn tượng mạnh mẽ cho người đọc.
* Thúy Kiều là một cô gái tài sắc vẹn toàn nhưng nàng phải nếm trải một cuộc đời đầy sóng gió, chìm nổi. Người con gái giữa tuổi thanh xuân tươi đẹp ấy phải hi sinh mối tình đầu dang dở để làm tròn chữ hiếu. Khi biết mình bị lừa vào chốn lầu xanh đầy cay đắng và tủi nhục, nàng đã định tự vẫn kết liễu cuộc đời mình nhưng Tú Bà độc ác đã giam lỏng nàng ở lầu Ngưng Bích. **Thúy Kiều đã phải một mình đối chọi với sự cô đơn, trống trải đến tuyệt vọng giữa không gian mênh mông, hoang vắng ở nơi đây:**

*Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung Bốn bề bát ngát xa trông*

*Cát vàng cồn nọ, bụi hồng dặm kia Bẽ bàng mây sớm đèn khuya*

*Nửa tỉnh nửa cảnh như chia tấm lòng.*

+ “Khóa xuân” nghĩa là khóa kín tuổi xuân, chôn vùi tuổi thanh xuân tươi đẹp ở nơi đây. Ở lầu Ngưng Bích lúc này Kiều chỉ có một mình, quạnh hiu và trơ trọi, chỉ biết làm bạn với ánh “trăng gần” và thiên nhiên quanh lầu Ngưng Bích mà thôi. Nhìn ra xung quanh là cả một không gian bao la xa vời. “Bốn bề” là “cát vàng”, là “bụi hồng”, không một nếp nhà, không một bóng người. Dường như cảnh vật bị bao trùm bởi một nỗi buồn nặng trĩu, u uất. Nỗi buồn đau trong Kiều đang thấm vào cảnh vật, hòa vào cảnh sắc thiên nhiên.

Cuộc sống của Kiều như bị tách khỏi thế giới bên ngoài, không một chỗ đứng, chơ vơ, lơ lửng trên một tòa lầu cao ngất. Kiều cố đưa ánh mắt nhìn ra xung quanh, mong ngóng tìm thấy bóng dáng của con người nhưng vô vọng. Trước mắt nàng chỉ là cồn cát hoang vu, bụi đường gió cuốn mịt mùng. Không gian dường như trải dài vô tận, rất hoang vắng, quạnh hiu, buồn thương như chính tâm trạng của Kiều vậy!

+ Tháng ngày đằng đẵng trôi qua, trang trải với dòng thời gian tuần hoàn khép kín: sớm làm bạn với mây trời, đêm đến làm bạn với ánh đèn khuya leo lét…cuộc đời dài cô độc, mòn mỏi, không sức sống, không một niềm tin hi vọng. Không một ai hiểu được tâm trạng của nàng, chia sẻ với nỗi buồn đau trong nàng, chỉ có một mình nàng đối diện với chính bản thân mình. Nỗi buồn vì thế mà ngày càng giằng xé, không khi nào cạn vơi và

dường như mở ra vô cùng với không gian, cảnh vật. Thúy Kiều bỗng thấy mình thật nhỏ bé, đáng thương, khác chi hạt cát, hạt bụi nhỏ nhoi ngoài kia? Khung cảnh nhuốm màu tâm trạng càng khắc sâu nỗi cô đơn, buồn tủi của Thúy Kiều. Bốn chữ “như chia tấm

lòng” đặc tả một nỗi niềm, một nỗi lòng tan nát, đau đớn. Ta như đồng cảm với Thúy Kiều, buồn chung nỗi buồn trong lòng nàng. Một đời tài sắc, hiếu nghĩa, thủy chung bị giam hãm, còn gì đáng thương, đáng tiếc hơn thế?

# - Không tìm được niềm an ủi nơi cảnh vật, nàng trở về với lòng mình: nỗi nhớ nhà, nhớ người yêu dày vò tâm can không khi nào nguôi.

+ Nàng nhớ đến chàng Kim – người mà mới đây thôi nàng nặng lòng thề nguyền:

*Tưởng người dưới nguyệt chén đồng Tin sương luống những rày trông mai chờ*

Thúy Kiều đang hồi tưởng lại quá khứ tươi đẹp, hạnh phúc bên người mình yêu thương. Chén rượu thề nguyền dưới ánh trăng giữa nàng với Kim Trọng vẫn còn đang hiện hữu mồn một trong tâm trí nàng. Tình yêu đẹp đẽ, trong sáng vừa nảy nở bỗng nhiên bị chia phôi. Nàng nhớ Kim Trọng, nhớ lại lời thề ước nhưng chính nàng đã phụ lời thề, phụ chàng Kim. Chữ “tưởng” ở đây có thể xem là một nhãn tự. Nguyễn Du không dùng chữ “nhớ” mà dùng chữ “tưởng”. Tưởng vừa là nhớ, vừa là hình dung, tưởng tượng ra người mình yêu. Thúy Kiều như tưởng tượng thấy, ở nơi xa kia, người yêu mình cũng đang hướng về mình, đang ngày đêm đau đáu chờ tin nàng. Nhưng chàng đâu có hay biết, Thúy Kiều đã thuộc về người khác, tự bán thân vào nơi hang hùm, miệng rắn, đang một mình bơ vơ nơi góc bể chân trời ngày ngày ngóng trông:

*Bên trời góc bể bơ vơ*

*Tấm son gột rửa bao giờ cho phai*

“Tấm son” ở đây là tấm lòng thủy chung, son sắt của nàng đối với Kim Trọng. Nhưng giờ đây đâu còn nguyên vẹn như trước nữa!Tình yêu mà nàng danh cho chàng Kim sẽ mãi mãi không thay đổi, không bao giờ phôi pa, mờ nhạt, thế nhưng…tấm lòng son sắt trong trắng đã bị vùi dập, hoan ố, không biết bao giờ gột rửa cho sạch. Đó chính là điều khiến nàng đau đớn, xót xa nhất, trái tim nàng đã nát tan. Nàng thấy mình không còn xứng đáng với Kim Trọng nữa, không xứng đáng với tình yêu bấy lâu chàng dành cho mình. Nỗi ân hận, đắng cay đang trào dâng trong nàng, dày vò, cắt rứt lương tâm người

con gái…Các động từ “tưởng”,”trông”,”chờ”,”bơ vơ”,”gột rửa”,”phai” đã liên kết thành một hệ thống ngôn ngữ độc thoại đặc sắc cực tả tâm trạng Thúy Kiều. Cái tình trong ngòi bút của Nguyễn Du đã chạm tới cái hồn sâu thẳm trong Kiều…

+ Nhớ chàng Kim rồi Kiều xót thương cha mẹ nơi quê nhà:

*Xót người tựa cửa hôm mai Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ?*

*Sân Lai cách mấy nắng mưa Có khi gốc tử đã vừa người ôm*

Chữ “xót” diễn tả tấm lòng Kiều dành cho đấng sinh thành. Nàng xót xa vô hạn nghĩ đến hình bóng tội nghiệp của cha mẹ, khi sáng sớm, lúc chiều hôm tựa cửa ngóng tin con, hay mong chờ con đến đỡ đần. Nàng lo lắng không biết giờ đây ai là người “quạt nồng ấp lạnh” chăm sóc cha mẹ khi thời tiết đổi thay. Tác giả đã sử dụng các thành ngữ “rày trông mai chờ”, “quạt nồng ấp lạnh”, “cách mấy nắng mưa” và các điển tích, điển cố “sân Lai,gốc Tử” để nói lên tâm trạng nhớ thương, lo lắng và tấm lòng hiếu thảo của Kiều dành cho cha mẹ. Thúy Kiều vô cùng day dứt, ân hận vì đã phụ công dưỡng dục, sinh thành của cha mẹ. Những lúc cha mẹ cần chăm sóc, cần đỡ đần nhất thì mình lại không có ở bên để phụng dưỡng. Điều đó khiến nàng cắt rứt biết bao nhiêu.

+ Lưu lạc, bơ vơ, trăm cay nghìn đắng, nhưng Kiều vẫn nhớ thương, lo lắng cho cha mẹ, cho người mình yêu. Tình cảm ấy thật thiết tha, nhân hậu, đáng quý, đáng trọng biết nhường nào! Tại sao Nguyễn Du lại để nàng Kiều nhớ đến người yêu trước chứ không phải là nhớ đến cha mẹ trước tiên? Bởi vì, Thúy Kiều cho rằng, việc nàng bán mình chuộc cha và em cũng là một phần đáp đền chữ hiếu cho cha mẹ. N hưng đối với chàng Kim, nàng chưa đáp đền được tình cảm cho nàng mà còn phụ lời ước nguyện, phụ tình yêu đầu đẹp đẽ. Như vậy, Thúy Kiều là một người con gái thấu tình đạt lí, hiểu tường tận

lí lẽ ở đời. Nàng vừa là người con hiếu thảo, vừa là người tình thủy chung. Nguyễn Du đã sử dụng những ngôn ngữ độc thoại kết hợp hài hòa giữa phong cách cổ điển và nét riêng độc đáo trong miêu tả tâm trạng nhân vật tạo nên những vần thơ biểu cảm, thấm thía nghĩa tình mà tràn ngập niềm xót thương vô hạn.

* Sau nỗi nhớ thương là nỗi buồn đau tê tái, sự hoang mang và lo sợ triền miên… Nỗi buồn đau như giằng xé tâm can, cứ xiết chặt lấy tâm hồn nàng:

*Buồn trông cửa bể chiều hôm Thuyền ai thấp thoáng cánh buồn xa xa?*

*Buồn trông ngọn nước mới sa Hoa trôi man mác biết là về đâu?*

*Buồn trông nội cỏ rầu rầu*

*Chân mây mặt đất một màu xanh xanh Buồn trông gió cuốn mặt duềnh*

*Ầm ầm tiêng sóng kêu quanh ghế ngồi.*

Bức tranh phong cảnh nhuốm màu buồn tê tái. Nguyễn Du đã lấy khung cảnh thiên nhiên làm nền cho sự vận động nội tâm của nhân vật trữ tình. Cảnh vật đượm buồn một vẻ thê lương, chia lìa tan tác bởi nó được nhìn qua tâm trạng của Thúy Kiều. Nỗi buồn mỗi lúc một thấm thía, nỗi buồn vời vợi mênh mông giờ đã đọng thành khối trong lòng Kiều. “Buồn trông” là buồn mà nhìn xa, buồn mà trông ngóng một cái gì đó mơ hồ sẽ đến làm thay đổi cuộc sống hiện tại. Nhưng trông mà vô vọng:

*Buồn trông cửa bể chiều hôm Thuyền ai thấp thoáng cánh buồn xa xa?*

Thúy Kiều trông về “cửa bể chiều hôm”. Bầu trời đã dần tối, tối như chính cuộc đời nàng Kiều – tối tăm, u ám, không lối thoát. Trên cái nền trống vắng ấy xuất hiện một chiếc thuyền “thấp thoáng”, “xa xa” lạc lõng, cô đơn. Cánh buồm mờ mờ, ảo ảo, chợt ẩn, chợt hiện không rõ, mơ hồ như ảo ảnh ở phía cuối chân trời. Con thuyền ấy cũng cô đơn, cũng lưu lạc một mình, lạc lõng giữa đất trời mênh mông. Con thuyền ấy có khác chi cuộc đời Kiều đơn độc, vô định, lặng lẽ trôi giữa dòng đời trôi nổi…

*Buồn trông ngọn nước mới sa Hoa trôi man mác biết là về đâu?*

Trước mắt Kiều là dòng nước chảy trôi vô định. Nước chảy làm cánh hoa “trôi man mác”, bồng bềnh, lặng lẽ, buồn bã, không phương hướng… Cuộc đời Kiều nào có khác thế? Cuộc đời Kiều giờ đây cũng mỏng manh tan tác, vô định như cánh hoa kia, không biết phiêu dạt đến phương trời xa xăm nào nữa…Lòng đã buồn, cảnh lại quá đỗi buồn thương…

*Buồn trông nội cỏ rầu rầu*

*Chân mây mặt đất một màu xanh xanh*

Lại một cảnh mênh mông hoang vắng… “nội cỏ rầu rầu” dàn trải típ tắp tới tận chân trời xa. Vẫn không có một bóng cây, chẳng một bóng nhà để phá bớt cái màu xanh đơn điệu ấy. Màu cỏ không phải là màu xanh tươi tốt mà “rầu rầu” buồn bã, héo hắt không chút sức sống. Ấy thế mà màu xanh ấy cứ trải rộng ra mãi, nối tiếp với vùng trời mênh mang mờ mịt. Màu xanh ấy nhợt nhạt,xa xôi làm gợi lên một nỗi niềm ngao ngán tẻ nhạt vô cùng. Và có lẽ, màu xanh ấy là màu của tâm trạng được nhìn từ đôi mắt đẫm ướt khổ đau của Thúy Kiều. Tương lai của nàng cũng mờ mịt, ủ ê như chính sắc cỏ vậy…không sức sống, không niềm tin, vô vọng và đầy ngao ngán…

*Buồn trông gió cuốn mặt duềnh*

*Ầm ầm tiêng sóng kêu quanh ghế ngồi*

Dường như đến đây, nỗi buồn đã dâng cao đến đỉnh điểm, đang trào dâng mạnh mẽ như vỡ ra trong lòng Kiều. Gió cuốn ào ào khiến mặt biển nổi đầy sóng lớn, trắng xóa một

màu. Sóng gào thét “ầm ầm” như chực cuốn phăng đi tất cả mọi thứ hiện hữu, kể cả Kiều.

Nàng cảm nhận thấy tiếng sóng đang bủa vây xung quanh, như bao bọc lấy nàng, xiết chặt, gào thét trong tâm hồn nàng. Thúy Kiều dường như không còn lối thoát. Từng lớp sóng như muốn nhấn chìm nàng xuống vực thẳm đáng sợ! Chi tiết này đã dự báo trước cuộc đời nàng sẽ vẫn còn nhiều sóng gió, hiểm họa phía trước. Kiều đã phải gánh chịu quá nhiều thương đau, mất mát vậy mà vẫn chưa đủ, dòng đời vẫn cuốn nàng đi, xô đẩy, vùi dập số phận mong manh nhỏ bé của nàng…

Một lần nữa, Nguyễn Du đã chạm ngòi bút đến đáy sâu tâm hồn Thúy Kiều. Mỗi câu thơ, mỗi hình ảnh, ngôn ngữ miêu tả ngoại cảnh đều mang ý nghĩa và giá trị như một ẩn dụ, một tượng trưng về tâm trạng đau khổ và bất hạnh của một người con gái tài sắc. Nguyễn Du đã sử dụng hàng loạt những từ láy “thấp thoáng”,”xa xa”, “man mác”,”rầu rầu”,”xanh xanh”,”ầm ầm” tạo nên âm điệu trầm buồn ghê sợ. “Buồn trông” được lặp lại bốn lần ở đầu câu như cất lên tiếng kêu ai oán, đau thương não nề. Tám câu thơ khổ cuối như một bài ca buồn cất lên thổn thức khiến người đọc rưng rưng xúc động. Nghệ thuật miêu tả

tâm lí nhân vật của Nguyễn Du vô cùng đặc sắc và tinh tế đã khắc họa lên bức tranh tâm trạng Thúy Kiều vừa có màu sắc, vừa có âm thanh. Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình của Nguyễn Du rất điêu luyện. Cảnh mang hồn người, cảnh và tình hòa hợp, sống động, giàu trị biểu cảm. Tám câu thơ cuối là linh hồn của cả đoạn thơ, để lại trong lòng người đọc những âm vang mạnh mẽ nhất!

# => Đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” đã thể hiện được tài năng miêu tả, phân tích tâm lí nhân vật bậc thầy của Nguyễn Du. Đoạn trích cũng thể hiện được tư tưởng nhân đạo sâu sắc của Nguyễn Du, nhà thơ đã bày tỏ sự đồng cảm, chia sẻ với số phận bất hạnh của những con người tài hoa, bạc mệnh.

1. **Đề bài thường gặp:** Ngoài ba kiến thức trọng tâm trên, các em cần lưu ý các dạng đề sau:

Đề 1: Cảm nhận về tấm lòng nhân đạo của Nguyễn Du qua đoạn trích “Chị em Thúy Kiều”.

Đề 2: Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình trong tám câu thơ cuối đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích”.

1. **Chữa đề:** Theo cô Hoàng Thị Vĩnh – GV trường THCS Đằng Hải – Hải Phòng.

Đề 1:

# Mở bài:

Nguyễn Du là thiên tài văn học, là nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn. “Truyện Kiều” của ông được coi là kiệt tác ngàn đời trong kho tàng văn chương dân tộc. Một trong những yếu tố làm nên giá trị của tác phẩm chính là giá trị nhân đạo. Ở vị trí mở đầu của tác phẩm, đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” đã thể hiện sâu sắc tấm lòng nhân đạo của đại thi hào Nguyễn Du.

# Thân bài

* 1. **Khái quát:**
* Trong đoạn trích “Chị em Thúy Kiều”, tấm lòng nhân đạo của Nguyễn Du được thể hiện qua sự ngưỡng mộ vẻ đẹp của hai người con gái đầu lòng họ Vương; đặc biệt là sự

trân trọng vẻ đẹp tinh thần, tài năng của Thúy Vân,Thúy Kiều. Tấm lòng nhân đạo ấy còn được thể hiện trong dự cảm về số phận nàng Kiều qua bức chân dung được khắc họa.

# Ca ngợi vẻ đẹp ,tài năng của con người:

* Với bút pháp ước lệ tượng trưng, tác giả đã gợi tả vẻ đẹp duyên dáng, thanh tao, trong trắng của người thiếu nữ ở hai chị em ThúyKiều: “Mai cốt cách, tuyết tinh thần”.
* Vóc dáng mảnh mai, tao nhã như mai, tâm hồn trong trắng như tuyết. Đó là vẻ đẹp hoàn hảo cả hình thức lẫn tâm hồn. Hai chị em đều tuyệt đẹp với vẻ đẹp “Mười phân vẹn

mười” song mỗi mỗi người lại mang nét đẹp riêng khác nhau:

+ Gợi tả vẻ đẹp của Thúy Vân, tác giả viết:

*“Vân xem trang trọng khác vời Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang "Hoa cười ngọc thốt đoan trang,*

*Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da,”*

Chỉ hai chữ “trang trọng” đã gợi tả ở Vân một vẻ đẹp cao sang, quí phái. Vẻ đẹp ấy được so sánh với cái đẹp chuẩn mực của thiên nhiên

như “trăng”,”hoa”,”mây”,”tuyết”,”ngọc”. Dưới ngòi bút cả thi nhân, chân dung Thúy Vân hiện ra toàn vẹn từ khuôn mặt, nét ngài, làn da, mái tóc đến nụ cười giọng nói.:

khuôn mặt đầy đặn, tươi sáng như trăng đêm rằm, lông mày sắc nét như mày ngài, miệng cười tươi thắm như hoa, giọng nói trong trẻo thốt ra từ hàm răng ngọc ngà là những lời đoan trang. Mái tóc của nàng đen mượt hơn mây, da trắng mịn màng hơn tuyết. Vân đẹp hơn những gì mỹ lệ của thiên nhiên – một vẻ đẹp tạo sự hòa hợp, êm đềm với xung

quanh. Từ thông điệp nghệ thuật này, ắt hẳn Vân sẽ có cuộc đời bình yên, không sóng gió.

+ Gợi tả vẻ đẹp của Thúy Kiều, tác giả đã khái quát:

*“Kiều càng sắc sảo mặn mà So bề tài sắc lại là phần hơn.”*

Như vậy, Nguyễn Du đã miêu tả Thúy Vân trước để làm nổi bật Thúy Kiều theo thủ pháp nghệ thuật đòn bẩy. Tả kĩ, tả đẹp để Vân trở thành tuyệt thế giai nhân, để rồi khẳng định Kiều còn hơn hẳn. Từ “càng” đứng trước hai từ láy liên tiếp “sắc sảo”,”mặn mà” làm nổi bật vẻ đẹp của Kiều: sắc sảo về trí tuệ, mặn mà về tâm hồn.

+ Vẫn là những hình tượng nghệ thuật ước lệ được nhà thơ sử dụng để gợi tả nhan sắc nàng Kiều:

*“Làn thu thủy, nét xuân sơn,*

*Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh*

*Một hai nghiêng nước, nghiêng thành,*

*Sắc đành đòi một tài đành họa hai”*

Song thi nhân không thiên về cụ thể như tả Thúy Vân mà ở đây, ông chỉ đặc tả đôi mắt theo lối “điểm nhãn”– vẽ hồn của chân dung. “Làn thu thủy nét xuân sơn” – những hình ảnh ẩn dụ gợi đôi mắt trong sáng, lóng lánh, thăm thẳm như làn nước mùa thu; đôi long mày thanh tú như dáng núi mùa xuân. Đôi mắt – cửa sổ tâm hồn thể hiện phần tinh anh của trí tuệ, của tâm hồn.Vẻ đẹp của Kiều khiến hoa phải ghen, liễu phải hơn, nước phải nghiêng, thành phải đổ. Thi nhân không tả trực tiếp vẻ đẹp mà tả sự đố kị, ghen ghét với vẻ đẹp ấy,tả sự ngưỡng mộ, mê say trước vẻ đẹp ấy. “Nghiêng nước nghiêng thành” là cách nói sáng tạo điển cố để cực tả giai nhân. Rõ ràng, cái đẹp của Kiều có chiều sâu, có sức quyến rũ làm mê mẩn lòng người.

+ Tạo hóa không chỉ ban cho nàng vẻ đẹp tuyệt vời mà còn phú cho nàng trí tuệ thông minh tuyệt đối:

“*Thông minh vốn sẵn tính trời*

*Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm*

*Cung thương lầu bậc ngũ âm*

*Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương.*

*Khúc nhà tay lựa nên chương.*

*Một thiên Bạc mệnh lại càng não nhân.”*

Tài năng của Kiều đạt tới mức lý tưởng theo quan niệm thẩm mĩ phong kiến, đủ cả cầm – kì – thi – họa. Đặc biệt, tài đàn của nàng vượt trội hơn cả “ làu bậc ngũ âm”. Nàng đã soạn riêng một khúc Bạc mệnh mà ai nghe cũng não lòng. Đây chính là biểu hiện của một con người có trái tim đa sầu, đa cảm. Tả sắc, tài của Thúy Kiều là Nguyễn Du muốn ngợi ca cái tâm đặc biệt của nàng. Vẻ đẹp của Kiều là sự kết hợp: sắc – tài – tình đều đạt đến mức tuyệt vời.

* Thúy Vân, Thúy Kiều dưới ngòi bút của Nguyễn Du không chỉ nhan sắc tuyệt vời mà còn đức hạnh khuôn phép. Dù đã đến tuổi cài trâm, búi tóc nhưng hai chị em vẫn:

“Êm đềm trướng rủ màn che,

Tường đông ong bướm đi về mặc ai”.

-> Ngợi cả vẻ đẹp của chị em Thúy Kiều, Nguyễn Du đã trân trọng, đề cao giá trị phẩm giá con người như nhan sắc, tài hoa, phẩm hạnh. Sự ngưỡng mộ, người ca người phụ nữ trong xã hội “trọng nam khinh nữ”chính là biểu hiện sâu sắc của cảm hứng nhân đạo.

# Dự cảm về cuộc đời tài hoa:

* Dưới ngòi bút của đại thi hào Nguyễn Du, chân dung Thúy Kiều là bức chân dung mang tính cách số phận. Vẻ đẹp “chim sa cá lặn” của nàng khiến cho tạo hóa ghen hờn, đố kị.

Tài hoa, trí tuệ thiên bẩm và tâm hồn đa sầu, đa cảm khiến nàng khó tránh khỏi định mệnh nghiệt ngã. Thi nhân dự báo số phận Thúy Kiều sẽ phải chịu nhiều éo le, đau khổ bởi “Lạ gì bỉ sắc tư phong/Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen”. Nhất là cung bàn bạc mệnh đầy khổ đau, sầu não do Kiều soạn riêng cho mình như báo trước cuộc đời

hồng nhan, bạc phận. Dự cảm về kiếp người tài hoa, bạc mệnh cũng là biểu hiện của tấm lòng thương cảm sâu sắc đối với con người, là biểu hiện của cảm hứng nhân văn mà Nguyễn Du dành cho nhân vật Thúy Kiều ngay từ những vần thơ mở đầu tác phẩm – đoạn trích “Chị em Thúy Kiều”.

# Kết bài:

* Nguyễn Du – nhà thơ thiên tài của dân tộc ta đã dành toàn bộ tâm huyết, sức lực tài

năng để sáng tạo bức chân dung chị em Thúy Kiều. Với sự kết hợp tài tình giữa bút pháp ước lệ tượng trưng, sử dụng sáng tạo nghệ thuật so sánh, nhân hóa và ngôn ngữ thơ tinh luyện, tả ít gợi nhiều, Tố Như đã vẽ nên bức chân dung toàn mĩ về “hai ả tố nga” bằng thơ sáng giá nhất trong nền văn học trung đại để biểu hiện sâu sắc cảm hứng nhân đạo của mình. Cảm hứng nhân đạo trong đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” đã góp phần đem đến giá trị tư tưởng đặc sắc và giá trị nhân bản của kiệt tác “Truyện Kiều”. Đọc đoạn trích,đọc tác phẩm chúng ta tự hào về Nguyễn Du, về một trái tim chan chứa yêu thương, đồng cảm với tâm tư số phận con người, một tài năng về thi ca rạng rỡ văn học nước nhà.

Đề 2:

# Mở bài:

* “Truyện Kiều” được người đời tôn vinh là “khúc nam âm tuyệt xướng”, là nơi kết tinh tài năng của đại thi hào dân tộc – Nguyễn Du. Kiệt tác này hấp dẫn người đọc không chỉ ở nội dung mà còn ở nghệ thuật kể chuyện linh hoạt, sáng tạo, xây dựng nhân vật phong phú , đa dạng… Bút lực của Nguyễn Du còn được khẳng định ở nghệ thuật tả cảnh ngụ tình tài hoa, điêu luyện. Tám câu thơ cuối trích đoạn “Kiều ở lầu Ngưng Bích”được coi là những câu thơ tả cảnh ngụ tình hay nhất trong tác phẩm “Truyện Kiều” của ông. Đoạn thơ viết:

# Thân bài:

*“Buồn trông cửa bể chiều hôm*

*Thuyền ai thấp thoáng cánh buồn xa xa?*

*Buồn trông ngọn nước mới sa*

*Hoa trôi man mác biết là về đâu?*

*Buồn trông nội cỏ rầu rầu*

*Chân mây mặt đất một màu xanh xanh*

*Buồn trông gió cuốn mặt duềnh*

*Ầm ầm tiêng sóng kêu quanh ghế ngồi.”*

# Giải thích: Bút pháp tả cảnh ngụ tình là gì?

* **Tả cảnh ngụ tình** là bút pháp quen thuộc trong văn học thời trung đại. Người nghệ sĩ sử dụng ngôn từ miêu tả bức tranh về thiên nhiên tạo vật để thông qua đó gửi gắm tâm tư, tình cảm con người ( nhân vật trong tác phẩm hay chính tâm trạng của tác giả). Ở bút pháp nghệ thuật này, cảnh và tình hòa quyện khó có thể tách rời, song yếu tố ngụ tình mới là cái chủ đích của người nghệ sĩ. Những tứ thơ xuân của Nguyễn Trãi,“Qua Đèo Ngang” của Bà huyện Thanh Quan, chùm thơ thu của Nguyễn Khuyến… đều đã rất thành công ở nghệ thuật này.
* Bút pháp tả cảnh ngụ tình được Nguyễn Du sử dụng rất tài hoa, điêu luyện trong tác phẩm “Truyện Kiều”. Ở đó, tất cả bức tranh về thiên nhiên tạo vật đều được khúc xạ qua cái nhìn, cách nhìn của tâm trạng; qua cảnh ngộ và nỗi niềm của nhân vật. Vì thế, tạo vật trong “Truyện Kiều” lúc nào cũng có một linh hồn, một tình cảm. Đó là linh hồn của Nguyễn Du hòa quyện vào đó tạo cho tác phẩm trở thành một khối tình cảm duy nhất.
* Chính Nguyễn Du trong “Truyện Kiều” đã khẳng định mối quan hệ gắn bó giữa cảnh và tình:

“Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu

Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ?”

Búc tranh cảnh ngày xuân khi chị em Thúy Kiều khi du xuân trở về, bức tranh mùa thu lúc Thúy Kiều và Thúc Sinh chia tay nhau hay thiên nhiên trước lầu Ngưng Bích khi Thúy Kiều bị giam lỏng nơi đây đều là “tình trong cảnh ấy, cảnh trong tình này”.

# Bút pháp tả cảnh ngụ tình trong tám câu thơ cuối đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích”:

* Tám câu thơ đặt trong mạch 22 câu thơ của đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” là khi Thúy Kiều trở về với chính lòng mình, đối diện với chính mình. Từ thương người đã trở thành nỗi thương mình xót xa. Đây là những câu thơ tả cảnh ngụ tình đặc sắc nhất – là thực cảnh mà cũng là tâm cảnh. Mỗi cảnh vật khơi gợi ở Kiều những nồi buồn khác nhau với những lí do buồn khác nhau để rồi tình buồn tác động lại cảnh khiến cảnh mỗi lúc một buồn hơn và nỗi buồn cứ dâng lên như lớp lớp sóng trào.

# Nỗi buồn của Kiều trước khung cảnh cửa bể chiều hôm:

*Buồn trông cửa bể chiều hôm*

*Thuyền ai thấp thoáng cánh buồn xa xa?*

* Mở đầu đoạn thơ là không gian nơi cửa bể và thời gian là chiều hôm – một không gian, thời gian nghệ thuật vốn rất quen thuộc trong văn thơ cổ. “Chiều hôm” là thời điểm đợm buồn lại được đặt trong không gian rộng lớn “cửa bể” càng gợi vẻ hiu quạnh, thê lương. Trong không gian bốn bề xa trông ấy, giữa trùng khơi sóng nước chỉ thấy thấp thoáng ẩn hiện như hư, như thực ai đó nơi xa. Hình ảnh con thuyền và cánh buồm thấp thoáng xa xa, rồi khuất hẳn giữa mênh mông sóng nước gợi hành trình mờ mịt không biết đâu là bến bờ, nỗi cô đơn, lạc lõng bơ vơ. Cảnh tha hương gợi nỗi nhớ gia đình, quê hương và hi vọng về cuộc đoàn viên đến nao lòng.

# Nỗi buồn của Kiều khi nhìn cánh hoa trôi man mác trên ngọn nước mới sa:

* Trải lòng mình trước không gian nơi lầu Ngưng Bích, tự thân trong lòng mang nặng nỗi buồn, Thúy Kiều trông ra ngoại cảnh. Điểm nhìn từ xa đến gần, từ bao quát đến cụ thể.

Lúc này, trước mắt nàng là ngọn nước triều cường và hình ảnh cánh hoa trôi nổi giữa biển khơi vô định:

*“Buồn trông ngọn nước mới sa*

*Hoa trôi man mác biết là về đâu?”*

* Ở đây, thi hào Nguyễn Du đã cực tả, đặc tả tâm trạng bi thương của Kiều qua những hình ảnh ẩn dụ giàu giá trị biểu cảm. “Dòng nước mới sa” hay chính là dòng đời, bể đời vô định; hình ảnh “hoa trôi man mác” phải chăng là thân phận người con gái đang trôi dạt, đang bị vùi dập trước sóng gió cuộc đời? Câu hỏi tu từ “biết là về đâu?”cất lên như một tiếng than diễn tả tâm trạng xót xa, hoang mang, lo sợ của Kiều: không biết cuộc đời sẽ trôi nổi đến đâu, tương lai rồi sẽ thế nào hay lại tan tác, bị dập vùi như cánh hóa mỏng manh kia.

# Nỗi buồn của Kiều khi nhìn cảnh nội cỏ nhạt nhòa, mênh mông “rầu rầu”:

*“Buồn trông nội cỏ rầu rầu*

*Chân mây mặt đất một màu xanh xanh”*

-Hình ảnh “nội cỏ rầu rầu” héo úa với màu xanh nhạt nhòa trải dài từ mặt đất đến chân mây là hình ảnh của thiên nhiên héo úa, tàn phai.Thiên nhiên ấy gợi ở Kiề u nỗi chán

ngán, vô vọng, tái tê về cuộc sống vô vị, tẻ nhạt, cô quạnh không biết kéo dài đến tận bao giờ. Thật là “cỏ bên trời xanh một sắc Đạm Tiên” ( Chế Lan Viên)

# Cao trào bi kịch của nội tâm Thúy Kiều:

*“Buồn trông gió cuồn mặt duềnh” Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi”*

* Một cơn gió cuốn trên “mặt duềnh” làm cho tiếng sóng bỗng nổi lên “ầm ầm” như bủa vây quanh ghế Kiều ngồi. Tiếng sóng như báo trước sóng gió dữ dội của cuộc đời hay cũng là tiếng kêu đau đớn của Kiều đồng vọng với thiên nhiên. Kiều không chỉ buồn mà

còn lo sợ, kinh hãi như đang đứng trước bão táp cuộc đời, trước những tai ương đang rình rập, bủa vây. Câu thơ kết đoạn là sự hòa tấu sóng biển – sóng đời, không chỉ vang lên

tiếng gõ cửa của định mệnh mà còn rung chuyển tiếng gầm gào của hiểm họa muốn hất tung người con gái đơn côi, yếu đuối trên điểm tựa chiếc ghế đời mong manh.

# -> Có thể nói, thiên nhiên chân thực, sinh động nhưng cũng rất ảo. Đó là thiên nhiên được nhìn qua tâm trạng – được nhìn từ xa đến gấn, màu sắc từ nhạt đến đậm, âm thanh từ tĩnh đến động để diễn tả nỗi buồn từ man mác, mông lung đến lo âu, hãi hùng, dồn đến cơn bão táp của nội tâm, cực điểm của cảm xúc trong lòng Kiều.

Toàn là hình ảnh về sự vô định, mong manh, sự dạt trôi, bế tắc, sự chao đảo nghiêng đổ dữ dội. Lúc này, Kiều trở nên tuyệt vọng, yếu đuối nhất, vì thế nàng đã mắc lừa Sở Khanh để rồi dấn thân vào cuộc đời ô nhục.

-> Bốn câu thơ lục bát được liên kết bởi điệp ngữ “buồn trông” nghĩa là buồn mà nhìn xa, mà trông ngóng một cái gì mơ hồ sẽ đến làm thay đổi hiện tại, nhưng trông mà vô vọng. "Buồn trông" có cái thoảng thốt lo âu, có cái xa lạ cuốn hút tầm nhìn, có cả sự dự cảm hãi hùng của người con gái lần đầu lạc bước giữa cuộc đời ngang ngửa. Điệp ngữ kết hợp với các hình ảnh ẩn dụ đứng sau, câu hỏi tu từ cùng các từ láy “thấp thoáng”,”xa xa”,”rầu rầu”,”ầm ầm” đã diễn tả nỗi buồn nhiều bề trong Kiều với nhiều sắc độ khác nhau, trào dâng lớp lớp như những con sóng lòng. Tất cả tạo nên âm hưởng trầm buồn, trở thành điệp khúc đoạn thơ, cũng là điệp khúc của tâm trạng.

1. Kết bài:

* Tám câu thơ- bốn cặp lục bát cuối đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” tạo thành bức

tranh tứ bình tâm trạng có cấu trúc cân đối hài hòa đã khiến cho bút pháp tả cảnh ngụ tình của Nguyễn Du được nâng lên mẫu mực cổ điển.

* Đằng sau sự thành công ấy là một trái tim yêu thương vô hạn, là sự đồng cảm, xót

thương cho một kiếp hồng nhan bạc mệnh và ngầm tố cáo xã hội bất công đã chà đạp lên quyền sống và nhân phẩm con người.

**CHUYÊN ĐỀ 5**

**LỤC VÂN TIÊN CỨU KIỀU NGUYỆT NGA**

# Vài nét về tác giả, tác phẩm:

* 1. **Tác giả:**
     1. **Cuộc đời:**
* Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888), tục gọi là Đồ Chiểu.
* Quê cha ở Thừa Thiên – Huế, ông được sinh tại quê mẹ ở Gia Định.
* Cuộc đời Nguyễn Ðình Chiểu gặp nhiều khổ đau,bất hạnh:

+ Ngay từ nhỏ, Nguyễn Ðình Chiểu đã theo cha chạy giặc. Từ một cậu ấm con quan, bỗng chốc trở thành một đứa trẻ thường dân sống trong cảnh chạy loạn, trả thù, chém giết.

+ Năm 1843, Nguyễn Đình Chiểu đỗ tú tài tại trường Gia Định.Năm 1846, ông ra Huế học, chuẩn bị thi tiếp tại quê cha, nhưng lúc sắp vào trường thi thì nhận được tin mẹ mất, phải bỏ thi trở về Nam chịu tang mẹ (1849).Dọc đường về, Nguyễn Đình Chiểu bị đau mắt nặng rồi bị mù. Ông bị người yêu bội ước, công danh dang dở.

* Không khuất phục trước số phận oan nghiệt, Nguyễn Đình Chiểu đã ngẩng cao đầu sống một cuộc sống có ích: mở trường dạy học, bốc thuốc chữ bệnh cho dân, và tiếng thơ Đồ Chiểu cũng bắt đầu vang khắp miền Lục tỉnh:

+ Là một thầy giáo, ông đặt việc dạy người cao hơn dạy chữ,được nhiều thế hệ học trò kính yêu.

+ Là thầy thuốc, ông xem trọng y đức, lấy việc cứu người làm trọng.

+ Là nhà thơ, Nguyễn Đình Chiểu quan tâm đến việc dùng văn chương để hướng con người đến cái thiện, đến một lối sống cao đẹp, đúng đạo lí làm người. Khi quê hương bị thực dân Pháp xâm lược, ông dùng thơ văn để khích lệ tinh thần chiến đấu của nhân dân.

* Nguyễn Đình Chiểu còn là tấm gương sáng ngời lòng yêu nước và tinh thần bất khuất chống ngoại xâm:

+ Ông là lá cờ đầu trong nền thơ ca yêu nước chống Pháp. (Lên lớp 11, các em sẽ được học hai tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Đình Chiểu viết về nội dung yêu nước. Đó

là “Chạy giặc” và “Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc”).

+ Ngay từ những ngày đầu giặc Pháp xâm lược Nam Bộ (1858),Nguyễn Đình Chiểu đã nêu cao tinh thần bất khuất chống giặc ngoại xâm; kiên quyết giữ vững lập trường kháng chiến; cùng các lãnh tụ nghĩa quân bàn bạc việc chống giặc và sáng tác thơ văn để khích lệ tinh thần chiến đầu của các nghĩa sĩ. Thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu có tác động tích cực đối với cuộc chiến đấu của nhân ta đương thời. Bởi vậy, mà ông được mệnh danh

là “Thư sinh giết giặc bằng ngòi bút” (ý thơ Tùng Thiện Vương).

+ Khi triều đình nhà Nguyễn bại nhược, bất lực đến mức phải dâng cả Nam Kì lục tỉnh cho giặc Pháp, Nguyễn Đình Chiểu đã nêu cao khí tiết,giữ gìn lối sống trong sạch, cao cả, từ chối mọi cám dỗ của thực dân, không chịu hợp tác với kẻ thù.

# Sự nghiệp văn chương:

* Nguyễn Đình Chiểu là một nhà thơ lớn của dân tộc. Ông đã để lại nhiều áng văn chương có giá trị nhằm:

+ Truyền bá đạo lí làm người như “Truyện Lục Vân Tiên”, “Dương Từ - Hà Mậu”…

+ Cổ vũ lòng yêu nước, ý chí cứu nước như “Chạy giặc”,”Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc”,”Thơ điếu Trương Định”…

\*Trong một bài viết của mình, cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã có những lời so sánh, ví von diệu vợi để tưởng nhớ tới nhà thơ, người chiến sĩ yêu nước đầy tự hào của dân tộc ta ở thế kỷ 19 – Nguyễn Đình Chiểu:

*“Trên trời có những vì sao có ánh sáng khác thường, thoạt nhìn thì chưa thấy sáng, song càng nhìn thì càng thấy sáng. Nguyễn Đình Chiểu – nhà thơ yêu nước vĩ đại của nhân dân Nam Bộ thế kỉ XIX là một trong những ngôi sao như thế!”.*

*\* “Một con người tật nguyền như vậy, nếu chỉ sống bình thường, trong sạch cũng là quý, không ai nỡ đòi hỏi phải gánh vác việc đời. Ấy mà cụ đã sống và đã làm việc với ba cương vị trí thức, luôn luôn có mặt ở phía trước, luôn luôn gương mẫu, cống hiến không kể mình, và như vậy cho đến ngày từ giã cõi đời. Còn có tấm gương người mù nào đáng soi hơn cho người có đủ hai mắt”.*

(Lê Trí Viễn)

# Tác phẩm:

* “Truyện Lục Vân Tiên” là truyện thơ Nôm, được viết vào khoảng đầu những năm 50 của thế kỉ XIX. “Truyện Lục Vân Tiên” là sách gối đầu giường của người Nam Bộ, là tiếng lòng của người miền Nam.
* Truyện có kết cấu theo kiểu truyền thống của truyện phương Đông, theo chương hồi, xoay quanh diễn biến cuộc đời của nhân vật chính.
* Nội dung của truyện là truyền dạy đạo lí làm người, cụ thể là:

+ Ca ngợi tình nghĩa giữa con người với con người trong xã hội: tình nghĩa vợ chồng, tình cha con, mẹ con, tình cảm bạn bè, lòng yêu thương sẵn sàng cưu mang, đùm bọc những người gặp cơn hoạn nạn.

+ Đề cao tinh thần nghĩa hiệp, sẵn sàng cứu khốn phò nguy.

+ Thể hiện khát vọng của nhân dân hướng tới lẽ công bằng và những điều tốt đẹp trong cuộc đời: thiện thắng ác, chính nghĩa thắng gian tà.

* Đoạn trích “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga” nằm ở phần đầu của truyện:

Vân Tiên trên đường lên Kinh Đô dự thi, chàng gặp bọn cướp Phong Lai đang hoành hành. Chàng đã bẻ cây bên đường làm gậy. Xông thẳng vào những kẻ trong tay có vũ khí. Chàng đã đánh tan chúng, cứu được Kiều Nguyệt Nga và cô hầu Kim Liên.

# Phân tích hình ảnh Lục Vân Tiên trong đoạn trích.

Mở đầu truyện Lục Vân Tiên, nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu viết:

*Trai thời trung hiếu làm đầu*

*Gái thời tiết hạnh làm câu trau mình.*

Lời thơ giản dị nhưng là một quan niệm đạo đức xuyên suốt tác phẩm. Với Nguyễn Đình Chiểu, sáng tác văn chương không phải vì sự nghiệp văn chương, mà trước hết, quan

trọng hơn hết, viết văn là để giáo dục đạo đức, để khẳng định và tôn vinh đạo nghĩa, đạo lí ở đời. Truyện thơ “Lục Vân Tiên” là tác phẩm tiêu biểu cho quan niệm đó của Nguyễn Đình Chiểu. Đoạn trích “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga” đã xây dựng thành công chân dung người anh hùng trượng nghĩa. Lục Vân Tiên chính là nhân vật tiêu biểu cho quan niệm nghệ thuật của Nguyễn Đình Chiểu.

Lục Vân Tiên là chàng trai dũng cảm, có lòng “nhân” sẵn sàng làm việc “nghĩa”. Lục Vân Tiên vốn con nhà thường dân, nhưng học giỏi, văn võ kiêm toàn. Chàng đang háo hức trên con đường lên kinh ứng thi. Trên đường lên kinh, bất ngờ gặp toán cướp đang

trêu ghẹo con gái nhà lành, Lục Vân Tiên nhanh nhẹn “ghé lại bên đàng, bẻ cây làm gậy” xông thẳng vào giữa bọn cướp. Bọn cướp đông đặc. Tên tướng cướp “mặt đỏ phừng

phừng”, dữ tợn như một con ác thú. Chúng “truyền quân bốn phía bủa vây bịt bùng”. Lực lượng thật là quá chênh lệch. Vậy mà, Vân Tiên không chút nao núng:

*Vân Tiên tả đột hữu xông*

*Khác nào Triệu Tử phá vòng Đương Dang.*

Tác giả không tả tỉ mỉ trận giao chiến mà chỉ kể ngắn gọn bằng mấy dòng thơ, một câu so sánh và sử dụng linh hoạt thành ngữ “tả đột hữu xông”. Hình tượng Vân Tiên hiện lên giống như một dũng tướng, sánh ngang với Triệu Tử Long thời Tam Quốc trong trận phá vây quân Tào Tháo ở Chương Dương, Trường Bản ngày xưa. Triệu Tử Long chiến đấu vì ngôi vua nhà Hán, vì bảo vệ ấu chúa A Đẩu, dầu sao vẫn là nghĩa vụ của một bề tôi trung thành. Còn ngày nay, Lục Vân Tiên chiến đấu vì người dân gặp nạn, cứu dân, trừ ác, xuất phát từ lòng nhân. Giản dị, vô tư mà trong sáng cao đẹp biết bao! Cuộc chiến đấu của

chàng y như trận đánh của Thạch Sanh, diệt đại bàng cứu nàng công chúa. Sức mạnh của Lục Vân Tiên là sức mạnh của nhân dân, của điều thiện nên nó vô địch:

*Lâu la bốn phía vỡ tan,*

*Đều quăng gươm giáo tìm đàng chạy ngay.*

*Phong Lai trở chẳng kịp tay,*

*Bị Tiên một gậy thác rày thân vong.*

Lời thơ giản dị, mộc mạc, song người đọc có thể cảm nhận được sức mạnh của người anh hùng. Đó là sức mạnh của một người anh hùng sẵn sàng xả thân vì việc nghĩa, sức mạnh xuất phát từ một người có lòng nhân. Chiến thắng của Lục Vân Tiên là sự khẳng định của chân lí: chính nghĩa thắng hung tàn.

Tự nguyện dấn thân vào vòng nguy hiểm, chiến đấu hết mình, thắng lợi rực rỡ…tất cả đều vì nhân nghĩa, nên sau thắng lợi, Lục Vân Tiên không chút kiêu ngạo. Trái lại, chàng thật khiêm nhường, chính trực. Chàng đã ôn tồn thăm hỏi tận tình từ tên họ, gia cảnh đến quê hương, nguyên cớ gặp nạn của hai cô gái. Khi Nguyệt Nga định xuống kiệu để tạ ơn Vân Tiên, chàng đã vội vàng can ngăn:

*Khoan khoan ngồi đó chớ ra,*

*Nàng là phận gái, ta là phận trai.*

Lời nói của Lục Vân Tiên cho ta thấy chàng ý thức rất rõ về lễ giáo phong kiến, câu nói đã bộc lộ một quan niệm tư tưởng đạo đức xã hội thời phong kiến. Qua đó, ta thấy Lục Vân Tiên là một người hiểu biết, đúng mức, đáng trân trọng.

Đáng mến, đáng phục hơn nữa là sau khi nghe tiểu thư Kiều Nguyệt Nga – nạn nhân được chàng cứu giúp – kể lể, thở than, ca ngợi và tha thiết muốn báo ân thì:

*Vân Tiên nghe nói liền cười*

*Làm ơn há dễ trông người trả ơn.*

*Nay đà rõ đặng nguồn cơn,*

*Nào ai tính thiệt so hơn làm gì?*

Lục Vân Tiên đã “cười” khi nghe Nguyệt Nga nói sẽ đền ơn. Đây là hành động cho thấy vẻ đẹp trong phẩm chất, khí tiết của Lục Vân Tiên. Đây không phải là cái cười khinh bạc mà là cử chỉ chứng tỏ ý nghĩa cao cả của hành động cứu người: cứu người không phải để màng trả ơn, cứu người đơn giản chỉ là để giúp đỡ con người thoát khỏi vòng luân lạc.

Câu nói “Làm ơn há dễ trông người trả ơn” nôm na, giản dị nhưng đã cho ta thấy tấm lòng chất phác và nghĩa khí của Lục Vân Tiên. Chàng đã khẳng định việc mình làm là

hoàn toàn “tự nguyện”. Chàng đã hành động vì lòng nhân, vì nghĩa lớn, trừ kẻ ác, bảo vệ người lương thiện. Gọi là ơn cũng được nhưng chàng làm ơn không phải để màng trả ơn. Sau nữa, chàng nhắc tới sử sách, nhắc tới các bậc hiền nhân xưa:

*Nhớ câu kiến nghĩa bất vi,*

*Làm người thế ấy cũng phi anh hùng.*

Người xưa nói: “Kiến ngãi bất vi vô dũng dã”. Nghĩa là: Thấy việc nghĩa mà không làm, hèn nhát. Làm người thế ấy cũng phi anh hùng. “Phi anh hùng” là những kẻ tiểu nhân,

hèn nhát. Lời của Vân Tiên chắc nịch, vừa để đối chứng, phê phán những kẻ tầm thường, vừa khẳng định việc làm là đúng đắn, là tất yếu, hiển nhiên. Đó chính là lẽ sống của

chàng.Hình ảnh Lục Vân Tiên, lời chàng nói, nhân cách và hành động của chàng khiến ta liên tưởng đến Từ Hải trong “Truyện Kiều”:

*Anh hùng tiếng đã gọi rằng*

*Giữa đường dẫu thấy bất bằng mà tha.*

Họ đều là những người anh hùng, là hiện thân cho khát vọng công bằng, công lí trong xã hội.

Đoạn trích “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga” là đoạn trích hay không phải bởi vì nó có nhiều câu hay, lời đẹp, nghệ thuật tinh tế mà vì những chi tiết, sự việc, những nhân vật tỏa sáng đạo lí, vì những ý tưởng giáo huấn chân thành, thấm thía. Trong đó, hình tượng Lục Vân Tiên đã được khắc họa thành công với phong cách sống phóng khoáng, với vẻ đẹp phẩm chất của người dân vùng Nam Bộ: anh hùng, chính trực, giàu lòng yêu thương con người. Đây cũng là hình tượng tiêu biểu cho quan niệm nhân sinh tiến bộ của Nguyễn Đình Chiểu: việc nhân nghĩa là hành đạo giúp đời.

# CHUYÊN ĐỀ 6:

# ĐỒNG CHÍ

1. **Kiến thức trọng tâm:**
2. Phân tích bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu để thấy bài thơ đã diễn tả sâu sắc tình đồng chí gắn bó thiêng liêng của anh bộ đội thời chống Pháp.
3. Cảm nhận về hình ảnh anh bộ đội thời kháng chiến chống Pháp trong bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu.
4. Nắm được đặc sắc nghệ thuật của bài thơ.
5. **Phân tích:**

**\* Khái quát về tác giả, tác phẩm:**

* Chính Hữu là nhà thơ quân đội trưởng thành trong kháng chiến chống Pháp. Phần lớn các sáng tác của ông đều viết về người lính và chiến tranh với lời thơ đặc sắc, cảm xúc dồn nén.
* Ra đời năm 1948, “Đồng chí” là một trong những tác phẩm hay nhất của Chính Hữu. Bài thơ diễn tả thật sâu sắc tình đồng chí thiêng liêng, gắn bó thời kì đầu cuộc kháng chiến.

# Tình đồng chí, đồng đội của anh bộ đội cụ Hồ thời chống Pháp.

* Chính Hữu viết bài thơ “Đồng chí” khi cuộc kháng chiến chống Pháp của dân tộc đang ở giai đoạn đầu. Bộ đội và nhân dân phải sống trong thời kì hết sức khó khăn, gian khổ. Từ trải nghiệm chân thực về những gian khổ và cả những ấm á pthiêng liêng của tình đồng đội, bài thơ là lời ca về hình ảnh người lính vệ quốc giản dị mà cao quí và tình đồng chí thân thiết, sâu nặng giữa những ngày gian khổ ấy.
* Ngay từ những câu thơ mở đầu, nhà thơ lí giải **cơ sở hình thành** tình đồng chí thắm thiết, sâu nặng của “anh” và “tôi”, của người lính và người lính:

*“Quê hương anh nước mặn đồng chua*

*Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá”.*

Giọng thơ thủ thỉ, tâm tình như lời kể chuyện, tâm sự của hai người đồng đội nhớ lại kỉ niệm về những ngày đầu tiên gặp gỡ. Thành ngữ“nước mặn đồng chua” và hình ảnh “đất cày lên sỏi đá” cho thấy tình đồng chí đồng đội bắt nguồn sâu xa từ sự tương đồng cùng cảnh ngộ . Họ là những người nông dân áo vải, ra đi từ miền quê nghèo, lam lũ của mọi miền Tổ quốc và gặp gỡ nhau ở tình yêu đất nước lớn lao. Cũng như giọng thơ, ngôn ngữ thơ ở đây là ngôn ngữ của đời sống dân dã, mộc mạc:

“Anh với tôi đôi người xa lạ

Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau”.

Họ không hề quen biết nhau nhưng đã cùng gắn bó bằng mối tình đồng đội trong hoàn cảnh chiến đấu:

Súng bên súng đầu sát bên đầu

Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ”.

Hình ảnh sóng đôi “súng bên súng”,”đầu sát bên đầu” và giọng điệu thơ trở nên tha thiết, trầm lắng thể hiện sự gắn bó của họ trong nhiệm vụ và lí tưởng chiến đấu. Nghe theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc,các anh đã cùng tập hợp dưới quân kỳ, kề vai sát cánh trong đội ngũ chiến đấu để thực hiện lí tưởng cao đẹp, để cùng chung nhau cái giá lạnh mùa đông. Từ hiện thực khốc liệt của hoàn cảnh sống, tình đồng đội nảy nở và trở nên

bền chặt trong sự chan hòa, sẻ chia mọi gian lao thiếu thốn. Đó là mối tình tri kỉ của những người đồng đội:

*Đồng đội ta*

*Là hớp nước uống chung*

*Là nắm cơm bẻ nửa*

*Là chia nhau một trưa nắng, một chiều mưa*

*Chia khắp anh em một mẩu tin nhà*

*Chia nhau chỗ đứng trong chiến hào chật hẹp*

*Chia nhau cuộc đời,chia nhau cái chết”.*

( “Giá từng thước đất” – Chính Hữu).

Có thể nói, từ tình giai cấp, tình đồng đội, tình bạn bè tri kỉ, họ đã trở thành đồng chí của nhau. Từ “Đồng chí” được đặt riêng thành một dòng thơ, ngắn gọn mà ngân vang như lời nói thiết tha, chân thành, khẳng định giá trị chân thực của tình đồng chí. “Đồng chí” - ấy là điểm hội tụ, là nơi kết tinh bao tình cảm đẹp – tình bạn, tình người trong chiến tranh.

Hai tiếng “Đồng chí” bởi vậy mà giản dị, đẹp đẽ, sáng ngời và thiêng liêng.

* Tình đồng chí của người lính còn được **biểu hiện thật đẹp trong tâm tư, trong đời sống chiến đấu.** Đồng chí trước hết là **sự thấu hiểu và sẻ chia những tâm tư , nỗi lòng của nhau:**

*Ruộng nương anh gửi bạn thân cày*

*Gian nhà không mặc kệ gió lung lay*

*Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.*

Ra đi vì nghĩa lớn, các anh để lại sau lưng mảnh trời quê hương với bao băn khoăn, trăn trở. Từ những câu thơ nói về gia cảnh, ta bắt gặp một sự thay đổi lớn lao trong quan niệm của người ra lính: ruộng nương tạm gửi bạn thân cày, gian nhà không mặc cho gió lung lay. Họ đã tạm gạt những trăn trở, riêng tư để kiên quyết ra đi khi mục đích rõ ràng, lý tưởng đã chọn lựa.Song, dù dứt khoát, mạnh mẽ lên đường thì những người nông dân mặc áo lính hiền lành, chân chất ấy vẫn rất nặng lòng với quê hương. Hình ảnh hoán dụ mang tính chất nhân hóa “Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính” càng tô đậm sự gắn bó, yêu thương của người lính đốivới quê nhà. “Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính” hay chính là tấm lòng củangười ra đi không nguôi nhớ về quê hương. Ba câu thơ với “ruộng nương”, “gian nhà”, “gốc đa”… hình ảnh nào cũng thân thương, cũng ăm ắp một tình quê, ăm ắp nỗi nhớ vơi đầy. Phải chăng, tình nhà, tình quê là điểm tựa tinh thần tạo nên sức mạnh để cỗ vũ những người lính?

# Tình đồng chí còn là sự “đồng cam cộng khổ”, sự sẻ chia những gian lao, thiếu thốn của cuộc đời chiến sĩ:

*“Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh*

*Sốt run người vừng trán ướt mồ hôi*

*Áo anh rách vai*

*Quần tôi có vài mảnh vá*

*Miệng cười buốt giá Chân khôn giày”*

Bằng những câu thơ tả thực, nhà thơ đưa người đọc trở lại với những hiện thực gian khổ của buổi đầu kháng chiến. “Anh” với “tôi” cùng nhau chịu đứng những cơn sốt rét, cùng nhau sẻ chia những trang phục ít ỏi: “áo rách”,”quần vá”,”chân không giày”. Ý thơ của Chính Hữu gợi nhớ những câu thơ của Hồng Nguyên cũng viết về người lính trong kháng chiến qua bài “Nhớ”:

*“Lột sắt đường tàu Rèn thêm đao kiếm Áo vải chân không Đi lùng giặc đánh”*

Từ những gian khổ, thiếu thốn đó, họ thấm thía hơn tình đồng chí, đồng đội:

*“Thương nhau tay nắm lấy bàn tay”*

Nhịp thơ đã có sự thay đổi, ý thơ trải rộng, câu thơ gợi nhiều hơn tả. “Tay nắm lấy bàn tay” của người lính cùng hình ảnh “miệng cười buốt giá” nơi chiến trường như một lời động viên, an ủi, như truyền cho nhau hơi ấm của tình đồng chí, như tiếp thêm sức mạnh và ý chiến đấu, như một lời hứa hẹn lập công. Cái nắm tay ấy là biểu tượng đẹp đẽ của tình đồng đội. Hơi ấm từ hai bàn tay như lan tỏa, như làm sáng ấm cả bài thơ. Đúng là “tay trong tay ta trao nhau tất cả”. “Bàn tay biết nói” là thế!

# Bài thơ khép lại với bức tranh đẹp về tình đồng chí, đồng đội, là biểu tượng cao đẹp về cuộc đời người chiến sĩ:

*“Đêm nay rừng hoang sương muối*

*Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới*

*Đầu súng trăng treo”.*

Đêm khuya, nơi rừng hoang, dưới làn sương muối, những người lính đứng cạnh bên nhau phục kích chờ giặc. Nổi bật trên cảnh rừng đêm giá rét là ba hình ảnh gắn kết: khẩu súng

– vầng trăng – người lính. Sức mạnh của tình đồng chí đã giúp họ vượt lên những khắc nghiệt của thời tiết và mọi gian khổ,thiếu thốn. Trong những đêm phục kích chờ giặc, họ đã phát hiện ra hình ảnh”Đầu súng trăng treo”. Hình ảnh rất thực và lãng mạn mang ý nghĩa biểu tượng gợi nhiều liên tưởng phong phú: súng và trăng là gần và xa, là thực tại và mơ mộng;súng là biểu tượng của chiến tranh, trăng là biểu tượng của hòa bình; chất chiến đấu và chất trữ tình; chiến sĩ và thi sĩ… Hai hình ảnh tưởng như đối lập song lại bổ sung, hài hòa với nhau làm đẹp thêm cuộc đời người lính cách mạng.Các anh chắc tay súng để bảo vệ vầng trăng hòa bình. Hình ảnh thơ thật đẹp và ý nghĩa biết bao! Có thể nói, đây là một sự phát hiện, một sáng tạo bất ngờ của tác giả, góp phần nâng cao giá trị bài thơ và trở thành nhan đề cho cả tập thơ.

# => Tình đồng chí là tình cảm vô cùng thiêng liêng, là cội nguồn sức mạnh giúp người lính cách mạng trong kháng chiến chống Pháp “khoét núi, ngủ hầm,mưa dầm, cơm vắt” làm nên chiến thắng “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”. Tình đồng chí ấy được phát huy và thể hiện sức mạnh qua hình ảnh anh giải phóng quân trong cuộc kháng chiến chống Mĩ để làm nên đại thắng mùa xuân 1975. Các anh, những người lính cách mạng – anh bộ đội cụ Hồ và tình đồng chí cao đẹp mãi mãi là niềm tự hào của dân tộc ta.

* 1. **Hình ảnh anh bộ đội thời kháng chiến chống Pháp trong bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu.**

Theo cô Nguyễn Thị Kim Lan – Chuyên viên Sở GD & ĐT Hải Phòng

**I. Mở bài**

- Giới thiệu vài nét chính về nhà thơ Chính Hữu:

Chính Hữu là nhà thơ quân đội hoạt động rong hai cuojc kháng chiến chống Pháp. Thơ của ông hầu như chỉ viết về người lính và chiến tranh.

* Giới thiệu về bài thơ “Đồng chí”: Bài thơ “Đồng chí” được ông viết năm 1948,in trong tập “Đầu súng trăng treo”.
* Giới thiệu vấn đề nghị luận: Đến với bài thơ, người đọc cảm phục và yêu quí người lính cách mạng thời kì đầu cuộc kháng chiến chống Pháp.

II. **Thân bài:**

a. Người lính giản dị, mộc mạc…

- Đọc bài thơ, cảm nhận đầu tiên của chúng ta là hình ảnh người lính hiện lên rất chân thực như cuộc sống còn nhiều vất vả và lo toan của họ. Ngỡ như từ cuộc đời thực họ bước thẳng vào trang thơ, trong cái môi trường quen thuộc bình dị thường thấy ở làng quê đất Việt:

*Quê hương anh nước mặn đồng chua*

*Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá*

Ngôn ngữ thơ giản dị như lời ăn tiếng nói hằng ngày của người dân quê. Tác giả tuy không chỉ đích danh, bản quán nơi cư ngụ từng người, song ta bắt gặp thành ngữ quen thuộc “nước mặn đồng chua” và “đất cày lên sỏi đá” thể hiện rõ nhất nguồn gốc xuất thân của những người lính. Họ đến từ mọi miền Tổ quốc, từ những vùng đồng bằng châu thổ quanh năm ngập lụt đến vùng đồi núi trung du khô cằn sỏi đá. Quê hương xa cách nhau, mỗi người mỗi nơi nhưng giống nhau ở cái nghèo, sự lam lũ, khó nhọc của người dân quê Việt Nam. Chính sự đồng cảnh ấy đã khiến họ xích lại gần nhau, để từ những người xa lạ, họ tập hợp lại trong hàng ngũ cách mạng và trở thành quen biết, thân thiết với nhau:

*Súng bên súng, đầu sát bên đầu*

b. Họ cùng chung lí tưởng, mục đích chiến đấu.

Những hình ảnh thơ rất thực nhưng cũng đầy sức gợi. Câu thơ “Súng bên súng, đầu sát bên đầu” là câu thơ giàu ý nghĩa. Điệp từ “bên” cùng nghệ thuật sóng đôi có tác dụng khẳng định sự gắn bó khăng khít giữa những người lính. Họ cùng chung nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ Tổ quốc “súng bên sung”, cùng chung lí tưởng, suy nghĩ “đầu sát bên đầu”. Dù gian khổ đến đâu, dù nguy hiểm, sóng gió đến nhường nào, các anh vẫn trung thành với con đường của mình đã chọn. Đọc câu thơ, ta không nhận ra “anh” và “tôi” nữa mà họ đã trở thành “những anh”, “những tôi” nhòa đi sau những khẩu súng,những mái đầu.

-> Thì ra cuộc kháng chiến chống Pháp đã trở thành cuộc “gặp gỡ” của bao người yêu nước. Mới đây thôi, họ đã “Rũ bùn đứng dậy sáng lòa” làm cuộc cách mạng tháng Tám thành công. Giờ đây họ lại sát cánh bên nhau thề “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”. Chính lí tưởng chung của thời đại đã gắn kết họ với nhau trong hàng ngũ quân đội cách mạng.

c. Ý chí nghị lực phi thường, vượt lên gian khó.

- Ở nơi chiến trường đầy khói bom thuốc súng, người chiến sĩ phải chống chọi với cái rét:

*Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ.*

Cái rét ở rừng già Việt Bắc đã nhiều lần vào trong thơ bộ đội chống

Pháp vì đó là một thực tế ai cũng nếm trải trong những năm chinh chiến ấy:

+ *Rét Thái Nguyên rét về Yên Thế*

*Gió qua rừng đèo Khế gió sang.*

*+ Đêm mưa rình giặc tai thao thức*

*Mùa lại mùa qua rét nhức xương.*

( Tố Hữu – *“Lên Tây Bắc”)*

d. Tình đồng chí, đồng đội…

* Nhưng câu thơ của Chính Hữu nói đến cái rét gợi cho người đọc một cảm giác ấm cúng của tình đồng đội, nghĩa đồng bào. Cái hay của nhà thơ là đã biết đem “đêm rét chung chăn” vào bài thơ, sưởi ấm mối tình đồng chí lên thành mức độ tri kỉ. Những người lính đến với nhau nhẹ nhàng, bình dị, vừa có cái chung của lí tưởng lớn, vừa có cái riêng của một đôi bạn ý hợp tâm đầu. Và cứ giản dị như thế, những con người cùng chung gian khó ấy trở thành đồng chí của nhau:

*Đồng chí!*

* Câu thơ chỉ có hai tiếng và kết thúc bằng dấu chấm than tạo một nốt nhấn, vang lên như một sự phát hiện, lời khẳng định. Đồng thời như một chiếc bản lề khép mở sự lí giải cội nguồn của tình đồng chí ở sáu câu thơ trước với những biểu hiện, sức mạnh của tình đồng chí trong những câu thơ tiếp theo của bài thơ.

=> Nếu coi bài thơ như một cơ thể sống thì hai tiếng “Đồng chí” như một trái tim hồng nuôi sống cả bài thơ. Nó có sức vang dội và ngân nga mãi trong lòng người đọc.

=> Tám mươi năm nô lệ nay mới được gọi nhau là đồng chí sung sướng và kiêu hãnh biết bao! Từ nay tình cảm gì cũng phải nâng lên thành tình đồng chí, phải đo bằng tình đồng chí. Tình cảm cao đẹp này đã trở thành nguồn cảm hứng lớn nhất, dồi dào nhất của thơ ca kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ sau này.

=> Chính Hữu đã có lời nhận xét: “Những năm đầu cách mạng từ “đồng chí” mang ý nghĩa thiêng liêng và máu thịt vô cùng. Nơi khó khăn, cuộc sống của người này trở nên cần thiết với người kia. Một người có thể thay thế cho gia đình, cho cha mẹ, vợ con đối với một người khác. Hơn nữa, họ còn bảo vệ nhau trước mũi súng của kẻ thù, cùng nhau đi qua cái chết, chống lại cái chết, cùng nhau thực hiện một lí tưởng cách mạng. Đó là ý nghĩa thiêng liêng của tình đồng chí bấy giờ”.

e. Tình yêu quê hương, đất nước của người lính

* Những người lính, những đồng chí ấy ra đi chiến đấu với tinh thần tự nguyện:

*Ruộng nương anh gửi bạn thân cày Gian nhà không mặc kệ gió lung lay Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính*

- Thái độ ra đi cứu nước dứt khoát, kiên quyết

* Từ bao đời nay, ai cũng biết rằng ruộng nương và nhà cửa là những tài sản quý giá nhất đối với người nông dân vì họ phải tốn biết bao mồ hôi nước mắt mới có được. Cho nên họ vô cùng gắn bó sâu nặng, gìn giữ, trân trọng với những thứ của cải ấy.Vậy mà họ lại dễ dàng gạt bỏ lại sau lưng, lên đường theo tiếng gọi của quê hương, đất nước. Từ “mặc kệ” mộc mạc như cách nói của người dân quê vang lên, ẩn chứa một thái độ ra đi kiên quyết, dứt khoát, mạnh mẽ vào chốn sa trường vì họ hiểu rằng: nước nhà chưa yên, thì gia đình họ, cuộc sống ở chốn làng quê cũng không thể yên được. Bỏ lại chuyện riêng tư như người trí thức thành thị “xếp bút nghiên lên đường”, họ sẵn sàng hi sinh cho dân tộc. Ai ngờ những người nông dân quê mùa, hiền lành như hạt lúa, củ khoai, cả đời chỉ biết cầm cày gieo lên mầm xanh, nhân lên sự sống cho quê hương đất nước lại dễ dàng từ bỏ xóm làng đến thế! Các anh đã biết đặt tình cảm chung lên tình cảm cá nhân, đặt tình yêu nước lên trên tình cảm gia đình. Hai tiếng “mặc kệ” không phải hiểu theo nghĩa phó mặc mà trong ngôn ngữ giản dị của người lính là “Cứ chờ đó, cách mạng thành công mọi chuyện sẽ làm lại sau”. Đó mới chính là ngôn ngữ, là ý tưởng mà họ muốn thể hiện trong hành động “dứt áo” ra đi của mình.

- Nỗi nhớ quê hương

* Vì thế quê hương luôn khiến họ trào dâng nỗi nhớ:

*Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính*.

* Đã bao lần ta bắt gặp hình ảnh cây đa, bến nước, sân đình trong ca dao xưa nhưng vẫn thật mới mẻ trong thơ Chính Hữu. Biện pháp nghệ thuật hoán dụ “Giếng nước gốc đa” gợi ta nhớ tới nơi hò hẹn của những người dân quê, nhắc đến những kỉ niệm một thời gắn bó trên mảnh đất quê hương. Song hai hình ảnh này còn được nhân hóa. Nói “Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính” hay chính là tấm lòng của người ra đi không nguôi nhớ về quê hương. “Giếng nước gốc đá” cồn cào đến chừng nào! Đời sống tình cảm của họ với làng quê da diết vô cùng. Bao tình cảm sâu nặng như đều dồn tụ trong tiếng “nhớ” giản dị ấy!

=> Song, góc nhớ thương đó không làm cho các anh mềm lòng, mất đi ý chí cứu nước mà nó thôi thúc, động viên người lính nông dân bền gan vững chí, cầm chắc tay súng lập công. Bởi lẽ nước nhà sớm độc lập thì các anh mới sớm được trở về với quê hương, xóm làng…

h. Càng gian khó, họ càng yêu thương nhau.

* Đọc bài thơ, chúng ta còn cảm phục người lính nông dân ở tinh thần vượt khó, vượt khổ:

*Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh*

*Sốt run người vừng trán ướt mồ hôi*

*Áo anh rách vai Quần tôi có vài mảnh vá*

*Miệng cười buốt giá Chân không giày*

* Địa bàn chiến đấu của người lính thời kì lúc bấy giờ ở nơi rừng thiêng nước độc, chướng khí âm u nên hầu như người lính nào cũng bị mắc căn bệnh sốt rét ác tính. Căn bệnh quái ác này làm cho họ tóc rụng da xanh, gầy còm yếu ớt, thậm chí tử vong nữa. Ai đã từng nói: “Đánh trận tử vọng ít, sót rét tử vong nhiều”.
* Nhưng đó không phải là gian khổ duy nhất mà người lính phải trải qua. Họ còn phải chịu đựng cái lạnh giá, trong khi quân phục lại không đủ đầy: người lính thường xuyên phải mặc “áo rách”, “quần vá” và “chân không giày”. Vậy mà họ vẫn không một lời kêu ca, không một tiếng phàn nàn, một lời than thở…

=> Từ một dân tộc nô lệ với gậy tầm vong giáo mác, chúng ta vùng lên chọi lại xe tăng đại bác của kẻ thù. Trong cuộc chiến đấu một mất một còn này, anh bộ đội là người trực tiếp chịu đựng biết bao gian khổ. Hơn nửa thế kỉ trôi qua, đọc lại những vần thơ của Chính Hữu mấy ai mà không cầm được nước mắt, mấy ai không thán phục sức chịu đựng phi thường của các anh.

- Viết về hiện thực cuộc sống của người lính nông dân, Chính Hữu không phải định kể khổ để làm bài thơ trở nên bi thảm, lòng người bi quan mà chỉ để ngợi ca người lính: **họ biết đồng cam cộng khổ**:

*Thương nhau tay nắm lấy bàn tay.*

Câu thơ giản dị, nhẹ nhàng, đậm chất lính. Hai tiếng “Thương nhau” đặt lên đầu câu khiến cho nhịp thơ như lắng lại. “Thương” chứ không phải là “yêu”. Trong “Thương” không chỉ có tình yêu mà còn có cả sự cảm thông, xót xa cho nhau. Chính trong tâm thế đó, người lính tìm đến nhau trong cái nắm tay tình nghĩa.

Ý nghĩa của cái nắm bàn tay

+ Đó là cái nắm tay thân mật, thắm thiết, siết chặt tình đồng chí keo sơn, truyền cho nhau hơi ấm để giúp đồng đội vượt qua cái giá lạnh nơi núi rừng cũng là cái nắm tay truyền ý chí chiến đấu, truyền ngọn lửa tình cách mạng. Cái bắt tay âm thầm lặng lẽ không ồn ào, không cần lời nói hoa mĩ, họ trao nhau hơi ấm từ lòng bàn tay, hơi ấm từ trái tim, vì họ đã hiểu rõ lòng nhau, vì họ “thương nhau”. Hơi ấm lan tỏa cả hai người, làm hai người nở một nụ cười, dù là “buốt giá”.

+ Đây là ngọn nguồn tạo nên sức mạnh bất diệt của người lính Việt Nam trong kháng chiến. Những người nông dân vốn chỉ lo “côi cút làm ăn” ( Nguyễn Đình Chiểu), quanh năm gắn bó với ruộng đồng, con trâu…Nhưng tình yêu quê hương lên tiếng giục giã họ cất bước lên đường. Những gian khổ là nhiều, những hi sinh là không ít, nhưng tình yêu Tổ quốc và tình đồng chí thiêng liêng cao đẹp đã tiếp thêm sức mạnh để người lính vượt qua những khó khăn thử thách đó, để họ vững tay súng, hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

k. Vẻ đẹp hiện thực và lãng mạn.

Ba câu kết khắc họa thật đẹp bức chân dung của người lính trong một đêm canh gác ở rừng:

*Đêm nay rừng hoang sương muối*

*Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới*

*Đầu súng trăng treo.*

- Ba câu thơ ngắn là sự kết tinh tình đồng chí. Giữa nơi chiến trường khốc liệt, thiên nhiên khắc nghiệt ( “rừng hoang”, “sương muối”) hình ảnh những người lính kề vai nhau ngời sáng đẹp biết bao! Họ truyền cho nhau hơi ấm sức mạnh và niềm tin để thực hiện nhiệm vụ giữ gìn Tổ quốc. Có thể nói chính hoàn cảnh khắc nghiệt của núi rừng hoang lạnh, hiểm nguy lại là nơi thử thách tình đồng đội thiêng liêng cao cả của những người lính.

* Hình ảnh người lính tỏa sáng trong câu thơ kết bất ngờ, độc đáo: “Đầu súng trăng treo”. Trăng như treo trên đầu súng gợi ra vẻ đẹp hư ảo, gần mà xa, thực mà mộng, một không gian bát ngát bao la có cái gì cứ bông bênh khó tả. Họ đã vượt lên gian khổ, vượt lên thiếu thốn, hiểm nguy để chiêm ngưỡng vẻ đẹp của trăng, của thiên nhiên đất trời ban tặng. Ánh trăng lúc này như người bạn tri âm tri kỉ đối với người lính. Vầng trăng trên bầu trời như xuống thấp, soi sáng đôi bạn, muốn ngợi ca, soi rõ tình đồng đội thiêng liêng cao cả của họ. Chỉ một nét vẽ khéo léo, một sự tưởng tượng hết sức diệu kì, Chính Hữu đã xóa đi bao ám ảnh của rừng hoa sương muối, của cái chết, của trận đánh sắp bắt đầu, nâng hình ảnh người lính cao hơn, sáng hơn, và ngàn lần đẹp hơn.

=> Hóa ra cuộc đời người lính nông dân mộc mạc, chân chất kia, tâm hồn cũng rất lãng mạn bay bổng biết bao! Họ không chỉ biết siết cò súng mà còn biết làm thơ nữa! Tâm hồn chiến sĩ hòa quyện với tâm hồn thi si đã tạo nên nét đẹp độc đáo của người lính nông dân.

* Hình ảnh “Đầu súng trăng treo” còn mang ý nghĩa tượng trưng. “Súng” là biểu tưởng cho sắt thép, lửa đạn chiến tranh, khiến cho nhân loại căm giận lên án. Còn “trăng” biểu tượng cho hòa bình, hạnh phúc – ước mơ ngàn đời con người muốn vươn tới.

=> Chính Hữu đã liên kết hai hình ảnh đối lập trong một câu thơ để diễn tả một ý tưởng sâu sắc: người chiến sĩ của chúng ta quyết tâm cầm chắc cây súng chiến đấu để bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ hòa bình. Để cho em thơ ngủ ngon, để cho nhân dân hạnh phúc, yên bình, để vầng trăng kia sáng mãi, các anh chỉ có cách duy nhất: **cầm súng**. Với cây súng các anh đã trở thành linh hồn của đất nước, của không gian và thời gian. Với cây súng các anh đã thêu dệt nên những bản tình ca không thể nào quên trong những năm tháng không thể nào quên của dân tộc.

=> “Đầu súng trăng treo” là một trong những hình ảnh thơ đẹp nhất viết về người chiến sĩ trong thời kì chống Pháp: gian khổ mà anh

dũng, hiện thực mà thơ mộng. Chủ đề của bài thơ được nâng cao và lắng sâu trong lòng người đọc cũng là nhờ hình ảnh thơ tuyệt đẹp

này. Và Chính Hữu cũng đã lấy hình ảnh thơ này làm tựa đề cho tập thơ gồm hai mươi tư bài của mình.

**3.Kết bài:**

* Thể thơ tự do, ngôn ngữ giản dị mộc mạc, bút pháp hiện thực, không một chút tô vẽ đắp điểm, không bình luận, thuyết minh.
* Bài thơ thiên về khai thác đời sống nội tâm tình cảm của người lính. Vẻ đẹp của “Đồng chí” là vẻ đẹp đời sống tâm hồn người lính mà nơi phát ra vầng sáng lung linh nhất là mối tình đồng đội, đồng chí hòa quyện vào tình giai cấp.
* Hình ảnh “Đầu súng trăng treo” ở cuối bài nâng vẻ đẹp người lính

lên đến đỉnh cao khái quát, trong đó có sự hài hòa giữa hiện thực và lãng mạn, đồng thời mang ý nghĩa tượng trưng sâu sắc.

# Nghệ thuật đặc sắc:

* Bài thơ thể hiện hình tượng người lính cách mạng và sự gắn bó keo sơn của tình đồng chí qua những chi tiết, hình ảnh, ngôn ngữ giản dị, chân thực, giàu sức biểu cảm.
* Đặc biệt, hình ảnh “đầu súng trăng treo” vừa hiện thực vừa tràn đầy cảm hứng lãng mạn, chất thơ thăng hoa từ chính những giây phút chiến đấu hiểm nguy, căng thẳng nhất, đã trở thành biểu tượng đẹp đẽ của tình đồng chí, như ánh sáng lung lính của vầng trăng treo trên đầu súng.

1. **Một số đề thường gặp**:

Bài tập 1:

a, Chỉ ra biện pháp tu từ trong các câu thơ sau:

“Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính”

(Chính Hữu) “Quê hương anh nước mặn đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá”

(Chính Hữu)

b. Viết một đoạn văn ngắn (với câu chủ đề là: Hình ảnh tu từ là kết quả của lao động nghệ thuật làm cho ý thêm sâu, tình thêm đượm, lời gọn mà nhã), nêu hiệu quả của một trong số những biện pháp tu từ mà em tìm được.

Bài tập 2: Cho đoạn thơ:

Quê hương anh nước mặn, đồng chua Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.

Anh với tôi hai người xa lạ

Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau, Súng bên súng, đầu sát bên đầu

Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ. Đồng chí!

(“Đồng chí”, Chính Hữu)

a, Trong những câu thơ trên có một từ bị chép sai. Đó là từ nào? Hãy chép lại chính xác câu thơ đó. Việc chép sai từ như vậy ảnh hưởng đến giá trị biểu cảm của câu thơ như thế nào?

b, Câu thứ sáu trong đoạn thơ trên có từ “tri kỉ”. Một bài thơ đã học trong: chương trình Ngữ văn lớp 9 cũng có câu thơ dùng từ “tri kỉ”.Đó là câu thơ nào? Thuộc bài nào?

Về ý nghĩa từ “tri kỉ” trong hai câu thơ đó có điểm gì giống, khác nhau?

c, Câu thơ thứ bảy trong đoạn thơ trên là một câu đặc biệt.Hãy viết đoạn văn khoảng 5 câu phân tích nét đặc sắc của câu thơ đó.

Bài tập 3: Viết đoạn văn tổng – phân – hợp trong đó có sử dụng câu hỏi tu từ, phân tích cái hay được sử dụng trong khổ cuối bài “Đồng chí” của Chính Hữu:

Đêm nay rừng hoang sương muối Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới Đầu súng trăng treo.

Bài tập 4: Trong bài thơ “Đồng chí”, Chính Hữu đã viết rất xúc động về người chiến sĩ trong kháng chiến chống Pháp:

Ruộng nương anh gửi bạn thân cày Gian nhà không, mặc kệ gió lung lay Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.

Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh Sốt run người vừng trán ướt mồ hôi Áo anh rách vai

Quần tôi có vài mảnh vá Miệng cười buốt giá Chân không giày

Thương nhau tay nắm lấy bàn tay.

Dựa vào đoạn thơ trên ,hãy viết một đoạn văn ( 10-12 câu) theo cách lập luận tổng phân hợp, trong đó có sử dụng phép thế và một câu phủ định để làm rõ sự đồng cảm, sẻ chia giữa những người đồng đội.

1. **Chữa đề:**

Bài tập 1:

a.

-Ngữ liệu 1:

+ Nhân hóa: “Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính”

+ Hoán dụ: “Giếng nước gốc đa”.

-Ngữ liệu 2:

+Hoán dụ: “nước mặn đồng chua” và “đất cày lên sỏi đá”.

b. Viết đoạn văn có chủ đề cho trước để phân tích tác dụng của biện pháp tu từ. Bài tập 2:

a.

* Trong đoạn thơ có từ bị chép sai là “hai”, phải chép lại là “đôi” : “Anh với tôi đôi người xa lạ”.
* Chép sai như vậy sẽ ảnh hưởng đến giá trị biểu cảm của câu thơ như sau: “Hai” là từ chỉ số lượng còn “đôi” là danh từ chỉ đơn vị. Từ “hai”chỉ sự riêng biệt, từ “đôi” chỉ sự không tách rời. Như vậy, phải chăng trong xa lạ đã có cơ sở của sự thân quen? Điều đó tạo nền móng cho chuyển biến tình cảm của họ.

b, -Câu thơ trong bài “Ánh trăng: của Nguyễn Duy cũng có từ“tri kỉ”:

“hồi chiến tranh ở rừng vầng trăng thành tri kỉ”

* Từ “tri kỉ” trong hai câu thơ cùng có nghĩa chỉ đôi bạn thân thiết, hiểu nhau. Nhưng trong mỗi trường hợp cụ thể, nét nghĩa có khác: ở câu thơ của Chính Hữu, “tri kỉ” chỉ tình bạn giữa người với người. Còn ở câu thơ của Nguyễn Duy, “tri kỉ” lại chỉ tình bạn giữa trăng với người.

c. Viết đoạn văn:

\*Về nội dung, chỉ cần chỉ ra được:

* Từ “đồng chí” đứng thành một câu thơ đặc biệt với dấu chấm than,vừa ngân vang như một tiếng gọi tha thiết; vừa tạo thành một nốt nhấn, lắng lại, như khẳng định về một tình cảm rất đỗi thiêng liêng.
* Bản lề gắn kết đoạn đầu và đoạn thứ hai của bài thơ: sáu câu thơ trên nói lên cơ sở hình thành tình đồng chí; mười câu dưới biểu hiện cụ thể và cảm động tình đồng chí.
* Hai tiếng “đồng chí” giản dị, đẹp đẽ, là điểm hội tu, kết tinh của bao tình cảm đẹp: tình giai cấp, tình bạn, tình người.

\*Về hình thức: không quy định cụ thể, nên có thể tự lựa chọn cấu trúc đoạn cho phù hợp, giới hạn 5 câu.

Bài tập 3:

* Về nội dung, cần chỉ ra được:
* Đêm khuya, nơi rừng hoang, dưới làn sương muối, những người lính đứng cạnh bên nhau phục kích chờ giặc. Nổi bật trên cảnh rừng đêm giá rét là ba hình ảnh gắn kết: khẩu súng – vầng trăng – người lính. Sức mạnh của tình đồng chí đã giúp họ vượt lên những khắc nghiệt của thời tiết và mọi gian khổ, thiếu thốn. Trong những đêm phục kích chờ giặc, họ đã phát hiện ra hình ảnh”Đầu súng trăng treo”. Hình ảnh rất thực và lãng mạn mang ý nghĩa biểu tượng gợi nhiều liên tưởng phong phú: súng và trăng là gần và xa, là thực tại và mơ mộng; súng là biểu tượng của chiến tranh, trăng là biểu tượng của hòa bình; chất chiến đấu và chất trữ tình; chiến sĩ và thi sĩ… Hai hình ảnh tưởng như đối lập song lại bổ sung, hài hòa với nhau làm đẹp thêm cuộc đời người lính cách mạng. Các anh chắc tay súng để bảo vệ vầng trăng hòa bình. Hình ảnh thơ thật đẹp và ý nghĩa biết bao! Có thể nói, đây là một sự phát hiện, một sáng tạo bất ngờ của tác giả, góp phần nâng cao giá trị bài thơ và trở thành nhan đề cho cả tập thơ.
* Về hình thức: trình bày đoạn văn theo cách tổng – phân –hợp, không giới hạn số câu và có sử dụng câu hỏi tu từ.

Bài tập 4:

* Về nội dung, cần chỉ ra được:
* Từ “mặc kệ”: thái độ dứt khoát ra đi khi lí tưởng đã rõ ràng,mục đích đã chọn lựa. Song dù dứt khoát thì vẫn nặng lòng với quê hương.
* Hình ảnh hoán dụ mang tính chất nhân hóa “Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính” tô đậm sự gắn bó của người lính với quê hương.
* Bằng những hình ảnh tả thực, hình ảnh sóng đôi, tác giả đã tái hiện chân thực những khó khăn thiếu thốn trong buổi đầu kháng chiến: thiếu lương thực, thiếu vũ khí, quân trang, thiếu thuốc men…Người lính phải chịu“từng cơn ớn lạnh”, những cơn sốt rét rừng hành hạ, sức khỏe giảm sút, song sức mạnh của tình đồng chí đã giúp họ vượt qua tất cả. Nếu như hình ảnh “Miệng cười buốt giá” làm ấm lên, sáng lên tinh thần lạc quan của người chiến sĩ trong gian khổ thì cái nắm tay lại thể hiện tình đồng chí, đồng đội thật sâu sắc! Cách biểu lộ chân thực, không ồn ào mà thấm thía. Những cái bắt tay truyền cho nhau hơi ấm, niềm tin và sức mạnh để vượt qua mọi khó khăn, gian khổ. Cái nắm tay nhau ấy còn là lời hứa hẹn lập công.
* Về hình thức: trình bày đoạn văn theo cách tổng –phân–hợp, giới hạn 10 -12 câu, trong đó có sử dụng phép thế và một câu phủ định

1. **Tư liệu tham khảo:**

***Nhà thơ Chính Hữu tâm sự về bài thơ “Đồng chí”***

**MỘT VÀI KỈ NIỆM NHỎ VỀ BÀI THƠ "ĐỔNG CHÍ"**

Vào cuối năm 1947, tôi tham gia chiến dịch Việt Bắc. Địch nhảy dù ở Việt Bắc và hành quân từ Bắc Kạn đến Thái Nguyên. Chúng tôi phục kích từng chăng đánh, truy kích binh đoàn Beaufré. Khi đó tôi là chính trị viên đại đội. Phải nói là chiến dịch vô cùng gian khố. Bản thân tôi cũng chỉ phong phanh trên người một bộ áo cánh, đầu không mũ, chân không giày. Đêm ngủ nhiều khi phải rải lá khô để nằm, không có chăn màn, ăn uống rất kham khổ vì đang trên đường hành quân truy kích địch. Tôi cũng phái có trách nhiệm chăm sóc anh em thương binh và chôn cất một số tử sĩ. Sau trận đó, tôi ốm, phải nằm lại

điều trị; đơn vị cử một đồng chí ở lại săn sóc tôi. Trong khi ốm, nằm ở nhà sàn heo hút, tôi làm bài thơ Đồng chí.

Bài thơ Đồng chí được làm sau bài thơ Ngày về. Tôi thấy lúc này làm thơ cao xa quá là vô trách nhiệm với những người cùng chiến đấu và hi sinh với mình. Trong bài thơ Đồng chí, tôi muốn nhấn mạnh đến tình đồng đội. Suốt cả cuộc chiến đấu chỉ có một chỗ dựa dường như là duy nhất đế tồn tại, để chiến đấu là tình đồng chí, tình đồng đội. Đồng chí ở đây là tình đồng đội, không có đồng đội tôi không thể nào làm tròn được trách nhiệm, không có đồng đội tôi cũng đã chết lâu rồi. Bài Đồng chí là lời tâm sự viết ra để tặng đồng đội, tặng người bạn nông dân của mình. Bài thơ viết có đối tượng. Tôi hiểu và quý mến người đồng đội của tôi nên tiếng nói thơ ca giản dị và chân thật. Tuy nhiên Đồng chí không phải là bài thơ nôm na. Trước Cách mạng, tôi có làm một ít thơ. Trong thơ, tôi cố gắng để nói cái cần nói, không nói dài, nói thừa. Tôi mong có được sự hàm súc, cô đọng của lời thơ, và hình ảnh thơ phải mang tính tạo hình. Tôi là lính của Trung đoàn Thù đô. Tôi vào bộ đội ngày 19 - 12 - 1946. Bước vào cuộc kháng chiến, tuổi trẻ nhiều lúc bốc men say. Bài Ngày về phán ánh một mặt khía cạnh của tâm trạng tôi và bài Đồng chí cũng phản ánh một mặt của tình cảm tôi. Bài thơ được làm nhanh. Tôi làm để tặng bạn.

Tôi không phải là nông dân và quê hương tôi cũng không phải trong cảnh "nước mặn đồng chua” hoặc đất cằn cỗi sỏi đá. Cái tôi trong bài thơ có những chi tiết không phải là tôi mà là của bạn, nhưng về cơ bản thì là của tôi. Tất cả những hình ảnh gian khổ của đời lính thiếu ăn, thiếu mặc, sốt rét, bệnh tật... bạn và tôi đều cùng trải qua. Trong những hoàn cảnh đó, chúng tôi là một, gắn bó trong tình đồng đội. Viết về bộ đội nhưng thơ tôi thiên về khai thác đời sống nội tâm, tình cảm, ít có những chuyện đùng đoàng, chiến đấu. Tôi làm bài Đồng chí cũng là tình cảm chân tình tự nhiên không có sự gò ép, gắng gượng nào và nó cũng nằm trong tư duy thơ ca quen thuộc của tôi. Bài thơ có những hình ảnh cô đúc như đầu súng trăng treo. Tôi thấy có bạn phân tích hình ảnh đầu súng là tượng trưng cho người chiến sĩ đang bảo vệ quê hương và vầng trăng tượng trưng cho quê hương thanh bình. Tôi không nghĩ thế khi viết, còn hình tượng thơ có thể gợi cho người đọc nghĩ thế là tùy ở các bạn. Vấn đề đối vối tôi đơn giản hơn. Trong chiến dịch nhiều đêm có trăng. Đi phục kích giặc trong đêm trước mắt tôi chỉ có ba nhân vật: khẩu súng, vầng trăng và người bạn chiến đấu. Ba nhân vật quyện với nhau tạo ra hình ảnh "đầu súng trăng treo". Lúc đầu tôi viết là "đầu súng mảnh trăng treo" sau đó bớt đi một chữ. "Đầu súng trăng treo", ngoài hình ảnh bốn chữ này còn có nhịp điệu như nhịp lắc của một cái gì lơ lửng chông chênh trong sự bát ngát. Nó nói lên một cái gì lơ lửng ở rất xa chứ không phải là buộc chặt, suốt đêm vầng trăng ở bầu trời cao xuống thấp dần và có lúc như treo lơ lửng trên đầu mũi súng. Những đêm phục kích chờ giặc, vầng trăng đối với chúng tôi như một người bạn ; rừng hoang sương muối là một khung cảnh thật. Rừng mùa đông ở Việt Bắc rất lạnh, nhất là vào những đêm có sương muối. Sương muối làm buốt tê da như những mũi kim châm và đến lúc nào đó bàn chân tê cứng đến mất cảm giác. Tất cả những gian khố của đời lính trong giai đoạn này thật khó kế hết nhưng chúng tôi vẫn vượt lên được nhờ ở sự gắn bó, tiếp sức của tình đồng đội trong quần ngũ. Cho đến hôm nay, mỗi khi nghĩ đến tình đồng đội năm xưa, lòng tôi vẫn còn xúc động, bồi hồi. (***Nhà văn nói về tác phẩm***, NXB Văn học, Hà Nội, 1994)

# VỀ BÀI THƠ “ĐỒNG CHÍ”…

( Theo thầy Nguyễn Công Đức – GV trường THCS Quảng An – Hà Nội )

Nói đến thơ ca thời kì kháng chiến chống Pháp không thể không nói đến Đồng chí (1948) của Chính Hữu. Bài thơ mang vẻ đẹp của tình đồng đội, đồng chí giản dị, mộc mạc mà sâu sắc của những người lính cách mạng trong những tháng ngày kháng chiến gian lao.

Nhà thơ Chính Hữu đã từng nói về tác phẩm của mình:

"... Trong bài thơ Đồng chí, tôi muốn nhấn mạnh đến tình đồng đội. Suốt cả cuộc chiến đấu, chỉ có một chỗ dựa dường như là duy nhất để tồn tại, để chiến đấu là tình đồng chí, tình đồng đội. Đồng chí ở đây là tình đồng đội. Không có đồng đội, tôi không thể nào hoàn thành được trách nhiệm, không có đồng đội, có thể nói, tôi cũng chết lâu rồi. Bài Đồng chí là lời tâm sự viết ra để tặng đồng đội, tặng người bạn nông dân của mình."

Thật vậy, không gian trữ tình trong Đồng chí giá buốt mà không lạnh lẽo. Hơi ấm toả ra từ tình người, từ tình tri kỉ, kề vai sát cánh bên nhau của những con người chung lí tưởng, chung chí hướng. Đứng trong hàng ngũ cách mạng, chiến đấu cho độc lập, tự do của Tổ quốc, người lính vượt lên trên mọi gian khó bằng sự sẻ chia, đồng tâm hiệp lực. Họ sống trong tình đồng đội, nhờ đồng đội, vì đồng đội.

Những người đồng đội ấy thường là những người "nông dân mặc áo lính". Điểm giống nhau về cảnh ngộ xuất thân giúp họ có thể dễ dàng gần gũi, đồng cảm với nhau:

*Quê hương anh nước mặn, đồng chua Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.*

*Anh với tôi đôi người xa lạ*

*Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau,*

"Anh và tôi" từ những vùng quê khác nhau, chỉ giống nhau cái nghèo khó của đất đai, đồng ruộng. Anh từ miền quê ven biển: "nước mặn đồng chua". Tôi từ vùng đất cao "cày lên sỏi đá". Hai người xa lạ, từ hai phương trời xa lạ trở thành tri kỉ:

*Súng bên súng, đầu sát bên đầu Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ*

Những người "nông dân mặc áo lính" ấy gặp nhau trong cuộc chiến đấu vì chính cuộc sống của họ, cùng đứng trong hàng ngũ những "người lính cụ Hồ". Sự nghiệp chung của dân tộc đã xoá bỏ mọi khoảng cách xa lạ về không gian nơi sinh sống của mỗi người. ""Súng bên súng" là chung chiến đấu, "đầu sát bên đầu" thì chung rất nhiều: không chỉ là gần nhau về không gian mà còn chung nhau ý nghĩ, lí tưởng" (Trần Đình Sử - Đọc văn học văn, Sđd). Đến khi đắp chung chăn trong đêm giá rét thì họ đã thực sự là anh em một nhà. Nhà thơ Tố Hữu cũng từng viết: "Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng" để thể hiện tình kháng chiến gắn bó, bền chặt. Để nói về sự gần gũi, sẻ chia, về cái thân tình ấm áp không gì hơn là hình ảnh đắp chăn chung. Như thế, tình đồng chí đã bắt nguồn từ cơ sở một tình tri kỉ sâu sắc, từ những cái chung giữa "anh" và "tôi".

Câu thơ thứ bảy chỉ gồm hai tiếng: "Đồng chí". Nếu không kể nhan đề thì đây là lần duy nhất hai tiếng "đồng chí" xuất hiện trong bài thơ, làm thành riêng một câu thơ. Câu này có ý nghĩa quan trọng trong bố cục của toàn bài. Nó đánh dấu một mốc mới trong mạch cảm xúc và bao hàm những ý nghĩa sâu xa. Sáu câu thơ đầu là tình đồng đội tri kỉ, đến đây được nâng lên thành tình đồng chí thiêng liêng. Đồng chí nghĩa là không chỉ có sự gắn bó thân tình mà còn là cùng chung chí hướng cao cả. Những người đồng chí - chiến sĩ hoà mình trong mối giao cảm lớn lao của cả dân tộc. Gọi nhau là đồng chí thì nghĩa là đồng thời với tư cách họ là những con người cụ thể, là những cá thể, họ còn có tư cách quân nhân, tư cách của "một cây" trong sự giao kết của "rừng cây", nghĩa là từng người không chỉ là riêng mình. Hai tiếng đồng chí vừa giản dị, thân mật lại vừa cao quý, lớn lao là vì thế.

ở phần tiếp theo của bài thơ, với những chi tiết, hình ảnh cụ thể tác giả đã thể hiện tình cảm sâu sắc của những người đồng chí. Trước hết, họ cùng chung một nỗi nhớ quê hương:

*Ruộng nương anh gửi bạn thân cày Gian nhà không, mặc kệ gió lung lay Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.*

Trong nỗi nhớ quê hương ấy có nỗi nhớ ruộng nương, nhớ ngôi nhà, nhớ giếng nước, gốc đa. Nhưng ruộng nương cũng như nhớ tay ai cày xới, ngôi nhà nhớ người trong lúc gió lung lay, và giếng nước, gốc đa cũng đang thầm nhớ người ra đi. Nỗi nhớ ở đây là nỗi nhớ hai chiều. Nói "giếng nước, gốc đa nhớ người ra lính" cũng là thổ lộ nỗi nhớ cồn cào về giếng nước, gốc đa. Tình quê hương luôn thường trực, đậm sâu trong những người đồng chí, cũng là sự đồng cảm của những người đồng đội. Người lính hiện ra cứng cỏi, dứt khoát lên đường theo tiếng gọi non sông song tình quê hương trong mỗi người không khi nào phai nhạt. Và bên cạnh hình bóng quê hương, điểm tựa vững chắc cho người lính, là đồng đội:

*Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh Sốt run người vừng trán ướt mồ hôi*

*áo anh rách vai*

*Quần tôi có vài mảnh vá Miệng cười buốt giá Chân không giày*

*Thương nhau tay nắm lấy bàn tay.*

Kể sao xiết những gian khổ mà người lính phải trải qua trong chiến đấu. Nói về cái gian khổ của người lính trong kháng chiến chống Pháp, ta nhớ đến cái rét xé thịt da trong bài *Lên Cấm Sơn* của Thôi Hữu:

*Cuộc đời gió bụi pha sương máu Đợt rét bao lần xé thịt da*

*Khuôn mặt đã lên màu tật bệnh Đâu còn tươi nữa những ngày hoa! Lòng tôi xao xuyến tình thương xót Muốn viết bài thơ thấm lệ nhòa*

Nhớ đến cái ác nghiệt của bệnh sốt rét trong Tây Tiến của Quang Dũng:

*Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc Quân xanh màu lá dữ oai hùm.*

Ta cũng có thể thấy cái buốt giá của núi rừng Việt Bắc, cái ớn lạnh toát mồ hôi của bệnh sốt rét trong những câu thơ của Chính Hữu. Nhưng nếu như Thôi Hữu viết về cái rét xé thịt da để khắc hoạ những con người chấp nhận hi sinh, "Đem thân xơ xác giữ sơn hà", Quang Dũng nói đến sốt rét để tô đậm vẻ đẹp bi tráng của những người chiến sĩ thì Chính Hữu nói về cái rét, cái ác nghiệt của sốt rét là để nói về tình đồng đội, đồng chí trong gian khổ, là sự thấu hiểu, cảm thông giữa những người lính. Trong bất cứ sự gian khổ nào cũng thấy họ sát cánh bên nhau, san sẻ cho nhau: "Anh với tôi biết...", "áo anh... - Quần tôi...", "tay nắm lấy bàn tay". Cái "Miệng cười buốt giá" kia là cái cười trong gian khổ để vượt lên gian khổ, cười trong buốt giá để lòng ấm lên, cũng là cái cười đầy cảm thông giữa những người đồng đội. Giá buốt mà không lạnh lẽo cũng là vì thế.

Bài thơ kết bằng hình tượng những người đồng chí trong thời điểm thực tại, khi họ đang làm nhiệm vụ chiến đấu:

*Đêm nay rừng hoang sương muối Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới Đầu súng trăng treo.*

Có thể xem đây là một trong những hình ảnh thơ đẹp nhất về người lính trong thơ ca kháng chiến. Ba câu thơ phác ra một bức tranh vừa mang chất chân thực của bút pháp hiện thực, vừa thấm đẫm cái bay bổng của bút pháp lãng mạn. Trên sắc xám lạnh của nền cảnh đêm rừng hoang sương muối, hiện lên hình ảnh người lính - khẩu súng - vầng trăng. Dưới cái nhìn của người trong cuộc, người trực tiếp đang cầm súng, trong một sự kết hợp bất ngờ, đầu súng và vầng trăng như không còn khoảng cách xa về không gian, để thành: "Đầu súng trăng treo.". Sự quan sát là hiện thực, còn sự liên tưởng trong miêu tả là lãng mạn. Hình ảnh súng tượng trưng cho hành động chiến đấu, tinh thần quyết chiến vì đất nước. Trăng tượng trưng cho cái đẹp yên bình, thơ mộng. Hình ảnh "đầu súng trăng treo" mang ý nghĩa khái quát về tư thế chủ động, tự tin trong chiến đấu, tâm hồn phong phú của người lính. Nói rộng ra, hai hình ảnh tương phản sóng đôi với nhau tạo nên biểu tượng về tinh thần, ý chí sắt đá mà bay bổng, trữ tình của dân tộc Việt Nam.

Những người lính là đồng đội, đồng chí, cả dân tộc là đồng chí. Người nghệ sĩ cũng trở thành đồng chí, nên Hồng Nguyên và Chính Hữu đồng cảm với nhau trước những người áo vải:

*Lũ chúng tôi Bọn người tứ xứ*

*Gặp nhau hồi chưa biết chữ Quen nhau từ buổi "một hai" Súng bắn chưa quen,*

*Quân sự mươi bài,*

*Lòng vẫn cười vui kháng chiến Lột sắt đường tàu,*

*Rèn thêm dao kiếm, áo vải chân không, Đi lùng giặc đánh.*

Chung nhau cảnh ngộ, chung nhau lí tưởng, chung nhau cái rét, cái khổ,... những người lính - những người đồng chí sống, chiến đấu vì sự nghiệp chung của dân tộc. Bài thơ “Đồng chí” đã thể hiện rất rõ vẻ đẹp của những con người sống và chiến đấu cho hạnh phúc, tự do.

# CHUYÊN ĐỀ 7:

# BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH

***Phạm Tiến Duật***

**I. Đọc, tìm hiểu chung về văn bản**

***1. Tác giả, tác phẩm.***

Phạm Tiến Duật sinh năm 1941.

Quê: Phú Thọ.

- Nhà thơ trẻ, trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ.

- Chiến đấu ở binh đoàn vận tải Trường Sơn.

- Phong cách: sôi nổi, hồn nhiên, sâu sắc.

- Đoạt giải nhất về cuộc thi thơ của tuần báo *Văn nghệ,* 1970.

- Tác phẩm chính:

+ *Vầng trăng quầng lửa (1971)*

+ *Thơ một chặng đường (1994)*

Bài thơ được viết năm 1969, in trong tập thơ “Vầng trăng quầng lửa”.

***2. Đọc, chú thích (SGK)***

- Nhan đề : nói về những chiếc xe không kính để ca ngợi những người chiến sĩ lái xe vận tải Trường Sơn, kiên cường, dũng cảm, sôi nổi trẻ trung trong những năm chiến tranh chống Mỹ.

- Thu hút người đọc ở vẻ khác lạ độc đáo. Đó là chất thơ của hiện thực chiến tranh.

**II. Đọc, tìm hiểu bài thơ**

***1. Hình ảnh những chiếc xe không kính***

Xe không kính vì bom giật, bom rung.

- Động từ mạnh, cách tả thực rất gần gũi với văn xuôi, có giọng thản nhiên pha một chút ngang tàn, khơi dậy không khí dữ dội của chiến tranh.

- Không kính, không đèn.

- Không có mui, thùng xe xước.

Liên tiếp một loạt các từ phủ định diễn tả độc đáo chân thực những chiếc xe trên đường ra trận. Trong chiến tranh, những hình ảnh như vậy không phải là hiếm. Những người lính có một tâm hồn thơ nhạy cảm, ngang tàng, tinh nghịch. Những chiếc xe không kính hiện lên thực tới mức trần trụi, khơi gợi sự khốc liệt của chiến tranh trong những năm chống Mỹ cam go khốc liệt. Dù trải qua muôn vàn gian khổ, những chiếc xe ấy vẫn băng băng ra chiến trường.

***2. Hình ảnh người chiến sĩ lái xe.***

- Tác giả để cho những người chiến sĩ lái xe xuất hiện trong hoàn cảnh đặc biệt.

- Họ vẫn ở tư thế ung dung, hiên ngang, oai hùng mặc dù trải qua muôn vàn thiếu thốn, gian khổ.

+ Nhìn: đất, trời, nhìn thẳng

+ Thấy: gió vào xoa mắt đắng; con đường chạy thẳng vào tim; sao trời đột ngột cánh chim.

Đó là cái nhìn đâm chất lãng mạn, chỉ có ở những con người can đảm, vượt lên trên những thử thách khốc liệt của cuộc sống chiến trường.

- Điệp từ, nhịp thơ dồn dập, giọng khoẻ khoắn, tràn đầy niềm vui.

- Phạm Tiến Duật cũng là một người lính, anh chứng kiến những người lính ở bao hoàn cảnh khác nhau với chất liệu thực tế tư thế của người lái xe, tư thế làm chủ hoàn cảnh, ung dung tự tại bao quát trời thiên nhiên.

- Tư thế sẵn sàng băng ra trận, người lính hoà nhập vào thiên nhiên, tìm thấy niềm vui, niềm hạnh phúc trong chiến đấu.

- Nhà thơ cảm nhận được tốc độ đang lao nhanh của chiếc xe: “Gió vào xoa mắt đắng”, “Con đường chạy thẳng vào tim”: cả thiên nhiên vũ trụ như ùa vào buồng lái.

Bụi phun, mưa tuôn, mưa xối,gió xoa mắt đắng, người lính vẫn cười ngạo nghễ (*cười ha ha*)*:*Thể hiện tinh thần dũng cảm, lạc quan, sôi nổi, vui tươi; sẵn sàng vượt qua mọi khó khăn gian khổ để hoàn thành nhiệm vụ.

Đó là những con người có tính cách tươi trẻ, vui nhôn, luôn yêu đời. Tinh thần lạc quan và tình yêu cuộc sống giúp họ vượt qua những gian lao thử thách.

“Những chiếc xe từ trong bom rơi… bắt tay qua cửa kính vỡ rồi”

Người đọc lần đẩu tiên bắt gặp trong thơ những hình ảnh thật lãng mạn, hào hùng: những người lính bắt tay qua cửa kính vỡ. Cái bắt tay thay cho mọi lời chào hỏi, lời hứa quyết tâm, ra trận, lời thề quyết chiến thắng, truyền sức mạnhcho nhau vượt qua gian khổ.

- Bếp Hoàng Cầm dựng giữa trời.

- Chung bát đũa: gia đình

- Mắc võng chông chênh: tình đồng chí, đồng đội keo sơn, gắn bó.

*Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước.*

*Chỉ cần trong xe có một trái tim*

Cách kết thúc bài thơ rất bất ngờ nhưng cũng rất giàu sức thể hiện: mặc cho bom rơi, đạn nổ, mặc cho gió, mưa quất thẳng vào buồng lái, mặc cho muôn vàn thiếu thốn, hiểm nguy, những chiếc xe vẫn chạy, “chỉ cần trong xe có một trái tim”. Đó là trái tim yêu nước,mang lý tưởng khát vọng cao đẹp, quyết tâm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Hình ảnh người chiến sĩ lái xe gắn liền với sự hy sinh gian khổ của những cô gái thanh niên xung phong.

**Đề bài: Cảm nhận về vẻ đẹp hình ảnh người chiến sĩ lái xe trong bài thơ “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật.**

Theo cô Hoàng Thị Vĩnh – GV trường THCS Đằng Hải – Hải Phòng.

# Mở bài:

* Phạm Tiến Duật là nhà thơ trẻ trưởng thành từ cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta. Thơ ông đậm chất lính. Những trang thơ tác giả viết về người lính thường có giọng điệu ngang tàn, tinh nghịch mà sâu sắc. “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” thể hiện rõ nét phong cách nghệ thuật ấy. Nhà thơ đã xây dựng hình tượng độc đáo: những chiếc xe không kính vẫn băng băng ra trận để làm nổi bật vẻ đẹp người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn,một thời khói bom đạn lửa.

# II,Thân bài:

* 1. **Khái quát(Dẫn dắt vào bài):**
* “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” được nhà thơ sáng tác vào năm 1969 – đây là thời điểm gay go, ác liệt nhất của cuộc kháng chiến chống Mỹ. Từ khắp các giảng đường đại học, hàng ngàn sinh viên đã gác bút nghiên để lên đường đánh giặc, và điểm nóng lúc đó là tuyến đường Trường Sơn – con đường huyết mạch nối liền hậu phương với tiền tuyến. Ở đó, không lực Hoa Kì ngày đêm trút bom, vãi đạn hòng ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho chiến trường miền Nam.Vượt qua mưa bom bão đạn của kẻ thù, đoàn xe vận tải vẫn ngày đêm bất chấp gian khổ và hi sinh để ra trận. Phạm Tiến Duật đã ghi lại những hình ảnh tiêu biểu của nơi khói lửa Trường Sơn. Có thể nói, hiện thực đã đi thẳng vào trang thơ của tác giả và mang nguyên vẹn hơi thở của cuộc chiến. Ra đời trong hoàn cảnh ấy, bài thơ với âm điệu hào hùng, khỏe khoắn đã thực sự trở thành hồi kèn xung trận, trở thành tiếng hát quyết thắng của tuổi trẻ Việt Nam thời kì chống Mĩ. Cảm hứng từ những chiếc xe không kính đã làm nền để nhà thơ chiến sĩ khắc họa thành công chân dung người chiến sĩ lái xe: ung dung, tự tại, lạc quan, sôi nổi, bất chấp gian khổ hi sinh, tình đồng đội gắn bó và tình yêu đất nước lớn lao.

# Phân tích:

* Ngay từ những dòng thơ mở đầu, người lính lái xe đã giới thiệu về những chiếc xe đặc biệt của mình:

“Không có kính không phải vì xe không có kính Bom giật bom rung kính vỡ đi rồi”.

Cái hay của câu thơ không chỉ ở nhạc điệu mà còn ở cách nói rất dí dỏm với những lời lẽ tự nhiên, mộc mạc. Ba chữ “không” đi liền nhau cùng động từ “giật”,”rung” khiến câu thơ có cái ngang tàn như lời nói thường, nhưng chứa đựng trong đó là cái nhìn lạc quan của người lính lái xe về sự ác liệt của chiến tranh. Nhà thơ – người lính như đang phân bua, như đang giải thích một cách tinh nghịch cho sự không trọn vẹn của những chiếc xe: “Không có kính, rồi xe không có đèn

Không có mui xe,thùng xe có xước”.

Song, chính trong cái ác liệt của cuộc chiến, chính từ những cái “không” đó thì **tư thế ung dung** của những người lính lại được thể hiện rõ nét:

“Ung dung buồng lái ta ngồi Nhìn đất, nhìn trời,nhìn thẳng”.

Tư thế của những người lính lái xe mới ung dung và đường hoàng làm sao! Đặt từ “ung dung” lên đầu câu, dường như nhà thơ muốn nhấn mạnh vào tư thế chủ động trước hoàn cảnh. Con mắt “nhìn đất”, “nhìn trời”,”nhìn thẳng” mang vẻ đẹp trang nghiêm, bất khuất như một lời thề. Chữ “nhìn thẳng”khiến ta hình dung như họ đang đối mặt thẳng thắn với gian khổ, hi sinh mà không hề né tránh, không hề run sợ. Không có kính chắn gió, người lính lái xe đã bình tĩnh, tự tin để mà:

“ Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng

Thấy con đường chạy thẳng vào tim

Thấy sao trời và đột ngột cánh chim

Như sa, như ùa vào buồng lái”.

Nhịp thơ khoan thai, cùng cách điệp lại từ “nhìn” với các hình ảnh cụ thể như “gió” – “con đường”,”sao trời”,”cánh chim”… đã diễn tả một cách chân thực và sinh động cảm giác, ấn tượng của người lính lái xe không kính trên đường ra trận. Lúc này, mọi khó khăn, nguy hiểm đã lùi lại, nhường chỗ để các anh đón nhận những âm thanh trong trẻo, ùa vào khoảng lặng của cuộc chiến ác liệt. Cuộc sống đẹp biết bao! Tâm hồn lãng mạn đã thăng hoa trong bội bề gian truân, mất mát. Sao trời vẫn sáng đường chiến dịch; cánh chim bền bỉ, đột ngột mà không cô đơn. Từ “đột ngột” được dùng rất “đắt” trong câu đảo thành phần này đã diễn tả động thái đẹp của thiên nhiên, của cánh chim trời. Cánh chim được nghệ thuật hóa, để rồi được nhân hóa qua hai từ “sa”, “ùa” hết sức tự nhiên, không vướng bận. Tất cả cho thấy vẻ đẹp tâm hồn của người lính lái xe Trường Sơn. Đúng là “Đường ra trận mùa này đẹp lắm! Trường Sơn Đông nhớ Trường Sơn Tây”. Có thể nói, người lính đã chiến thắng bom đạn của kẻ thù bằng cái nhìn bình thản. Con đường chạy thẳng vào tim mà họ nhìn thấy không chỉ là con đường chiến lược Trường Sơn xe đang đi mà đó còn là con đường cách mạng,con đường giải phóng miền Nam, con đường mà thế hệ trẻ Việt Nam đã mang cả tuổi thanh xuân, máu xương của mình để giữ gìn, bảo vệ; đẹp mà hiên ngang, gian khổ mà **lạc quan**, chất lãng mạn hòa quyện trong yếu tố hiện thực.

* Vẻ đẹp trong hình tượng người lính lái xe còn được nhà thơ khắc họa cụ thể khi đối mặt với những khó khăn, gian khổ - không chỉ là gió, mà còn là mưa, bụi Trường Sơn:

“Không có kính, ừ thì có bụi

Bụi phun tóc trắng như người già

Chưa cần rửa, phì phèo châm điếu thuốc Nhìn nhau mặt lấmcười ha ha.

Không có kính, ừ thì ướt áo

Mưa tuôn mưa xối như ngoài trời Chưa cần thay, lái trăm cây số nữa Mưa ngừng,gió lùa khô mau thôi”.

Lặp cấu trúc câu, cùng với điệp ngữ “ừ thì”,”chưa cần”… nhà thơ đã đem đến cho đoạn thơ giọng điệu ngang tàn, giàu thách thức. Những câu thơ tả thực, những cái “ừ” bất chấp nhưng không hề lộ ra là cẩu thả, luộm thuộm. Hẳn đó là nhờ chất lính, dẫu mưa có tuôn, có xối, dẫu bụi có phun bạc trắng mái đầu thì người lính vẫn “chưa cần thay”,”chưa cần rửa” để lái trăm cây số nữa. Thật là biết đùa cùng gian khó! Giọng thơ đã thể hiện trọn vẹn thái độ bất chấp khó khăn, coi thường hiểm nguy của người lính lái xe. Với họ,

những gian khổ khi lái xe không kính ra trận chẳng hề hấn gì. Hai khổ thơ đầy ắp chi tiết hiện thực qua cách dùng từ “xối”,”tuôn”,”phun”. Đó là những gian khổ rất thực như một kiểu hút thuốc phì phèo, một tiếng cười ha ha sảng khoái, một mái đầu bụi phun tóc trắng. Tất cả thể hiện sự bất chấp cuộc sống đầy gian khó bằng **niềm vui sôi nổi, trẻ trung và bằng tinh thần lạc quan** của người lính lái xe những năm chống Mỹ.

* Một nét đẹp trong hình ảnh người lính lái xe trên đường ra trận là **tình đồng chí, đồng đội gắn bó:**

“Những chiếc xe từ trong bom rơi

Đã về đây họp thành tiểu đội

Gặp bè bạn suốt dọc đường đi tới

Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi.

Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời

Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy”

Tình cảm của những người lính trẻ được nhà thơ diễn tả rất đúng, rất phù hợp với phong cách của họ. Sau những chặng đường đầy gian khổ,đầy mất mát hy sinh, họ đã cùng nhau họp thành tiểu đội xe không kính. Cái bắt tay của họ rất độc đáo – “Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi” – một cái bắt tay mang đầy ý nghĩa. Nó là biểu tượng của niềm tin thắng trận, là lời chúc, lời chào,niềm vui và niềm tự hào. Ở đây, nhà thơ đưa ra một khái niệm hết sức mới mẻ về gia đình: “Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy”. Đó là gia đình của những con người cùng chung chí hướng, cùng chung nhiệm vụ. Rõ ràng, những người lính thương yêu nhau như tình ruột thịt. Từ nơi chiến trường ác liệt, họ đã làm thành một gia đình,

tạm nghỉ bên nhau, và quây quần trong bữa cơm hội ngộ, để rồi: “Võng mắc chông chênh đường xe chạy

Lại đi lại đi trời xanh thêm”.

Câu thơ ngắt nhịp 2/2/3, như nhịp hành quân, như niềm lạc quan tin tưởng của người lính lái xe trên đường ra trận. Từ “chông chênh” gợi lên tư thế của người lính, họ vừa đi vừa có người ngủ trên xe, vừa có người chạy xe để xe được chạy liên tục. Từ “chông chênh” giàu sức gợi như tạo hình cho giấc ngủ của người lính. Điệp từ “lại đi” và hình ảnh “trời xanh thêm” khẳng định những người lính như không ngừng tiến tới, không ngừng ra đi vì bầu trời xanh bình yên phía trước, vì viễn cảnh rộng lớn hơn.

* Vẻ đẹp của người chiến sĩ lái xe được nhà thơ hoàn thiện trong sự hài hòa với hiện thực cuộc sống chiến đấu, hài hòa giữa chất hiện thực nghiệt ngã và lãng mạn:

“Không có kính rồi xe không có đèn Không có mui xe,thùng xe có xước Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước Chỉ cần trong xe cómột trái tim”.

Ba chữ “không” lại một lần nữa khẳng định mức độ ác liệt của cuộc chiến in dấu trên những chiếc xe ra trận: “không kính”,”không đèn”,”không mui” và lại có thêm cái xước. Phép liệt kê cho thấy bom đạn của giặc Mỹ đã làm biến dạng, làm méo mó, làm trơ trụi những chiếc xe ra trận. Song đối lập với những cái “không” ấy là một cái “có” – “Có một trái tim” ở trong xe. “Trái tim”là hình ảnh hoán dụ mang ý nghĩa tượng trưng, đó chính là người chiến sĩ lái xe, là sức mạnh và tinh thần quả cảm, là nhiệt huyết của tuổi trẻ, **là ý chí chiến đầu giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, là tình yêu Tổ quốc thiết tha.** Hình ảnh này đã khẳng định: khi trái tim cầm lái thì mọi gian khổ, hiểm nguy đều được người lính chấp nhận và vượt qua với tư thế ung dung và niềm vui sôi nổi, lạc quan phơi phới. Hình ảnh này cũng khẳng định bom đạn của kẻ thù chỉ có thể phá hủy được những chiếc xe chứ không thể ngăn cản được nhiệt huyết cứu nước của những con người: “Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước/Mà lòng phơi phới dậy tương lai” (Tố Hữu).

# Ý kiến đánh giá, bình luận:

* Chân dung người lính lái xe Trường Sơn được nhà thơ khắc họa chân thực trong “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” với bao phẩm chất cao đẹp. Đó là vẻ đẹp của tuổi trẻ, của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam thời chốngMỹ. Họ là những chiến binh, sống, chiến đấu và chiến thắng trong tư thế hiên ngang, trong niềm lạc quan yêu đời.

# III.Kết bài:

-Viết theo thể thơ tự do, “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” vừa có chất tự sự,vừa thấm đẫm chất trữ tình. Với ngôn ngữ chân thực, đời thường và giọng điệu thơ ngang tàn, hóm hỉnh, bài thơ đã đem đến cho người đọc ấn tượng không thể nào quên về vẻ đẹp của người lính cách mạng. Vẻ đẹp ấy làm sống lại trong mỗi chúng ta một thời gian khổ và hào hùng của dân tộc những năm chống Mỹ.

**Đề bài:**

**Cảm nhận ba khổ thơ cuối "Bài thơ về tiểu đội xe không kính"của Phạm Tiến Duật.**

Theo cô Nguyễn Thị Kim Lan – Chuyên viên Sở GD&ĐT Hải Phòng.

Đoàn giải phóng quân một lần ra đi.

Nào có sá chi đâu ngày trở về.

Ra đi ra đi bảo tồn sông núi.

Ra đi ra đi thà chết chớ lui.

Khúc hát quen thuộc từ xa chợt vọng lại gợi trong lòng chúngta biết bao suy tưởng. Chúng ta như được sống lại một thời hào hùng của dân tộc theo tiếng hát sôi nổi trẻ trung và cũng bình dị như cuộc đời người lính. Không biết đã có bao nhiêu bài thơ nói về họ - những chàng Thạch Sanh của thế kỉ hai mươi. Tiêu biểu cho thời kì chống Mĩ cứu nước là Bài thơ về tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật. Qua hình ảnh những chiếc xe không kính,bài thơ ca ngợi chủ nghĩa anh hùng và vẻ đẹp tâm hồn của thế hệ trẻ Việt Nam. Ba khổ thơ cuối là đỉnh điểm của mạch cảm xúc và tứ thơ được nảy nở sáng rõ,để lại ấn tượng trong lòng độc giả về cuộc chiến trang ác liệt trên tuyến đường Trường Sơn và phẩm chất cao đẹp của người lính lái xe.

Bài thơ có bảy khổ thơ ,khổ nào cũng có hình ảnh chiếc xe ,hình ảnh anh bộ đội cụ Hồ và cái ác liệt cùng sự anh hùng. Từ những chiếc xe tải không kính trên tuyến đường Trường Sơn,xe qua bom giật ,bom rung ,bom rơi ,bom nổ ta vẫn thấy được tinh thần ung dung, bình tĩnh, hiên ngang, dũng cảm của người lính lái xe. Mỗi khổ thơ hiện lên một vẻ đẹp của người chiến sĩ,càng đọc ta càng thấy trân trọng, cảm phục phẩm chất của người chiến sĩ lái xe .Bức chân dung đẹp ấy lại được khắc họa rõ nét qua tình cảm đồng chí đồng đội nồng ấm, và tình yêu Tổ Quốc thiêng liêng cao cả, ý chí chiến đấu giải phòng miền Nam.

Ở 3 khổ thơ cuối ,chân dung tâm hồn của người lính lái xe được gợi ra cũng chính từ hình ảnh những chiếc xe không có kính:

Những chiếc xe từ trong bom rơi

Đã về đây họp thành tiểu đội

Gặp bè bạn suốt dọc đường đi tới

Bắt tay nhau qua cửa kính vở rồi

Anh lính lái xe thật nhiều bè bạn. Từ nơi cảm tử, họ tìm về nhau. Câu thơ “Những chiếc xe từ trong bom rơi” gợi về cuộc chiến thật ác liệt. Người chiến sĩ lái xe phải đối diện với mưa bom, lửa đạn, với cả thần chết ở bất cứ lúc nào. Trong hoàn cảnh ác liệt ấy,điều gì khiến các anh trở về được bình an? Thơ Phạm Tiến Duật đã chỉ ra điều kì diệu ấy: “Đã về đây họp thành tiểu đổi”. Chữ “họp” gợi sự đoàn tụ, sự bảo toàn. Thì ra, vì không thể thiếu nhau, không thể vắng nhau, những người đồng đội ấy đã băng qua mưa bom bão đạn để “về” trong vòng tay nhau, vòng tay của sự sống và chiến thắng. Ta thấy ở họ sáng ngời

lên một tình cảm đẹp, tình đồng đội! Tình cảm ấy tạo ra sức mạnh để chiến đấu, chiến thắng. Trong những năm kháng chiến chống Pháp, nhà thơ Chính Hữu cũng đã phát hiện sức mạnh của tình cảm đó trong bài thơ “Đồng chí”. Hình ảnh “Thương nhau tay nắm lấy bàn tay” của những người nông dân mặc áo lính xưa chính là sự thầm lặng sẻ chia cảnh ngộ và cùng chung lí tưởng sống. Hình ảnh “Bắt tay nhau qua cửa kính vỡ rồi” có gì đó mới hơn, trẻ hơn. Vẫn là cái bắt tay thân thiện, giản dị, mộc mạc mà gần gũi qua ô cửa kính đã vỡ. Cái bắt tay ấy như lời hẹn chiến thắng, như truyền sức mạnh, như truyền sự tự tin và hào khí tuổi trẻ. Vẫn cái ô cửa kính đó, mà cả một khoảng trời bè bạn, cả tráng khí anh hùng gặp gỡ, hội ngộ.

Thơ Phạm Tiến Duật không chỉ phát hiện tình đồng đội ở những vẻ đẹp hào hùng, mà còn nhìn nhận dưới góc độ những tình cảm thân thương, đầm ấm. Họ - những con người từ nhiều phương trời, nhiều miền quê, nhưng trong thử thách, họ gắn với nhau thành ruột thịt:

Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời

Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy

Võng mắc chông chênh đường xe chạy

Lại đi lại đi trời xanh thêm.

Chữ “bếp”, hình ảnh “bát đũa”,”chiếc võng”…đều là những gì thân thiết trong ngôi nhà của ông bà, cha mẹ ở hậu phương, làm cho hai chữ “gia đình” ẩm cả khổ thơ tiền tuyến. Bằng cách nói giản dị ấy, Phạm Tiến Duật đã phát hiện được độ sâu sắc trong tình đồng đội. Đó là tình bạn, là đồng chí, là chiến hữu, là ruột thịt. Trong quân ngũ, tình đồng đội là tình cảm gia đình, ruột thịt, là tình cảm thật đặc biệt, là sự hòa quyện của tình đồng chí, tình người và tình thương yêu giai cấp. Ta lại nhớ đến truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê cũng kể về tình đồng đội mà thắm thiết hơn cả tình chị em của ba cô thanh niên xung phong và những cảm xúc rất riêng của họ. Ta lại nhớ đến các cô gái ở Ngã ba Đồng Lộc. Họ như thể chị em sinh ra từ một người mẹ. Sống cùng và chết cũng không lìa xa. Có thể nói trong “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”, Phạm Tiến Duật đã có sự phát hiện thật mới mẻ về tình cảm của người lính, của một thế hệ người Việt Nam, với đời sống tình cảm biết bao mới lạ và sâu sắc.

Bài thơ vẫn tiếp tục tô đậm vẻ đẹp của tâm hồn biết yêu thương, mộng mơ, tâm hồn qua thử thách vẫn tươi xanh non mướt qua hai câu thơ:

Võng mắc chông chênh đường xe chạy

Lại đi lại đi trời xanh thêm.

Những người chiến sĩ kiên cường ấy cùng chiến đấu và cùng chia sẻ với nhau phút dừng chân thật vui thú, thoải mái. Chữ “chông chênh” vừa nói cái không chắc của thế mắc

võng, vừa toát lên cái thi vị, tinh nghịch pha chút mạo hiểm rất quen thuộc của kẻ đưa võng. Như ta đã gặp “Ung dung buồng lái ta ngồi”, “Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha”… Câu thơ “Lại đi lại đi trời xanh thêm” nối tiếp phát hiện khác. Điệp ngữ “lại đi” tựa như nhịp bước hành quân của người chiến sĩ, khó khăn không nản, hi sinh không sờn, những chiếc xe vẫn cứ chạy bon bon ra tiền tuyến. Câu thơ gợi ra sự liên tưởng trong lòng người đọc, ta có cảm giác rằng mỗi đoạn đường xe đi qua như mở thêm một khoảng trời hạnh phúc, bình yên. Và mơ ước nữa chứ! Rất nhiều lần trời xanh hiện ra trong mưa bom ở bài thơ này. Tâm hồn người lính sao mà tươi xanh đến thế!

Tới khổ kết, nhà thơ Phạm Tiến Duật đã khẳng định ý chí, nghị lực, bản lĩnh phi thường sẵn sàng chiến đấu vì miền Nam ruột thịt đang ở phía trước:

Không có kính rồi xe không có đèn Không có mui xe, thùng xe có xước Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước:

Chỉ cần trong xe có một trái tim.

Điệp ngữ “không có” lặp lại ba lần như nhân lên để tổng kết cái khó khăn, khốc liệt của chiến tranh, khó khăn nối tiếp khó khăn, càng đi vào sâu tới những chiến trường nguy hiểm hơn. Và minh chứng cho sự khốc liệt đó là những chiếc xe tải mang trên mình đầy thương tích, với đèn không có, mui không có, cửa kính vỡ, thùng bị xước, bị biến dạng. Trận đánh đến gần ngày toàn thắng thì thử thách đối với người lính càng lớn, hi sinh mất mát chắc chắn sẽ càng nhiều. Nhưng đối lập với những mất mát ấy, là một thứ như thép như đồng tồn tại: ý chí của người lính lái xe. Người lính lái xe vẫn cứ vững chắc tay lái đối diện với con đường vững vàng trên vị trí chiến đấu. Chữ “Vẫn chạy” sao mà gan góc, mà ý chí, mà bướng bỉnh và ngoan cường! Trước mắt chúng ta, những đoàn xe vẫn cứ tiếp tục chạy trên con đường Trường Sơn mua bom bão đạn, những chiến sĩ lái xe vẫn cứ “Ung dung buồng lái ta ngồi” và đoàn xe “Lại đi lại đi trời xanh thêm” vượt lên bom đạn khốc liệt hướng ra tiền tuyến, cùng sát cánh với miền Nam ruột thịt. Và đây là mục đích, là lí tưởng sống của những người lính lái xe trong thời kì ấy và cũng chính là mục đích lí tưởng của những thế hệ thanh niên lớp lớp lên đường chiến đấu vì sự nghiệp giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

Bài thơ dựng lên cuộc chiến đấu với biết bao điều không có: không kính, không mui xe, không đèn. Đến đây nhà thơ hạ bút viết một dòng chữ: “Chỉ cần trong xe có một trái tim”. Tác giả đã sử dụng nghệ thuật tương phản giữa hoàn cảnh ác liệt của cuộc kháng chiến và phẩm chất của anh lính lái xe,ý chí kiên cường của người chiến sĩ lái xe quyết tâm chiến thắng kẻ thù xâm lược. Hình ảnh hoán dụ “một trái tim” xuất hiện trong câu thơ thật gợi cảm, ta cảm nhận được cuộc sống vui tươi, tình yêu nước nồng nàn cháy bỏng. Nhưng điều gì mãnh liệt nhất, quan trọng nhất? Anh lính đã nói thật tự t in, giản dị, son sắt: “Chỉ cần trong xe có một trái tim”. Trái tim như ngọn đèn, như mặt trời ở cuối bài thơ như làm ấm, làm sáng rực lên chiến trường nhiều gian khổ.

Ba khổ thơ của bài đã khép lại con đường tới miền Nam yêu dấu đã tới đích từ mấy chục năm trong sự thống nhất trọn vẹn thương yêu. Nhưng đâu đây bên tai ta vẫn tiếng xe chạy, vẫn hiển hiện những tiếng cười “ha ha” của những người lính lái xe can trường. Đơn sơ thế thôi nhưng là những trang hào hùng, là hình ảnh lí tưởng có sức vẫy gọi. Thế hệ nào cũng có những trách nhiệm, những xứ mệnh, những vinh quang và thách thức của mình. Bước chân sang thế kỉ XXI, trận đánh của mỗi người trẻ tuổi chúng ta hoàn toàn khác. Nhưng những gì hào hùng, thật hấp dẫn ở người lính lái xe, ở thế hệ cha ông vẫn luôn là sự khích lệ, là sự nêu gương để chúng ta gắng sức.

# CHUYÊN ĐỀ 8:

# ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ

**Huy Cận**

***1. Cảnh ra khơi***

- Khung cảnh hoàng hôn trên biển vừa diễm lệ vừa hùng vĩ đầy sức sống.

*Mặt trời xuống biển như hòn lửa*

*Sóng đã cài then đêm sập cửa*

- Nghệ thuật so sánh nhân hoá: vũ trụ như một căn nhà khổng lồ bước vào trạng thái nghỉ ngơi.

- Có sự đối lập giữa vũ trụ và con người: Vũ trụ nghỉ ngơi >< con người lao động.

Sóng cài then đêm sập cửa… lại ra khơi (vần trắc thanh trắc>< vần bằng thanh bằng)

Khí thế của những con người ra khơi đánh cá mạnh mẽ tươi vui, lạc quan, yêu lao động.

Diễn tả niềm vui yêu đời, yêu lao động, yêu cuộc sống tự do, tiếng hát của những con người làm chủ quê hương giàu đẹp.

***2. Cảnh đánh cá***

***-*** Khung cảnh: *vầng trăng, mây cao, biển bằng…*

Các loại cá: *các nhụ, cá chim, cá dé…*

\* Khung cảnh biển đêm: thoáng đãng lấp lánh, ánh sáng đẹp, vẻ đẹp lãng mạn kỳ ảo của biển khơi.

- Nhà thơ đã tưởng tượng ngược lại, bóng sao lùa nước Hạ Long làm nên tiếng thở của đêm, một sự sáng tạo nghệ thuật - biển đẹp màu sắc lấp lánh: hồng trắng, vàng chéo, vảy bạc, đuôi vàng loé rạng đông.

- *Thuyền lái gió… dò bụng biển…dàn đan thế trận.*

*- Gõ thuyền có nhịp trăng cao, kéo xoăn tay… chùm cá nặng.*

Cảnh lao động với khí thế sôi nổi, hào hứng, khẩn trương, hăng say.

Tinh thần sảng khoái ung dung, lạc qua, yêu biển, yêu lao động.

- Âm hưởng của tiếng hát là âm hưởng chủ đạo, niều yêu say mê cuộc sống, yêu biển, yêu quê hương, yêu lao động.

- Nhịp điệu khoẻ, đa dạng, cách gieo vần biến hoá, sự tưởng tượng phóng phú, bút pháp lãng mạn.

***3. Cảnh trở về (khổ cuối)***

*- Câu hát căng buồm*

*- Đoàn thuyền chạy đua*

*- Mặt trời đội biển*

*- Mắt cá huy hoàng…*

Cảnh kỳ vĩ, hào hùng, khắc hoạ đậm nét vẻ đẹp khoẻ mạnh và thành quả lao động của người dân miền biển.

- Ra đi hoàng hôn, vũ trụ vào trạng thái nghỉ ngơi.

- Sau một đêm lao động miệt mài, họ trở về trong cảnh bình minh, mặt trời bừng sáng nhô màu mới, hình ảnh mặt trời cuối bài thơ là hình ảnh mặt trời rực rỡ với muôn triệu mặt trời nhỏ lấp lánh trên thuyền: Một cảnh tượng huy hoàng của thiên nhiên và lao động.

**III. Tổng kết.**

***1. Về nghệ thuật***

Nghệ thuật: bài thơ được viết trong không khí phơi phới, phấn khởi của những con người lao động với bút pháp lãng mạn, khí thế tưng bừng của cuộc sống mới tạo cho bài thơ một vẻ đẹp hoành tráng mơ mộng.

***2. Về nội dung***

Ca ngợi sự giàu đẹp của biển, sự giàu đẹp trong tâm hồn của những người lao động mới, phơi phới tin yêu cuộc sống mới, ngày đem chạy đua với thời gian để cống hiến, để xây dựng, họ là những con người đáng yêu.

* Cảm hứng chủ đạo:

Bài thơ có hai nguồn cảm hứng lớn, song hành, hài hòa và trộn lẫn vào nhau. Đó là cảm hứng về thiên nhiên vũ trụ và cảm hứng về con người lao động trong cuộc sống mới. Sự thống nhất của hai nguồn cảm hứng ấy được thể hiện qua kết cấu và hệ thống thi ảnh trong bài. Về kết cấu, thời gian của bài thơ là nhịp tuần hoàn của vũ trụ ( từ lúc hoàng hôn đến lúc bình minh) cũng là thời gian hoạt động của đoàn thuyền đánh cá ( từ lúc ra khơi đến khi trở về). Không gian của bài thơ là một không gian lớn lao, kỳ vĩ với

trời,biển, trăng, sao, sóng, gió; cũng là không gian của cảnh lao động.

* Chủ đề tư tưởng:

Thông qua việc miêu tả cảnh lao động đánh cá của người ngư dân vùng biển Hạ Long, bài thơ ngợi ca vẻ đẹp thiên nhiên, đất nước, sự giàu có của biển khơi; ngợi ca khí thế lao động hăng say, yêu đời của người lao động mới đã được giải phóng, đang làm chủ bản thân, làm chủ cuộc đời và đất nước:

*Tập làm chủ, tập làm người xây dựng Dám vươn mình cai quản lại thiên nhiên!…*

*Yêu biết mấy, những con người đi tới Hai cánh tay như hai cánh bay lên Ngực dám đón những phong ba dữ dội Chân đạp bùn không sợ các loài sên!*

( *“Mùa thu mới”* – Tố Hữu ).

|  |
| --- |
| **Đề 1: Phân tích bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận**. |

# Mở bài:

Có lẽ, con người đẹp nhất là khi làm việc, say mê lao động, thực sự hòa mình vào thiên nhiên đất trời, hòa mình vào vũ trụ bao la… Huy Cận đã gửi gắm hồn mình qua bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” với một tình yêu cuộc sống thiết tha và say đắm! Bài thơ vừa là một bức tranh đẹp đẽ, vừa là khúc ca hào hùng về những người đánh cá trên biển cả bao la – những con người thực sự làm chủ biển trời, làm chủ cuộc đời mới!

# Thân bài:

Mở đầu bài thơ là cảnh đoàn thuyền ra khơi lúc hoàng hôn:

*Mặt trời xuống biển như hòn lửa Sóng đã cài then,đêm sập cửa Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi, Câu hát căng buồm cùng gió khơi.*

Bốn câu thơ có kết cấu gọn gàng, cân đối như một bài tứ tuyệt: hai câu đầu tả cảnh, hai câu sau nói về con người. Cảnh và người tưởng như đối lập song lại hòa hợp, cảnh làm

nền để cho hình ảnh con người nổi bật lên như tâm điểm của một bức tranh – bức tranh lao động khỏe khoắn, vui tươi tràn ngập âm thanh và rực rỡ sắc màu. Hai câu thơ đầu tả cảnh hoàng hôn trên biển, cũng là thời điểm đoàn thuyền đánh cá ra khơi:

*“Mặt trời xuống biển như hòn lửa Sóng đã cài then, đêm sập cửa”.*

Nếu chỉ căn cứ vào thực tế sẽ thấy câu thơ có vẻ vô lí, bởi trên vịnh Hạ Long- ở hướng Đông,không thể thấy cảnh mặt trời xuống biển như thế, mà chỉ có thấy mặt trời mọc được thôi. Vậy thì ở đây, khi viết “Mặt trời xuống biển” tức là nhà thơ đã lấy điểm nhìn từ trên con thuyền đang ra khơi, giữa biển khơi nhìn về hướng Tây nơi bờ bãi. Lúc đó, xung

quanh con thuyền chỉ là mênh mông sóng nước, mặt trời chỉ còn cách lặn xuống biển. Mặt trời xuống biển nhưng dường như không tàn lụi, không tắt. Nó như hòn lửa – một quả cầu lửa – đỏ rực, khổng lồ chìm vào đáy nước đại dương. Biển cả bao la như nồng ấm hẳn lên. Vũ trụ giờ đây như một ngôi nhà khổng lồ. Những lượn sóng dài như chiếc

then cài, còn màn đêm đang buông xuống là cánh cửa. Không gian, vũ trụ, biển cả như đi vào trạng thái tĩnh lặng, nghỉ ngơi, thư giãn. Những từ “xuống”,”cài”,”sập” cùng với hai

chữ “lửa”,”cửa” có thanh trắc liền nhau, nối nhau tạo cảm giác về sự vận động của thời gian lúc này cũng nhanh, mạnh, gấp gáp hơn.

Trên cái nền không gian ấy, vào đúng thời điểm ấy:

*“Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi Câu hát căng buồm cùng gió khơi”*

Đoàn thuyền lại ra khơi, tuần tự, nhịp nhàng như cái nhịp sống không bao giờ ngừng nghỉ. Chữ “lại” trong câu thơ đã diễn tả điều đó, cho ta hiểu đây là công việc, là hoạt động hàng ngày, thường xuyên của những ngư dân vùng biển. Và đó chỉ là một trong

hàng trăm, hàng ngàn chuyến đánh cá đêm trên biển xa. Nhưng mỗi chuyến đi là mỗi hào hứng và hy vọng, là niềm vui lao động.Họ vui vì ra khơi mang theo câu hát -tiếng hát khỏe khoắn, vang xa, bay cao, hòa cùng gió trời, gió biển, thổi căng cánh buồm. Đó là

tiếng hát của những ngư dân lao động được làm chủ thiên nhiên,trời biển, làm chủ đất nước, làm chủ công việc – “Câu hát căng buồm cùng gió khơi”.

Câu hát ấy còn thể hiện niềm mong ước thiết tha vừa hiện thực vừa lãng mạn:

*“ Hát rằng: cá bạc biển Đông lặng, Cá thu biển Đông như đoàn thoi Đêm ngày dệt biển muôn luồng sáng, Đến dệt lưới ta,đoàn cá ơi!”*

Hiện thực bởi lẽ đó là niềm mơ ước đánh bắt được thật nhiều hải sản, nhiều cá tôm. Lãng mạn là vì cái mơ ước ấy đã được thể hiện qua cách diễn đạt thật đẹp đẽ thật sinh động gợi cho người đọc những liên tưởng thú vị:đoàn cá bơi ngang dọc trên biển như những chiếc thoi cửi đang dệt lên tấm lưới,dệt lên muôn luồng sáng cho biển khơi, cho con người.Cảnh đánh bắt cá trên biển là có thực, nhưng bài thơ không chỉ nhằm mục đích kể lại chuyện đánh cá mà quan trọng hơn là thông qua nội dung đó, tác giả muốn bộc lộ

những cảm nghĩ, thái độ, tình cảm của mình về cuộc sống, con người trong lao động và vẻ đẹp cũng như sự giàu có của đất nước, quê hương. Mặt khác, chúng ta còn thấy hồn thơ Huy Cận là một hồn thơ lãng mạn, đầy ắp trí tưởng tượng. C ho nên cảnh đoàn thuyền đánh cá trên biển trong một đêm trăng đã được lọc qua tâm kính của nhà thơ lãng mạn đó, nó trở nên đẹp đẽ ,một vẻ đẹp thơ mộng đến say người. Sự kết hai yếu tố hiện thực và lãng mạn đã giúp nhà thơ xây dựng, sáng tạo được những hình ảnh giàu ý nghĩa tượng trưng.

Nếu trước cách mạng, cảm nhận của Huy Cận về thiên nhiên vũ trụ là sự rợn ngợp trong “nỗi sầu trăm ngả” thì nay lại hết sức gần gũi. Vì thế, mà ông đã nhìn đoàn thuyền đánh cá như một bộ phận của thiên nhiên vũ trụ:

*“Thuyền ta lái gió với buồm trăng Lướt giữa mây cao với biển bằng”*

Con thuyền vốn nhỏ bé trước biển cả bao la giờ đây qua cái nhìn của nhà thơ chợt trở nên lớn lao, kì vĩ. Hình ảnh con thuyền được đặt trong mối quan hệ hài hòa với những hình tượng thiên nhiên“gió”,”trăng”,”trời”,”biển”. Đã thế, con thuyền ấy lại “lái gió”, cánh buồm là“buồm trăng”, đang lướt đi, như bay lên giữa hai tầng không gian, trên thì

có“mây cao”, dưới thì có “biển bằng” mênh mông sóng nước. Con thuyền đang thả sức tung hoành giữa khoảng không bao la của vũ trụ vô cùng vô tận, đang lướt tới với tất cả sức mạnh chinh phục biển cả, chinh phục thiên nhiên. Thật ra, đây là cách nói đảo ngược, trên thực tế thì gió lái thuyền, ánh trăng chiếu sáng vào cánh buồm. Dưới trăng đêm cánh buồm tắm đẫm ánh trăng, cánh buồm lại no căng gió trời, gió biển đang giương lên, lướt đi trên sóng nước, nhìn từ xa tưởng như là “buồm trăng”. Quả thật, trí tưởng tượng của nhà thơ đã đem đến cho người đọc một hình ảnh về con thuyền đẹp đẽ - vẻ đẹp khỏe khoắn, thơ mộng cũng là hiện thân cho con người trong lao động:

*“Ra đậu dặm xa dò bụng biển Dàn đan thế trận lưới vây giăng”.*

Giữa bát ngát trăng sao, trời biển, con người không hề bé nhỏ , trái lại, họ hiện lên lồng lộng, ngang tầm với thiên nhiên, vũ trụ trong tư thế của người chiến thắng “Tập làm chủ, tập làm người xây dựng - Dám vươn mình cai quản lại thiên nhiên” ( Tố Hữu). Họ lái thuyền mà như lái cả trăng,sao, mây, gió. Họ ra tận dặm xa, dò bụng biển, tìm luồng cá, dàn đan thế trận,bủa lưới vây giăng. Họ làm việc với tất cả lòng dũng cảm, niềm say mê, trí tuệ nghề nhiệp và tâm hồn phơi phới.Chất lãng mạn bao trùm cả bức tranh lao động biến công việc nặng nhọc trên biển thành niềm vui, lòng yêu đời chứa chan như một cuộc chiến đấu đầy hăm hở, với khí thế đua tranh. Nếu như ở đoạn đầu, thiên nhiên đã chìm vào trạng thái nghỉ ngơi, thư giãn “mặt trời xuống biển”,”sóng đã cài then”,”đêm sập cửa” thì ở đây, người lao động đã đánh thức thiên nhiên, khiến thiên nhiên dường như bừng tỉnh, như cùng hòa vào niềm vui trong lao động. Có thể nói, lòng tin yêu thiên

nhiên, con người và cảm hứng lãng mạn bay bổng đã giúp nhà thơ xây dựng được một hình ảnh thơ tuyệt đẹp, vừa hoành tráng, lại vừa thơ mộng.

Bức tranh lao động được điểm tô bằng vẻ đẹp của thiên nhiên. Cái nhìn của nhà thơ đối với biển và cá cũng có những sáng tạo bất ngờ, độc đáo:

*Cá nhụ cá chim cùng cá đé*

*Cá song lấp lánh đuốc đen hồng. Cái đuôi em quẫy trăng vàng chóe*

Thủ pháp liệt kê kết hợp với sự phối sắc tài tình qua việc sử dụng các tính từ chỉ màu sắc “đen hồng”,”vàng chóe”… đã tạo nên một bức tranh sơn mài nhiều màu sắc, ánh sáng, lung linh huyền ảo như trong câu chuyện cổ tích nói về xứ sở thần tiên. Mỗi loài cá là một kiểu dáng, một màu sắc: “Cá nhụ cá chim cùng cá đé/Cá song lấp lánh đuốc đen

hồng” làm nên sự giàu đẹp của biển cả quê hương. Như có một hội rước đuốc trong lòng biển đêm sâu thẳm. Mỗi khi: “Cái đuôi em quẫy”, trăng như vàng hơn, rực rỡ hơn, biển cả như sống động hẳn lên. Người xưa thường nói: “Thi trung hữu họa” – nghĩa là trong thơ có hình có ảnh. Quả đúng như thế, mỗi loài cá ở đây là bức kí họa thần tình. Chúng đâu chỉ là sản phẩm vô tri được đánh bắt bởi bàn tay con người. Với họ - những người ngư dân này – cá là bạn, là “em”, là niềm cảm hứng cho con người trong lao động, và cũng chính là đối tượng thẩm mĩ cho thi ca.

Cảnh đẹp không chỉ ở màu sắc, ánh sáng, mà còn ở âm thanh.Nhìn bầy cá bơi lội, nhà thơ lắng nghe tiếng sóng vỗ rì rầm:

*"Đêm thở :sao lùa nước Hạ long"*

Bằng nghệ thuật ẩn dụ kết hợp nhân hóa, biển cả như một sinh thể sống động. Tiếng sóng vỗ dạt dào dâng cao hạ thấp là nhịp thở trong đêm của biển. Thế nhưng nhà thơ lại viết “Đêm thở:sao lùa nước Hạ Long”. Thật ra, là sóng biển đu đưa rì rào va đập vào mạn thuyền. Trăng, sao phản chiếu ánh sáng xuống nước biển, mỗi khi sóng vỗ nhịp tưởng như có bàn tay của sao trời đang“lùa nước Hạ Long”. Đó là sự độc đáo, mới lạ trong sáng tạo nghệ thuật. Có thể nói, bằng tâm hồn hết sức tinh tế, tác giả đã cảm nhận được hơi thở của thiên nhiên, vũ trụ. Chính không khí say sưa xây dựng đất nước của những năm đầu khôi phục và phát triển kinh tế là cơ sở hiện thực của những hình ảnh lãng mạn trên.Bởi thế, bài thơ như một khúc tráng ca mà Huy Cận sáng tác để ca ngợi những con người lao động mới hay chính những con người lao động tự cất lên, tự viết lời cho khúc ca lao động của mình:

*“Ta hát bài ca gọi cá vào*

*Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao*

Bài hát căng buồm đưa đoàn thuyền ra khơi, bài hát lại vang lên trong công việc, biến lao động cực nhọc thành niềm vui phơi phới, niềm vui lao động, niềm vui được hòa nhập gắn bó thân thiết với thiên nhiên. Lời ca gọi cá vào lưới nâng cao thêm chất thơ mộng của bức tranh. Người dân chài gõ thuyền xua cá vào lưới, nhưng đây không phải là con người mà là ánh trăng: trăng in xuống dòng nước, sóng vỗ như gõ nhịp vào mạn thuyền xua cá. Hiện thực được trí tưởng tượng sáng tạo thành hình ảnh lãng mạn, giàu chất thơ. Cái nhìn của nhà thơ đối với biển cả và con người là cái nhìn tươi tắn, lạc quan, ông như hòa nhập vào công việc, vào con người, vào biển cả.

Từ đó, cảm xúc dâng trào, không thể không cất lên tiếng hát,bài ca về lòng biết ơn mẹ biển giàu có và nhân hậu:

*“Biển cho ta cá như lòng mẹ Nuôi lớn đời ta tự buổi nào”*

Biển ấm áp như người mẹ hiền chở che, nuôi nấng con người lớn lên, bao bọc con người với một tình cảm trìu mến, thân thương. Biển là nguồn sống , gắn bó thân thiết, cho ta tất cả những gì của cuộc đời như người mẹ “nuôi lớn đời ta tự buổi nào”. Câu thơ như một sự cảm nhận thấm thía của những người dân chài đối với biển khơi. Đến một lúc nào đó, họ chợt nhận ra biển đã gắn bó với mình từ bao đời, bao thế hệ, thật quý giá và thân yêu biết chừng nào!

Bóng đêm đang dần tàn, một đêm trôi qua thật nhanh trong nhịp điệu lao động hào hứng, hăng say.Trên bầu trời, sao đã thưa và mờ. Ngày đang đến, nhịp độ lao động ngày càng sôi nổi, khẩn trương:

*“Sao mờ kéo lưới kịp trời sáng Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng Vẩy bạc đuôi vàng lóe rạng đông*

*Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng”*

Phải là nhiều cá lắm mới mắc vào lưới thành “chùm cá nặng”,” phải là những dân trai tráng có đôi cánh tay rắn chắc, có sức khỏe dẻo dai mới có thể “kéo xoăn tay”. Nếu khổ thơ thứ tư, tác giả tả đàn cá biển đẹp như một bức tranh sơn mài lộng lẫy, thì ở khổ thơ thứ sáu này, những con cá biển tươi ngon mắc vào lưới cũng vô cùng rực rỡ: “Vẩy bạc, đuôi vàng lóe rạng đông”. Dưới ánh rạng đông “lóe” lên, cá nằm đầy khoang thuyềnđược phản chiếu càng ánh lên màu “vàng”, màu “bạc” thể hiện một niềm vui tươi trong lao động của người dân chài. Câu thơ “ Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng” với cách ngắt nhịp 2/2/3, với cách sử dụng liên tiếp ba động từ “xếp”,”lên”,”đón” diễn tả mọi công việc trên biển diễn ra tuần tự mà khẩn trương để trở về.

Đoàn thuyền đánh cá thắng lợi trở về trong bình minh rực rỡ và tráng lệ:

*“Câu hát căng buồm với gió khơi*

*Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời*

*Mặt trời đội biển nhô màu mới*

*Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi”.*

Câu đầu của khổ thơ lặp lại gần như nguyên vẹn câu cuối của khổ thứ nhất, chỉ thay có một từ ( từ “với”) như điệp khúc của một bài ca. Đoàn thuyền ra khơi trong tiếng hát, làm việc trong tiếng hát, trở về vẫn cất cao tiếng hát: “Câu hát căng buồm với gió khơi” hòa quyện với đất trời. Đó là tiếng hát tự hào, hứng khởi của những con người chiến thắng đang trở về với những khoang thuyền đầy ắp cá. Sau một đêm lao động vất vả, họ vẫn giữ được khí thế náo nức, hăng say: “Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời”. Một hình ảnh thơ đẹp và đầy sức gợi bởi “chạy đua cùng mặt trời” cũng có nghĩa là họ đang tiếp tục chạy đua cùng với thời gian. Trở về không có nghĩa là công việc đã kết thúc.“Mặt trời đội

biển” nhô lên, mang một “màu mới” – cái mới mẻ tinh khôi của một bình minh trên biển; hay cũng chính là một ngày mới, một cuộc sống mới đang bắt đầu với những người lao động thực sự làm chủ thiên nhiên, làm chủ cuộc đời. Bài thơ khép lại, nhưng ý thơ lại mở ra đến vô cùng với hình ảnh “Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi” – một tương lai huy hoàng, đầy hứa hẹn đang chờ đón những con người lao động ấy.

# Kết bài:

* Có thể nói rằng qua bài thơ, bằng âm hưởng vừa khỏe khoắn sôi nổi vừa phơi phới, bay bổng; cách gieo vần biến hóa linh hoạt ( có sức mạnh của vần trắc, có sự vang xa bay bổng của vần bằng) và bút pháp lãng mạn, Huy Cận đã khắc họa thành công nhiều hình ảnh đẹp tráng lệ, thể hiện sự hài hòa giữa thiên nhiên và con người lao động trong công cuộc chinh phục biển cả. Qua đó, bộc lộ niềm vui, niềm tự hào của tác giả trước đất nước và cuộc sống.

|  |
| --- |
| Đề 2: Cảm nhận về vẻ đẹp của đoạn thơ sau:  “…Thuyền ta lái gió với buồm trăng  Lướt giữa mây cao với biển bằng  Ra đậu dặm xa dò bụng biển,  Dàn đan thế trận lưới vây giăng.  Cá nhụ cá chim cùng cá đé  Cá song lấp lánh đuốc đen hồng.  Cái đuôi em quẫy trăng vàng chóe  Đêm thở: sao lùa nước Hạ Long.  Ta hát bài ca gọi cá vào,  Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao.  Biển cho ta cá như lòng mẹ  Nuôi lớn đời ta tự buổi nào.”  *(“Đoàn thuyền đánh cá”* – Huy Cận) |

# I. Mở bài:

* Huy Cận là một trong số những gương mặt tiêu biểu của nền thơ ca Việt Nam hiện đại. Trước Cách mạng thơ Huy Cận thường giàu chất triết lí và ngập tràn nỗi sầu nhân thế. Nhưng từ khi Cách mạng tháng Tám thành công thì thơ ông là bài ca dào dạt niềm vui về cuộc đời, là bài thơ mến yêu thiên nhiên, con người và cuộc sống. Ra đời năm 1958,

trong chuyến đi thực tế của nhà thơ ra vùng mỏ Quảng Ninh, “Đoàn thuyền đánh cá” là một tác phẩm mang cảm xúc như thế. Bài thơ miêu tả một chuyến đi khơi của đoàn thuyền đánh cá; là một khúc ca lao động tập thể, khúc ca về vẻ đẹp của thiên nhiên; là niềm vui, niềm ngưỡng mộ của tác giả trước con người và cuộc sống mới.Để lại nhiều ấn tượng nhất trong lòng người đọc là vẻ đẹp của biển cả, của đoàn thuyền và con người được thể hiện qua đoạn thơ:

“…Thuyền ta lái gió với buồm trăng

Lướt giữa mây cao với biển bằng

Ra đậu dặm xa dò bụng biển,

Dàn đan thế trận lưới vây giăng.

Cá nhụ cá chim cùng cá đé

Cá song lấp lánh đuốc đen hồng.

Cái đuôi em quẫy trăng vàng chóe

Đêm thở: sao lùa nước Hạ Long.

Ta hát bài ca gọi cá vào,

Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao.

Biển cho ta cá như lòng mẹ

Nuôi lớn đời ta tự buổi nào.”

# II. Thân bài:

**1. Dẫn dắt:**

* Ở vị trí phần giữa của tác phẩm, đoạn thơ nổi bật với vẻ đẹp tráng lệ của biển khơi và vẻ đẹp khỏe khoắn, mạnh mẽ của đoàn thuyền, của con người trong lao động. Tất cả được viết lên bằng trí tưởng tượng mãnh liệt,bằng niềm hứng khởi bay bổng và bút pháp tạo hình đầy sáng tạo.

# 2. Phân tích, cảm nhận:

* Mở đoạn đoạn thơ là hình ảnh đoàn thuyền lướt nhanh giữa trời cao biển rộng có cái lân lân, sảng khoái lạ thường:

*Thuyền ta lái gió với buồm trăng Lướt giữa mây cao với biển bằng. Ra đậu dặm xa dò bụng biển*

*Dàn đan thế trận lưới vây giăng”.*

Con thuyền đánh cá vốn nhỏ bé trước biển trời bao la, đã trở thành con thuyền kì vĩ, lớn lao mang tầm vóc vũ trụ. Thuyền có gió làm lái, có trăng làm buồm, lướt giữa mây cao và biển bằng, giữa mây trời và sóng nước với tất cả sức mạnh chinh phục biển cả,chinh phục thiên nhiên. Hình ảnh này thể hiện rất rõ sự thay đổi trong cảm hứng nghệ thuật của Huy Cận trước và sau cách mạng ( có thể bàn thêm). Chủ nhân con thuyền – những người lao động cũng trở nên lồng lộng giữa biển trời trong tư thế, tầm vóc làm chủ cuộc đời. Con người đã chủ động, mạnh mẽ hòa nhập với kích thước rộng lớn của thiên nhiên, vũ trụ. Không chỉ vậy, họ còn nổi bật ở vị trí trung tâm : ra tận khơi xa dò bụng biển, tìm luồng cá, dàn đan thế trận, bủa lưới vây giăng. Chất lãng mạn bao trùm cả bức tranh lao động biến công việc nặng nhọc trên biển thành một cuộc chiến đấu đầy hăm hở, với khí thế đua tranh. Nếu như ở đoạn đầu, thiên nhiên đã chìm vào trạng thái nghỉ ngơi, thư giãn “mặt trời xuống biển”,”sóng đã cài then”,”đêm sập cửa” thì ở đây, con người đã đánh thức

thiên nhiên, khiến thiên nhiên dường như bừng tỉnh, như cùng hòa vào niềm vui trong lao động. Có thể nói, lòng tin yêu thiên nhiên, con người và cảm hứng lãng mạn bay bổng đã giúp nhà thơ xây dựng được một hình ảnh thơ tuyệt đẹp, vừa hoành tráng, lại vừa thơ

mộng.

Bức tranh lao động được điểm tô bằng vẻ đẹp của thiên nhiên. Cái nhìn của nhà thơ đối với biển và cá cũng có những sáng tạo bất ngờ, độc đáo:

*Cá nhụ cá chim cùng cá đé*

*Cá song lấp lánh đuốc đen hồng. Cái đuôi em quẫy trăng vàng chóe*

Thủ pháp liệt kê kết hợp với sự phối sắc tài tình qua việc sử dụng các tính từ chỉ màu sắc “đen hồng”,”vàng chóe”… đã tạo nên một bức tranh sơn mài nhiều màu sắc, ánh sáng, lung linh huyền ảo như trong câu chuyện cổ tích nói về xứ sở thần tiên. Mỗi loài cá là một kiểu dáng, một màu sắc: “Cá nhụ cá chim cùng cá đé/Cá song lấp lánh đuốc đen

hồng” làm nên sự giàu đẹp của biển cả quê hương. Như có một hội rước đuốc trong lòng biển đêm sâu thẳm. Mỗi khi: “Cái đuôi em quẫy”, trăng như vàng hơn, rực rỡ hơn, biển cả như sống động hẳn lên. Người xưa thường nói: “Thi trung hữu họa” – nghĩa là trong thơ có hình có ảnh. Quả đúng như thế, mỗi loài cá ở đây là bức kí họa thần tình. Chúng đâu chỉ là sản phẩm vô tri được đánh bắt bởi bàn tay con người. Với họ - những người ngư dân này – cá là bạn, là “em”, là niềm cảm hứng cho con người trong lao động, và cũng chính là đối tượng thẩm mĩ cho thi ca.

Cảnh đẹp không chỉ ở màu sắc, ánh sáng, mà còn ở âm thanh.Nhìn bầy cá bơi lội, nhà thơ lắng nghe tiếng sóng vỗ rì rầm:

*"Đêm thở :sao lùa nước Hạ long"*

Bằng nghệ thuật ẩn dụ kết hợp nhân hóa, biển cả như một sinh thể sống động. Tiếng sóng vỗ dạt dào dâng cao hạ thấp là nhịp thở trong đêm của biển. Thế nhưng nhà thơ lại viết “Đêm thở:sao lùa nước Hạ Long”. Thật ra, là sóng biển đu đưa rì rào va đập vào mạ n thuyền. Trăng, sao phản chiếu ánh sáng xuống nước biển, mỗi khi sóng vỗ nhịp tưởng như có bàn tay của sao trời đang“lùa nước Hạ Long”. Đó là sự độc đáo, mới lạ trong sáng tạo nghệ thuật. Có thể nói, bằng tâm hồn hết sức tinh tế, tác giả đã cảm nhận được hơi thở của thiên nhiên, vũ trụ. Chính không khí say sưa xây dựng đất nước của những năm đầu khôi phục và phát triển kinh tế là cơ sở hiện thực của những hình ảnh lãng mạn trên.Bởi thế, bài thơ như một khúc tráng ca mà Huy Cận sáng tác để ca ngợi những con người lao động mới hay chính những con người lao động tự cất lên, tự viết lời cho khúc ca lao động của mình:

*“Ta hát bài ca gọi cá vào*

*Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao*

Bài hát căng buồm đưa đoàn thuyền ra khơi, bài hát lại vang lên trong công việc, biến lao động cực nhọc thành niềm vui phơi phới, niềm vui lao động, niềm vui được hòa nhập gắn bó thân thiết với thiên nhiên. Lời ca gọi cá vào lưới nâng cao thêm chất thơ mộng của

bức tranh. Người dân chài gõ thuyền xua cá vào lưới, nhưng đây không phải là con người mà là ánh trăng: trăng in xuống dòng nước, sóng vỗ như gõ nhịp vào mạn thuyền xua cá. Hiện thực được trí tưởng tượng sáng tạo thành hình ảnh lãng mạn, giàu chất thơ. Cái nhìn của nhà thơ đối với biển cả và con người là cái nhìn tươi tắn, lạc quan, ông như hòa nhập vào công việc, vào con người, vào biển cả.

Từ đó, cảm xúc dâng trào, không thể không cất lên tiếng hát,bài ca về lò ng biết ơn mẹ biển giàu có và nhân hậu:

*“Biển cho ta cá như lòng mẹ Nuôi lớn đời ta tự buổi nào”*

Biển ấm áp như người mẹ hiền chở che, nuôi nấng con người lớn lên, bao bọc con người với một tình cảm trìu mến, thân thương. Biển là nguồn sống , gắn bó thân thiết, cho ta tất cả những gì của cuộc đời như người mẹ “nuôi lớn đời ta tự buổi nào”. Câu thơ như một sự cảm nhận thấm thía của những người dân chài đối với biển khơi. Đến một lúc nào đó, họ chợt nhận ra biển đã gắn bó với mình từ bao đời, bao thế hệ, thật quý giá và thân yêu biết chừng nào!

# III. Kết bài:

* Có thể nói, với hình ảnh thơ tráng lệ, âm hưởng hào hùng,bút pháp lãng mạn, bay bổng, nhà thơ đã khắc họa thành công một bức tranh thiên nhiên thơ mộng, và vẻ đẹp khỏe khoắn, mạnh mẽ của đoàn thuyền, của con người lao động giữa biển trời bao la.
* Đọc đoạn thơ, bài thơ ta càng yêu hơn, trân trọng hơn vẻ đẹp của cảm hứng say sưa, niềm vui phơi phới trước cuộc đời và tình yêu thiên nhiên, con người thiết tha của nhà thơ Huy Cận.

**CHUYÊN ĐỀ 9:**

**BẾP LỬA**

**Bằng Việt.**

# Kiến thức trọng tâm:

* 1. Cảm nhận được tình bà cháu trong bài thơ “Bếp lửa” – Bằng Việt.
  2. Cảm nhận được hình ảnh người bà giàu tình thương, giàu đức hi sinh trong bài thơ “Bếp lửa” – Bằng Việt.
  3. Thấy được nghệ thuật của bài thơ.

# Phân tích:

* **Khái quát về tác giả, tác phẩm:**
* Bằng Việt thuộc thế hệ nhà thơ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.
* Thơ ông giàu cảm xúc tinh tế, giọng điệu tâm tình, mượt mà sâu lắng. Thơ Bằng Việt thường khai thác những kỉ niệm thời thơ ấu và gợi những ước mơ tuổi trẻ.
* Trong nền thơ hiện đại, Bếp lửa được đánh giá là một trong không nhiều những bài thơ viết về tình bà cháu hay nhất.

# Hình ảnh trong bài thơ:

Trong bài thơ có hai hình ảnh nổi bật, gắn bó mật thiết với nhau, vừa tách bạch, vừa nhòe lẫn trong nhau,tỏa sáng bên nhau. Đó là hình ảnh người bà và bếp lửa. Vì sao trong dòng hồi tưởng và suy nghĩ của nhà thơ, hai hình ảnh ấy lại luôn gắn bó, song hành, đồng hiện? Vì bà luôn hiện diện cùng bếp lửa. Bên bếp lửa là bóng hình bà. Bà nhóm bếp lửa mỗi sáng, mỗi chiều và suốt cả cuộc đời trong từng cảnh ngộ: từ những ngày khó khăn gian khổ đến lúc bình yên. Bếp lửa còn là biểu tượng giàu ý nghĩa: nó là biểu hiện cụ thể và đầy gợi cảm về sự tảo tần, chăm sóc, và yêu thương của người bà dành cho cháu con.Bếp lửa là tình bà ấm nồng. Bếp lửa là tay bà chăm chút. Bếp lửa gắn với bao vất vả, cực nhọc đời bà. Ngày ngày bà nhóm bếp lửa là nhóm lên sự sống niềm vui, tình yêu thương, niềm tin, và hi vọng cho cháu con, cho mọi người.

# Ý nghĩa triết lí của bài thơ:

Từ những suy ngẫm của người cháu, bài thơ biểu hiện một triết lí sâu sắc: Những gì thân thiết nhất của tuổi thơ mỗi người đều có sức tỏa sáng, nâng bước con người trong suốt hành trình dài rộng của cuộc đời. Tình yêu đất nước bắt nguồn từ lòng yêu quý ông bà, cha mẹ, từ những gì gần gũi và bình dị nhất.

# Nghệ thuật đặc sắc của bài thơ:

-Sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa biểu cảm và miêu tả, tự sự và bình luận.

-Thể thơ tám chữ kết hợp với 7 chữ,9 chữ phù hợp với việc diễn tả dòng cảm xúc và suy ngẫm về bà.

-Giọng điệu tâm tình, thiết tha, tự nhiên, chân thành.

-Sáng tạo hình ảnh bếp lửa – hình ảnh vừa thực vừa mang ý nghĩa biểu tượng.

|  |
| --- |
| **Đề bài: Cảm nhận về tình bà cháu trong bài thơ “Bếp lửa” – Bằng Việt.** |

# Mở bài:

Bằng Việt thuộc thế hệ nhà thơ trưởng thành trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ của dân tộc ta. Thơ ông trong trẻo, mượt mà và tràn đầy cảm xúc, thường khai thác những kỉ niệm thời thơ ấu và gợi những ước mơ của tuổi trẻ. “Bếp lửa” là bài thơ in đậm dấu ấn phong cách nghệ thuật độc đáo ấy. Ra đời năm 1963, khi tác giả đang là sinh viên học tập ở nước ngoài, thi phẩm là dòng kỉ niệm xúc động về người bà và tình bà cháu, thể hiện lòng kính yêu trân trọng, biết ơn của người cháu đối với bà, cũng là đối với gia đình, quê hương, đất nước.

# Thân bài:

1. **ái quát ( Dẫn dắt vào bài):**

* Là một trong những sáng tác đầu tay của Bằng Việt, “Bếp lửa” được đánh giá là một bài thơ hay về tình bà cháu. Tình cảm ấy thể hiện qua dòng hồi tưởng của người cháu về những năm tháng tuổi thơ với biết bao kỉ niệm. Mỗi kỉ niệm lại được bao bọc trong một nỗi nhớ thương vừa dâng trào, vừa sâu lắng.

# Phân tích, cảm nhận:

* Mở đầu bài thơ là hình ảnh bếp lửa lung linh, chập chờn:

*Một bếp lửa chờn vờn sương sớm*

*Một bếp lửa ấp iu nồng đượm*

*Cháu thương bà biết mấy nắng mưa.*

Ba tiếng “một bếp lửa” được nhắc lại hai lần, trở thành điệp khúc da diết ngay từ những dòng thơ đầu tiên. “Bếp lửa chờn vờn sương sớm” là hình ảnh quen thuộc đối với mỗi gia đình Việt Nam trước đây. Bếp lửa thật ấm áp giữa cái lạnh chờn vờn “sương sớm”,thật thân thương với bao tình cảm “ấp iu nồng đượm”.Từ láy“chờn vờn” rất thực như gợi nhớ, gợi thương đến dáng hình bập bùng của ngọn lửa, mờ ảo trong làn sương buổi sớm. “Ấp iu” gợi bàn tay kiên nhẫn, khéo léo và tấm lòng chi chút của người nhóm bếp. Hình ảnh bếp lửa hiện lên huyền ảo, hình ảnh người bà hiện ra tảo tần – bà đã chịu đựng bao“nắng mưa” để nuôi cháu thành người. Nhớ về bà, cảm xúc của cháu được gọi thành tên: “Cháu thương bà biết mấy nắng mưa”.Vậy nên, trong tâm tưởng của người cháu nơi xa, sự xuất hiện của hình ảnh bếp lửa đã khơi gợi mạch nguồn cảm xúc để cháu nhớ về bà, nhớ về tình bà cháu. Bếp lửa gợi dậy cả một ký ức của tuổi ấu thơ – như một thước phim quay chậm tất cả đã ùa về:

*Lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói*

*Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi*

*Bố đi đánh xe khô rạc ngựa gầy*

*Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu*

*Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay.*

Mùi khói cay nhèm của bếp rơm, bếp rạ đã đi vào kí ức của Bằng Việt từ những ngày còn thơ bé. Đó cũng là một tuổi thơ cay cực gắn liền với gian đoạn đau thương, khủng khiếp . Đau thương bởi bóng đen ghê rợn của nạn đói năm 1945.Trong làn khói sương của kỉ niệm, nhà thơ nhớ lại những kí ức bi thương nhất. Đó là cái “đói mòn đói mỏi”,hình

ảnh “khô rạc ngựa gầy” của hơn hai triệu người dân ở làng quê Việt Nam, là dáng hình của người cha trong lao động vất vả. Song, cũng chính trong khoảng thời gian ấy, bếp lửa vẫn cháy sáng,vẫn ấm nóng nồng đượm bởi tình bà. Cảm xúc hiện tại, kỉ niệm năm xưa hòa lẫn “Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay”.

Đó còn là kỉ niệm về người bà lụi cụi, chắt chiu, nhóm lên ngọn lửa ấm ấp để nuôi dưỡng, bao bọc, chở che cho đứa cháu:

*Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa*

*Tu hú kêu trên những cánh đồng xa*

*Tu hú kêu bà con nhớ không bà?*

*Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế*

*Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế!*

*Mẹ cùng cha công tác bận không về*

*Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe*

*Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học*

*Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà*

*Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?*

Tám năm sống cùng bà là tám năm cháu nhận được sự yêu thương, che chở, dưỡng nuôi tâm hồn từ tấm lòng bà – “bà bảo cháu nghe, bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học”. Cảm ơn cái công ơn ấy, người cháu càng thương bà: “Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc”. Bà và bếp lửa là chỗ dựa tình thần, là sự chăm chú, đùm bọc dành cho cháu. Bếp lửa của quê hương, bếp lửa của tình bà lại gợi thêm một kỉ niệm của tuổi thơ – kỉ niệm gắn với tiếng chim tu hú trên đồng quê mỗi độ hè về. Tiếng chim như giục giã, như k hắc khoải một điều gì da diết khiến lòng người trỗi dậy những hoài niệm, nhớ mong. Đưa âm thanh tiếng chim tuhú vào dòng hồi tưởng là một sáng tạo độc đáo của nhà thơ Bằng Việt

– nó khiến cho không gian kỉ niệm như có chiều sâu, và nỗi nhớ thương bà của cháu càng trở nên thăm thẳm, vời vợi. Tiếng chim tu hú đã trở thành một mảnh tâm hồn tuổi thơ cháu. Có thể nói, ngời sáng từ những dòng thơ là hình ảnh người bà tần tảo,giàu tình yêu thương. Bà là cha, là mẹ của đứa cháu trong những năm tháng gian khổ.

Đọng lại trong kỉ niệm của người cháu là:

*Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi*

*Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi*

*Đỡ đần bà dựng lại túp lều tranh*

Đoạn thơ có sự kết hợp giữa tự sự và miêu tả, đã tái hiện một cách chân thực cuộc sống đầy những mất mát, đau thương của dân tộc ta những năm chống Pháp. Và cũng thấm thía tình làng nghĩa xóm đoàn kết, bao bọc lúc hoạn nạn, khó khăn. “Mẹ cùng cha công tác bận không về”, cháu sống trong sự cưu mang, dạy bảo của bà, sớm có ý thức tự lập, sớm phải lo toan. Điều khiến cháu xúc động nhất là một mình bà già nua, nhỏ bé đã chống chọi để trải qua những năm tháng gian nan, đau khổ mà không hề kêu ca, phàn nàn. Bà mạnh mẽ, kiên cường trong hoàn cảnh chiến tranh đạn lửa. Đặc biệt là lời dặn cháu của bà đã làm ngời sáng vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ Việt Nam giàu lòng vị tha, giàu đức hi sinh:

*Mày có viết thư chớ kể này kể nọ*

*Cứ bảo nhà vẫn được bình yên*

Vậy là bà đã gồng mình gánh vác mọi lo toan để các con yên tâm công tác. Bà không chỉ là chỗ dựa cho đứa cháu thơ, là điểm tựa cho các con đang chiến đấu mà còn là hậu phương vững chắc cho cả tiền tuyến, góp phần không nhỏ vào cuộc kháng chiến chung của dân tộc. Bà thật là giàu lòng yêu thương.Chan chứa trong từng lời thơ, ta cảm nhận một lòng biết ơn, niềm tự hào của đứa cháu đã trưởng thành khi nghĩ về người bà thân yêu.

Từ những hồi tưởng về kỉ niệm tuổi thơ sống bên bà, người cháu đã suy ngẫm về bà, về cuộc đời bà:

*Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa*

*Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờ*

*Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm*

*Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm*

*Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi*

*Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui*

*Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ*

Nếu từ đầu bài thơ, hình ảnh bà và bếp lửa song hành thì đến đây hoà vào làm một, nhòe lẫn, tỏa sáng bên nhau. Những từ láy gợi cảm “lận đận, nắng mưa” kết hợp với cụm từ chỉ thời gian “mấy chục năm rồi” và các phó từ “tận, vẫn” gợi tả một cách sinh động cuộc đời gian nan, vất vả và sự tần tảo, đức hi sinh, chịu thương,chịu khó của bà. Từ “nhóm” được nhắc lại nhiều lần với cả nghĩa gốc, nghĩa chuyển tạo cho đoạn thơ có giọng điệu thiết tha, sâu lắng. Bà nhóm bếp lửa mỗi sớm mai là nhen lên tình yêu thương, niềm vui sưởi ấm, sự san sẻ tình làng nghĩa xóm, những tâm tình, ước vọng của tuổi thơ.Như vậy, có tới mười lần tác giả nhắc tới bếp lửa và hiện diện cùng hình ảnh ấy là người bà – người phụ nữ Việt Nam muôn thưở giàu đức hi sinh. Bếp lửa là tình bà ấm sáng, bếp lửa là bàn tay bà chăm chút, bếp lửa gắn với khó khăn,gian khổ đời bà. Chính vì thế, nhà thơ đã cảm nhận được sự kì diệu thiêng liêng từ bếp lửa bình dị và quen thuộc: “Ôi, kì lạ và thiêng liêng – bếp lửa!”Bằng Việt đã phát hiện bếp lửa được bà nhen lên không chỉ bằng nhiên liệu củi rơm mà còn được nhen lên trong ngọn lửa lòng bà, ngọn lửa của sự sống, tình yêu thương, niềm tin bất diệt. Bởi vậy, từ hình ảnh bếp lửa, bài thơ gợi đến hình ảnh ngọn lửa có ý nghĩa trừu tượng và khái quát:

*Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen*

*Một ngọn lửa lòng bà luôn ủ sẵn*

*Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dằng.*

Tóm lại, bà không chỉ là người nhóm lửa, giữ lửa mà còn là người truyền lửa – truyền cho cháu niềm tin, tình yêu thương để cháu vững vàng trong hành trình dài rộng của cuộc đời.Với tất cả những ý nghĩa trên, hình ảnh người bà và bếp lửa đã trở thành điểm tựa và nỗi nhớ khi cháu đi xa:

*Giờ cháu đã đi xa, có ngọn khói trăm tàu,*

*Có lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả,*

*Nhưng vẫn chẳng bao giờ quên nhắc nhở:*

*- Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa ?*

Điệp từ “trăm” mở ra một thế giới rộng lớn với bao điều mới mẻ. Tuổi thơ đã lùi xa, đứa cháu nhỏ năm xưa giờ đã lớn khôn, đã được chắp cánh bay xa đến những chân trời cao rộng có “ khói trăm tàu”,”lửa trăm nhà”,”niềm vui trăm ngả” nhưng vẫn không quên bếp lửa của bà, không nguôi nhớ thương bà, nên vẫn“không quên nhắc nhở”: “Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa”.Nỗi nhớ bà trở thành nỗi nhớ thường trực,hình ảnh bà trở thành hình ảnh thiêng liêng trong tâm hồn, làm ấm lòng, nâng bước người cháu trên suốt chặng đường dài rộng của cuộc đời. Hình ảnh bà cũng chính là hình ảnh quê hương đất nước một thời gian khó, đạn lửa.

# Ý kiến đáng giá, bình luận:

* Có thể nói rằng qua bài thơ, bằng việc sáng tạo nhiều hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng, đặc biệt là hình ảnh bếp lửa, ngọn lửa; thể thơ tám chữ phù hợp với cảm xúc hồi tưởng và suy ngẫm; Bằng Việt đã để lại trong người đọc chúng ta tình bà cháu vô cùng cao đẹp. Tình cảm ấy là sự khởi đầu của tình yêu thương con người, tình yêu đất nước. Ngọn lửa của tình bà theo suốt những năm tháng cuộc đời nhà thơ, nuôi dưỡng, ấp ủ, chở che, mang đến cho cháu nghị lực.Ngọn lửa ấy sưởi ấm tấm lòng nhà thơ cũng như mỗi người đọc chúng ta.

# Kết bài:

* Tình bà cháu là tình cảm cao đẹp được Bằng Việt thể hiện rất sâu sắc trong bài thơ “Bếp lửa”.Bếp lửa – tình bà, tấm lòng yêu thương của bà trong mỗi chúng ta là những gì thiêng liêng nhất. Nó nhắc nhở ta biết sống, biết yêu thương, xứng đáng với tầm lòng bà.

|  |
| --- |
| **Đề bài: Cảm nhận về hình ảnh người bà trong bài thơ “Bếp lửa” – Bằng Việt.** |

# Mở bài:

* Bằng Việt thuộc thế hệ nhà thơ trưởng thành trong thời kì chống Mỹ cứu nước của dân tộc. Thơ ông trong trẻo, giàu trải nghiệm, khai thác kỉ niệm và ước mơ thuở hoa niên nên gần gũi, dễ đem lại cảm xúc cho người đọc, nhất là các bạn đọc trẻ tuổi. “Bếp lửa” là bài thơ in đậm dấu ấn phong cách nghệ thuật độc đáo ấy. Ra đời năm 1963, khi ấy tác giả học tập ở nước ngoài, thi phẩm là dòng kỉ niệm xúc động về người bà và tình bà cháu, thể hiện lòng kính yêu trân trọng, biết ơn của người cháu đối với bà, cũng là đối với gia đình, quê hương, đất nước. Hình ảnh người bà trong bài thơ đã để lại bao ấn tượng sâu lắng trong lòng người đọc.

# Thân bài:

1. **Khái quát ( Dẫn dắt vào bài):**

* Hình ảnh người bà trong kí ức tuổi thơ mỗi người là hình ảnh gẫn gũi, thiêng liêng, là bao yêu thương, chở che và đùm bọc. Với Bằng Việt, bao điều xúc động về người bà tần tảo, hi sinh cứ vẹn nguyên trong kí ức và tỏa sáng trong tâm hồn tuổi thơ, trong tấm lòng yêu kính của người cháu đối với bà, nhất là khi xa bà, nhớ về bà.

# Phân tích:

* Trước hết, hình ảnh người bà được gợi ra từ hình ảnh bếp lửa với những hồi tưởng ấm áp:

*Một bếp lửa chờn vờn sương sớm*

*Một bếp lửa ấp iu nồng đượm*

*Cháu thương bà biết mấy nắng mưa.*

Ba tiếng “một bếp lửa” được nhắc đi nhắc lại hai lần, trở thành điệp khúc da diết ngay từ những dòng thơ đầu tiên. Bếp lửa được nhóm lên vào buổi sáng sớm, rung rinh, mờ tỏ.

Hình ảnh ấy gợi cái ấm áp giữa “chờn vờn sương sớm”, gợi cái thân thương với biết bao “ấp iu nồng đượm”. Từ láy “chờn vờn” giúp ta hình dung được ngọn lửa bập bùng,

lay động, khi tỏ khi mờ; hai chữ “ấp iu” không chỉ diễn tả thật chính xác công việc nhóm bếp cụ thể mà còn gợi liên tưởng tới đôi bàn tay kiên trì, khéo léo và tấm lòng ấm áp, đôn hậu của người nhóm lửa. Từ hình ảnh bếp lửa, rất tự nhiên, dòng hồi tưởng về bà chợt ùa về: “Cháu thương bà biết mấy nắng mưa”. Khổ thơ đầu kết thúc trong cảm xúc của người cháu. Cảm xúc ấy bật ra bằng một chữ“thương”,nó lan toả trong câu thơ và thấm sâu vào lòng người đọc. Cả bài thơ có hai chữ“thương”, Bằng Việt đã dành trọn để “thương bà” (Cháu thương bà biết mấy nắng mưa, Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc).“Biết mấy nắng mưa”, chỉ 4 chữ đã gợi ra hình ảnh của bà với bao lo toan,vất vả, lặng lẽ, âm thầm. Người cháu hiếu thảo cũng đôi lần nhắc lại: “Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa” - nỗi vất vả nhọc nhằn của bà trở thành nỗi ám ảnh day dứt khôn nguôi trong lòng cháu suốt đời. Hình ảnh người bà hiện lên trong tâm trí tác giả rất nhẹ nhàng, sâu lắng, mỗi lúc một rõ ràng và trở thành hình ảnh trung tâm trong các khổ thơ tiếp theo.

* Hình ảnh người bà hiện lên trong kí ức tuổi thơ cháu với biết bao gian khổ, thiếu thốn. nhọc nhằn:

*Lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói*

*Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi*

*Bố đi đánh xe khô rạc ngựa gầy*

*Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu*

*Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay.*

Đó là bóng đen ghê rợn của nạn đói năm 1945. Cái đói cơ hồ đã ám ảnh trong văn chương một thời của ta, đói đến nỗi phải ăn đất sét ( trong văn của Ngô Tất Tố), những trăn trở về miếng ăn luôn dằn vặt trang viết của Nam Cao…Đến nỗi nhà thơ Chế Lan Viên đã từng tổng kết trong một câu thơ đau đớn: “Cả dân tộc đói nghèo trong rơm rạ”. Ấn tượng nhất đối với cháu trong những năm đói khổ là mùi khói bếp của bà – mùi khói đã hun nhèm mắt cháu để đến bây giờ nghĩ lại “sống mũi còn cay”. Cái cay vì khói bếp của cậu bé bốn tuổi và cái cay bởi xúc động của người cháu đã trưởng thành khi nhớ về bà hòa quyện. Quá khứ và hiện tại cùng động hiện trên những dòng thơ. Điều này cho thấy, mùi khói bếp của bà có sức ám ảnh, làm lay động cả thế chất và tâm hồn cháu. Khổ thơ không nhắc tới bà, nhưng sao bà đẹp và lặng thầm thế! Bà chở che cho cháu và cho cả gia đình, là cây cao bóng cả suốt những ngày đói khổ, những giông tố ập đến phũ phàng và dai dẳng...Bà nhỏ bé mà vĩ đại, lớn lao như thế đấy...Trong lòng cháu...!

* Tới đây, dòng cảm xúc hòa vào dòng chảy của những câu thơ tự sự, tưới đẫm chất trữ tình cho giọng thơ, góp phần làm cho hình ảnh bà trong bài thơ hiện ra rõ hơn và đẹp hơn cả:

*Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa*

*Tu hú kêu trên những cánh đồng xa*

*Tu hú kêu bà con nhớ không bà?*

*Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế*

*Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế!*

*Mẹ cùng cha công tác bận không về*

*Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe*

*Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học*

*Nhóm bép lửa nghĩ thương bà khó nhọc,*

*Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà*

*Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?*

Tám năm sống cùng bà là tám năm cháu nhận được sự yêu thương, dạy bảo, dưỡng nuôi tâm hồn– “bà bảo cháu nghe, bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học”. Cảm cái công ơn ấy,người cháu càng thương bà: “Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khóc nhọc”. Bà và bếp lửa là chỗ dựa tinh thần, là sự chăm chút, đùm bọc dành cho cháu. Bếp lửa của quê hương, của tình bà còn gợi nhớ kỉ niệm tuổi thơ – kỉ niệm gắn với tiếng chim tu hú trên đồng quê mỗi độ hè về.Tiếng chim như giục giã, như khắc khoải một điều gì da diết khiến lòng người trỗi dậy những hòa niệm, nhớ mong. Phải chăng, đó chính là tiếng đồng vọng của đất trời để an ủi, sẻ chia với cuộc đời lam lũ của bà? Câu hỏi tu từ “Tu hú ơi chẳng đến ở cùng bà/Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?” diễn tả nỗi lòng da diết của tác giả khi nhớ về tuổi thơ, nhớ về bà. Có thể nói, ngời sáng từ những dòng thơ là hình người bà tần tảo, trọn vẹn yêu thương. Bà vừa là cha, vừa là mẹ của đứa cháu trong nhữ ng năm tháng gian khổ, bần hàn.

* Đặc biệt, hình ảnh người bà bỗng trở nên cao lớn, vĩ đại khi Bằng Việt nhớ về những năm đau thương, vất vả. Mặc kệ “Giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi”, mặc cho chiến tranh tàn phá, khổ đau chất chồng, bà vẫn vững lòng trước tai họa, thử thách:

*Vẫn vững lòng bà dặn cháu đinh ninh*

*Bố ở chiến khu bố còn việc bố*

*Mày có viết thư chớ kể này kể nọ*

*Cứ bảo nhà vẫn được bình yên.*

Có thể nói, những câu thơ chẳng có gì là hình, là nhạc, kĩ xảo cũng không, chỉ như lời nói thường thôi mà như có một thứ gió lay động tâm hồn ta mãi. Hình ảnh bà lặng lẽ, âm thầm gánh vác mọi loan toan để các con yên tâm công tác. Bà không chỉ là chỗ dựa cho đứa cháu thơ, là điểm tựa cho các con đang chiến đấu mà còn là hậu phương vững chắc cho cả tiền tuyến, góp phần không nhỏ vào cuộc kháng chiến chung của dân tộc. Bà thật giàu lòng yêu thương! Đó cũng là vẻ đẹp của những người phụ nữ Việt Nam anh hùng.

Chúng ta nhớ tới hình ảnh người bà trong bài thơ *“Đò Lèn”* của Nguyễn Duy: *Bom Mĩ giội, nhà bà tôi bay mất/*

*đền Sòng bay, bay tuốt cả chùa chiền/*

*thánh với Phật rủ nhau đi đâu hết/*

*bà tôi đi bán trứng ở ga Lèn”*.

Trước cái liệt của chiến tranh đạn lửa,khi mà dường như các đấng tối cao, linh thiêng cũng khó mà trụ vững thì người bà vẫn dũng cảm, kiên cường đi bán trứng để nuôi cháu. Phải chăng, tấm lòng thơm thảo, yêu thương cháu chính là sức mạnh giúp bà chống chọi lại những khó khăn,gian khổ?

* Bếp lửa gợi người cháu nghĩ đến bà ngày ngày âm thầm làm công việc nhóm bếp. “Bếp lửa” được bà nhen lên thành “ngọn lửa” mang nhiều ý nghĩa tượng trưng.Đó là ngọn lửa được nhóm lên từ trong lòng bà – ngọn lửa của sức sống, tình yêu thương, niềm tin vào tương lai cháu, tương lai của quê hương, dân tộc và cuộc chiến đấu chống kẻ thù xâm lược:

*Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen*

*Một ngọn lửa lòng bà luôn ủ sẵn*

*Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng.*

* Kỉ niệm tuổi thơ lắng xuống, mạch thơ chuyển từ cảm xúc nhớ thương của người cháu với bà sang những suy nghĩ sâu sắc về bà, về gia đình và những ân nghĩa sâu nặng:

*Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa*

*Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờ*

*Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm*

*Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm*

*Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi*

*Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui*

*Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ*

*Ôi kì lạ và thiêng liêng - bếp lửa!*

Cụm từ chỉ thời gian “đời bà”, “mấy chục năm”, từ láy tượng hình “lận đận”, hình ảnh ẩn dụ “nắng mưa”diễn tả cảm nhận của nhà thơ về sự tần tảo, đức hi sinh, tâm lòng yêu thương,sẻ chia của bà. Suốt cuộc đời bà luôn chăm chút cho cháu cả về vật chất và tinh thần để cháu lớn lên. Bà là người nhóm lửa, cũng là người luôn giữ cho ngọn lửa luôn ấm nóng, tỏa sáng trong gia đình. Điệp từ “nhóm” với những ý nghĩa phong phú, gợi nhiều liên tưởng. Từ hành động nhóm lửa, bà đã nhóm dậy những gì thiêng liêng, cao quý nhất của con người. Bà nhóm bếp mỗi sớm mai là nhóm lên tình yêu thương, niềm vui sưởi ấm,sự san sẻ tình làng nghĩa xóm, những tâm tình, ước vọng của tuổi thơ. Người cháu yêu bà, nhờ hiểu bà mà hiểu thêm cả dân tộc mình, nhân dân mình. Bằng những từ ngữ có giá trị biểu cảm “ôi”,”kì lạ”,”thiêng liêng”, cấu trúc thơ đặc biệt,” bếp lửa” được tách riêng thành một vế câu chốt lại ý khái quát của cả đoạn, hình ảnh người bà luôn gắn với hình ảnh “bếp lửa”,”ngọn lửa”. Bếp lửa là tình bà ấm nóng, là tay bà chăm chút, gắn với những khó khăn, gian khổ của đời bà. Bếp lửa vốn gần gũi với mỗi gia đình bỗng trở nên kì lạ bởi ngọn lửa được bà nhóm lên không chỉ từ nhiên liệu củi rơm, mà còn được nhen lên từ chính tấm lòng nhân hậu “ấp iu nồng đượm” của bà đối với cháu con.Ngọn lửa ấy có sức sống mãnh liệt, cháy sáng trong mọi hoàn cảnh. Chính vì vậy, nhà thơ đã cảm nhận được hình ảnh bếp lửa bình dị mà thân thuộc sự kì diệu, thiêng liêng.

# Ý kiến đánh giá, bình luận:

* “Bếp lửa” là một bài thơ hay và độc đáo. Với nghệ thuật miêu tả kết hợp tự sự, biểu cảm; giọng thơ hồi tưởng và đầy chất suy ngẫm; bài thơ ngợi ca tình bà cháu, ngợi ca hình ảnh người bà tần tảo,giàu tình yêu thương và đức hi sinh. Đó cũng là người bà trong “Tiếng gà trưa” của Xuân Quỳnh, là bao người mẹ, người chị dịu dàng, đằm thắm đã tô đậm trang sử vàng chói lọi của truyền thống người phụ nữ Việt Nam anh hùng. Người cháu trong bài thơ “Bếp lửa” phải có sự trải nghiệm sâu sắc thì mới có những vẫn thơ xúc động về người bà như vậy! Phơi bày những hạt ngọc ẩn kín trong tâm hồn người cháu có nghĩa ấy đã thể hiện lòng biết ơn bà sâu sắc. Tình cảm yêu quí, kính trọng bà là cội nguồn của tình cảm gia đình, tình yêu quê hương, đất nước.

# Kết bài:

* Hình ảnh người bà trong cái nhìn đầy trân trọng, kính yêu của nhà thơ qua bài “Bếp lửa” là lời nhắc mỗi chúng ta luôn biết ơn, kính trọng bà, bởi:

*Bà như quả đã chín rồi*

*Càng thêm tuổi tác càng tươi lòng vàng.*

Tấm lòng của bà, tình yêu thương bà dành cho mỗi người là tình cảm cao đẹp.

# Bài tập vận dụng:

**Bài tập 1: Theo cách tổng – phân – hợp, viết đoạn văn từ 7 –10 câu phân tích cái hay trong đoạn thơ sau:**

*Một bếp lửa chờn vờn sương sớm*

*Một bếp lửa ấp iu nồng đượm*

*Cháu thương bà biết mấy nắng mưa.*

(“Bếp lửa” – Bằng Việt)

**Bài tập 2: Cho đoạn thơ:**

*Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi*

*Hàngxóm bốn bên trở về lầm lụi*

*Đỡ đần bà dựng lại túp lều tranh*

*Vẫn vững lòng, bà dặn cháuđinh ninh:*

*“Bố ở chiến khu,bố còn việc bố*

*Mày có viết thư chớ kể này,kể nọ,*

*Cứ bảo nhà vẫn được bình yên!”*

*Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen*

*Một ngọn lửa,lòng bà luôn ủ sẵn*

*Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng…*

a. Những câu thơ trên trích trong bài thơ nào? Tác giả của bài thơ đó là ai?

b. So sánh sự việc xảy ra với lời bà dặn cháu trong đoạn thơ, ta thấy một phương châm hội thoại đã bị vi phạm. Đó là phương châm nào? Sự không tuân thủ phương châm hội thoại như vậy có ý nghĩa gì?

c. Hai câu cuối đoạn thơ không nhắc lại “bếp lửa” mà thay bằng từ “ngọn lửa”. Điều đó có ý nghĩa như thế nào?

d. Hãy viết một đoạn văn khoảng 10 câu với nội dung: Cảm nhận của em về hình ảnh người bà trong đoạn thơ đã trích ở trên theo cách lập luận tổng – phân – hợp. Trong đoạn có một câu dùng thành phần phụ chú, một câu dùng thành phần tình thái.

**Bài tập 3: Cho câu thơ:**

*Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa.*

a. Hãy chép chính xác 7 câu thơ tiếp theo câu thơ trên.

b. Đoạn thơ vừa chép trích từ bài thơ nào? Tác giả bài thơ đó là ai?

c. Từ “nhóm” trong đoạn thơ vừa chép có những ý nghĩa nào?

d. Hình ảnh bếp lửa và ngọn lửa được nhắc đến nhiều lần trong bài thơ có ý nghĩa gì?

**Bài tập 4: Trong bài thơ “Bếp lửa”, Bằng Việt viết:**

*Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen*

*Một ngọn lửa lòng bà luôn ủ sẵn*

*Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng…*

1. Vì sao ở hai câu dưới, tác giả lại dùng từ “ngọn lửa” mà không nhắc lại “bếp lửa”? “Ngọn lửa” ở đây có ý nghĩa gì?
2. Chỉ ra các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ trên. Viết đoạn văn ngắn phân tích hiệu quả nghệ thuật của những biện pháp tu từ đó.

**Bài tập 5: Có ý kiến cho rằng hai câu thơ**:

*“Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở:*

*- Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?...*

*”* thể hiện đạo lí *“Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”* của người dân Việt Nam. Em có đồng ý với ý kiến đó không? Vì sao?

**Bài tập 6: Những từ in đậm trong các câu dưới đây thuộc loại từ nào? Nêu ý nghĩa của sự thay đổi của những từ đó:**

***Một*** *bếp lửa chờn vờn sươngsớm*

***Một*** *bếp lửa ấp iu nồng đượm*

*Giờ cháu đã đi xa.*

*Có ngọn khói* ***trăm*** *tàu*

*Có lửa trăm nhà, niềm vui* ***trăm*** *ngả*

**Hướng dẫn giải bài tập**

**Bài tập 1:**

* Về nội dung, cần chỉ ra được:
* Điệp ngữ “một bếp lửa” được nhắc lại hai lần, trở thành điệp khúc mở đầu bài thơ với giọng điệu sâu lắng, khẳng định hình ảnh bếp lửa như một dấu ấn không bao giờ phai mờ trong tâm tưởng của nhà thơ.
* Từ láy “chờn vờn”rất thực, như gợi nhớ, gợi thương đến dáng hình bập bùng của ngọn lửa trong bếp qua làn sương sớm mờ ảo.
* Hai chữ “ấp iu” gợi bàn tay khéo léo, tấm lòng chi chút của người nhóm lửa, lại rất chính xác với công việc nhóm bếp cụ thể.
* Hình ảnh bếp lửa, rất tự nhiên đã đánh thức dòng cảm xúc,hồi tưởng của cháu về người bà tần tảo, vất vả triền miên:

“Cháu thương bà biết mấy nắng mưa”

=> Ba câu thơ mở đầu đã diễn cảm xúc đang dâng lên cùng với những kí ức của tác giả về bếp lửa, về bà, là sự khái quát tình cảm của người cháu với cuộc đời lam lũ vất vả của bà.

Về hình thức: trình bày đoạn văn theo cách tổng – phân – hợp, giới hạn 7 – 10 câu.

**Bài tập 2:**

1. Những câu thơ đó trích trong bài “Bếp lửa” của Bằng Việt.
2. Phương châm hội thoại đã bị vi phạm là phương châm về chất.

Sự không tuân thủ ấy là để thể hiện mục đích khác: Bà không muốn cháu thông báo cho cha mẹ biết những khó khăn ở nhà, để bố mẹ yên tâm công tác. Từ đó, thấy được sự hi sinh của bà vì con cháu và tình cảm của bà đối với kháng chiến, với đất nước.

1. Việc thay “bếp lửa”bằng “ngọn lửa” ở hai câu thơ cuối có ý nghĩa:

* Ý nghĩa của hình ảnh bếp lửu trừu tượng và khái quát hơn:bếp lửa đã cháy sáng lên.
* Bà không chỉ là người nhóm lửa, giữ lửa mà còn là người truyền lửa – ngọn lửa của sự sống, niềm tin cho các thế hệ nối tiếp.
* Hình ảnh bà luôn gắn bó và là linh hồn của bếp lửa.
* Ngọn lửa lòng bà là ẩn dụ chỉ niềm tin, tình yêu của bà với kháng chiến, với Đảng.

1. Viết đoạn văn:

* Về nội dung: cần nêu được những cảm nhận về hình ảnh người bà trong đoạn thơ. Có thể xoay quanh các ý:
* Nỗi vất vả.
* Tình yêu thương, đức hi sinh của bà
* Niềm tin vào kháng chiến
* Về hình thức: trình bày đoạn văn theo cách tổng – phân –hợp, giới hạn 10 câu, trong đoạn có một câu dùng thành phần phụ chú, một câu dùng thành phần tình thái.

**Bài tập 3:**

1. Chép thuộc đoạn thơ.
2. Đoạn thơ vừa chép trích trong bài “Bếp lửa” của Bằng Việt.
3. Từ “nhóm” trong đoạn thơ được nhắc đi nhắc lại tới bốn lần với cả nghĩa đen và nghĩa bóng.

* Nghĩa đen: nhóm là làm cho lửa và chất đốt bén vào nhau cho cháy lên.
* Nghĩa bóng: khơi dậy, gợi lên trong tâm hồn con người những tình cảm tốt đẹp d.
* Hình ảnh bếp lửa trong bài thơ có ý nghĩa:
* Bếp lửa luôn gắn liền với hình ảnh bà, nhớ đến bếp lửa làcháu nhớ đến bà và cuộc sống gian khổ.
* Bếp lửa bàn tay bà nhóm mỗi sớm mai là nhóm tình yêu thương, niềm vui sưởi ấm, sự san sẻ tình làng nghĩa xóm, những tâm tình và ước vọng của tuổi thơ.
* Bếp lửa là tình cảm yêu thương, bình dị mà thiêng liêng của bà.
* Hình ảnh ngọn lửa trong bài thơ có ý nghĩa:
* Ngọn lửa là những kỉ niệm ấm lòng, là niềm tin thiêng liêng, kì diệu nâng bước cháu trên hành trình dài, rộng của cuộc đời.
* Ngọn lửa là sức sống, lòng yêu thương, niềm tin mà bà truyền cho cháu.

**Bài tập 4:**

a.

* Ở hai câu dưới, tác giả dùng từ “ngọn lửa” mà không nhắc lại “bếp lửa”. Vì nói

đến “bếp lửa” là nói đến một vật hữu hình,cụ thể của mỗi gia đình. Còn hình ảnh “ngọn lửa” mang ý nghĩa khái quát, rộng lớn hơn.

* Mỗi lần nhóm bếp lửa, ngọn lửa cháy sáng lên mang nhiều ý nghĩa tượng trưng. Đó là ngọn lửa được nhóm từ lòng bà – ngọn lửa của sức sống,tình yêu thương, niềm tin, tình yêu của bà với kháng chiến, với Đảng. Bà không chỉ là người nhóm lửa, giữ lửa mà còn là người truyền lửa – truyền cho cháu những kỉ niệm ấm lòng, những niềm tin thiêng liêng, kì diệu nâng bước cháu trên suốt hành trình dài rộng của cuộc đời.

b.

* Các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ:
* Liệt kê “rồi sớm rồichiều”.
* Ẩn dụ “ngọn lửa”
* Điệp ngữ “một ngọn lửa”
* Viết đoạn văn.

**Bài tập 5:**

Có ý kiến cho rằng hai câu thơ “Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở:/-Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?...” thể hiện đạo lí “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây” của người dân Việt Nam.Em đồng ý với ý kiến đó bởi vì hai câu thơ là lòng biết ơn, là sự khắc ghi hình ảnh người bà cùng với công việc quen thuộc là nhóm bếp. Hình ảnh ấy sẽ theo người cháu đi suốt cuộc đời. Nhớ về bà, nhớ về bếp lửa chính là người cháu nhớ về cội nguồn của tình yêu thương, của mái ấm gia đình. Hình ảnh ấy không chỉ hiện lên trong nỗi nhớ của cháu mà còn như “nhắc nhở” người cháu phải sống sao cho xứng đáng với công lao dạy dỗ, với những hi sinh của bà dành cho cháu. Đạo lí ấy đã được người Việt Nam lưu truyền qua các thế hệ “Con người có tổ có tông/ Như cây có cội như sông có nguồn”, hay “Ngó lên nuộc lạt mái nhà/ Bao nhiêu nuộc lạt nhớ ông bà bấy nhiêu”.

**Bài tập 6:**

* Những từ in đậm trong các câu trên “một”,”trăm” là số từ.
* Sự biến đổi từ số từ số ít sang số từ số nhiều có ý nghĩa hết sức sâu sắc. Ở đây, Bằng Việt muốn nói đến ý nghĩa khái quát của hình ảnh.Mở đầu bài thơ là hình ảnh “một bếp lửa”.Đó là bếp lửa cụ thể, bếp lửa của bà, của gia đình, bếp lửa gắn với những kí ức tuổi thơ. Tuổi thơ cháu được bao bọc trong hơi ấm của bếp lửa đó. Nhưng kết thúc bài thơ, người cháu đã biết cuộc sống rộng lớn hơn rất nhiều, ở đó cũng có lửa, có khói, có niềm vui “’ngọn khói trăm tàu”,”lửa trăm nhà”,”niềm vui trăm ngả”. Con số “trăm” ở đây là biểu tượng cho những nơi mà người cháu đã đến. Hành trình đi từ “một bếp lửa” đến “lửa trăm nhà” là một hành trình đánh dấu sự trưởng thành của người cháu. Để đi đến và vượt qua hành trình đó, người cháu đã được tiếp thêm sức mạnh rất nhiều của người bà. Bởi thế, dù đến với cuộc đời rộng lớn mênh mang, người cháu vẫn luôn hướng về một bếp lửa đơn sơ,giản dị của bà với tấm lòng biết ơn vô hạn “Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở:/-Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?...”.Qua đó, ta thấy, số từ nếu sử dụng đúng chỗ, sẽ đem đến những hiệu quả nghệ thuật hết sức bất ngờ.

# Tư liệu tham khảo:

Bài thơ "Bếp lửa" được viết năm 1963, lúc nhà thơ Bằng Việt đang học năm thứ hai tại Đại học Tổng hợp Quốc gia Kiev (Ukraina, hồi đó còn thuộc Liên Xô).

Nhà thơ Bằng Việt kể lại. *“Những năm đầu theo học Luật tại đây tôi nhớ nhà kinh khủng. Tháng 9 ở bên đó trời se se lạnh, buổi sáng sương khói thường bay mờ mờ mặt đất, ngoài cửa sổ, trên các vòm cây, gợi nhớ cảnh mùa đôngở quê nhà. Mỗi buổi dậy sớmđi học, tôi hay nhớ đến khung cảnh một bếp lửa thân quen, nhớ lại hình ảnh bà nội lụi cụi dậy sớm nấu nồi xôi, luộc củ khoai củ sắn cho cả nhà”.*

Trong hoàn cảnh đó nhà thơ Bằng Việt nhớ lại thói quen bao nhiêu năm của bà; những kỷ niệm ấu thơ như một cuốn phimcứ lần lần hiện lại, từ những năm nhà còn nhỏ xíu, đi tản cư kháng chiến, rồi xa hơn nữa, là thời cả gia đình ông từ Huế đi ra Bắc trên chuyến tàu gần như cuối cùng trước thời tiêu thổ kháng chiến. Nhà thơ Bằng Việt thú nhận: *“Tôi chẳng nhớ được gì ngoài tiếng hú còi tàu và tiếng chim tu hú kêu khắc khoải. Rồi lại cũng tiếng chim tu hú ấy vẫn kêu suốt những mùa vài chín dọc những triền sông và bờ đê của cả vùng quê tôi”.*

Tất cả những điều đó đã gợi cảm hứng cho nhà thơ Bằng Việt viết nên bài thơ “Bếp lửa”. Ông nói: “*Bếp lửa” của tôi được đưa vào giảng dạy trong nhà trường có lẽ cũng bởi nó mang tính khái quát và tiêu biểu cho một lớp người trong cuộc kháng chiến ngày ấy. Bài thơ là một câu chuyện thật về những nhân vật có thật, ngôn ngữ không cách điệu mà nôm na, bình dân, nhưng không tự nhiên chủ nghĩa và khác hoàn toàn với ngôn ngữ thơ mới lúc bấy giờ, hay nói cho đúng hơn là bài thơ mang hơi thở công nông binh".*

**\* *Bố đi đánh xe khô rạc ngựa gầy* là chuyện thật!**

Sau khi ra Bắc, cụ thân sinh nhà thơ Bằng Việt thoát ly lên Việt Bắc tham gia kháng chiến, mẹ tham gia hội phụ nữ, nhà chỉ còn hai anh em. Có thời gian, cụ về quê phụ giúp nghề chở xe ngựa để nuôi gia đình. Chi tiết này về sau nhà thơ cũng đưa vào bài thơ "Bếp lửa", mà nhiều bạn cứ tưởng là hư cấu:

*Lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi*

*Bố đi đánh xe khô rạc ngựa gầy Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay*

Nói đến câu thơ “Bố đi đánh xe khô rạc ngựa gầy”, bỗng nhiên ông buồn buồn. Ông giải thích: *“Nhiều người sau khi đọc đến câu thơ này gọi điện cho tôi hỏi: “Ông có bịa không đấy vì nhà ông làm gì đến nỗi ông cụ đi “đánh xe khô rạc ngựa gầy”, hay ông giả vờ nghèo, kể khổ để mọi người phải thông cảm cho gia đình ông? Tôi khẳng định với họ rằng chẳng việc gì phải bịa hay cách điệu hoàn cảnh để xin mọi người thông cảm cả. Gia đình tôi có gì tôi đã đưa hết vào thơ rồi”.*

Nhà thơ kể tiếp: *“Bố mẹ tôi ở trong Huế 18 năm và sinh tôi trong ấy. Sau khi cách mạng bùng nổ, cả nhà chuyển ra Bắc, tản cư về một vùng quê ở chân núi Ba Vì – Hà Tây. Bố tôi chưa có việc gì làm cho dù ông là một trí thức ngành luật. May sao trong lúc khó*

*khăn đó bác tôi có cỗ xe ngựa chuyên chạy tuyến Phùng (Đan Phượng, Hà Tây) đi Hà Nội nên bố tôi nhận lời mời của bác đi phụ xe kiếm tiền nuôi gia đình. Những năm gian khổ ấy, người còn đói nữa huống hồ ngựa nên chuyện tôi nói trong thơ“Bố đi đánh xe, khô rạc ngựa gầy” không có gì là sai hay cường điệu hoàn cảnh cả”.*

Rất nhiều chi tiết, cứ tưởng như ngẫu nhiên, đến khi tập họp lại, tự nhiên lại như những nét chấm phá để hình thành nên cả một khung cảnh, cả một không gian sống, thậm chí làm nên cái nền chân thật, sinhđộng cho cả một thời. Từ đó nhà thơ chỉ còn có việc dựng nên trên cái nền ấy một hình ảnh xuyên suốt, hình ảnh đã được điển hình hoá và phổ quát hoá, từ bà nội thực của mình trở thành bà nội của bao người khác, thành biểu tượng một người bà, người mẹ hậu phương tận tuỵ, hy sinh, làm chỗ dựa cho con cháu, làm điểm trụ vững chắc ở phía sau để làm yên lòng những người ra tiền tuyến.

“Bếp lửa” sau khi “bay” từ Nga về ngay lập tức được nhà thơ Khương Hữu Dụng chọn đăng trên báo *Văn nghệ*, số tháng 9 năm 1963. “Bếp lửa” cũng chính là bài thơ đầu tiên ông đổi bút danh từ Việt Bằng thành Bằng Việt (tên thật của ông là Nguyễn Việt Bằng) và là bài thơ thứ hai được đăng báo sau bài “Qua Trường Sa” – Báo Văn nghệ năm 1961.

Thơ của nhà thơ Bằng Việt được đưa vào giảng dạy trong trường phổ thông có 3 bài, đó là “Về Nghệ An thăm con” lớp 7 cũ, “Mẹ” lớp 4 cũ và “Bếp lửa”. Nhưng sau này cải cách SGK, hai bài: “Về Nghệ An thăm con” và “Mẹ” không còn “hợp gu” nên đành phải “loại”. Còn với “Bếp lửa” thì có lẽ dù có “cải cách chương trình” đến cỡ nào thì người ta cũng không thể bỏ đi những câu thơ giản dị, chân thật và nồng đượm như những kỷ niệm bên bếp lửa với người bà của mình.

Nhà thơ Bằng Việt tâm sự: *“Trong cả hai cuộc kháng chiến, chống Pháp và chống Mỹ, có lẽ vai trò của những người bà, người mẹ, người chị... như thế là không có gì thay thế nổi. Và có thể nói không ngoa rằng chính những con người hiền hoà, nhân hậu, khiêm nhường ấy đã cùng nhau gánh cả cuộc kháng chiến lên trên đôi vai gầy guộc, bé nhỏ của mình. Tôi tự hào dù chỉ làm được một chút gì an ủi những năm đằng đẵng vất vả, dài dặc ấy của bà, như tiếng chim tu hú cộng hưởng với nỗi cô đơn lo toan của bà, gắng làm cho bà được nhẹ nhõm hơn.*

Nhà thơ bồi hồi đọc lại khổ cuối bài thơ:

*...Giờ cháu đã đi xa Có ngọn khói trăm tàu Có niềm vui trăm ngả*

*Nhưng vẫn chẳng khi nào quên nhắc nhở Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?*

**CHUYÊN ĐỀ 10: ÁNH TRĂNG**

**Nguyễn Duy**

# I. Khái quát về tác giả, tác phẩm:

* Nguyễn Duy thuộc thế hệ các nhà thơ quân đội trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc và trở thành một trong những gương mặt tiêu biểu.
* Thơ ông gần gũi với văn hóa dân gian, nhưng sâu sắc mà rất đỗi tài hoa, đi sâu vào cái nghĩa, cái tình muôn đời của con người Việt Nam.
* “Ánh trăng” – bài thơ hay như một câu chuyện riêng. Từ câu chuyện ấy cất lên lời tự nhắc nhở về những năm tháng gian lao đã qua của cuộc đời người lính gắn bó với thiên nhiên, đất nước bình dị, hiền hậu. Bài thơ có ý nghĩa gợi nhắc, củng cố ở người đọc thái độ sống “uống nước nhớ nguồn”, ân nghĩa thủy chung cùng quá khứ.

**II. Tìm hiểu bài thơ**

***1. Hai khổ thơ đầu.***

Gắn bó với đồng, với sông, với bể.

Gắn bó với vầng trăng (tri kỉ, tình nghĩa).

Nghệ thuật nhân hoá, khắc hoạ vẻ đẹp tình nghĩa thuỷ chung của trăng đối với người lính trong những năm kháng chiến. Khó khăn gian khổ của cuộc sống nơi núi rừng cùng chiến tranh. Trăng đã đến với tình cảm chân thành.

Tình bạn giữa trăng và người lính gắn bó sâu nặng đằm thắm như những người bạ tri kỷ. Trăng như hiểu được tình cảm của con người.

-Trần trụi với thiên nhiên

- Hồn nhiên như cây cỏ.

Thể hiện vẻ đẹp mộc mạc, hoang sơ.

- Trăng và người lính như có sự đồng cảm, sẻ chia: tình nghĩa bền vững mãi mãi.

***2. Ba khổ thơ tiếp theo***

Tác giả khắc hoạ vầng trăng ở những thời điểm:

- Từ hồi về thành phố

- Thình lình đèn điện tắt

Vì cuộc sống nơi thành phố đầy đủ tiện nghi, người lính đã quen với vật chất cao sang “ánh điện, cửa gương”, lãng quên trăng, quên đi những ngày tháng gian khổ, những năm tháng chiến tranh ác liệt, quên đi tình cảm chân thành cao đẹp. Chính sự lãng quên ấy đã phá vỡ tình bạn (hàm chứa tình cảm chua xót, bất ngờ).

- Hoàn cảnh đối lập : hình ảnh vầng trăng luôn thuỷ chung, ân nghĩa, thể hiện giá trị thức tỉnh tình người cao đẹp.

Sự xuất hiện đột ngột của trăng trong bối cảnh đèn điện tắt. Vầng trăng bất ngờ mà tự nhiên gợi lại bao kỷ niệm nghĩa tình.

Điều đáng nói ở đây là chỉ có con người thay đổi, còn vầng trăng thì ra sao?

“Đột ngột vầng trăng tròn”: trăng vẫn đến với bạn bằng tình cảm tràn đầy nguyên vẹn, vẫn chung thuỷ với người bạn năm xưa. Con người có thể quay lưng lại với quá khứ còn trăng vẫn vậy, vẫn đánh thức tâm hồn họ.

“Ngửa *mặt* lên nhìn *mặt*

Có cái gì *rưng* *rưng*

Như là *đồng* là *bể*

Như là *sông*, là *rừng*”

“Mặt” nhìn “mặt” con người đối diện với vầng trăng

Ánh trăng đánh thức những kỷ niệm quá khứ - đánh thức lại tình bạn năm xưa, đánh thức những gì con người lãng quên. Những hình ảnh “đồng - bể - sông - rừng” lặp lại gợi tả điều gì? Tả những kỷ niệm quá khứ gần gũi thân quen gắn bó sâu sắc.

Cảm xúc của tác giả trong bài thơ này là nỗi niềm “rưng rưng”, trào dâng xúc động với những kỷ niệm về những năm tháng gian lao của người lính đã từng gắn bó với thiên nhiên, đất nước.

***3. Khổ thơ cuối.***

Trăng:

- Tròn vành vạnh

- Kể chi người vô tình

- Im phăng phắc

Trăng cứ tròn vành vạnh, tượng trưng cho quá khứ đẹp đẽ vẹ nguyên chẳng thể phai mớ. Trăng không thay đổi, vẫn tràn đầy vẹn nguyên, thế mà lại bị con người lãng quên.

Hình ảnh vầng trăng thể hiện trong chiều sâu suy tưởng mang tính triết lý sâu sắc: Nhắ nhở người đọc thái độ sống ân nghĩa thuỷ chung.

- Từ sự im lặng ấy, trăng như một nhân chứng nghĩa tình nghiêm khắc nhắc nhở con người phải day dứt, trăn trở để nhìn lại chính mình, tìm lại mình, tìm lại những điều lãng quên trong quá khứ, một quá khứ đẹp và bất diệt

- Điều làm xúc động lòng người là trăng không chỉ thuỷ chung mà còn rất cao thượng vị tha, lặng lẽ khoan dung.

**III. Tổng kết**

- Cảm xúc của tác giả trong bài thơ được thể hiện qua một câu chuyện riêng, bằng sự kết hợp hài hoà giữa tự sự và trữ tình.

- Giọng điệu tâm tình, nhịp thơ khi thì trôi chảy tự nhiên, nhịp nhàng theo lời kể, khi thì ngâm Kiều Nguyệt Nga tha thiết, khi thì thầm lặng suy tư.

- Hình ảnh vầng trăng có ý nghĩa biểu tượng sâu sắc: biểu tượng cho quá khứ tình nghĩa, là vẻ đẹp bình dị vĩnh hằng của cuộc sống mang chiều sâu tư tưởng triết lý; tượng trưng cho quá khứ đẹp đẽ vẹn nguyên tràn đầy bất diệt.

- Ngôn ngữ thơ giàu sức gợi cảm.

|  |
| --- |
| **Đề bài: Phân tích bài thơ “Ánh trăng” – Nguyễn Duy.** |

# Mở bài:

Thơ xưa cũng như nay, thiên nhiên luôn là nguồn cảm hứng sáng tác vô tận cho các nhà văn, nhà thơ. Đặc biệt là ánh trăng. Xưa, Lý Bạch khi đối diện với vầng trăng đã giật mình thảng thốt nhớ cố hương. Nay, Nguyễn Duy, một nhà thơ tiêu biểu trưởng thành trong kháng chiến chống Mi cũng góp vào mảng thơ thiên nhiên một “Ánh trăng”. Đối diện trước vầng trăng, người lính đã giật mình về sự vô tình trước thiên nhiên, vô tình với những kỉ niệm nghĩa tình của một thời đã qua. Bài thơ “Ánh trăng” giản dị như một niềm ân hận trong tâm sự sâu kín ấy của nhà thơ.

# Thân bài:

* 1. **Cảm nghĩ về vầng trăng quá khứ**

Trước hết là hình ảnh vầng trăng tình nghĩa, hiền hậu, bình dị gắn liền với kỉ niệm một thời đã qua, một thời nhà thơ hằng gắn bó.

* Ánh trăng gắn với những kỉ niệm trong sáng thời thơ ấu tại làng quê:

*Hồi nhỏ sống với rừng*

*Với sông rồi với biển*

* Nhớ đến trăng là nhớ đến không gian bao la. Những “đồng, sông, bể” gọi một vùng không gian quen thuộc của tuổi ấu thơ, có những lúc sung sướng đến hả hê được chan hoà, ngụp lặn trong cái mát lành của quê hương như dòng sữa ngọt.
* Con người khi đó sống giản dị, thanh cao, chân thật trong sự hoà hợp với thiên nhiên trong lành: “trần trụi với thiên nhiên - hồn nhiên như cây cỏ”
* Ánh trăng gắn bó với những kỉ niệm không thể nào quên của cuộc chiến tranh ác liệt của người lính trong rừng sâu.

*Hồi chiến tranh ở rừng*

*Vầng trăng thành tri kỉ*

*Trần trụi với thiên nhiên*

*Hồn nhiên như cây cỏ*

*Ngỡ không bao giờ quên*

*Cái vầng trăng tình nghĩa*

* Những năm tháng gian lao nơi chiến trường, trăng thành người bạn tri kỉ, gắn với những kỉ niệm không thể nào quên của cuộc chiến tranh ác liệt của người lính trong rừng sâu: khi trăng treo trên đầu súng, trăng soi sáng đường hành quân. Vầng trăng ấy cũng là “quầng lửa” theo cách gọi của nhà thơ Phạm Tiến Duật. Trăng thành người bạn chia sẻ ngọt bùi, đồng cảm cộng khổ và những mất mát hi sinh, vầng trăng trở thành người bạn tri kỉ với người lính.
* Trăng khi đó là ánh sáng trong đêm tối chiến tranh, là niềm vui bầu bạn của người lính trong gian lao của cuộc kháng chiến - vầng trăng tri kỉ. Nhân vật trữ tình gắn bó với trăng trong những năm dài kháng chiến. Trăng vẫn thuỷ chung, tình nghĩa.

# Cảm nghĩ về vầng trăng hiện tại.

* **Vầng trăng - người dưng qua đường.**
* Sau tuổi thơ và chiến tranh, người lính từ giã núi rừng trở về thành phố - nơi đô thị hiện đại. Khi đó mọi chuyện bắt đầu đổi khác:

*Từ hồi về thành phố*

*Quen ánh điện cửa gương*

*Vầng trăng đi qua ngõ*

*Như người dưng qua đường*

* Vầng trăng tri kỉ ngày nào nay đã trở thành “người dưng” - người khách qua đường xa lạ, còn con người đâu còn son sắt thuỷ chung? => Một sự thay đổi phũ phàng khiến người ta không khỏi nhói đau. Tình cảm xưa kia nay chia lìa.
* Nghệ thuật đối lập với khổ 1,2, giọng thơ thầm thì như trò chuyện tâm tình, giãi bày tâm sự với chính mình. Tác giả đã lí giải sự thay đổi trong mối quan hệ tình cảm một cách lô gíc.
* Vì sao lại có sự xa lạ, cách biệt này?

+ Sự thay đổi của hoàn cảnh sống- không gian khác biệt, thời gian cách biệt, điều kiện sống cách biệt: Từ hồi về thành phố, người lính xưa bắt đầu quen sống với những tiện nghi hiện đại như “ánh điện, cửa gương”. Cuộc sống công nghiệp hoá, hiện đại hoá của điện gương đã làm át đi sức sống của ánh trăng trong tâm hồn con người. Trăng lướt nhanh như cuộc sống hiện đại gấp gáp, hối hả không có điều kiện để con người nhớ về quá khứ. Và anh lính đã quên đi chính ánh trăng đã đồng cam cộng khổ cùng người lính, quên đi tình cảm chân thành, quá khứ cao đẹp nhưng đầy tình người. Câu thơ dưng dưng

* lạnh lùng - nhức nhối, xót xa miêu tả một điều gì bội bạc, nhẫn tâm vẫn thường xảy ra trong cuộc sống. Có lẽ nào sự biến đổi về kinh tế, về điều kiện sống tiện nghi lại kéo theo sự thay dạ đổi lòng? (liên hệ: bởi thế mà ca dao mới lên tiếng hỏi: “Thuyền về có nhớ bến chăng?”; Tố Hữu, nhân dân Việt bắc ở lại cũng băn khoăn một tâm trạng ấy khi tiễn đưa cán bộ về xuôi:

*Mình về thành thị xa xôi*

*Nhà cao còn thấy núi đồi nữa chăng?*

*Phố đông còn nhớ bản làng*

*Sáng đêm còn nhớ mảnh trăng giữa rừng? )*

=> Từ sự xa lạ giữa người với trăng ấy, nhà thơ muốn nhắc nhở : đừng để những giá trị vật chất điều khiển chúng ta....

# Niềm suy tư của tác giả và tấm lòng của vầng trăng.

* Sự xuất hiện trở lại của vầng trăng thật đột ngột, ở vào một thời điểm không ngờ. Tình huống mất điện đột ngột trong đêm khiến con người vốn đã quen với ánh sáng, k hông thể chịu nổi cảnh tối om nơi căn phòng buyn đinh hiện đại. Ba động từ “vội, bật, tung” đặt liền nhau diễn tả sự khó chịu và hành động khẩn trương, hối hả của tác giả để đi tìm nguồn sáng. Và hình ảnh vầng trăng tròn tình cờ mà tự nhiên, đột ngột hiện ra vằng vặc giữa trời, chiếu vào căn phòng tối om kia, chiếu lên khuôn mặt đang ngửa lên nhìn trời, nhìn trăng kia.

=> Tình huống gặp lại trăng là bước ngoặt tạo nên sự chuyển biến mạnh mẽ trong tình cảm và suy nghĩ của nhân vật trữ tình với vầng trăng. Vầng trăng đến đột ngột đã làm sáng lên cái góc tối ở con người, đánh thức sự ngủ quên trong điều kiện sống của con người đã hoàn toàn đổi khác.

* Bất ngờ đối diện với vầng trăng, con người đã có cử chỉ, tâm trạng:

*Ngửa mặt lên nhìn mặt*

*Có cái gì rưng rưng.*

* Tư thế “ngửa mặt lên nhìn mặt” là tư thế đối mặt: “mặt” ở đây chính là vầng trăng tròn. Con người thấy mặt trăng là thấy được người bạn tri kỉ ngày nào. Cách viết thật lạ và sâu sắc!
* Cảm xúc “rưng rưng” là biểu thị của một tâm hồn đang rung động, xao xuyến, gợi nhớ gợi thương khi gặp lại bạn tri kỉ. Ngôn ngữ bây giờ là nước mắt dưới hàng mi. Một tình cảm chừng như nén lại nhưng cứ trào ra đến thổn thức, xót xa. Cuộc gặp gỡ không tay bắt mặt mừng này đã lắng xuống ở độ sâu của cảm nghĩ. Trăng thì vẫn phóng khoáng, vô tư, độ lượng biết bao, như “bể”, như “rừng” mà con người thì phụ tình, phụ nghĩa.
* Trước cái nhìn sám hối của nhà thơ, vầng trăng một lần nữa như gợi lên bao cái “còn” mà con người tưởng chừng như đã mất. Đó là kỉ niệm quá khứ tốt đẹp khi cuộc sống còn nghèo nàn, gian lao. Lúc ấy con người với thiên nhiên - vầng trăng là bạn tri kỉ, là tình nghĩa. Nhịp thơ hối hả dâng trào như tình người dào dạt. Niềm hạnh phúc của nhà thơ như đang được sống lại một giấc chiêm bao.
* Bài thơ khép lại ở hình ảnh:

*Trăng cứ tròn vành vạnh*

*.......Đủ cho ta giật mình*

* Trăng hiện lên đáng giá biết bao, cao thượng vị tha biết chừng nào. Ở đây có sự đối lập giữa “tròn vành vạnh” và “kẻ vô tình”, giữa cái im lặng của ánh trăng với sự “giật mình” thức tỉnh của con người.

+ Trăng tròn vành vạnh, trăng im phăng phắc không giận hờn trách móc mà chỉ nhìn thôi, một cái nhìn thật sâu như soi tận đáy tim người lính đủ để giật mình nghĩ về cuộc sống hoà bình hôm nay. Họ đã quên mất đi chính mình, quên những gì đẹp đẽ, thiêng liêng nhất của quá khứ để chìm đắm trong một cuộc sống xô bồ, phồn hoa mà ít nhiều sẽ mất đi những gì tốt đẹp nhất của chính mình.

+ Trăng tròn vành vạnh là hiện diện cho quá khứ đẹp đẽ không thể phai mờ. Ánh trăng chính là người bạn nghĩa tình mà nghiêm khắc nhắc nhở nhà thơ và cả mỗi chúng ta: con người có thể vô tình, có thể lãng quên nhưng thiên nhiên, nghĩa tình quá khứ thì luôn tròn đầy, bất diệt.

* Sự không vui, sự trách móc trong lặng im của vầng trăng là sự tự vấn lương tâm dẫn đến cái “giật mình” ở câu thơ cuối. Cái “giật mình” là cảm giác và phản xạ tâm lí có thật của một người biết suy nghĩ, chợt nhận ra sự vô tình, bạc bẽo, sự nông nổi trong cách sống của mình. Cái “giật mình” của sự ăn năn, tự trách, tự thấy phải đổi thay trong cách

sống. Cái “giật mình” tự nhắc nhở bản thân không bao giờ được làm người phản bội quá khứ, phản bội thiên nhiên, sùng bái hiện tại mà coi rẻ thiên nhiên. Câu thơ thầm nhắc nhở chính mình và cũng đồng thời nhắc nhở chúng ta, những người đang sống trong hoà bình, hưởng những tiện nghi hiện đại, đừng bao giờ quên công sức đấu tranh cách mạng của biết bao người đi trước.

# Kết bài:

Bài thơ “Ánh trăng” là một lần “giật mình” của Nguyễn Duy về sự vô tình trước thiên nhiên, vô tình với những kỉ niệm nghĩa tình của một thời đã qua. Thơ của Nguyễn Duy không hề khai thác cái đẹp của trăng, nhưng ánh trăng trong thơ ông vẫn mãi làm day dứt người đọc - sự day dứt về những điều được và mất, nên và không, khi sống trong cuộc đời. Vẻ đẹp ấy mới chính là vẻ đẹp của văn chương cách mạng vì thơ không chỉ ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên, con người mà còn “dạy” ta cách học làm người. Thì ra những bài học sâu sắc về đạo lí làm người đâu cứ phải tìm trong sách vở hay từ những khái niệm trừu tượng xa xôi. Ánh trăng thật sự đã như một tấm gương soi để thấy được gương mặt thực của mình, để tìm lại cái đẹp tinh khôi mà chúng ta tưởng đã ngủ ngon trong quên lãng.

|  |
| --- |
| **Đề bài: Cảm nhận về đoạn thơ sau:**  ***Thình lình đèn điện tắt phòng buyn-đinh tối om vội bật tung cửa sổ***  ***đột ngột vầng trăng tròn***  ***Ngửa mặt lên nhìn mặt có cái gì rưng rưng như là đồng là bể***  ***như là sông là rừng***  ***Trăng cứ tròn vành vạnh kể chi người vô tình***  ***ánh trăng im phăng phắc đủ cho ta giật mình.***  **( Nguyễn Duy, *Ánh trăng*, trong *Ngữ văn 9*, tập một,NXB Giáo dục, Hà Nội, 2005)** |

Chúng ta đã từng biết đến vầng trăng nhớ cố hương của tiên thi Lý Bạch, từng rung cảm trước vẻ đẹp của ánh trăng - người bạn tri âm với người tù cộng sản Hồ Chí Minh (Vọng nguyệt- NKTT). Và với bài thơ “Ánh trăng”, Nguyễn Duy đã làm phong phú và giàu có thêm vẻ đẹp cũng như ý nghĩa của vầng trăng đã quen thuộc từ ngàn đời.

Bài thơ mang dáng dấp một câu chuyện nhỏ được kể theo trình tự thời gian. Cảm nghĩ trữ tình của tác giả men theo dòng tự sự này để bộc lộ . Bài thơ “Ánh trăng” là tâm sự của

Nguyễn Duy, là suy ngẫm của nhà thơ trước sự đổi thay của hoàn cảnh sống, khi mà con người từ chiến tranh trở về cuộc sống hoà bình. Ba khổ cuối bài thơ “Ánh trăng” chính là một lời nói kịp thời, là hình ảnh biểu tượng ẩn chứa triết lí sâu sắc:

*Thình lình đèn điện tắt*

*phòng buyn-đinh tối om*

*vội bật tung cửa sổ*

*đột ngột vầng trăng tròn*

*Ngửa mặt lên nhìn mặt*

*có cái gì rưng rưng*

*như là đồng là bể*

*như là sông là rừng*

*Trăng cứ tròn vành vạnh*

*kể chi người vô tình*

*ánh trăng im phăng phắc*

*đủ cho ta giật mình.*

Hình ảnh vầng trăng trong bài thơ trước hết là vầng trăng của tự nhiên. Nhưng vầng trăng còn là biểu tượng của quá khứ đầy tình cảm, khi con người trần trụi giữa thiên nhiên, hồn nhiên, không so đo, tính toán. Khi đó, tâm hồn con người rộng mở, khoáng đạt như sông, như đồng, như bể, như rừng. Toàn là những hình ảnh thiên nhiên rộng dài, hùng vĩ.

Nhưng khi kháng chiến thành công thì con người nhốt mình vào cửa kính, buyn – đinh, sống riêng cho mình, cho cái cá nhân nhỏ bé. Bởi thế mà không gần gũi, không mặn mà với vầng trăng. Lúc này trăng tượng trưng cho quá khứ ân tình, cho những tình cảm lớn lao mộc mạc nhưng bất tử, sáng trong mãi mãi. Con người có thể quên quá khứ, nhưng quá khứ không bao giờ quên. Trăng cứ tròn vành vạnh cũng như quá khứ tươi đẹp không bao giờ mờ phai, không bao giờ khuyết thiếu. Chỉ có những ai mê mải với cái riêng mới có thể dửng dưng.

Sự xuất hiện trở lại của vầng trăng thật đột ngột, ở vào một thời điểm không ngờ. Tình huống mất điện đột ngột trong đêm khiến con người vốn đã quen với ánh sáng, không thể chịu nổi cảnh tối om nơi căn phòng buyn đinh hiện đại.

*Thình lình đèn điện tắt*

*phòng buyn-đinh tối om*

*vội bật tung cửa sổ*

*đột ngột vầng trăng tròn*

Ba động từ “vội, bật, tung” đặt liền nhau diễn tả sự khó chịu và hành động khẩn trương, hối hả của tác giả để đi tìm nguồn sáng. Và hình ảnh vầng trăng tròn tình cờ mà tự nhiên, đột ngột hiện ra vằng vặc giữa trời, chiếu vào căn phòng tối om kia, chiếu lên khuôn mặt đang ngửa lên nhìn trời, nhìn trăng kia. Tình huống gặp lại trăng là bước ngoặt tạo nên sự chuyển biến mạnh mẽ trong tình cảm và suy nghĩ của nhân vật trữ tình với vầng trăng.

Vầng trăng đến đột ngột đã làm sáng lên cái góc tối ở con người, đánh thức sự ngủ quên trong điều kiện sống của con người đã hoàn toàn đổi khác.

Trăng và con người đã gặp nhau trong một giây phút tình cờ. Con người không còn muốn trốn chạy vầng trăng, trốn chạy cả bản thân mình được nữa.

*Ngửa mặt lên nhìn mặt*

*có cái gì rưng rưng*

*như là đồng là bể*

*như là sông là rừng*

Tư thế “ngửa mặt lên nhìn mặt” là tư thế đối mặt: “mặt” ở đây chính là vầng trăng tròn. Con người thấy mặt trăng là thấy được người bạn tri kỉ ngày nào. Cách viết thật lạ và sâu sắc, dùng những từ không trực tiếp để diễn tả sự xúc động, cảm động chợt dâng trào trong lòng anh khi gặp lại vầng trăng. Người lính cảm thấy có cái gì “rưng rưng” tự trong tận đáy lòng và dường như nước mắt đang muốn trào ra vì xúc động trước lòng vị tha của người bạn “tri kỉ” của mình . Nhịp thơ hối hả dâng trào như tình người dào dạt. Niềm hạnh phúc của nhà thơ như đang được sống lại một giấc chiêm bao. Sự xuất hiện đột ngột của vầng trăng làm ùa dậy ở tâm trí nhà thơ bao kỉ niệm quá khứ tốt đẹp khi cuộc sống còn quá nghèo nàn, gian lao. Lúc ấy con người với thiên nhiên trăng là tri kỷ, tình nghĩa. Đối mặt với vầng trăng, bỗng người lính cảm thấy như đang xem một thước phim quay chậm về tuổi thơ của mình ngày nào, nơi có “sông” và có “bể” .Chính những thước phim quay chậm ấy làm người lính trào dâng nhưng nỗi niềm và những giọt nước mắt tuôn ra tự nhiên, không chút gượng ép nào! Những giọt nước mắt ấy đã phần nào làm cho người lính trở nên thanh thản hơn, làm tâm hồn anh trong sáng lại. Một lần nữa những hình tượng trong tuổi thơ và chiến tranh được láy lại làm sáng tỏ những điều mà con người cảm nhận được. Cái tâm hồn ấy, cái vẻ đẹp mộc mạc ấy không bao giờ bị mất đi, nó luôn lặng lẽ sống trong tâm hồn mỗi con người và nó sẽ lên tiếng khi con người bị tổn thương. Đoạn thơ hay ở chất thơ mộc mạc, chân thành, ngôn ngữ bình dị mà thấm thía, những hình ảnh đi vào lòng người.

Vầng trăng đã thực sự thức tỉnh con người:

*“Trăng cứ tròn vành vạnh*

*kề chi người vô tình*

*ánh trăng im phăng phắc*

*đủ cho ta giật mình”*

Khổ thơ cuối cùng mang tính hàm súc độc đáo và đạt tới chiều sâu tư tưởng và triết lí. “Trăng tròn vành vạnh” là vẻ đẹp của trăng vẫn viên mãn, tròn đầy và không hề bị suy suyển dù cho trải qua biết bao thăng trầm. Trăng chỉ im lặng phăng phắc, trăng không nói gì cả, trăng chỉ nhìn, nhưng cái nhìn đó đủ khiến cho con người giật mình. Ở đây có sự đối lập giữa “tròn vành vạnh” và “kẻ vô tình”, giữa cái im lặng của ánh trăng với sự “giật mình” thức tỉnh của con người. Vầng trăng có ý nghĩa biểu tượng sâu sắc. Hình ảnh “vầng trăng tròn vành vạnh”, ngoài nghĩa đen là vẻ đẹp tự nó và mãi mãi vĩnh hằng của cuộc sống còn có nghĩa tượng trưng cho vẻ đẹp của nghĩa tình quá khứ, đầy đặn, thuỷ chung, nhân hậu bao dung của thiên nhiên, của cuộc đời, con người, nhân dân, đất nước. Hình ảnh “ánh trăng im phăng phắc” có ý nghĩa nghiêm khắc nhắc nhở nhà thơ và cả mỗi chúng ta: con người có thể vô tình, có thể lãng quên nhưng thiên nhiên, nghĩa tình quá khứ thì luôn tròn đầy, bất diệt. Sự không vui, sự trách móc trong lặng im của vầng trăng là sự tự vấn lương tâm dẫn đến cái “giật mình” ở câu thơ cuối. Cái “giật mình” là cảm giác và phản xạ tâm lí có thật của một người biết suy nghĩ, chợt nhận ra sự vô tình, bạc bẽo, sự nông nổi trong cách sống của mình. Cái “giật mình” của sự ăn năn, tự trách, tự thấy phải đổi thay trong cách sống. Cái “giật mình” tự nhắc nhở bản thân không bao giờ được làm người phản bội quá khứ, phản bội thiên nhiên, sùng bái hiện tại mà coi rẻ thiên nhiên. Thiên nhiên thật nghiêm khắc, lạnh lùng nhưng cũng thật ân tình, độ lượng bao dung, vầng trăng và thiên nhiên là trường tồn, bất diệt. Thì ra những bài học sâu sắc về

đạo lí làm người đâu cứ phải tìm trong sách vở hay từ những khái niệm trừu tượng xa xôi. Ánh trăng thật sự đã như một tấm gương soi để thấy được gương mặt thực của mình, để tìm lại cái đẹp tinh khôi mà chúng ta tưởng đã ngủ ngon trong quên lãng.

“Ánh trăng” đã đi vào lòng người đọc bao thế hệ như một lời nhắc nhở đối với mỗi người: Nếu ai đã lỡ quên đi, đã lỡ đánh mất những giá trị tinh thần qúy giá thì hãy thức tỉnh và tìmlại những giá trị đó. còn ai chưa biết coi trọng những giá trị ấy thì hãy nâng niu những kí ức quý giá của mình ngay từ bây giờ, đừng để quá muộn.

Bài thơ không chỉ hay về mắt nội dung mà cón có những nét đột phá trong nghệ thuật. Thể thơ năm chữ được vận dụng sáng tạo, các chữ đầu dòng thơ không viết hoa thể hiện những cảm xúc liền mạch của nhà thơ. Nhịp thơ biến ảo rất nhanh, giọng điệu tâm tình dã gấy ấn tượng mạnh trong lòng người đọc.

# Bài tập vận dụng:

**Bài tập 1** : Kết thúc một bài thơ có câu:

*Trăng cứ tròn vành vạnh.*

1. Hãy chép lại chính xác những câu thơ nối tiếp để hoàn chỉnh khổ thơ.
2. Khổ thơ em vừa chép nằm trong bài thơ nào? Tác giả là ai?
3. Hình ảnh vầng trăng trong bài thơ có ý nghĩa như thế nào?Hình ảnh đó giúp em hiểu gì về chủ đề bài thơ ( Yêu cầu: trình bày thành một đoạn văn có sử dụng lời dẫn trực tiếp).

# => Gợi ý:

1. Chép chính xác khổ thơ:

*Trăng cứ tròn vành vạnh kể chi người vô tình*

*ánh trăng im phăng phắc đủ cho ta giật mình*.

1. Tên bài thơ: “Ánh trăng”. Tác giả: Nguyễn Duy.
2. Hình ảnh vầng trăng trong bài thơ mang nhiều ý nghĩa tượng trưng:

* Là hình ảnh thiên nhiên tươi mát, là bạn của người trong những năm tháng tuổi thơ và cả thời chiến tranh ở rừng.
* Là biểu tượng của quá khứ nghĩa tình, là biểu tượng vẻ đẹp vĩnh hằng của cuộc sống.
* Là biểu tượng cho quá khứ nguyên vẹn không phai mờ, là bạn và cũng là nhân chứng đầy tình nghĩa. Nhưng đó cũng là lời nghiêm khắc nhắc nhở con người về đạo lí sống: con người có thể vô tình nhưng quá khứ, lịch sử thì mãi vẹn nguyên.
* Hình ảnh vầng trăng cũng làm rõ thêm chủ đề tác phẩm: nhắc nhở thái độ sống đúng đắn, biết ơn và thủy chung với quá khứ của dân tộc.

Chú ý: trình bày phần trả lời thành một đoạn văn có lời dẫn trực tiếp.

**Bài tập 2**: Cho câu thơ:

*“Ngửa mặt lên nhìn mặt”.*

1. Hãy chép lại chính xác những 7 câu thơ nối tiếp để hoàn chỉnh khổ thơ.
2. Khổ thơ em vừa chép nằm trong bài thơ nào? Tác giả là ai? Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ.
3. Trong dòng thơ đầu, từ “mặt” nào được dùng theo nghĩa gốc, từ “mặt” nào được dùng theo nghĩa chuyển? Chuyển nghĩa theo phương thức nào?
4. Viết đoạn văn ( 10 – 12 câu ) theo cách tổng hợp – phân tích – tổng hợp, trình bảy cảm nhận của em về đoạn thơ vừa chép. Trong đoạn có sử dụng một câu ghép, câu cảm thán, gạch chân dưới câu ghép và câu cảm thán đó.

# => Gợi ý:

a. Chép chính xác khổ thơ:

*Ngửa mặt lên nhìn mặt có cái gì rưng rưng như là đồng là bể*

*như là sông là rừng*

*Trăng cứ tròn vành vạnh kể chi người vô tình*

*ánh trăng im phăng phắc đủ cho ta giật mình.*

* Tên bài thơ: “Ánh trăng”. Tác giả: Nguyễn Duy.
* Hoàn cảnh ra đời bài thơ: Năm 1978 – 3 năm sau ngày đất nước thống nhất, con người dễ quên quá khứ. Vì vậy, bài thơ cất lên như một lời nhắc nhở thấm thía về thái độ, tình cảm đối với những năm tháng quá khứ gian lao, tình nghĩa đối với thiên nhiên, đất nước bình dị, hiền hậu và lẽ sống ân nghĩa, thủy chung.

c.

* Tử “mặt” thứ nhất: nghĩa gốc.
* Từ “mặt” thứ hai: nghĩa chuyển. Chuyển nghĩa theo phương thức ẩn dụ: ánh trăng như khuôn mặt của người bạn quá khứ.

d. Viết đoạn văn:

* Nội dung: Có nhiều cách khai thác khác nhau. Tuy nhiên cần làm rõ niềm xúc động mãnh liệt, suy ngẫm chân thành của tác giả - nhân vật trữ tình qua các ý sau:
* Nhà thơ lặng lẽ đối diện với mặt trăng, người bạn tri kỉ mình đã lãng quên để tự thú về sự bội bạc của mình.
* Cuộc đối thoại không lời trong khoảnh khắc ấy đã làm nhà thơ “rưng rưng” xúc động. Quá khứ vất vả và gian lao nhưng tràn ngập niềm vui cùng với trăng, với thiên nhiên bấy lâu tưởng chừng đã lãng quên bỗng ùa về trong nỗi nhớ.
* Trăng trở thành biểu tượng cho sự tròn đầy, thủy chung, trọn vẹn của thiên nhiên, quá khứ, cho sự bất biến, vĩnh hằng không thay đổi dù con người có đổi thay “vô tình”.
* Ánh trăng còn được nhân hóa “im phăng phắc” gợi liên tưởng đến cái nhìn nghiêm khắc mà bao dung, độ lượng của người bạn thủy chung, tình nghĩa.
* Sự im lặng làm nhà thơ “giật mình” thức tỉnh. Cái “giật mình” thể hiện suy nghĩ, trăn trở tự đấu tranh với chính mình để sống tốt hơn.
* Qua đoạn thơ, Nguyễn Duy muốn gửi đến mọi người lời nhắc nhở về lẽ sống, về đạo lí ân nghĩa, thủy chung.

( Trong đoạn văn, HS phải phân tích rõ: thể thơ năm chữ, giọng điệu chậm rãi, sâu lắng, các biện pháp nhân hóa, ẩn dụ, từ ngữ chọn lọc, phép liệt kê…)

* Hình thức:
* HS viết đúng đoạn văn nghị luận tổng hợp – phân tích – tổng hợp, độ dài 10 – 12 câu.
* Sử dụng câu ghép, câu cảm thán, có gạch dưới.

**CHUYÊN ĐỀ 11: LÀNG**

**I. Đọc, tìm hiểu chung văn bản**

***1. Tác giả, tác phẩm***

Nhà văn Kim Lân có tên khai sinh là Nguyễn Văn Tài, sinh năm 1920.

- Quê Từ Sơn - Bắc Ninh.

- Sở trường viết truyện ngắn.

- Am hiểu và gắn bó với đời sống của nông dân.

Tác phẩm *Làng* được sáng tác trong thời kỳ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp.

- Tóm tắt tác phẩm:

Ông Hai Thu định ở lại làng cùng du kích và đám thanh niên trẻ tuổi chiến đấu giữ làng. Nhưng vì hoàn cảnh gia đình, ông phải cùng vợ con rồi bỏ làng Dầu đi tản cư kháng chiến. Ở nơi tản cư ông luôn nhớ về làng, kể chuyện khoe làng của mình với bà con trên đó.

Bỗng một hôm ông nghe tin cả làng chợ Dầu của ông theo giặc Pháp làm Việt gian, ông đau khổ, cả gia đình ông buồn. Ông chủ tịch tìm đến và cải chính làng ông là làng kháng chiến. Ông vô cùng sung sướng khoe nhà ông bị đốt cháy nhẵn, cháy rụi.

***2. Đọc***

***3. Đại ý***

Truyện đã diễn tả chân thực và sinh động tình yêu làng quê của ông Hai - một người dân rời làng đi tản cư trong thời kỳ kháng chiến.

***4. Bố cục:*** 2 phần.

Phàn đầu (từ đầu đến “đôi lời”): diễn biến tâm trạng ông Hai Thu khi nghe tin làng theo giặc.

Phần còn lại: diễn biến tâm trạng ông Hai khi nghe tin cải chính.

**II. Đọc, tìm hiểu văn bản**

\* Yêu làng: khoe làng ông giàu đẹp - tự hào hãnh diện về làng.

- không khí cách mạng của làng sôi nổi.

Ông buộc phải tản cư, ở nơi tản cư ông luôn khoe về làng mình.

- Nhà ngói san sát sầm uất như tỉnh.

- Di tích truyền thống.

- Khoe sinh phần cụ thượng…

Khi kể say sưa, 2 con mắt sáng, cái mặt biến chuyển.

Toàn đoạn trích là diễn biến tâm trạng của ông Hai Thu.

- Đang ở phòng thông tin, tâm trạng phấn chấn “ruột gan ông cứ múa cả lên”.

- Ông vui vì không khí của kháng chiến thắng lợi bao nhiêu thì tin về làng lại làm cho ông buồn và đau khổ bấy nhiêu.

Thái độ, tâm trạng.

- Quay phắt lại, lắp bắp hỏi.

- Cực kỳ đau khổ.

- Cổ ông lão nghẹn đắng cả lại, da mặt tê rân rân, ông lặng đi tưởng không thở được, một lúc sau ông mới rặn è è, nuốt một cái gì vướng ở cổ, ông cất tiếng hỏi giọng lạc hẳn đi.

- Cúi gằm mặt, về nằm vật ra giường, nước mắt trào ra, ông rít lên, rồi ngờ ngợ, một loạt các câu hỏi, rồi trằn trọc ngủ.

Nội tâm: day dứt, trằn trọc.

+ Không biết đi đâu về đâu.

+ Về làng không được(làng theo giặc)

+ Đi đâu, ở đâu người ta cũng đuổi.

- Ông chẳng biết nói cùng ai, đành thủ thỉ nói với con cho vơi đi sự đau khổ.

+ Nước mắt ông lão giàn ra, chảy ròng ròng trên hai má.

Đau đớn tủi nhục khi nghe tin làng theo giặc. Ông là người yêu làng, yêu nước, yêu kháng chiến.

\* Khi nghe tin cải chính:

+ Thái độ: hồ hởi vui vẻ

+ Nét mặt: tươi vui rạng rỡ hẳn lên.

+ Hành động: chia quà cho con; công khai đi báo tin nhà ông bị Tây đốt.

Ông lật đật, bô bô… 3 lần lật đật cùng với động tác.

“Múa tay lên mà khoe”( lại khoe)

- *Ra láo!Láo hết!Toàn là si sự mục đích cả!*

Niềm vui sướng hạnh phúc choáng ngợp tâm trí của ông.

Ông Hai yêu làng yêu nước tha thiết. Niềm tin của ông vào kháng chiến, tin vào Bác Hồ… khiến người đọc cảm động.

Ông Hai chỉ là một người nông dân bình thường nhưng biết hi sinh cái riêng vì kháng chiến. Điều đó cho thấy cuộc kháng chiến chống Pháp đã đi sâu vào tiềm thức của người dân để trở thành cuộc kháng chiến của toàn dân. Đó chính là sự tinh tế, tài tình của Kim Lân.

- Ngôn từ mộc mạc, tự nhiên, hợp lý (phù hợp với tính cáh người nông dân), thể hiện sự am hiểu đời sồng, ngòi bút tinh tế của tác giả.

**III. Tổng kết**

***1. Về nghệ thuật***

Truyện được xây dựng bằng diễn biến tâm trạng, tâm lý thích khoe làng của ông Hai

- Truyện có sức thuyết phục và ý nghĩa sâu sắc.

- Truyện được xây dựng trên cơ sở tình quê, tình yêu quê hương của một người có tinh thần kháng chiến, nên niềm vui nỗi buồn đều thấm thía.

- Ngôn ngữ nhân vật được miêu tả nhuần nhị, lời nói độc đáo thể hiện một năng lực miêu tả sắc xảo.

- Khắc hoạ diễn biến tâm lý nhân vật thành công.

- Tình huống điển hình, nhân vật bộc lộ tính cách rõ nét.

***2. Về nội dung***

Tình yêu làng, yêu nước tha thiết của ông hai gắn liền với niềm vui, nỗi buồn, sướng khổ của ông trong quá khứ và hiện tại?

|  |
| --- |
| **Đề bài: Cảm nhận tình yêu làng quê thống nhất với lòng yêu nước và tinh thần kháng chiến ở nhân vật ông Hai trong truyện ngắn “Làng” của Kim Lân.** |

# Mở bài:

Kim Lân là nhà văn hiện đại Việt Nam có sở trường về truyện ngắn.Ông vốn am hiểu sâu sắc và gắn bó với nông thôn và người nông dân. Vì thế, ông được xem là nhà văn của

nông thôn, của người dân quê Việt Nam với những vẻ đẹp mộc mạc và đậm đà. Ra đời vào năm 1948 – thời kì đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp,“Làng” của Kim Lâm đã xây dựng rất thành công hình tượng người nông dân thời kì Cách mạng mà tình yêu

làng quê đã hoà nhập trong lòng yêu nước và tinh thần của người dân kháng chiến. Ông Hai Thu – nhân vật chính của truyện có những nét tình cảm cao đẹp và đáng quý đó.

# Thân bài:

**Tình yêu làng nói chung**

* Ở mỗi người nông dân,quả thực tình yêu làng quê là bản chất có tính truyền thống. Yêu làng, gắn bó với làng, tự hào về làng của mình vốn là tâm lý rất quen thuộc có tính gốc rễ.Vậy nên, người nông dân thường tự hào, hãnh diện về làng:

# *Làng ta phong cảnh hữu tình Dân cư giang khúc như hình con long*

# Tình yêu làng, yêu nước của ông Hai khi đi tản cư.

- Cũng như bao con người Việt Nam khác ông Hai cũng có một quê hương để yêu

thương, gắn bó. Làng chợ Dầu luôn là niềm tự hào,kiêu hãnh của ông. Kháng c hiến bùng nổ, người dân phải xa làng đi tản cư, ông Hai cũng theo dòng người ấy sơ tán đến một miền quê xa xôi, hẻo lánh. Ông Hai thực sự buồn khi phải xa làng. Ở nơi tản cư, lòng ông đau đáu nhớ quê, cứ “ nghĩ về những ngày làm việc cùng anh em”,ông nhớ làng quá. Ông Hai luôn khoe và tự hào về cái làng Dầu không chỉ vì nó đẹp mà còn bởi nó tham gia vào cuộc chiến đấu chung của dân tộc. Ông luôn tìm cách nghe tin tức về kháng

chiến “chẳng sót một câu nào”. Nghe được nhiều tin hay , những tin chiến thắng của quân ta, ruột gan ông cứ múa cả lên, náo nức, bao nhiêu ý nghĩ vui thích chen chúc trong đầu óc.

# Tình yêu làng, yêu nước của ông Hai khi nghe tin làng theo giặc:

* Nhưng khi nghe tin làng chợ Dầu theo giặc thì bao nhiêu tình cảm tốt đẹp ấy trong ông Hai bỗng nhiên biến thành những nỗi lo âu, dằn vặt.

+ Khi nghe tin quá đột ngột, ông Hai sững sờ, xấu hổ và uất ức: “cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi tưởng như không thở được”.Khi trấn tĩnh lại được phần nào, ông còn cố chưa tin cái tin ấy”. Nhưng rồi những người tản cư đã kể rành rọt quá, lại khẳng định họ “vừa ở dưới ấy lên”làm ông không thể không tin. Niềm tự hào

về làng thế là sụp đổ tan tành trước cái tin sét đánh ấy. Cái mà ông yêu quý nhất nay cũng đã lại quay lưng lại với ông. Không chỉ xấu hổ trước bà con mà ông cũng tự thấy ông mất đi hạnh phúc của riêng ông, cuộc đời ông cũng như chết mất một nửa.

+ Từ lúc ấy trong tâm trí ông Hai chỉ còn có cái tin dữ ấy xâm chiếm, nó thành một nỗi ám ảnh day dứt. Ông tìm cách lảng tránh những lời bàn tán và cúi gằm mặt xuống ra về.

Nghe tiếng chửi bọn Việt gian, ông “cúi gằm mặt mà đi”, về đến nhà ông nằm vật ra

giường, rồi tủi thân nhìn đàn con, “nước mắt ông lão cứ giàn ra”. Bao nhiêu câu hỏi dồn về xoắn xuýt, bủa vây làm tâm trạng ông rối bời trong cơn đau đớn, hụt hẫng đến mê dại, dữ dằn và gay gắt.. Ông cảm thấy như chính ông mang nỗi nhục của một tên bán nước theo giặc, cả các con ông cũng sẽ mang nỗi nhục ấy.

+ Suốt mấy ngày ông không dám đi đâu. Ông quanh quẩn ở nhà, nghe ngóng tình hình bên ngoài. “Một đám đông túm lại, ông cũng để ý, dăm bảy tiếng cười nói xa xa, ông cũng chột dạ. Lúc nào ông cũng nơm nớp tưởng như người ta đang để ý, người ta đang bàn tán đến “cái chuyện ây”. Thoáng nghe những tiếng Tây, Việt gian, cam –nhông… là ông lủi ra một góc nhà, nín thít. Thôi lại chuyện ấy rồi!”

+ Nhưng chính lúc này, tình cảm đẹp trong con người ông Hai lại càng được bộc lộ rõ hơn bao giờ hết. Những đau đớn, dằn vặt,sự hổ thẹn đến tột cùng đã đẩy ông Hai vào một tình huống phải lựa chọn. Quê hương và Tổ Quốc, bên nào nặng hơn? Quê hương đáng yêu, đang tự hào... Nhưng giờ đây dường như mới chỉ nghĩ tới đó, lòng ông Hai đã nghẹn đắng lại. Tình yêu quê hương và tình yêu tổ quốc xung đột dữ dội trong lòng ông. Một ý nghĩ tiêu cực thoáng qua trong đầu: Hay là quay về làng. Nhưng rồi ông cảm thấy “rợn cả người”. Ông đã từng nhớ làng da diết, từng ao ước được trở về làng. Nhưng“vừa chớm nghĩ, lập tức ông lão phản đối ngay” bởi vì “về làng tức là bỏ kháng chiến, bỏ Cụ Hồ”. Cuối cùng ông đã quyết định: “không thể được! Làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù”. Như vậy,tình yêu làng dẫu có thiết tha, mãnh liệt đến đâu, cũng không thể mạnh hơn tình yêu đất nước.

+ Chuẩn mực cho tình yêu và niềm tự hào về quê hương, đối với ông Hai lúc bấy giờ là cuộc kháng chiến. Tuy đau xót tưởng chừng bế tắc nhưng trong cõi thẳm sâu của tấm lòng, người nông dân ấy vẫn hướng về kháng chiến, vẫn tin ở những điều tốt đẹp, cố giữ cho tâm hồn không vẩn đục, để đón đợi một điều gì đỡ đau đớn, tuyệt vọng hơn.

+ Khi tâm sự với đứa con nhỏ còn rất ngây thơ, nghe con nói: “Ủng hộ cụ Hồ Chí Minh”, nước mắt ông Hai cứ giàn ra, chảy ròng ròng trên hai má, giọng ông như nghẹn lại:“ừ đúng rồi, ủng hộ cụ Hồ con nhỉ?”. Phải chăng, trong tâm hồn người nông dân chất phác ấy vẫn không phút nào nguôi ngoai nỗi nhớ quê hương, yêu quê hương và nỗi đau đớn khi nghe tin quê hương rời xa công việc chiến đấu chung của đất nước bấy giờ? Tâm sự với đứa con, ông Hai muốn bảo con nhớ câu “nhà ta ở làng chợ Dầu”. Đồng thời ông nhắc con- cũng là tự nhắc mình “ủng hộ cụ Hồ Chí Minh”. Tấm lòng thuỷ chung với kháng chiến, với cách mạng thật sâu nặng, bền vững và thiêng liêng: *“Cái lòng bố con ông là như thế đấy, có bao giờ dám đơn sai. Chết thì chết có bao giờ dám đơn sai”.*

# Tình yêu làng, yêu nước của ông Hai khi nghe tin làng kháng chiến (Niềm vui của ông Hai khi tin đồn được cải chính.

* Đến khi biết đích xác làng Dầu yêu quý của ông không phải là làng Việt gian, nỗi vui mừng của ông Hai thật là vô bờ bến: “Ông cứ múa tay lên mà khoe cái tin ấy với mọi người”, mặt ông “tươi vui, rạng rỡ hẳn lên”. Đối với người nông dân, căn nhà là cơ nghiệp của cả một cuộc đời, vậy mà ông sung sướng hể hả loan báo cho mọi người biết cái tin “Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ” một cách tự hào như một niềm hạnh phúc thực sự của mình. Đó là nỗi lòng sung sướng trào ra hồn nhiên như không thể kìm nén được của người dân quê khi được biết làng mình là làng yêu nước dẫu cho nhà mình bị giặc đốt.Tình yêu làng của ông Hai thật là sâu sắc và cảm động.
* So với lão Hạc trong truyện ngắn cùng tên của nhà văn Nam Cao trước cách mạng tháng Tám, rõ ràng ta thấy ông Hai có những điểm tiến bộ vượt bậc trong nhận thức, tâm hồn, tình cảm và tính cách. Đó chính là nhờ vào đường lối giác ngộ cách mạng của Đảng, Bác Hồ mà học có được. Lão Hạc và ông Hai có những điểm tính cách khác nhau nhưng họ vẫn có những phẩm chất của những người nông dân giống nhau, đều hiền lành, chất phác, lương thiện. Khi cách mạng tháng Tám thành công đã đem đến sự đổi đời cho mỗi người nông dân. Từ một thân phận nô lệ phụ thuộc họ trở thành một người tự do làm chủ cuộc đời, làm chủ đất nước. Từ đó đã củng cố và làm nền tảng vững chắc cho tình yêu quê hương, đất nước, trở thành một tình cảm vững bền, thiêng liêng sâu nặng, nồng cháy.

=> Trong hoàn cảnh toàn dân đang hướng tới cuộc kháng chiến chống pháp, bảo vệ độc lập dân tộc, ông Hai đã biết đặt tình yêu đất nước lên trên tình yêu cá nhân của mình với làng chợ Dầu, ông dành tất cả cho cách mạng. Đó chính là nét đẹp trong con người ông Hai nói riêng và người nông dân Việt Nam nói chung.

* Văn hào I li a, E ren bua có nói: *…” Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu đồng quê trở nên lòng yêu tổ quốc.* Ông Hai đúng là một con người như thế. Niềm vui, nỗi buồn của ông đều gắn bó với làng. Lòng yêu làng của ông chính là cội nguồn của lòng yêu nước.

# Nghệ thuật xây dựng nhân vật ông Hai

* Nhà văn Kim Lân đã khá thành công khi xây dựng nhân vật ông Hai, một lão nông cần cù, chất phác, yêu mến, gắn bó với làng quê như máu thịt.

+ Nhà văn đã chọn được một tình huống khá độc đáo là sự thử thách bên trong bộc lộ chiều sâu tâm trạng.

+ Tâm lý nhân vật được nhà văn miêu tả cụ thể, gợi cảm qua các diễn biến nội tâm, qua các ý nghĩ, cảm giác, hành vi, ngôn ngữ. Đặc biệt là nhà văn đã diễn tả đúng và gây được ấn tượng mạnh mẽ về sự ám ảnh, day dứt trong tâm trạng nhân vật.

# Kết bài:

Qua truyện ngắn “Làng”, tác giả đã khắc hoạ thành công hình tượng một người nông dân yêu làng, yêu nước hồn nhiên chất phác nhưng xúc động.Hình tượng nhân vật ông Hai vừa phản ánh chân thực những nếp cảm, nếp nghĩ của người nông dân Việt Nam trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, vừacó ý nghĩa giáo dục sâu sắc đối với nhiều thế hệ bạn đọc. Qua truyện ngắn này,ta có thể hiểu được một cách sâu sắc thêm về hình ảnh những người dân kháng chiến Việt Nam với tình yêu quê hương đất nước.

|  |
| --- |
| **Đề bài: Phân tích diễn biến tâm trạng của nhân vật ông Hai trong tác phẩm “Làng” của Kim Lân khi nghe tin làng mình theo giặc.** |

# Mở bài:

**\*Mở bài 1**: Kim Lân là một nhà văn có sở trường về truyện ngắn. Đề tài chính trong sáng tác của ông là cảnh sinh hoạt làng quê và cảnh ngộ của những người nông dân sau lũy tre làng. Ra đời năm 1948 – thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, “Làng” là một trong những tác phẩm xuất sắc của Kim Lân . Tiêu biểu trong truyện ngắn “Làng” là nhân vật ông Hai – người nông dân chân lấm tay bùn, có tình yêu làng và lòng yêu nước, yêu cách mạng.Tình cảm ấy được thể hiện rất rõ trong tình huống khi ông nghe tin làng Chợ Dầu lập tề, theo giặc.

* **Mở bài 2**: Là nhà văn có sở trưởng viết truyện ngắn, Kim Lân được biết đến qua những thiên truyện xuất sắc như: “Vợ nhặt”,”Con chó xấu xí”,”Nên vợ nên chồng”… Cả đời

gắn bó với nông thôn Việt Nam, Kim Lân là người hiểu hơn ai hết về người quê, hồn quê, chính vì thế đề tài trong sáng tác của ông thường là cảnh sinh hoạt làng quê và cảnh ngộ người nông dân sau lũy tre làng. Ấn tượng sâu đậm nhất trong lòng người đọc là việc nhà văn đã xây dựng rất thành công hình tượng người nông dân – những con người lao động chân lấm tay bùn, mộc mạc,hiền lành mà giàu tình nghĩa với quê hương, với đất nước, với cách mạng. Ông Hai trong truyện ngắn “Làng” là một con người như thế! Tình yêu làng, lòng yêu nước ở nhân vật được nhà văn Kim Lân diễn tả một cách chân thực và sinh động trong tình huống khi ông nghe tin làng Chợ Dầu lập tề, theo giặc.

**\*Mở bài 3**: Kim Lân là nhà văn hiện đại Việt Nam có sở trường về truyện ngắn. Do hoàn cảnh sống của mình, ông am hiểu sâu sắc sinh hoạt, tâm lí của người nông dân. Kim Lân được xem là nhà văn của nông thôn, của người dân quê Việt Nam với những vẻ đẹp mộc mạc mà đậm đà. Được viết trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp và đăng lần đầu trên tạp chí Văn nghệ năm 1948, “Làng” là một trong những tác phẩm đặc sắc nhất của ông. Truyện đã thể hiện một cách sinh động và tinh tế diễn biến tâm trạng của ông Hai khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc.

# Thân bài:

* 1. **Khái quát (Dẫn dắt vào bài):**
* Ông Hai – nhân vật chính của tác phẩm là người rất yêu làng, nhưng phải xa làng đi tản cư. Tình yêu làng của ông bị đặt vào thử thách:có tin làng làng Dầu theo giặc, phản bội kháng chiến. Ông Hai đã trải qua tâm trạng dằn vặt đau đớn, phải đấu tranh quyết liệt để lựa chọn còn đường đi đúng đắn cho mình.

# Phân tích:

Niềm vui đang ngập tràn trong lòng ông Hai khi ông vừa ở phòng thông tin bước ra, đó cũng là lúc ông nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc.Cái tin quá đột ngột ấy khiến ông bàng hoàng, sững sờ: “cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại,da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi tưởng như không thở được”. Từ đỉnh cao của niềm vui,niềm tin ông Hai rơi xuống vực thẳm của sự đau đớn, tủi hổ và tuyệt vọng. Khi trấn tĩnh lại được phần nào,ông còn cố chưa tin cái tin ấy. Nhưng rồi những người tản cư đã kể rảnh rọt quá, lại khẳng định họ “vừa ở dưới ấy lên”, “Cả làng chúng nó Việt gian từ thằng chủ tịch mà đi cơ ông ạ” khiến ông không thể không tin. Kim Lân đã tỏ ra rất khéo léo,chỉ qua một vài chi tiết mà miêu tả được nỗi đau đớn, nhục nhã,ê chề của một người yêu làng khi nghe tin làng mình làm Việt gian. Từ lúc ấy,trong tâm trí ông Hai chỉ có cái tin dữ ấy xâm chiếm, nó trở thành nỗi lo sợ,sự ám ảnh, day dứt với mặc cảm là kẻ phản bội. Nghe tiếng chửi bọn Việt gian“ông cúi gằm mặt mà đi”.

* Về đến nhà, ông nằm vật ra giường, tủi thân, thương con,thương dân Chợ Dầu, thương thân mình phải mang tiếng là dân làng Việt gian “nước mắt ông lão cứ giàn ra. Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư?. Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư?” Căm giận lũ người phản bội làng theo giặc, ông nắm chặt hai tay mà rít lên: “Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này?” Nhưng rồi ông lại “ngờ ngợ như lời mình không được đúng lắm”. Niềm tin, nỗi ngờ vò xé tâm can ông. Ông kiểm điểm từng người trong óc và thấy “ họ toàn là những người có tinh thần cả. Họ đã ở lại làng, quyết tâm một sống một chết với giặc, có đời nào lại cam tâm làm điều nhục nhã ấy!...”Nhưng “không có lửa làm sao có khói?” Ông cảm thấy vô cùng tủi nhục và lo lắng: “Rồi đây biết làm ăn buôn bán ra sao?...Lại còn bao nhiêu người làng, tan tác mỗi người một phương nữa, không biết họ đã rõ cái cơ sự này chưa?...”
* Suốt mấy ngày liền, ông Hai chẳng dám đi đến đâu, chỉ quanh quẩn ở nhà, trong gian phòng chật hẹp nghe ngóng binh tình ở bên ngoài: “Một đám đông tụm lại, ông cũng để ý, dăm bảy tiếng cười nói xa xa, ông cũng chột da. Lúc nào ông cũng nơm nớp tưởng như người ta đang để ý, người ta đang bàn tán đến “cái chuyện ấy”. Cứ thoáng nghe những tiếng Tây, Việt gian,cam- nhông…là ông lủi ra một góc nhà, nín thít. Thôi lại chuyện ấy rồi!”Ông Hai mặc cảm thấy mình như có lỗi trong việc làng Dầu theo giặc, phản bội kháng chiến. Ông thu mình trong nỗi tủi hổ, đau xót, trằn trọc, không ngủ, không muốn nói năng gì. Điều này không chỉ ông mà cả gia đình ông sống trong tâm trạng rất đỗi nặng nề, trong bầu không khí u ám, người lớn không dám nói to, trẻ con không dám cười đùa. Lòng tự hào về làng quê của ông Hai bị tổn thương sâu sắc.

# => Với nghệ thuật miêu tả nội tâm, sử dụng ngôn ngữ độc thoại nội tâm, nhà văn đã diễn tả rất cụ thể nỗi ám ảnh nặng nề biến thành sự nơm nớp lo sợ thường xuyên trong ông Hai cùng với nỗi đau xót, xấu hổ, nhục nhã. Kim Lân không nói nhiều, tả nhiều nhưng cũng đủ cho thấy tình cảm mà ông Hai dành cho làng lớn đến nhường nào. Nếu ông Hai không yêu làng sâu sắc thì cũng không đau đớn đến vậy!

* Thế rồi, ông Hai tiếp tục bị đẩy vào một tình huống thử thách căng thẳng khi mụ chủ nhà đánh tiếng đuổi đi: “Nghe nói, bảo có lệnh đuổi hết những người làng Chợ Dầu khỏi vùng này không cho ở nữa”. Ông Hai cảm nhận hết nỗi nhục nhã, lo sợ vì tuyệt đường sinh sống: “Biết đem nhau đi đâu bây giờ? Biết đâu người ta chứa bố con ông mà đi bây giờ?...”. Bị đẩy vào đường cùng, tâm trạng ông vô cùng bế tắc, tuyệt vọng. Mâu thuẫn nội tâm bị đẩy lên đỉnh điểm. Ông nghĩ “Hay là quay về làng?” nhưng ông hiểu rõ “Về làng tức là chịu quay lại làm nô lệ cho thằng Tây”, là phản bội cách mạng, phản bội Cụ Hồ…Cuối cùng, ông dứt khoát lựa chọn theo cách của mình: “Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù”. Tình yêu nước đã rộng lớn hơn, bao trùm hơn tình cảm làng quê. Nhưng dù xác định thế nào, ông vẫn không vứt bỏ được tình cảm với làng. Vì thế, mà ông càng đau xót, tủi hổ.
* Trong tâm trạng bị dồn nén, bế tắc ấy, ông chỉ còn biết trút nỗi lòng của mình vào

những lời tâm sự với đứa con để củng cố niềm tin vào cách mạng, vào kháng chiến. Qua lời thủ thỉ, tâm sự của ông với đứa con, ta nhận thấy tình yêu sâu nặng với cái làng Chợ Dầu của ông. Ông muốn đứa con nhỏ ghi nhớ: “Nhà ta ở làng Chợ Dầu, ủng hộ Cụ Hồ con nhỉ?”. Những lời tâm sự ấy thực chất là những lời ông tự nhủ với chính mình, giãi bày nỗi lòng mình nhằm bộc lộ tấm lòng sâu xa, gắn bó bền chặt với quê hương, đất nước. Đồng thời cũng khẳng định ở ông tấm lòng thủy chung, trung thành với kháng chiến, với cách mạng mà biểu tượng là cụ Hồ. Ông mong “Anh em đồng chí biết cho bố con ông. Cụ Hồ trên đầu trên cổ xét soi cho bố con ông”.Tình cảm ấy ở ông thật bền vững, sâu nặng và thiêng liêng: “Cái lòng bố con ông là như thế đấy, có bao giờ dám đơn sai. Chết thì chết có bao giờ dám đơn sai.” Khi thằng con bé rành rọt trả lời: “Ủng hộ Cụ Hồ Chí Minh muôn năm”, nước mắt ông chảy ròng trên hai má, ông xúc động bởi lời nói ngây thơ của đứa bé chính là gan ruột, là nỗi lòng của ông.

# Ý kiến đánh giá, bình luận:

* Có thể nói, thành công của Kim Lân trong truyện ngắn “Làng”là đã sáng tạo được tình huống truyện giản dị mà độc đáo đã thể hiện tình yêu làng, yêu nước của người nông dân trong kháng chiến chống Pháp. Ông rất thành công trong việc miêu tả diễn biến tâm trạng của nhân vật ông Hai một cách tinh tế và sinh động. Đặt nhân vật vào tình huống thử thách bên trong để bộc lộ chiều sâu tâm trạng. Tác giả miêu tả cụ thể, gợi cảm các diễn biến nội tâm qua ý nghĩ, hành vi, ngôn ngữ, đặc biệt diễn tả rất đúng và gây ấn tượng mạnh mẽ về sự ám ảnh, day dứt đau đớn trong sâu thẳm tâm trạng nhân vật. Điều đó, chứng tỏ nhà văn Kim Lân am hiểu sâu sắc người nông dân và thế giới tinh thần của họ.Ngôn ngữ kể, ngôn ngữ nhân vật thật đặc sắc, đặc biệt là ngôn ngữ nhân vật ông Hai giàu tính khẩu ngữ, vừa có nét chung của người nông dân vừa mang đậm cá tính của nhân vật.

# Kết bài:

* Qua nhân vật ông Hai, người đọc thấm thía tình yêu làng, yêu nước rất mộc mạc, chân thành mà vô cùng sâu nặng, cao quý trong những người nông dân lao động bình thường.
* Sự mở rộng và thống nhất tình yêu quê hương trong tình yêu đất nước là nét mới trong nhận thức và tình cảm quần chúng cách mạng mà văn học thời kháng chiến chống Pháp đã chú trọng làm nổi bật. Truyện ngắn “Làng” của Kim Lân là một trong những thành công đáng quý.

# Bài tập vận dụng:

**Bài tập 1:** Tình huống truyện là gì? Vai trò của tình huống truyện trong truyện ngắn “Làng” của Kim Lân.

# => Gợi ý:

* Tình huống truyện là hoàn cảnh có vấn đề trong tác phẩm.Trong hoàn cảnh đó, nhân vật sẽ có hành động bộc lộ rõ nhất, điển hình nhất bản tính của mình. Tính cách nhân vật sẽ rõ, chủ đề sẽ bộc lộ trọn vẹn.
* Tình huống truyện trong truyện ngắn “Làng” của nhà văn Kim Lân là khi ông Hai biết tin làng Chợ Dầu làm Việt gian theo Tây từ miệng những người tản cư dưới xuôi lên.
* Vai trò: Tình huống này giúp nhà văn khắc họa sâu sắc tính cách ông Hai. Là người

nông dân ở ngôi làng thân yêu, không gì đẹp và đáng tự hào hơn ngôi làng đó. Nhưng khi làng ấy theo giặc, ta thấy có một sự thử thách với người nông dân. Giữa tình yêu làng và lòng yêu nước, yêu cách mạng, người nông dân ấy đã lựa chọn tình yêu đất nước và cách mạng mặc dù trong lòng đau đớn, tủi hổ. Nhờ sáng tạo được tình huống, nhà văn đã miêu tả được tâm lí của nhân vật với những biến chuyển khá phức tạp. Nhờ thế, hình tượng người nông dân với sự biến chuyển mạnh mẽ về tư tưởng, tình cảm đã được miêu tả chân thực và sinh động.

**Bài tập 2:** Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

Bác Thứ chưa nghe thủng câu hỏi ra sao, ông lão đã lật đật bỏ lên nhà trên:

* Tây nó đốt nhà tôi rồi ông chủ ạ. Đốt nhẵn. Ông chủ tịch làng em vừa lên cải chính….. cải chính cái tên làng chợ Dầu chúng em Việt gian ấy mà. Ra lao! Láo hết, chẳng có gì sất. Toàn là sai mục đích cả!”

( Kim Lân, *Làng*)

1. Cùng nói với ông chủ nhà, vậy mà ông Hai vừa mới xưng “tôi” rồi ngay sau đó lại xưng “em”. Vì sao vậy?
2. Nói “Làng Chợ Dầu chúng em Việt gian” là dùng cách nói nào?
3. Trong câu nói, ông Hai đã dùng sai một từ, đó là từ nào?Lẽ ra phải nói thế nào mới đúng?

# => Gợi ý:

1. Cùng nói với ông chủ nhà nhưng ông Hai vừa xưng “tôi” đã lại xưng “em”, từ cách xưng hô ngang hàng chuyển sang cách xưng hô của bề dưới với bề trên. Nhưng xưng “em” với người nói chuyện cũng là thói quen thể hiện sự tôn trọng của người nông dân

Việt Nam ở làng quê trước đây. Mặt khác,thay đổi cách xưng hô như vậy cũng cho thấy tâm trạng ông Hai không ổn định,ông quá vui mừng đến không làm chủ được mình, chỉ thích khoe.

1. Nói “Làng Chợ Dầu chúng em Việt gian” là cách nói hoán dụ- lấy làng để chỉ những người dân Chợ Dầu.
2. Trong câu nói, ông Hai dùng sai từ “mục đích”, lẽ ra phải nói “mục kích” nghĩa là nhìn thấy, chứng kiến.

# Tư liệu tham khảo:

Khi nói về công việc sáng tác, nhà văn Kim Lân thường thổ lộ rằng ông muốn thể hiện con người mình qua trang viết. Có lẽ, ở trường hợp như Kim Lân, sự tự thể hiện thành ra một nhu cầu, và chính nó tạo ra hơi thở, sức sống cho tác phẩm của ông. Những gì nhà văn chứng kiến, trải nghiệm trong những thời điểm quan trọng của lịch sử đất nước trở thành nguồn nguyên liệu trực tiếp để ông sáng tạo nên những hình tư ợng đặc sắc. Truyện ngắn “Làng”, với nhân vật ông Hai, chứng tỏ cho chúng ta về điều này. Kim Lân từng nói:

*"Cái không khí ngày đầu kháng chiến ở nông thôn, tôi đã đưa vào Làng. Lúc ấy Tây còn đóng tại cầu Đuống, tôi về làng chơi mấy lần, chứng kiến tận mắt thế nào là "làng chiến đấu". Trong không khí ấy, cùng với dư luận bán tín bán nghi về làng chợ Dầu theo Tây làm Việt gian đã khiến tôi viết truyện ngắn này. Ông lão Hai chính là tôi".*

Tình yêu quê hương đất nước trong mỗi con người cụ thể mang một hình hài riêng. Có thể là sự hi sinh anh dũng của những chiến sĩ ngoài mặt trận, có thể là công sức khai hoang, vun trồng những thửa ruộng, có thể là cái mượt mà hay hùng tráng của một ca khúc ca ngợi tình người, tình đời, v.v... Và ở đây là tình yêu, sự gắn bó thuỷ chung với cái làng của mình, của một người nông dân phải rời làng đi tản cư trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.

Thành công của truyện Làng chính là ở hình tượng nhân vật lão Hai với những trạng huống tâm lí, ngôn ngữ được khắc hoạ sắc sảo, chân thực và sinh động. Tuy nhiên, để nhân vật bộc lộ được tâm lí hay ngôn ngữ, trước hết, nhà văn phải xây dựng được tình huống truyện. Tính cách nhân vật chỉ được thể hiện trong một sự việc cụ thể nào đó. Hiểu lầm rồi vỡ lẽ là dạng tình huống thường được các nhà văn sử dụng. Việc rời làng đi tản cư là sự việc có ý nghĩa tạo khung cho câu chuyện. Đó chưa phải là tình huống. Phải đến khi ông Hai nghe tin đồn làng của ông theo Tây làm Việt gian thì tình huống mới thực sự bắt đầu. Tình huống truyện kết thúc khi ông Hai biết được sự thực làng của ông không theo giặc. Qua tình huống này, hình ảnh một lão nông dân tha thiết yêu làng quê của mình, một lòng một dạ theo kháng chiến hiện ra sắc nét, với chiều sâu tâm lí, ngôn ngữ mang đậm màu sắc cá thể hoá.

Sở dĩ cái tin làng chợ Dầu theo giặc làm ông Hai khổ tâm là vì nó đã động chạm đến điều thiêng liêng, nhạy cảm nhất trong con người ông. Cái làng đối với người nông dân quan trọng lắm. Nó là ngôi nhà chung cho cộng đồng, họ mạc. Đời này qua đời khác, người nông dân gắn bó với cái làng như máu thịt, ruột rà. Nó là nhà cửa, đất đai, là tổ tiên, là hiện thân cho đất nước đối với họ. Trước Cách mạng tháng Tám, ông Hai thuộc loại "khố rách áo ôm", từng bị "bọn hương lí trong làng truất ngôi trừ ngoại xiêu dạt đi, lang thang hết nơi này đến nơi khác, lần mò vào đến tận đất Sài Gòn, Chợ Lớn kiếm ăn. Ba chìm bảy nổi mười mấy năm trời mới lại được trở về quê hương bản quán". Nên ông thấm thía lắm cái cảnh tha hương cầu thực. Ông yêu cái làng của mình như đứa con yêu mẹ, tự hào về mẹ, tôn thờ mẹ, một tình yêu hồn nhiên như trẻ thơ. Cứ xem cái cách ông Hai náo nức, say mê khoe về làng mình thì sẽ thấy. Trước Cách mạng tháng Tám, ông khoe cái sinh phần của viên tổng đốc làng ông: "Chết! Chết, tôi cha thấy cái dinh cơ nào mà lại đợc nh- ư cái dinh cơ cụ thượng làng tôi". Và mặc dù chẳng họ hàng gì nhưng ông cứ gọi viên tổng đốc là "cụ tôi" một cách rất hả hê! Sau Cách mạng, "người ta không còn thấy ông đả động gì đến cái lăng ấy nữa", vì ông nhận thức được nó làm khổ mình, làm khổ mọi ngư- ời, là kẻ thù của cả làng: "Xây cái lăng ấy cả làng phục dịch, cả làng gánh gạch, đập đá,

làm phu hồ cho nó. [...] Cái chân ông đi tập tễnh cũng vì cái lăng ấy''. Bây giờ ông khoe làng ông khởi nghĩa, khoe "ông gia nhập phong trào từ hồi kì còn trong bóng tối", rồi những buổi tập quân sự, khoe những hố, những ụ, những giao thông hào của làng ông,... Cũng vì yêu làng quá như thế mà ông nhất quyết không chịu rời làng đi tản cư . Đến khi buộc phải cùng gia đình đi tản cư ông buồn khổ lắm, sinh ra hay bực bội, "ít nói, ít cười, cái mặt lúc nào cũng lầm lầm". ở nơi tản cư, ông nhớ cái làng của ông, nhớ những ngày làm việc cùng với anh em, "Ô, sao mà độ ấy vui thế. Ông thấy mình như trẻ ra.[...] Trong lòng ông lão lại thấy náo nức hẳn lên". Lúc này, niềm vui của ông chỉ là hàng ngày đi nghe tin tức thời sự kháng chiến và khoe về cái làng chợ Dầu của ông đánh Tây. Thế mà, đùng một cái ông nghe được cái tin làng chợ Dầu của ông theo Tây làm Việt gian. Càng yêu làng, hãnh diện, tự hào về làng bao nhiêu thì bây giờ ông Hai lại càng thấy đau đớn, tủi hổ bấy nhiêu. Nhà văn Kim Lân đã chứng tỏ bút lực dồi dào, khả năng phân tích sắc sảo, tái hiện sinh động trạng thái tình cảm, hành động của con người khi miêu tả diễn biến tâm trạng và hành động của nhân vật ông Hai trong biến cố này.

Ông lão đang náo nức, "Ruột gan ông lão cứ múa cả lên, vui quá!" vì những tin kháng chiến thì biến cố bất ngờ xảy ra. Cái tin làng chợ Dầu theo giặc đã làm ông điếng người: "Cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng như đến không thở được. Một lúc lâu ông mới rặn è è, nuốt một cái gì vướng ở cổ, [...] giọng lạc hẳn đi", "Ông Hai cúi gằm mặt xuống mà đi" và nghĩ đến sự dè bỉu của bà chủ nhà. Ông lão như vừa bị mất một cái gì quý giá, thiêng liêng lắm. Những câu văn diễn tả tâm trạng thật xúc động: "Nhìn lũ con, tủi thân, nớc mắt ông lão cứ trào ra... Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu...". Nỗi nhục nhã, mặc cảm phản bội hành hạ ông lão đến khổ sở: "Chao ôi! Cực nhục chưa, cả làng Việt gian! Rồi đây biết làm ăn buôn bán ra sao? Ai người ta chứa. Ai người ta buôn bán mấy. Suốt cả cái nước Việt Nam này người ta ghê tởm, người ta thù hằn cái giống Việt gian bán nước...". Cả nhà ông Hai sống trong bầu không khí ảm đạm: "Gian nhà lặng đi, hiu hắt. ánh lửa vàng nhờ nhờ ở ngọn đèn dầu lạc vờn trên nét mặt lo âu của bà lão. Tiếng thở của ba đứa trẻ chụm đầu vào nhau ngủ nhẹ nhàng nổi lên, nghe như tiếng thở của gian nhà". Ông Hai ăn không ngon, ngủ không yên, lúc nào cũng nơm nớp, bất ổn trong nỗi tủi nhục ê chề. Thậm chí ông không dám nhắc tới, phải gọi tên cái chuyện phản bội là "chuyện ấy". Ông tuyệt giao với tất cả mọi ngư ời, "không dám bước chân ra đến ngoài" vì xấu hổ. Và cái chuyện vợ chồng ông lo nhất cũng đã đến. Bà chủ nhà bóng gió đuổi gia đình ông, chỉ vì họ là người của làng theo Tây. Gia đình ông Hai ở vào tình thế căng thẳng. Ông Hai phải đối mặt với tình cảnh khó khăn nhất: "Thật là tuyệt đường sinh sống! [...] đâu đâu có người chợ Dầu người ta cũng đuổi như đuổi hủi Mà cho dẫu vì chính sách của Cụ Hồ người ta chẳng đuổi đi nữa, thì mình cũng chẳng còn mặt mũi nào đi đến đâu".

Từ chỗ yêu tha thiết cái làng của mình, ông Hai đâm ra thù làng: "Về làm gì cái làng ấy nữa. Chúng nó theo Tây cả rồi. Về làng tức là bỏ kháng chiến, bỏ Cụ Hồ...". Và "Nư ớc mắt ông giàn ra". Ông lại nghĩ đến cảnh sống nô lệ tăm tối, lầm than trước kia. Bao nỗi niềm của ông không biết giãi bày cùng ai đành trút cả vào những lời trò chuyện cùng đứa con thơ dại:

* *Húc kia! Thầy hỏi con nhé, con là con của ai?*
* *Là con thầy mấy lị con u.*
* *Thế nhà con ở đâu?*
* *Nhà ta ở làng chợ Dầu.*
* *Thế con có thích về làng chợ Dầu không? Thằng bé nép đầu vào ngực bố trả lời khe khẽ:*
* *Có.*

*Ông lão ôm khít thằng bé vào lòng, một lúc lâu ông lại hỏi:*

* *À, thầy hỏi con nhé. Thế con ủng hộ ai? Thằng bé giơ tay lên, mạnh bạo và rành rọt:*
* *Ủng hộ Cụ Hồ Chí Minh muôn năm!*

*Nước mắt ông lão giàn ra, chảy ròng ròng trên hai má. Ông nói thủ thỉ:*

* *Ừ đúng rồi, ủng hộ Cụ Hồ con nhỉ.*

Những lời đáp của con trẻ cũng là tâm huyết, gan ruột của ông Hai, một người lấy danh dự của làng quê làm danh dự của chính mình, một ngư ời son sắt một lòng với kháng chiến, với Cụ Hồ. Những lời thốt ra từ miệng con trẻ như minh oan cho ông, chân thành và thiêng liêng như lời thề đinh ninh vang lên từ đáy lòng ông:

*Anh em đồng chí biết cho bố con ông*

*Cụ Hồ trên đầu trên cổ xét soi cho bố con ông.*

*Cái lòng bố con ông là như thế đấy, có bao giờ dám đơn sai. Chết thì chết có bao giờ dám đơn sai.*

Nhà văn đã nhìn thấy những nét đáng trân trọng bên trong ngư ời nông dân chân lấm tay bùn. Nhân vật ông Hai hiện ra chân thực từ cái tính hay khoe làng, thích nói về làng bất kể người nghe có thích hay không; chân thực ở đặc điểm tâm lí vì cộng đồng, vui cái vui của làng, buồn cái buồn của làng và chân thực ở những diễn biến của trạng thái tâm lí hết sức đặc trưng của một người nông dân tủi nhục, đau đớn vì cái tin làng mình phản bội.

Nếu như trong biến cố ấy tâm trạng của ông Hai đau đớn, tủi cực bao nhiêu thì khi vỡ lẽ ra rằng đó chỉ là tin đồn không đúng, làng chợ Dầu của ông không hề theo giặc, sự vui s- ướng càng tưng bừng, hả hê bấy nhiêu. Ông Hai như người vừa được hồi sinh. Một lần nữa, những thay đổi của trạng thái tâm lí lại được khắc hoạ sinh động, tài tình: "Cái mặt buồn thỉu mọi ngày bỗng tươi vui, rạng rỡ hẳn lên. Mồm bỏm bẻm nhai trầu, cặp mắt hung hung đỏ hấp háy...". Ông khoe khắp nơi: "Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ. Đốt

nhẵn![...] Láo! Láo hết! Toàn là sai sự mục đích cả", "Tây nó đốt nhà tôi rồi ông chủ ạ. Đốt nhẵn.[...] Ra láo! Láo hết, chẳng có gì sất. Toàn là sai sự mục đích cả!". Đáng lẽ ra ông phải buồn vì cái tin ấy chứ? Nhưng ông đang tràn ngập trong niềm vui vì thoát khỏi cái ách "người làng Việt gian". Cái tin ấy xác nhận làng ông vẫn nhất quyết đứng về phía kháng chiến. Cái tin ấy khiến ông lại được sống như môt người yêu nước, lại có thể tiếp tục sự khoe khoang đáng yêu của mình,... Mâu thuẫn mà vẫn hết sức hợp lí, điểm này cũng là sự sắc sảo, độc đáo của ngòi bút miêu tả tâm lí nhân vật của nhà văn Kim Lân.

Người đọc sẽ không thể quên được một ông Hai quá yêu cái làng của mình như thế. Mặt khác, cũng như các nhân vật quần chúng (chị cho con bú loan tin làng chợ Dầu theo giặc, bà chủ nhà,)... cái khó quên ở nhân vật này còn là nét cá thể hoá rất đậm về ngôn ngữ.

Lúc ông hai nói thành lời hay khi ông nghĩ, người đọc vẫn nhận thấy rất rõ đặc điểm ngôn ngữ của vùng quê Bắc Bộ, của một làng Bắc Bộ: "Nắng này là bỏ mẹ chúng

nó","không đọc thành tiếng cho người khác nghe nhờ mấy", "Thì vẫn", "có bao giờ dám đơn sai",... Đặc biệt là nhà văn cố ý thể hiện những từ ngữ dùng sai trong lúc quá hưng phấn của ông Hai. Những từ ngữ "sai sự mục đích cả" là dấu ấn ngôn ngữ của ngư ời nông dân ở thời điểm nhận thức đang chuyển biến, muốn nói cái mới nhưng từ ngữ chưa hiểu hết. Sự sinh động, chân thực, thú vị của câu chuyện phần nào cũng nhờ vào đặc điểm

ngôn ngữ này.

Kim Lân đã từng được đánh giá là một cây bút hàng đầu về đề tài phong tục. Trong truyện Làng, sự thông hiểu về lề thói, phong tục của làng quê được ông vận dụng hết sức khéo léo vào xây dựng tâm lí, hành động, ngôn ngữ nhân vật. Cốt truyện đơn giản, sức nặng lại dồn cả vào mạch diễn biến tâm trạng, vào lời thoại của nhân vật nên câu chuyện có sức hấp dẫn riêng, ấn tượng riêng, độc đáo. Trong số rất nhiều những nhân vật nông dân khác, người đọc khó có thể quên một ông Hai yêu làng quê, yêu đất nư ớc, thuỷ chung với kháng chiến, với sự nghiệp chung của dân tộc. Một ông Hai thích khoe làng, một ông Hai sốt sắng nghe tin tức chính trị, một ông Hai tủi nhục, đau đớn khi nghe tin làng mình theo giặc, một ông Hai vui mừng như trẻ thơ khi biết tin làng mình không theo giặc,... Ai đó đã một lần thấy nhà văn Kim Lân, nghe ông nói chuyện còn thú vị hơn nữa: hình như ta gặp ông đâu đó trong Làng rồi thì phải.

**CHUYÊN ĐỀ 12: LẶNG LẼ SA PA**

**Nguyễn Thành Long**

**I. Đọc, tìm hiểu chung văn bản**

***1. Tác giả - tác phẩm***

***-*** Nhà văn Nguyễn Thành Long (1925-1991), quê quán: huyện Duy Xuyên tỉnh Quảng Nam.

- Ngoài truyện, bút kí, ông còn làm thơ, viết phê bình văn học.

Tác phẩm: Viết nhân chuyến đi công tác Lào Cai (1970) trong tập “Giữa trong xanh” in 1972,

***3. Bố cục***(3 phần)

-Phần 1 (từ đầu đến “kìa anh ta kìa”): giới thiệuc cuộc gặp gỡ tình cờ.

- Phần 2 (tiếp đến… “Không có vật gì như thế”): Diễn biến cuộc gặp gỡ.

- Phần 3 (còn lại): Cuộc chia tay cảm động giữa anh thanh niên và đoàn khách.

***4. Cốt truyện và nhân vật***

- Cốt truyện: đơn giản với một tình huống độc đáo: cuộc gặp gỡ tình cờ giữa anh thanh niên và đoàn khách.

- Cuộc gặp gỡ tình cờ, thuận lợi cho việc giới thiệu nhân vật chính là anh thanh niên, anh thanh niên được hiện ra qua cái nhìn và ấn tượng của các nhân vật khác.

**II. Tìm hiểu văn bản.**

***1. Nhân vật anh thanh niên***

- Qua lời kể của bác lái xe.

- Trên đỉnh Yên Sơn 2600m

- Người cô độc nhất thế gian

- Làm nghề khí tượng kiểm vật lý địa cầu.

Tình huống gặp gỡ làm quen bất ngờ, thú vị, có tác dụng gieo vào lòng người đọc, các nhân vật ấn tượng đầu tiên mạnh mẽ, hấp dẫn.

- Tầm vóc nhỏ bé.

- Nét mặt rạng rỡ

- Gói thuốc làm quà cho vợi bác lái xe

- Mừng quýnh vì sách

- Tặng hoa cho cô gái

- Pha trà ngon mời khách.

Thể hiện sự cởi mở, chân thành, ân cần, chu đáo của anh thanh niên.

Ông ngạc nhiên khi thấy:

- Một vườn hoa thược dược tươi tốt

- Một căn nhà sạch sẽ với bàn ghế…

- Cuộc đời riêng của anh thu dọn trong góc với một chiếc giường, một bàn học và một giá sách.

- Nuôi gà, vườn thuốc quý, trồng hoa.

- Đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất.

- Thường đo mưa: đo xong đổnuwowcs ra cốc phân ly mà đo.

- Máy nhật quang: ánh nắng mặt trời xuyên qua kính này đốt các mảnh giấy cứ theo mức độ, hình dáng vết cháy mà định nắng.

-Công việc đòi hỏi sự tỷ mỷ, công phu, chính xác.

- Máy Vin nhìn khoảng cách giữa các răng cưa mà đón gió.

- Nhìn gió lay lá hay nhìn trời thấy sao noà khuất, sao nào sáng có thể tính được mây, gió.

- máy nằm dưới sâu kia để đo chấn động vỏ trái đất, lấy con số báo về bằng máy bộ đàm mỗi ngày.

- Say sưa, dù bất kể thời tiết thế nào cũng không bỏ một ngày, không quên một buổi

- Làm việc nghiêm túc đúng giờ, tận tâm, tận lực, có ý thức trách nhiệm và kỷ luật cao.

- Anh xác định rõ mục đích công việc mình làm, tìm thấy niềm vui trong công việc, sẵn sàng cống hiến tuổi trẻm, tài năng và sức lực của đất nước.

- *Bác đừng mất công về háu, để cháu giới thiệu với bác ông kỹ sư vườn rau hay nhà nghiên cứu sét 11 năm*

Anh là người khiêm tốn, luôn hoà mình vào đội ngũ những người tri thức.

- Quan niệm về người cô độc: ta với công việc là hai.

- Nỗi nhớ người, “thèm người”.

- Vị trí cuộc sống: về ấn tượng mà mỗi con người tạo ra trong cuộc đời anh.

Đó là những suy nghĩ rốt đẹp của một tâm hồn yêu đời, yêu cuộc sống.

- Kể chuyện một cách hồn nhiên, chân thành, say sưa, sôi nổi.

- Nói to những điều mà người ta chỉ nghĩ hay ít nghĩ

Tác giả khắc hoạ khá chân thực sinh động bức chân dung đẹp đẽ về anh thanh niên, sống có lý tưởng vui vẻ, thích giao tiếp, chu đáo với mọi người. Giữa thiên nhiên im ắng hắt hiu, giữa cái lặng lẽ của Sa Pa vẫn vang lên những âm thanh trong sáng, vẫn ánh lên những sắc màu lung linh, lan toả hơi ấm tình người và sự sống của những con người lao động như anh thanh niên. Đó là những vẻ đẹp thật giản dị nhưng cũng thật thiêng liêng với những khát vọng háo hức của con người lao động mới.

***2. Các nhân vật khác.***

- Nhân vật xuất hiện trực tiếp

- Nhân vật xuất hiện gián tiếp.

a. *Nhân vật xuất hiện trực tiếp*

- Đây là người trung gian, tạo ra sự gặp gỡ giữa các nhân vật.

\* Bác lái xe:

- Là người sôi nổi có nhiều năm công tác, có nhiều kinh nghiệm.

- Góp phần làm nổi bật nhân vật chính

- 32 năm chạy trên tuyến đường, hiểu tường tận SaPa.

- Qua lời kể của bác lái xe, cô gái và người đọc hồi hộp đón chờ sự xuất hiện của anh thanh niên.

\* Nhân vật ông hoạ sĩ già:

- Là một nguời từng trải cuộc sống và am hiểu nghệ thuật; lời nói, cử chỉ, thái độ của ông làm cho nhân vật chính hiện ra rõ nét hơn, đồng thởi lại khơi gợi thêm nhiều khía cạnh ý nghĩa về cuộc sống, về nghệ thuật.

- Ngay phút đầu gặp anh thanh niên, bằng sự từng trải nghề nghiệp và niềm khát khao của người nghệ sỹ đi tìm đối tượng của nghệ thuật, ông đã xúc động bối rối vì hoạ sỹ đã bắt gặp một điều thật ra ông vẫn ao ước được biết.

- Là người từng trải, khát khao nghệ thuật.

- Nhạy cảm, thâm trầm sâu sắc.

- Trước chàng trai trẻ đáng yêu, ông hoạ sĩ bỗng thấy như “nhọc quá” vì những điều làm cho người ta suy nghĩ về anh.

Chi tiết này giúp cho nhân vật chính hiện lên rõ nét hơn.

\* Cô kỹ sư trẻ

- Một kỹ sư trẻ vừa mới ra trường, xung phong lên miền núi heo hút công tác.

- Hồn nhiên, ý tứ kín đáo

- Tìm thấy lẽ sống hướng đi cho mình.

- Bó hoa tinh thần, sự háo hức và mơ mộng.

- Những thu lượm bổ ích phong phú tươi non về nhận thức, tâm hồn, hiểu con đường cô đang đi tới, yên tâm và vững tin vào quyết định mà cô đã lựa chọn.

- Sức toả sáng của nhân vật chính (anh thanh niên) giúp cô có sức mạnh, vững tin hơn bước tiếp con đường mình đã chọn.

*b. Nhân vật xuất hiện gián tiếp*

\* Ông kỹ xư vườn rau.

\* Anh cán bộ nghiên cứu sét.

Sự từ chối làm mẫu vẽ của anh thanh niên còn mở ra trước mắt người đọc cả đội ngũ những người tri thức cống hiến thầm lặng.

- Ông kỹ sư vườn rau Sa Pa ngày này sang ngày khác rình xem ong thụ phấn cho su hào như thế nào để cứ thế đi thụ phấn cho từng cây su hào cho củ ngọt hơn, to hơn.

- Anh cán bộ nghiên cứu sét “Mười một năm không một ngày xa cơ quan, không đi đến đâu mà tìm vợ”.

Họ đang ngày đêm lao động miệt mài, cống hiến thầm lặng, hy sinh cả tuổi trẻ hạnh phúc cá nhân, góp phần xây dựng đất nước.

Đằng sau cái sự lặng lẽ của Sa Pa là sự sôi động của những con người lao động mới đang ngày đêm miệt mài, âm thầm, lặng lẽ cống hiến, xây dựng tổ quốc.

Gọi chung chung như vậy nhằm khắc hoạ rõ chủ đề truyện: họ là những con người bình thường, giản dị không tên tuổi, họ ngày đêm lao động làm việc, hi sinh tuổi trẻ, gia đình, hạnh phúc (cống hiến thầm lặng).

Sự xuất hiện các nhân vật khác làm nổi bật khắc hoạ rõ nét nhân vật chính được soi rọi từ nhiều phía.

**III. Tổng kết**

***1. Về nghệ thuật***

- Kể tự nhiên, hấp dẫn.

- Truyện có nhiều chi tiết thực.

- Kết hợp tự sự, miêu tả, biểu cảm, nội tâm nhân vật.

- Khắc hoạ rõ nét tính cách của nhân vật:

+ Qua lời nói, cử chỉ

+ Qua việc làm

+ Các mặt khác.

***2. Về nội dung***

Ca ngợi nét sống đẹp của con người lao động mới: cống hiến cho đời một cách âm thầm lặng lẽ, những con người có lý tưởng sống đẹp chấp nhận vị trí công tác khó khăn và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

|  |
| --- |
| **Đề bài: Phân tích truyện ngắn “ Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long để thấy vẻ đẹp của thiên nhiên Sa Pa và con người Sa Pa.** |

# Mở bài:

*“Chỉ có cuộc sống vì người khác mới là cuộc sống đáng quý!”*

Câu nói đầy ý nghĩa của nhà khoa học A.Einstein khiến ta phải trăn trở, suy nghĩ về cuộc sống, về bổn phận của mỗi con người trong cuộc đời này.Lời ngụ ý ấy đựơc nhà văn Nguyễn Thành Long gửi gắm qua một tác phẩm bàng bạc chất thơ, thấm đẫm chất trữ tình - “ Lặng lẽ Sa Pa”.Đến với tác phẩm, ta không chỉ say sưa, ngây ngất trong chất men say trữ tình lãng mạn của một thiên nhiên nên thơ, mà còn thán phục những con người âm thầm làm việc quên mình vì người khác, cống hiến cho Tổ quốc.

# Thân bài:

* 1. **Vẻ đẹp thiên nhiên Sa Pa**

-Trước hết,”Lặng lẽ Sa Pa” là một bức tranh thiên nhiên thơ mộng, huyền ảo, độc đáo làm say đắm lòng người.

* Vẻ đẹp Sa Pa bắt đầu bằng những rặng đào với những đường núi quanh co uốn lượn kề bên con thác trắng xóa.
* Sa Pa còn đẹp và thơ mộng hơn bởi những cánh đồng cỏ trong thung lũng, những đàn bò lang cổ đeo chuông đang thung thăng gặm cỏ
* Trong khung cảnh rộng lớn của thiên nhiên, đất trời, điểm xuyết những tia nắng thật kì lạ: “ Nắng bây giờ bắt đầu len tới đốt cháy rừng cây, những cây thông chỉ cao quá đầu, rung tít trong nắng những ngón tay bằng bạc…”, rồi “nắng mạ bạc cả con đèo”.
* Mây Sa Pa cũng được tác giả tả rất nhiều và rất lạ: “Mây mù ngang tầm với chiếc cầu vồng kia. Mây hắt từng chiếc quạt trắng lên từ các thung lũng”, rồi “mâ y bị nắng xua, cuộn tròn lại từng cục, lăn trên các vòm lá ướt sương, rơi xuống đường cái, luồn cả vào gầm xe”
* Không chỉ có vậy, Sa Pa còn được tô điểm thêm những màu sắc tươi sáng của các loại cây lạ, và nhất là các loại hoa. Thật bất ngờ khi nhìn thấy “những cây tử kinh thỉnh

thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng”. Còn hoa ở Sa Pa thật đẹp, ngay giữa mùa hè đã rực rỡ ngát hương với “ hoa dơn, thược dược, lay ơn, vàng, tím, đỏ, hồng phấn, tổ ong…

# =>Phong cảnh Sa Pa đẹp biết nhường nào. Được ngắm nhìn thiên nhiên Sa Pa ta có cảm giác như được chiêm ngưỡng những tác phẩm hội họa lung linh, kì ảo. Con mắt nhìn tinh tế của trái tim nghệ sĩ biết yêu và rung động trước cái đẹp của Nguyễn Thành Long và bút pháp lãng mạn đã chọn lọc được nhữ ng nét đẹp tiêu biểu của thiên nhiên Sa Pa, khơi gợi trong lòng ta một tình yêu quê hương đất nước.

* 1. **Vẻ đẹp của con người Sa Pa**

Truyện không chỉ là một bức tranh lãng mạn về cảnh đẹp thiên nhiên Sa Pa, mà còn ngợi ca những con người đang say mê lao động với lòng nhiệt huyết đáng trân trọng.

# Nhân vật anh thanh niên:

**- Hoàn cảnh sống và làm việc:**

+ Lật từng trang văn của Nguyễn Thành Long, ta thấy anh thanh niên 27 tuổi sống và làm việc một mình trên đỉnh núi cao 2600m, quanh năm làm bạn với mây mù và cây cỏ.

+ Anh làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu . Công việc của anh là “đo gió, đo mưa, đo nắng,tính mây và đo chấn động mặt đất, dự báo thời tiết hằng ngày để phục vụ sản xuất và phục vụ chiến đấu”. Một công việc gian khó nhưng đòi hỏi sự chính xác, tỉ mỉ và tinh thần trách nhiệm cao. “Nửa đêm dù mưa tuyết, gió lạnh, đúng giờ ốp thì cũng phải trở dậy ra ngoài trời làm việc”.

+ Hoàn cảnh sống khắc nghiệt vô cùng bởi sự heo hút, vắng vẻ; cuộc sống và công việc có phần đơn điệu, giản đơn…là thử thách thực sự đối với tuổi trẻ vốn sung sức và khát khao trời rộng, khát khao hành động. Nhưng cái gian khổ nhất đối với chàng trai trẻ ấy là phải vượt qua sự cô đơn, vắng vẻ quanh năm suốt tháng ở nơi núi cao không một bóng người. Cô đơn đến mức “thèm người”, phải lăn cây chặn đường dừng xe khách qua núi để được gặp gỡ, trò chuyện.

+ Và anh đã vượt qua hoàn cảnh bằng những suy nghĩ, những phẩm chất rất đẹp,giản dị mà sâu sắc.

- Trước hết đó là **lòng yêu nghề,tinh thần trách nhiệm với công việc:**

+ Anh hiểu rằng, công việc mình làm tuy nhỏ bé nhưng liên quan đến công việc chung của đất nước, của mọi người.

+ Làm việc một mình trên đỉnh núi cao,không có ai giám sát,thúc giục anh vẫn luôn tự giác, tận tụy. Suốt mấy năm ròng rã ghi và báo “ốp”đúng giờ. Phải ghi và báo về nhà trong mưa tuyết lạnh cóng, gió lớn và đêm tối lúc 1h sáng, anh vẫn không ngần ngại.

+ Anh thấy mình *thật hạnh phúc* khi được biết do kịp thời phát hiện đám mây khô mà anh đã góp phần vào chiến thắng của không quân ta trên bầu trời Hàm Rồng.

- Anh yêu công việc của mình, anh kể về nó một cách say sưa và tự hào.Với anh, công việc là niềm vui, là lẽ sống. Hãy nghe anh tâm sự với ông họa sĩ*:“[…] khi ta làm việc, ta với công việc là đôi,sao gọi là một mình được? Huống chi công việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất".* Những lời tâm sự ấy giản dị, chất phác quá, hồn nhiên và vô tư quá. Lời tâm sự ấy đã toát lên một vẻ đẹp nhân cách đáng trân trọng, gây xúc động mạnh mẽ trong lòng người đọc.Quả là công việc đã trở thành niềm vui, niềm hạnh phúc và là lẽ sống của đời anh. Động cơ làm việc đúng đắn và phương châm sống cao đẹp của anh: làm việc vì mọi người, vì Tổ quốc đã khiến cho ông họa sĩ và mỗi chúng ta phải tự nhủ thầm”người con trai ấy đáng yêu thật”.

# - Anh biết tạo ra một cuộc sống nền nếp văn minh và thơ mộng:

+ Sống một mình trên đỉnh núi cao, anh đã chủ động sắp xếp cho mình một cuộc sống ngăn nắp: “một căn nhà ba gian, sạch sẽ, với bàn ghế, sổ sách, biểu đồ, thống kê, máy bộ đàm”.Cuộc sống riêng của anh “thu gọn lại một góc trái gian với chiếc giường con,một chiếc bàn học, một giá sách”.

+ Ngoài công việc, anh còn trồng hoa, nuôi gà, làm cho cuộc sống của mình thêm thi vị, phong phú về vật chất và tinh thần.

+ Cuộc sống của anh không cô đơn, buồn tẻ vì anh có một nguồn vui đó là đọc sách. Anh coi sách như một người bạn để trò chuyện, để thanh lọc tâm hồn. Sách là nhịp cầu kết nối với thế giới nhộn nhịp bên ngoài. (khi bác lái xe đưa gói sách cho anh, anh“mừng quýnh” như bắt được vàng)

* Ở người thanh niên ấy còn có những nét tính cách và phẩm chất rất đáng mến nữa: **sự cởi mở, chân thành,** rất quý trọng tình cảm của mọi người, khao khát được gặp gỡ, trò chuyện với mọi người (tinh thần của anh với bác lái xe, thái độ ân cần, chu đáo, sự cảm động, vui mừng của anh khi có khách xa đến thăm bất ngờ…) Anh còn là người **khiêm tốn, thành thực** cảm thấy công việc và những đóng góp của mình chỉ là nhỏ bé. Khi ông họa sĩ muốn vẽ chân dung anh, anh nhiệt thành giới thiệu với ông những người khác đáng cảm phục hơn nhiều (ông kĩ sư ở vườn rau Sa Pa, anh cán bộ nghiên cứu lập bản đồ sét)

# => Tóm lại, chỉ bằng một số chi tiết và anh thanh niên chỉ xuất hiện trong khoảnh khắc của truyện, nhưng tác giả đã phác hoạ được chân dung nhân vật chính với những nét đẹp về tinh thần, tình cảm, cách sống và những suy nghĩ về cuộc sống, về ý nghĩa của công việc.

**=> Anh thanh niên là hình ảnh tiêu biểu cho những con người ở Sa Pa, là chân dung con người lao động mới trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.**

* + 1. **Ta còn bắt gặp ở đất Sa Pa những con người làm việc âm thầm, lặng lẽ cho đất nước qua lời kể của anh thanh niên:**
* **Ông kĩ sư vườn rau Sa Pa** hết lòng với công việc. Kiên trì, bền bỉ, làm việc trong âm thầm lặng lẽ “ngày này sang ngày khác”. Ông ngồi im trong vườn su hào rình xem cách ong lấy phấn, thụ phận chohoa su hào. Và tự ông đi thụ phấn cho từng cây su hào để củ su hào nhân dân toàn miền Bắc ăn được to hơn, ngọt hơn. Ông kĩ sư làm cho anh thanh niên cảm thấy cuộc đời đẹp quá! Công việc thầm lặng ấy chỉ những con người nơi mảnh đất Sa Pa mới hiểu hết được ý nghĩa của nó.
* **Anh cán bộ nghiên cứu bản đồ sét:** Anh luôn ở trong tư thế sẵn sằng suốt ngày chờ sét “nửa đêm mưa gió,rét buốt,mặc, cứ nghe sét là choáng choàng chạy ra”. Anh đã hi sinh hạnh phúc cá nhân vì niềm đam mê công việc để khai thác “của chìm nông, của chìm sâu” dưới lòng đất làm giàu choTổ quốc.

# -> Dù không xuất hiện trực tiếp trong truyện mà chỉ gián tiếp qua lời kể của anh thanh niên,song họ hiện lên với những nét tuyệt đẹp trong tâm hồn và cách sống. Họ là những người say mê công việc. Vì công việc làm giàu cho đất nước, họ sẵn sàng hi sinh tuổi thanh xuân, hạnh phúc và tình cảm gia đình. Cuộc sống của họ lặng lẽ và nhân ái biết bao.

* + 1. **Nhân vật anh thanh niên, ông kỹ sư vườn rau, anh cán bộ nghiên cứu sét giúp ta hiểu thêm ý nghĩa của những công việc thầm lặng:**
* Sống cống hiến cho dân tộc, cho nhân dân, sống có ý nghĩa sẽ mang đến cho con người niềm vui và hạnh phúc.
* Cuộc sống lao động giản dị nhưng cao đẹp làm nên vẻ đẹp đích thực của mỗi con người,

có sức thuyết phục lan toả với những người xung quanh.

# Kết bài:

“Lặng lẽ Sa Pa” quả là một truyện ngắn đầy chất thơ của Nguyễn Thành Long. Nó ngân nga nhẹ nhàng thơ mộng trong ngòi bút tả cảnh với những bức tranh lung linh, kì ảo, nó đằm thắm ấm áp, lắng sâu trong câu văn tả tình với những mẩu chuyện xúc động, đáng yêu. Cảnh mơ màng lung linh, còn con người như ta đã thấy, mỗi chân dung, mỗi lời nói, ý nghĩ, hành động đều như ngân lên những vang âm ngọt ngào, êm ái. Tất cả như làm nên cái chất thơ của con người, của cuộc sống. Văn xuôi truyện ngắn mà giàu nhịp điệu, âm thanh, êm ái như một bài thơ…

|  |
| --- |
| **Đề bài: Cảm nhận nhân vật anh thanh niên trong truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long.** |

# Mở bài:

-Nguyễn Thành Long là nhà văn chuyên viết truyện ngắn và kí.Các tác phẩm của ông giàu chất thơ, mang hơi thở của cuộc sống mới, thời đại mới. “Lặng lẽ Sa Pa” là một truyện ngắn hay và đặc sắc được viết vào năm 1970,trong chuyến đi thực tế ở Lào Cai của tác giả. Mỗi trang truyện dường như là một trang đời được chắt lọc từ hiện thực cuộc sống. Những trang đời ấy chính là hình ảnh người lao động trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc mà nhà văn đã trân trọng ngợi ca. Để lại trong lòng người đọc ấn tượng sâu sắc là anh thanh niên – nhân vật chính của truyện với bao phẩm chất cao đẹp.

# Thân bài:

1. **Khái quát (Dẫn dắt vào bài):**

* Đến với “Lặng lẽ Sa Pa”,ta thấy anh thanh niên không xuất hiện ngay từ đầu truyện mà chỉ hiện ra trong cuộc gặp gỡ ngắn ngủi với các nhân vật khác khi xe của họ dừng lại nghỉ 30 phút. Chỉ 30 phút nhưng cũng đủ để những người tiếp xúc kịp ghi một ấn tượng – kịp để ông họa sĩ thực hiện bức kí họa chân dung, kịp để cô kỹ sư bàng hoàng và có những cái gì đó như hàm ơn về anh.Rồi dường như anh lại khuất lấp vào trong mây mù bạt ngàn và cái lặng lẽ muôn thuở của núi cao Sa Pa. Tạo dựng một tình huống truyện như thế, nhân vật anh thanh niên hiện ra qua sự nhìn nhận, đánh giá của các nhân vật khác càng thêm rõ nét và đáng quý.

# Hoàn cảnh sống và làm việc của anh thanh niên:

-Ấn tượng đầu tiên mà người đọc cảm nhận khi tiếp xúc văn bản là hoàn cảnh sống và làm việc của anh thanh niên khá đặc biệt: một mình sống trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m, quanh năm suốt tháng sống “bốn bề chỉ có cây cỏ và mây mù lạnh lẽo”.Anh làm công tác khí tượng, kiêm vật lí địa cầu: đo nắng,đo gió,đo mưa,tính mây,đo chấn động mặt đất dự vào việc báo trước thời tiết hằng ngày để phục vụ sản xuất,phục vụ chiến đấu. Công việc ấy đòi hỏi sự tỉ mỉ, chính xác và có tinh thần trách nghiệm cao. Bốn lần trong một ngày đêm đều đặn,dù mưa,nắng,gió,bão,… công việc ấy không khó nhưng gian khổ. “Gian khổ nhất là lần ghi và báo lúc một giờ sáng. Rét, có cả mưa tuyết. Nửa đêm,chui ra khỏi chăn ngọn đèn báo vặn to đến cỡ nào vẫn thấy là không đủ sáng.Xách đèn ra vườn, gió tuyết và cái lặng im bên ngoài như chỉ chực đợi mình ra là ào ào xô tới”. Tuy nhiên, cái gian khổ của công việc vẫn chưa đáng sợ bằng cái gian khổ của hoàn cảnh sống, đó là sự cô đơn vắng vẻ, quanh năm suốt tháng chỉ một mình với núi cao, không có lấy một bóng người. Cô đơn đến mức “thèm người”, phải lăn cây chặn đường dừng xe khách qua núi để được gặp gỡ, trò chuyện. Điều gì đã giúp anh vượt qua hoàn cảnh ấy để làm tốt công việc của mình? Phải chăng, đó là những phẩm chất cao đẹp của con người lao động trong những năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc?

# Những phẩm chất tốt đẹp:

**a,Lòng yêu nghề, tinh thần trách nhiệm về công việc:**

-Trước hết đó là ý thức trách nhiệm về công việc và lòng yêu nghề. Anh hiểu rằng, công việc mình làm tuy nhỏ bé nhưng liên quan đến công việc chung của đất nước, của mọi người. Làm việc một mình trên đỉnh núi cao,không có ai giám sát, thúc giục anh vẫn luôn tự giác, tận tụy. Suốt mấy năm ròng rã ghi và báo “ốp”đúng giờ.Phải ghi và báo về nhà trong mưa tuyết lạnh cóng, gió lớn và đêm tối lúc 1h sáng, anh vẫn không ngần ngại. Và anh đã sống thật hạnh phúc khi được biết do kịp thời phát hiện đám mây khô mà anh đã góp phần vào chiến thắng của không quân ta trên bầu trời Hàm Rồng. Anh yêu công việc của mình, anh kể về nó một cách say sưa và tự hào. Với anh, công việc là niềm vui, là lẽ sống. Hãy nghe anh tâm sự với ông họa sĩ:“Công việc của cháu gian khổ thế đấy chứ cất nó đi cháu buồn đến chết mất”. Qua lời anh kể và lời bộc bạch này, ta hiểu rằng anh đã thực sự tìm thấy niềm vui và hạnh phúc trong công việc thầm lặng giữa Sa Pa và sương mù bao phủ.

# b, Biết sắp xếp cuộc sống một cách khoa học:

* Giá trị đích thực ở anh là tâm hồn đẹp, là sống có lí tưởng. Mặc dù, chỉ có một mình trên đỉnh núi cao, anh vẫn chủ động, sắp xếp cho mình một cuộc sống ngăn nắp, đầy đủ, phong phú và thơ mộng: trồng hoa, nuôi gà,đọc sách… Hình ảnh người con trai nhỏ bé đứng giữa vườn hoa thược dược vàng,tím,đỏ,hồng phấn, tổ ong… thật là đẹp! Con người anh là sự kết hợp hài hòa giữa nghị lực phi thường và một tâm hồn lãng mạn, một đời sống nội tâm phong phú. Trong cái cuộc sống lẻ loi của mình, ngoài công việc anh còn tìm thấy một niềm vui khác nữa – đó là đọc sách. Với anh, đọc sách không chỉ là nâng cao kiến thức mà còn để trò chuyện, để thanh lọc tâm hồn. Bởi thế, ta hiểu vì sao anh lại mừng quýnh lên khi bác lái xe đưa cho anh mấy quyển sách. Có thể nói, trong cái lặng im của Sa Pa – nơi ít người biết đến và đặt chân tới,anh thanh niên đã tạo cho mình không gian riêng, rất đẹp về đời sống tinh thần.

# c, Sự chân thành, cởi mở và lòng hiếu khách:

* Một nét đẹp khác ở anh là sự cởi mở, chân thành, chu đáo trong quan hệ với mọi người. Vì “thèm người”mà anh đã đẩy một khúc gỗ ra chắn giữa đường, buộc xe khách đi qua phải dừng lại. Việc làm ấy thể hiện niềm khao khát được gặp gỡ, được trò chuyện. “Thèm người” nhưng chính anh lại quan tâm đến người khác một cách thật lòng. Anh gửi biếu vợ bác lái xe củ tam thất vì hôm nọ “bác chẳng bảo bác gái vừa ốm dậy là gì?”. Anh đón tiếp ông họa sĩ và cô kĩ sư thật thân tình,nồng hậu – đón bằng sự niềm nở cùng hoa tươi trong vườn, cùng chè pha nước mưa Yên Sơn, rồi cả làn trứng lúc chia tay để hai người làm thức ăn đi đường. Đằng sau những món quà bình thường là tấm lòng yêu mến khách đến thành thực chẳng phải ai cũng có được. Lòng mến khách của anh đã khiến ông họa sĩ xúc động:“người con trai ấy đáng yêu thật!”. Phải chăng, đó chính là âm vang của cuộc sống đẹp, của một con người bình thường trên đỉnh núi cao lặng lẽ mà người họa sĩ từng trải nay mới có dịp tìm đến để yêu mến và kính trọng? Không chỉ vậy,người đọc còn cảm nhận những âm vang sâu sắc và có sức gợi mạnh mẽ từ những điều anh thanh niên suy nghĩ. Những con người có cách sống đẹp thường có suy nghĩ đẹp khiến ta phải ngạc nhiên và cảm phục.Bác lái xe đùa anh là “người cô độc nhất thế gian” nhưng anh lại thổ lộ với ông họa sĩ: “Khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em đồng chí dưới kia.” Và anh tâm sự cùng cô kĩ sư: “Lúc nào tôi cũng có người trò chuyện nghĩa là có sách ấy mà”. Anh nhớ người nhưng không phải là nỗi nhớ phồn hoa đô thị bởi “người thì ai mà chả thèm, song mình sinh ra để làm gì? Mình đẻ ở đâu? Mình vì ai mà làm việc?”.Anh đã chân thành nói lên những điều đáng lẽ người ta chỉ nghĩ. Từ đó ta thấy thực chất của nỗi khát khao là được hòa nhập, được sống vì mọi người. Anh đã lập được những kì tích trong công việc, trong cuộc sống khiến ông họa sĩ cảm phục và xúc động.

# d,Sự khiêm tốn, thành thật:

* Công việc vất vả có những đóng góp quan trọng với đất nước như thế, nhưng người thanh niên hiếu khách, sôi nổi ấy lại rất khiêm tốn. Anh cảm thấy mình là người bình thường trong muôn vàn những người khác. Anh hiểu được ý nghĩa công việc mình làm là lớn lao nhưng lại cho những đóng góp của mình là vô cùng nhỏ bé so với bao người khác. Bởi thế, khi ông họa sĩ phác họa bức chân dung anh, anh đã khẩn khoản: “Không,xin bác đừng mất công vẽ cháu. Cháu không xứng đáng đâu, để cháu giới thiệu với bác những người khác đáng vẽ hơn”. Dù còn trẻ tuổi nhưng anh đã thấm thía cái nghĩa, cái tình của mảnh đất Sa Pa nơi mà mình được sinh ra và lớn lên; thấm thía sự hi sinh thầm lặng của những con người ngày đêm làm việc và lo nghĩ cho đất nước. Có thể nói, qua cuộc gặp gỡ và trò chuyện, nhân vật anh thanh niên được khắc họa giản dị, khiêm nhường, đẹp trong suy nghĩ, trong cách sống và trong tâm hồn. Đó là nét vẽ đơn sơ, chân dung một con người có tầm vóc nhỏ bé mà nét mặt rạng rỡ.

# \* Không đặt tên cho nhân vật của mình, dường như nhà văn thể hiện anh thanh niên như một con người bình dị, mà ta có thể gặp ở nhiều nơi trên đất nước. Thế đấy, mỗi suy nghĩ của anh đều thấm đẫm tình yêu con người,yêu cuộc đời,yêu đất nước… Trong truyện, vẻ đẹp của nhân vật anh thanh niên được khắc họa dưới các tác động từ nhiều nhân vật khác. Với ông họa sĩ sắp về hưu, ngay từ phút đầu gặp gỡ ông đã xúc động đến bối rối vì gặp được một điều ông vẫn ao ước mà chưa được biết: “Ôi!Chỉ một nét vẽ thôi đủ để khẳng định một tâm hồn, khơi gợi một ý sáng tác”.Còn cô kỹ sư trẻ được gặp gỡ , trò chuyện với anh qua trang sách anh đang đọc,cô thấy khâm phục, cảm mến bởi suy nghĩ chân thành, bởi cách sống. Để rồi, từ lẽ sống của anh, cô yên tâm vào quyết định của mình, tin tưởng vào con đường mình đã lựa chọn. Âm vang và ánh sáng từ cuộc sống đẹp trong cách nghĩ, cách sống của anh thanh niên khiến cô gái cũng cảm thấy mình rực rỡ như bó hoa anh đã tặng cô. Quả là thần tình trong nghệ thuật “vẽ mây nẩy trăng”.

1. **Ý kiến đánh giá,bình luận:**

* Bằng cốt truyện nhẹ nhàng, những chi tiết chân thực và ngôn ngữ chọn lọc, trong trẻo, Nguyễn Thành Long đã kể lại cuộc gặp gỡ tình cờ mà thú vị nơi Sa Pa lặng lẽ. Nhân vật anh thanh niên trong truyện đã hiện ra với tất cả những phẩm chất đáng yêu, đáng quí. Anh chính là hình ảnh tiêu biểu của tuổi trẻ Việt Nam, con người Việt Nam trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ đất nước.

# Kết bài:

* “Lặng lẽ Sa Pa” là truyện ngắn đầy chất thơ. Nhân vật anh thanh niên dưới ngòi bút của nhà văn đã hiện lên với nét đẹp tỏa sáng từ ý nghĩa công việc, từ cách sống, cách nghĩ,cách bộc lộ tình cảm. Nguyễn Thành Long –cây bút văn xuôi giàu chất kí đã không tô hồng mà chỉ thoáng gợi lên “một trang đời, một mảng, một nét của cuộc sống chắt ra” thấm thía vô cùng. Nhân vật anh thanh niên và các nhân vật khác trong truyện giúp ta thêm yêu cuộc đời, yêu con người và tự thấy mình cần phải sống tốt đẹp, phải là một mùa xuân nho nhỏ,lặng lẽ dâng cho đời như anh thanh niên đã sống

|  |
| --- |
| **Đề bài: Vẻ đẹp con người lao động ở Sa Pa qua truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long.** |

*Yêu biết mấy những con đường đi tới… Yêu biết mấy những bước đi dáng đứng Của đời ta chập chững bước đầu tiên… Tập làm chủ tập làm người xây dựng…*

( Tố Hữu )

Đó là những câu thơ miêu tả nhịp sống, nhịp lao động khẩn trương của những con người lao động mới trong công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc trong những năm 60 -70 của thế kỉ XX. Như một tấm gương phản chiếu, văn học trong thời kì này đã phác họa nên những con người lặng lẽ âm thầm cống hiến tài năng, sức lực của mình để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Mỗi tác phẩm văn học ra đời đều mang một số phận riêng. Có tác phẩm vừa cất tiếng chào đời đã chết yểu đáng thương. Có tác phẩm gây xôn xao một thời rồ i lại bị độc giả lãng quên với thời gian. Nhưng lại có những tác phẩm có một sức sống lâu bền trong lòng người đọc với một sức hút kì lạ. Truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long là một truyện đặc sắc, để lại trong mỗi chúng ta những rung cảm đẹp. Tác phẩm là kết quả của chuyến về một miền đất lặng lẽ, chỉ có cỏ gai và sương mù. Nhưng qua việc tìm hiểu về cuộc sống, công việc của những con người lao động ở nơi đây, ta có thể thấy “Sa Pa không hề lặng lẽ”.

Trong cái lặng im của Sa Pa, dưới những dinh thự cũ kĩ của Sa Pa, Sa Pa – miền đất mà chỉ nghe tên người ta đã nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi, thư giãn. Nhưng ẩn sau cái không khí lặng lẽ mơ màng sâu lắng đó là cả một lớp người đang ngày đêm cống hiến công sức, trí tuệ cho đất nước, cho dân tộc.

Thật lòng mà nói, giữa bao lo toan hối hả của cuộc sống thường ngày, có khi nào ta dành ra được những phút tĩnh lặng của cuộc đời để lắng nghe nhịp đập bên trong của cuộc sống. Đọc “Lặng lẽ Sa Pa” ta giật mình bởi những điều ta quen nghĩ tới, quen nhìn hời hợt nông cạn theo một công thức đã có sẵn mà không chịu đi sâu, tìm tòi phát hiện bản chất bên trong của nó. Mở đầu tác phẩm là một bức tranh thiên nhiên rất đẹp, đầy chất thơ. Lào Cai miền Tây Bắc của Tổ quốc không hề hoang vu mà trái lại, rất hữu tình, tráng lệ. Khi xe vừa trèo lên núi thì mây hắt từng chiếc quạt trắng lên từ các thung lũng. Trạm dừng là nơi có suốt có thác trắng xóa. Giữa màu xanh của rừng, những cây thông rung tít trong nắng, những cây tử kinh màu hoa cà hiện lên đầy thơ mộng. Lúc cảnh tượng núi rừng vô cùng tráng lệ là khi nắng đã mạ bạc cả con đèo, đốt cháy rừng cây hừng hực như một bó đuốc lớn. Sa Pa với những rặng đào, với đàn bò lang cổ đeo chuông như dẫn tâm hồn du khách vào miền đất lạ kì thú. Đó là cái lặng lẽ thăm thẳm muôn đời của thượng ngàn.

Câu chuyện được bắt đầu từ một chuyến xe với sự xuất hiện của ba con người, ba nhân cách đẹp. Chuyến xe như một cuộc hành trình tìm kiếm, phát hiện cuộc sống của một ông họa sĩ già đang trăn trở đi tìm cái đẹp trong cuộc sống, một bác lái xe suốt ba mươi năm xuôi ngược hay một cô kĩ sư trẻ đang hăm hở bước vào đời. Họ đã dừng chân ở Sa Pa, đã sửng sốt, đã xúc động thực sự trước cái lặng im không bình thường của Sa Pa toát lên từ cuộc sống của những con người lao động bình dị mà đẹp đẽ. Điển hình là **nhân vật anh thanh niên làm việc ở trạm khí tượng.**

Lật từng trang văn của Nguyễn Thành Long, ta thấy anh thanh niên 27 tuổi sống và làm việc một mình trên đỉnh núi cao 2600m, quanh năm làm bạn với mây mù và cây cỏ. Anh làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu . **Công việc** của anh là “đo gió, đo mưa, đo nắng,tính mây và đo chấn động mặt đất, dự báo thời tiết hằng ngày để phục vụ sản xuất và phục vụ chiến đấu”. Một công việc gian khó nhưng đòi hỏi sự chính xác, tỉ mỉ và tinh thần trách nhiệm cao. “Nửa đêm dù mưa tuyết, gió lạnh, đúng giờ ốp thì cũng phải trở dậy ra ngoài trời làm việc”. **Hoàn cảnh sống** khắc nghiệt vô cùng bởi sự heo hút, vắng vẻ; cuộc sống và công việc có phần đơn điệu, giản đơn…là thử thách thực sự đối với tuổi trẻ vốn sung sức và khát khao trời rộng, khát khao hành động. Nhưng cái gian khổ nhất đối với chàng trai trẻ ấy là phải vượt qua sự cô đơn, vắng vẻ quanh năm suốt tháng ở nơi núi cao không một bóng người. Và anh thanh niên đã vượt qua để sống một cuộc sống đẹp và có ích cho đời. Đó là nhờ sức mạnh tinh thần,phẩm chất của con người lao động mới trong những năm xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, và đặc biệt là nhờ đời sống tâm hồn cao đẹp của anh.

Trước hết đó là **lòng yêu nghề, tinh thần trách nhiệm cao với công việc.** Anh hiểu rằng, công việc mình làm tuy nhỏ bé nhưng liên quan đến công việc chung của đất nước, của mọi người. Làm việc một mình trên đỉnh núi cao,không có ai giám sát, thúc giục anh vẫn luôn tự giác, tận tụy. Suốt mấy năm ròng rã ghi và báo “ốp”đúng giờ. Phải ghi và báo về nhà trong mưa tuyết lạnh cóng, gió lớn và đêm tối lúc 1h sáng, anh vẫn không ngần ngại. Và anh đã sống thật hạnh phúc khi được biết do kịp thời phát hiện đám mây khô mà anh đã góp phần vào chiến thắng của không quân ta trên bầu trời Hàm Rồng. Anh yêu công việc của mình, anh kể về nó một cách say sưa và tự hào.Với anh, công việc là niềm vui, là lẽ sống. Hãy nghe anh tâm sự với ông họa sĩ:“[…] khi ta làm việc, ta với công việc là đôi,sao gọi là một mình được? Huống chi công việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất". Qua lời anh kể và lời bộc bạch này, ta hiểu rằng anh đã thực sự tìm thấy niềm vui và hạnh phúc trong công việc thầm lặng giữa Sa Pa và sương mù bao phủ.

Tuy sống trong điều kiện thiếu thốn cả vật chất lẫn tinh thần nhưng người thanh niên ấy vẫn ham mê công việc, **vẫn biết sắp xếp, lo toan cuộc sống riêng ngắn nắp, ổn định.** Anh nuôi gà, trồng hoa, đọc sách. Thỉnh thoảng anh xuống đường, tìm gặp bác lái xe cùng hành khách để trò chuyện, cho nguôi nỗi nhớ nhà, vợi bớt cô đơn.

Sống trong hoàn cảnh như thế sẽ có người dần thu mình lại trong nỗi cô đơn.Nhưng anh thanh niên này thật đáng yêu ở nỗi “ thèm người ”,**lòng hiếu khách** đến nồng nhiệt và sự **quan tâm đến người khác một cách chu đáo**.Ngay từ những phút gặp gỡ ban đầu ,lòng mến khách ,nhiệt tình của anh đã gây được thiện cảm tự nhiên đối với người hoạ sĩ già và cô kỹ sư trẻ.N iềm vui được đón khách dào dạt trong anh,toát lên qua nét mặt,cử chỉ:anh biếu bác lái xe củ tam thất,mừng quýnh đón quyển sách bác mua hộ,hồ hởi đón mọi người lên thăm “nhà”,hồn nhiên kể về công việc,đồng nghiệp và cuộc sống của mình nơi Sa Pa lặng lẽ. Chúng ta khó có thể quên việc làm đầu tiên của anh khi có khách lên thăm nơi ở của mình :hái một bó hoa rực rỡ sắc màu tặng người con gái lần đầu quen biết.”Anh con trai, rất tự nhiên như với một người bạn đã quen thân, trao bó hoa đã cắt cho người con gái, và cũng rất tự nhiên, cô đỡ lấy”. Củ tam thất gửi vợ bác lái xe, làn trứng, bó hoa

tiễn người họa sĩ già, cô gái trẻ tiếp tục cuộc hành trình, đó là những kỷ niệm của một tấm lòng sốt sắng , tận tình đáng quí .

Công việc vất vả ,có những đóng góp quan trọng cho đất nước nhưng người thanh niên hiếu khách và sôi nổi ấy lại rất **khiêm tốn.**Anh cảm thấy đóng góp của mình bình thường,nhỏ bé so với bao người khác.Bởi thế anh ngượng ngùng khi ông hoạ sĩ già phác thảo chân dung của mình vào cuốn sổ tay.Con người khiêm tốn ấy hào hứng giới thiệu cho ông hoạ sĩ những người khác đáng vẽ hơn mình.Đó là ông kỹ sư ở vườn rau vượt qua bao vất vả để tạo ra củ su hào to hơn, ngọt hơn cho nhân dân toàn miền Bắc, là anh cán bộ khí tượng dưới trung tâm suốt mười một năm nay chuyên tâm nghiên cứu và thiết lập một bản đồ sét. Dù còn trẻ tuổi,anh thấm thía cái nghĩa,cái tình của mảnh đất Sa Pa mà mình được sinh ra,lớn lên,thấm thía sự hy sinh lặng thầm của những con người đang ngày đêm làm việc và lo nghĩ cho đất nước .

# Anh thanh niên chính là điển hình cho những con người lao động ở Sa Pa, con người làm chủ cuộc đời mình và đang ngày đêm đóng góp công sức xây dựng cuộc sống mới.

**Và đâu chỉ có mình anh thanh niên đang ngày đêm làm việc trên miền đất lặng lẽ này? Dòng đời luôn sôi động, cách mạng là ngày hội lớn. Đến Sa Pa ta còn gặp biết bao con người đáng yêu, đáng kính sống lặng lẽ mà sôi nổi biết bao, cống hiến đến hết mình.** Đó là **ông kĩ sư vườn rau Sa Pa** ngày ngày cần mẫn ngồi trong vườn rình xem cách ong lấy phấn hoa rồi tự tay ông đã thụ phấn cho hàng nghìn, hàng vạn cây su hào để tìm ra phương pháp tốt nhất cho củ su hào ngon hơn, ngọt hơn. Ông cũng là một “con ong” đem mật ngọt cho đời. Rồi **anh cán bộ vẽ bản đồ sét** mười một năm trời không hề xa cơ quan, lúc nào cũng trong tư thế sẵn sàng chờ sét. Cảm động hơn khi “trán đồng chí cứ hói dần đi” , chỉ vì một cái bản đồ sét anh đã phải hi sinh cả bản thân mình cho đất nước, không hề lo cho cuộc sống cá nhân sau này của chính mình. Tất cả họ đều là những con người hết sức bình dị trong cuộc sống, lặng lẽ cống hiến cho đời. Chính cái khiêm nhường, giản dị ấy của họ đã làm nên chất thơ trong cuộc sống và tạo nên vẻ đẹp riêng cho Sa Pa.

# Anh thanh niên, ông kĩ sư vườn rau Sa Pa, anh cán bộ nghiên cứu bản đồ sét – đó là những nhân vật, những tâm hồn trong trẻo, bình dị, đôn hậu và tràn ngập tình thương trong đời. Một mảng, một nét của cuộc sống chắt ra…những nhận xét nho nhỏ như nhắc khẽ người đọc mà thấm thía vô cùng vì đó là sắc màu, ý vị của cuộc sống. Họ là những con người mới đã sống đẹp, giàu tình nhân ái, hết lòng phục vụ đất nước và nhân dân. Sống nơi lặng lẽ non xanh nhưng họ lại chẳng lặng lẽ chút nào! Trái lại cuộc đời họ lại vô cùng sôi nổi đầy tâm huyết và giàu nhiệt tình cách mạng.

Qua những hình tượng nhân vật, ta càng hiểu sâu sắc hơn tư tưởng chủ đề được Nguyễn Thành Long gửi gắm vào nhan đề của truyện. “Lặng lẽ Sa Pa” – một nhan đề thật độc đáo, một không khí lặng lẽ mơ màng mà sâu lắng trong tác phẩm được bố trí ngay từ nhan đề truyện, đã làm nên một tương quan giữa khung cảnh thiên nhiên, cuộc gặp gỡ tình cờ và tâm hồn cùng phẩm chất nhân vật. Đó như một ẩn dụ về sự hi sinh thầm lặng của con người trong những năm tháng xây dựng đất nước. Lặng lẽ trong khung cảnh, lặng lẽ trong suy nghĩ, lặng lẽ trong sự thay đổi của tâm hồn nhân vật, lặng lẽ trong cái bắt tay tiễn biệt, lặng lẽ trong ánh nhìn…Tất cả đều tạo nên một không khí lặng lẽ mơ màng sâu lắng được toát lên từ nhan đề bài “Lặng lẽ Sa Pa”. Nhưng thật là kì diệu, trong cái lặng

lẽ, Sa Pa vẫn vang lên âm thanh trong sáng, ánh lên sắc màu lung linh lan tỏa hơi ấm tình

người và sự sống. Chính điều đó đã tạo nên âm vang cho Sa Pa lặng lẽ. Bởi nơi đây có những con người âm thầm, lặng lẽ cống hiến sức lực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đất nước.

Bác Hồ đã từng nói “Đất nước ta là một vườn hoa đẹp. Mỗi người là một bông hoa đẹp”. Nhà văn Nguyễn Thành Long đã dành những lời tốt đẹp nhất nói về những con người đang sống và cống hiến giữa Sa Pa lặng lẽ. Họ là những người có tình yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, biết sống đẹp, biết tìm cho mình một vẻ đẹp riêng góp phần tạo nên vườn hoa đẹp của dân tộc.

# \* Bài tập vận dụng:

**Bài tập 1:**

"*Khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi công việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất"*

( Nguyễn Thành Long*, Lặng lẽ Sa Pa*)

1. Đoạn đối thoại trên là lời của ai nói với ai? Em hiểu gì về nhân vật có những suy nghĩ đó ( Yêu cầu: trình bày thành một đoạn văn)
2. Tình huống cơ bản của truyện ngắn "Lặng lẽ Sa Pa" là gì? Tác giả tạo ra tình huống truyện đó nhằm mục đích gì?
3. Hãy kể tên hai tác phẩm đã học viết về "đề tài lao động sản xuất" ( Yêu cầu: ghi rõ tên tác giả)

# => Gợi ý:

1. Đoạn đối thoại đó là lời của nhân vật anh thanh niên nói với họa sĩ.

Trình bày những hiểu biết của em về nhân vật anh thanh niên trong một đoạn văn:

* Đó là người yêu đời.
* Đó là người yêu nghề và có trách nhiệm với công việc.
* Là người cởi mở, khiêm tốn.

1. Tình huống của truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa”: cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa ông họa sĩ, cô kĩ sư trẻ với anh thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh cao Yên Sơn.

Tác giả tạo ra tình huống đó nhằm lấy cớ cho câu chuyện phát triển và cũng để làm rõ ý nghĩa : những người tốt luôn có xung quanh ta.

1. Những tác phẩm viết về đề tài lao động sản xuất, vì dụ:

+ Bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” (Huy Cận).

+ Truyện ngắn “Mùa lạc” ( Nguyễn Khải).

**Bài tập 2:** Cho đoạn văn sau:

*(…)“Gian khổ nhất là là lần ghi vào báo về lúc một giờ sáng. Rét bác ạ. Ở đây có cả mưa tuyết đấy. Nửa đêm đang nằm trong chăn, nghe chuông đồng hồ chỉ muốn đưa tay ra tắt đi. Chui ra khỏi chăn, ngọn đèn bão vặn to đến cỡ nào vấn thấy là không đủ sáng. Xách đèn ra vườn, gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chỉ chực đợi mình ra là ào ào xô tới. Cái lặng im lúc đó mới thật dễ sợ: Nó như bị gió chặt ra từng khúc, mà gió thì giống những nhát chổi lớn muốn quét đi tất cả, ném vứt lung tung.” (…)*

(*Lặng lẽ Sa Pa* – Nguyễn Thành Long – Sách Ngữ văn 9, tập 1)

1. Đoạn văn trên là lời của nhân vật nào, được nói ra trong hoàn cảnh nào? Những lời tâm sự đó giúp em hiểu gì về hoàn cảnh sống và làm việc của nhân vật? Ngoài khó khăn được nói đến trong đoạn trích trên, hoàn cảnh sống của nhân vật còn có điều gì đặc biệt?
2. Bằng hiểu biết của em về tác phẩm, hãy cho biết: Trong hoàn cảnh ấy, đ iều gì đã giúp

nhân vật trên sống yêu đời và hoàn thành tốt nhiệm vụ?

1. Chỉ ra một câu có sử dụng phép nhân hóa trong đoạn văn trên.

# => Gợi ý:

a.

* Đoạn văn trên là lời của nhân vật anh thanh niên, khi tâm sự với ông họa sĩ và cô kĩ sư về công việc của mình.
* Những lời tâm sự đó giúp em hiểu về hoàn cảnh sống và làm việc của nhân vật: Mỗi ngày anh phải gửi bản “ốp” về “nhà”, có những lúc tưởng chừng không thể làm được. Nửa đêm dù mưa tuyết, giá lạnh, đúng giờ “ốp” thì cũng phải trở dậy ra ngoài làm việc.
* Hoàn cảnh sống và làm việc của anh thanh niên khá đặc biệt:

+ Sống và làm việc một mình trên đỉnh núi cao 2600m, quanh năm làm bạn với mây mù và cây cỏ. Anh làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu . Công việc của anh là “đo gió, đo mưa, đo nắng,tính mây và đo chấn động mặt đất, dự báo thời tiết hằng ngày để phục vụ sản xuất và phục vụ chiến đấu”. Một công việc gian khó nhưng đòi hỏi sự chính xác, tỉ mỉ và tinh thần trách nhiệm cao.

+ Hoàn cảnh sống khắc nghiệt vô cùng bởi sự heo hút, vắng vẻ; cuộc sống và công việc có phần đơn điệu, giản đơn…là thử thách thực sự đối với tuổi trẻ vốn sung sức và khát khao trời rộng, khát khao hành động. Nhưng cái gian khổ nhất đối với chàng trai trẻ ấy là phải vượt qua sự cô đơn, vắng vẻ quanh năm suốt tháng ở nơi núi cao không một bóng người.

b. Trong hoàn cảnh sống và làm việc đặc biệt ấy, điều đã giúp nhân vật anh thanh niên sống yêu đời và hoàn thành tốt nhiệm vụ là:

* Lòng yêu nghề và tinh thần trách nhiệm với công việc.
* Anh bíêt tổ chức sắp xếp cuộc sống của mình ở trạm khí tượng thật ngăn nắp, chủ động: Nuôi gà, trồng hoa, tự học và đọc sách ngoài giờ làm việc.

c. Chép một trong hai câu có sử dụng phép nhân hóa trong đoạn văn:

* *“ Xách đèn ra vườn, gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chỉ chực đợi mình ra là ào ào xô tới”.*
* Hoặc là câu *“Cái lặng im lúc đó mới thật dễ sợ: Nó như bị gió chặt ra từng khúc, mà gió thì giống như những nhát chổi lớn muốn quét đi tất cả, ném vứt lung tung”.*

**Bài tập 3:** Đọc *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long, hẳn các em còn nhớ:

Khi được mời lên nhà anh thanh niên, họa sĩ đã nghĩ thầm: "*Khách tới bất ngờ, chắc cu cậu chưa kịp quét tước dọn dẹp, chưa kịp gấp chăn chẳng hạn".*

Nhưng rồi, sau những câu chuyện anh kể, những việc anh làm, họa sĩ lại nghĩ: *"Chao ôi, bắt gặp một con người như anh ta là một cơ hội hãn hữu cho sáng tác, nhưng hoàn thành sáng tác còn là một chặng đường dài. Mặc dù vậy, ông đã chấp nhận một sự thử thách".*

1. Em hiểu cách nhìn nhận, đánh giá của họa sĩ về nhân vật anh thanh niên đã thay đổi như thế nào? Vì sao có sự thay đổi đó? Ý nghĩ sự thay đổi đó là gì?
2. Bên cạnh nhân vật họa sĩ, còn nhiều nhân vật phụ khác cũng đã góp phần làm rõ tính cách nhân vật anh thanh niên. Đó là những nhân vật nào?
3. Viết đoạn văn phân tích nhân vật họa sĩ trong tác phẩm. Trong đoạn có sử dụng khởi ngữ và thành phần phụ chú. ( Yêu cầu: gạch chân dưới các thành phần đó)

# => Gợi ý:

a.

* Cách nhìn nhận, đánh giá của họa sĩ với nhân vật anh thanh niên đã thay đổi; từ chưa hiểu đến hiểu, cảm phục.
* Sự thay đổi đó có được là do những điều họa sĩ chứng kiến,nghe, thấy, và cảm nhận từ anh thanh niên.

b. Bên cạnh nhân vật anh thanh niên, trong truyện còn có những nhân vật phụ khác góp phần làm rõ tính cách nhân vật anh thanh niên. Đó là bác lái xe, cô kĩ sư trẻ, ông họa sĩ, ông kĩ sư dưới vườn rau Sa Pa và anh cán bộ nghiên cứu bản đồ sét.

c. Viết đoạn văn:

\* Về nội dung: phân tích nhân vật họa sĩ với những biểu hiện sau:

* Tâm hồn nhạy cảm, mẫn cảm : Ông hoạ sĩ trong câu chuyện với người thanh niên mặc dù gặp gỡ rất ít phút, chỉ thoáng nghe người thanh niên kể chuyện về công việc của mình, ông cảm nhận ngay được nét đẹp tâm hồn của anh, ông cảm thấy rối bời bởi ông đã bắt gặp điều mà ông vẫn ao ước được biết » - vẻ đẹp tâm hồn cao quý của người thanh niên.
* Là con người từng trải, hiểu đời, hiểu người sâu sắc
* Là con người gắn bó với hội hoạ, có nhiều trăn trở về nghề nghiệp => lòng yêu nghề, say mê với nghề. Dấu ấn nghề nghiệp đã in dấu lênvẻ ngoài của ông

+ Sắp nghỉ hưu vẫn muốn vẽ tranh. ông hiểu vẽ là một công việc gian nan. Ông cảm thấy ngòi bút của mình dường như bất lực trong việc tái hiện lại vẻ đẹp cuộc sống con người. Chỉ có những người thực sự giỏi mới không tự bằng lòng với mình, tự thấy mình phải phấn đấu nhiều hơn nữa.

+ Ông càng xúc động trước những nét đẹp bình dị, đáng quý của anh thanh niên, ông càng khát khao sáng tác. Làm thế nào để phác hoạ được bức chân dung chàng trai, làm thế nào để người xem phát hiện được, cảm nhận được nét đẹp của anh như ông đang xúc động, làm thế nào để gửi gắm suy tư của ông vào bức tranh đó.

=> Quả thực ta thấy ông là một con người có tâm hồn nhạy cảm, có nhiều suy nghĩ sâu sắc về nghề nghiệp.

* Về hình thức: đoạn văn phải có dùng khởi ngữ và thành phần phụ chú.

# Bài tập 4:

1. Có người nhận xét rằng: Truyện “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long xây dựng trên cơ sở tình huống truyện đơn giản nhưng vẫn tạo được sức hấp dẫn. Tình huống truyện đó là gì?
2. Chủ đề của tác phẩm “Lặng lẽ Sa Pa” được tác giả nêu trực tiếp nhưng kín đáo trong câu văn giàu chất suy tưởng. Em có nhận ra câu văn đó không, hãy chép lại theo trí nhớ.
3. *Cách sống của người thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh Yên Sơn đã gợi cho họa sĩ những thay đổi trong suy nghĩ về anh, khiến họa sĩ muốn thể hiện anh trong tác phẩm của mình.*

Hãy viết một đoạn văn từ 10 đến 12 câu theo cách quy nạp để làm rõ nhận xét trên. Trong đoạn có dùng một thành phần phụ chú ( Gạch chân dưới thành phần phụ chú đó)

# => Gợi ý:

a. Tình huống của truyện “Lặng lẽ Sa Pa” là cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa anh thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh cao Yên Sơn với ông họa sĩ già và cô kĩ sư mới ra trường.

b.Chủ đề của câu chuyện được thể hiện trong câu: …*Sa Pa mà chỉ nghe tên, người ta đã nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi, có những con người làm việc và lo nghĩ như vậy cho đất nước.*

c. Viết đoạn văn:

* Hình thức: độ dài khoảng 10 đến 12 câu, trình bày theo cách diễn dịch.
* Ngữ pháp: có câu dùng thành phần phụ chú. Gạch chân.
* Nội dung: làm rõ những đổi thay trong suy nghĩ của ông họa sĩ về nhân vật anh thanh niên, từ đó hiểu hơn về nhân vật chính.
* Suy nghĩ của ông họa sĩ khi thấy anh thanh niên lên nhà trước khách *“Khách tới bất ngờ, chắc cu cậu chưa kịp quét tước dọn dẹp…”* Tức là sống luộm thuộm, cẩu thả.
* Nhưng rồi qua lời anh kể, những điều ông chứng kiến, suy ngẫm, ông thấy người con trai ấy đáng yêu thật nhưng làm ông nhọc quá, ông hiểu gặp con người như anh là một cơ hội hạn hữu cho sáng tác, ông muốn thể hiện anh trong sáng tác của mình, *làm thế nào đặt được tấm lòng mình vào trong tác phẩm…cho người xem hiểu được anh ta mà không phải như một ngôi sao xa…*
* Như vậy, vẻ đẹp tâm hồn của anh thanh niên đã khơi dậy trong họa sĩ cảm hứng sáng tạo, tác động đến tâm hồn họa sĩ…
* Qua sự thay đổi thái độ đánh giá của họa sĩ với anh thanh niên, nhân vật được hoàn chỉnh và vẻ đẹp của nhân vật cũng tự nhiên gợi xúc cảm cho người đọc.

**CHUYÊN ĐỀ 13:**

**CHIẾC LƯỢC NGÀ**

**Nguyễn Quang Sáng**

**I.Đọc, tìm hiểu chung về văn bản**

***1.Tác giả - tác phẩm:***

\*Tác giả:

Nhà văn Nguyễn Quang Sáng sinh năm 1932.

Quê quán: huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Tham gia kháng chiến chống Pháp.

- 1945 tập kết ra Bắc, viết văn.

- Kháng chiến chống Mỹ ông về Nam Bộ tiếp tục kháng chiến, viết văn,…

Ông viết nhiều thể loại : truyện ngắn, tiểu thuyết, kịch bản phim; đề tài chính; cuộc chiến đấu của nhân dân Nam Bộ.

Tác phẩm viết năm 1966, khi tác giả hoạt động ở chiến trường Nam Bộ thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước, được đưa vào tập truyện cùng tên.

- Đoạn trích thuộc phần giữa truyện.

***2.Đọc và tóm tắt truyện:***

\* Phần đầu của truyện trên đường cùng đoàn cán bộ đi công tác, ông Ba (tên người kể chuyên) được cô giao liên rất trẻ dẫn đường, đó là tuyến đường bọn địch lùng quét rất gắt gao.

- Hành lý và tư trang ông Ba mang theo chỉ có tài liệu và một kỷ vật của người bạn gửi ông trước lúc hy sinh, 1 cây lược bằng ngà voi nhờ ông đem về trao tận tay cho người con gái.

\* Phần trích học: Ông Sáu xa nhà đi kháng chiến mãi đến khi con gái lên 8 tuổi ông mới có dịp về nhà thăm con. Bé Thu không nhận ra cha vì vết sẹo trên mặt làm cho ông không còn giống với người trong ảnh chụp mà em biết, cho nên em đối xử với ba như người xa lạ.

- Đến lúc Thu nhận ra ba, tình cảm cha con thức dậy thật mãnh liệt trong em thì cũng là lúc ông Sáu phải ra đi.

- Ở nơi căn cứ, người cha giành hết tình cảm thương nhớ, yêu quý con và việc làm chiếc lược ngà để tặng cho cô con gái bé bỏng.

- Trong một trận càn ông đã hy sinh trước lúc nhắm mắt ông còn kịp trao chiếc lược ngà cho bạn.

- Tình huống truyện: 2 tình huống thể hiện sâu sắc tình cảm cha con ông Sáu.

+ Tình huống 1: Cuộc gặp gỡ của 1 cha con sau 8 năm, con không nhận cha, khi con nhận ra thì cha phải đi.

+ Tình huống 2: ở khu căn cứ, người cha dồn hết tình cảm làm cây lược tặng con. Lúc sắp hy sinh, ông chỉ kịp trao đồng đội chiếc lược nhờ chuyển cho con gái.

Tình huống 1 bộc lộ tình cảm mãnh liệt của Thu với cha.

Tình huống 2 bộc lộ tình cảm sâu sắc của cha với con.

**II.Đọc - hiểu văn bản**

***1.Tình cảm của bé Thu đồi với cha***

a. *Thái độ của Thu trước khi nhận ra ông Sáu là cha:*

*-* Nghe gọi giật mình – tròn mắt nhìn.

- Nó ngơ ngác, lạ lùng.

- Con bé thấy lạ quá…muốn hỏi đó là ai?

- Mặt nó bỗng tái đi… vụt chạy… kêu thét lên: Má! Má!

- Cái tình cha con cứ nôn nao

- Không thể chờ xuồng cập bến… nhún chân, nhảy tót lên.

- Bước vội vàng… kêu to…Thu! Con

- Vết thẹo dài đỏ ửng, giần giật…

- Sự xuất hiện của ông Sáu khiến bé Thu ngờ vực. Nó sợ hãi, lảng tránh ông. Chứng kiến phản ứng của Thu trước sự vồ cập của cha, ông Sáu bất ngờ, không hiểu vì sao bé lại có thái độ như vậy.

- “Anh đứng sững lại đó nhìn theo con, nỗi đau đớn khiến mặt anh sầm lại…hai tay buông xuống như bị gãy”.

Trong suốt mấy ngày, mặc cho ông Sáu tìm mọi cách vỗ về, gần gũi con bé, nhưng nó vẫn xa lánh.

- Anh vỗ về: con bé đẩy ra.

**-** Anh mong con gọi ba: con bé chẳng gọi.

- Mẹ bảo gọi ba ăn cơm: nó gọi trống không.

- Nồi cơm to đang sôi: nó không nhờ chắt nước.

- Ông Sáu gắp cho cái trứng cá: nó hắt ra.

- Ông Sáu tát nó một cái: nó oà khóc bỏ sang bà ngoại.

Gan lì, ương bướng, cương quyết.

- Em bé là người có cá tính mạnh mẽ, tình cảm sâu sắc chân thật dành cho ba. Em chỉ nhận khi biết chắc chắn đó là ba mình.

*b. Thái độ hành động của Thu khi nhận ra cha*

Sau khi sang bà ngoại bà giải thích, Thu hiểu ra vì sao ba có cái thẹo dài trên mặt, sự nghi ngờ trong em được giải toả.

Trạng thái ân hận nuối tiếc

Nó nằm im lăn lộn, thỉnh thoảng thở dài như người lớn, cũng vì thế mà vào buổi sáng lúc ông Sáu chia tay mọi người ra đi, con bé trở về thì ba nó đã phải đi rồi.

*c. Tình cha con sâu nặng của ông Sáu*

- Nỗi ân hận day dứt vì lỡ đánh con.

- Những đêm rừng, nằm trên võng…nhớ con… anh cứ ân hận, nỗi khổ tâm đó giày vò anh.

- Lời dặn của đứa con lúc chia tay “Ba về! Ba mua cho con một cây lược nghe ba!” đã thúc đẩy ông làm 1 cây lược bằng ngà cho con bé mới được.

Những chi tiết chân thực, bộc lộ rõ tình cảm cảm xúc của người cha lúc xa con.

Càng nhớ càng thương con càng xót xa ân hận vì đã lỡ đánh con và lời dặn dò ngây thơ của đứa con bé bỏng cứ vang lên trong tâm khảm – khiến người cha trăn trở - không yên.

Dường như lúc nào ông cũng nghĩ đến điều đó, chính tình cảm dành cho con đã thôi thúc ông thực hiện bằng được lời hứa.

Khi tìm được khúc ngà voi, ông Sáu hớt hải chạy về, “tay cầm khúc ngà đưa lên khoe tôi, mặt anh hớn hở như một đứa trẻ được quà”.

Ông Sáu vô cùng sung sướng, vui mừng vì ông đã có thể thực hiện được lời hứa với đứa con bé bỏng mà ông vô cùng thương nhớ.

Việc ông sắp làm không phải là cách ông thực hiện lời hứa mà điều chủ yếu là giúp ông giải toả nỗi ân hận vì đã lỡ đánh con, lại vừa giúp ông bày tỏ nỗi niềm thương nhớ đối với đứa con.

+ Những lúc rỗi, anh cưa từng chiếc răng lược, thận trọng, tỷ mỷ và cố công như người thợ bạc…

+ Trên sống lưng lược có khắc một hàng chữ nhỏ mà anh đã gò lưng, tẩn mẩn khắc từng nét “yêu nhớ tặng Thu con của ba”.

+ Những đêm nhớ con anh lấy cây lược ngà ra ngắm nghía rồi mài lên mái tóc cho cây lược thêm bóng , thêm mượt…

+ Có cây lược, anh càng mong gặp lại con: Người cha dồn hết tình cảm yêu thương mong nhớ đứa con vào làm cây lược, món quà cho con mà ông đã hứa.

Ông đã làm cây lược bằng sự tập trung cao độ, dường như mỗi chiếc răng lược, mỗi hàng chữ khắc trên sống lưng lược đều là hiện thân tình cảm của ông đối với con.

- Chiếc lược ngà ông làm đã trở thành vật quý giá thiêng liêng với ông, nó đã làm dịu đi nỗi ân hận và chứa đựng bao nhiêu tình cảm yêu mến nhớ thương mong đợi của người cha với đứa con xa cách.

- Nhưng rồi một tình cảm đau thương đã xảy ra:

Trong một trận càn của kẻ thù, ông Sáu đã hy sinh khi chưa kịp trao cây lược ngà (món quà của ông) cho cô con gái bé bỏng.

- Đồng ý, bởi vì: Nó thể hiện tình cảm sâu nặng của người cha đối với con trong hoàn cảnh chiến tranh ngặt nghèo, nhiều éo le, gian khổ.

- Chiến tranh luôn đồng nghĩa với đau thương mất mát, nhưng điều quý giá nhất trong cái mất mát đó là tình cha con, tình cảm muôn thuở có tính nhân bản bền vững, vừa cho ta thấy cụ thể nỗi đau mà con người phải gánh chịu bởi chiến tranh.

Tình cảm của ông Sáu dành cho con thật sâu nặng, tình cảm ấy bất diệt trước sự huỷ diệt tàn khốc của chiến tranh.

**III. Tổng kết.**

**1. Về nghệ thuật:**

**-** Xây dựng cốt truyện khá chặt chẽ có những yếu tố bất ngờ nhưng hợp lý

- Lựa chọn nhân vật kể chuyện thích hợp.

Chủ động xen vào những ý kiến bình luận suy nghĩ để dẫn dắt sự tiếp nhận của người đọc, người nghe: Ông Ba vừa là người chứng kiến câu chuyện, vừa là người trực tiếp tham gia vào câu chuyện. Lời kể vừa khách quan, vừa bộc lộ sâu sắc cảm xúc ý nghĩ của nhân vật, làm cho câu chuyện trở nên đáng tin cậy, người kể lại chủ động điều khiển nhịp kể theo trạng thái cảm xúc của mình.

Chi tiết chiếc lược ngà có ý nghĩa nối kết các nhân vật trong tác phẩm, vừa là biểu hiện cụ thể của tình cảm người cha dành cho con – vừa là biểu tượng tình cha con sâu nặng.

Xây dựng tình huống bất ngờ, hợp lý.

Nghệ thuật khắc hoạ tâm lý, xây dựng tình cách nhân vật.

**2.Về nội dung**

- Truyện diễn tả một cách cảm động tình cảm của cha con ông Sáu trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh, qua đó tác giả khẳng định và ca ngợi tình cảm cha con thiêng liêng như một giá trị nhân bản sâu sắc.

|  |
| --- |
| **Đề bài: Tình cảm gia đình trong những năm tháng chiến tranh qua đoạn trích “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng.** |

# Mở bài:

Trong đời sống tinh thần của con người, gia đình và tình cảm gia đình là những điều

thiêng liêng nhất. Trong những tháng năm chiến tranh khốc liệt, trong những cuộc chia li đầy nước mắt, thì tình cảm thiêng liêng ấy lại như được nhân lên gấp bội. Chiến tranh đã làm cho bao gia đình Việt Nam phải lí tán khiến mẹ mất con, vợ mất chồng, con sinh ra không được biết mặt cha. Những tình cảm đó và đặc biệt là tình phụ tử thiêng liêng sâu nặng đã được thể hiện một cách cảm động trong truyện “Chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng

# Thân bài:

* 1. **Khái quát:**
* Câu chuyện kể về cha con ông Sáu và bé Thu sau hơn tám năm xa cách mới có dịp gặp lại nhau, nhưng Thu đã không nhận ra cha mình chỉ vì một vết thẹo dài trên má, thay vào đó là sự vô cảm, thờ ơ như căm ghét ông. Đến lúc em nhận ra và biểu lộ tình cảm thắm thiết thì ông Sáu phải lên đường trở về khu căn cứ. Ở khu căn cứ, ông Sáu dồn tất cả tình yêu thương và mong nhớ đứa con vào việc làm cây lược ngà để tặng con.Nhưng ông đã hi sinh khi chưa kịp trao món quà ấy cho con.
* Đọc qua truyện ngắn này, ta mới thấy được tình cảm gia đình, cụ thể là tình cảm cha con thiêng liêng và cao đẹp biết nhường nào. Trong hoàn cảnh khó khăn nhất đó là chiến tranh, tình cảm ấy vẫn không biến mất mà vẫn còn ẩn chứa trong mỗi con người. Ta cũng thấy được vẻ đẹp của các thế hệ con người Việt Nam trong thử thách, thương đau.

# Tình cảm ông Sáu dành cho con:

* Ông Sáu cũng như bao người nông dân Việt Nam khác, nghe theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, ông đành bỏ lại sau lưng những gì thân thương nhất: ruộng nương, nhà cửa, vợ con. Xa nhà suốt tám năm, từng nỗi nhớ lại càng lớn thêm và ngày càng chồng chất:

*Anh đi anh nhớ quê nhà*

*Nhớ anh rau muống nhớ cà dầm tương.*

Nhớ quê, nhớ nhà, nhớ tình làng nghĩa xóm, và ông nhớ da diết đứa con gái của mình. Được về thăm nhà sau bao năm ở chiến khu, khao khát đốt lòng ông Sáu là được gặp con, được nghe con gọi tiếng ba, được sống trong tình cha con mà bấy lâu nay ông chưa được sống. Vì thế, về gần tới nhà, thoáng thấy bóng con,không chờ xuồng cập bến, ông nhón chân nhảy thót lên xô chiếc xuồng tạt ra.Ông bước vội vàng những bước dài. Cái tiếng gọi ông phải kìm nén bao lâu nay bỗng bật ra thật cảm động, làm người đọc thấy nghẹn ngào:

*- Thu!Con.*

Ngược lại với điều ông mong muốn, đứa con gái ngơ ngác, hốt hoảng rồi vụt chạy và kêu thét lên khiến người cha đau khổ, hai tay buông thõng như bị gãy. Rồi suốt ba ngày nghỉ phép , ông không dám đi đâu xa, chỉ quanh quẩn gần con. Song, ông càng xích lại gần nó càng lùi xa; ông càng khao khát được nghe tiếng “ba” từ lòng con, nó càng không gọi... Bị con cự tuyệt, ông Sáu đau khổ không khóc được phải cười.

* Trước giờ phút lên đường chia tay con, ông muốn ôm con, nhưng lại sợ con không nhận đành chỉ nhìn. Song chính trong lúc này, tình cảm dành cho người cha ở bé Thu òa ra mãnh liệt. Nó cất tiếng gọi “ba”, ông xúc động đến phát khóc và “không muốn cho con thấy mình khóc, anh Sáu một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt, rồi hôn lên mái tóc của con”. Người chiến sĩ ấy nước mắt đã khô cạn nơi chiến trường,giờ đây là những giọt nước mắt hiếm hoi – nước mắt của niềm hạnh phúc và tình cha con. Thương con, chia tay con, ông Sáu hứa sẽ mua cho con cây lược.
* Tình cảm của ông Sáu đối với con còn được nhà văn thể hiện rất cảm động khi ông ở khu căn cứ. Nỗi day dứt, ân hận ám ảnh ông suốt nhiều ngày là việc ông đã đánh con khi nóng giận. Rồi lời dặn của con: “Ba về ba mua cho con một cây lược nghe ba”đã thôi thúc ông nghĩ đến việc làm cho con một cây lược bằng ngà. Làm cây lược trở thành bổn phận của người cha, thành tiếng gọi cầu khẩn của tình yêu thương con. Kiếm được khúc ngà voi, ông Sáu hớn hở như một đứa trẻ được quà và ông dành hết tâm trí, công sức vào việc làm ra cây lược. Hãy nghe đồng đội của ông kể lại: “Những lúc rỗi, anh cưa từng chiếc răng lược, thận trọng, tỉ mỉ và cố công như người thợ bạc”. Phải chăng, bao nhiêu tình yêu thương con ông dồn vào việc làm cây lược ấy? Rồi ông gò lưng tỉ mẩn, khắc từng nét chữ lên sống lưng lược: “Yêu nhớ tặng Thu con của ba”.Cây lược ấy, dòng chữ ấy là tình yêu, là nỗi nhớ thương, sự ân hận của ông đối với đứa con gái. Những lúc rỗi cũng như đêm đêm nhớ con ông thường lấy cây lược ra ngắm ngía, rồi mài lên tóc cho cây lược thêm bóng, thêm mượt. Làm như vậy, có lẽ ông không muốn con ông bị đau khi chải lược lên tóc. Yêu con, ông Sáu yêu từng sợi tóc của con. Người đọc cảm động trước tấm lòng của người cha ấy. Lòng yêu con đã biến người chiến sĩ thành một nghệ nhân – nghệ nhân chỉ sáng tạo ra một tác phẩm duy nhất trên đời – chiếc lược ngà. Cho nên,cây lược ngà đã kết tinh trong nó tình phụ tử mộc mạc, sâu xa mà đơn sơ, giản dị.
* Làm được lược cho con, ông Sáu mong được gặp con, được tận tay chải mái tóc con. Nhưng rồi, một tình cảnh đau thương lại đến với cha con ông Sáu: trong một trận càn lớn của quân Mỹ ngụy, ông Sáu bị một viên đạn bắn vào ngực. “Trong giờ phút cuối cùng, không còn đủ sức trăng trối lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được”, tất cả tàn lực cuối cùng chỉ còn cho ông làm một việc “đưa tay vào túi, móc cây lược” đưa cho người bạn chiến đấu. Đó là điều trăng trối không lời nhưng nó thiêng liêng hơn cả những lời di chức. Nó là sự ủy thác, là ước nguyện cuối cùng, ước nguyện của tình phụ tử. Và bắt đầu từ giây phút ấy, cây lược của tình phụ tử đã biến người đồng đội của ông Sáu thành một người cha thứ hai của bé Thu.

# Tình cảm bé Thu dành cho cha:

* Tình yêu của bé Thu đối với cha được thể hiện thật đặc biệt. Gặp lại con sau nhiều năm xa cách với bao nỗi nhớ thương nên ông Sáu không kìm được nỗi vui mừng trong phút đầu nhìn thấy con. Nhưng thật trớ trêu, đáp lại sự vồ vập của người cha, bé Thu lại tỏ ra ngờ vực, lảng tránh và ông Sáu càng muốn gần con thì đứa con lại càng tỏ ra lạnh nhạt, xa cách. Tâm lí và thái độ ấy của Thu đã được biểu hiện qua hàng loạt các chi tiết mà người kể chuyện quan sát và thuật lại rất sinh động.

+ Thoạt đầu, khi thấy ông Sáu vui mừng vồ vập nhận bé Thu là con, Thu tỏ ra lảng tránh và lạnh nhạt, xa cách. Người đọc tự đặt ra cho mình câu hỏi: Tại sao bé Thu không nhận ra ông Sáu, không nhận ra cha mình?Suốt mấy ngày ông Sáu ở nhà, bé Thu hoàn toàn lạnh lùng trước tình cảm vồ vập của người cha. Ông Sáu càng xích lại gần, bé Thu càng lùi xa. Ông Sáu càng yêu thương, bé Thu càng lảng tránh. Bé Thu nhìn cha với cặp mắt xa lạ và cảnh giác, dứt khoát không chịu kêu tiếng “ba” mà chỉ nói trổng. Đó phải chăng là sự ngây thơ của một đứa bé đầy cá tính?

+ Ở bé Thu còn là tính gan lì khi mà mọi người thân đã hết lòng khuyên nhủ, tạo tình thế để bé nhận cha, nhưng đều thất bại. Khi mẹ vắng nhà mà nồi cơm trên bếp đang sôi, bé Thu không thể nhấc nổi nồi cơm to như thế mà chắt nước được. Cái tình thế ấy làm người đọc tưởng chừng bé Thu phải chịu thua, không thể chiến tranh lạnh được nữa. Vậy mà thật ngoài sức tưởng tượng, Thu vẫn không cất lên cái tiếng mà ba nó mong “Nó loay hoay rồi nhón gót lấy cái vá múc ra từng vá nước,miệng lẩm bẩm điều gì không rõ”. Bé Thu làm tác giả phải thốt lên: “Con bé đáo để thật”. Sự bướng bỉnh, ngang ngạnh ấy còn được thể hiện khi Thu hất cái trứng cá mà ba nó gắp cho ra khỏi chén cơm. Đây là một tình huống mang tính kịch tính cao. Ông Sáu không thể chịu đựng nổi nữa trước thái độ lạnh lùng của đứa con gái mà ông hết mực yêu thương, ông đã nổi giận và chẳng kịp suy nghĩ , ông vung tay đánh vào mông nó. Bị ông Sáu đánh, Thu không khóc, gắp lại trứng cá rồi bỏ sang nhà ngoại, lúc đi còn cố ý khua dây lòi tói kêu rổn rảng.

+ Những thái độ ấy làm người cha, người bạn của cha và cả người đọc đau lòng. Còn gì đau lòng hơn bằng người cha giàu lòng yêu thương con lại bị chính đứa con ấy kiên quyết chối bỏ. Nhưng sự ương ngạnh của Thu không hoàn toàn đáng trách. Trong hoàn cảnh xa cách và trắc trở của chiến tranh, nó còn quá nhỏ để có thể hiểu được những tình thế éo le, khắc nghiệt của đời sống và người lớn cũng không ai kịp chuẩn bị cho nó đón nhận những khả năng bất thường.Chính thái độ ngang ngạnh , quyết liệt của bé Thu lại thể hiện sâu sắc tình cảm yêu thương dành cho ba. Đơn giản Thu không nhận ra cha là vì người tự nhận là ba kia không hề giống người cha mà em đã thấy trong bức ảnh. Ba em trong ảnh không có vết sẹo dài trên mặt như thế. Cô bé không tin, thậm chí là ngờ vực.Không ai tháo gỡ được thắc mắc thầm kín trong lòng của Thu, nghĩa là bé Thu chỉ dành tình cảm cho người cha duy nhất trong bức ảnh. Sự bướng bỉnh của Thu phải chăng còn là mầm sâu kín, sau này làm nên tính cách cứng cỏi ngoan cường của cô giao liên kiến định có lập trường.

* Sự nghi ngờ của Thu được giải tỏa khi nghe bà ngoại giải thích vì sao ba lại có vết thẹo dài trên má. Nghe những điều ấy, “nó nằm im, lăn lộn và thỉnh thoảng lại thở dài như người lớn”. Bởi thế, tình yêu ba trong Thu đã trỗi dậy mạnh liệt vào cái giây phút bất ngờ nhất, giây phút ông Sáu lên đường. Cái tiếng “ba” mà ông Sáu đã chờ đợi từ lâu bất ngờ vang lên “Nhưng thật lạ lùng, đến lúc ấy, tình cha con như bỗng nổi dậy trong người nó, đến lúc không ai ngờ đến thì nó bỗng kêu thét lên: - Ba...a...a...ba! Tiếng kêu của nó như tiếng xe, xé sự im lặng, xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa. Đó là tiếng ba nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay như vỡ tung từ đáy lòng nó, nó vừa kêu, vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó… Nó vừa ôm chặt lấy cổ ba nó vừa nói trong tiếng khóc:- Ba!Không cho ba đi nữa!Ba ở nhà với con!” Tình cảm của đứa con với ba được thể hiện một cách mãnh liệt, mạnh mẽ, cuống quýt, hối hả và có xen lẫn phần hối hận. Đó là những cảm xúc đã dồn nén từ lâu bỗng vỡi òa ra: “Ba bế nó lên. Nó hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc,hôn cổ, hôn vai, và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa”. Bà con và người kể chuyện cũng như người đọc không thể kìm được nỗi xúc động như có ai đang nắm chặt tim mình bởi vì cái éo le của tình cha con ở đây. Lúc cha con nhận nhau lại cũng chính là lúc người cha phải ra đi. Sự níu kéo của đứa con càng khắc nhấn sự éo le của chiến tranh: “Con bé hét lên, hai tay nó siết chặt lấy cổ, chắc nó nghĩ hai tay không thể giữ được ba nó, nó dang cả hai chân rồi câu chặt lấy ba nó và đôi vai nhỏ bé của nó run run”. Những nỗ lực của Thu không giữ được ba nó. Ông Sáu vẫn phải ra đi dù giây phút cha con nhận nhau thật ngắn ngủi! Đó là kết thúc cho một cuộc gặp gỡ cảm động và thật thiêng liêng.
* Qua cuộc gặp gỡ ấy, ta thấy Nguyễn Quang Sáng tuy không đề cập đến chiến tranh nhưng chiến tranh vẫn luôn hiện lên qua vết thẹo của ông Sáu. Kết quả của tám năm đi lính xa nhà của ông Sáu cũng là nguyên nhân khiến bé Thu không nhận ra cha mình. Giá như không có vết thẹo ấy thì bé Thu đã được hưởng ba ngày tuyệt vời trong tình yêu thương của cha mình. Nhưng nếu không có vết thẹo ấy, tình cảm gia đình cũng không được thử thách và bộc lộ lên được, tình cảm cha con vì thế đã trở nên thiêng liêng cao đẹp hơn trong tình cảnh chiến tranh.

# Đánh giá về nghệ thuật:

Nguyễn Quang Sáng đã thực sự thành công trong việc xây dựng cốt truyện chặt chẽ, lựa chọn tình huống bất ngờ mà tự nhiên, hợp lí,miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật tinh tế và sâu sắc, nhất là đối với nhân vật bé Thu. Có thể nói rằng, với một tâm hồn nhạy cảm, một trái tim nhân hậu, một tấm lòng chan chứa yêu thương, nhất là đối với trẻ em, Nguyễn Quang Sáng dường như đã cảm nhận đến tận cùng những biểu hiện tình cảm của nhân vật để miêu tả một cách sinh động và tinh tế. Ngoài ra, tác giả cũng rất thành công trong việc lựa chọn ngôi kể và ngôn ngữ lời thoại mang đậm chất địa phương Nam Bộ,... đem đến cho người đọc nhiều xúc động. Tất cả đã góp phần tạo nên sức thuyết phục,hấp dẫn cho chủ đề tư tưởng của tác phẩm.

# Kết bài:

“Chiếc lược ngà” là một câu chuyện cảm động và rất chân thực của Nguyễn Quang Sáng. Câu chuyện về nhân dân yêu nước và anh dũng. Câu chuyện về tình cha con bất tử. Bằng một sự cảm nhận chân thực về tình cảm gia đình, tình yêu quê hương đất nước trong chiến tranh, ông đã gợi lên niềm tự hào về phẩm giá con người, nét đẹp về tình cảm, về tâm hồn của con người Việt Nam trong thương đau. Thật vậy, trên mảnh đất này, ở mỗi gia đình, mỗi thế hệ, mỗi con người những năm tháng đã qua cũng có rất nhiều tình cảm cao đẹp thiết tha khác mà ta cần phải trân trọng, giữ gìn và vun đắp.

|  |
| --- |
| **Đề bài: Cảm nhận về nhân vật bé Thu trong truyện ngắn “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng** |

Có một nhà văn đã nói rằng : "Không có câu chuyện cổ tích nào đẹp bằng chính cuộc sống viết ra". Cuộc chiến tranh chống Mĩ của dân tộc ta với biết bao câu chuyện đã trở thành huyền thoại được các nhà văn ghi lại như những câu chuyện cổ tích hiện đại. Trong số ấy phải kể đến "Chiếc lược ngà" của Nguyễn Quang Sáng. Nhân vật bé Thu trong truyện đã để lại trong lòng người đọc những ấn tượng sâu sắc về tình thương cha mãnh liệt và có cá tính mạnh mẽ.

Ra đời năm 1966, những năm tháng gian khổ, đau thương nhất của đồng bào Nam bộ trong 30 năm chiến tranh, “Chiếc lược ngà” được kể lại qua sự chứng kiến của bác Ba, người đồng đội của anh Sáu. Người đã lặng lẽ dõi theo từ đầu đến cuối câu chuyện cảm động của cha con anh Sáu- bé Thu. Qua sự quan sát tinh tế, sâu sắc của bác Ba, chúng ta mới thấm thía hết nỗi đau của người dân Nam bộ trong chiến tranh và sức mạnh của tình cha con thiêng liêng, bất tử.

Bé Thu trong câu chuyện, cũng như bao cô bé miền Nam khác đều thiếu thốn tình cha từ nhỏ do cuộc chiến tranh. Khi anh Sáu ra đi, em chưa đầy một tuổi, tám năm trời, cha con em chỉ biết nhau qua hai tấm ảnh. Lần về phép ba ngày của anh Sáu là cơ hội hiếm hoi để ba con Thu gặp gỡ nhau, bày tỏ tình phụ tử. Nhưng nhà văn lại đặt bé Thu vào một tình huống đầy éo le: vì một sự hiểu lầm trẻ con, Thu không chịu nhận anh Sáu là ba, đến lúc nhận ra thì cũng là giây phút ba em lên đường tập kết. Và lần gặp mặt ấy, là lần gặp mặt đầu tiên, duy nhất, cuối cùng của cha con em.

Tuy nhiên, từ tình huống truyện éo le ấy, người đọc vẫn nhận ra đặc điểm riêng, cá tính riêng của nhân vật bé Thu: một cô bé tám tuổi bướng bỉnh nhưng dễ thương và đặc biệt có tình yêu ba sâu sắc, mãnh liệt. Tình yêu ấy được thể hiện trong hai hoàn cảnh trái ngược nhau, trước và sau khi nhận ra ba.

Lúc chưa chịu nhận anh Sáu là ba, Thu là một cô bé trẻ con, bướng bỉnh và đáo để đến nỗi làm anh Sáu đau lòng vì thái độ khước từ tình thương ba dành cho em. Phút đầu tiên hai ba con gặp mặt, trái ngược với nỗi mong nhớ, sự sốt ruột và suy nghĩ của anh Sáu, bé Thu vụt chạy đi, nét mặt đầy sợ hãi kêu “má, má” để lại anh Sáu đứng một mình “nhìn theo con, nỗi đau đớn khiến mặt anh sầm lại trông thật đáng thương và hai cánh tay buông xuống như bị gãy”. Trong ba ngày anh Sáu ở nhà, anh không dám đi đâu vì muốn ở bên con, vỗ về, chăm sóc và bù đắp sự thiêu thốn trong 8 năm qua cho nó nhưng bé Thu lại tỏ ra cứng đầu, không chịu nhận anh, cũng không chịu gọi anh một tiếng “ba” dù chỉ một lần. Nhà văn đã xây dựng một loạt các chi tiết để miêu tả tâm lí, thái độ rất trẻ con, cố chấp của bé Thu. Khi má bắt kêu ba vô ăn cơm, doạ đánh để cô bé gọi ba một tiếng, Thu vẫn chỉ nói trống không “vô ăn cơm! cơm chín rồi”, “con kêu rồi mà người ta không nghe”. Hai tiếng “người ta” mà Thu thốt lên làm anh Sáu đau lòng đến mức “không khóc được, chỉ khe khẽ lắc đầu cười”. Thậm chí, ngay cả khi bị má đặt vào một hoàn cảnh khó khăn để buộc Thu gọi anh Sáu một tiếng ba là chắt nước nồi cơm to đang sôi, Thu cũng lại nói trống không “cơm sôi rồi, chắt nước giùm cái”. Sự im lặng của anh Sáu và cả sự gợi ý của bác Ba đều không thể làm cô bé gọi tiếng “ba” đơn sơ, giản dị.

Tiếng gọi mà mỗi đứa trẻ đều ghi nhớ và bập bẹ lần đầu tiên trong cuộc đời mình. Đỉnh điểm của sự kiên quyết chối từ tình yêu thương của anh Sáu trong bé Thu là chi tiết cái trứng cá trong bữa cơm gia đình. Bằng lòng thương con của người cha, anh Sáu gắp cái trứng cá ngon nhất vào chén cơm của Thu nhưng con bé bất thần hất nó ta khỏi chén cơm. Nỗi đau khổ trong ba ngày nén chịu trào lên, anh Sáu đánh con, Thu không khóc, lầm lì bỏ trứng cá lại vào chén cơm và bỏ sang nhà bà ngoại, lúc đi còn cố ý khua dây xuòng cho thật to. Những chi tiết bình thường mà tinh tế này chứng tỏ nhà văn rất thấu hiểu tâm lí trẻ em. Trẻ con vốn rất thơ ngây nhưng cũng đầy cố chấp, nhất là khi chúng có sự hiểu lầm, chúng kiên quyết chối từ tình cảm của người khác mà không cần cân nhắc, nhất là với một cô bé cá tính, bướng bỉnh như Thu. Người đọc nhiều khi thấy giận em, thương cho anh Sáu. Nhưng thật ra em vẫn là cô bé dễ thương. Sự ương ngạnh của Thu không hoàn toàn đáng trách. Trong hoàn cảnh xa cách và trắc trở của chiến tranh, nó còn quá nhỏ để có thể hiểu được những tình thế éo le, khắc nghiệt của đời sống và người lớn cũng không ai kịp chuẩn bị cho nó đón nhận những khả năng bất thường. Chính thái độ ngang ngạnh , quyết liệt của bé Thu lại thể hiện sâu sắc tình cảm yêu thương dành cho ba. Đơn giản Thu không nhận ra cha là vì người tự nhận là ba kia không hề giống người cha mà em đã thấy trong bức ảnh. Ba em trong ảnh không có vết sẹo dài trên mặt như thế.

Cô bé không tin, thậm chí là ngờ vực. Không ai tháo gỡ được thắc mắc thầm kín trong lòng của Thu, nghĩa là bé Thu chỉ dành tình cảm cho người cha duy nhất trong bức ảnh. Sự bướng bỉnh của Thu phải chăng còn là mầm sâu kín, sau này làm nên tính cách cứng cỏi ngoan cường của cô giao liên kiến định có lập trường.

Sự nghi ngờ của Thu được giải tỏa khi nghe bà ngoại giải thích vì sao ba lại có vết thẹo dài trên má. Nghe những điều ấy, “nó nằm im, lăn lộn và thỉnh thoảng lại thở dài như người lớn”. Bởi thế, tình yêu ba trong Thu đã trỗi dậy mạnh liệt vào cái giây phút bất ngờ nhất, giây phút ông Sáu lên đường. Cái tiếng “ba” mà ông Sáu đã chờ đợi từ lâu bất ngờ vang lên “Nhưng thật lạ lùng, đến lúc ấy, tình cha con như bỗng nổi dậy trong người nó, đến lúc không ai ngờ đến thì nó bỗng kêu thét lên: - Ba...a...a...ba! Tiếng kêu của nó như tiếng xe, xé sự im lặng, xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa. Đó là tiếng “ba” nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay như vỡ tung từ đáy lòng nó”. Tiếng gọi thân thương ấy đứa trẻ nào cũng gọi đến thành quen nhưng với cha con Thu là nỗi khát khao của 8 năm trời xa cách thương nhớ. Đó là tiếng gọi của trái tim, của tình yêu trong lòng đứa bé 8 tuổi mong chờ giây phút gặp ba. Nó vừa kêu, vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó. Nó vừa ôm chặt lấy cổ ba nó vừa nói trong tiếng khóc:- Ba!Không cho ba đi nữa!Ba ở nhà với con!”.Tình cảm con với ba được thể hiện một cách mãnh liệt, mạnh mẽ, cuống quýt, hối hả và có xen lẫn phần hối hận. Đó là những cảm xúc đã dồn nén từ lâu bỗng vỡ òa ra: “Ba bế nó lên. Nó hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc,hôn cổ, hôn vai, và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa”. Bà con và người kể chuyện cũng như người đọc không thể kìm được nỗi xúc động như có ai đang nắm chặt tim mình bởi vì cái éo le của tình cha con ở đây. Lúc cha con nhận nhau lại cũng chính là lúc người cha phải ra đi. Sự níu kéo của đứa con càng khắc nhấn sự éo le của chiến tranh: “Con bé hét lên, hai tay nó siết chặt lấy cổ, chắc nó nghĩ hai tay không thể giữ được ba nó, nó dang cả hai chân rồi câu chặt lấy ba nó và đôi vai nhỏ bé của nó run run”. Những nỗ lực của Thu không giữ được ba nó. Ông Sáu vẫn phải ra đi dù giây phút cha con nhận nhau thật ngắn ngủi! Xót thương thay cho Thu bởi em đâu hiểu rằng cuộc gặp gỡ đầu tiên này cũng là lần cuối cùng. Ba em đã hi sinh trong một trận càn.

Chứng kiến những biểu hiện tình cảm ấy trong cảnh ngộ cha con ông Sáu phải chia tay, có người không cầm được nước mắt và người kể chuyện thì cảm thấy như có bàn tay ai nắm lấy trái tim mình.

Xuyên suốt đoạn trích, trong hai hoàn cảnh và hai cách ứng xử hoàn toàn khác nhau,

nhưng thực chất chỉ là một tấm lòng yêu cha sắt son của bé Thu – một em bé mới chỉ tám tuổi. Tuy nhiên, Thu trước sau vẫn chỉ là một cô bé ngây thơ, em đồng ý cho ba đi để ba mua một chiếc lược, món quà nhỏ mà bất cứ em bé gái nào cũng ao ước. Bắt đầu từ chi tiết này, chiếc lược ngà bước vào câu chuyện, trở thành một chứng nhân âm thầm cho tình cha con thiêng liêng, bất tử.

Đoạn trích kết thúc trong ánh mắt thiết tha của anh Sáu trước lúc hy sinh nhờ bác Ba trao cây lược ngà cho Thu. Với bé Thu, cây lược nhỏ mang dòng chữ đầy yêu thương “yêu nhớ tặng Thu con của ba” là kỉ vật chứa đựng tình thương, nỗi nhớ, hình bóng, tấm lòng người cha. Chiếc lược ngà đã động viên em vững vàng trong cuộc chiến đấu. Khi bác Ba tình cờ gặp lại Thu và trao cây lược, thì cô bé bướng bỉnh cá tính ngày nào đã trở thành cô giao liên dũng cảm. Và nguồn sức mạnh tiếp thêm cho Thu là tình yêu ba, tình yêu đất nước.

Nguyễn Quang Sáng đã rất thành công trong việc xây dựng nhân vật bé Thu - một nhân vật trẻ em có tính cách cứng cỏi , mạnh mẽ , dứt khoát (đến nỗi, nhìn thoáng qua, người ta có thể cho là ương ngạnh, bướng bỉnh, khó bảo…) nhưng cũng hết sức hồn nhiên, đáng yêu, ngoan ngoãn và có tình yêu cha sâu sắc. Có thể kể đến cách tạo tình huống bất ngờ, sự am hiểu tâm lí và tính cách trẻ em, cách chọn chi tiết nghệ thuật “đắt” ( như chi tiết bé Thu không gọi ba, chi tiết bé Thu loay hoay chắt nước cơm, hất cái trứng cá ba gắp cho,chi tiết cây lược mà Thu xin ba trước lúc ba đi…) Nhờ những thành công nghệ thuật này mà nhân vật bé Thu để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc về tình người – tình cha con trong những năm tháng chiến tranh xa cách, thương đau;để lại ấn tượng về một em bé Nam bộ thời chiến với tính cách đáng yêu, đáng mến.

|  |
| --- |
| **Đề bài: Cảm nhận về nhân vật ông Sáu trong đoạn trích “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng.** |

# Mở bài:

* Là nhà văn Nam Bộ, Nguyễn Quang Sáng am hiểu và gắn bó với mảnh đất Thành đồng cùng những người con gái trung kiên trên mảnh đất ấy. Truyện của ông hầu như chỉ viết về cuộc sống con người Nam Bộ trong chiến tranh và sau hòa bình. Sáng tác năm 1966, trong thời kì cuộc kháng chiến chống Mỹ đang diễn ra quyết liệt, “Chiếc lược ngà” ngợi ca tình cha con, tình đồng chí của những người cán bộ Cách mạng – cũng là tình người trong cảnh ngộ éo le của chiến tranh. Cũng như bé Thu, nhân vật ông Sáu trong truyện đã để lại cho người đọc rất nhiều ấn tượng.

# Thân bài:

* 1. **Khái quát(Dẫn dắt vào bài):**
* Ông Sáu xa nhà đi kháng chiến, mãi đến khi con gái ông lên 8 tuổi, ông mới có dịp về thăm nhà, thăm con. Bé Thu không chịu nhận cha vì vết thẹo trên mặt làm ba em không giống với người chụp chung với má trong bức ảnh mà em đã biết.Thu đối xử với ba như người xa lạ, đến lúc hiểu ra, tình cha con thức dậy mãnh liệt trong em thì cũng là lúc ông Sáu phải lên đường. Ở khu căn cứ, bao nỗi thương nhớ con, ông dồn vào việc làm cho con cây lược. Ông hi sinh trong một trận càn của Mỹ ngụy. Trước lúc nhắm mắt, ông còn kịp trao cây lược cho một người bạn. Tình đồng đội, tình cha con của ông Sáu được miêu tả thật cảm động,làm sáng ngời vẻ đẹp của người lính Cách mạng, của người cha yêu con.

**2. Vẻ đẹp người lính Cách mạng:**

* Vẻ đẹp của nhân vật ông Sáu mà người đọc cảm nhận trước hết là vẻ đẹp của người lính Cách mạng. Kháng chiến bùng nổ, ông Sáu từ giã những gì thân thương nhất: con thơ, vợ trẻ lên đường làm Cách mạng. Khi ông ra đi, bé Thu, con gái đầu lòng, cũng là đứa con gái duy nhất của ông chưa đầy một tuổi.Vậy mà, đằng đẵng suốt những năm kháng chiến, ông không một lần về thăm con,bởi với những người lính “đâu có giặc là ta phải đi”. Họ đã gác tình riêng, vì nghĩa lớn để rồi ngày kháng chiến thắng lợi, ông được nghỉ phép về thăm nhà, thăm con. Trong thắng lợi to lớn của dân tộc, có phần xương máu mà ông Sáu đóng góp.

# Tình yêu thương con:

Cảm động nhất, để lại ấn tượng nhiều nhất cho người đọc trong hình ảnh người cha chiến sĩ ấy chính là tình phụ tử thiêng liêng, sâu đậm –tình yêu thương mà ông Sáu dành cho đứa con gái:

* Được về thăm nhà sau bao năm ở chiến khu, khao khát đốt lòng ông Sáu là được gặp con, được nghe con gọi tiếng ba, được sống trong tình cha con mà bấy lâu nay ông chưa được sống. Vì thế, về gần tới nhà, thoáng thấy bóng con,không chờ xuồng cập bến, ông nhón chân nhảy thót lên xô chiếc xuồng tạt ra.Ông bước vội vàng những bước dài. Cái tiếng gọi ông phải kìm nén bao lâu nay bỗng bật ra thật cảm động, làm người đọc thấy nghẹn ngào: - "Thu!Con".Ngược lại với điều ông mong muốn, đứa con gái ngơ ngác,hốt hoảng rồi vụt chạy và kêu thét lên khiến người cha đau khổ, hai tay buông thõng như bị gãy. Rồi suốt ba ngày nghỉ phép , ông không dám đi đâu xa, chỉ quanh quẩn gần con. Song, ông càng xích lại gần nó càng lùi xa; ông càng khao khát được nghe tiếng “ba” từ lòng con, nó càng không gọi... Bị con cự tuyệt,ông Sáu đau khổ không khóc được phải cười.
* Trước giờ phút lên đường chia tay con, ông muốn ôm con,nhưng lại sợ con không nhận đành chỉ nhìn. Song chính trong lúc này, tình cảm dành cho người cha ở bé Thu òa ra mãnh liệt. Nó cất tiếng gọi “ba”, ông xúc động đến phát khóc và “không muốn cho con thấy mình khóc, anh Sáu một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt, rồi hôn lên mái tóc của con”.Người chiến sĩ ấy nước mắt đã khô cạn nơi chiến trường, giờ đây là những giọt nước mắt hiếm hoi – nước mắt của niềm hạnh phúc và tình cha con. Thương con,chia tay con, ông Sáu hứa sẽ mua cho con cây lược.
* Tình cảm của ông Sáu đối với con còn được nhà văn thể hiện rất cảm động khi ông ở khu căn cứ. Nỗi day dứt, ân hận ám ảnh ông suốt nhiều ngày là việc ông đã đánh con khi nóng giận. Rồi lời dặn của con: “Ba về ba mua cho con một cây lược nghe ba”đã thôi thúc ông nghĩ đến việc làm cho con một cây lược bằng ngà. Làm cây lược trở thành bổn phận của người cha, thành tiếng gọi cầu khẩn của tình yêu thương con. Kiếm được khúc ngà voi, ông Sáu hớn hở như một đứa trẻ được quà và ông dành hết tâm trí, công sức vào việc làm ra cây lược. Hãy nghe đồng đội của ông kể lại: “Những lúc rỗi, anh cưa từng chiếc răng lược, thận trọng, tỉ mỉ và cố công như người thợ bạc”. Phải chăng, bao nhiêu tình yêu thương con ông dồn vào việc làm cây lược ấy? Rồi ông gò lưng tỉ mẩn, khắc từng nét chữ lên sống lưng lược: “Yêu nhớ tặng Thu con của ba”.Cây lược ấy, dòng chữ ấy là tình yêu, là nỗi nhớ thương, sự ân hận của ông đối với đứa con gái. Những lúc rỗi cũng như đêm đêm nhớ con ông thường lấy cây lược ra ngắm ngía, rồi mài lên tóc cho cây lược thêm bóng, thêm mượt. Làm như vậy, có lẽ ông không muốn con ông bị đau khi chải lược lên tóc. Yêu con, ông Sáu yêu từng sợi tóc của con. Người đọc cảm động trước tấm lòng của người cha ấy. Lòng yêu con đã biến người chiến sĩ thành một nghệ nhân – nghệ nhân chỉ sáng tạo ra một tác phẩm duy nhất trên đời– chiếc lược ngà. Cho nên,cây lược ngà đã kết tinh trong nó tình phụ tử mộc mạc, sâu xa mà đơn sơ, giản dị.
* Làm được lược cho con, ông Sáu mong được gặp con, được tận tay chải mái tóc con. Nhưng rồi, một tình cảnh đau thương lại đến với cha con ông Sáu: trong một trận càn lớn của quân Mỹ ngụy, ông Sáu bị một viên đạn bắn vào ngực. “Trong giờ phút cuối cùng,không còn đủ sức trăng trối lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được”, tất cả tàn lực cuối cùng chỉ còn cho ông làm một việc “đưa tay vào túi, móc cây lược” đưa cho người bạn chiến đấu. Đó là điều trăng trối không lời nhưng nó thiêng liêng hơn cả những lời di chức. Nó là sự ủy thác, là ước nguyện cuối cùng, ước nguyện của tình phụ tử. Và bắt đầu từ giây phút ấy, cây lược của tình phụ tử đã biến người đồng đội của ông Sáu thành một người cha thứ hai của bé Thu.
* Người đọc đã không thể cầm được nước mắt khi nghe tiếng khóc thét của đứa con gọi cha buổi chia tay hồi nào, giờ bỗng không thể cầm lòng khi chứng kiến cái cử chỉ cầm cây lược và ánh mắt nhìn của người cha vào giây phút lâm trung. Từng có bao nhiêu áng văn nói về tình mẹ cực kì xúc động nhưng có lẽ đây là một trang văn rất hiếm hoi mô tả đến tận cùng sâu thẳm trái tim yêu thương của người cha dành cho con. Cũng từ hình ảnh này, nhà văn đã khẳng định: Bom đạn và chiến tranh có thể hủy diệt được sự sống, nhưng tình cha con – tình phụ tử thiêng liêng không gì có thể giết chết được.

# Nghệ thuật:

* Có thể nói nhân vật ông Sáu được nhà văn xây dựng bằng những nét nghệ thuật đặc sắc. Nguyễn Quang Sáng đã đặt nhân vật vào cảnh ngộ éo le của đời sống để từ đó ngòi bút miêu tả tâm lí tinh tế đã phát hiện bao cung bậc cảm xúc của tình phụ tử. Ngoài ra, ngôn ngữ kể chuyện vừa truyền cảm, vừa mang đậm chất địa phương Nam Bộ đem đến cho người đọc nhiều xúc động. Đặc biệt,nhà văn đã lựa chọn được một số chi tiết nghệ thuật rất đắt giá như lời dặn mua cho con cây lược của bé Thu,ông Sáu hớn hở khi kiếm được chiếc ngà voi… Tất cả đã góp phần tô đậm vẻ đẹp của người chiến sĩ Cách mạng, của người cha yêu con nồng thắm.

# Kết bài:

* Hình ảnh ông Sáu – người chiến sĩ Cách mạng, người cha trong truyện “Chiếc lược ngà” đã để lại bao thổn thức trong lòng người đọc về tình phụ tử sâu sắc. Chiếc lược ngà và những dòng chữ trên sống lưng lược mãi mãi là kỉ vật, là nhân chứng về nỗi đau, về bi kịch đầy máu và nước mắt của những năm chiến tranh. Ông Sáu là người lính của một thế hệ anh hùng mở đường đi trước đã nếm trải nhiều gian khổ và hi sinh. Ông là hình ảnh tiêu biểu của con người Việt Nam sẵn sàng hi sinh tất cả vì độc lập dân tộc, thống nhất đất nước.

# Bài tập vận dụng:

**Bài tập 1:**

*Nghe mẹ nó bảo gọi ba vào ăn cơm thì nó bảo lại:*

* *Thì má cứ kêu đi*

*Mẹ nó đâm nổi giận quơ đũa bếp dọa đánh, nó phải gọi nhưng lại nói trổng:*

* *Vô ăn cơm!*

*Anh Sáu vẫn ngồi im,giả vờ không nghe, chờ nó gọi “Ba vô ăn cơm”. Con bé cứ đứng trong bếp nói vọng ra:*

* *Cơm chín rồi!*

*Anh cũng không quay lại. Con bé bực quá, quay lại mẹ và bảo:*

* *Con kêu rồi mà người ta không nghe.”*

(*Chiếc lược ngà* - Nguyễn Quang Sáng)

1. Đoạn truyện được kể theo ngôi thứ mấy? Ai là người kể? Chọn ngôi kể trên có tác dụng như thế nào?
2. Vì sao “Anh Sáu vẫn ngồi im giả vờ không nghe, chờ nó gọi “Ba vô ăn cơm”?
3. Con bé trong đoạn truyện đã vi phạm phương châm hội thoại nào? Vì sao có sự vi phạm đó?

# => Gợi ý:

1. Đoạn truyện kể theo ngôi thứ nhất. Người kể là bác Ba, một nhân vật trong tác phẩm, là bạn của ông Sáu. Chọn vai kể trên vừa miêu tả sâu sắc tâm lý nhân vật, vừa đảm bảo sự khách quan trong việc nhận xét, đánh giá tình cảm nhân vật và có tầm bao quát rộng.
2. Ông Sáu ngồi im, giả vờ không nghe thấy con bé gọi vì ông muốn con bé sẽ dùng tiếng “ba” để gọi ông.
3. Con bé nói trổng như vậy là đã vi phạm phương châm lịch sự. Nó cố tình vi phạm như vậy vì không muốn dùng từ “ba” để gọi ông Sáu.

# Bài tập 2

*Trong bữa cơm đó , anh Sáu gắp một cái trứng cá to vàng để vào chén nó . Nó liền lấy đũa xoi vào chén, để đó rồi bất thần hất cái trứng ra ,cơm văng tung toé cả mâm . Giận quá và không kịp suy nghĩ , anh vung tay đánh vào mông nó và hét lên :*

* *Sao mày cứng đầu quá vậy ,hả ?*

*Tôi tưởng con bé sẽ lăn ra khóc , sẽ giẫy ,sẽ đạp đổ cả mâm cơm , hoặc sẽ chạy vụt đi . Nhưng không , nó ngồi im , đầu cúi gầm xuống .Nghĩ thế nào ,nó cầm đũa gắp lại cái trứng cá để vào chén ,rồi lặng lẽ đứng dậy, bước ra khỏi mâm .Xuống bến , nó nhảy*

*xuống xuồng , mở lòi tói cố làm cho dây lòi tói khua rổn rảng ,khua thật to , rồi lấy dầm bơi qua sông .Nó sang qua nhà ngoại , mét với ngoại và khóc ở bên ấy .*

( Chiếc lược ngà,Nguyễn Quang Sáng)

1. Đoạn truyện được kể theo ngôi thứ mấy ? Ai là người kể truỵện ? Kể về ai ?
2. Nêu tóm tắt mối quan hệ tình cảm giữa hai nhân vật được kể trước khi sự việc này xảy ra ?
3. Sự việc kể trên giữ vai trò như thế nào trong câu chuyện .
4. Hãy viết một đoạn văn khoảng 10 câu phân tích thái độ của bé Thu đối với ba từ khi gặp mặt đến khi nó bỏ sang bà ngoại . Trong đoạn có sử dụng câu ghép dùng khởi ngữ và phần phụ chú.

# => Gợi ý:

a.

* Đoạn truyện kể theo ngôi thứ nhất. Người kể là bác Ba, một nhân vật trong tác phẩm, là bạn của ông Sáu.
* Đoạn truyện kể về cha con ông Sáu: ông Sáu gắp cho bé Thu cái trứng cá vào bát cơm nhưng con bé hất ra mâm. Rồi nó gắp lại vào bát. Sau đó, nó bỏ sang nhà ngoại.

b. Quan hệ giữa hai cha con ông Sáu trước đó đã không êm ả:Hai cha con gặp nhau sau tám năm xa cách, bé Thu không nhận ra ông Sáu là cha nên nó đối xử với ông như với

người xa lạ. Còn ông Sáu dù đã cố gắng vỗ về nó để mong được gọi là “ba” nhưng không thành.

c. Sự việc trên giữ vai trò thắt nút câu chuyện. d.

\*Về hình thức: không giới hạn viết theo cách lập luận cụ thể nào, nên các em có thể tùy chọn đoạn diễn dịch, quy nạp hay tổng – phân – hợp. Tuy nhiên, phải chú ý có câu ghép dùng khởi ngữ và thành phần phụ chú.

\*Về nội dung: phân tích sự phát triển thái độ của bé Thu từ khi gặp cha đến khi bỏ sang bà ngoại. Vì không nhận ra ông Sáu là cha nên bé Thu đã đối xử với ông như với người xa lạ:

* Khi gặp: nó sợ hãi bỏ chạy.
* Những ngày ông Sáu ở nhà: nó tìm mọi cách để không phải gọi ông Sáu là cha.
* Đặc biệt, trong bữa ăn, nó khước từ sự chăm sóc của ông và bỏ sang nhà ngoại.

**Bài tập 3**: Trong tác phẩm “Chiếc lược ngà”, ghi lại cảnh chia tay của cha con ông Sáu, nhà văn Nguyễn Quang Sáng viết:

*“Nhìn cảnh ấy, bà con xung quanh có người không cầm được nước mắt, còn tôi bỗng thấy khó thở như có bàn tay ai nắm lấy trái tim tôi”.*

1. Vì sao khi chứng kiến giây phút này, bà con xung quanh và nhân vật tôi lại xúc động đến vậy?
2. Người kể chuyện ở đây là ai? Cách chọn vai kể ấy góp phần như thế nào để tạo nên sự thành công của“Chiếc lược ngà”?

# => Gợi ý:

a. Khi chứng kiến giây phút này, bà con xung quanh và nhân vật tôi xúc động đến vậy, bởi vì:

* Sự thể hiện của tình cảm cha con ở đây rất tha thiết, mãnh liệt.
* Giây phút hạnh phúc nhất của hai cha con ngắn ngủi xiết bao. Con nhận ba và gọi

tiếng ba cũng chính là lúc ba phải ra đi. Những cố gắng níu kéo ba ở lại của con thật vô vọng và sẽ không thực hiện được.

b.

* Người kể chuyện ở đây là bác Ba. Bác vừa là một người đồng đội, một người bạn thân thiết của ông Sáu vừa là người chứng kiến câu chuyện từ đầu đến cuối.
* Cách chọn vai kể ấy góp phần tạo nên sự thành công của “Chiếc lược ngà” ở những điểm sau:

+ Làm tăng tính khách quan, chân thực cho câu chuyện bởi người kể chuyện đồng thời cũng là một người trong cuộc chứng kiến những sự việc xảy ra.

+ Người kể chuyện dễ dàng đan xen vào những bình luận, những cảm xúc, suy nghĩ hết sức thấu đáo để người đọc có thể hiểu và đồng cảm với câu chuyện.

+ Người kể chuyện có nhiều cơ hội tìm hiểu đi vào thế giới nội tâm nhân vật một cách sâu sắc.

**CHUYÊN ĐỀ 14**

**MÙA XUÂN NHO NHỎ**

**Thanh Hải**

**I. Đọc, tìm hiểu văn bản**

***1. Mùa xuân của thiên nhiên đất trời***

*Mọc giữa dòng sông xanh*

*Một bông hoa tím biếc*

*Ơi con chim chiền chiện*

*Hót chi mà vang trời.*

Hình ảnh chọn lọc tiêu biểu điển hình của mùa xuân.

- Từ “mọc” được đặt ở đầu câu: nghệ thuật đảo ngữ nhằm : nhấn mạnh, khắc hoạ sự khoẻ khoắn. “Mọc” tiềm ẩn một sức sống, sự vươn lên, trỗi dậy. Giữa dòng sông rộng lớn, không gian mênh mông chỉ một bông hoa thôi mà không hề gợi lên sự lẻ loi đơn chiếc. Trái lại, bông hoa ấy hiện lên lung linh, sống động, tràn đầy sức (sống) xuân.

- Màu sắc: gam màu hài hoà dịu nhẹ tươi tắn. Màu xanh lam của nước sông (dòng sông Hương) hào cùng màu tím biếc của hao, một màu tím giản dị, thuỷ chung, mộng mơ và quyến rũ. Đó là màu sắc đặc trưng của xứ Huế.

- Âm thanh: Tiếng chim chiền chiện, loài chim của mùa xuân.

Cách dùng các từ than gọi “ơi”, “chi”: mang chất giọng ngọt ngào đáng yêu của người xứ Huế (thân thương, gần gũi), mang nhiều sắc thái cảm xúc như một lời trách yêu.

Khung cảnh mùa xuân có không gian cao rộng, màu sắc tươi thắm, âm thanh vang vọng - một sắc xuân của xứ Huế. Một không gian bay bổng lại đằm thắm dịu dàng, tươi tắn.

- Chỉ có một bông hoa tím biếc

- Chỉ có một dòng sông xanh.

- Một tiếng chim chiền chiện hoà vang trời.

Mùa xuân trong thơ Thanh Hải chẳng có mai vàng, đào thắm cũng chẳng có muôn hoa khoe sắc màu rực rỡ. Mùa xuân trong thơ Thanh Hải thật giản dị, đằm thắm.

Cảm xúc say sưa ngây ngất xốn xang rạo rực trước cảnh đất trời vào xuân.

Giọt long lanh rơi:

- Giọt sương

- Giọt nắng

- Giọt mùa xuân

- Giọt hạnh phúc

- Giọt âm thanh

Tiếng chim chiền chiện hót vang trời nhưng không tan biến vào không trung. Nó như ngưng đọng lại thành từng giọt âm thanh, như những hạt lưu li trong vắt long lanh chói ngời. Ở đây có sự chuyển đổi cảm giác: từ thính giác đến thị giác, xúc giác. Những yếu tố huyền ảo trong bài thơ được thể hiện một cách sáng tạo, gợi cảm và tài tình.

- “tôi đưa tay tôi hứng”: Sự trân trọng vẻ đẹp của thi nhân đối với vẻ đẹp chất nhạc của trời với sông của chim với hoa thể hiện sự đồng cảm của thi nhân trước thiên nhiên và cuộc đời.

***2. Hình ảnh mùa xuân đất nước***

*Mùa xuân người cầm súng*

*Lộc giắt đầy quanhlưng*

*Mùa xuân người ra đồng*

*Lộc trải dài nương mạ.*

Lộc non chồi biếc: Sức sống của con người. Đây là những hình ảnh tượng trưng, kết cấu đối xứng.

Tả thực: Mùa xuân là mùa ra quân, mùa chiến thắng, mùa xuân cũng là mùa người nông dân ra đồng gieo trồng lúa xuân.

Ý nghĩa tượng trưng: 2 nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc, xây dựng đất nước.

*Đất nước như vì sao*

*Cứ đi lên phía trước.*

Một đất nước với 4000 năm dựng nước và giữ nước đã trải qua muôn vàn khó khăn thử thách, gian khổác liệt, tưởng chừng như không thể vượt qua, thế mà vẫn kiên cường, hiên ngang, dũng cảm như chính quê hương của tác giả - một mảnh đất kiên trung, ngoan cường, bất khuất.

Nghệ thuật so sánh: “Đất nước như vì sao”.

Sự trường tồn vĩnh cửu của thiên nhiên được so sánh với tầm vóc củadân tộc Việt Nam:

“Sống vững chãi 4 ngàn năm sừng sững… nhân ái chan hoà”

Qua đó, tác giả thể hiện niềm tin vào cách mạng, vào tương lai của đất nước, định hướng, mục đích sống của mỗi con người. Đó cũng là sức sống, sức vươn lên không ngừng của đất nước vào xuân.

*Ta làm con chim hót*

*Ta làm một nhành hoa*

*Ta nhập vào hoa ca*

*Một nốt trầm xao xuyến..*

Tác giả muốn làm:

- Một con chim hót vang trời (mang âm thanh).

- Một nhành hoa (hương thơm ngào ngạt)

- Một nốt trầm (sự vui vẻ, yêu đời).

Nhưng tất cả đều một thôi: một con chim trong muôn ngàn loài chim, một nhành hoa trong biết bao loài hoa, mộtnốt trầm trong bè trầm bao la của thế giới âm nhạc.

- Trong cái không khí réo rắt đầy đủ các cung bậc âm thanh, nhà thơ Trịnh Hâm thiết hiến dâng, hoà nhập vào cuộc sống vui tươi sôi nổi ấy. Thật đáng trân trọng biết nhườngnào khi ta biết rằng, suốt một đời người - một đời thơ, Thanh Hải đã cống hiên nhiều tâm huyết cho sự nghiệp chung của dân tộc mà ông chỉ khiêm tốn xin làm một nốt trầm xao xuyến nhậpvào bản hoà ca chung. Lời ước nguyện chân thành tha thiết: Làm một mùa xuân nho nhỏ, cống hiến phần tốt đẹp, dù nhỏ bé của mình cho mùa xuân lớn của đất nước, của cuộc đời chung. Sự chuyển đổi cách xưng hô từ tôi (riêng) sang ta (chung) chính là sự thể hiện của khát vọng hoà nhập ấy.

*Một mùa xuan nho nhỏ*

*Lặng lẽ dâng cho đời*

*Dù là tuổi hai mươi*

*Dù là khi tóc bạc*

Hình ảnh có tính chất biểu tượng: “mùa xuân - tuổi hai mươi”: trẻ trung sung sức; “Tóc bạc”: trở về già.

Mạch cảm xúc chuyển từ sôi nổi sang trầm lắng.

Tình cảm trào dâng, suy tư được thể hiện nội dung chính con người luôn gắn bó, hoà nhập với thiên nhiên, đất nước, bất chấp không gian, thời gian nghịch cảnh. Đó là sự dâng hiến thầm lặng.

- Khổ thưo đầu được mở đầu bằng một phong cảnh Huế: hoa nở, chim hót, dòng sông êm đềm.

Kết thúc Một điệu dân ca xứ Huế quen thuộc, ngọt ngào, êm dịu, sử dụng ngôn ngữ giàu nhịp điệu, các vần bằng tha thiết, êm ái. Kết cấu đầu cuối tương ứng tạo sự hài hoà, cân đối cho bài thơ, đồng thời thể hiện rõ hơn khát vọng hoà nhập với cuộc đời của tác giả.

**II. Tổng kết**

* Thanh Hải là một nhà thơ cách mạng.
* Trong hai cuộc kháng chiến kể cả những thời kì đen tối nhất, ông đã bám trụ ở quê hương ( vùng Thừa Thiên – Huế ), cất lên tiếng thơ ca ngợi tình yêu quê hương đất nước, ca ngợi sự hi sinh của nhân dân miền Nam và khẳng định niềm tin vào chiến thắng của cách mạng. Có thể nói cuộc đời ông đã cống hiến trọn vẹn cho đất nước, cho quê hương.
* *“Thơ ông chân chất,bình dị, đôn hậu và chân thành…Đối với nền thơ chống Mĩ của miền Nam,Thanh Hải là một trong những cây bút có nhiều đóng góp”.*

(Trần Hữu Tá)

* “Mùa xuân nho nhỏ” là sáng tác cuối cùng của Thanh Hải, được viết trước khi ông qua đời ( năm 1980 ), ghi lại những cảm xúc và suy nghĩ trước mùa xuân thiên nhiên, trước cuộc đời và lời tâm niệm về khát vọng cống hiến của nhà thơ. Chính hoàn cảnh ra đời ấy đã góp phần làm tăng thêm ý nghĩa của bài thơ.

|  |
| --- |
| **Đề bài: Cảm nhận bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” của Thanh Hải.** |

# Mở bài:

Mùa xuân luôn là đề tài bất tận của thi ca nhạc hoạ xưa và nay. Trong kho tàng dân tộc, ta đã biết đến “Mùa xuân chín” của Hàn Mạc Tử,“Mùa xuân xanh” của Nguyễn Bính, “Một chiều xuân” của Anh Thơ. Và giờ đây ta lại biết thêm “Mùa xuân nho nhỏ” của người con xứ Huế mộng mơ – Thanh Hải. Ra đời vào tháng 11/1980, bài thơ là sáng tác cuối cùng của Thanh Hải, khi ông đang nằm trên giường bệnh, giành giật với tử thần từng giây phút của sự sống.Bài thơ đã ghi lại những cảm xúc và nghĩ suy của ông trước mùa xuân thiên nhiên, trước cuộc đời và lời tâm niệm về khát vọng sống cống hiến của nhà thơ.

# Thân bài:

Với Thanh Hải, mùa xuân mang một nét đáng yêu, tươi thắm;gợi lên trong lòng người đọc nhiều tình cảm rạo rực, tươi trẻ. Vì thế, mùa xuân trong thơ Thanh Hải là biểu tượng cho sức sống mạnh mẽ của quê hương, dân tộc.Bài thơ là tiếng lòng yêu mến và gắn bó tha thiết với đất nước, với cuộc đời;thể hiện ước nguyện chân thành của nhà thơ muốn được cống hiến, được đóng góp“Một mùa xuân nho nhỏ” vào mùa xuân lớn lao của dân tộc. Từ đó mở ra những nghĩ suy về ý nghĩa và giá trị cuộc sống của mỗi cá nhân là sống có ích, có cống hiến cho cuộc đời chung.

# Cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân thiên nhiên, đất trời.

Khác với bức tranh thiên nhiên mùa xuân rực rỡ sắc màu, rạo rực tình ái trong thi phẩm “Vội vàng” của Xuân Diệu, với:

*Của ong bướm này đây tuần tháng mật*

*Này đây hoa của đồng nội xanh rì*

*Này đây lá của cành tơ phơ phất*

*Của yến anh này đây khúc tình si*

*Và này đây ánh sáng chớp hàng mi…*

Không mang một sắc xanh tràn ngập không gian như trong bài thơ “Mùa xuân xanh” của Nguyễn Bính với:

*Mùa xuân là cả một mùa xanh*

*Giời ở trên cao, lá ở cành*

*Lúa ở đồng anh và lúa ở*

*đồng nàng và lúa ở đồng quanh*

Cũng không được khoác lên tấm áo mơ màng, tình tứ như trong bài thơ “Mùa xuân chín” của Hàn Mặc Tử, với:

*Trong làn nắng ửng khói mơ tan*

*Đôi má nhà tranh lấm tấm vàng*

*Sột soạt gió trêu tà áo biếc*

*Trên giàn thiên lý. Bóng xuân sang*

Bức tranh thiên nhiên mùa xuân trong “Mùa xuân nho nhỏ” của Thanh Hải được vẽ bằng những hình ảnh, màu sắc, âm thanh hài hòa, sống động, tràn đầy sức sống:

*Mọc giữa dòng sông xanh*

*Một bông hoa tím biếc*

*Ơi con chim chiền chiện*

*Hót chi mà vang trời*

*Từng giọt long lanh rơi*

*Tôi đưa tay tôi hứng.*

* Ngay hai câu mở đầu ta đã bắt gặp một cách viết khác lạ. Không viết như bình thường: “một bông hoa tím biếc mọc giữa dòng sông xanh” mà đảo lại “Mọc giữa dòng sông xanh/Một bông hoa tím biếc”. Động từ “mọc” được đảo lên đầu câu thơ là một dụng ý nghệ thuật của tác giả => khắc sâu ấn tượng về sức sống trỗi dậy và vươn lên của mùa xuân. Tưởng như bông hoa tím biếc kia đang từ từ, lồ lộ mọc lên, vươn lên, xòe nở trên mặt nước xanh của dòng sông xuân.
* Không gian mùa xuân rộng mở tươi tắn với hình ảnh một dòng sông trong xanh chảy hiền hoà. Cái màu xanh ấy phản ánh được màu xanh của bầu trời, của cây cối hai bên bờ, cái màu xanh quen thuộc mà ta có thể gặp ở bất kì một con sông nào ở dải đất miền Trung.
* Nổi bật trên nền xanh lơ của dòng sông là hình ảnh “một bông hoa tím biếc”, một hình ảnh thân thuộc của cánh lục bình hay bông súng, bông trang mà ta thường gặp ở các ao hồ sông nước của làng quê:

*“ Con sông nhỏ tuổi thơ ta tắm*

*Vẫn còn đây nước chẳng đổi dòng*

*Hoa lục bình tím cả bờ sông…”*

( Lê Anh Xuân)

Màu tím biếc ấy không lẫn vào đâu được với sắc màu tím Huế thân thương- vốn là nét đặc trưng của những cô gái đất kinh kỳ với sông Hương núi Ngự.

-> Màu xanh của nước hài hoà với màu tím biếc của bông hoa tạo nên một nét chấm phá nhẹ nhàng mà sống động, đem lại một vẻ đẹp tự nhiên, hài hòa, một màu sắc đặc trưng của xứ Huế.

* Bức tranh không chỉ có “họa” mà còn có “nhạc” bởi tiếng chim chiền chiện cất lên với muôn vàn lời ca tiếng hót, reo mừng:

*Ơi con chim chiền chiện Hót chi mà vang trời.*

+ Nhà thơ gọi “ơi” nghe sao mà tha thiết thế! Lời gọi ấy không cất lên từ tiếng nói mà cất lên từ sâu thẳm tình yêu thiên nhiên, cất lên từ tấm lòng của nhà thơ trước mùa xuân tươi đẹp với những âm thanh rộn rã.

+ Lời gọi ấy mới đầu nhen nhóm ở một góc trái tim, nhưng con người nhà thơ và những cảnh sắc, âm thanh kia như đã hòa vào làm một, cảm xúc từ đó mà òa ra thành lời, thật ngỡ ngàng, thật thích thú.

+ Cảm xúc của nhà thơ đã trào dâng thực sự qua câu hỏi tu từ: “Hót chi mà vang trời”. Thứ âm thanh không thể thiếu ấy làm sống dậy cả không gia n cao rộng, khoáng đạt, làm sống dậy, vực dậy cả một tâm hồn con người đang phải đối mặt với những bóng đen ú ám của bệnh tật, của cái chết rình rập.

-> Dòng sông êm trôi, bông hoa lững lờ, tiếng chim rộn rã… bức tranh mùa xuân xứ Huế bao giờ cũng đẹp, nhẹ nhàng, và mơ mộng như thế!

* Thiên nhiên, nhất là mùa xuân vốn hào phóng, sẵn sàng trao tặng con người mọi vẻ đẹp nếu con người biết mở rộng tấm lòng. Thanh Hải đã thực sự đón nhận mùa xuân với tất cả sự tài hoa của ngòi bút, sự thăng hoa của tâm hồn. Nhà thơ lặng ngắm, lặng nghe bằng cả trái tim xao động, bằng trí tưởng tượng, liên tưởng độc đáo:

*Từng giọt long lanh rơi Tôi đưa tay tôi hứng.*

+ Cụm từ “ giọt long lanh” gợi lên những liên tưởng phong phú và đầy thi vị. Nó có thể là giọt sương lấp lánh qua kẽ lá trong buổi sớm mùa xuân tươi đẹp, có thể là giọt nắng rọi sáng bên thềm, có thể giọt mưa xuân đang rơi… Theo mạch cảm xúc của nhà thơ thì có lẽ đây là giọt âm thanh của tiếng chim ngân vang, đọng lại thành từng giọt niềm vui, rơi xuống cõi lòng rộng mở của thi sĩ, thấm vào tâm hồn đang rạo rực tình xuân.

+ Phép ẩn dụ chuyển đổi cảm giác được vận dụng một cách tài hoa, tinh tế qua trí tưởng tượng của nhà thơ. Thành Hải cảm nhận vẻ đẹp của mùa xuân bằng nhiều giác quan: thị giác, thính giác và cả xúc giác.

+ Cử chỉ “Tôi đưa tay tôi hứng” thể hiện sự nâng niu, trân trọng của nhà thơ trước vẻ đẹp của thiên nhiên, đất trời lúc với xuân với cảm xúc say sưa, xốn xang, rạo rực. Nhà thơ như muốn ôm trọn vào lòng tất cả sức sống của mùa xuân, của cuộc đời.

# => Khổ thơ mở đầu đã mở ra một bức tranh xứ Huế thật đẹp: có hình ảnh, có màu sắc, âm thanh được họa lên từ những vần thơ có nhạc…

**=> Bài thơ được viết vào tháng 11 năm 1980, khi ấy đang là mùa đông giá rét. Như vậy, hình ảnh mùa xuân được miêu tả ở đây là mùa xuân trong tâm tưởng của nhà thơ. Đối mặt với bệnh tật, thậm chí phải đối mặt với cả cái chết, vậy mà nhà thơ vẫn hướng đến mùa xuân tươi trẻ, tràn đầy sức sống, thể hiện một tâm hồn lạc quan yêu đời, một niềm khát khao cuộc sống vô bờ.**

**=> Đọc những vần thơ của ông, người đọc trân trọng hơn, yêu hơn một tâm hồn nghệ sĩ, một tình yêu quê hương, đất nước đến vô ngần.**

* 1. **Cảm xúc của nhà thơ về mùa xuân đất nước:**

Khi xưa, trong đêm đen của kiếp sống nô lệ, nhà thơ Tố Hữu – một người con xứ Huế đã từng viết:

*Tôi nện gót trên đường phố Huế*

*Dửng dưng không một cảm tình chi*

*Không gian sặc sụa mùi ô uế*

*Như nước dòng Hương mải cuốn đi*

Đó là Huế trong quá khứ nô lệ đen tối, lầm than. Thời gian, trong hiện tại, Huế đã đổi khác, đang hối hả nhịp chiến đấu, xây dựng cùng đất nước:

*Mùa xuân người cầm súng*

*Lộc giắt đầy trên lưng*

*Mùa xuân người ra đồng*

*Lộc trải dài nương mạ*

*Tất cả như hối hả*

*Tất cả như xôn xao…*

* Không phải ngẫu nhiên trong khổ thơ lại xuất hiện hình ảnh “người cầm súng” và “người ra đồng”. Họ là những con người cụ thể, những con người làm nên lịch sử với hai nhiệm vụ cơ bản của đất nước ta trong suốt quá trình phát triển lâu dài: chiến đấu và sản xuất, bảo vệ và xây dựng Tổ quốc.
* Mùa xuân đến mang đến tiếng gọi của những cố gắng mới và hi vọng mới, mang đến tiếng gọi của đất nước, của quê hương đang trên đà đổi thay, phát triển. Những tiếng gọi lặng lẽ tới từ mùa xuân làm thức dậy con người, làm trái tim con người như bừng lên rạng rỡ trong không khí sôi nổi của đất nước, của muôn cây cỏ đã đi theo người lính vào chiến trường, sát kề vai, đã cùng người lao động hăng say ngoài đồng ruộng.
* Mùa xuân không những chắp thêm đôi cánh sức mạnh cho con người mà còn chuẩn bị cho con người những “lộc” non tươi mới, căng tràn nhựa sống:

+ “Lộc” không chỉ là hình ảnh tả thực mà con mang ý nghĩa ẩn dụ, tượng trưng.

+ “Lộc” là nhành non chồi biếc của cỏ cây trong mùa xuân.

+ Đối với người chiến sĩ, “lộc” là cành lá ngụy trang che mắt quân thù trong cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc đầy cam go và ác liệt.

+ Đối với người nông dân “một nắng hai sương”, “lộc” là những mầm xuân tươi non trải dài trên ruộng đồng bát ngát, báo hiệu một mùa bội thu.

+ Nhưng đặc biệt hơn cả, “lộc” là sức sống, là tuổi trẻ, sức thanh xuân tươi mới đầy mơ ước, lí tưởng, đầy những hoài bão và khát vọng cống hiến của tuổi trẻ, sôi nổi trong mỗi tâm hồn con người – tâm hồn của người lính dũng cảm, kiên cường nơi lửa đạn bom rơi – tâm hồn của người nông dân cần cù, hăng say tăng gia sản xuất. “Lộc” chính là thành quả hôm nay và niềm tin, hi vọng ngày mai.

* Từ những suy nghĩ rất thực về đất nước, nhà thơ khái quát:

*Tất cả như hồi hả*

*Tất cả như xôn xao*

+ Điệp ngữ “tất cả”, các từ láy biểu cảm “hối hả”, “xôn xao”, nhịp thơ nhanh => nhà thơ đã khái quát được cả một thời đại của dân tộc.

+ “Hối hả” diễn tả nhịp điệu khẩn trương, tất bật của những con người Việt Nam trong giai đoạn mới, thời đại mới, trong công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa.

+ Còn “xôn xao” lại bộc lộ tâm trạng náo nức rộn ràng.

# -> Ý thơ khẳng định một điều: không chỉ cá nhân nào vội vã mà cả đất nước đang hối hả, khẩn trương sản xuất và chiến đấu. Tất cả đều náo nức, rộn ràng trong mùa xuân tươi đẹp của thiên nhiên, của đất nước.

**-> Thanh Hải đã rất lạc quan, say mê và tin yêu khi viết nên những vần thơ này.**

* Xúc cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên đất nước khi bước vào mùa xuân, nhà thơ Thanh Hải đã có cái nhìn sâu sắc và tự hào về lịch sử bốn nghìn năm dân tộc:

*“Đất nước bốn ngàn năm Vất vả và gian lao*

*Đất nước như vì sao Cứ đi lên phía trước”*

+ Với nghệ thuật nhân hóa, Tổ quốc như một người mẹ tần tảo, vất vả và gian lao, đã làm nổi bật sự trường tồn của đất nước. Để có được sự trường tồn ấy, giang sơn gấm vóc này đã thấm bao máu, mồ hôi và cả nước mắt của các thế hệ, của những tháng năm đằng đẵng lúc hưng thịnh, lúc thăng trầm. Nhưng dù trở lực có mạnh đến đâu cũng không khuất phục được dân tộc Việt Nam:

*“Sống vững chãi bốn nghìn năm sừng sững*

*Lưng đeo gươm tay mềm mại bút hoa”.* ( Huy Cận)

+ Đặc biệt, phép tu từ so sánh được nhà thơ sử dụng vô cùng đặc sắc, làm ý thơ hàm súc

–“Đất nước như vì sao/Cứ đi lên phía trước”. Sao là nguồn sáng bất diệt của thiên hà, là vẻ đẹp lung linh của bầu trời đêm, là hiện thân của sự vĩnh hằng trong vũ trụ. So sánh như thế, là tác giả đã ngợi ca đất nước trường tồn, tráng lệ, đất nước đang hướng về một tương lai tươi sáng. Điệp ngữ “đất nước” được nhắc lại hai lần thể hiện sâu sắc ý thơ: trải qua những gian truân, vất vả, đất nước vẫn toả sáng đi lên không gì có thể ngăn cản được.

# => Ta cảm nhận được niềm tin tưởng của tác giả vào tương lai rạng ngời của dân tộc Việt Nam. Âm thanh mùa xuân đất nước vang lên từ chính cuộc sống vất vả, gian lao mà tươi thắm đến vô ngần.

* 1. **Lời ước nguyện chân thành, tha thiết của nhà thơ.**
* Từ những cảm xúc về mùa xuân, tác giả đã chuyển mạch thơ một cách tự nhiên sang bày tỏ những suy ngẫm và tâm niệm của mình về lẽ sống, về ý nghĩa giá trị của cuộc đời mỗi con người:

*“ Ta làm con chim hót*

*Ta làm một cành hoa*

*Ta nhập vào hoà ca*

*Một nốt trầm xao xuyến”.*

+ Để bày tỏ lẽ sống của mình, ngay từ những câu thơ mở đầu đoạn, Thanh Hải đã đem đến cho người đọc cái giai điệu ngọt ngào, êm ái của những thanh bằng liên tiếp “ta”- “hoa”-“ca”.

+ Điệp từ “ta” được lặp đi lặp lại thể hiện một ước nguyện chân thành, thiết tha.

+ Động từ “làm”- “nhập” ở vai trò vị ngữ biểu lộ sự hoá thân đến diệu kỳ - hoá thân để sống đẹp, sống có ích.

+ Nhà thơ đã lựa chọn những hình ảnh đẹp của thiên nhiên, của cuộc sống để bày tỏ ước nguyện: *con chim, một cành hoa, một nốt trầm*. Còn gì đẹp hơn khi làm một cành hoa đem sắc hương tô điểm cho mùa xuân đất mẹ!Còn gì vui hơn khi được làm con chim nhỏ cất tiếng hót rộn rã làm vui cho đời!

+ Các hình ảnh bông hoa, tiếng chim đã xuất hiện trong cảm xúc của thi nhân về mùa xuân thiên nhiên tươi đẹp, giờ lại được sử dụng để thể hiện lẽ sống của mình. Một ý nghĩa mới đã mở ra, đó là mong muốn được sống có ích, sống làm đẹp cho đời là lẽ thường tình.

+ Cái “tôi”của thi nhân trong phần đầu bài thơ giờ chuyển hoá thành cái “ta”. Có cả cái riêng và chung trong cái “ta” ấy. Với cách sử dụng đại từ này, nhà thơ đã khẳng định giữa cá nhân và cộng đồng, giữa cái riêng và cái chung.

+ Hình ảnh “nốt trầm”và lặp lại số từ “một” tác giả cho thấy ước muốn tha thiết, chân thành của mình. Không ồn ào, cao giọng, nhà thơ chỉ muốn làm “một nốt trầm” nhưng phải là“một nốt trầm xao xuyến” để góp vào bản hoà ca chung. Nghĩa là nhà thơ muốn đem phần nhỏ bé của riêng mình để góp vào công cuộc đổi mới và đi lên của đất nước.

# -> Đọc đoạn thơ, ta xúc động trước ước nguyện của nhà thơ xứ Huế và cũng là ước nguyện của nhiều người.

* Lẽ sống của Thanh Hải còn được thể hiện trong những vần thơ sâu lắng:

*“ Một mùa xuân nhỏ*

*Lặng lẽ dâng cho đời*

*Dù là tuổi hai mươi*

*Dù là khi tóc bạc.”*

+ Cách sử dụng ngôn từ của nhà thơ Thanh Hải rất chính xác,tinh tế và gợi cảm. Làm cành hoa,làm con chim,làm nốt trầm và làm một mùa xuân nho nhỏ để lặng lẽ dâng hiến cho cuộc đời.

+ “Mùa xuân nho nhỏ” là một ẩn dụ đầy sáng tạo, biểu lộ một cuộc đời đáng yêu, một khát vọng sống cao đẹp.Mỗi người hãy làm một mùa xuân, hãy đem tất cả những gì tốt đẹp, tinh tuý của mình, dẫu có nhỏ bé để góp vào làm đẹp cho mùa xuân đất nước.

+ Cặp từ láy “nho nhỏ”, “lặng lẽ” cho thấy một thái độ chân thành, khiêm nhường, lấy tình thương làm chuẩn mực cho lẽ sống đẹp, sống để cống hiến đem tài năng phục vụ đất nước, phục vụ nhân dân.

-> Không khoe khoang, cao điệu mà chỉ lặng lẽ âm thầm dâng hiến.Ý thơ thể hiện một ước nguyện, một khát vọng, một mục đích sống.Biết lặng lẽ dâng đời,biết sống vì mọi người cũng là cách sống mà nhà thơ Tố Hữu đã viết:

*“Nếu là con chim chiếc lá*

*Thì con chim phải hót,*

*chiếc là phải xanh,*

*Lẽ nào vay mà không trả*

*Sống là cho, đâu chỉ nhận riêng mình”.*

Nhớ khi xưa, Ức Trai tiên sinh đã từng tâm niệm:

*“Bui một tấc lòng trung lẫn hiếu*

*Mài chăng khuyết,nhuộm chăng đen”.*

Còn bây giờ, Thanh Hải – nhà thơ xứ Huế trước khi về với thế giới “người hiền” cũng đã ước nguyện: “Lặng lẽ dâng cho đời/Dù là tuổi hai mươi/Dù là khi tóc bạc”.Lời ước nguyện thật thuỷ chung, son sắt. Sử dụng điệp ngữ “dù là” nhắc lại hai lần như tiếng lòng tự dặn mình đinh ninh: dẫu có ở giai đoạn nào của cuộc đời, tuổi hai mươi tràn đầy sức trẻ, hay khi đã già,bệnh tật thì vẫn phải sống có ích cho đời, sống làm đẹp cho đất nước.

# -> Đây là một vấn đề nhân sinh quan nhưng đã được chuyển tải bằng những hình ảnh thơ sáng đẹp, bằng giọng thơ nhẹ nhàng, thủ thỉ, thiết tha. Vì vậy, mà sức lan tỏa của nó thật lớn.

**=> Như trên đã nói, bài thơ được viết vào thời gian cuối đời,trước khi nhà thơ đi vào cõi vĩnh hằng, nhưng trong bài thơ không hề gợi chút băn khoăn về bệnh tật, về những suy nghĩ riêng tư cho bản thân. Chỉ “lặng lẽ”mà cháy bỏng một nỗi khát khao được dâng những gì đẹp đẽ nhất của cuộc đời mình cho đất nước. Đây không phải là câu khẩu hiệu của một thanh niên vào đời mà là lời tâm niệm của một con người đã từng trải qua hai cuộc chiến tranh, đã cống hiến trọn vẹn cuộc đời và sự nghiệp của mình cho cách mạng. Điều đó càng làm tăng thêm giá trị tư tưởng của bài thơ.**

* 1. **Lời ngợi ca quê hương, đất nước qua điệu dân ca xứ Huế.**
* Bài thơ kết thúc bằng sự trở về với những cảm xúc thiết tha, tự hào về quê hương, đất nước qua điệu dân ca xứ Huế.

*Mùa xuân – ta xin hát Câu Nam ai, Nam bình Nước non ngàn dặm mình Nước non ngàn dặm tình Nhịp phách tiền đất Huế.*

+ Tác giả có nhắc đến những khúc dân ca xứ Huế “Nam ai”, “Nam bình”, có giai điệu buồn thương nhưng vô cùng tha thiết.

+ Và qua những khúc “Nam ai”, “Nam bình” này thì nhà thơ đã bộc lộ tình yêu tha thiết của mình đối với quê hương, đất nước; thể hiện niềm tin yêu vào cuộc đời, vào đất nước với những giá trị truyền thống vững bền.

# Đánh giá về nghệ thuật:

Bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” được viết theo thể thơ năm chữ,với câu trúc gồm bảy khổ thơ, mỗi khổ từ bốn đến sáu câu.Những hình ảnh ẩn dụ sáng tạo, biện pháp nhân hoá, điệp ngữ và những từ ngữ tượng hình được sử dụng thành công đã tạo nên nét đặc sắc cho bài thơ. Qua đó, ta có thể cảm nhận được cái thi vị trong hồn thơ Thanh Hải.

# Kết bài:

Tình yêu thiên nhiên, sự xúc động trước vẻ đẹp của mùa xuân thiên nhiên, mùa xuân cách mạng và khát vọng cống hiến cho đất nước đã được Thanh Hải gợi lên qua bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ”.Tuy là tác phẩm được viết không lâu trước khi nhà thơ qua đời, nhưng bài thơ vẫn để lại trong lòng bao thế hệ bạn đọc những cảm xúc sâu lắng, khó phai mờ.Và, bài thơ vẫn sẽ tiếp tục trường tồn cùng với những bước đi lên của đất nước, gợi nhắc cho những thế hệ trẻ một cách sống đẹp, góp một “mùa xuân nho nhỏ” của mình vào mùa xuân lớn của dân tộc, để đất nước ta mãi mãi tươi đẹp như mùa xuân.Thế mới biết, cuộc đời của con người thì có hạn, nhưng những giá trị tinh thần mà con người để lại cho đời sau thì có giá trị vĩnh hằng.

|  |
| --- |
| **Đề bài: Vẻ đẹp của mùa xuân trong đoạn thơ sau:**  ***Mọc giữa dòng sông xanh Một bông hoa tím biếc***  ***Ơi con chim chiền chiện Hót chi mà vang trời Từng giọt long lanh rơi Tôi đưa tay tôi hứng.***  ***Mùa xuân người cầm súng Lộc giắt đầy quanh lưng Mùa xuân người ra đồng Lộc trải dài nương mạ***  ***Tất cả như hối hả***  ***Tất cả như xôn xao…***  **( *Mùa xuân nho nhỏ*,Thanh Hải)** |

1. **Mở bài:**

* Mùa xuân là mùa của thiên nhiên thắm tươi, của vạn vật sinh sôi nảy nở. Văn học Việt Nam đã từng không có ít những vần thơ thể hiện cảm xúc rạo rực, trẻ trung trước mùa xuân. Đó là “Mùa xuân chín” của Hàn Mặc Tử, “Mùa xuân xanh” của Nguyễn Bính, “Chiều xuân” của Anh Thơ,… và Thanh Hải – nhà thơ xứ Huế cũng góp vào đó “Một mùa xuân nho nhỏ”. Ra đời vào tháng 11 năm 1980, không bao lâu trước khi nhà thơ qua đời, bài thơ thể hiện niềm yêu mến thiết tha cuộc sống, đất nước và ước nguyện dâng hiến của tác giả.Để lại nhiều ấn tượng nhất trong lòng người đọc là cảm xúc của thi nhân về mùa xuân thiên nhiên, mùa xuân đất nước.

# Thân bài:

* 1. **Khái quát (Dẫn dắt vào bài):**
* Ở vị trí phần đầu của thi phẩm, đoạn thơ là những dòng cảm xúc hồn nhiên, trong trẻo, đắm say của tác giả trước vẻ đẹp mùa xuân –mùa xuân thiên nhiên xứ Huế và mùa xuân đất nước, mùa xuân Cách mạng. Nếu mùa xuân của đất trời mang vẻ đẹp tươi trẻ, tràn trề sức sống thì mùa xuân đất nước lại đẹp một cách sôi nổi, hào hùng.

# Mùa xuân thiên nhiên xứ Huế:

* Với nét bút khoáng đạt, bức tranh mùa xuân thiên nhiên được nhà thơ phác họa bằng hình ảnh tự nhiên, bình dị và gợi cảm:

*Mọc giữa dòng sông xanh*

*Một bông hoa tím biếc”.*

Xứ Huế vào xuân với “dòng sông xanh”, với “bông hoa tím”. Sắc xanh hiền hòa của sông điểm xuyết nét chấm phá của bông hoa tím biếc gợi một sắc xuân tươi tắn, rực rỡ mà vẫn rất mực bình dị, dân dã mang đậm chất Huế mộng mơ. Động từ “mọc” được đảo lên đầu câu thơ gợi ấn tượng đậm nét về vẻ đẹp duyên dáng, và sức sống mạnh mẽ của bông hoa mùa xuân. Đó có thể là bông hoa lục bình, cũng có thể là bông trang, bông súng, với sắc tím biếc như đang vươn lên, đang trỗi dậy. Hoa tím biếc mọc nở trên dòng sông xanh – cái hài hòa của tự nhiên của màu sắc đem đến vẻ đẹp dịu nhẹ, thanh mát làm say đắm lòng người.

* Bức tranh mùa xuân xứ Huế không chỉ tươi tắn,sống động sắc màu mà còn rực rỡ âm thanh:

*Ơi con chim chiền chiện,*

*Hót chi mà vang trời”.*

Tiếng hót của chim chiền chiện mở ra một không gian cao vời, trong trẻo. Và cũng bởi tiếng chim lảnh lót đó vang lên làm xao động cả đất trời, làm xao xuyến cả tâm hồn thi sĩ nhạy cảm của nhà thơ. Với cảm thán từ“Ơi” và lời hỏi “hót chi?”, Thanh Hải đã đưa vào lời thơ giọng điệu ngọt ngào, dịu nhẹ, thân thương của người dân xứ Huế, diễn tả cảm xúc vui say đến ngỡ ngàng trước một mùa xuân tươi đẹp – một mùa xuân đậm chất quê hương và giàu chất thơ.

* Say sưa, ngây ngất trước vẻ đẹp giản dị mà nên thơ của mùa xuân, nhà thơ bỗng bồi hồi, xúc động:

*Từng giọt long lanh rơi*

*Tôi đưa tay tôi hứng”*

“Giọt long lanh” là giọt mùa xuân, giọt nắng vàng hay giọt sương sớm?Theo mạch cảm xúc của nhà thơ thì có lẽ đây là giọt âm thanh của tiếng chim ngân vang, đọng lại thành từng giọt niềm vui, rơi xuống cõi lòng rộng mở của thi sĩ, thấm vào tâm hồn đang rạo rực tình xuân. Phép ẩn dụ chuyển đổi cảm giác được sử dụng một cách tự nhiên, hợp lí.

Thanh Hải cảm nhận vẻ đẹp của mùa xuân bằng nhiều giác quan: thị giác, thính giác và cả xúc giác. Cử chỉ“Tôi đưa tay tôi hứng” thể hiện sự nâng niu, trân trọng của nhà thơ trước vẻ đẹp của mùa xuân với cảm xúc say sưa, lặng ngắm. Hình ảnh thơ lung linh, đa nghĩa, vừa là thơ, vừa là nhạc, là hoạ. Bức tranh mùa xuân được phác hoạ khi nhà thơ đang nằm trên giường bệnh khiến người đọc trân trọng hơn, yêu hơn một tâm hồn nghệ sĩ, một tình yêu quê hương, đất nước.

# Mùa xuân đất nước, mùa xuân Cách mạng:

* Từ mùa xuân thiên nhiên đất trời, nhà thơ cảm nhận về mùa xuân đất nước, mùa xuân Cách mạng. Tác giả hướng tình cảm tới những con người cụ thể - những con người làm nên lịch sử:

*Mùa xuân người cầm súng*

*Lộc giắt đầy trên lưng*

*Mùa xuân người ra đồng*

*Lộc trải dài nương mạ”.*

Các điệp ngữ “mùa xuân”,”lộc”,”người” như trải rộng khung cảnh hiện thực khi gắn với cuộc sống lao động, chiến đấu của nhân dân.Nhà thơ đã sáng tạo cặp hình ảnh sóng đôi đẹp như hai vế của câu đối mừng xuân để nói về hai lực lượng chủ yếu của cách mạng, hai nhiệm vụ chiến lược của đất nước. Đó là người chiến sĩ và người lao động – bảo vệ và xây dựng Tổ quốc, quê hương. Từ “lộc” được dùng với hai lớp nghĩa : tả thực chồi non, nhành biếc và ẩn dụ cho sức sống, thế vươn lên, sức phát triển mới, thành quả tốt đẹp là mùa xuân. “Lộc” trên cành lá ngụy trang theo bước chân người cầm súng ra trận,“lộc” trải dài trên những nương mạ theo bàn tay người ra đồng. Như thế, người chiến sĩ, người lao động đã đem mùa xuân, gieo mùa xuân đến mọi miền đất nước.Họ trở thành những con người làm ra mùa xuân, bảo vệ mùa xuân. Và họ đã làm nên cái giai điệu chính của bản hợp xướng mùa xuân, tạo nhịp điệu hối hả, hào hùng:

*Tất cả như hối hả*

*Tất cả như xôn xao”*

Nghệ thuật điệp ngữ “tất cả” cùng các từ láy “hối hả”, “xôn xao” làm nổi bật không khí khẩn trương, náo nức của đất nước trong những năm tháng gian lao, hào hùng. Cách ngắt nhịp 2/1/2 làm cho câu thơ vang lên một nhịp điệu tươi vui, mạnh mẽ. Đó là hành khúc mùa xuân của thời đại Hồ Chí Minh.

# Ý kiến đánh giá, bình luận:

* Mùa xuân là đề tài truyền thống trong thơ ca dân tộc. Thanh Hải đã góp vào đó một bài thơ xuân đẹp, đậm đà tình nghĩa. Thể thơ năm chữ, giọng thơ lúc mạnh mẽ, lúc thiết tha ngân vang, ngôn ngữ thơ trong sáng và biểu cảm, hàm súc và hình tượng, các phép tu từ được vận dụng sắc sảo và tài hoa. Tình yêu mùa xuân gắn liền với tình yêu quê hương, đất nước được nhà thơ diễn tả sâu sắc và cảm động trong đoạn thơ, bài thơ. Mỗi cuộc đời hãy là một mùa xuân, đất nước ta sẽ mãi mãi là những mùa xuân tươi đẹp.

# Kết bài:

* “Mùa xuân nho nhỏ” là khúc ca say mê về tình yêu thiên nhiên, tình yêu cuộc sống làm rung động trái tim người đọc bao thế hệ.Đến với bài thơ, đặc biệ t là đoạn thơ trên, ta không chỉ được chiêm ngưỡng vẻ đẹp của mùa xuân mà còn xúc động trước thế giới tâm hồn của thi nhân. Nhẹ nhàng mà sâu lắng, những vần thơ của Thanh Hải đã khơi gợi trong ta tình yêu thiên nhiên, tình yêu cuộc đời.

|  |
| --- |
| **Đề bài: Suy nghĩ về lẽ sống của nhà thơ Thanh Hải qua đoạn thơ sau:**  ***Ta làm con chim hót***  ***Ta làm một cành hoa Ta nhập vào hòa ca***  ***Một nốt trầm xao xuyến.***  ***Một mùa xuân nho nhỏ Lặng lẽ dâng cho đời***  ***Dù là tuổi hai mươi***  ***Dù là khi tóc bạc.***  ***(Mùa xuân nho nhỏ)*** |

1. **Mở bài:**

* Mùa xuân là nguồn cảm hứng của thi ca nhạc họa. Trong kho tàng thơ xuân dân tộc, ta đã từng biết đến “Mùa xuân chín” của Hàn Mạc Tử, “Mùa xuân xanh” của Nguyễn Bính, hay “Một chiều xuân” của Anh Thơ. Và giờ đây, ta lại biết thêm “Mùa xuân nho

nhỏ” của nhà thơ Thanh Hải.Ra đời vào tháng 11/1980, bài thơ là tiếng lòng của tác giả về mùa xuân thiên nhiên, mùa xuân đất nước và ước nguyện được sống có ích. Đặc biệt, là ước nguyện ấy, lẽ sống ấy được thể hiện chân thành, sâu sắc trong những vần thơ:

*“ Ta làm con chim hót*

*Ta làm một cành hoa*

*Ta nhập vào hòa ca*

*Một nốt trầm xao xuyến.*

*Một mùa xuân nho nhỏ*

*Lặng lẽ dâng cho đời*

*Dù là tuổi hai mươi*

*Dù là khi tóc bạc.”*

# Thân bài:

* 1. **Khái quát (Dẫn dắt vào bài):**
* Đọc bài thơ, ta cảm nhận được những cảm xúc hồn nhiên,trong trẻo của thi nhân trước vẻ đẹp của sức sống và mùa xuân thiên nhiên để rồi từ đó, cảm xúc được mở rộng ra với hình ảnh mùa xuân đất nước, mùa xuân cách mạng cùng những suy ngẫm, tâm niệm về lẽ sống, về ý nghĩa giá trị của cuộc đời mỗi con người. Đó là ước nguyện, là khát vọng cống hiến cho cuộc đời, cho Tổ quốc, quê hương.

# Phân tích:

* Để bày tỏ lẽ sống của mình, ngay từ những câu thơ mở đầu của đoạn, Thanh Hải đã đem đến cho người đọc cái giai điệu ngọt ngào, êm ái của những thanh bằng liên tiếp “ta”-“hoa”-“ca”. Điệp từ “ta”được điệp lại 3 lần thể hiện một ước nguyện chân thành, thiết tha:

*“ Ta làm con chim hót*

*Ta làm một cành hoa*

*Ta nhập vào hòa ca*

*Một nốt trầm xao xuyến.”*

Động từ“làm”- “nhập” ở vai trò vị ngữ biểu lộ sự hoá thân đến diệu kỳ - hoá thân để sống đẹp, sống có ích. Nhà thơ đã lựa chọn những hình ảnh đẹp của thiên nhiên,của cuộc sống để bày tỏ ước nguyện: con chim, một cành hoa,một nốt trầm. Còn gì đẹp hơn khi làm một cành hoa đem sắc hương tô điểm cho mùa xuân đất mẹ!Còn gì vui hơn khi được làm con chim nhỏ cất tiếng hót rộn rã làm vui cho đời!Các hình ảnh bông hoa, tiếng chim đã xuất hiện trong cảm xúc của thi nhân về mùa xuân thiên nhiên tươi đẹp, giờ lại được sử dụng để thể hiện lẽ sống của mình.Một ý nghĩa mới đã mở ra, đó là mong muốn được sống có ích, sống làm đẹp cho đời là lẽ thường tình. Cái “tôi” của thi nhân trong phần đầu bài thơ giờ chuyển hoá thành cái “ta”. Có cả cái riêng và chung trong cái “ta” ấy.Với cách sử dụng đại từ này, nhà thơ đã khẳng định giữa cá nhân và cộng đồng,giữa cái riêng và cái chung.Hình ảnh “nốt trầm” và lặp lại số từ “một” tác giả cho thấy ước muốn tha thiết, chân thành của mình. Không ồn ào, cao giọng, nhà thơ chỉ muốn làm “một nốt trầm” nhưng phải là“một nốt trầm xao xuyến” để góp vào bản hoà ca chung. Nghĩa là nhà thơ muốn đem phần nhỏ bé của riêng mình để góp vào công cuộc đổi mới và đi lên của đất nước. Đọc đoạn thơ, ta xúc động trước ước nguyện của nhà thơ xứ Huế và cũng là ước nguyện của nhiều người.

* Lẽ sống của Thanh Hải còn được thể hiện trong những vần thơ sâu lắng:

*“ Một mùa xuân nhỏ Lặng lẽ dâng cho đời Dù là tuổi hai mươi Dù là khi tóc bạc.”*

Cách sử dụng ngôn từ của nhà thơ Thanh Hải rất chính xác,tinh tế và gợi cảm. Làm cành hoa,làm con chim,làm nốt trầm và làm một mùa xuân nho nhỏ để lặng lẽ dâng hiến cho cuộc đời. “Mùa xuân nho nhỏ” là một ẩn dụ đầy sáng tạo, biểu lộ một cuộc đời đáng yêu, một khát vọng sống cao đẹp.Mỗi người hãy làm một mùa xuân, hãy đem tất cả những gì tốt đẹp, tinh tuý của mình, dẫu có nhỏ bé để góp vào làm đẹp cho mùa xuân đất nước.

Cặp từ láy “nho nhỏ”, “lặng lẽ” cho thấy một thái độ chân thành,khiêm nhường, lấy tình thương làm chuẩn mực cho lẽ sống đẹp, sống để cống hiến đem tài năng phục vụ đất nước, phục vụ nhân dân. Không khoe khoang, cao điệu mà chỉ lặng lẽ âm thầm dâng hiến.Ý thơ thể hiện một ước nguyện, một khát vọng, một mục đích sống.Biết lặng lẽ dâng đời, biết sống vì mọi người cũng là cách sống mà nhà thơ Tố Hữu đã viết:

*“Nếu là con chim chiếc lá*

*Thì con chim phải hót, chiếc là phải xanh,*

*Lẽ nào vay mà không trả*

*Sống là cho, đâu chỉ nhận riêng mình”.*

Nhớ khi xưa, Ức Trai tiên sinh đã từng tâm niệm:

*“Bui một tấc lòng trung lẫn hiếu*

*Mài chăng khuyết,nhuộm chăng đen”.*

Còn bây giờ,Thanh Hải – nhà thơ xứ Huế trước khi về với thế giới “người hiền” cũng đã ước nguyện: “Lặng lẽ dâng cho đời/Dù là tuổi hai mươi/Dù là khi tóc bạc”.Lời ước nguyện thật thuỷ chung, son sắt. Sử dụng điệp ngữ “dù là” nhắc lại hai lần như tiếng lòng tự dặn mình đinh ninh: dẫu có ở giai đoạn nào của cuộc đời, tuổi hai mươi tràn đầy sức trẻ, hay khi đã già, bệnh tật thì vẫn phải sống có ích cho đời, sống làm đẹp cho đất

nước. Đây là một vấn đề nhân sinh quan nhưng đã được chuyển tải bằng những hình ảnh thơ sáng đẹp, bằng giọng thơ nhẹ nhàng, thủ thỉ,thiết tha. Vì vậy, mà sức lan tỏa của nó thật lớn!

* Bài thơ được viết vào thời gian cuối đời,trước khi nhà thơ đi vào cõi vĩnh hằng, nhưng trong bài thơ, cũng như đoạn thơ không hề có chút băn khoăn về bệnh tật, về những suy nghĩ riêng tư cho bản thân. Chỉ “lặng lẽ” mà cháy bỏng một nỗi khát khao được dâng những gì đẹp đẽ nhất của cuộc đời mình cho đất nước. Đây không phải là câu khẩu hiệu của một thanh niên vào đời, mà là lời tâm niệm của một con người đã từng trải qua hai cuộc chiến tranh, đã cống hiến trọn vẹn cuộc đời và sự nghiệp của mình cho Cách mạng.

**3. Ý kiến đánh giá, bình luận:**

* Đoạn thơ cũng như bài thơ đã sử dụng rất thành công thể thơ năm chữ với nhịp điệu và giọng điệu biến đổi linh hoạt theo mạch cảm xúc. Ngoài ra, đoạn thơ còn rất thành công trong việc sử dụng hình ảnh thơ. Đó là sự kết hợp giữa những hình ảnh cụ thể trong thiên nhiên với những hình ảnh mang ý nghĩa biểu trưng ( “con chim” –“cành hoa”; “mùa xuân nho nhỏ”….)

# Kết bài:

* Có thể nói, những vần thơ trong trẻo , khơi đậm triết lí trong hai khổ thơ trên cũng như trong cả bài thơ“Mùa xuân nho nhỏ” là lời tâm sự, giãi bày của thi nhân bộc lộ đầy đủ tình yêu cuộc đời, yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước. Đọc đoạn thơ, ta hiểu được, thêm yêu và trận trọng hơn lẽ sống mà tác giả để lại, và tự nhủ hãy sống đẹp như nhà thơ đã sống.

# Bài tập vận dụng:

**Bài tập 1:**

1. Một bạn học sinh đã giới thiệu Thanh Hải và bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” bằng đoạn văn sau. Hãy nhận xét và sửa lại các lỗi về kiến thức,từ và câu mà bạn mắc phải (chú ý giữa nguyên ý và hạn chế thêm bớt từ).

*Thanh Hải(1930-1980)tên khai sinh là Phan Bá Ngoan. Ông quê ở huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên –Huế. Thanh Hải hoạt động văn nghệ từ thời kháng chiến chống Pháp. Trong thời kì chống Mĩ cứu nước là một trong những cây bút có công xây dựng nền văn học cách mạng ở miền Nam từ những ngày đầu. Bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” được viết tháng 11 năm 1978 trước khi nhà thơ qua đời. Tác phẩm đã thể hiện niềm yêu tha thiết cuộc sống và ước nguyện chân thành được cống hiến cho đất nước của nhà văn.*

1. Nhà thơ Thanh Hải đặt tên cho bài thơ của mình là “Mùa xuân nho nhỏ”. Nhan đề đó có gì đặc biệt và gợi cho em suy nghĩ gì?

3.

* 1. Hãy chép lại đoạn thơ có 8 câu thể hiện rõ ý nghĩa hình ảnh “mùa xuân nho nhỏ” trong bài thơ cùng tên của Thanh Hải.
  2. Viết đoạn văn khoảng 10 câu theo cách lập luận tổng – phân– hợp để làm rõ lẽ sống cao đẹp của con người trong các câu thơ đã chép ở mục a.

# => Gợi ý:

* + 1. Đoạn văn sau khi đã chữa: Thanh Hải(1930-1980) tên khai sinh là Phạm Bá Ngoãn. Ông quê ở huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên –Huế. Thanh Hải hoạt động văn nghệ từ thời kháng chiến chống Pháp. Trong thời kì chống Mĩ cứu nước ông là một trong những cây bút có công xây dựng nền văn học cách mạng ở miền Nam từ những ngày đầu. Bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” được viết tháng 11 năm 1980, trước khi nhà thơ qua đời. Tác phẩm đã thể hiện niềm yêu tha thiết cuộc sống và ước nguyện chân thành được cống hiến cho đất nước của nhà thơ.
    2. Nhà thơ Thanh Hải đặt tên cho bài thơ của mình là “Mùa xuân nho nhỏ”. Nhan đề đó đặc biệt ở chỗ: mùa xuân là một khái niệm trừu tượng,lại được đặt cạnh tính từ “nho nhỏ”.

Đây chính là sáng tạo của nhà thơ, dù trước đó đã có những bài thơ mang tên mùa xuân như “Mùa xuân chín”, “Mùa xuân xanh”…

Tên bài thơ thể hiện chủ đề tác phẩm: ước nguyện làm một mùa xuân, sống đẹp, làm mùa xuân nho nhỏ góp phần vào mùa xuân lớn của dân tộc.

3.

1. Đoạn thơ 8 câu thể hiện ý nghĩa hình ảnh “mùa xuân nho nhỏ” trong bài thơ:

*Ta làm con chim hót Ta làm một cành hoa Ta nhập vào hòa ca*

*Một nốt trầm xao xuyến.*

*Một mùa xuân nho nhỏ Lặng lẽ dâng cho đời Dù là tuổi hai mươi Dù là khi tóc bạc.*

1. Viết đoạn văn:

* Trước xúc về mùa xuân thiên nhiên, mùa xuân đất nước, nhà thơ ước nguyện được hòa nhập, được dâng hiến cho cuộc đời chung:

+ Điệp từ “ta” cùng những hình ảnh đẹp của thiên nhiên và các động từ “làm”,”nhập” ở vai trò vị ngữ thể hiện ước muốn chân thành và tha thiết. Đó là ước nguyện làm “con chim hót”giữa muôn ngàn tiếng chim;làm “một cành hoa” giữa vườn xuân rực rỡ;

làm “một nốt trầm” giữa bản hòa tấu muôn điệu; làm “một mùa xuân nho nhỏ” để góp thêm hương sắc cho mùa xuân dân tộc lớn lao.

+ “Mùa xuân nho nhỏ”là một hình ảnh ấn dụ đầy sáng tạo, thể hiện khát vọng được hòa nhập vào cuộc đời chung, được cống hiến phần tốt đẹp –dù nhỏ bé – của mình cho đất nước. Đây là lẽ sống đẹp, một quan niệm nhân sinh chân chính.

+ Cặp từ láy “nho nhỏ”, “lặng lẽ” cùng số từ “một” thể hiện rõ đức khiêm nhường trong ước nguyện của nhà thơ.

+ Điệp ngữ “dù là” cùng hình ảnh hoán dụ như là lời khẳng định, lời nhắc nhở dẫu có ở giai đoạn nào của cuộc đời – tuổi hai mươi tràn đầy sức trẻ, hay khi về già, mái tóc đã nhuộm sương thì vẫn phải sống có ích, sống làm đẹp cho đất nước.

+ Đại từ “tôi” ở khổ thơ đầu đã chuyển hóa tự nhiên thành“ta” trong ước nguyện khẳng định mối quan hệ riêng – chung, giữa cá nhân và cộng đồng. Điều đó cho thấy, sống có ích, sống có cống hiến không chỉ là khát vọng của một người mà là của nhiều người.

=> Với điệp từ, điệp ngữ, điệp cấu trúc câu, ý thơ liền mạch, sôi nổi, trẻ trung, đoạn thơ diễn tả tình cảm, khát vọng dâng trào mãnh liệt. Đây không chỉ là lời tự dặn mình, lời tâm niệm chân thành, mà còn như một sự tổng kết, đánh giá, của nhà thơ về cuộc đời mình – cuộc đời của một con người đã từng trải qua hai cuộc chiến tranh, đã cống hiến trọn vẹn cuộc đời và sự nghiệp cho cách mạng.

# Bài tập 2:

*Bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” tiếng lòng tha thiết, tình yêu đối với đất nước, cuộc đời, thể hiện khao khát chân thành của nhà thơ. Nhà thơ muốn góp “một mùa xuân nho nhỏ” của mình vào mùa xuân lớn của cuộc đời, của dân tộc. Bài thơ theo thể năm tiếng, nhạc điệu*

*trong sáng, gần gũi với dân ca. Những hình ảnh đẹp, giản dị, những so sánh và ẩn dụ sáng tạo đã góp phần diễn tả ước nguyện khiêm nhường mà vô cùng thiêng liêng, cao đẹp của nhà thơ.*

1.

1. Chép lại đoạn văn trên sau khi chữa hết lỗi về ngữ pháp và thay hai trong ba từ “nhà thơ” ở đoạn văn bằng những từ ngữ khác để tránh lặp từ.
2. Việc thay thế từ như vậy đã làm thay đổi phép liên kết câu như thế nào?

2. Khổ thơ đầu và khổ thơ thứ tư của bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ”(Thanh Hải) có những hình ảnh thơ được lặp đi lặp lại. Đó là những hình ảnh nào? Bằng một đoạn văn ngắn, hãy trình bày ý nghĩa sự trở lại của những hình ảnh đó.

# => Gợi ý:

1.

1. Đoạn văn sau khi chữa hết lỗi:

Bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” là tiếng lòng tha thiết,là tình yêu đối với đất nước, cuộc đời, thể hiện khao khát chân thành của Thanh Hải. Nhà thơ muốn góp “một mùa xuân nho nhỏ” của mình vào mùa xuân lớn của cuộc đời, của dân tộc. Bài thơ theo thể năm tiếng, nhạc điệu trong sáng, gần gũi với dân ca. Những hình ảnh đẹp, giản dị,những so sánh và ẩn dụ sáng tạo đã góp phần diễn tả ước nguyện khiêm nhường mà vô cùng thiêng liêng, cao đẹp của tác giả.

1. Việc thay thế từ như vậy làm cho các câu trong đoạn được mạch lạc, mà không mắc lỗi lặp.

2. Các từ lặp lại ở hai khổ thơ là: hoa, con chim. Sự lặp lại của các hình ảnh đó tạo sự đối ứng chặt chẽ và làm cho các hình ảnh mang ý nghĩa vừa mới mẻ vừa sâu sắc: ước muốn cống hiến là lẽ tự nhiên của con người sống có mục đích đúng đắn.

# Bài tập 3:

Trong bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ”, Thanh Hải nguyện làm một con chim, một cành hoa và một nốt nhạc trầm để kết thành:

*Một mùa xuân nho nhỏ Lặng lẽ dâng cho đời Dù là tuổi hai mươi Dù là khi tóc bạc.”*

(Trích Ngữ văn 9, tập hai – NXB Giáo dục, 2012)

1. Nhan đề “Mùa xuân nho nhỏ” được cấu tạo bởi những từ loại nào? Việc kết hợp các từ loại ấy có tác dụng gì?
2. Nốt nhạc trầm trong bài thơ có nét riêng gì? Điều đó góp phần thể hiện ước nguyện nào của tác giả?
3. Dựa vào khổ thơ trên, hãy viết một đoạn văn nghị luận khoảng 12 câu theo cách lập luận tổng hợp - phân tích - tổng hợp làm rõ tâm niệm của nhà thơ, trong đó có sử dụng câu bị động và phép thế (gạch dưới câu bị động và những từ ngữ dùng làm phép thế).

# => Gợi ý:

1.

* Cấu tạo của nhan đề: một danh từ (“mùa xuân”) kết hợp với một tính từ (“nho nhỏ”)
* Tác dụng: làm cho hình ảnh mùa xuân trở nên có hình khối, hiện hữu. 2.
* Nét riêng của nốt nhạc trầm: là nốt thấp nhưng khi “nhập vào hòa ca” phải làm lòng người xúc động, ám ảnh (“xao xuyến”)
* Ước nguyện của tác giả: dâng hiến, hòa nhập vào mùa xuân lớn của đất nước.

# 3. Đoạn văn mẫu

Trong bài “Mùa xuân nho nhỏ”, lời tâm niệm cũng như lẽ sống cao đẹp của Thanh Hải đã được thể hiện thật sâu sắc và cảm động qua đoạn thơ: (1)

*Một mùa xuân nho nhỏ Lặng lẽ dâng cho đời Dù là tuổi hai mươi Dù là khi tóc bạc.*

Ở đây, hình ảnh “mùa xuân nho nhỏ” đã lặp lại tựa đề của bài thơ (2). Và phải chăng, chủ đề của tác phẩm được nhấn mạnh, lưu giữ?(3). Ta bỗng thấy thú vị bởi cách diễn đạt rất độc đáo, tinh tế của nhà thơ Thanh Hải(4). “Mùa xuân nho nhỏ” là một ẩn dụ đầy sáng tạo, biểu lộ một cuộc đời đáng yêu, một khát vọng sống cao đẹp(5). Tác giả đã khéo léo khẳng định: mỗi người hãy làm một mùa xuân – hãy đem tất cả những gì tốt đẹp, tinh túy

– dù nhỏ bé – của mình cho đất nước, cho mùa xuân dân tộc lớn lao(6). Cặp từ láy “nho nhỏ”, “lặng lẽ” cho thấy một thái độ chân thành, khiêm tốn nhưng vô cùng mãnh liệt(7). Đó là lấy tình thương làm chuẩn mực cho lẽ sống đẹp, sống để cống hiến, đem hết tài năng phục vụ đất nước, phục vụ nhân dân(8). Không khoe khoang, không cao điệu mà chỉ âm thầm “Lặng lẽ dâng cho đời” – ý thơ thể hiện một ước nguyện, một khát vọng, một mục đích sống(9). Điệp ngữ “dù là” được nhà thơ nhắc lại hai lần kết hợp với hình

ảnh hoán dụ “tuổi hai mươi”,”khi tóc bạc” như tiếng lòng tự dặn mình đinh ninh(10). Dẫu có ở giai đoạn nào của cuộc đời, tuổi hai mươi tràn đầy sức trẻ, hay khi già yếu thì vẫn phải sống có ích, sống làm đẹp cho đất nước(11). Có thể nói, bằng những hình ảnh thơ sáng đẹp, giọng điệu nhẹ nhàng, thủ thỉ, thiết tha, Thanh Hải – nhà thơ cách mạng đã để lại trong lòng mỗi người đọc chúng ta một quan niệm nhân sinh chân chính, một lẽ sống cao đẹp(12).

\*Phép thế: “bài thơ” – “tác phẩm” ; “nhà thơ Thanh Hải” – “tác giả”.

\*Câu bị động: “Điệp ngữ “dù là” được nhà thơ nhắc lại hai lần kết hợp với hình ảnh hoán dụ “tuổi hai mươi”,”khi tóc bạc” như tiếng lòng tự dặn mình đinh ninh”.

**CHUYÊN ĐỀ 15:**

**VIẾNG LĂNG BÁC**

**Viễn Phương**

**I. Tìm hiểu bài thơ**

*1. Khổ thơ 1*

Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác.

- Câu thơ như một lời tâm sự, từ ngữ dung dị, tự nhiên, cách xưng hô thân mật, gần gũi, giọng điệu cảm xúc(như người con về thăm cha).

- Từ “con” thân thương vốn là cách xưng hô thông thường của đồng bào miền Nam. Cách xưng hô ấy với Bác càng không phải là mới lạ.

- Người không con mà có triệu con.

- Bác kêu con đến bên bàn

- Nhưng ở đây, từ “con” mang chất giọng ngọt ngào của người dân Nam Bộ, thái độ thành kính, gợi lên cảm xúc mãnh liệt. Ở nơi xa xôi cách trở ngàn trùng, những người con từ chiến trường miền Nam (bao năm bom đạn chiến tranh) nay trở về thăm Bác như thầm gọi Bác, nói với Bác rằng:

“Bác ơi, con đã về thăm Bác đây, đồng bào miền Nam đã về thăm Bác đây”. Lúc sinh thời, một trong những tâm nguyện lớn nhất của bác là được thăm đồng bào miền Nam và đồng bào miền Nam được đón Bác “miền Nam luôn ở tron trái tim tôi”. Tố Hữu viết:

*Bác nhớ miền Nam nỗi nhớ nhà.*

*Miền Nam mong Bác nỗi mong cha.*

Ước nguyện đó chưa thành thì Bác mất. Bởi vậy người dân miền Nam ra thăm Bác chứ không phải viếng Bác.

- Từ “thăm” thay cho từ “viếng”: kìm nén đau thương nói tránh - khẳng định Bác còn sống mãi.

- Ấn tượng đầu tiên sâu sắc về hình ảnh hàng tre quanh lăng Bác vừa thực vừa tượng trưng.

Hàng tre:

+ Bát ngát, thẳng hàng (tả thực)

+ Xanh xanh Việt Nam (tượng trưng)

- Xung quanh lăng Bác trồng nhiều tre và trúc. Tre cũng là hình ảnh quen thuộc là biểu tượng của nhân dân Việt Nam.

Cây tre diệt giặc từ mấy ngàn năm trước trong truyền thuyết Thánh Gióng đến hình ảnh cây tre trong ca dao, trong văn Thép Mới: “Tre ăn ở với người đời đời kiếp kiếp”. Cây tre góp phần làm nên dáng đứng Việt Nam.

Hình ảnh hàng tre thể hiện lòng tôn kính, trang nghiêm. Dường như dân tộc Việt Nam quần tụ quanh Bác. “Hàng tre” như gợi tả đội quân danh dự bên người.

- Hình ảnh hàng tre vừa tượng trưng vừa thực, gợi tả được sự giản gị, gần gũi nhưng cũng rất thiêng liêng.

*2. Khổ thơ 2*

Ngày ngày mặt trời đi qua bên lăng

Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ.

- Hình ảnh ẩn dụ: Mặt trời ánh sáng của sự sống vĩ đại lớn lao. Bác được ví như mặt trời soi đường chỉ lối cho dân tộc Việt Nam quét mù sương của những năm dài nô lệ, mang lại cuộc sống ấm no cho nhân dân, cho dân tộc. Hình ảnh đó thể hiện lòng tôn kính và biết ơn, đồng thời gợi nên sự cao cả vĩ đại, lớn lao:

“Bác sống như trời đất của ta…”.

Ngày ngày mặt trời: Thời gian theo dòng liên tục.

Ngày ngày dòng người: đi trong không gian đặc biệt thương nhớ.

- Bằng điệp từ “ngày ngày”, nhà thơ đã đúc kết một sự thực cảm động diễn ra ngày này qua ngày khác. Biết bao dòng người với nỗi tiếc thương vô hạn cứ lặng lẽ lần lượt vào lăng viếng Bác.

- Câu thơ sâu lắng có âm điệu kéo dài như diễn tả dòng người vô tận, khái quát được thật sâu sắc tình cảm sâu nặng của nhà thơ với Bác Hồ.

- 79 mùa xuân, cũng là hình ảnh ẩn dụ (khi mất, Bác 79 tuổi).

*3. Khổ thơ 3*

Bên Bác, nhà thơ ở trong trạng thái cảm xúc say sưa ngây ngất, gần gũi, thân thương - niềm rung động sâu sắc khi lần đầu tiên đến bên Bác.

Vẫn biết trời xanh là mãi mãi

Mà sao nghe nhói ở trong tim

“Trời xanh” cũng là hình ảnh ẩn dụ, là biểu tượng bất diệt của Bác Hồ - Người đã ra đi nhưng lý tưởng sự nghiệp của Người vẫn còn mãi.

- Cụm từ “vẫn biết >< mà sao” dùng như một sự đối lập. Đó là sự mâu thuẫn giữa lý trí (biết rằng hình ảnh Bác vẫn còn sống mãi, cũng như lý tưởng cao quý của Người) và tình cảm (đau đớn, xót xa khi nhận thức được thực tại).

Những hình ảnh: mặt trời, vầng trăng, trời xanh là biểu tượng của thiên nhiên trường tồn, vĩnh cửu, bất diệt được ví với Bác. Bác như hoá thân vào non sông xứ sở, Bác trường tồn mãi mãi, vĩ đại, lớn lao ngang tầm trời đất.

*4. Khổ thơ 4*

*Mai về miền Nam thương trào nước mắt*

*Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác*.

- Nhịp thơ dàn trải, điệp từ “muốn làm” được lặp lại 3 lần gợi cảm xúc bâng khuâng, xốn xang, lưu luyến, không muốn rời xa Bác, như muốn hoá thân vào thiên nhiên xứ sở quanh lăng Bác để được gần Bác, dâng lên bác niềmtôn kính. Lời tâm nguyện chân thành tha thiết, thể hiện cảm xúc lưu luyến, trào dâng không muốn rời xa.

Hàng tre(khổ 1): Biểu tượng dân tộc Việt Nam kiên cường bất khuất.

Cây tre(khổ 4): Tấm lòng trung hiếu của tác giả, của đồng bào miền Nam đối với Bác, nhân dân miền Nam đối với Bác.

**III. Tổng kết**

* **Khái quát về tác giả, tác phẩm:**
* Viễn Phương là nhà thơ trưởng thành trong phong trào văn nghệ giải phóng ở miền Nam.
* Thơ ông thường nhỏ nhẹ, giàu tình cảm, giàu chất mộng mơ ngay trong hoàn cảnh khốc liệt của chiến trường.
* Bài thơ “Viếng lăng Bác” được viết năm 1976. Đây là thời điểm miền Nam vừa giải phóng, đất nước thống nhất, công trình lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng vừa được hoàn thành. Ước mong được ra Hà Nội, được viếng lăng Bác Hồ của đồng bào miền Nam đã có thể thực hiện. Nhà thơ Viễn Phương cũng là một trong số những đồng bào chiến sĩ từ miền Nam sau giải phóng được ra Hà Nội viếng lăng thiêng liêng ấy. Dù ra đời muộn, khi đã xuất hiện nhiều bài thơ được coi là đỉnh cao trong mảng sáng tác viết về đề tài lãnh tụ Hồ Chí Minh, nhưng “Viếng lăng Bác” vẫn được đánh giá là một trong những tác phẩm thành công xuất sắc và nhanh chóng chiếm được cảm tình của người đọc.
* **Nghệ thuật:**

Về nghệ thuật, bài thơ có giọng điệu vừa trang trọng, phù hợp với đề tài viết về lãnh tụ lại vừa tha thiết, sâu lắng, phù hợp với chủ đề tư tưởng của tác phẩm (cảm xúc khi được vào lăng viếng Bác). Giọng thơ cũng có sự thay đổi linh hoạt để diễn tả các cung bậc cảm xúc. Khi thì hồi hộp, náo nức(trên đường vào lăng viếng Bác); khi thì tự hào, thành kính (đứng trước lăng);khi thì nghẹn ngào đau xót (vào trong lăng); có lúc lại xúc động thiết tha(nghĩ tới cảnh chia xa). Để tạo nên giọng điệu ấy, tác giả đã dùng kết hợp nhiều yếu tố như thể thơ tự do (linh hoạt số chữ trong từng câu), gieo vần không cố định (có khi liền, có khi cách), nhịp thơ biến đổi (lúc nhanh lúc chậm, lúc dàn trải, lúc dồn dập)…

Ngoài ra, bài thơ còn sử dụng một hệ thống hình ảnh đặc sắc,kết hợp một cách hài hòa giữa những hình ảnh thực (hàng tre xanh quanh lăng,mặt trời đi qua trên lăng, dòng người vào lăng) với những hình ảnh có nghĩa ẩn dụ, tượng trưng mang tính khái quát ( mặt trời trong lăng, vòng hoa dâng bày mươi chín mùa xuân, vầng trăng, trời xanh). Chính hệ thống hình ảnh ấy đã góp phần phác họa thành công chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh.

|  |
| --- |
| **Đề bài: Cảm nhận bài thơ “Viếng lăng Bác” của Viễn Phương.** |

1. **Mở bài:**

Bác Hồ là tên gọi thân yêu vang âm trong trái tim bao người, là niềm tin, là sức mạnh, là phẩm giá của con người Việt Nam, một người bạn lớn đối với tâm hồn mỗi con người, đối với thiên nhiên tạo vật... Sự vĩ đại, vẻ đẹp của Bác, lòng kính yêu với Bác đã trở thành cảm hứng cho các các nghệ sĩ sáng tạo ra các tác phẩm nghệ thuật bất hủ. Đến sau trong đề tài thơ về Bác do điều kiện, hoàn cảnh: là người con miền Nam, cầm súng ở ngoài tiền tuyến...nhà thơ Viễn Phương đã để lại bài thơ "Viếng lăng Bác" độc đáo, có sức cảm hóa sâu sắc bởi tình đẹp, bởi lời hay.

1. **Thân bài:**

Bài thơ được viết vào tháng 4 năm 1976, một năm sau ngày giải phóng miền Nam, đất nước vừa được thống nhất. Đó cũng là khi lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa được khánh thành, đáp ứng nguyện vọng tha thiết của nhân dân cả nước là được đến viếng lăng Bác. Tác giả là một người con của miền Nam, suốt ba mươi năm hoạt động và chiến đấu ở chiến trường Nam Bộ xa xôi. Cũng như đồng bào và chiến sĩ miền Nam, nhà thơ mong mỏi được ra thăm Bác và chỉ đến lúc này, khi đất nước đã thống nhất, ông mới có thể thực hiện được ước nguyện ấy. Tình cảm đối với Bác trở thành nguồn cảm hứng để ông sáng tác bài thơ này.

**1. Cảm xúc của nhà thơ khi đến lăng Bác:** Cảm xúc của một người con đã đi từ một nơi rất xa cả về không gian và thời gian, giờ đây giờ phút được trở về bên Bác đã được diễn tả sâu sắc trong khổ thơ này:

* Nhà thơ kể: “Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác”. Câu thơ mở đầu như một lời thông báo ngắn gọn, lời lẽ giản dị nhưng chứa đựng trong nó biết bao điều sâu xa, Nhà thơ nói mình ở miền Nam, ở tuyến đầu của Tổ quốc, ở nơi máu đổ suốt mấy chục năm trời. Như vậy, không đơn giản là chuyên đi thăm công trình kiến trúc, không chỉ chiêm ngưỡng trước di hài một vĩ nhân mà đó là cây tìm về cội, lá tìm về cành, máu chảy về tim, sông trở về nguồn. Đó là cuộc trở về để báo công với Bác, để được Bác ôm vào lòng và ngợi khen.
* Nhà thơ xưng “con” và chữ “con” ở đầu dòng thơ, đầu bài thơ. Trong ngôn từ của nhân loại không có một chữ nào lại xúc động và sâu nặng bằng tiếng “con”. Cách xưng hô này thật gần gũi, thật thân thiết, ấm áp tình thân thương mà vẫn rất mực thành kính, thiêng liêng. Đồng thời, cũng diễn tả tâm trạng xúc động của người con ra thăm cha sau bao nhiêu năm xa cách.
* Nhà thơ sử dụng từ “thăm” thay cho từ “viếng”:

+ “Viếng”: là đến chia buồn với thân nhân người chết.

+ “Thăm”: là gặp gỡ, trò chuyện với người đang sống.

-> Cách nói giảm, nói tránh -> giảm nhẹ nỗi đau thương mất mát -> khẳng định Bác vẫn còn mãi trong trái tim nhân dân miền Nam, trong lòng dân tộc. Đồng thời gợi sự thân mật, gần gũi: Con về thăm cha – thăm người thân ruột thịt, thăm chỗ Bác nằm, thăm nơi Bác ở để thỏa lòng khát khao mong nhớ bấy lâu.

=> Câu thơ không có một dụng công nghệ thuật nào nhưng lại vô cùng gợi cảm, dồn nén biết bao cảm xúc. Cách xưng hô và cách dùng từ của Viễn Phương giúp cho người đọc cảm nhận được tình cảm xúc động, nhớ thương của một người con đối với cha. Đó không chỉ là tình cảm riêng của nhà thơ mà còn là tình cảm chung của dân tộc Việt Nam. Thế hệ này tiếp nối thế hệ khác song tất cả đều có chung một tình cảm như thế với Bác Hồ kính yêu.

* Cái hay của khổ thơ không chỉ ở từ ngữ bình dị mà còn ở hình ảnh cây tre vô cùng thân thuộc. Chắc nhà thơ phải đến xếp hàng từ rất sớm mới thấy được hàng tre trong sương như vậy. Những “hàng tre xanh xanh Việt Nam” ấy chính là hình ảnh tượng trưng cho làng quê, cho con người Việt Nam bền bỉ, cần cù, chịu thương chịu khó. Tác giả bật lên một tiếng “Ôi !” vừa đầy thương cảm vừa mang vẻ tự hào. Thương cảm vì dân tộc ta phải trải qua bao nhiêu “bão táp mưa sa”, khó khăn gian khổ trong cuộc đời. Tự hào vì tre vẫn “đứng thẳng hàng” như người Việt ta luôn kiên cường, bất khuất trước mọi gian lao, thử thách. Đức tính cao quý ấy cũng được thể hiện trong thơ Nguyễn Duy *: “Thân gầy guộc, lá mong manh / Mà sao nên luy nên thành tre ơi”.* Nhưng Viễn Phương không chỉ ca ngợi đất nước, con người Việt Nam mà còn muốn nói đến mối liên kết giữa Bác với quê

hương, với người dân. Ngày xưa, Bác từ giã làng quê với hàng tre xanh để ra đi tìm đường cứu nước, và bây giờ Bác lại trở về giữa vòng tay của quê hương, giữa những con người cần cù, chịu khó. Những “hàng tre bát ngát” bao quanh lăng như vòng tay của quê hương, của Tổ quốc đang bao bọc lấy vị lãnh tụ vĩ đại, như hình dáng những người con của dân tộc đang đứng canh giấc ngủ của Người. Nghệ thuật ẩn dụ ấy vừa hay vừa tạo sự kết nối chặt chẽ vì cây tre, Bác và đất nước có mối liên hệ đặc biệt.

**=> Chỉ một khổ thơ ngắn thôi nhưng cũng đủ để thể hiện những cảm xúc chân thành, thiêng liêng của nhà thơ và cũng là của nhân dân đối với Bác kính yêu.**

**2. Cảm xúc của nhà thơ khi đứng trước lăng Bác:**

* Nhà thơ đã sử dụng một ẩn dụ nghệ thuật tuyệt đẹp để nói lên cảm nhận của mình khi đứng trước lăng Bác:

*Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ.*

+ Hình ảnh “mặt trời đi qua trên lăng” là hình ảnh thực. Đó là mặt trời thiên tạo, là hành tinh quan trọng nhất của vũ trụ, nó gợi ra sự kì vĩ, sự bất tử, vĩnh hằng. Mặt trời là nguồn cội của sự sống, ánh sáng.

+ Hình ảnh “mặt trời trong lăng” là một ẩn dụ đầy sáng tạo, độc đáo – đó là hình ảnh của Bác Hồ. Giống như “mặt trời”, Bác Hồ cũng là nguồn ánh sáng, nguồn sức mạnh. “Mặt trời” – Bác Hồ soi đường dẫn lối cho sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, giành độc lập tự do, thống nhất đất nước. Bác đã cùng nhân dân vượt qua trăm ngàn gian khổ, hi sinh để đi tới chiến thắng quanh vinh, trọn vẹn. “Mặt trời” – Bác Hồ tỏa hơi ấm tình thương bao la trong lòng mỗi con người Việt Nam. Nhà thơ Tố Hữu đã so sánh Bác như: “Quả tim lớn lọc trăm dòng máu nhỏ”. Cái nghĩa, cái nhân lớn lao của Bác đã tác động mạnh mẽ, sâu xa tới mỗi số phận con người.

+ Thật ra so sánh Bác Hồ với mặt trời đã được các nhà thơ sử dụng từ rất lâu:

*Người rực rỡ một mặt trời cách mạng Mà đế quốc là loài dơi hốt hoảng*

*Đêm tàn bay chập chạng dưới chân người.*

( Tố Hữu – *“Sáng tháng năm*”)

Nhưng cái so sánh ngầm Bác Hồ nằm trong lăng rất đỏ trong cái nhìn chiêm ngưỡng hàng ngày của mặt trời tự nhiên( biện pháp nhân hóa “thấy”) là một sáng tạo độc đáo và mới mẻ của Viễn Phương. Cách ví đó một mặt ca ngợi sự vĩ đại, công lao trời biển của Người đối với các thế hệ con người Việt Nam. Mặt khác bộc lộ rõ niềm tự hào của dân tộc Việt Nam khi có Bác Hồ - có được mặt trời của cách mạng soi đường chỉ lối cũng như ánh sáng của mặt trời thiên nhiên.

+ Từ láy “ngày ngày” đứng ở đầu câu vừa diễn tả sự liên tục bất biến của tự nhiên vừa góp phần vĩnh viễn hóa, bất tử hóa hình ảnh Bác Hồ trong lòng mọi người và giữa thiên nhiên vũ trụ.

* Hình ảnh dòng người vào thăm lăng Bác đã được nhà thơ miêu tả một cách độc đáo và để lại nhiều ấn tượng:

*Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ*

*Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân.*

+ Từ láy “ngày ngày” có nghĩa tương tự như câu thơ cầu đầu trong khổ thơ -> diễn tả cảnh tượng có thực đang diễn ra hàng ngày, đều đặn trong cuộc sống của co n người Việt Nam: Những dòng người nặng trĩu nhớ thương từ khắp mọi miền đất nước đã về đây xếp hàng, lặng lẽ theo nhau vào lăng viếng Bác – “Dòng người đi trong thương nhớ”.

+ Bằng sự quan sát trong thực tế, tác giả đã tạo ra một hình ảnh ẩn dụ đẹp và sáng tạo: “tràng hoa”.

\_ Chúng ta có thể hiểu “tràng hoa” ở đây theo nghĩa thực là những bông hoa tươi thắm kết thành vòng hoa được những người con khắp nơi trên đất nước và thế giới về thăm dâng lên Bác để bày tỏ tình cảm, tấm lòng nhớ thương, yêu quý, tự hào của mình.

\_ “Tràng hoa” ở đây còn mang nghĩa ẩn dụ chỉ từng người một đang xếp hàng viếng lăng Bác mỗi ngày là một bông hoa ngát thơm. Những dòng người bất tận đang ngày ngày vào lăng viếng Bác nối kết nhau thành những tràng hoa bất tận. Những bông hoa – tràng hoa rực rỡ đó dưới ánh mặt trời của Bác đã trở thành những bông hoa – tràng hoa đẹp nhất dâng lên “bảy mươi chín mùa xuân” – 79 năm cuộc đời của Người.

**-> Hình ảnh thơ trên biểu lộ tấm lòng thành kính, và biết ơn sâu sắc của nhà thơ, của nhân dân đối với Bác Hồ.**

1. **Cảm xúc của nhà thơ khi vào trong lăng:**

* Vào trong lăng, khung cảnh và không khí như ngưng kết cả thời gian, không gian. Hình ảnh thơ đã diễn tả thật chính xác, tinh tế sự yên tĩnh, trang nghiêm cùng ánh sáng dịu nhẹ, trong trẻo của không gian trong lăng Bác.
* Đứng trước Bác, nhà thơ cảm nhận Người đang ngủ giấc ngủ bình yên, thanh thản giữa vầng trăng sáng dịu hiền.
* Hình ảnh “vầng trăng sáng dịu hiền” gợi cho chúng ta nghĩ đến tâm hồn, cách sống cao đẹp, thanh cao, sáng trong của Bác và những vần thơ tràn ngập ánh trăng của Người. Trăng với Bác đã từng vào thơ Bác trong nhà lao, trên chiến trận, giờ đây trăng cũng đến để giữ giấc ngủ ngàn thu cho Người. -> Chỉ có thể bằng trí tưởng tượng, sự thấu hiểu và yêu quí những vẻ đẹp trong nhân cách của Hồ Chí Minh thì nhà thơ mới sáng tạo nên được những ảnh thơ đẹp như vậy!
* Tâm trạng xúc động của nhà thơ được biểu hiện bằng một hình ảnh ẩn dụ sâu xa: “Vẫn biết trời xanh là mãi mãi”.

+ “Trời xanh” trước tiên được hiểu theo nghĩa tả thực đó là hình thiên nhiên mà chúng ta hằng ngày vẫn đang chiêm ngưỡng, nó tồn tại mãi mãi và vĩnh hằng.

+ Mặt khác, “trời xanh” còn là một hình ảnh ẩn dụ sâu xa: Bác vẫn còn mãi với non sông đất nước, như “trời xanh” vĩnh hằng. Nhà thơ Tố Hữu đã viết: “Bác sống như trời đất của ta”, bởi Bác đã hóa thân thành thiên nhiên, đất nước và dân tộc.

* Dù tin như thế nhưng mấy chục triệu người dân Việt Nam vẫn đau xót và nuối tiếc khôn nguôi trước sự ra đi của Bác – “ Mà sao nghe nhói ở trong tim”.

+ “Nhói” là từ ngữ biểu cảm trực tiếp, biểu hiện nỗi đau đột ngột quặn thắt. Tác giả tự cảm thấy nỗi đau mất mát ở tận trong đáy sâu tâm hồn mình: nỗi đau uất nghẹn tột cùng không nói thành lời. Đó không chỉ là nỗi đau riêng tác giả mà của cả triệu trái tim con người Việt Nam.

+ Cặp quan hệ từ “vẫn, mà” diễn tả mâu thuẫn. Cảm giác nghe nhói ở trong tim mâu thuẫn với nhận biết trời xanh là mãi mãi. Như vậy, giữa tình cảm và lý trí có sự mâu thuẫn. Con người đã không kìm nén được khoảnh khắc yếu lòng. Chính đau xót này đã làm cho tình cảm giữa lãnh tụ và nhân dân trở nên ruột già, xót xa. Cảm xúc đau đớn này, vô vọng này đã từng xuất hiện trong bài thơ của Tố Hữu:

*Trái bưởi kia vàng ngọt với ai Thơm cho ai nữa hỡi hoa nhài Còn đâu bóng Bác đi hôm sớm…*

**Cảm xúc này là đỉnh điểm của nỗi nhớ thương, của niềm đau xót. Nó chính là nguyên nhân dẫn đến những khát vọng ở khổ cuối bài thơ.**

1. **Tâm trạng lưu luyến của nhà thơ khi rời xa lăng Bác:**

* Nếu ở khổ thơ đầu, nhà thơ giới thiệu mình là người con miền Nam ra thăm Bác thì trong khổ thơ cuối, nhà thơ lại đề cập đến sự chia xa Bác. Nghĩ đến ngày mai về miền Nam, xa Bác, xa Hà Nội, tình cảm của nhà thơ không kìm nén, ẩn giấu trong lòng mà được bộc lộ thể hiện ra ngoài:

“*Mai về miền Nam thương trào nước mắt”.*

+ Câu thơ “Mai về miền Nam thương trào nước mắt” như một lời giã biệt.

+ Lời nói giản dị diễn tả tình cảm sâu lắng.

+ Từ “trào” diễn tả cảm xúc thật mãnh liệt, luyến tiếc, bịn rịn không muốn xa nơi Bác nghỉ.

+ Đó là không chỉ là tâm trạng của tác giả mà còn là của muôn triệu trái tim khác. Được gần Bác dù chỉ trong giây phút nhưng không bao giờ ta muốn xa Bác bởi Người ấm áp quá, rộng lớn quá.

* Mặc dù lưu luyến muốn được ở mãi bên Bác nhưng tác giả cũng biết rằng đến lúc phải trở về miền Nam. Và chỉ có thể gửi tấm lòng mình bằng cách muốn hóa thân, hòa nhập vào những cảnh vật quanh lăng để được luôn ở bên Người trong thế giới của Người:

*Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này.*

+ Điệp ngữ “muốn làm” cùng các hình ảnh đẹp của thiên nhiên “con chim”,”đóa hoa”,”cây tre” đã thể hiện ước muốn tha thiết, mãnh liệt của tác giả.

+ Nhà thơ ao ước được hóa thân thành con chim nhỏ cất tiếng hót làm vui lăng Bác, thành đóa hoa đem sắc hương, điểm tô cho vườn hoa quanh lăng.

+ Đặc biệt là ước nguyện “Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này” để nhập vào hàng tre bát ngát, canh giữ giấc ngủ thiên thu của Người. Hình ảnh cây tre có tính chất tượng trưng một lần nữa nhắc lại khiến bài thơ có kết cấu đầu cuối tương ứng. Hình ảnh hàng tre quanh lăng Bác được lặp ở câu thơ cuối như mang thêm nghĩa mới, tạo ấn tượng sâu sắc, làm dòng cảm xúc được trọn vẹn. “Cây tre trung hiếu” là hình ảnh ẩn dụ thể hiện lòng kính yêu, sự trung thành vô hạn với Bác, nguyện mãi mãi đi theo con đường cách mạng mà Người đã đưa đường chỉ lối. Đó là lời hứa thủy chung của riêng nhà thơ và cũng là ý nguyện của đồng miền Nam, của mỗi chúng ta nói chung với Bác.

1. **Đánh giá về nghệ thuật:**

* Bài thơ thành công bởi Viễn Phương đã chọn được một hình thức và giọng điệu phù hợp với nội dung trữ tình. Đó là giọng điều vừa trang nghiêm, sâu lắng, vừa tha thiết, đau xót, tự hào, thể hiện rất đúng tâm trạng của nhà thơ và mọi người khi vào lăng viếng Bác.
* Thể thơ tám chữ xen kẽ những dòng thơ bảy hoặc chín chữ. Cách gieo vần khá linh hoạt, có khi là vần liền, có khi là vần cách. Nhịp thơ chậm rãi, diễn tả sự trang nghiêm và cảm xúc thành kính. Riêng ở khổ thơ cuối, nhịp thơ nhanh hơn. Điệp ngữ “muốn làm” được lặp lại ba lần, thể hiện mong ước thiết tha và nỗi lưu luyến không rời của tác giả.
* Hình ảnh thơ có nhiều sáng tạo. Nhà thơ kết hợp giữa hình ảnh thực và hình ảnh ẩn dụ, tượng trưng. Đặc sắc nhất là những hình ảnh ẩn dụ có tính chất biểu tượng: “mặt trời trong lăng”, “tràng hoa”, “trời xanh”, “vầng trăng” vừa quen thuộc, gần gũi, vừa trang nghiêm, sâu sắc, có ý nghĩa khái quát và giá trị biểu cảm rất lớn.

1. **Kết bài:**

“Viếng lăng Bác” là một bài thơ hay bởi nó được tạo ra từ những cảm xúc, rung động chân thành của trái tim nhà thơ, đồng thời cũng là tiếng lòng của tất cả chúng ta. Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Bác Hồ như một thiên thần thoại của thế kỉ hai mươi. Chủ tịch Hồ Chí Minh là con người Việt Nam đẹp nhất! Nhà thơ Pita Rôđrighết của đất nước Cu-Ba anh em đã tự hào khẳng định: *Hồ Chí Minh – tên Người là cả một niềm thơ.*

|  |
| --- |
| **Đề bài: Phân tích 3 khổ thơ đầu bài thơ “Viếng lăng Bác” của Viễn Phương** |

* **Khổ 1:**

*Con từ miền Nam ra thăm lăng Bác*

*Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát*

*Ôi hàng tre xanh xanh Việt Nam*

*Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng*

Mở đầu bài thơ, tác giả xưng mình là “con”. Lời thơ giản dị nhưng chứa đầy cảm xúc. Từ “con” ấy gợi nên cảm giác vô cùng gần gũi và thân thương về Bác, như một lời thưa với người lớn trong nhà. Điều đó làm ta nhớ đến những câu thơ của Tố Hữu : “Bác nhớ miền Nam nỗi nhớ nhà / Miền Nam mong Bác nỗi mong cha.” Nhưng Viễn Phương không chỉ nói thay lời của những người con miền Nam, ông còn bày tỏ tình cảm của cả dân tộc đối với Bác. Nhà thơ dùng từ “thăm” như thể Bác vẫn còn sông, và đây chỉ là một buổi đến thăm nói chuyện thông thường. Tình cảm ấy thật xúc động nhưng vẫn rất gần gũi, ấm áp. Cái hay của khổ thơ không chỉ ở từ ngữ bình dị mà còn ở hình ảnh cây tre vô cùng thân thuộc. Chắc nhà thơ phải đến xếp hàng từ rất sớm mới thấy được hàng tre trong sương như vậy. Những “hàng tre xanh xanh Việt Nam” ấy chính là hình ảnh tượng trưng cho làng quê, cho con người Việt Nam bền bỉ, cần cù, chịu thương chịu khó. Tác giả bật lên một tiếng “Ôi !” vừa đầy thương cảm vừa mang vẻ tự hào. Thương cảm vì dân tộc ta phải trải qua bao nhiêu “bão táp mưa sa”, khó khăn gian khổ trong cuộc đời. Tự hào vì tre vẫn “đứng thẳng hàng” như người Việt ta luôn kiên cường, bất khuất trước mọi gian lao, thử thách. Đức tính cao quý ấy cũng được thể hiện trong thơ Nguyễn Duy : “Thân gầy guộc, lá mong manh / Mà sao nên luy nên thành tre ơi”. Nhưng Viễn Phương không chỉ ca ngợi đất nước, con người Việt nam mà còn muốn nói đến mối liên kết giữa Bác với quê hương, với người dân. Ngày xưa, Bác từ giã làng quê với hàng tre xanh để ra đi tìm đường cứu nước, và bây giờ Bác lại trở về giữa vòng tay của quê hương, giữa những con người cần cù, chịu khó. Những “hàng tre bát ngát” bao quanh lăng như vòng tay của quê hương, của Tổ quốc đang bao bọc lấy vị lãnh tụ vĩ đại, như hình dáng những người con của dân tộc đang đứng canh giấc ngủ của Người. Nghệ thuật ẩn dụ ấy vừa hay vừa tạo sự kết nối chặt chẽ vì cây tre, Bác và đất nước có mối liên hệ đặc biệt. Bằng lời thơ giản dị

và hình ảnh ẩn dụ nhiều ý nghĩa, nhà thơ đã bày tỏ tâm trạng xúc động của mình khi đứng trước lăng Bác.

* **Khổ 2:**

Không chỉ vậy, khổ thơ thứ hai còn mở ra những suy ngẫm và xúc cảm sâu lắng hơn

*Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng*

*Thấy một mặt trời trong lắng rất đỏ*

*Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ*

*Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân…*

Xuyên suốt khổ thơ là nghệ thuật điệp ngữ và ẩn dụ. “Ngày ngày” vốn đã là một từ láy, lại được dùng điệp ngữ nên càng gợi nên cảm giác thời gian như kéo dài vô tận trong khổ thơ, đồng thời cũng dùng để miêu tả một chân lí vĩnh hằng – sự vĩ đại của Bác. “Mặt trời” trong câu thơ thứ nhất là tả thực, còn “mặt trời” trong câu thơ thứ hai chính là ẩn dụ để chỉ Bác. Bác là người đã mở ra chân lí cách mạng cho cả dân tộc, mang độc lập, tự do đến cho đất nước. Cũng giống như mặt trời thực đem sự sống đến cho vạn vật, Bác đã đem lại cho người dân sự ấm no, hạnh phúc. Nhà thơ Tố Hữu cũng đã từng viết : “Người là một mặt trời cách mạng”, nhưng so sánh hình ảnh hai mặt trời như của Viễn Phương lại là một sáng tạo rất độc đáo. Mặt trời kia chỉ là cái nền, là đòn bẩy để tôn vinh mặt trời Bác. Cụm từ “rất đỏ” vừa gợi nhớ đến trái tim luôn tràn ngập lòng yêu nước, thương dân của Bác, vừa gợi ra luồng sáng rực rỡ tỏa ra từ tâm hồn Bác – ánh sáng của lí tưởng cách mạng. Ánh sáng ấy sống mãi trong lòng mỗi người dân Việt Nam, giữ mãi tấm lòng chúng ta dành cho Bác. Lần thứ hai, từ “ngày ngày” được sử dụng, nhưng là dùng để diễn tả một điều bất diệt như lòng thành kính của nhân dân đối với Bác. Chỉ có tình cảm thiêng liêng như vậy mới ó thể tạo nên được “dòng người đi trong thương nhớ” không bao giờ dứt. Cũng chỉ có tình cảm thiêng liêng ấy mới có thể kết nên được những tràng hoa đẹp nhất để dâng lên Bác. “Tràng hoa” ấy không chỉ là tràng hoa tươi bình thường, mà còn là ẩn dụ của dòng người nối tiếp nhau. Phải rất tinh tế và sáng tạo nhà thơ mới có thể từ đoàn người đi vào lăng, dòng ra sau, qua bên lăng, đi ra nối tiếp thành một vòng tròn mà liên tưởng đến một tràng hoa. Tràng hoa ấy là tràng hoa đẹp nhất vì được kết nên từ những bông hoa đất – những con người Việt Nam chăm chỉ, bất khuất, từ tấm lòng của những con người ấy. Từ “dâng” càng tô đậm thêm tình cảm ấy – một niềm kính yêu trân trọng sâu sắc nhất và trọn vẹn nhất. Không chỉ có thế, nhà thơ còn sử dụng nghệ thuật hoán dụ để ví cuộc đời Bác như “bảy mươi chín mùa xuân”. Mùa xuân được xem là mùa đẹp nhất trong năm, còn Bác là người Việt Nam đẹp nhất. Hình ảnh ấy cũng từng xuất hiện trong thơ Tố Hữu : “Bảy mươi chín tuổi xuân trong sáng / Vào cuộc trường sinh nhẹ cánh bay”. Bác đã hiến dâng những gì đẹp nhất của cuộc đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Và giờ đây, những người con của dân tộc đang dâng lên cho Người lòng biết ơn sâu sắc nhất. Lời thơ trang trọng nhưng vô cùng tha thiết, gợi ra nhiều suy tưởng sâu lắng, mênh mông. Có thể nói khổ thơ thứ hai là đẹp nhất trong cả bài, với những hình ảnh ẩn dụ giàu giá trị biểu cảm nói lên sự vĩ đại của Bác và lòng thành kính của người dân đối với Người.

* **Khổ 3:**

Nếu như cái đẹp của khổ ba là ở những phép ẩn dụ đầy sáng tạo và tinh tế thì cái hay của khổ ba lại nằm ở sự dâng trào cảm xúc trong từng lời thơ

*Bác nằm trong giấc ngủ bình yên*

*Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền*

*Vẫn biết trời xanh là mãi mãi*

*Mà sao nghe nhói ở trong tim!*

Hình ảnh Bác hiện lên thật gần gũi. Có cảm giác như Bác không hề ra đi mà chỉ đang nằm ngủ. “Vầng trăng sáng” có thể hiểu như những ánh đèn dịu nhẹ như ánh trăng tro ng lăng Bác. Hình ảnh ấy cũng gợi cho ta nhớ đến vầng trăng trong cuộc đời, trong thơ ca của Bác. Trăng làm bạn với Bác khi Người ngồi tù (Ngắm trăng), trăng theo Bác trong những năm tháng kháng chiến ở Việt Bắc (Cảnh khuya, Rằm tháng Giêng),… và bây giờ, ánh trăng lại canh giữ giấc ngủ của Bác. Hay như đọc đến từ “dịu hiền”, ta lại tự hỏi, phải chăng “vầng trăng sáng” kia cũng có thể hiểu đó là ánh trăng tỏa ra từ tâm hồn thanh cao của Bác, và nhà thơ khi vào thăm lăng đã cảm nhận được ánh sáng rạng ngời ấy. Cảnh lăng Bác hiện lên qua hai câu thơ đầu thật yên bình, tĩnh lăng, càng gợi lên giấc ngủ êm đềm của Bác. Nghệ thuật tả thực đã diễn tả được bầu không khí trang nghiêm, lặng yên trong lăng Bác, làm nền cho cảm xúc thăng hoa trong hai câu thơ cuối. Từ hình ảnh Bác nằm như đang ngủ, nhà thơ liên tưởng đến sự bất diệt của Người. “Trời xanh” là ẩn dụ để chỉ Bác và những điều Người đã làm cho non sông. Bác đã ra đi nhưng lí tưởng của Người, tấm gương đạo đức của Người không hề chết. Hình ảnh của Người đã hòa cùng với trời cao, nhập vào từng thước đất của Tổ quốc. Những công lao của Người cũng mãi còn đó như một tượng đài sừng sững chạm tới trời. Từ láy “mãi mãi” đã tô đậm và hoàn chỉnh hình ảnh đó. Hình ảnh “trời xanh” ấy cũng giống như hình ảnh “mặt trời” ở khổ hai, đều là những hình ảnh mang tính biểu tượng để ca ngợi sự vĩ đại bất diệt của Bác.

Nhà thơ hiểu rằng Bác vẫn còn sống mãi trong trái tim mình, trong tim mọi người dân nước Việt, nhưng vẫn không thể quên đi sự thật đầy đau xót là Người đã ra đi… Sự thật ấy hiện lên thật buồn, thật đau qua cặp từ tương phản “vẫn biết” – “mà sao”. Nỗi đau ấy tràn ngập trong tim và trào lên ở từ “nhói”, như thể xuyên thẳng vào tim người viết, vào tim người đọc. Dường như tất cả sự thương tiếc, xót xa của nhà thơ đều gói gọn lại trong đó, một nỗi đau không thể diễn tả hết được. Nhà thơ Thu Bồn đã có lần viết về nỗi đau ấy

: “Niềm đau vô tận thời gian / Nhớ thương nhưng chớ lệ tràn đầm mi”. Có lẽ Viễn Phương cũng nghĩ như vậy nên câu thơ cuối bật ra như một tiếng khóc nghẹn ngào đau xót. Cả khổ thơ vang lên đầy sâu lắng và tha thiết, và có thể nói câu thơ cuối chính là chìa khóa thành công của cả khổ. Nó khiến trái tim ta như đập cùng một nhịp, đau chung một nỗi đau với tác giả. Khổ thơ đã bày tỏ cảm xúc của nhà thơ khi vào lăng viếng Bác với giọng thơ bình dị mà tràn đầy cảm xúc.

**Bài tập vận dụng:**

**Bài tập 1:**

1. Chép chính xác bốn câu cuối bài thơ “Viếng lăng Bác” của Viễn Phương
2. Viết đoạn văn khoảng 8 câu, trình bày những cảm xúc của em khi đọc khổ thơ trên, trong đoạn có câu văn dùng thành phần phụ chú ( Yêu cầu: gạch dưới phần phụ chú)

**=> Gợi ý:**

1. Chép chính xác bốn câu thơ kết bài “Viếng lăng Bác”:

*Mai về miền Nam thương trào nước mắt Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này...*

1. Viết đoạn văn:

\*Về nội dung:

* Điệp ngữ “muốn làm” cùng các hình ảnh đẹp của thiên nhiên thể hiện ước muốn tha thiết, mãnh liệt:muốn được hóa thân, được hòa nhập vào cảnh vật để được ở mãi bên Người:

+ Làm con chim cất tiếng hót làm vui lăng Bác.

+ Làm đóa hoa đem sắc hương, điểm tô cho vườn hoa quanh lăng.

+ Làm cây tre để nhập vào hàng tre bát ngát, canh giữ cho Bác trong giấc ngủ thiên thu.

* Hình ảnh cây tre lặp lại như mang thêm nghĩa mới, tạo ấn tượng sâu sắc, làm cho dòng cảm xúc được trọn vẹn. “Cây tre trung hiếu” là hình ảnh ẩn dụ thể hiện lòng kính yêu, sự trung thành vô hạn với Bác, nguyện mãi mãi đi theo con đường Cách mạng mà Người đã vạch ra.
* Cũng nói về cảm xúc của bản thân khi đọc đoạn thơ, về tình cảm của nhà thơ, của nhân dân với Bác.

\*Về hình thức: trình bày thành đoạn văn, giới hạn 8 câu, có sử dụng thành phần phụ chú.

**Bài tập 2:** Cho đoạn thơ:

*Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ*

( *Viếng lăng Bác* – Viễn Phương)

1. Hãy phân tích ý nghĩa hình ảnh ẩn dụ “mặt trời trong lăng” ở câu thơ trên.
2. Chép hai câu thơ có hình ảnh ẩn dụ “mặt trời” trong một bài thơ mà em đã học ( ghi rõ tên và tác giả bài thơ)

**=> Gợi ý:**

1. Phân tích để thấy:

* Đứng trước lăng Bác, cảm xúc của nhà thơ được gợi tả bằng hai hình ảnh thực, ẩn dụ sóng đôi: “mặt trời đi qua trên lăng” và “mặt trời trong lăng”.
* “Mặt trời” trong câu thơ thứ nhất là hình ảnh thực – mặt trời của thiên nhiên vũ trụ, tuần hoàn chiếu sáng đem lại sự sống cho muôn loài.
* “Mặt trời trong lăng” là hình ảnh ẩn dụ đầy sáng tạo và độc đáo. Bác Hồ chính là mặt trời của dân tộc Việt Nam,soi đường dẫn lối cho sự nghiệp cách mạng giả i phóng dân tộc, giành độc lập tự do, thống nhất đất nước.

=> Với hình ảnh ẩn dụ này, nhà thơ Viễn Phương đã ca ngợi sự trường tồn, vĩ đại của Bác; đồng thời thể hiện sự ngưỡng mộ và lòng thành kính của nhân dân với Bác.

1. Hai câu thơ có hình ảnh ẩn dụ mặt trời:

*Mặt trời của bắp thì nằm trên đôi Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng.*

*( Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ* - Nguyễn Khoa Điềm) **Bài tập 3:** Cuộc đời Chủ tịch Hồ Chí Minh là nguồn cảm hứng vô tận cho sáng tạo nghệ thuật. Mở đầu tác phẩm của mình, một nhà thơ viết:

*"Con ở miền Nam ra thămlăng Bác...*

Và sau đó, tác giả thấy:

*...Bác nằm trong giấc ngủ bình yên*

*Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền Vẫn biết trời xanh là mãi mãi*

*Mà sao nghe nhói ở trong tim*

1. Những câu thơ trên trích trong tác phẩm nào? Nêu tên tác giả và hoàn cảnh ra đời của bài thơ ấy.
2. Từ những câu đã dẫn kết hợp với những hiểu biết của em về bài thơ, hãy cho biết cảm xúc trong bài được biểu hiện theo trình tự nào? Sự thật là Người đã ra đi nhưng vì sao nhà thơ vẫn dùng từ thăm và cụm từ giấc ngủ bình yên?
3. Dựa vào khổ thơ trên, hãy viết một đoạn văn khoảng 10 câu theo phép lập luận quy nạp (có sử dụng phép lặp và có một câu chứa thành phần phụ chú) để làm rõ lòng kính yêu và niềm xót thương vô hạn của tác giả đối với Bác khi vào trong lăng.
4. Trăng là hình ảnh xuất hiện nhiều trong thi ca. Hãy chép chính xác một câu thơ khác đã học có hình ảnh trăng và ghi rõ tên tác giả, tác phẩm.

**=> Gợi ý:**

a. Đoạn thơ trên được trích trong bài Viếng lăng Bác của nhà thơ Viễn Phương. Bài thơ được viết năm 1976,sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ kết thúc, đất nước thống nhất, Lăng Hồ Chủ tịch vừa khánh thành. Viễn Phương ra thăm miền Bắc, vào lăng viếng Bác. b.

* Cảm xúc trong bài thơ được biểu hiện theo trình tự từ ngoài vào trong, rồi lại trở ra ngoài, hợp với thời gian một chuyến viếng lăng Bác.
* Từ "thăm" thể hiện tình cảm của nhà thơ đối với Bác vừa kính yêu, vừa gần gũi.
* Cụm từ "giấc ngủ bình yên"là một cách nói giảm, nói tránh nhằm miêu tả tư thế ung dung thanh thản của Bác- vị lãnh tụ cả đời lo cho dân, cho nước, có đêm nào yên giấc nay đã có được giấc ngủ bình yên.

c. Viết đoạn văn:

\*Về nội dung:

* Trước khung cảnh,không khí thanh tĩnh, nhà thơ cảm nhận không gian, thời gian như ngưng kết và dường như Bác đã thanh thản “trong giấc ngủ bình yên”, giữa ánh sáng dịu hiền của vầng trăng tri kỉ - vầng trăng đã đồng hành cùng Bác suốt cả cuộc đời ( Liên hệ thêm với các bài thơ viết về trăng của Bác).
* Cảm nhận về vẻ đẹp sáng trong của tâm hồn Người, nhà thơ biết rằng: Bác đã hóa thân vào thiên nhiên, đất nước, tên tuổi và sự nghiệp của Bác sống mãi trong lòng dân tộc như bầu trời xanh hiện hữu trên đầu.
* Dẫu vậy, một cảm giác đau xót vẫn trào dâng – “Mà sao nghe nhói ở trong tim”. Chỉ một từ “nhói” đã diễn tả mọi cung bậc của cảm xúc, đã gợi một nỗi đau quặn thắt dâng trào. Niềm tin và nỗi đau, tình cảm và lí trí kìm nén và vỡ òa….

=> Có thể nói, bốn dòng thơ với những ẩn dụ sáng tạo và cách sử dụng ngôn từ độc đáo, người đọc cảm nhận được một sự trân trọng, một sự ngợi ca, và cả nỗi đau xót của nhà thơ miền Nam đối với Bác Hồ.

\*Về hình thức: trình bày đoạn văn theo cách lập luận quy nạp, khoảng 10 câu, có sử dụng phép lặp và có một câu chứa thành phần phụ chú.

d. Câu thơ có hình ảnh trăng: HS có thể trích dẫn câu thơ trong bài “Đồng chí” (Chính Hữu), “Ánh trăng”(Nguyễn Duy), “Đoàn thuyền đánh cá”(Huy Cận)….

**Bài tập 4**: Viết một đoạn văn phân tích hình ảnh hàng tre trong khổ thơ sau:

*Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác*

*Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát*

*Ôi ! Hàng tre xanh xanh Việt Nam Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng.*

( *“Viếng lăng Bác”* – Viễn Phương)

**=> Gợi ý:**

Đến lăng Bác, cảm nhận đầu tiên của tác giả là hình ảnh hàng tre. Đây là hình ảnh thực, hình ảnh ẩn dụ. Hàng tre xanh xanh là biểu tượng hết sức thân thuộc của làng quê Việt Nam,biểu tượng cho sức sống bền bỉ của con người Việt Nam,đất nước Việt Nam.-> Với hình ảnh hàng tre, lăng Bác tôn nghiêm mà gần gũi, ấp áp trong lòng người đến với viếng và Bác như đang sống giữa lòng quê hương, đất nước. Đó chính là tấm lòng của nhà thơ nói riêng và của đồng bào miền Nam, của mỗi chúng ta nói chung đối với Bác.

**Bài tập 5:** Xác định và chỉ rõ tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ sau:

*Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng*

*Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ*

*Ngày ngày dòngngười đi trong thương nhớ*

*Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân…*

*( “Viếng lăng Bác”* – Viễn Phương)

**=> Gợi ý:** Yêu cầu HS trình bày thành một đoạn văn.

* Hình ảnh ẩn dụ: “mặt trời trong lăng rất đỏ”
* Hình ảnh ẩn dụ: “tràng hoa”
* Hình ảnh hoán dụ : “bảy mươi chín mùa xuân”.
* Điệp ngữ “ngày ngày”.

=> Nêu niềm thương nhớ, ngợi ca sự trường tồn, vĩ đại của Bác, đồng thời thể hiện sự ngưỡng mộ và lòng biết ơn của nhân dân với vị lãnh tụ.

* **Tư liệu tham khảo:**

**PHỎNG VẤN NHÀ THƠ VIỄN PHƯƠNG VỀ BÀI THƠ “ VIẾNG LĂNG BÁC”**

Trong hai cuộc kháng chiến, nhà thơ Viễn Phương hoạt động ở Nam Bộ, và đã sáng tác nhiều bài thơ về Bác Hồ. Có bài tác giả viết khi bị địch giam cầm ở các trại giam Phú Lợi, Lê Văn Duyệt, không có giấy bút, Viễn Phương sáng tác thầm trong đầu và đọc cho các đồng chí cùng khám nghe. Kỳ diệu thay, Viễn Phương chỉ đọc một vài lần, mọi người đều thuộc, rồi những khi bị địch bắt đi lao động, họ lại đọc cho bạn tù ở khám khác nghe, cứ vậy thơ Viễn Phương được lan truyền trong nhà tù. Phải đến bài thơ Viếng Lăng Bác, Viễn Phương mới thực sự có một bài thơ hay về Bác. Dưới đây là cuộc trò chuyện giữa ông và phóng viên ***Văn nghệ quân đội***.

**PV:** Thưa nhà thơ Viễn Phương, trong một lần nào đó, tôi được đọc một bài viết của anh Lê Quang Vịnh trên báo Sài Gòn Giải phóng, kể rằng: “Lúc tôi 25 tuổi, bị bọn Mỹ – Diệm kết án tử hình rồi chuyển thành trung thân khổ sai và đày ra Côn Đảo. Trong chuồng cọp, địa ngục trần gian của nhà tù ấy, tôi bị bắt buộc phải nằm dưới hầm suốt ngày…”. Trên vách chuồng cọp, tôi thấy chi chít những chữ ghi bằng nhiều cách khác nhau. Có những dòng được khắc trên vôi bằng cái

xương cá mắm. Có những chữ bằng máu, có những ghi bằng than. Tôi đọc được bài thơ dài, chỗ này ghi một đoạn, chỗ khác ghi một khúc ráp lại rất vần với nhau.

*Cha già ơi*

*Hôm nay mười chín tháng năm*

*Lòng con sáng tựa đêm rằm trung thu*

*Con đang chúc thọ dưới mồ*

*Con đang dựng một rừng cờ trong tim*

*Đêm nay mộng hóa thành chim*

*Bay qua lưới sắt con tìm đến cha*

Sau này mới biết là thơ Viễn Phương, bài *Chúc thọ dưới mồ*. Tôi nghĩ rằng đó cũng là hạnh phúc lớn của nhà thơ: Góp phần mình vào công cuộc giải phóng đất nước.

Nhà thơ Viễn Phương: Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ kiệt xuất của dân tộc ta là nguồn cảm hứng vô tận của người sáng tạo văn, thơ, nhac, họa. Trong kháng chiến chống Pháp và Mỹ, các nhà thơ sống ở Nam Bộ đều có những tác phẩm viết về Bác. Trong nhà tù của giặc, tôi luôn luôn nghĩ về Bác. Bác là nguồn động viên, cổ các chiến sĩ trong nhà tù. Tôi đã viết bài thơ Chúc thọ dưới mồ, được các đồng chí trong tù thuộc, truyền cho nhau. Tuy lời thơ còn mộc mạc nhưng là tấm lòng thành kính của tôi đối với Người.

**PV:** Phải đến khi đất nước thống nhất, ra thăm miền Bắc, anh mới có Viếng Lăng Bác, đầy đủ độ chín và ngôn từ. Anh có thể cho biết bài thơ ra đời trong hoàn cảnh nào?

**Nhà thơ Viễn Phương:** Khi Bác còn sống, nhân dân miền Nam mong muốn đất nước giải phóng để đón Bác vào thăm. Nhưng rồi, ước mơ ấy không được toại nguyện. Khi miền Nam giải phóng, mọi người đều muốn ra thăm miền Bắc, viếng lăng Bác. Năm 1976, tôi ra Hà Nội, được đến viếng Bác.

Sáng hôm ấy mưa phùn, Hà Nội lây phây trong gió rét, tôi được nối vào dòng người vào lăng Bác. Chúng tôi đi từ hướng chùa Một Cột. Sương toả mênh mông, những hàng tre xanh sẫm, những gốc đào hoa đỏ rực… Tất cả đều thiêng liêng. Đến bên Bác, ai cũng muốn dừng thật lâu. Bác nằm đó, thanh thản, giản dị, hiền từ như đang ngủ. Anh sáng dịu dàng toả xuống như giữa một đêm trăng thanh miền thôn dã. Tôi không cầm nổi nước mắt.

Ra khỏi lăng, tôi đi như người mộng du và tứ thơ bật ra:

*Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác*

*Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát.*

Lời thơ thật giản dị. Tôi nghĩ, Bác của chúng ta vốn giản dị, Người ghét sự cầu kỳ, làm dáng. Giản dị, trong sáng, sâu sắc cũng là bao quát trong thơ Bác. Tôi viết như là ý nghĩ của mình. Và, đó cũng là tâm tư của nhân dân và chiến sĩ ở Nam Bộ với Bác.

*Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng*

*Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ*

Mặt trời của vũ trụ đối với mặt trời trong lăng. Đó cũng là hàm chứa sự vĩnh cửu của sự nghiệp Bác Hồ tạo dựng và nhân dân ta, Đảng ta đã thực hiện: xây dựng một đất nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh như di chúc của Bác.

Hoa tươi là nét đẹp của thiên nhiên, hàng ngày dâng lên Bác rất nhiều nhưng tôi nghĩ đến:

*Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ*

*Kết tràng hoa dâng Bảy mươi chín mùa xuân*

Dòng người vây quanh Bác trở thành hoa. Và dâng cho Bảy mươi chín mùa xuân, là hoa tươi của cuộc sống.

Toàn bài Viếng Lăng Bác mang một không khí trang nghiêm, thành kính. Đoạn kết, tôi muốn nói lên tình cảm của nhân dân, chiế n sĩ miền Nam hứa với Bác:

*Mai về miền Nam thương trào nước mắt Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác Muốn làm đoá hoa toả hương đâu đây Muốn làm cây tre trung hiếu chốn*

# CHUYÊN ĐỀ 16

# SANG THU

**Hữu Thỉnh**

**I. Tìm hiểu văn bản**

***Khổ thơ 1:***

*Bỗng nhận ra hương ổi*

*Phả vào trong gió se*

*Sương chùng chình qua ngõ*

*Hình như thu đã về.*

- Tín hiệu của mùa thu đã về (sự chuyển mùa cuối hạ đầu thu)

+ Gió se: Gió khe khẽ, hơi lạnh chỉ có ở mùa thu.

+ Hương ổi: Đầu thu (cuối tháng 7 đầu tháng 8) mùa ổi chín rộ.

Từ “phả”: Hương ổi ở độ đậm nhất thơm nồng quyến rũ, hoà vào gió heo may của mùa thu lan toả khắp không gian tạo ra một mùi thơm ngọt mát, của trái ổi chín vàng - hương thơm nông nàn hấp dẫn của những vườn cây sum suê trái ngọt ở nông thôn Việt Nam.

+ Cùng với gió se: Là những hạt sương nhỏ li ti giăng mắc nhẹ nhàng như “cố ý” chậm lại thong thả nhẹ nhàng, chuyển động chầm chậm sang thu. Hạt sương sớm mai cũng như có tâm hồn, có cảm nhận riêng cũng nhẹ nhàng, thong thả qua ngưỡng cửa (qua ngõ) của mùa ghu vậy (ngõ thực và cũng là cửa ngõ thời gian thông giữa 2 mùa)

-Kết hợp một loạt các từ: “Bỗng - phả - hình như” thể hiện tâm trạng ngỡ ngàng, cảm xúc bâng khuâng, cảm nhận tinh tế của tác giả tâm hồn thi sĩ biến chuyển nhịp nhàng với phút giao mùa của cảnh vật. Từng cảnh thu của tạo vật đã thấp thoáng hồn người sang thu: chùng chình, bịn rịn, lưu luyến, bâng khuâng, chín chắn, điềm đạm.

\* GV chốt: khổ thơ nói lên những cảm nhận ban đầu của nhà thơ về cảnh sang thu của đất trời. Thiên nhiên được cảm nhận từ những gì vô hình (hương, gió) mờ ảo (sương chùng chình), nhỏ hẹp và gần (ngõ).

***Khổ thơ 2***

*Sông được lức dềnh dàng*

*Chim bắt đầu vội vã*

*Có đám mây mùa hạ*

*Vắt nửa mình sang thu.*

+ Dòng sông thướt tha mềm mại, hiền hoà trôi một cách nhà hạ, thanh thản, gợi lên vẻ đẹp êm dịu của bức tranh thiên nhiên mùa thu.

+ Những cánh chim chiều bắt đàu vội vã tìm về tổ trong buổi hoàng hôn (không còn nhởn nhơ rong chơi hoài bởi tiết trời mùa hạ).

+ Hình ảnh đám mây mùa hạ với sự cảm nhận đầy thú vị, sự liên tưởng độc đáo “vắt nửa mình sang thu”: Cảm giác giao mùa được diễn tả cụ thể và tinh tế bằng một hình ảnh đám mây của mùa hạ cũng như đang bước vào ngưỡng của của mùa thu vậy. Dường như giữa mùa hạ và mùa thu có một ranh giới cụ thể, hữu hình, hiển hiện, liên tưởng đầy thú vị không chỉ cảm nhận thị giác mà là sự cảm nhận bằng chính tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, yêu thiên nhiên tha thiết của Hữu Thỉnh.

Tóm lại: Bằng sự cảm nhận qua nhiều giác qua, sự liên tưởng thú vị bất ngờ, với tâm hồn nhạy cảm tinh tế của tác giả, tất cả không gian cảnh vật như đang chuyển mình từ tư điềm tĩnh bước sang thu.

***Khổ thơ 3***

*Vẫn còn bao nhiêu nắng*

*Đã vơi dần cơn mưa….*

*-* Nắng cuối hạ vẫn còn nồn, còn sáng nhưng đã nhạt dần (tuy không còn nét tươi mới của đầu hạ), nắng đã yếu dần bởi gió se đã đến. Không gian đó, cảm giác thời điểm đó thật thú vị.

-Cơn mưa mùa hạ thường nhanh bất chợt đến rồi chợt đi. Tác giả dùng từ “vơi” có giá trị gợi tả như sự đong đếm những vật có khối lượng cụ thể để diễn tả cái số lượng vô định - diễn tả cái thưa dần, ít dần, hết dần những cơn mưa rào ào ạt bất ngờ của mùa hạ. Tất cả đều chầm chậm, từ từ, không vội vã, không hối hả.

Hai câu thơ cuối:

*Sấm cũng bớt bất ngờ*

*Trên hàng cây đứng tuổi.*

- Ý nghĩa tả thực:

+ Hình tượng sấm thường xuất hiện nhiều và bất ngời đi liền với những cơn mưa rào chỉ có ở mùa hạ (sấm cuối mùa, sấm cuối hạ cũng bớt đi, ít đi lúc sang thu).

+ Hàng cây cổ thụ, cảnh vật thiên nhiên vào thu không còn giật mình, bất ngờ bởi tiếng sấm mùa hạ.

- Nghĩa ẩn dụ (đầy tính suy ngẫm)

+ Sấm: Những vang động bất thường của ngoại cảnh, của cuộc đời.

+ Hàng cây đứng tuổi: Hình ảnh gợi tả những con người từng trải đã từng vượt qua những khó khăn, những thăng trầm của cuộc đời. Qua đó, con người càng trở nên vững vàng hơn.

**III. Tổng kết**

***Nghệ thuật***

- Thể thơ 5 chữ. Nhịp thơ chậm, âm điệu nhẹ nhàng.

- Nhiều từ có giá trị gợi tả, gợi cảm sâu sắc.

- Sự cảm nhận tinh tế, thú vị, gợi những liên tưởng bất ngờ.

- Hình ảnh chọn lọc mang nét đặc trưng của sự giao mùa hạ - thu.

*Nội dung*

Từ cuối hạ sang đầu thu, đất trời có những biến chuyển nhẹ nhàng mà rõ rệt. Sự biến chuyển này đã được Hữu Thỉnh gợi lên bằng cảm nhận tinh tế, qua những hình ảnh giàu sức biểu cảm trong bài *Sang thu.*

- Lòng yêu thiên nhiên tha thiết của nhà thơ Hữu Thỉnh.

|  |
| --- |
| **Đề bài: Cảm nhận bài thơ “Sang thu” của Hữu Thỉnh** |

**1.Mở bài:**

* Hữu Thỉnh là nhà thơ trưởng thành từ trong quân đội.
* “Sang thu” là một thi phẩm đặc sắc của ông.
* Với con mắt nghệ sĩ, tâm hồn nhạy cảm và ngòi bút tài hoa, Hữu

Thỉnh đã có những cảm nhận mới mẻ trước sự biến chuyển của thiên nhiên đất trời lúc cuối hạ sang đầu thu

**2.Thân bài:**

- Ý nghĩa của từ “Sang thu”

* “Sang thu” ở đây là chớm thu, là lúc thiên nhiên giao mùa. Mùa hè vẫn chưa hết mà mùa thu tới có những tín hiệu đầu tiên. Trước những sự thay đổi tinh vi ấy, phải nhạy cảm lắm mới cảm nhận được.
* Với Hữu Thỉnh mùa thu bắt đầu thật giản dị:

*Bỗng nhận ra hương ổi*

*Phả vào trong gió se*

+ Nếu trong “Đây mùa thu tới” cảm nhận thu sang của Xuân Diệu là rặng liễu thu buồn ven hồ “Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang – Tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng” thì Hữu Thỉnh lại cảm nhận về một mùi hương quen thuộc phảng phất trong “gió se” – thứ gió khô và se se lạnh, đặc trưng của mùa thu về ở miền Bắc. Đó là “hương ổi” – mùi hương đặc sản của dân tộc, mùi hương riêng của mùa thu làng quê ở vùng đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam.

+ Cái hương vị ngọt ngào, đằm thắm của mùa thu, nhà thơ “Bỗng nhận ra” – một trạng thái chưa hề chuẩn bị, như là vô tình, như là sửng sốt. Một sự bất ngờ mà như đã đợi sẵn, đợi từ lâu rồi để giờ đây có dịp là buông ra ngay. Một tiếng kêu vang thích thú, một khoảnh khắc nhanh chóng qua đi mà để lại biết bao cảm xúc. Kìa!.

Mùa hạ sắp qua, hình như mùa thu đến.

+ Mùi hương ấy không hòa vào quyện vào mà “phả” vào trong gió. “Phả” nghĩa là bốc mạnh và tỏa ra từng luồng. Hữu Thỉnh đã không tả mà chỉ gợi, đem đến cho người đọc một sự liên tưởng thú vị: tại vườn tược quê nhà, những quả ổi chín vàng trên các cành cây kẽ lá tỏa ra hương thơm nức, thoang thoảng trong gió. Chỉ một chữ “phả” thôi cũng đủ gợi hương thơm như sánh lại.

Sánh lại bởi hương đậm một phần, sánh bởi tại gió se.

-> Nhận ra trong gió có hương ổi là cảm nhận tinh tế của một người sống giữa đồng quê và nhà thơ đã đem đến cho ta một tín hiệu mùa thu dân dã mà thi vị. Ông đã phát hiện một nét đẹp đáng yêu của mùa thu vàng nông thôn vùng đồng bằng Bắc Bộ.

-> Nhiều người đã biết: Thạch Lam, Vũ Bằng, Nguyễn Tuân, Nguyễn Đình Thi…đã viết thật hay về hương cốm làng Vòng Hà Nội – một vẻ đẹp về hương vị mùa thu của quê hương đất nước. Với Hữu Thỉnh trong “Sang thu”, “hương ổi” là một tứ thơ mới đậm đà màu sắc dân dã.

-> Hương ổi ấy, cơn gió đầu mùa se lạnh ấy là sứ giả của mùa thu ( cũng như chim én là sứ giả của mùa xuân). Nó đến rất khẽ khàng, “khẽ” đến mức chỉ một chút vô tình thôi là không một ai hay biết.

- Nếu hai câu đầu diễn tả cái cảm giác chưa hẳn đủ tin thì đến hình ảnh “Sương chùng chình qua ngõ” lại càng lung linh huyền

ảo.

+ Không phải là màn sương dày đặc, mịt mù như trong câu ca dao quen thuộc miêu tả cảnh Hồ Tây lúc ban mai “Mịt mù khói tỏa ngàn sương”, hay như nhà thơ Quang Dũng đã viết trong bài thơ “Tây Tiến”: “Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi” mà là “Sương chùng chình qua ngõ” gợi ra những làn sương mỏng, mềm mại, giăng màn khắp đường thôn ngõ xóm làng quê. Nó làm cho khí thu mát mẻ và cảnh thu thơ mộng, huyền ảo, thong thả, bình yên.

+ Nhà thơ đã nhân hóa màn sương qua từ “chùng chình” khiến cho sương thu chứa đầy tâm trạng. Nó như đang chờ đợi ai hay lưu luyến điều gì? Câu thơ lắng đọng tạo cảm giác mơ hồ đan xen nhiều cảm xúc.

=> Bằng tất cả các giác quan: khứu giác, xúc giác và thị giác, nhà thơ cảm nhận những nét đặc trưng của mùa thu đều hiện diện. Có “hương ổi”, “gió se” và “sương”. Mùa thu đã về trên quê hương. Vậy mà nhà thơ vẫn còn dè dặt: “Hình như thu đã về”. Sao lại là “Hình như” chứ không phải là “chắc chắn”? Một chút nghi hoặc, một chút bâng khuâng không thật rõ ràng. Đúng là một trạng thái cảm xúc của thời điểm chuyển giao. Thu đến nhẹ nhàng quá, mơ hồ quá.

- Hóa ra bức tranh kia không phải cảm nhận bằng giác quan mà bằng cả tâm hồn nữa. Đó là tâm hồn nhạy cảm của một tình yêu

thiên nhiên, yêu cuộc sống.

**- Nhận xét khổ thơ:**

* Khổ thơ mang cái man mác buồn lắng ngọt ngào thi vị của mùa thu. Từ đây cũng cho ta thấy con người của thi ca đến với thiên nhiên bằng sự khám phá đường nét nhỏ nhất, tinh xảo nhất của vũ trụ bao la. Đó cũng chính là cái hay tạo nên sự khác biệt cho mùa thu mà ngay ở bốn câu thơ đầu ta đã thấy tiếp tục lan tỏa, mở ra trong cái nhìn xa hơn, rộng hơn.

**\* Khổ 2:**

* Sau giây phút ngỡ ngàng và khe khẽ vui mừng, cảm xúc của thi sĩ tiếp tục lan tỏa, mở ra trong cái nhìn xa hơn, rộng hơn:

*Sông được lúc dềnh dàng*

*Chim bắt đầu vội vã*

*Có đám mây mùa hạ*

*Vắt nửa mình sang thu*

+ Cái nhìn tinh tế của Hữu Thỉnh đã phát hiện ra bao điều mới lạ từ những sự vật đã quá quen thuộc với trời đất với con người. Tất cả đều trong trạng thái ngập ngừng.

(1) Sông:

* Thu đã về, nước sống vẫn đầy chứ không cạn như mùa đông, mùa xuân.
* Dòng sông trôi lững lờ, khoan thai chứ không cuồn cuộn cuốn đi như cơn lũ mùa hạ. Sông như được lúc nghỉ ngơi “dềnh dàng”.

-> Cảm nhận về một dòng sông êm đềm, mềm mại, thiết tha rất hợp với vẻ đẹp dịu êm của mùa thu.

(2) Chim:

* Thu sang, khí trời se se lạnh, trên bầu trời trong xanh, cao rộng, những cánh chim vội vã bay đi tìm nơi trú ngụ nhưng mới chỉ là “bắt đầu” mà thôi. Điều này càng cho thấy thời gian thu mới chớm, mới sang. Không gian trở nên xôn xao, không có âm thanh nhưng câu thơ lại gợi được cái động.
* Cánh chim trong “Tràng giang” của Huy Cận cô đơn, mong manh như đang sa xuống mặt đất cùng ráng chiều “Chim nghiêng cánh nhỏ bóng chiều sa”. Còn trong “Sang thu” của Hữu Thỉnh, bầu trời cũng như nhỏ lại, ấm áp hơn theo nhịp vận động “vội vàng” của cánh chim.

=> Hai câu thơ đối nhau rất nhịp nhàng, dựng lên hai hình ảnh đối lập, ngược chiều nhau: sông dưới mặt đất, chim trên bầu trời, sông “dềnh dàng” chậm rãi, chim “vội vã” lo lắng. Đó là sự khác biệt của vạn vật trên cao và dưới thấp trong khoảnh khắc giao mùa.

(3) Đám mây:

Và thật đặc biệt, đám mây mang trên mình cả hai mùa:

*Có đám mây mùa hạ*

*Vắt nửa mình sang thu*.

+ Trong thơ ca Việt Nam, không ít những vần thơ nói về đám mây trên bầu trời thu:

\_ “Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt” (Nguyễn Khuyến – “Thu

điếu”)

“Lớp lớp mây cao đùn núi bạc” (Huy Cận – “Tràng giang”)

+ Hữu Thỉnh dùng động từ “vắt” để gợi ra trong thời điểm giao mùa, đám mây như kéo dài ra, nhẹ trôi như tấm lụa mềm treo lơ lửng giữa bầu trời trong xanh, cao rộng.

+ Hình như đám mây đó vẫn còn lại một vài tia nắng ấm của mùa hạ nên mới “Vắt nửa mình sang thu”. Đám mây vắt lên cái ranh giới mỏng manh và ngày càng bé dần, bé dần đi rồi đến một lúc nào đó không còn nữa để toàn bộ sự sống, để cả đám mây mùa hạ hoàn toàn nhuốm màu sắc thu.

+ Nhưng trong thực tế không hề có đám mây nào như thế vì mắt thường đâu dễ nhìn thấy được sự phân chia rạch ròi của đám mây mùa hạ và thu. Đó chỉ là một sự liên tưởng thú vị - một hình ảnh đầy chất thơ. Thời khắc giao mùa được sáng tạo từ một hồn thơ tinh tế, nhạy cảm, độc đáo không những mang đến cho người đọc…mà còn đọng lại những nỗi bâng khuâng trước vẻ dịu dàng êm mát của mùa thu.

-> Có lẽ đây là hai câu thơ hay nhất trong sự tìm tòi khám phá của Hữu Thỉnh trong khoảnh khắc giao mùa. Nó giống như một bức tranh thu vĩnh hằng tạc bằng ngôn ngữ.

**=> Hợp (1),(2),(3).**

* Dòng sông, cánh chim, đám mây đều được nhân hóa khiến cho bức tranh thu trở nên hữu tình, chứa chan thi vị.
* Cả ba hình ảnh trên là tín hiệu của mùa thu sang còn vương lại một chút gì của cuối hạ. Nhà thơ đã mở rộng tầm quan sát lên chiều cao (chim), chiều rộng (mây) và chiều dài(dòng sông). Phải chăng có sợi tơ duyên đồng cảm giữa con người với thiên nhiên đang vào thu.
* Qua cách cảm nhận ấy, ta thấy Hữu Thỉnh có một hồn thơ nhạy cảm, yêu thiên nhiên tha thiết, một trí tưởng tượng bay bổng.
* Sau những sự vật hiện tượng khi chớm thu, nhà thơ chú ý đến những yếu tố thời tiết:

*Vẫn còn bao nhiêu nắng*

*Đẵ vơi dần cơn mưa*

*Sấm cũng bớt bất ngờ*

*Trên hàng cây đứng tuổi”.*

Trong cảm nhận này, nhà thơ luôn có sự liên tưởng so sánh với mùa hạ nhằm tạo nên ấn tượng rõ nét.

(1) Nắng – mưa

+ Nắng, mưa vốn là hiện tượng của thiên nhiên vận hành theo quy luật riêng của nó. Hữu Thỉnh đã nhìn ra từ cái mưa nắng hàng ngày một sự hụt vơi – dấu hiệu của sự chuyển mùa từ hạ sang thu. Nắng lắm mưa nhiều là đặc điểm của mùa hạ.

+ Nắng vẫn còn vàng tươi nhưng nắng thu trong và dịu hơn cái nắng chói chang, gay gắt của mùa hạ.

+ Mưa cũng vẫn còn nhưng đã vơi nhiều so với những cơn mưa bong bóng kéo dài của mùa hạ. “Vơi dần” không chỉ là ít mưa đi mà còn là mưa ít nước đi. Đây cũng là dấu hiệu của sự chuyển mùa.

-> Hai chữ “bao nhiêu” thường hướng về một cái gì đong đếm được nhưng sắc nắng làm sao có thể cân đo? Cũng như “vơi”, dù biết vơi bớt nhưng vơi bớt đến mức nào thì ai có khả năng xác định? Tất cả chỉ là ước lượng mà thôi, không có gì là chừng mực cố định cả. Cách nói mơ hồ của nghệ thuật khắc hẳn với khoa học ở chỗ này.

-> Phải chú ý, phải để lòng mình bắt nhịp với thiên nhiên mới cảm nhận thấy điều đó.

(2) Sấm – hàng cây

+ Cuối hạ - đầu thu, khi đã vơi đi những cơn mưa xối xả thì sấm cũng bớt bất ngờ và dữ dội. Nó không còn đột ngột, đùng đoàng rền vang cùng với những tia sáng chớp lòe như xé rách bầu trời trong những trận mưa báo tháng 6 tháng 7 nữa.

+ “Hàng cây đứng tuổi” phải chẳng là hàng cây đã đi qua bao cuộc chuyển mùa nên không biết chính xác là bao nhiêu nhưng chắc cũng đủ trải nghiệm để có thể điềm nhiên đứng trước những biến động.

=> Cảnh vật, thời tiết thay đổi. Tất cả vẫn còn nhiều dấu hiệu của mùa hè nhưng giảm dần mức độ, cường độ, để rồi lặng lẽ vào thu qua con mắt quan sát và cảm nhận tinh tế của tác giả.

- Hai câu kết của bài thơ không chỉ mang nghĩa tả thực, mà còn mang ý nghĩa ẩn dụ, gợi những suy nghĩ cho người đọc người nghe:

*Sấm cũng bớt bất ngờ*

*Trên hàng cây đứng tuổi*

+ “Sấm” là những vang động bất thường của ngoại cảnh, cuộc đời.

+ “Hàng cây đứng tuổi” chỉ những con người đứng tuổi từng trải.

=> Giọng thơ trầm hẳn xuống, câu thơ không đơn thuần chỉ là giọng kể, là sự cảm nhận mà còn là sự suy nghĩ, chiêm nghiệm về đời người. Nhìn cảnh vật biến chuyển khi thu mới bắt đầu, Hữu Thỉnh nghĩ đến cuộc đời khi đã “đứng tuổi”. Phải chăng, mùa thu đời người là sự khép lại của những tháng ngày sôi nổi với những bất thường của tuổi trẻ và mở ra một mùa thu mới, một không gian mới, yên tĩnh, trầm lắng, bình tâm, chín chắn…trước những chấn động của cuộc đời.

=> Vậy là “Sang thu” đâu chỉ là sự chuyển giao của đất trời mà còn là sự chuyển giao cuộc đời mỗi con người. Hữu Thỉnh rất đỗi tinh tế, nhạy bén trong cảm nhận và liên tưởng. Chính vì vậy

những vần thơ của ông có sức lay động lòng người mãnh liệt hơn.

**Kết bài:**

* Bằng hình ảnh thơ tự nhiên, không trau chuốt mà giàu sức gợi cảm.
* Thể thơ năm chữ.

Hữu Thỉnh đã thể hiện một cách đặc sắc những cảm nhận tinh tế để tạo ra một bức tranh chuyển giao từ cuối hạ sang thu nhẹ nhàng, êm dịu, trong sáng nên thơ…ở vùng đông bằng Bắc Bộ của đất nước.

- Bài thơ của Hữu Thỉnh đánh thức tình cảm của mỗi người về tình yêu quê hương đất nước và suy ngẫm về cuộc đời.

|  |
| --- |
| **Đề bài: Cảm nhận khổ thơ đầu trong bài "Sang thu" của Hữu Thỉnh.** |

Cuối hạ, thu đến mang theo những cảm xúc bất chợt để lại trong lò ng người những bồi hồi, xao xuyến về một mùa thu nồng nàn, êm ái. Ngày hạ đi để nhường chỗ cho nàng thu dịu dàng bước tới, sự chuyển mình giữa hai mùa thật nhẹ nhàng và ngập ngừng như lưu luyến, vấn vương một cái gì đó của thời đã qua. Khoảnh khắc ấy thật đẹp, nhưng không phải ai cũng dễ dàng nhận thấy. Riêng nhà thơ Hữu Thỉnh thì khác, ông đã có một cái nhìn thật tinh tường, một cảm nhận thật sắc nét và một cách sống hòa hợp với thiên nhiên nên mới có thể vẽ lại bức tranh in dấu sự chuyển mình của đất trời qua bài thơ “Sang Thu” – linh hồn của cả bài thơ chỉ vẻn vẹn trong hai từ thế thôi, song ý nghĩa sâu sắc chất chứa trong hai từ ngắn ngủi ấy lại không hề ít. Và có lẽ những ý nghĩa đó, lại tập trung nhiều hơn vào khổ thơ đầu bài thơ :

"Bỗng nhận ra hương ổi Phả vào trong gió se

Sương chùng chình qua ngõ Hình như thu đã về".

Dẫu biết rằng thời gian bốn mùa luôn luân chuyển hết xuân đến hạ, thu sang rồi đông tới, thế nhưng ta vẫn cảm thấy ngỡ ngàng khi quên đi nhịp sống sôi động hàng ngày mà lắng nghe tiếng mùa thu đi để cảm nhận thời khắc đặc biệt bước chuyển mùa của thiên nhiên. Sang thu của Hữu Thỉnh giúp ta chiêm ngưỡng lại những giây phút giao mùa tinh tế đầy ý vị mà bấy lâu nay ta hững hờ. Đó là lúc hồn ta run lên những cảm nhận dung dị.

Chỉ với bốn câu thơ ngắn mở đầu, Hữu Thỉnh đã đem đến cho chúng ta những cảm nhận sâu sắc về thiên nhiên. Những tín hiệu của mùa thu với những nét phác họa tài hoa: hương ổi, gió se, sương chùng chình giản dị mà hiện lên đầy gợi cảm.Không phải là sắc “mơ phai” hay hình ảnh “con nai vàng ngơ ngác” mà là hương ổi thân quen nơi vườn mẹ đã đánh thức những giác quan tinh tế nhất của nhà thơ :

"Bỗng nhận ra hương ổi Phả vào trong gió se"

Từ “bỗng” được gieo lên trong niềm ngỡ ngàng, ngạc nhiên. Từ bao giờ nhỉ, thu về? Tất cả đến với tác giả nhẹ nhàng, mà đột ngột quá, thu về với đất trời quê hương, với lòng người mà không hề báo trước. Để rồi trong giây phút ngỡ ngàng ấy, nhà thơ mới chợt nhận ra hương ổi. Vì sao lại là hương ổi mà không phải là các hương vị khác? Người ta có thể đưa vào bài thơ về mùa thu các hương vị ngọt ngào của ngô đồng, cốm xanh, hoa ngâu,… nhưng Hữu Thỉnh thì không. Giữa tiết trời cuối hạ đầu thu, ông nhận ra hương vị chua chua, ngòn ngọt của những quả ổi chín vàng ươm. Hương ổi, thứ hương thơm quê mùa, dân dã. Hương ổi không nồng nàn. Đó là thứ hương dìu dịu, nhè nhẹ.Hương vị ấy đơn sơ, mộc mạc, đồng nội, rất quen thuộc của quê hương. Thế mà ít ai nhận ra sự hấp dẫn của nó. Bằng cảm nhận tinh tế, bằng khứu giác, thị giác, nhà thơ đã chợt nhận ra dấu hiệu của thiên nhiên khi mùa thu lại về. Chúng ta thật sự rung động trước cái “bỗng nhận ra” ấy của tác giả. Chắc hẳn nhà thơ phải gắn bó với thiên nhiê n, với quê hương lắm nên mới có được sự cảm nhận tinh tế và nhạy cảm như thế!

Dấu hiệu của sự chuyển mùa còn được thể hiện qua ngọn gió se mang theo hương ổi chín.Gió se là một làn gió nhẹ, mang chút hơi lạnh, còn được gọi là gió heo mây. Ngọn gió se se lạnh, se se thổi, thổi vào cảnh vật. thổi vào lòng người một cảm giác mơn man, xao xuyến. Từ “phả” được dùng trong câu thơ mới độc đáo làm sao! “Phả” là một động tác mạnh gợi một cái gì đó đột ngột.Nó diễn tả được tốc độ của gió, vừa góp phần thể hiện sự bất chợt trong cảm nhận: hương ổi có sẵn mà chẳng ai nhận ra, thế mà Hữu Thỉnh đã bất chợt nhận ra và xao xuyến trước cái hương đồng gió nội ấy. Câu thơ ngắn mà có cả gió cả hương. Hương là hương ổi, gió là gió se. Đây là những nét riêng của mùa thu vùng đồi trung du miền Bắc. Gợi được như vậy hẳn cái tình quê của Hữu Thỉnh phải đậm đà lắm. Câu thơ: “ Bỗng nhận ra hương ổi. Phả vào trong gió se” còn có cái cảm giác ngỡ ngàng bối rối: bỗng nhận ra. Nhận ra hương ổi giống như một sự phát hiện nhưng ở đây là phát hiện ra mùi hương vẫn vương vấn mà bấy lâu nay con người hờ hững. chính vì sự phát hiệ ra cái gần gũi xung quanh mình cho nên con người mới có cảm giác ngỡ ngàng đôi chút bối rối ấy.

Không chỉ có “hương ổi’ trong “gió se” mà tiết trời sang thu còn có hình ảnh: “Sương chùng chình qua ngõ”

Một hình ảnh đầy ấn tượng. Sương được cảm nhận như một thực thể hữu hình có sự vận động – một sự vận động chậm rãi. Từ chùng chình gợi lên nhiều liên tưởng. Tác giả nhân hóa làn sương nhằm diễn ta sự cố ý đi chậm chạp của nó khi chuyển động. Nó bay qua ngõ, giăng giắc và giậu rào, vào hàng cây khô trước ngõ đầu thôn,làm ta như thấy một sự dùng dằng, gợi cảnh thu sống động trong tĩnh lặng, thong thả yên bình. Nó có cái vẻ duyên dáng, yểu điệu của một làn sương, một hình bóng của thiếu nữ hay của một người con gái nào đấy. Đâu chỉ có thế, cái hay của từ láy “chùng chình” còn là gợi tâm trạng.

Sương dềnh dàng hay lòng người đang tư lự, hay tâm trạng của tác giả cũng “chùng chình”?.

Khổ thơ thứ nhất khép lại bằng câu thơ “Hình như thu đã về”. Từ “hình như” không có nghĩa là không chắc chắn, mà là thể hiện cái ngỡ ngàng, ngạc nhiên và có chút bâng khuâng. Từ ngọn gió se mang theo hương ổi thơm chín, vàng ươm đến cái duyên dáng, yểu điệu của một làn sương cứ chùng chình không vội vàng trước ngõ, tác giả đã nhận dần nhận ra sự chuyển mình nhẹ nhàng nhưng khá rõ rệt của tiết trời và thiên nhiên trong khoảnh khắc giao mùa bằng đôi mắt tinh tế và tâm hồn nhạy cảm của một thi sĩ yêu thiên nhiên, gắn bó với cuộc sống nơi làng quê.

Khổ thơ ngắn mà đã để lại cho ta biết bao rung động. Ta như cảm thấy một hồn quê, một tình quê đi về trong câu chữ làm lòng ta ấm áp. Hình ảnh quê hương như càng thêm gần gũi, yêu mến.

Mùa thu lặng lẽ và nhẹ nhàng. Những hình ảnh thơ cứ vương vấn mãi trong hồn. có một cái gì thật êm, dịu dàng toát lên từ đoạn thơ ấy. Quả thực ta thấy lòng thanh thản vô cùng mà lại vô cùng nôn nao nhớ đến những miền quê xa vắng trong nắng thu khi đọc mấy câu thơ của Hữu Thỉnh.

|  |
| --- |
| **Đề bài: Cảm nhận khổ 1 và 2 bài thơ “Sang thu” của Hữu Thỉnh** |

Nếu mùa xuân là mùa hội tụ của những bàn tay nghệ sĩ tài hoa, thì mùa thu bước vào thơ ca cũng tự nhiên và gần gũi. Trước đây, Nguyễn Khuyến nổi tiếng với ba bài thơ thu: “Thu điếu”.”Thu vịnh”,”Thu ẩm”. Sau này, Xuân Diệu có “Đây mùa thu tới”. Nhỏ nhẹ, khiêm nhường, Hữu Thỉnh cũng góp vào cho mùa thu đất nước một góc quê hương sang thu:

*Bỗng nhận ra hương ổi*

*Phả vào trong gió se*

*Sương chùng chình qua ngõ*

*Hình như thu đã về.*

*Sông được lúc dềnh dàng*

*Chim bắt đầu vội vã*

*Có đám mây mùa hạ*

*Vắt nửa mình sang thu*

Đoạn thơ có cái hương vị ấm nồng của chớm thu ở một miền quê nhỏ. Tín hiệu đầu tiên để tác giả nhận ra là hương ổi “phả vào trong gió se”. Mùi hương quê nhà mộc mạc được gió đưa vào trong không gian cứ lan tỏa, thoang thoảng bay. Cảm giác bất chợt đến với nhà thơ “Bỗng nhận ra…”. Một sự bất ngờ mà như đã đợi sẵn, đợi từ lâu rồi, để giờ đây có dịp là buông ra ngay. Trong số chúng ta chắc chắn không ai chưa một lần nếm vị ổi: giòn ngọt, chua chua nơi đầu lưỡi. Cái dư vị của hương thơm đó cứ vấn vít vương lại trong ta khi chợt đọc câu thơ của Hữu Thỉnh. Có hương ổi. Có gió. Và sương. Mùa thu lại về. Mùa thu mang theo hương quê và mang theo sương mờ ướt lạnh. Dường như có thêm sương, nên thu dễ nhận hơn “Sương chùng chình qua ngõ”. “Chùng chình” hay là đợi chờ gì đây? Cứ dần như thế; cứ nhẹ nhàng, mềm mại như thế; thu đến, tự lúc nào không hay. “Hình như thu đã về”. Nhà thơ giật mình, hơi bối rối. Tự bao giờ nhỉ? Thu về? Từ hương ổi, hay từ gió, hay từ sương? Hữu Thỉnh cũng hơi ngỡ ngàng. Trước thoáng đi bất chợt của mùa thu. Thu về, thu lại về trên quê hương, trên những con người, bờ đê và trên cả những con sông, cánh chim trời.

Cái bỡ ngỡ ban đầu vụt tan biến đi, nhường chỗ cho sự rung cảm mãnh liệt trước mùa thu:

*Sông được lúc dềnhdàng*

*Chim bắt đầu vội vã*

*Có đám mây mùa hạ*

*Vắt nửa mình sang thu*

Con sông quê hương dềnh dàng nước chờ mùa thu. Những cánh chim bay đi vội vã. Tất cả đều hối hả, xôn xao khi thu về. Không còn cái gay gắt của mùa hè nóng nực, chỉ còn lại một bầu trời không gian ẩm ướt và se se lạnh. Một thoáng rối lòng, để rồi nhường lại cho thu. Mùa thu vừa mới chớm rất nhẹ, rất dịu, rất êm, mơ hồ như cả đất trời đang rùng mình thay áo mới. Hữu Thỉnh không tả trời thu “xanh ngắt mấy tầng cao” như Nguyễn Khuyến, mà chỉ điểm vào bức tranh thu một chút mây vương lại của mùa hè vừa qua:

*Có đám mây mùa hạ*

*Vắt nửa mình sang thu*

Mây trời vắt nửa mình sang thu. Lối diễn đạt của nhà thơ thật độc đáo. Hình như đám mấy đó còn lại một vài làn nắng ấm mùa hè nên mới “vắt nửa mình”. Thu về, làm cho bao cảnh vật đổi thay và đám mây cũng trở nên khác lạ.

Với một đoạn thơ ngắn vẻn vẹn có hai khổ, nhà thơ đã dựng lại một bức tranh thu nồng đượm hơi ấm cuộc đời, hơi ấm quê nhà. Những hình ảnh sang thu thân quen, giản dị mà tươi tắn, sống động. Với những từ láy: “chùng chình”, “dềnh dàng”, “vội vã” và một giọng thơ vừa có thoáng ngỡ ngàng, vừa vui sướng, Hữu Thỉnh đã đưa ta về một miền quê dân dã mà ấm áp tình người.

“Sang thu” – một hình ảnh quê hương tự nó đã tôn thêm vẻ đẹp cho đất nước, cho quê nhà, cho đồng quê trong mùa thu chung của đất trời Việt Nam.

## \* Bài tập vận dụng:

**Bài tập 1**: Bằng đoạn văn khoảng 8 câu, hãy phân tích sự cảm nhận tinh tế của nhà thơ về biến chuyển trong không gian lúc sang thu ở khổ thơ:

Bỗng nhận ra hương ổi

Phả vào trong gió se

Sương chùng chình qua ngõ

Hình như thu đã về.

(Sang thu – Hữu Thỉnh)

***= > gợi ý tham khảo***

Mở đầu “Sang thu” là những cảm nhận tinh tế, bất ngờ của nhà thơ Hữu Thỉnh trước không gian nơi đồng quê êm đềm, dịu dàng mà thơ mộng:

Bỗng nhận ra hương ổi

Phả vào trong gió se

Sương chùng chình qua ngõ

Hình như thu đã về.

Đặt từ “bỗng” ở đầu khổ thơ, tác giả cho thấy, mùa thu đến khá bất ngờ và đột ngột, dường như không hẹn trước. Bắt đầu mùa thu không phải là nét đặc trưng của trời mây hay sắc vàng hoa cúc như trong thơ cổ mà là “hương ổi” nơi vườn quê. Cái hương thơm nồng nàn ấy, thân thuộc ấy đang “phả vào trong gió se” – thứ gió heo may, khô lạnh, dịu dàng chỉ xuất hiện độ giao mùa ở miền Bắc. Dùng từ “phả” tác giả gợi hương thơm ngan ngát của ổi chín như lắng đọng, sánh lại, lan tỏa trong không gian, thấm vào tâm tưởng, đánh thức những kỉ niệm tuổi thơ. Từ láy gợi hình cùng nghệ thuật nhân hóa – “sương chùng chình qua ngõ” gợi hình ảnh làn sương duyên dáng, yểu điệu như đang đợi chờ, đang lưu luyến nửa ở, nửa đi. Bằng tất cả các giác quan: khứu giác, xúc giác, và thị giác, tác giả cảm nhận những nét đặc trưng của mùa thu đều hiện diện. Phút giây giao mùa của thiên nhiên, cảm thấy rồi, nhìn thấy rồi, vậy mà thi nhân vẫn sững sờ, khó tin: “Hình như thu đã về”.

**Bài tập 2**: Theo cách diễn dịch (hoặc qui nạp) viết đoạn văn cảm nhận vẻ đẹp của đoạn thơ sau:

Có đám mây mùa hạ

Vắt nửa mình sang thu

(Sang thu – Hữu Thỉnh)

***= > gợi ý tham khảo***

Những chuyển biến nhẹ nhàng mà tinh tế của đất trời lúc hạ sang thu được nhà thơ Hữu Thỉnh cảm nhận sâu sắc qua bài thơ “Sang thu”. Ở đó có hương ổi nồng nàn, có gió thu se lạnh, có làn sương chùng chình, có dòng sông dềnh dàng, có cánh chim trời vội vã và: “Có đám mây mùa hạ - Vắt nửa mình sang thu”. Người đọc cảm nhận: hình như trong đám mây kia vẫn còn lại một vài tia nắng ấm của mùa hạ nên mới “Vắt nửa mình sang thu”. Ngôn ngữ thơ thật giàu chất tạo hình! Trong khoảnh khắc giao mùa, đám mây như kéo dài ra, nhẹ trôi như tấm lụa mềm treo lơ lửng giữa bầu trời trong xanh, cao rộng. Nó vắt lên cái ranh giới lỏng lẻo, mỏng manh giữa hai mùa hạ - thu để rồi một thoáng qua đi cả đất trời đã nhuốm màu sắc thu. Có thể nói, bằng sự liên tưởng tinh tế, độc đáo, Hữu Thỉnh đã sáng tạo ra một hình ảnh đầy chất thơ thật quyến rũ, thật xốn xang lòng người!

**Bài tập 3**: Viết đoạn văn khoảng 6 câu trình bày cách hiểu của em về hai câu thơ cuối bài “Sang thu” của Hữu Thỉnh:

Sấm cũng bớt bất ngờ

Trên hàng cây đứng tuổi

***= > gợi ý tham khảo***

Hai câu thơ cuối cùng trong bài thơ Sang thu của Hữu Thỉnh gợi cho ta nhiều suy nghĩ, liên tưởng thú vị. “Sấm cũng bớt bất ngờ. Trên hàng cây đứng tuổi". Giọng thơ trầm hẳn xuống, câu thơ không đơn thuần chỉ là giọng kể, là sự cảm nhận mà còn là sự suy nghĩ chiêm nghiệm về đời người. Mùa thu của thiên nhiên hay "mùa thu" của mỗi con người? Nhìn cảnh vật biến chuyển khi thu mới bắt đầu, Hữu Thỉnh nghĩ đến cuộc đời khi đã "đứng tuổi". Phải chăng mùa thu của đời người là sự khép lại những tháng ngày sôi nổi với những bất thường của tuổi trẻ và mở ra một mùa mới, một không gian mới, yên tĩnh, trầm lắng hơn. Hai hình ảnh "sấm" và "hàng cây đứng tuổi" vừa có ý nghĩa tả thực vừa có ý nghĩa tượng trưng cho thấy một Hữu Thỉnh rất đỗi tinh tế, nhạy bén trong cảm nhận và liên tưởng. Mùa thu thường không rạo rực, ấm áp như mùa xuân, không sôi động rộn ràng như mùa hạ, hay lạnh lẽ, thê lương như mùa đông. Thu đến rất nhẹ nhàng và đi rất lặng lẽ. Thu không đánh thức ta bằng những âm thanh vang động, màu sắc lộng lẫy, hương vị ngọt ngào mà gieo vào lòng ta những thoáng xao động, mơ màng, gợi trong ta những suy nghĩ sâu xa về cuộc sống. Có lẽ vì thế mà thơ thu, trong đó có Sang thu của Hữu Thỉnh rất giàu ý nghĩa.

**Bài tập 4**: Viết đoạn văn khoảng 6 câu giải thích ý nghĩa ẩn dụ của hình ảnh “tiếng sấm” trong câu thơ “Sấm cũng bớt bất ngờ/Trên hàng cây đứng tuổi”.

***=> Gợi ý:***

Cần trình bày được cách hiểu hai câu thơ cả về nghĩa tả thực và nghĩa ẩn dụ:  
- Tầng nghĩa thứ nhất ( nghĩa tả thực): là hiện tượng sấm chớp và hình ảnh hàng cây trong mưa. Lúc sang thu, tiếng sấm dữ dội và những cơn mưa giông cũng bớt đi. Hàng cây không còn bị giật mình vì những tiếng sấm bất ngờ nữa. Đó là hiện tượng tự nhiên.

- Tầng nghĩa thứ hai ( nghĩa ẩn dụ): Thông qua hình ảnh có tính chất ẩn dụ, nhà thơ thể hiện suy ngẫm của mình về con người và cuộc đời:

+ “Sấm” là những tác động bất thường của ngoại cảnh, của cuộc đời.

+ “hàng cây đứng tuổi” chỉ những con người từng trải.

=> Khi con người đã trưởng thành, đã trải nghiệm trong đường đời thì bản lĩnh càng vững vàng hơn trước những thử thách, những bão giông bất thường. Đó chính là sự khẳng định sức sống mãnh liệt của tâm hồn, dù đã “sang thu” những vẫn rạo rực và nồng nàn.

Top of Form

Bottom of Form

**Bài tập 5:** Phân tích sự cảm nhận tinh tế của nhà thơ về những chuyển biến trong không gian lúc sang thu. (Gợi ý: qua hương vị, qua vận động của gió, sương, của dòng sông, cánh chim, đám mây, qua nắng, mưa, tiếng sấm. Chú ý các từ phả vào, chùng chình, dềnh dàng...)

***=> gợi ý***

Những chuyển biến của không gian lúc sang thu:

Hương vị: mùi ổi chín lan toả trong không gian gợi nhớ về tuổi thơ êm đềm, gợi nhớ về những làng quê xanh rợp bóng tre. Mùi hương ổi quen thuộc đã ăn sâu trong tiềm thức biết bao người.

Hình ảnh:

* Cơn gió se nhẹ nhàng lướt trong không gian.
* Sương thu chăng mắc như một làn khói mỏng trước cổng nhà.
* Dòng sông êm đềm buông mình chậm rãi không còn cuồn cuộn như trước.
* Đàn chim bay vội vã đi tìm nơi trôn rét.
* Từng đám mây lững lờ trôi trên bầu trời
* Nắng nhạt hơn và mưa cũng vơi dần hơn.
* Tiếng sấm thưa dần và dường như cũng nhẹ nhàng hơn.

= > Cách sử dụng từ ngữ “ phả vào”,” dềnh dàng”, “chùng chình” là những từ ngữ diễn tả cảm giác trạng thái thể hiện sự thay đổi của khung cảnh thiên nhiên một cách tinh tế trong thời điểm giao mùa. Đồng thời thể hiện tâm trạng bâng khuâng ngỡ ngàng của tác giả lúc thu sang.

## \* Tư liệu tham khảo:

**NHÀ THƠ HỮU THỈNH TỰ BẠCH VỚI “SANG THU”**

Nhà thơ trầm ngâm kể về thời khắc ông đặt bút viết bài thơ. Năm 1977, ông tham gia trại viết văn quân đội ở một làng ngoại ô Hà Nội (nay là Khương Hạ, Thanh Xuân, Hà Nội). Đất nước ta lúc này vừa trải qua chiến tranh, cuộc sống thanh bình đã trở lại. Trong cái mơ hồ phảng phất gió thu và lá thu đang ngả màu, nhà thơ đã trèo lên cây ổi chín vàng trong cả một vườn ổi bạt ngàn ở nơi này. Không có gì đặc hơn, sánh hơn cái màu, cái mùi ổi chín vàng nhuốm trong cái nắng vàng của mùa Thu.. Không gian cao vút, sâu thăm, yên tĩnh.

Bài thơ bật lên từ đó, ngay khi nhà thơ còn ngồi trên cây ổi, những vần thơ được “được làm trong đầu” chứ chưa đụng chạm gì đến giấy bút. “Bài thơ hình thành rất nhanh và chính tôi cũng lấy rất làm tâm đắc nên thuộc lòng rồi “nhâm nhi” đọc suốt buổi không chán...”.

*“Bỗng nhận ra hương ổi Phả vào trong gió se”.*

# Nhà thơ đã đến với mùa Thu bằng cách ấy, bằng “hương ổi trong gió se” chứ không phải là bằng hình ảnh quen thuộc như vòm trời cao xanh, heo may phảng phất, hương cốm... Giải thích cho sự “khác thường” này, nhà thơ Hữu Thỉnh cho biết: “Mùa Thu biểu hiện rất nhiều hình ảnh khi chuyển mùa. Và tất cả những hình ảnh đẹp cũng đã được các nhà thơ cổ khai thác hết cả rồi. Tôi không muốn lặp lại nữa nên giữa trời đất mênh mang, giữa cái khoảng khắc giao mùa kỳ lạ thì điều khiến cho tâm hồn tôi phải lay động, phải giật mình để nhận ra đó chính là hương ổi. Với tôi, thậm chí là với nhiều người khác không làm thơ thì mùi hương đó gợi nhớ đến tuổi ấu thơ, gợi nhớ đến buổi chiều vàng với một dòng sông thanh bình, một con đò lững lờ trôi, những đàn trâu bò no cỏ giỡn đùa nhau và những đứa trẻ ẩn hiện trong triền ổi chín ven sông... Nó giống như mùi bờ bãi, mùi con trẻ... Hương ổi tự nó xộc thẳng vào những miền thơ ấu thân thiết trong tâm hồn chúng ta. Mùi hương đơn sơ ấy lại trở thành quý giá vì nó đã trở thành chiếc chìa khóa vàng mở thẳng vào tâm hồn mỗi người, có khi là cả một thế hệ...”.

Gửi gắm nhiều điều sâu lắng...

“*Bài thơ không chỉ báo cho người đọc biết thu đã trở trong cảnh sắc thiên nhiên mà còn ngay trong cuộc sống của con người, trong tâm hồn tôi và chắc với rất nhiều người yêu thu... “Có đám mây mùa hạ/ Vắt nửa mình sang thu* ”. Hai câu thơ này không hẳn nói về hiện tượng giao mùa như một số người hiểu và phân tích. Khi tôi viết bài thơ này tôi đã liên tưởng đến những đám mây mùa Hạ. Đó là những đám mây tràn trọn vẹn vào mùa Thu. Thế nhưng có gì ngăn cảm xúc của tôi lại theo chiều hướng đấy... Mây mùa Hạ thường chứa nhiều màu sắc, thậm chí đầy giông bão tựa hồ những ước mơ khao khát của tuổi trẻ. Những ước mơ khao khát ấy thường lấy đi rất nhiều sức lực của tuổi trẻ. Tuy nhiên giữa mơ và thực là hai thế giới luôn đối lập nhau và chẳng phải ước mơ nào cũng trở thành hiện thực.

# Ðó giống như là một chân lý và con người phải biết ý thức được một điều rằng không thể đạt được hết những ước vọng tốt đẹp của mình, nhất là những ước vọng đó lại được sinh ra ở thời tuổi trẻ. Sự dang dở, sự mất mát là một hiện thực chúng ta buộc phải chấp nhận trong cuộc sống của mình. Ngay cả người lính cũng vậy. Rất nhiều đồng đội của tôi đã nằm lại ở tuổi còn rất trẻ ở ngưỡng mùa đẹp nhất của cuộc đời. Vì thế nên đám mây trong thơ ấy chỉ “vắt nửa mình sang Thu” thôi. Nửa còn lại đã trở thành ký ức”. Hai câu cuối cùng: Sấm cũng bớt bất ngờ/ Trên hàng cây đứng tuổi . Chủ thể bài thơ và cái kiêu hùng của mùa Thu đã toát lên chính là ở hai câu thơ này. Đó là cốt cách của một người lính không chỉ là trong một buổi chiều mùa Thu mà là một buổi chiều hòa bình. Có thể nó có vẻ ngang tàng “sấm cũng bớt bất ngờ” nhưng lại mang một vẻ đẹp dịu dàng, sâu lắng của mùa thu hòa bình. Ở đây hàng cây đứng tuổi chính là chủ thể trữ tình trong bài thơ đã trải qua bao nhiêu gian nan vất vả, giờ đã vươn lên và không gì làm chúng run rẩy.

Nhiều người bỏ qua “chìa khóa” của bài thơ

Có một chi tiết mà các cô giáo và thầy giáo khi giảng về bài thơ Sang thu làm người sáng tác ra nó không hài lòng. Nhà thơ Hữu Thỉnh tâm sự: “Cuối bài thơ tôi đề là “Thu 1977”. Đây là chìa khóa của bài thơ mà rất nhiều người giảng về bài thơ này không hiểu hoặc không chú ý. Nếu chú ý thì sẽ hiểu thêm được rằng đây là một trong những mùa Thu đầu tiên của người lính vừa bước ra khỏi chiến tranh. Nếu như họ là lính trong thời chiến họ mới hiểu được rằng đôi lúc chúng tôi đã rất mong trên đầu không có tiếng máy bay dù chỉ để được đi tắm giặt, đi hái rau hoặc tranh thủ đọc vài trang sách, mà cũng không có. Suốt ngày người lính trong thời chiến phải đối diện với tiếng súng nổ, tiếng bom rơi và tiếng động cơ phản lực... Chính vì vậy mà có lúc nào đó không phải nghe những âm thanh ấy thì quả là quý giá vô cùng”.

Ông bày tỏ quan điểm: “Giảng văn thơ không nên chỉ phân tích trên văn bản, câu chữ mà hãy tìm hiểu sâu hơn cái tác giả muốn gửi gắm. Nó có thể nằm ngay trên tựa đề bài thơ, câu đề từ, lời ghi chú, ngày tháng hay một lời đề tặng.

**Yên Khương**

**CHUYÊN ĐỀ 17**

**NÓI VỚI CON**

**Y Phương**

**I. Tìm hiểu văn bản**

***1. Con lớn lên trong tình yêu thương của cha mẹ, sự đùm bọc của quê hương.***

*Chân phải bước tới cha*

*Chân trái bước tới mẹ*

*Một bước chạm tiếng nói*

*Hai bước chạm tiếng cười*

- Hình dung đứa trẻ đang tập đi từng bước chập chững đầu tiên trong sự chờ đón, vui mừng của cha mẹ.

- Không khí gia đình đầm ấm, quấn quýt. Từng bước đi, từng tiếng nói, tiếng cười của con đều được cha mẹ chăm chút. Con lớn lên từng ngày trong sự thương yêu, nâng đón và mong chờ của cha mẹ.

- Diễn tả sự trưởng thành của con trong cuộc sống lao động, trong thiên nhiên thơ mộng và nghĩa tình của quê hương.

*Đan lờ cài nan hoa*

*Vách nhà ken câu hát.*

- Hình ản thơ vừa gợi công việc lao động cụ thể qua việc miêu tả được chất thơ của cuộc sống lao động hồn nhiên ấy bằng cách sử dụng những động từ (cài, ken) đi kèm với các danh từ (nan hoa - câu hát) tạo thành những kết cấu từ ngữ giàu sức khái quát, diễn tả tuy mộc mạc mà gợi cảm về cuộc sống lao động cần cù và tươi vui của người dân lao động miền núi. Giữa cuộc sống lao động cần cù ấy con từng ngày lớn lên.

*Rừng cho hoa*

*Con đường cho những tấm lòng*

*Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới*

*Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời.*

Vẫn bằng cách miêu tả mộc mạc, gợi cảm giác mạnhmẽ, tác giả đã thể hiện khung cảnh núi rừng quê hương thật thơ mộng và nghĩa tình. Thiên nhiên ấy đã chở che nuôi dưỡng con cả tâm hồn và lối sống.

***2. Những đức tính cao đẹp của “người đồng mình” và mong muốn của người cha đối với con***

- Bền gan vững chí:

*Cao đo nỗi buồn*

*Xa nuôi chí lớn.*

- Yêu tha thiết quê hương:

*Sống trên đá không chê đá gập ghềnh*

*Sống trong thung không chê thung nghèo đói.*

- Mộc mạc, hồn nhiên, khoáng đạt:

*Sống như sông, như suối.*

*Người đồng mình thô sơ da thịt.*

- Mạnh mẽ giàu chí khí - niềm tin:

*Người đồng mình tự đập đá kê cao quê hương*

*Còn quê hương thì làm phong tục.*

Tóm lại, cách nói của người dân miền núi diễn đạt vừa cụ thể (ví von so sánh cũng cụ thể có lúc như mơ hồ, đằng sau cái diễn đạt có lúc như mơ hồ lại là sự chính xác hợp lý), sức gợi cảm đặc biệt bộc lộ nội dung đặc sắc:

Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương

Còn quê hương thì làm phong tục.

Qua cách viết cách nói ấy ta thấy được niềm tự hào của người cha khi nói với con về quê hương mình

“Người đồng mình thô sơ da thịt

Chẳng máy ai nhỏ bé đâu con”.

- Từ việc diễn tả “người đồng mình” sống vất vả mà mạnh mẽ, khoáng đạt, bền bỉ gắn bó với quê hương dẫu còn cực nhọc, đói nghèo. Từ đó người cha mong muốn con phải có nghĩa tình chung thuỷ với quê hương, biết chấp nhận và vượt qua gian nan thử thách bằng ý chí, niềm tin của mình, đồng thời mong muốn con biết tự hào với truyền thống quê hương, dặn dò con cần tự tin mà vững bước trên đường đời.

**III.Tổng kết**

***1. Nghệ thuật***

Hình ảnh thở vừa cụ thể vừa có sức gợi cảm khái quát, cách nói mộc mạc, so sánh cụ thể, thể hiện cách nói đặc trưng của đồng bào miền núi.

- Lời thơ trìu mến tha thiết, điệp từ như điểm nhấn lời dặn dò ân cần, tha thiết của người cha.

***2. Nội dung***

Qua lời người cha nói với con, nhà thơ thể hiện tình cảm gia đình ấm cúng, ca ngợi truyền thống cần cù, sức sống mạnh mẽ của quê hương và dân tộc mình.

Bài thơ giúp ta hiểu thêm sức sống và vẻ đẹp tâm hồn của một dân tộc miền núi - gợi nhắc tình cảm gắn bó với truyền thống quê hương và ý chí vươn lên trong cuộc sống.

|  |
| --- |
| **Đề bài: Cảm nhận bài thơ “Nói với con” của Y Phương.** |

## Mở bài:

## Quê hương là gì hở mẹ? Mà cô giáo dạy phải yêu Quê hương là gì hở mẹ? Mà ai đi xa cũng nhớ nhiều

Nhà thơ Đỗ Trung Quân đã diễn tả tình yêu quê hương của mình bằng những vần thơ thật giản dị. Quả thật ai cũng có một quê hương nơi đón nhận tiếng khóc chào đời. Viết về quê hương, mỗi nhà thơ có một cách thể hiện khác nhau. Nếu như với Đỗ Trung Quân là “chiếc cầu tre nhỏ”, với Tế Hanh là “chiếc buồm vôi”, là “mùi nồng mặn quá” thì nhà thơ Y Phương lại biểu lộ tình yêu và niềm tự hào về quê hương qua lời tâm sự với con. Bài thơ “ Nói với con” được in trong “Thơ Việt Nam 1945 – 1985” là tiếng lòng của một tấm hồn chân thật, mạnh mẽ, trong sáng của người cha dành cho con. Qua đó, thể hiện tình yêu quê hương thắm thiết và diễn tả niềm tự hào về cội nguồn dân tộc.

## Thân bài.

Những lời thơ giản dị nhưng có sức ám ảnh lạ thường trong tâm trí độc giả. Những điều người cha nói với con trong bài thơ phải chăng cũng chính là lời căn dặn yêu thương mà biết bao nhiêu người cha muốn con mình thấu hiểu ? Mỗi lần đọc bài thơ là một lần ta cúi đầu thành kính trở về với cội nguồn, với những gì thân thương nhất. Mượn lơì cha tâm tình với con,nhà thơ nhắc nhở về cội nguồn của mỗi con người, qua đó bộc lộ niềm tự hào về sức sống mạnh mẽ, bền bỉ và phẩm chất tốt đẹp của dân tộc mình, quê hương mình.

## Cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người.

* Đến với bài thơ, ta thấy điều đầu tiên Y Phương muốn nói với con chính là cội nguồn sinh dưỡng mỗi con người – tình yêu thương vô bờ bến mà cha mẹ dành cho con – tình gia đình:

*Chân phải bước tới cha*

*Chân trái bước tới mẹ*

*Một bước chạm tiếng nói*

*Hai bước tới tiếng cười.*

+ Nhịp thơ 2/3, cấu trúc đối xứng, nhiều từ được láy lại, tạo ra một âm điệu tươi vui, quấn quýt: “chân phải” – “chân trái”, rồi “một bước” – “hai bước”, rồi lại “tiếng nói” – “tiếng cười”….

+ Bằng những hình ảnh cụ thể, giàu chất thơ kết hợp với nét độc đáo trong tư duy, cách diễn đạt của người miền núi, bốn câu thơ mở ra khung cảnh một gia đình ấm cúng, đầy ắp niềm vui, đầy ắp tiếng nói cười.

+ Lời thơ gợi vẽ ra trước mắt người đọc hình ảnh em bé đang chập chững tập đi, đang bi bô tập nói, lúc thì sa vào lòng mẹ, lúc thì níu lấy tay cha.

+ Ta có thể hình dung được gương mặt tràn ngập tình yêu thương, ánh mắt long lanh rạng rỡ cùng với vòng tay dang rộng của cha mẹ đưa ra đón đứa con vào lòng.

+ Từng câu, từng chữ đều toát lên niềm tự hào và hạnh phúc tràn đầy.Cả ngôi nhà như rung lên trong “tiếng nói”, “tiếng cười” của cha, của mẹ.Mỗi bước con đi, mỗi tiếng con cười đều được cha mẹ đón nhận, chăm chút mừng vui. Trong tình yêu thương, trong sự nâng niu của cha mẹ, con lớn khôn từng ngày.

-> Tình cha mẹ - con cái thiêng liêng, sâu kín, mối dây ràng buộc, gắn kết gia đình bền chặt đã được hình thành từ những giây phút hạnh phúc bình dị, đáng nhớ ấy. Lời thơ ngay từ đầu đã chạm đến sợi dây tình cảm gia đình sâu kín của mỗi con người nên tạo được sự đồng cảm, rung động sâu sắc đến độc giả.

* Cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người được Y Phương nói đến không chỉ là gia đình mà còn là quê hương, là thiên nhiên tươi đẹp và thấm đượm nghĩa tình. Như bầu sữa tinh

thần thứ hai, quê hương với cuộc sống lao động, với thiên nhiên tươi đẹp, tình nghĩa đã nuôi dưỡng, sẻ chia giúp cho con trưởng thành. Đó là:

*Người đồng mình yêu lắm, con ơi! Đan lờ cài nan hoa*

*Vách nhà ken câu hát.*

+ Quê hương hiện ra qua hình ảnh của người đồng mình. Nói với con về những “người đồng mình”, nhà thơ như đang giới thiệu ân cần đây là những người bản mình, người vùng mình, người dân quê mình gần gũi, thân thương.

-> Cách gọi như thế, cùng với hô ngữ “con ơi” khiến lời thơ trở nên tha thiết, trìu mến.

+ Người đồng mình là những con người đáng yêu, đáng quý: “Đan lờ cài nan hoa – Vách nhà ken câu hát”. Cuộc sống lao động cần cù và tươi vui của họ được gợi ra qua những hình ảnh thật đẹp! Những nan nứa, nan tre dưới bàn tay tài hoa của người quê mình đ ã trở thành “nan hoa”. Vách nhà không chỉ ken bằng tre, gỗ mà còn được ken bằng những câu hát si, hát lượn.

+ Các động từ “cài”, “ken” vừa miêu tả chính xác động tác khéo léo trong lao động vừa gợi sự gắn bó, quấn quýt của những con người quê hương trong cuộc sống lao động.

-> Cái “yêu lắm” của “người đồng mình” là gì nếu không phải là cốt cách tài hoa, là tinh thần vui sống? Phải chăng, ẩn chứa bên trong cái dáng vẻ thô mộc là một tâm hồn phong phú, lãng mạn biết bao?

+ Quê hương với những con người tài hoa, tâm hồn lãng mạn, cũng là quê hương với thiên nhiên thơ mộng, nghĩa tình:

*Rừng cho hoa*

*Con đường cho những tấm lòng.*

Nếu như hình dung về một vùng núi cụ thể, chắc hẳn mỗi người có thể gắn nó với những hình ảnh khác cách nói của Y Phương: là thác lũ, là bạt ngàn cây hay rộn rã tiếng chim thú hoặc cả những âm thanh “gió gào ngàn, giọng nguồn thét núi”, những bí mật của rừng thiêng….. Nhưng Y Phương chỉ chọn một hình ảnh thôi, hình ảnh “hoa” để nói về cảnh quan của rừng. Nhưng hình ảnh ấy có sức gợi rất lớn, gợi về những gì đẹp đẽ và tinh tuý nhất. Hoa trong “Nói với con” có thể là hoa thực - như một đặc điểm của rừng - và khi đặt trong mạch của bài thơ, hình ảnh này là một tín hiệu thẩm mĩ góp phần diễn đạt điều tác giả đang muốn khái quát: chính những gì đẹp đẽ của quê hương đã hun đúc nên tâm hồn cao đẹp của con người ở đó. Quê hương còn hiện diện trong những gì gần gũi, thân thương. Đó cũng chính là một nguồn mạch yêu thương vẫn tha thiết chảy trong tâm hồn mỗi người, bởi “con đường cho những tấm lòng”. Điệp từ “cho” mang nặng nghĩa tình. Thiên nhiên đem đến cho con người những thứ cần để lớn, giành tặng cho con người những gì đẹp đẽ nhất.Thiên nhiên đã che chở, nuôi dưỡng con người cả về tâm hồn và lối sống.

-> Bằng cách nhân hoá “rừng” và “con đường” qua điệp từ “cho”, người đọc có thể nhận ra lối sống tình nghĩa của “người đồng mình”. Quê hương ấy chính là cái nôi để đưa con vào cuộc sống êm đềm.

* Sung sướng ôm con thơ vào lòng, người cha nói với con về kỉ niệm có tính chất khởi đầu cho hạnh phúc gia đình:

*Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời.*

## => Mạch thơ có sự đan xen, mở rộng: từ tình cảm gia đình mà nói tới quê hương.

**=> Đoạn thơ vừa là một lời tâm tình ấm áp, vừa là một lời dặn dò đầy tin cậy của người cha trao gửi tới con.**

**=> Bằng những hình ảnh thơ đẹp,giản dị bằng cách nói cụ thể, độc đáo mà gần gũi của người miền núi, người cha muốn nói với con rằng:vòng tay yêu thương của cha mẹ, gia đình, nghĩa tình sâu nặng của quê hương làng bản- đó là cái nôi đã nuôi con khôn lớn, là cội nguồn sinh dưỡng của con. Con hãy khắc ghi điều đó.**

* 1. **Đức tính tốt đẹp của người đồng mình.** hocvanlop9
* Trong cái ngọt ngào của kỉ niệm về gia đình và quê hương, người cha đã tha thiết nói với con về những phẩm chất tốt đẹp của người đồng mình.

## Người đồng mình biết lo toan và giàu mơ ước ( Giàu ý chí, nghị lực ).

* Người đồng mình không chỉ là những con người giản dị, tài hoa trong cuộc sống lao động mà còn là những con người biết lo toan và giàu mơ ước:

*Người đồng mình thương lắm con ơi! Cao đo nỗi buồn*

*Xa nuôi chi lớn.*

+ Nếu trên kia “ yêu lắm con ơi”– yêu cuộc sống vui tươi bình dị, yêu bản làng thơ mộng, yêu những tấm lòng chân thật nghĩa tình, thì đến đây người cha nói “thương lắm con ơi”– bởi sau từ “thương” đó là những những nỗi vất vả, gian khó của con người quê hương -> Người cha biểu lộ tình cảm yêu thương chân thành về gian truân, thử thách cùng ý chí mà người đồng mình đã trải qua.

+ Bằng cách tư duy độc đáo của người miền núi, Y Phương đã lấy cái cao vời vợi của trời để đo nỗi buồn, lấy cái xa của đất để đo ý chí con người.

+ Sắp xếp tính từ “cao”, “xa” trong sự tăng tiến, nhà thơ cho thấy khó khăn, thử thách càng lớn thì ý chí con người càng mạnh mẽ.

=> Có thể nói, cuộc sống của người đồng mình còn nhiều nỗi buồn, còn nhiều bộn bề thiếu thốn song họ sẽ vượt qua tất cả, bởi họ có ý chí và nghị lực, họ luôn tin tưởng vào tương lai tốt đẹp của dân tộc.

## Người đồng mình dù sống trong nghèo khổ, gian nan vẫn thủy chung gắn bó với quê hương, cội nguồn.

*Sống trên đá không chê đá gập gềnh*

*Sống trong thung không chê thung nghèo đói Sống như sông như suối*

*Lên thác xuống ghềnh Không lo cực nhọc*

+ Phép liệt kê với những hỉnh ảnh ẩn dụ “đá gập gềnh”, “thung nghèo đói” -> gợi cuộc sống đói nghèo, khó khăn, cực nhọc.

+ Vận dụng thành ngữ dân gian “Lên thác xuống ghềnh”, ý thơ gợi bao nỗi vất vả, lam lũ.

-> Những câu thơ dài ngắn, cùng những thanh trắc tạo ấn tượng về cuộc sống trắc trở, gian nan, đói nghèo của quê hương.

+ Điệp ngữ “sống”, “không chê” và điệp cấu trúc câu cùng hình ảnh đối xứng đã nhấn mạnh: người đồng mình có thể nghèo nàn, thiếu thốn về vật chất nhưng họ không thiếu ý chí và quyết tâm. hocvanlop9 Người đồng mình chấp nhận và thủy chung gắn bó cùng quê hương, dẫu quê hương có đói nghèo, vất vả. Và phải chăng, chính cuộc sống nhọc nhằn, đầy vất vả khổ đau ấy đã tôi luyện cho chí lớn để rồi tình yêu quê hương sẽ tạo nên sức mạnh giúp họ vượt qua tất cả.

+ Phép so sánh “Sống như sông như suối” gợi vẻ đẹp tâm hồn và ý chí của người đồng mình. Gian khó là thế, họ vẫn tràn đầy sinh lực, tâm hồn lãng mạn, khoáng đạt như hình ảnh đại ngàn của sông núi. Tình cảm của họ trong trẻo, dạt dào như dòng suối, con sống trước niềm tin yêu cuộc sống, tin yêu con người.

## Người đồng mình có ý thức tự lập, tự cường và tinh thần tự tôn dân tộc:

* Phẩm chất của người của con người quê hương còn được người cha ca ngợi qua cách nói đối lập tương phản giữa hình thức bên ngoài và giá trị tinh thần bên trong, nhưng rất đúng với người miền núi:

*Người đồng mình thô sơ da thịt Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con*

+ Lời thơ mộc mạc, giản dị nhưng chứa bao tâm tình.

+ Cụm từ “thô sơ da thịt” là cách nói bằng hình ảnh cụ thể của bà con dân tộc Tày, ngợi ca những con người mộc mạc, giản dị, chất phác, thật thà, chịu thương, chịu khó.

+ Cụm từ “chẳng nhỏ bé” khẳng định sự lớn lao của ý chí, của nghị lực, cốt cách và niềm tin.

-> Sự tương phản này đã tôn lên tầm vóc của người đồng mình. Họ mộc mạc nhưng giàu chí khí, niềm tin. Họ có thể “thô sơ da thịt” nhưng không hề nhỏ bé về tâm hồn, về ý chí, về mong ước xây dựng quê hương:

*- Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương Còn quê hương thì làm phong tục.*

+ Lối nói đậm ngôn ngữ dân tộc – độc đáo mà vẫn chứa đựng ý vị sâu xa.

+ Hình ảnh “Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương” vừa mang tính tả thực ( chỉ truyền thống làm nhà kê đá cho cao của người miền núi), vừa mang ý nghĩa ẩn dụ sâu sắc.

+ Người đồng mình bằng chính bàn tay và khối óc, bằng sức lao động đã xây dựng và làm đẹp giàu cho quê hương, xây dựng để nâng tầm quê hương.

+ Còn quê hương là điểm tựa tinh thần với phong tục tập quán nâng đỡ những con người có chí khí và niềm tin.

-> Câu thơ đã khái quát về tinh thần tự tôn dân tộc, về ý thức bảo vệ nguồn cội, bảo tồn những truyền thống quê hương tốt đẹp của người đồng mình.

* Khép lại đoạn thơ bằng âm hưởng của một lời nhắn nhủ trìu mến với biết bao niềm tin hi vọng của người cha đặt vào đứa con yêu:

*Con ơi tuy thô sơ da thịt Lên đường*

*Không bao giờ nhỏ bé được Nghe con.*

+ Ý thơ “Tuy thô sơ da thịt” và “không bao giờ nhỏ bé” được lặp lại với bốn câu thơ trước đó càng trở nên da diết, khắc sâu trong lòng con về những phẩm chất cao đẹp của “người đồng mình”. hocvanlop9 Nhưng hai tiếng “Lên đường” cho thấy người con đã lớn khôn và tạm biệt gia đình – quê hương để bước vào một trang đời mới.

+ Trong hành trang của người con mang theo khi “lên đường” có một thứ quí giá hơn mọi thứ trên đời, đó là ý chí, nghị lực, truyền thống quê hương. Lời dặn của cha thật mộc

mạc, dễ hiểu, thấm thía, ẩn chứa niềm hi vọng lớn lao của cha, hi vọng đứa con sẽ tiếp tục vững bước trên đường đời, tiếp nối truyền thống và làm vẻ vang quê hương.

+ Hai tiếng “Nghe con” lắng đọng bao cảm xúc, ẩn chứa tình yêu thương vô bờ bến của cha dành cho con. Câu thơ còn gợi ra một cảnh tượng cảm động đang diễn ra lúc chia li: cha hiền từ âu yếm nhìn con, xoa đầu con và người con ngoan ngoãn cúi đầu lắng nghe lời cha dặn.

=> Ca ngợi những đức tính tốt đẹp của người đồng mình, cha mong con sống có tình nghĩa với quê hương, phải giữ đạo lí “Uống nước nhớ nguồn” của cha ông từ bao đời để lại. Hơn nữa, con phải biết chấp nhận gian khó và vươn lên bằng ý chí của mình.

**=> Người cha muốn con hiểu và cảm thông với cuộc sống khó khăn của quê hương, tự hào về truyền thống quê hương, tự hào về dân tộc để vững bước trên con đường đời, để tự tin trong cuộc sống.**

**=> Người cha trong bài thơ của Y Phương đã vun đắp cho con một hành trang quí vào đời. Nếu mẹ là bông hoa cho con cài lên ngực thì cha là cánh chim cho con bay thật xa. Nếu mẹ cho con những lời ngọt ngào yêu thương vỗ về thì cha cho con tinh thần ý chí nghị lực, ước mơ khát vọng, lối sống cao đẹp.**

**=> Giọng thơ thiết tha, trìu mến nhưng lại trang nghiêm. Các hình ảnh thơ cụ thể mà có tính khái quát, mộc mạc mà vẫn giàu chất thơ.**

**=> Đoạn thơ chứa chan ý nghĩa,mộc mạc, đằm thắm mà sâu sắc. Nó tựa như một khúc ca nhẹ nhàng mà âm vang. Lời thơ tâm tình của người cha sẽ là hành trang đi theo con suốt cuộc đời và có lẽ mãi mãi là bài học bổ ích cho các bạn trẻ - bài học về niềm tin, nghị lực,ý chí vươn lên.**

1. **Kết bài:**

“Nói với con”, Y Phương không chỉ sắp xếp hành trang cho riêng đứa con yêu quí của mình, mà cũng là hành trang ông muốn trao gửi cho tất cả những ai đang bước đi trên đường đời.

|  |
| --- |
| **Đề bài: Cảm nhận khổ 2 bài thơ “Nói với con” của Y Phương.** |

**1.Mở bài:**

* Y Phương là nhà thơ dân tộc Tày. Thơ ông thể hiện tâm hồn chân thật, mạnh mẽ và trong sáng, cách tư duy giàu hình ảnh của người miền núi.
* “Nói với con” là một trong những bài thơ tiêu biểu viết về tình cảm gia đình ấm cùng, ca ngợi truyền thống cần cù, sức sống mạnh mẽ của quê hương và dân tộc.
* Đoạn hai của bài thơ (16 câu) thể hiện lòng tự hào về sức sống mạnh mẽ, bền bỉ, về truyền thống cao đẹp của quê hương và niềm mong ước con hãy kế tục xứng đáng truyền thống ấy.

**2.Thân bài:**

\* Khái quát: Dẫn dắt vào bài

* Bài thơ không đưa ra những chân lý to tát mà là lời tâm sự chân thành của một người cha dành cho đứa con yêu quý, dạy con hãy biết yêu thương, quý trọng và phát huy truyền thống của quê hương. Qua đó tình cảm cha con hiện lên thật ấm áp và cao cả biết bao!

Đoạn đầu của bài thơ, tác giả giới thiệu cảnh gia đình, quê hương thật đầm ấm, yên vui mà từ đó người con được khôn lớn trưởng thành. Trong mạch nguồn tâm sự, người cha còn cho con hiểu thêm về truyền thống đáng tự hào của người đồng mình, của quê hương, của bản làng:

**\* Ba câu đầu:** ý chí, nghị lực của người đồng mình

*Người đồng mình thương lắm con ơi*

*Cao đo nỗi buồn Xa nuôi chí lớn*

* “Người đồng mình” là cách nói mộc mạc, mang tính địa phương của người Tày.

+ Đó là những người vùng mình, người miền quê mình.

+ Hay rộng hơn là những người sống cùng trên một đất nước, một dân tộc.

* Ba tiếng “Người đồng mình” điệp đi điệp lại bốn lần trong bài thơ vừa làm cho âm điệu, nhạc thơ ngân vang, dào dạt, vừa làm cho người đọc vấn vương bâng khuâng nhớ về tuổi thơ, nhớ về giọng nói dịu hiền của mẹ, nhớ về đất mẹ linh thiêng.
* Nhà thơ đã đưa vào thi phẩm cách đo đếm của người dân quê mình khiến cho lời thơ mang đậm phong vị dân tộc, giản dị mà sâu sắc:

*“Cao đo nỗi buồn – Xa nuôi chí lớn*”

= > ý nghĩa của cao và xa.

+ “Cao” và “xa” là những khoảng cách của đất trời. Con người muốn thử sức mình thường phải vượt qua những khoảng cách ấy. Đó là những trở ngại, những thách thức, khó khăn trong cuộc đời mà con người nếm trải, nó luôn luôn ngăn bước con người.

+ Tác giả lấy khoảng cách cụ thể (cao,xa) để đo những đại lượng vô hình (nỗi buồn,chí lớn) để khẳng định và ngợi ca đức tính cao đẹp của “người đồng mình”: họ sống thật sâu sắc và có ý chí

mạnh mẽ; người đồng mình có một trái tim ấm áp và nghị lực phi thường.

=> Hai câu thơ đăng đối như một câu tục ngữ ngắn gọn, đúc kết một thái độ, một cách ứng xử cao quí: người biết sống là người biết vượt qua nỗi buồn, biết vượt qua những gian nan, thử thách, bão giông…Không chỉ có vậy mà còn phải luôn luôn nuôi chí lớn. Nỗi buồn sẽ làm con người ta biết sống chịu đưng; ý chí làm con người ta luôn luôn nỗ lực phấn đấu đi lên. Con người không thể quyết định được hoàn cảnh của mình nhưng cần có nghị lực để vượt lên hoàn cảnh đó.

=> Người biết sống như thế chắc chắn sẽ thành công trên con đường đời, chắc chắn gặt hái được nhiều hoa thơm, quả ngọt…

=> Những câu thơ của Y Phương như gợi nhắc ta nhớ đến những câu tục ngữ của cha ông:

*+ Có công mài sắt có ngày nên kim*

*+ Có chí thì nên.*

Hay những câu thơ của Hồ Chí Minh:

*Nghĩ mình trong bước gian truân*

*Tai ương rèn luyện tinh thần thêm hăng*

(Tự khuyên mình)

*Sống ở trên đời người cũng vậy Gian nan rèn luyện mới thành công*

(Nghe tiếng giã gạo)

**\* Năm câu tiếp:** vấn đề lẽ sống

Rồi người cha muốn hướng người con đến vấn đề sâu xa hơn – vấn đề lẽ sống:

*Sống trên đá không chê đá gập gềnh*

*Sống trong thung không chê thung nghèo đói Sống như sông như suối*

*Lên thác xuống ghềnh Không lo cực nhọc*

* Những hình ảnh “đá gập ghềnh”, “thung nghèo đói” là những hình ảnh ẩn dụ chỉ những gian lao, vất vả mà người đồng mình đã phải gồng mình gánh chịu. Mặc dù “người đồng mình” chịu thương chịu khó, cần cù sáng tạo trong lao động nhưng cuộc đời vẫn chưa đủ đầy. Phải chẳng do đất bạc màu, sỏi đá khô cằn? Phải chăng do thiên tai rình rập?
* Cho dù cuộc sống như vậy song người đồng mình vẫn không chê bai, không một lời than thở. Họ quả là những con người biết chịu đựng và suốt đời gắn bó thủy chung với nơi chôn nhau cắt rốn. Họ vượt lên hoàn cảnh, sống mạnh mẽ và tràn đầy sinh lực. Dường như cuộc sống càng khó khăn thì con người càng vươn lên không ngừng đấu tranh vượt qua nó.

=> Cụm từ “Không chê” được lặp lại hai lần nhằm khẳng định ý chí mạnh mẽ của con người.

* Đặc biệt, câu thơ “Sống như sông như suối” có biện pháp tu từ

so sánh càng làm ngời sáng đức tính cao đẹp của người miền núi. Đời người giống như dòng chảy của một con sông. Có đoạn ào ào thác đổ; có đoạn sục sôi lũ rừng; có đoạn êm ả của đồng bằng và cuối cùng là cái mênh mông vĩnh hằng của biển cả. Đó là cái qui luật muôn đời của tự nhiên. Con người hãy như con sống hãy biết chấp nhận tất cả các thác ghềnh đó. Có điều khi băng qua con thác cái ghềnh, con người phải biết rút ra những bài học quí báu. Nếu biết sống như thế thì dù có “Lên thác xuống ghềnh” cũng “Không lo cực nhọc”. Người đồng mình đã có một niềm tin vào ngày mai tươi sáng. Cực nhọc, đói nghèo dần sẽ được xua tan.

Những đêm đen dần được tan biến…Đó là trọn vẹn một niềm tin chân thật và hết sức mãnh liệt. Niềm tin ấy mang tính thực tiễn và thấm nhuần tinh thần nhân văn trong lẽ sống của người lao động mới.

=> Như vậy núi cao, vực sâu, sông dài, thác hiểm…không chỉ là thước đo vật lí mà là thước đo của lòng dũng cảm, sự kiên trì của người đồng mình.

Đó là điều cần thiết cho mỗi người khi bước chân vào đường đời lắm chông gai.

=> Nếu nhà thơ Tố Hữu đã viết về lẽ sống “cho” và “nhận” ở đời: “Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình”. Hay nhạc sĩ Trịnh Công Sơn qua ca từ đã đề cập đến lẽ sống yêu thương “Sống trong đời sống, cần có một tấm lòng” thì nhà thơ dân tộc Tày – Y Phương qua cách nói mộc mạc mà sâu sắc ý tình đã đem đến bài học: sống phải có ý chí, niềm tin. Lời thơ tuôn chảy như dòng sữa ngọt lịm, tràn vào cái bể khô của những kiếp nghèo người đồng mình, của người miền núi.

=> Phải có một tình yêu chân tình, thấm thía sâu sắc những ngọt bùi, đắng cay của người đồng mình, Y Phương mới có thể nói với con như vậy!

**\* Bốn câu tiếp**: Vẻ đẹp mộc mạc nhưng không hề nhỏ bé

- Người cha không chỉ đưa ra một lẽ sống mà còn chứng minh ý chí, nghị lực đã trở thành truyền thống của “người đồng mình”:

*Người đồng mình thô sơ da thịt*

*Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con*

*Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương*

*Còn quê hương thì làm phong tục.*

Ý nghĩa của cụm từ “thô sơ da thịt”

- Nếu người Kinh dùng lối nói: “Ăn chắc mặc bền”, “Chém to kho mặn”, “Chân đất lưng trần” để ca ngợi bản chất mộc mạc, giản dị, chân thật… của những người dân quê sớm khuya vất vả thì Y Phương dùng cách nói cụ thể của bà con dân tộc Tày “thô sơ da thịt” để khẳng định phẩm chất này của “người đồng mình”. Họ hiền lành như hạt lúa, củ khoai nhưng “Chẳng mấy ai nhỏ bé”. Trong xã hội xưa, cũng như bao người dân quê khác, người đồng mình bị coi thường, khinh rẻ như con kiến, cọng rơm…thì bây giờ họ lại không tầm thường trước thiên hạ bởi họ có trái tim

nhân hậu, giàu tình yêu thương, bởi họ luôn có ý chí vượt lên gian

khó, tự mình xây dựng quê hương đẹp giàu. Và tâm hồn của họ sáng trong, lãng mạn lạc quan trong cuộc sống. Sự đơn giản bề ngoài như càng làm tăng thêm sức mạnh niềm tin, ý chí bên trong của mỗi con người.

* Hình ảnh “Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương” vừa mang tính tả thực (chỉ truyền thống làm nhà kê đá cho cao của người miền núi), vừa mang ý nghĩa ẩn dụ sâu sắc. Người đồng mình đã tự tay xây dựng nên truyền thống quê hương đẹp giàu sánh tầm với các miền quê khác trên mảnh đất hình chữ S thân yêu. Câu thơ ngầm chứa niềm tự hào kiêu hãnh bởi họ vẫn giữ được bản sắc văn hóa dân tộc.
* Và để đáp lại sự cống hiến của mỗi người, cuộc sống cộng đồng sẽ đem lại cho mỗi cá nhân bầu không khí nhân văn, phong tục.

=> Hai câu cuối thể hiện mối quan hệ đúng đắn giữa cá nhân với cộng đồng. Mỗi người, mỗi cuộc đời là một “mùa xuân nho nhỏ” tạo nên mùa xuân cộng đồng và chính cộng đồng sẽ là cái nôi nâng đỡ cho mùa xuân tâm hồn mỗi người.

**\* Bốn câu kết**: Con lên đường

* Khép lại đoạn thơ bằng âm hưởng của một lời nhắn nhủ trìu mến với biết bao niềm tin hi vọng của người cha đặt vào đứa con yêu:

*Con ơi tuy thô sơ da thịt Lên đường*

*Không bao giờ nhỏ bé được Nghe con.*

* Ý thơ “Tuy thô sơ da thịt” và “không bao giờ nhỏ bé” được lặp lại với bốn câu thơ trước đó càng trở nên da diết, khắc sâu trong lòng con về những phẩm chất cao đẹp của “người đồng mình”. Nhưng hai tiếng“Lên đường” cho thấy người con đã lớn khôn và tạm biệt gia đình – quê hương để bước vào một trang đời mới.
* Trong hành trang của người con mang theo khi “lên đường”có một thứ quí giá hơn mọi thứ trên đời, đó là ý chí, nghị lực, truyền thống quê hương. Lời dặn của cha thật mộc mạc, dễ hiểu, thấm thía, ẩn chứa niềm hivọng lớn lao của cha, hi vọng đứa con sẽ tiếp tục vững bước trên đường đời,tiếp nối truyền thống và làm vẻ vang quê hương.
* Hai tiếng “Nghe con” lắng đọng bao cảm xúc, ẩn chứa tình yêu thương vô bờ bến của cha dành cho con. Câu thơ còn gợi ra một cảnh tượng cảm động đang diễn ra lúc chia li: cha hiền từ âu yếm nhìn con, xoa đầu con và người con ngoan ngoãn cúi đầu lắng nghe lời cha dặn.

=> Ca ngợi những đức tính tốt đẹp của người đồng mình, cha mong con sống có tình nghĩa với quê hương, phải giữ đạo lí “Uống nước nhớ nguồn” của cha ông từ bao đời để lại. Hơn nữa, con phải biết chấp nhận gian khó và vươn lên bằng ý chí của mình.

=> Người cha muốn con hiểu và cảm thông với cuộc sống khó

khăn của quê hương, tự hào về truyền thống quê hương, tự hào về dân tộc để vững bước trên con đường đời, để tự tin trong cuộc sống.

=> Người cha trong bài thơ của Y Phương đã vun đắp cho con một hành trang quí vào đời. Nếu mẹ là bông hoa cho con cài lên ngực thì cha là cánh chim cho con bay thật xa. Nếu mẹ cho con những lời ngọt ngào yêu thương vỗ về thì cha cho con tinh thần ý chí nghị lực, ước mơ khát vọng, lối sống cao đẹp.

**3.Kết bài:**

* Giọng thơ thiết tha, trìu mến nhưng lại trang nghiêm. Các hình ảnh thơ cụ thể mà có tính khái quát, mộc mạc mà vẫn giàu chất thơ.
* Đoạn thơ chứa chan ý nghĩa,mộc mạc, đằm thắm mà sâu sắc. Nó tựa như một khúc ca nhẹ nhàng mà âm vang. Lời thơ tâm tình của người cha sẽ là hành trang đi theo con suốt cuộc đời và có lẽ mãi mãi là bài học bổ ích cho các bạn trẻ - bài học về niềm tin,nghị lực,ý chí vươn lên.

|  |
| --- |
| **Đề bài: Cảm nhận về vẻ đẹp của người đồng mình qua bài thơ “Nói với con”(Y Phương).** |

1. **Mở bài:**

* Là nhà thơ dân tộc Tày, thơ Y Phương thể hiện tâm hồn chân thật, mạnh mẽ và trong sáng, cách tư duy giàu hình ảnh của con người miền núi.
* Ra đời năm 1980, “Nói với con” là một trong những bài thơ hay nhất của ông.
* Mượn lời tâm sự với con, Y Phương đã để lại trong lòng người đọc nhiều cảm nhận sâu sắc về những đức tính tốt đẹp của “người đồng mình” – của con người quê hương miền núi.

## Thân bài:

* 1. **Khái quát ( Dẫn dắt vào bài):**
* Tiêu biểu cho phong cách sáng tác của Y Phương, bài thơ “Nói với con” gợi về cội nguồn sinh dưỡng của mỗi người – gia đình và quê hương – đó là nôi êm tổ ấm nuôi dưỡng, bồi đắp tâm hồn con – đó là cội nguồn của hạnh phúc. Để rồi từ trong những ngọt ngào của kỉ niệm quê hương, người cha nói với con những đức tính tốt đẹp của người đồng mình.

## Phân tích, cảm nhận những vẻ đẹp ( đức tính tốt đẹp ) của người đồng mình: a. Người đồng mình đáng yêu bởi sự giản dị và tài hoa:

* Trên quê hương thơ mộng nghĩa tình, người đồng mình hiện lên trong cuộc sống lao động cần cù mà tươi vui:

"Người đồng mình yêu lắm, con ơi! Đan lờ cài nan hoa

Vách nhà ken câu hát".

+ Giọng thơ vang lên đầy thiết tha và tự hào. “Người đồng mình” là người bản mình, người quê mình – Y Phương có cách gọi rất độc đáo, rất gần gũi và thân thương về những con người quê hương.

+ Với hình thức câu cảm thán, người đọc cảm nhận lời tâm tình được cất lên tự đáy lòng thương mến của người cha về người đồng mình.

+ Họ đáng yêu bởi họ là những con người yêu lao động. Với đôi bàn tay tài hoa, khéo léo, họ đã “đan”, “cài”, “ken”… cuộc sống như nở hoa dưới đôi bàn tay cần cù, sáng tạo của họ…

=> Chỉ với những câu thơ ngắn gọn, nhà thơ giúp ta hình dung được hình ảnh đáng yêu của người đồng mình giữa núi rừng thơ mộng, hiền hòa. Vẻ đẹp của họ được gợi ra từ cuộc sống lao động bình dị, từ bàn tay tài hoa và khối óc sáng tạo. Họ có niềm vui giản dị, tinh tế ngay trong cuộc sống mộc mạc đời thường.

## Người đồng mình biết lo toan và giàu mơ ước.

* Người đồng mình không chỉ là những con người giản dị, tài hoa trong cuộc sống lao động mà còn là những con người biết lo toan và giàu mơ ước:

"Người đồng mình thương lắm con ơi! Cao đo nỗi buồn

Xa nuôi chi lớn".

+ Với cách nói “Người đồng mình thương lắm con ơi!” người cha biểu lộ tình cảm yêu thương chân thành về gian truân, thử thách cùng ý chí mà người đồng mình đã trải qua.

+ Bằng cách tư duy độc đáo của người miền núi, Y Phương đã lấy cái cao vời vợi của trời để đo nỗi buồn, lấy cái xa của đất để đo ý chí con người.

+ Sắp xếp tính từ “cao”, “xa” trong sự tăng tiến, nhà thơ cho thấy khó khăn, thử thách càng lớn thì ý chí con người càng mạnh mẽ.

=> Có thể nói, cuộc sống của người đồng mình còn nhiều nỗi buồn, còn nhiều bộn bề thiếu thốn song họ sẽ vượt qua tất cả, bởi họ có ý chí và nghị lực, họ luôn tin tưởng vào tương lai tốt đẹp của dân tộc.

## Người đồng mình dù sống trong nghèo khổ, gian nan vẫn thủy chung gắn bó với quê hương, cội nguồn:

“Sống trên đá không chê đá gập gềnh

Sống trong thung không chê thung nghèo đói Sống như sông như suối

Lên thác xuống ghềnh Không lo cực nhọc”.

+ Phép liệt kê với những hỉnh ảnh ẩn dụ “đá gập gềnh”,“thung nghèo đói” -> gợi cuộc sống đói nghèo, khó khăn, cực nhọc.

+ Vận dụng thành ngữ dân gian “Lên thác xuống ghềnh”, ý thơ gợi bao nỗi vất vả, lam lũ.

-> Những câu thơ dài ngắn, cùng những thanh trắc tạo ấn tượng về cuộc sống trắc trở, gian nan, đói nghèo của quê hương.

+ Điệp ngữ “sống”, “không chê” và điệp cấu trúc câu cùng hình ảnh đối xứng đã nhấn mạnh: người đồng mình có thể nghèo nàn, thiếu thốn về vật chất nhưng họ không thiếu ý chí và quyết tâm. hocvanlop9 Người đồng mình chấp nhận và thủy chung gắn bó cùng quê hương, dẫu quê hương có đói nghèo, vất vả. Và phải chăng, chính cuộc sống nhọc nhằn, đầy vất vả khổ đau ấy đã tôi luyện cho chí lớn để rồi tình yêu quê hương sẽ tạo nên sức mạnh giúp họ vượt qua tất cả.

+ Phép so sánh “Sống như sông như suối” gợi vẻ đẹp tâm hồn và ý chí của người đồng mình. Gian khó là thế, họ vẫn tràn đầy sinh lực, tâm hồn lãng mạn, khoáng đạt như hình ảnh đại ngàn của sông núi. Tình cảm của họ trong trẻo, dạt dào như dòng suối, con sông trước niềm tin yêu cuộc sống, tin yêu con người.

## Người đồng mình có ý thức tự lập, tự cường và tinh thần tự tôn dân tộc:

* Phẩm chất của người của con người quê hương còn được người cha ca ngợi qua cách nói đối lập tương phản giữa hình thức bên ngoài và giá trị tinh thần bên trong, nhưng rất đúng với người miền núi:

“Người đồng mình thô sơ da thịt Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con”

+ Lời thơ mộc mạc, giản dị nhưng chứa bao tâm tình.

+ Cụm từ “thô sơ da thịt” là cách nói cụ thể về những con người mộc mạc, giản dị.

+ Cụm từ “chẳng nhỏ bé” khẳng định sự lớn lao của ý chí, của nghị lực, cốt cách và niềm tin.

-> Sự tương phản này đã tôn lên tầm vóc của người đồng mình. Họ mộc mạc nhưng giàu chí khí, niềm tin. Họ có thể “thô sơ da thịt” nhưng không hề nhỏ bé về tâm hồn, về ý chí.

* Cùng với ý thức tự lực, tự cường, người đồng mình còn ngời sáng tinh thần tự tôn dân tộc và khát vọng xây dựng quê hương:

“Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương Còn quê hương thì làm phong tục”.

+ Lối nói đậm ngôn ngữ dân tộc – độc đáo mà vẫn chứa đựng ý vị sâu xa.

+ Hình ảnh “Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương” vừa mang tính tả thực ( chỉ truyền thống làm nhà kê đá cho cao của người miền núi),vừa mang ý nghĩa ẩn dụ sâu sắc. Người đồng mình đã tự tay xây dựng nên truyền thống quê hương đẹp giàu, sánh tầm với các miền quê khác trên mảnh đất hình chữ S thân yêu.

+ Câu thơ ngầm chứa niềm tự hào kiêu hãnh bởi họ vẫn giữ được bản sắc văn hóa dân tộc.

## Nhận xét, đánh giá:

Với thể thơ tự do, giọng điệu khỏe khoắn vừa tâm tình tha thiết vừa chứa chan hi vọng cùng những hình ảnh, từ ngữ mộc mạc, cụ thể -> nhà thơ nói với con về những vẻ đẹp của người đồng mình để rồi từ đó truyền cho con lòng tự hào về quê hương,dân tộc, nhắn nhủ con biết sống đẹp, biết vượt qua gian khó bằng niềm tin, ý chí như người đồng mình.

**III. Kết bài:**

Qua lời thủ thỉ, tâm tình của người cha đối với con, hình ảnh của quê hương, của người đồng mình hiện lên thật chân thực, cụ thể với bao phẩm chất tốt đẹp. Đó là mạch suối ngọt ngào nuôi dưỡng tâm hồn và ý chí cho con. Đọc bài thơ, hiểu về vẻ đẹp của những con người quê hương, ta yêu hơn, trân trọng hơn những con người làm giàu đẹp quê hương, đất nước.

Tư liệu tham khảo:

**LỜI TÂM SỰ CỦA NHÀ THƠ Y PHƯƠNG VỀ BÀI “NÓI VỚI CON”**

Bài thơ NÓI VỚI CON viết những năm 80 của thế kỷ trước. Ngày đó cả nước vừa ra khỏi cuộc kháng chiến chống Mỹ lâu dài và gian khổ. Đời sống của con người trên mọi miền còn muôn vàn khó khăn. Đây là lúc cái tốt đẹp và cái xấu xa cùng xuất hiện rõ ràng nhất. Trong khó khăn mới biết lòng người. Tôi muốn nhắn nhủ lòng mình thông qua hình tượng trò chuyện với con. Hãy tin vào truyền thống văn hóa tốt đẹp mà rèn đạo đức sống cho mình.

* + 1. Bài thơ NÓI VỚI CON là tôi trò chuyện với cô con gái bé bỏng vừa mới được một tuổi. Con tôi sau này vào thẳng Đại học thông qua kỳ thi học sinh giỏi toàn quốc. Bây giờ cháu đã có gia đình và được 2 cô con gái nhỏ. Hiện cháu là phóng viên, đang công tác tại Công ty Lối sống Việt - 65 Nguyễn Du - Hà Nội.
    2. Sự độc đáo ở tác phẩm này là tôi đã tư duy hình tượng, diễn đạt bằng ngôn ngữ Việt nhưng dựa vào các triết lý truyền thống văn hóa dân tộc Tày.
    3. Các tác phẩm của tôi đều được viết bằng tiếng Việt. Đơn giản vì đó là tiếng phổ thông. Nếu viết tiếng Tày chỉ người Tày đọc được. Tôi muốn tác phẩm của mình đến với mọi người trên khắp đất nước mình.
    4. “Người đồng mình” là cách nói của người Tày. Nghiã là người cùng một dân tộc, cùng một địa phương, cùng một lãnh thổ...máu đỏ da vàng. Nói chung là cùng một nguồn gốc văn hóa.
    5. “Đan lờ cài nan hoa/ Vách nhà ken câu hát” là nói đến các giá trị thẩm mỹ. Tất cả mọi sáng tạo đều phải tuân theo quy luật của cái đẹp. Bất cứ dân tộc nào trên trái đất này đều nương theo quy luật đó. Đấy là lý tưởng thẩm mỹ mang ý nghĩa toàn cầu.
    6. Câu thơ “Con đường cho những tấm lòng”: Con đường là biểu tượng của tình yêu. Yêu nhau tam tứ núi cũng trèo...người Việt cũng nói thế. Hầu như dân tộc nào cũng nói thế. Con người sống mà không có tình yêu thì chỉ là tồn tại dưới dạng vật chất. Người sống cần có tính người và tình người. Con người phải tìm đến nhau. Muốn đến với nhau phải đi trên đường. Dù có đi bằng máy bay thì cũng phải đi từ nhà ra sân bay.
    7. “Người đồng mình thô sơ da thịt/ Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con” ý nói nội dung và hình thức. Người Việt nói “tốt gỗ hơn tốt nước sơn”. Đừng nhìn vào bên ngoài mà đánh giá bên trong. Kẻo bị mắc lừa. Nhỏ bé là một phạm trù mỹ học. Nhó bé ngược với cao lớn. Xấu xa ngược với tốt đẹp. Cao cả ngược với thấp hèn...đó là những cặp phạm trù. Người miền núi tuy nhỏ con xấu xí nhưng chứa đựng tâm hồn cao đẹp. Luôn giúp đỡ người khác. Không bao giờ làm điều ác...Không được nhỏ bé nghĩa là phải sống sao cho cao đẹp. Đó là lối sống của người Tày.
    8. “Người đồng mình tự đục đá...” nghĩa là nêu cao tinh thần tự lực. Không dựa vào bất cứ hoàn cành nào từ bên ngoài. Xã hội Tày Nùng không theo bất cứ tôn giáo nào từ bên ngoài đến. Đó là một thực tế. Đạo Phật, đạo Ki tô , Tin Lành...không có đất sống trong xã hội Tày Nùng. Người Tày chỉ tôn thờ cha mẹ ông bà tổ tiên.
    9. Mạch cảm xúc đi từ gan ruột của chính mình. Tâm sự với đứa con cũng là tâm sự với chính mình. Con là do mình sinh ra nhân đôi. Có cha mẹ có con là có gia đình. Có gia đình là có xã hội. Xã hội nhỏ vươn ra xã hội lớn. Muốn xã hội hiểu được mình chỉ có văn hóa. Văn hóa là nói đến sự khác biệt. Bài thơ này được xây dựng từ những cảm xúc khác biệt.

**CHUYÊN ĐỀ 18:**

**BẾN QUÊ**

**Nguyễn Minh Châu**

**I. Tìm hiểu chung**

**1. Tóm tắt truyện**

- Nhân vật Nhĩ trong truyện từng đi khắp mọi nơi trên trái đất, cuối đời anh bị cột chặt vào giườ bệnh bởi một căn bệnh hiểm nghèo – đến nỗi không tự dịch chuyển được vài phân trên chiếc giường hẹp kê bên cửa sổ.

- Thời điểm đó, anh phát hiện ra vùng đất bên kia sông, nơi bến quê quen thuộc- một vẻ đẹp bình dị mà hết sức quyến rũ.

Nhận được sự chăm sóc ân cần của vợ, Nhĩ mới cảm nhận được sự vất vả, tần tảo- tình yêu và đức hy sinh thầm lặng của người vợ. Anh khao khát được đặt chân lên bờ bãi bên kia sông – cái miền đất gần gũi và trở nên xa vời với anh. Nhân vật đã chiêm nghiệm được cái quy luật đầy nghịch lý của đời người (con người trên đời người không tránh khỏi những khó khăn trắc trở - con người phải trải nghiệm trong cuộc sống mới cảm nhận hết được những bí ẩn đẹp đẽ trong cái bình dị đơn sơ) giống như niềm say mê pha lẫn nỗi ân hận, đau đớn mà lời lẽ không bao giờ giải thích hết được.

**2. Tìm hiểu tình huống truyện**

Hai tình huống cơ bản:

+ Nhĩ bị liệt toàn thân nằm trên giường bệnh

+ Nhĩ phát hiện ra vẻ đẹp của bãi bồi ven sông và người thân.

Tạo ra một chuỗi các tình huống nghịch lí, tác giả muốn lưu ý người đọc đến một nhận thức về cuộc đời: cuộc sống và số phận của một con người chứa đầy những sự bất thường – nghịch lí ngẫu nhiên vượt ra ngoài những dự định và ước muốn cả những hiểu biết và toan tính của người ta.

- Qua những suy nghĩ của nhân vật Nhĩ, truyện có ý nghĩa tổng kết sự trải nghiệm của cả đời người, con người ta trên đường đời thật khó tránh được những cái điều vòng vèo hoặc chùng chình – vẻ đẹp của cuộc sống êm đềm bình lặng của người thân yêu – thì có khi phải đến lúc sắp giã biệt cuộc đời ta mới thấm thía và cảm nhận được.

**II. Tìm hiểu văn bản**

***1. Phân tích những cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật Nhĩ***

- Khung cảnh thiên nhiên có chiều sâu rộng, từ những bông bằng lăng phía ngoài cửa sổ đến con sông Hồng màu đỏ nhạt lúc đã vào thu, vòm trời bãi bồi bên kia sông.

Nhĩ cảm nhận cảnh vật bằng cảm xúc tinh tế - không gian và những cảnh sắc ấy vốn quen thuộc gần gũi nhưng lại rất mới mẻ với Nhĩ. Lần đầu tiên anh cảm nhận tất cả vẻ đẹp và sự giàu có của nó.

Cảm nhận của Nhĩ về người thân:

Trong hoàn cảnh bệnh tật lâu dài, mọi sự chăm sóc đều nhờ vào vợ con. Buổi sáng hôm đó, bằng trực giác, Nhĩ đã hiểu thời gian của đời mình chẳng còn bao lâu nữa.

Nhĩ cảm nhận lần đầu tiên về sự vất vả, tần tảo, chịu thương chịu khó và sự âu yếm yêu thương của vợ anh .

- Cảm nhận về người vợ:  
+ Những ngón tay gầy guộc, âu yếm vuốt ve bên vai chồng.

+ Liên đang mặc tấm áo vá…

“ *Suốt đời anh làm em khổ tâm… Mà em cứ nín thinh…*” “*có hề sao đâu*”.

Đoạn văn diễn tả sự thấu hiểu và biết ơn sâu sắc của Nhĩ với vợ:

“*Cũng như cảnh bãi bồi đang nằm phơi mình bên kia – tâm hồn Liên vẫn giữ nguyên vẹn những nét tần tảo và chịu đựng hi sinh từ bao đời xưa – và cũng chính nhờ vào điều đó mà sau nhiều tháng bôn tẩu tìm kiếm …, Nhĩ đã thấy được nơi nương tựa là gia đình trong những ngày này*”.

-Cách miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế, thể hiện sự hiểu biết sâu sắc về tâm hồn con người, về cách viết rất tài hoa của Nguyễn Minh Châu.

- Người cha khao khát được khám phá vẻ đẹp cuộc sống của bãi bồi bên kia sông – một vẻ đẹp vô cùng tươi mới – thân thuộc nhưng với hoàn cảnh của anh lúc này đặt chân đến được là điều không thể - khát khao ấy xâm chiếm tâm hồn anh mãnh liệt nhưng vì không thể thực hiện nên khó diễn tả thành lời cho đứa con trai còn ít tuổi – chưa có những trải nghiệm như anh hiểu nổi.

- Khi nhận ra vẻ đẹp của bãi bồi bên kia sông vào buổi sáng đầu thu- cũng là lúc Nhĩ nhận ra mình sắp phải từ giã cõi đời.Muốn đặt chân lên bãi bồi bên kia sông:

- Những giá trị bình thường bị người ta lãng quên – bỏ qua lúc tuổi trẻ - khi những ham muốn xa vời đang lôi cuốn con người tìm đến. Sự nhận thức này chỉ đến với người ta ở cái thái độ đã từng trải. Với Nhĩ đó là lúc cuối đời, bởi thế đó là sự thức tỉnh xen lẫn niềm ân hận và nỗi xót xa.

- Không thể thực hiện được cái mình khát khao – Nhĩ phải nhờ đến người con trai- nhưng vì không thể giải thích cho nó hiểu – nên trên đường đi cậu bé đã sa vào trò chơi hấp dẫn nó gặp bên đường (Bởi đứa con không hiểu được ước muốn của người cha đề rồi lỡ chuyến đò sang ngang duy nhất trong ngày, nó nhận lời một cách miễn cưỡng)

\* Câu chuyện của Nhĩ và cậu con trai – sự chiêm nghiệm của anh về quy luật của đời người:

Con người ở trên đời thật khó tránh được những cái vòng vèo hoặc chùng chình.

- Khi thấy con đò ngang vừa chạm mũi vào bờ đất bên này Nhĩ đã thu hết tâm lực dồn vào cử chỉ có vẻ kì quặc “anh đang cố…” Ý như khẩn thiết ra hiệu một người nào đó – hành động này có thể hiểu anh đang nôn nóng thúc giục cậu con trai anh mau kẻo lỡ đò.

Hình ảnh này còn gợi ra ý nghĩa khái quát hơn:

+ Muốn thức tỉnh mọi người về cái vòng vèo chùng chình mà chúng ta đang sa vào trên đường đời – để dứt ra khỏi nó – để hướng tới những giá trị đích thực vốn rất giản dị gần gũi và bền vững.

Nhân vật Nhĩ trong truyện là nhân vật tư tưởng – một loại nhân vật nổi lên trong sáng tác của Nguyễn Minh Châu giai đoạn sau 1975 – nhà văn đã gửi gắm qua nhân vật nhiều điều quan sát suy ngẫm – triết lí về cuộc đời con người nhưng nhân vật không là cái loa phát ngôn cho tác giả - những chiêm nghiệm triết lí đã được chuyển hoá vào trong đời sống nội tâm của nhân vật với diễn biến của tâm trạng dưới sự tác động của hoàn cảnh được miêu tả tinh tế, hợp lí.

**2. Tìm hiểu một đặc điểm nổi bật trong nghệ thuật của truyện: sáng tạo những hình ảnh có ý nghĩa biểu tượng**

Hình ảnh biểu tượng thường có hai lớp nghĩa: nghĩa thực và nghĩa biểu tượng qua hình ảnh.

Một số hình ảnh mang nghĩa biểu tượng:

- Hình ảnh bãi bồi ven sông và toàn bộ khung cảnh: Vẻ đẹp của đời sống vừa bình dị vừa thân thuộc – hình ảnh của quê hương xứ sở của mỗi người.

- Hình ảnh bờ sông bên này bị sụt lở:

“tiếng những tảng đất lở bên này sông…đổ ụp vào trong giấc ngủ của Nhĩ lúc gần sáng. Bông hoa bằng lăng cuối thu sắc tím đậm hơn”: sự sống của nhân vật Nhĩ đã vào những ngày cuối tuần.

- Người con trai sà vào trò chơi đám cờ thế gợi ra những điều mà Nhĩ cho là vòng vèo, chùng chình không tránh khỏi.

- Hành động của Nhĩ có vẻ khác thường ở cuối truyện: đu mình nhô người ra ngoài giơ một cánh tay gầy guộc ra phía ngoài cửa sổ khoát khoát như đang khẩn thiết ra hiệu cho một người nào đó: phải thoát ra, dứt ra khỏi sự chùng chình để hướng tới giá trị đích thực, giản dị mà bền vững.

**III. Tổng kết**

***1.Nghệ thuật***

- Sự miêu tả tâm lý tinh tế.

- Cách sử dụng nhiều hình ảnh giàu tính biểu tượng.

- Xây dựng tình huống truyện giàu sức biểu hiện.

- Trần thuật theo dòng tâm trạng của nhân vật.

***2. Nội dung***

Truyện ngắn *Bến quê* đã thể hiện những suy ngẫm trải nghiệm của nhà văn về cuộc sống và thức tỉnh sự trân trọng đối với vẻ đẹp bình dị, gần gũi của cuộc sống quê hương.

**IV. Một số câu hỏi xoay quanh tác phẩm.**

***Câu 1 : Nêu tình huống truyện “Bến Quê” và tác dụng của việc xây dựng tình huống đó.***

\* Tình huống.

- Căn bệnh hiểm nghèo khiến Nhĩ, người đã đi đến hầu khắp mọi nơi trên thế giới - hầu như bị liệt toàn thân không thế tự di chuyển được, dù chỉ là nhích nửa người trên giường bệnh. Tất cả mọi sinh hoạt của anh đều phải nhờ vào sự giúp đỡ của người khác mà chủ yếu là của Liên, vợ anh.

- Tình huống trớ trêu ấy lại dẫn đến một tình huống tiếp theo, cũng đầy nghịch lí. Khi Nhĩ đã phát thiện thấy vẻ đẹp lạ lùng của bãi bồi bên kia sông ngay phía trước cửa sổ nhà anh, nhưng anh biết rằng sẽ không bao giờ có thể được đặt chân lên mảnh đất ấy, dù nó ở rất gần anh, Nhĩ đã nhờ cậu con trai thực hiện giúp mình cái điều khao khát ấy, nhưng rồi cậu ta lại sa ào một đám chơi cờ trên hè phố và có thể lỡ chuyến đò ngang duy nhất trong ngày.

\* Tác dụng : Tạo ra một chuỗi những tình hống nghịch lí như trên, tác giả muốn lưu ý người đọc một nhận thức về cuộc đời : cuộc sống và số phận con người chứa đựng những điều bất thường, những nghịch lí, ngẫu nhiên, vượt ra ngoài những dự định, ước muốn, cả những hiểu biết và toan tính củ người ta. Bên cạnh đó, tác giả còn muốn gửi gắm mọi suy ngẫm : trong cuộc đời, người ta hướng đến những điều cao xa mà vô tình không biết đến những vẻ đẹp gần gũi ngay bên cạnh mình.

***Câu 2 : Tóm tắt truyện “Bến quê” khoảng 5 -6 dòng.***

Buổi sáng đầu thu. Nhĩ bị bệnh nặng nằm bên cửa sổ để Liên - vợ anh săn sóc. Anh nghĩ suốt đời mình đã làm vợ khổ. Nhĩ nhìn qua cửa sổ đã phát hiện thấy vẻ đẹp lạ lùng của bãi bồi bên kia sông ngay phía trước cửa sổ nhà anh và trong anh bỗng bừng lên khao khát được đặt chân lên vùng đất ấy, anh cũng biết rằng sẽ không bao giờ thực hiện được điều ấy. Anh sai thằng Tuấn (con trai) thay anh sang bên kia sông chơi loanh quanh một lúc. Chàng trai vâng lời nhưng lại ham vui nên muộn chuyến đò. Bọn trẻ hàng xóm sang giúp anh. Cụ giáo Khuyến ghé vào hỏi thăm. Nhĩ cố sức giơ tay ra ngoài cửa sổ như ra hiệu khẩn thiết cho một người nào đó.

***Câu 3 : Tìm hiểu những hình ảnh, chi tiết trong truyện mang tính biểu tượng :***

Trong truyện “ Bến quê” , hầu như mọi hình ảnh đều mang hai lớp nghĩa : nghĩa thực và nghĩa biểu tượng. Ý nghĩa biểu tượng được gợi ra từ hình ảnh thực và hai lớp nghĩa này gắn bó thống nhất với nhau đem đến cho truyện ngắn này một vẻ đẹp riêng : vừa gợi cảm, sinh động, vừa khái quát triết lí.

- Hình ảnh bãi bồi, bến sông và toàn bộ khung cảnh thiên nhiên được dựng lên trong truyện mang ý nghĩa biểu tượng cho vẻ đẹp gần gũi, bình dị, thân thuộc của quê hương, xứ sở, của những gì thân thương nhất mà trong một đời người thường dễ dàng lãng quên bởi chính cái điều vòng vèo hay chùng chình thường mắc phải.

- Những bông hoa bằng lăng nhợt nhạt khi mới nở ; đậm sắc hơn khi đã sắp hết mùa, rồi lại càng thẫm màu hơ, một màu tím thẫm như bóng tối. Đó là ý nghĩa biểu tượng về không gian và thời gian : cái đẹp gần gũi bình dị rồi cũng tàn phai bởi thời gian luôn thay đổi với những bước đi của nhịp hải hà.

- Những tảng đất lở bên bờ sông khi con lũ đầu nguồn đã dồn về, đổ ụp vào trong giấc ngủ của Nhĩ báo hiệu trước sự sống của nhân vật Nhĩ cũng đã sắp lụi tàn

- Chân dung và cử chỉ của Nhĩ ở đoan cuối truyện : chỉ còn đôi bàn tay với những ngón tay vừa bấu chặt vừa run lẩy bẩy.. Cánh tay gầy guộc đưa ra ngoài phía cửa sổ khoát khoát như đang hụt hẫng, cố bám víu hiện tại nhưng lại vô vọng bởi chính cái sự vòng vèo và chùng chình của người con. Hình ảnh này mang ý nghĩa biểu tượng sâu sắc. Chân dung của Nhĩ ở cuối truyện là chân dung của một con người đang đi vào cõi chết nhưng đã thức nhận được cuộc đời và chính mình trong « một nỗi mê say đầy đau khổ ». khiến mặt mũi “ đỏ rựng một cách khác thường” . Hành động cuối cùng của Nhĩ có thể hiểu là anh đang nôn nóng thúc giục cậu con trai hãy mau kẻo lỡ chuyến đò duy nhất trong ngày. Nhưng không dừng ở cụ thể, hình ảnh này còn mang ý nghĩa khái quát. Cái cánh tay giơ lên khoát khoát của con người đã bước tới ngưỡng cửa của cái chết phải chăng là ước muốn cuối cùng của Nhĩ gửi lại cho đời : anh muốn thức tỉnh mọi người hãy sống khẩn trương, có ích, đừng sa vào những cái « vòng vèo, chùng chình », hãy dứt ra khỏi nó để hướng tới những giá trị đích thực, vốn rất giản dị gần gũi và bền vững của gia đình và của quê hương.

***Câu 4 : Phân tích hiềm khao khát của nhân vật Nhĩ trong giờ phút cuối cùng của cuộc đời.***

- Trên giường bệnh, qua khung cửa sổ,. Nhĩ đã nhận thấy vẻ đẹp của thiên nhiên trong một buổi sáng đầu thu với những bông hoa bằng lăng cuối mùa thưa thớt nhưng lại đậm sắc hơn ; con sông Hồng màu đỏ nhạt, mặt sông như rộng thêm ra ; vòm trời như cao hơn ; và sau cùng là điểm nhìn của anh dừng lại ở cái bãi bồi bên kia sông : « Những tia nắng sớm đang từ từ di chuyển từ mặt nước lên những khoảng bờ bãi bên kia sông, và cả một vùng phù sa lâu đời của bãi bồi bên kia sông Hồng lúc này đang phô ra trước khung cửa gian gác nhà Nhĩ một một thứ màu vàng thau xen lẫn màu xanh non- những màu sắc thân thuộc quá như da thịt, như hơi thở của đất màu mỡ ». Thật kì lạ, cái bãi bồi vốn quen thuộc gần gũi ấy bỗng như mới mẻ với anh trong buổi sáng đầu thu này, ngỡ như lần đầu tiên anh cảm nhận được tất cả vẻ đẹp và sự giàu có của nó. Bởi đây là một chân trời gần gũi mà lại xa lắc vì chưa hề bao giờ đi đến ». Cho nên trong cái giờ phút cảm thấy sắp từ giã cõi đời, trong anh bỗng bừng dậy khao khát mãnh liệt là được đặt chân một lần lên cái bãi bồi bên kia sông- cái bãi bồi thân quen của quê hương mà suốt cả cuộc đời dường như anh đã quên nó, hờ hững với nó. Giờ đây, thấy lại được vẻ đẹp và sự giàu có của nó thì đã quá muộn và niềm khát khao ấy tuy bùng lên mạnh mẽ nhưng chỉ là một niềm khát khao vô vọng, vì hơn ai hết, anh biết chắc mình sẽ chẳng bao giờ đến được đó.

- Sang được bờ sông bên kia, với Nhĩ vừa là ước mơ, vừa là suy ngẫm về cuộc đời. Tính biểu tượng từ « cái bên kia sông mở ra hai tầng ý nghĩa. Trước hết đó là một ước mơ : con người ta hãy đi đến cái « bên kia sông » của cuộc đời mà mình chưa tới. Hình ảnh con sông Hồng phải chăng là ranh giới giữa cái thực và cái mộng mà chiếc cầu nối là con đò qua lại mỗi ngày chỉ có một chuyến mà thôi. Muốn đến với cái thế giới ước mơ kia đừng có do dự, vòng vèo mà bỏ lỡ. Thế giới ước mơ ấy chẳng qua chỉ là trong tâm tưởng của con người nên có thể nó sẽ là một ước mơ tuyệt mĩ hoặc chẳng là cái gì cụ thể cả. Tuy vậy nó lại là cái đích mà con người ta phải bôn tẩu, kiếm tìm, vượt qua bao nhiêu gian truân, khổ ải mà chưa chắc đã đến được. Cái vùng « mơ ước tâm tưởng » ấy không phải ai cũng hiểu được nếu chưa ở độ chín của sự từng trải hoặc quá ngây thơ. Chẳng hạn như Tuấn, con trai anh, do không hiểu được cái thế giới ước mơ kia của Nhĩ, vâng lời bố mà đi nhưng không hề biết vì sao nó phải đi, ở bên kia sông có gì lạ. Nó sẵn sàng và sà vào đám người chơi phá cờ thế bên hè » là lẽ dĩ nhiên. Còn Nhĩ, khi biết thằng bé đã đi, tâm hồn anh trào dâng bao nhiêu náo nức. Nó cũng là “ một cánh buồm vừa bắt gió căng phồng lên”. Hình ảnh đứa con, hình ảnh của ước vọng từ “ cái mũ cói rộng vành  và chiếc sơ mi màu trứng sáo” cứ chập chờn, khi là đứa con, khi chính là mình. Hình ảnh tuyệt vời, trẻ trung này là mơ ước của anh.

- Niềm khao khát đó nói lên nhiều điều có ý nghĩa :

+ Sự thức tỉnh về những giá trị bền vững, bình thường và sâu xa của cuộc sống - những giá trị thường bị người ta bỏ qua, lãng quên, nhất là lúc còn trẻ, khi những ham muốn xa vời đang lôi cuốn con người tìm đến.

+ Đó là sự thức tỉnh « giống như một niềm mê say pha lẫn với nỗi ân hận đau đớn » nhưng đó là một « sự thức nhận đau đớn sáng ngời của con người » (Lê Văn Tùng)

***Câu 5 : Tìm hiểu ngòi bút miêu tả tâm lí của Nguyễn Minh Châu ở truyện ngắn này.***

- Tinh tế : phát hiện những biến thái tinh tế trong tâm trạng nhân vật. Nhĩ đã nhận ra bằng trực giác cái giờ phút cuối cùng của cuộc đời đã đến (câu hỏi của Nhĩ vói Liên : « Đêm qua lúc gần sáng em có nghe thấy tiếng gì không ? » và « Hôm nay đã là ngày mấy rồi em nhỉ ? ». nhưng tác giả đã không để cho Liên trả lời thì đó chính là nhân đạo. Liên cảm nhận được tình cảnh của Nhĩ nên chị đã lảng tránh.

- Người cha sắp từ giã cõi đời đang giấu một tâm sự bí mật gì đó trong cái vẻ lúng túng. Đó là một nhận xét tinh tế của tác giả về Nhĩ khi anh bắt đầu nói chuyện với con để nhờ cậy nó sang cái bãi bồi bên sông hộ mình. Và trong cuộc đối thoại này, tâm lí Nhĩ đã bộc lộ thật đúng qua sự miêu tả tinh tế của t ác giả (qua thái độ, lời nói) và chính sự tinh tế này lại thấm đượm tinh thần nhân đạo ở chỗ nó đã nói lên một cách sâu sắc cái ước muốn nhỏ nhoi của Nhĩ.

- Cũng như vậy, đoạn Nhĩ nghĩ về con người khi nhận ra thằng con trai của anh đang sà vào một đám người chơi phá cờ thế có thể sẽ bị lỡ chuyến đò ngang sang sông duy nhất trong ngày và hình ảnh cuối cùng khi Nhĩ cố hết sức đu mình nhô người ra ngoài, giơ một cánh tay gầy guộc ra phía ngoài cửa sổ khoát khoát… đều là những nét miêu tả tâm lí vừa tinh tế, vừa nhân đạo của tác giả.

***Câu 6 : Phân tích hình ảnh nhân vật Nhĩ ở đoạn cuối truyện***

Đây là hình ảnh cuối cùng của nhân vật để lại một ấn tượng mạnh mẽ và sâu sắc trong lòng người đọc. Tác giả miêu tả một nét chân dung khác thường với một cử chỉ cũng rất khác thường của nhân vật. Giờ đây, trong những khoảnh khắc cuối cùng của cuộc đời, Nhĩ mới thấm thía. Anh đang cố gắng bấu chặt tay vào cửa sổ như bám chặt lấy niềm hạnh phúc cuối cùng. Anh run lên trong nỗi xúc động, nỗi mê say đầy đau khổ. Phải chăng lúc này, ranh giới giữa sự sống và cái chết mỏng manh như tờ giấy ? Phải chăng anh đang cảm nhận được sự ngắn ngủi của đời người ? Vì thế anh lấy hết sức « đu mình, nhô người ra ngoài cửa sổ » như để được đến gần hơn với miền đất mơ ước. Cánh tay gầy guộc như khẩn thiết ra hiệu cho con trai thực hiện niềm mong ước cuối cùng này của mình hay như muốn chạm vào, muốn với đến miền đất mơ ước ? Cánh tay vẫy vẫy đó cũng như đang vẫy chào con đò, tạm biệt con đò quen thuộc đã chở nặng mơ ước của Nhĩ, con đò đã đưa Nhĩ sang sông trong tâm tưởng, với niềm mê say đầy đau khổ với quê hương, với cuộc sống. Cái vẫy tay ấy như lời vĩnh biệt của anh, vĩnh biệt tất cả những gì là thân thuộc, gần gũi, những nét đẹp vĩnh hằng của đời sống mà nhiều khi những bận rộn lo toan, mục đích của cuộc sống đã che lấp khiến cho chúng ta không dễ nhận ra, khi nhận ra thì cũng là lúc anh phải xa lìa. Đó cũng là lời nhắc nhở đầy xót xa, day dứt của Nguyễn Minh Châu tới tất cả chúng ta : hãy sống có ích, đừng sa đà vào những điều vòng vèo, chùng chình, những cám dỗ, hãy dứt ra khỏi nó để hướng tới một cuộc sống tốt đẹp, hãy dứt khỏi nó để hướng tới những giá trị đích thực, vốn giản dị, gần gũi và bền vững của gia đình và quê hương.

***Câu 7 : Em có suy nghĩ gì về những người xung quanh Nhĩ.***

- Những người xung quanh Nhĩ là những người rất tốt. Họ có lẽ sống ân tình, quan tâm đến mọi người. Hình ảnh cụ giáo Khuyến sáng nào đi qua cũng tạt vào thăm Nhĩ là một hình ảnh ân tình ân nghĩa nuôi dưỡng tâm hồn. Một câu hỏi thăm về sức khoẻ, một lời động viên, an ủi ân cần : « Hôm nay ông Nhĩ có vẻ khoẻ ra nhỉ ? » thật cao quý và ấm áp nghĩa tình. Các cháu Huệ, Hùng, Vân, Tam, xinh tươi, ngoan ngoãn, nghe Nhĩ gọi, chúng ríu rít chạy lên, xúm vào, nương nhẹ giúp anh xê dịch chỗ nằm từ mép tấm nệm ra mép tấm phản, lấy gối đặt sau lưng Nhĩ, làm cho anh như trẻ lại « toét miệng cười với tất cả, tận hưởng sự thích thú được chăm sóc và chơi với ». Huệ đã giúp nhiều nên đã quen với việc đỡ cho Nhĩ nằm xuống. Đặc biệt là vợ con Nhĩ. Tuấn không hiểu mục đích của chuyến đi, nhưng vẫn sẵn sàng nghe lời bố, dẹp thú đọc sách lại để đi sang bên kia sông. Vợ Nhĩ thì vì chồng mà từ một cô thôn nữ trở thành người đàn bà thị thành, vẫn mặc áo vá, tần tảo và chịu đựng, không kêu ca một lời. Có gì hạnh phúc hơn khi được sống trong tình yêu thương của gia đình và quê hương như thế ?

***Câu 8 : Nhận xét nào sau đây đúng với câu : « Đêm qua lúc gần sáng, em có nghe thấy tiếng gì không ?*** »

A. Chỉ là một câu hỏi bình thường, không có hàm ý gì ?

B. Có hàm ý nói đến việc đất lở ven sông .

C. Có hàm ý nói đến việc đất lở ven sông, gợi sự đổ vỡ, mất mát, gợi sự liên tưởng đau lòng đến tình trạng nguy kịch của người chồng đang ốm, khiến anh lo buồn thêm.

(**Câu C đúng với câu đó)**

**Cau 9 : Giải thích nhan đề truyện « Bến quê ».**

- Đặt tên cho truyện ngắn « bến quê », điều ấy vừa bình thường, vừa có gì khác thường. Nó bình thường ở chỗ « : Bến quê là nơi sinh hoạt đông vui ở làng quê  như bến nước, mái đình, cây đa… ; bến quê còn là nơi bến đậu của con đò quen thuộc, của những con người quê hương đã từng bôn ba đây đó, đã từng trải qua nhiều sóng gió của cuộc đời nay trở về sống những ngày tháng cuối cùng, cảm thấy được che chở và bình yên. Bến quê với họ lúc này là nơi trú ngụ êm đềm nhất trong cuộc đời mỗi con người bởi con người ta ai chẳng có một quê hương để một đời gắn bó. Còn khác thường là ở chỗ : cái bến quê ấy, cái bãi bồi bên kia mà nhân vật Nhĩ hướng về chưa hẳn là nơi chôn rau cắt rốn của anh ? Có lẽ đó là quê hương của những người mà anh nhìn thấy : cả một đám khách đợi đò, quê hương của những người đi bộ hay dắt xe đạp, rõ hơn nữa, trong số ấy có « một vài tốp đàn bà đi chợ  về đang ngồi kháo chuyện hoặc xổ tóc ra bắt chấy » đằng kia. Với nhân vật Nhĩ, đây chỉ là một miền tưởng nhớ, một mơ ước xa xôi. Con đò sang bên kia sông cũng là con đò chở niềm ao ước gần gũi mà xa vời của anh. Và con đò đến bến bờ cũng là thực hiện niềm ao ước ấy. Nhan đề truyện cho thấy cách lựa chọn đề tài của tác giả thật dung dị nhưng mang tính biểu tượng sâu sắc. Đó là một đặc điểm nghệ thuật bao trùm của « Bến quê » tạo nên cách hiểu đa dạng và ý nghĩa nhiều tầng của thiên truyện.

**10. Nhận xét nghệ thuật miêu tả cảnh thiên nhiên trong truyện « Bến quê ».**

- Thiên nhiên trong truyện ngắn « Bến quê » không mang vẻ đẹp như thiên nhiên trong nhiều thi phẩm khác mà ta đã được biết. Nếu như trong các tác phẩm « *Cô Tô* » của Nguyễn Tuân, « *Sang thu* » của Hữu Thỉnh, « *Đoàn thuyền đánh cá* » của Huy Cận, hay « *Lặng lẽ Sa Pa* » của Nguyễn Thành Long… cảnh thiên nhiên đẹp rực rỡ, lung linh, huyền ảo, mộng mơ được cảm nhận qua tâm hồn rung cảm của người nghệ sĩ thì trong truyện ngắn « Bến quê », thiên nhiên hiện lên dung dị hơn qua cảm nhận của một người con quê hương. Đoạn truyện đã thể hiện rõ cái cảm quan hiện thực của người viết - một cái nhìn thiên nhiên, khung cảnh rất đời, rất gần gũi. Trong những giây phút cuối đời, anh nhìn ra ngoài cửa sổ, nhận thấy những thay đổi rất nhỏ nhặt như « những cánh hoa bằng lăng dường như thẫm mầu hơn- một màu tím thẫm như bóng tối ». Những tia nắng sớm đang từ từ di chuyển từ mặt nước lên những khoảng bờ bãi bên kia sông, và cả một vùng phù sa lâu đời của bãi bồi bên kia sông Hồng lúc này đang phô ra trước khung cửa gian gác nhà Nhĩ một một thứ màu vàng thau xen lẫn màu xanh non- những màu sắc thân thuộc quá như da thịt, như hơi thở của đất màu mỡ ». Những sắc màu thân thuộc như khí trời, hơi thở, gần gũi như đời sống nhưng dường như lần đầu tiên Nhĩ mới nhận ra, mới thấm thía hết vẻ đẹp của nó. Phải chăng, trong cuộc sống bình dị cũng có những nét đẹp của nó nhiều khi không dễ nhận ra. Trong câu hỏi anh hỏi vợ : « Đêm qua em có nghe thấy tiếng gì không ? » ta bắt gặp những âm thanh quen thuộc mà bình thường Nhĩ cũng chẳng bận tâm, nhưng giờ đây với anh nó thật thân thuộc và quý giá biết bao ! Hình ảnh cánh buồm nâu cứ trở đi trở lại trên con sông như đọng lại trong tâm tưởng của Nhĩ, anh quá hiểu rằng mình chỉ có thể sang bờ đất mơ ước trong tâm tưởng mà thôi. Cánh buồm tượng trưng cho sự nghèo đói của quê hương được nhìn dưới con mắt đầy tình yêu thương và xót xa của Nhĩ. Mảnh vá trên cánh buồm hay trên tấm áo của Liên…. đó là tất cả hình ảnh quê hương gần gũi, yêu thương mà nặng trĩu niềm xót xa, thương cảm. Hình ảnh quê hương trong văn học Việt Nam vốn hiện lên với nét đẹp rất thơ mộng… Trên trang văn của Nguyễn Minh Châu thì khác hẳn, quê hương vất vả tiêu điều, trong sự tần tảo sớm hôm. Đằng sau sự gắn bó với quê hương, với bờ bãi bên kia sông gần gũi mà xa lắc, ẩn dưới nó là nỗi niềm day dứt gần như xót xa. Cái nhìn thiên nhiên của Nhĩ là một cái nhìn rất hiện thực, rất đời, rất tỉnh táo mà chan chứa tình yêu thương da diết.

Giờ đây, trong những khoảnh khắc cuối cùng của cuộc đời, Nhĩ mới thấm thía. Anh đang cố gắng bấu chặt tay vào cửa sổ như bám chặt lấy niềm hạnh phúc cuối cùng. Anh run lên trong nỗi xúc động, nỗi mê say đầy đau khổ. Phải chăng lúc này, ranh giới giữa sự sống và cái chết mỏng manh như tờ giấy ? Phải chăng anh đang cảm nhận được sự ngắn ngủi của đời người ? Vì thế anh lấy hết sức « đu mình, nhô người ra ngoài cửa sổ » như để được đến gần hơn với miền đất mơ ước. Cánh tay gầy guộc như khẩn thiết ra hiệu cho con trai thực hiện niềm mong ước cuối cùng này của mình hay như muốn chạm vào, muốn với đến miền đất mơ ước ? Cánh tay vẫy vẫy đó cũng như đang vẫy chào con đò, tạm biệt con đò quen thuộc đã chở nặng mơ ước của Nhĩ, con đò đã đưa Nhĩ sang sông trong tâm tưởng, với niềm mê say đầy đau khổ với quê hương, với cuộc sống. Cái vẫy tay ấy như lời vĩnh biệt của anh, vĩnh biệt tất cả những gì là thân thuộc, gần gũi, những nét đẹp vĩnh hằng của đời sống mà nhiều khi những bận rộn lo toan, mục đích của cuộc sống đã che lấp khiến cho chúng ta không dễ nhận ra, khi nhận ra thì cũng là lúc anh phải xa lìa. Đó cũng là lời nhắc nhở đầy xót xa, day dứt của Nguyễn Minh Châu tới tất cả chúng ta : hãy sống có ích, đừng sa đà vào những điều vòng vèo, chùng chình, những cám dỗ, hãy dứt ra khỏi nó để hướng tới một cuộc sống tốt đẹp, hãy dứt khỏi nó để hướng tới những giá trị đích thực, vốn giản dị, gần gũi và bền vững của gia đình và quê hương.

**PHẦN TẬP LÀM VĂN :**

***Đề 1 : Phát biểu cảm nghĩ về nhân vật Nhĩ trong truyện “ Bến quê “ của Nguyễn Minh Châu***

**Gợi ý :**

**A. Mở bài** :

- Nhà văn Nguyễn Minh Châu là cây bút xuất sắc nhất của nền văn học VN hiện đại. Ông là người luôn trăn trở, tìm tòi và đổi mới về tư tưởng và nghệ thuật trong cách viết của mình đặc biệt là sau năm 1975.

- Truyện ngắn « Bến quê » là một tác phẩm có tính chất triết lí sâu sắc, mang tính trải nghiệm, có ý nghĩa tổng kết cuộc đời của một con người.

- Nhân vật Nhĩ trong câu chuyện là hình bóng một con người rất thực với đời sống nội tâm phong phú đầy trải nghiệm.

- Qua việc sáng tạo hình tượng nhân vật Nhĩ, Nguyễn Minh Châu đã giúp người đọc thức tỉnh sự trân trọng những vẻ đẹp và giá trị bình dị, gần gũi của cuộc sống, quê hương.

**B. Thân bài**.

***1. Hoàn cảnh của Nhĩ***

+ Câu chuyện viết về số phận của Nhĩ, nhân vật chính của truyện, một người đàn ông đã từng bôn ba, được tiếp xúc nhiều nơi, chiêm ngưỡng bao vẻ đẹp kì quan của thế giới nhưng đến cuối đời lại bị một căn bệnh hiểm nghèo, liệt toàn thân, không thể tự mình di chuyển và đang sống những ngày cuối cùng, giáp ranh giữa sự sống và cái chết. Nhưng hoàn toàn trái ngược với cái lẽ thường tình mà nhiều nhà văn khác thường khai thác loại tình huống này để nói lên cái khát vọng sống mãnh liệt và cái sức sống mạnh mẽ của con người (Giắc lân đơn ; Ô- hen ri), Nguyễn Minh Châu tạo tình huống nghịch lí này để chiêm nghiệm một triết lí về đời người.

Nhưng cũng chính lúc này, anh mới phát hiện ra vùng đất bên kia sông- nơi bến quê quen thuộc của quê vợ - một vẻ đẹp bình mà hết sức quyến rũ mà anh chưa một lần đặt chân đến. Và cũng chính lúc này, nhận được sự chăm sóc ân cần, chu đáo của vợ, anh mới nhận ra vẻ đẹp, sự tần tảo, tình yêu và đức hi sinh thầm lặng của vợ. Và anh khát khao cháy bỏng được đặt chân một lần lên bến quê - bờ bãi bên kia sống, cái miền đất thật gần gũi mà bây giờ với anh trở nên xa lắc.

=> Phải chăng nhà văn đã đặt nhân vật Nhĩ – hay đang hoá thân vào nhân vật vào trong tình huống với cả một chuỗi những nghịch lí như thế là nhằm hưóng người đọc đi đến một nhận thức về cuộc đời : Cuộc sống và số phận con người chứa đựng đầy những điều bất thường, những nghịch lí ngẫu nhiên, vượt ra ngoài những điều dự định và ước muốn, cả những hiểu biết và toan tính của người ta. Mặt khác còn là để khẳng định cái triết lí mang tính tổng kết những trải nghiệm của cả một đời người : *Con người ta trên đường đời thật khó tránh khỏi những điều vòng vèo, chùng chình* như đã nói ở trên.

***2. Những cảm xúc và suy ngẫm của nhân vật Nhĩ***

***a.*** Sự thức nhận của Nhĩ thể hiện qua sự cảm nhận của anh về thiên nhiên trong một sớm đầu thu.

- Thiên nhiên trong buổi sớm đầu thu không đẹp như những bức tranh thiên nhiên trong nhiều thi phẩm khác chẳng hạn như  : Cô Tô - Nguyễn Tuân, hay « Sang thu » của Hữu Thỉnh. Cảnh thiên nhiên được cảm nhận bằng cái nhìn đầy tâm trạng, bằng những cảm xúc tinh tế của nhân vật Nhĩ, một con người sắp từ giã cõi đời nên cảnh vật ấy dần hiện ra với những vẻ đẹp riêng. :

+ Những bông hoa bằng lăng tím cuối mùa dần thưa thớt, sắc hoa vốn đã nhợt nhạt giờ lại đậm sắc hơn… để rồi cuối cùng thẫm màu hơn, một màu tím thẫm như bóng tối ». Đâu phải là những màu sắc tươi tắn mà là những sắc màu của sự tàn phải, là dấu hiệu của sự tiêu biến. Và cái tàn lụi đó bỗng trở nên gấp gáp hơn, vội vã hơn, nhẫn tâm hơn bởi nó gắn bó với tâm trạng của con người.

+ Đặc biệt là anh nhận ra vẻ đẹp của bến quê - đó là vẻ đẹp của bãi bồi bên kia sông : H/a con sông Hồng màu đỏ nhạt, mặt sông như rộng thêm ra. Ngay cả cái vòm trời mùa thu như cao hơn : Những tia nắng sớm đang từ từ di chuyển từ mặt nước lên những khoảng bờ bãi…. cả một vùng phù sa lâu đời cũng đang phô ra một thứ màu vàng thau xen lẫn với màu xanh non.. những màu sức thân thuộc quá như da thịt, như hơi thở…. Đó là những hình ảnh rất thực, rất quen thuộc, gần gũi nhưng chỉ đến sáng hôm nay Nhĩ mới cảm nhận ra được như một phát hiện vừa mới mẻ, vừa muộn màng. có cảm giác như lần đầu tiên anh mới nhìn thấy.

+ Từ sự thức nhận những vẻ đẹp bình dị nơi bến quê, trong anh có sự so sánh, chiêm nghiệm : « Suốt đời Nhĩ đã từng đi tới không sót một xó xỉnh nào trên trái đất, đây là một chân trời gần gũi, mà lại xa lắc vì chưa hề bao giờ đi đến » Phải chăng đây là tâm trạng của một con người đang nặng trĩu những từng trải, đau thương : yêu quê hương nhưng một đời người thường phải li hương, thường hờ hững và mắc vào cái điều vòng vèo, chùng chình nên giờ thì cảm thấy tiếc nuối, xa xôi.

- Và bằng trực giác, Nhĩ đã nhận ra mình chẳng còn sống được bao lâu nữa. Anh đang phải đối mặt với hoàn cảnh bi đát không còn lối thoát. Tuy ngày nào cũng uống thuốc nhưng bệnh tình không thuyên giảm, hôm nay « cũng chỉ cảm thấy như hôm qua ». Nhấc mình ra được bên ngoài tấm nệm đang nằm, Nhĩ cảm thấy như mình « vừa bay được một nửa vòng trái đất ». Lạc quan, hi vọng như Liên làm sao được. Anh chỉ còn biết hài hước đùa vui để đêm đêm con người thực của anh thao thức, lắng nghe, cái âm thanh mà vợ anh giả vờ không nghe : ấy là cái bờ đất lở phía bên này  « cùng với con lũ nguồn đã bắt đầu dồn về, những tảng đất đổ oà vào giấc ngủ. Có lúc Nhĩ thảng thốt, giật mình như bấm đốt ngón tay : « hôm nay đã là ngày mấy rồi em nhỉ ? ». Trước những lời anh hỏi vợ và sự im lặng của Liên, ta cảm nhận được cuộc sống buồn tẻ, chán ngắt và đầy tuyệt vọng, cái chết đến dần với anh. Rõ ràng con người suy kiệt về thể xác nhưng lại tỉnh táo, sáng suốt về tinh thần trong hoàn cảnh ấy rất dễ rơi vào tâm trạng bế tắc, bi quan, hoặc khao khát, chiêm nghiệm về một cái gì lớn lao thuộc chân lí cuộc đời. Nhĩ ở trường hợp thứ hai.

b. Cảm nhận của Nhĩ về Liên  (vợ anh).

- Lần đầu tiên Nhĩ để ý thấy Liên đang mặc tấm áo vá, những ngón tay gầy guộc âu yếm vuốt ve bên vai của anh, và Nhĩ nhận ra tất cả tình yêu thương, sự tần tảo và đức hi sinh thầm lặng của vợ.

- Anh nói với chị Liên : *“Suốt đời anh chỉ làm em khổ tâm mà em vẫn nín thinh*” . Còn Liên đã trả lời : « *Có hề sao đâu, miễn là anh sống, luôn luôn có mặt anh, tiếng nói của anh trong gian phòng này ».*.

- Nhìn vợ bước xuống cầu thang với tiếng bước chân « *rón rén quen thuộc suốt cả một đời người đàn bà trên những bậc gỗ mòn lõm* », anh đã xót xa vô cùng. Cái bậc gỗ ấy đã mòn lõm, Nhĩ mới có điều kiện để lắng nghe bước chân thân thuộc ấy và nhớ đến vợ anh thời con gái còn mặc áo nâu, chít khăn mỏ quạ nay đã là một phụ nữ thị thành mà cuộc đời nào có khấm khá gì hơn. Điều đó không khỏi làm Nhĩ ngạc nhiên và buồn bã. Giờ đây, anh mới thực sự thấu hiểu và biết ơn sâu sắc người vợ của mình : « *Cũng như cảnh bãi bồi đang nằm phơi mình bên kia, tâm hồn Liên vẫn giữ nguyên vẹn những nét tần tảo và chịu đựng hi sinh từ bao đời xưa, và cũng chính nhờ có điều đó mà sau nhiều ngày tháng bôn tẩu tìm kiếm… Nhĩ đã tìm thấy được nơi nương tựa là gia đình trong những ngày này* »

- Thật là đau đớn với anh vì đời người sắp hết mới nhận ra sự thờ ơ của mình trong quãng đời còn trẻ với những người thân thuộc nhất. Đáng ra chính Nhĩ đã phải phát hiện từ sớm để được suốt đời trân trọng, yêu thương như tình yêu mà Quỳ đã dành cho nhân vật « anh ấy » (Người đàn bà trên chuyến tầu tốc hành ). Hay nói như tác giả đã viết trong truyện ngắn « Cỏ lau » : người chết thì đã chết (mà Nhĩ cũng đã biết mình sắp chết)… Vậy anh hãy nói điều gì cho người sống được yên tâm. Sao Nhĩ vẫn lặng thinh ? Vẫn cứ chùng chình, im lặng ? Nhưng dẫu sao sự thức nhận muộn màng ấy vẫn còn lấp lánh vẻ đẹp của lương tâm bởi tuổi trẻ có phải ai cũng nghĩ ra đâu ?

c. Sự thức nhận ấy đã đọng lại trong niềm khát khao cháy bỏng  của anh.

- Nhĩ khao khát được đặt chân lên bãi bồi bên kia sông để được chiêm ngưỡng và tận hưởng vẻ đẹp rất đỗi bình dị và gần gũi mà có một thời Nhĩ đã lãng quên nó. Sang được bờ sông bên kia , với Nhĩ vừa là mơ ước, vừa là suy ngẫm về cuộc đời.

- Tính biểu tượng từ « cái bên kia sông » mở ra hai tầng ý nghĩa, trước hết, nó là một ước mơ : con người ta hãy đi đến cái « bên kia sông » của cuộc đời mà mình chưa tới. Hình ảnh con sông Hồng phải chăng là ranh giới giữa cái thực và cái mộng mà chiếc cầu nối là con đò qua lại mỗi ngày chỉ có một chuyến mà thôi. Muốn đến với cái thế giới mơ ước kia đừng có do dự, vòng vèo mà bỏ lỡ. Miền đất ấy là ước mơ. Miền đất ấy cũng gợi trong Nhĩ bao nhiêu suy ngẫm về cuộc đời có thực. Hình ảnh có thực về cuộc đời chứ không phải danh lam thắng cảnh, nước biếc non xanh, cuộc đời có thực ấy thật nguyên vẹn, thật dung dị « cả trong những nét tiêu sơ ».

- Thế giới ước mơ ấy chẳng qua chỉ là trong tâm tưởng của con người nên có thể nó sẽ là một ước mơ tuyệt mĩ hoặc chẳng là cái gì cụ thể cả. Tuy vậy nó lại là cái đích mà con người ta phải bôn tẩu, kiếm tìm, vượt qua bao nhiêu gian truân, khổ ải mà chưa chắc đã đến được. Cái vùng « mơ ước tâm tưởng » ấy không phải ai cũng hiểu được nếu chưa ở độ chín của sự từng trải hoặc quá ngây thơ. Chẳng hạn như Tuấn, con trai anh, do không hiểu được cái thế giới ước mơ kia của Nhĩ, vâng lời bố mà đi nhưng không hề biết vì sao nó phải đi, ở bên kia sông có gì lạ. Nó sẵn sàng và sà vào đám người chơi phá cờ thế bên hè » là lẽ dĩ nhiên. Còn Nhĩ, khi biết thằng bé đã đi, tâm hồn anh trào dâng bao nhiêu náo nức. Nó cũng là « một cánh buồm vừa bắt gió căng phồng lên ». Những hành động, cử chỉ của cậu con trai phải chăng chính là hình ảnh của Nhĩ thuở nào. Nhìn đứa con không hiểu được điều anh nhờ nó, anh đã rút ra triết lí sâu xa đó như nỗi niềm đau đớn pha lẫn sự ân hận của riêng anh : « *con người ta trên đường đời khó tránh được những cái điều vòng vèo và chùng chình* »

- Đó là triết lí của một người đã trải nghiệm « H*oạ chăng chỉ có anh đã từng trải, đã từng in gót chân khắp mọi chân trời xa lạ mới nhìn thấy thấy hết sự giàu có lẫn mọi vẻ đẹp của một cái bãi bồi sông Hồng ngay bờ bên kia* », đã có ước muốn xa vời mà cuộc đời khi còn trẻ vô tình bỏ qua những cái bình dị ngay bên ta. Vậy là không phải triết lí của một mà của hai thế hệ anh nhìn thấy nên nó có tính chất quy luật tâm lí của con người. Hiểu được triết lí ấy ta mới hiểu được ý tưởng sâu xa của tác giả như muốn khuyên mỗi chúng ta đừng lãng phí thời gian vào những điều vòng vèo chùng chình mà cần trân trọng những giá trị bền vững, những vẻ đẹp bình dị của cuộc đời ở ngay bên ta.

d. Hành động cuối truyện :

- Đây là hình ảnh cuối cùng của nhân vật để lại một ấn tượng mạnh mẽ và sâu sắc trong lòng người đọc. Tác giả miêu tả một nét chân dung khác thường với một cử chỉ cũng rất khác thường của nhân vật. Giờ đây, trong những khoảnh khắc cuối cùng của cuộc đời, Nhĩ mới thấm thía. ». Phát hiện ra cuộc đời ở chiều sâu, được đi tìm nó đối với Nhĩ là một sự hồi hộp vô biên. Cho nên hai con mắt của con người say mê và đau khổ ấy sáng lên « long lanh » một cách khác thường. Anh đang cố gắng bấu chặt tay vào cửa sổ như bám chặt lấy niềm hạnh phúc cuối cùng. Anh run lên trong nỗi xúc động, nỗi mê say đầy đau khổ. Phải chăng lúc này, ranh giới giữa sự sống và cái chết mỏng manh như tờ giấy ? Phải chăng anh đang cảm nhận được sự ngắn ngủi của đời người ? Thời gian không thể chờ đợi anh thêm một chuyến đò khác ! Vì thế anh lấy hết sức « đu mình, nhô người ra ngoài cửa sổ » như để được đến gần hơn với miền đất mơ ước. Cánh tay gầy guộc như khẩn thiết ra hiệu cho con trai hãy tiến lên thực hiện niềm mong ước cuối cùng này của mình hay như muốn chạm vào, muốn với đến miền đất mơ ước ? Cánh tay vẫy vẫy đó cũng như đang vẫy chào con đò, tạm biệt con đò quen thuộc đã chở nặng mơ ước của Nhĩ, con đò đã đưa Nhĩ sang sông trong tâm tưởng, với niềm mê say đầy đau khổ với quê hương, với cuộc sống. Cái vẫy tay ấy như lời vĩnh biệt của anh, vĩnh biệt tất cả những gì là thân thuộc, gần gũi, những nét đẹp vĩnh hằng của đời sống mà nhiều khi những bận rộn lo toan, mục đích của cuộc sống đã che lấp khiến cho chúng ta không dễ nhận ra, khi nhận ra thì cũng là lúc anh phải xa lìa. Đó cũng là lời nhắc nhở đầy xót xa, day dứt của Nguyễn Minh Châu tới tất cả chúng ta : hãy sống có ích, đừng sa đà vào những điều vòng vèo, chùng chình, những cám dỗ, hãy dứt ra khỏi nó để hướng tới một cuộc sống tốt đẹp, hãy dứt khỏi nó để hướng tới những giá trị đích thực, vốn giản dị, gần gũi và bền vững của gia đình và quê hương.

***3. Ý đồ của nhà văn khi xây dựng nhân vật Nhĩ*** :

- Nhân vật Nhĩ trong truyện cũng như nhiều nhân vật khác trong truyện của « Nguyễn Minh Châu  sau năm 1975 là kiểu nhân vật tư tưởng với những trăn trở, nghĩ suy để tự nhận thức chính mình, tự nhận thức về cuộc đời. Tác giả đã gửi gắm qua nhận vật nhiều điều quan sát, suy ngẫm, triết lí : nhân vật Nhĩ không đại diện cho một ai mà là cho tất cả. Chính những chiêm nghiệm, những triết lí đã được chuyển hoá vào trong đời sống nội tâm của nhân vật thông qua những diễn biến của tâm trạng, dưới sự tác động của hoàn cảnh đã được miêu tả tinh tế, hợp lí làm cho tác phẩm mang tính luận đề một cách tự nhiên mà sâu sắc.

**C. Kết luận.**

- Có thể nói Nguyễn Minh Châu đã rất thành công khi miêu tả tinh tế tâm trạng, cảm nghĩ của nhân vật Nhĩ. Nhà văn đã đặt nhân vật vào trong những tình huống đầy nghịch lí để khắc hoạ tính cách, tư tưởng và để thể hiện cái triết lí về cuộc đời.

- Từ những « nhận thức đau đớn và sáng ngời » của Nhĩ, người đọc nhận ra một triết lí sâu sắc ở đời : Con người trên đường đời thường mắc phải cái vòng vèo hoặc chùng chình ». Con người cần phải tự ý thức để nhận ra và trân trọng những giá trị và vẻ đẹp bình dị, đích thực và bền vững của cuộc sống, của quê hương ».

- Mỗi chúng ta hãy luôn tự ngẫm về mình, ngẫm về cuộc đời và những hành động của mình trong lúc chưa quá muộn.

**Đề 2 : Bình luận truyện ngắn  “Bến quê” của Nguyễn Minh Châu**

**A. Mở bài :**

- Nhà văn Nguyễn Minh Châu là cây bút xuất sắc nhất của nền văn học VN hiện đại. Ông là người luôn trăn trở, tìm tòi và đổi mới về tư tưởng và nghệ thuật trong cách viết của mình đặc biệt là sau năm 1975.

- Truyện ngắn « Bến quê » là một tác phẩm có tính chất triết lí sâu sắc, mang tính trải nghiệm, có ý nghĩa tổng kết cuộc đời của một con người.

**B. Thân bài** :

***1. Bình luận về tình huống nghịch lí của truyện***

+ Nhĩ bị liệt toàn thân, không thể tự mình di chuyển và đang sống những ngày cuối cùng, giáp ranh giữa sự sống và cái chết. Nhưng hoàn toàn trái ngược với cái lẽ thường tình mà nhiều nhà văn khác thường khai thác loại tình huống này để nói lên cái khát vọng sống mãnh liệt và cái sức sống mạnh mẽ của con người (Giắc lân đơn ; Ô- hen ri), Nguyễn Minh Châu tạo tình huống nghịch lí này để chiêm nghiệm một triết lí về đời người.

- Cả cuộc đời Nhĩ đã đi khắp mọi nơi nhưng rồi cuối đời anh chỉ muốn nhích tới bên cửa sổ mà khó khăn « như phải đi hết nửa vòng trái đất ». Cho đến cái bãi bồi bên kia sông Hồng thật gần gũi nhưng anh chẳng bao giờ có thể đặt chân lên mảnh đất ấy thì đây quả là thêm một nghịch lí đáng buồn.

- Rồi cậu con trai anh không sao hiểu nổi cái khát vọng kì cục mà lớn lao của bố : Nó sa vào một đám chơi cờ thế, rất có thể lỡ chuyến đò ngang duy nhất trong ngày => đó cũng là một điều nghịch lí.

- Ngay cả người vợ một đời tần tảo, giàu tình yêu thương nhưng phải đợi đến lúc sắp giã biệt cõi đời, Nhĩ mới cảm nhận thấm thía được lại càng là nghịch lí và trớ trêu…

=> Phải chăng nhà văn đã đặt nhân vật Nhĩ – hay đang hoá thân vào nhân vật vào trong tình huống với cả một chuỗi những nghịch lí như thế là nhằm hưóng người đọc đi đến một nhận thức về cuộc đời : Cuộc sống và số phận con người chứa đựng đầy những điều bất thường, những nghịch lí ngẫu nhiên, vượt ra ngoài những điều dự định và ước muốn, cả những hiểu biết và toan tính của người ta. Mặt khác còn là để khẳng định cái triết lí mang tính tổng kết những trải nghiệm của cả một đời người : *Con người ta trên đường đời thật khó tránh khỏi những điều vòng vèo, chùng chình* như đã nói ở trên.

***2. Bình luận về những cảm xúc của nhân vật Nhĩ***.

- Nhĩ nằm đó, trong cái mớ rối rắm bòng bong những nghịch lí để tự hồi tưởng, tự phân tĩnh, tự sám hối và nhận ra những điều không có gì là xa lạ.

*a. Cảm xúc về thiên nhiên*.

- Cảnh vật được cảm nhận bằng cái nhìn đầy tâm trạng : sự thay đổi sắc màu của những bông hoa bằng lăng ; của con sông Hồng, của bầu trời thu, của cái bãi bồi bên kia sông, con đò có cánh buồm nâu bạc…. gợi ra một không gian vừa có chiều sâu, vừa có chiều rộng.

- Cảnh vật ấy cứ dần dần hiện ra với những vẻ đẹp riêng và chỉ có thể cảm nhận được bằng những cảm xúc thật tinh tế của một con người sắp từ giã cõi đời.

+ Những bông hoa bằng lăng tím cuối mùa dần thưa thớt, sắc hoa vốn đã nhợt nhạt giờ lại đậm sắc hơn… để rồi cuối cùng thẫm màu hơn, một màu tím thẫm như bóng tối ». Đâu phải là những màu sắc tươi tắn mà là những sắc màu của sự tàn phải, là dấu hiệu của sự tiêu biến. Và cái tàn lụi đó bỗng trở nên gấp gáp hơn, vội vã hơn, nhẫn tâm hơn bởi nó gắn bó với tâm trạng của con người.

+ H/a con sông Hồng màu đỏ nhạt, mặt sông như rộng thêm ra vốn cũng chỉ là hình ảnh của cái đẹp bình dị, gần gũi, gắn bó bao đời, vậy mà giờ đây bỗng trở nên xa xôi quá, ngăn cách quá vì cả đời Nhĩ đã vòng vèo, chùng chình nên đến giờ mới nhận ra được điều đơn giản ấy.

+ Ngay cả cái vòm trời màu thu như cao hơn : Những tia nắng sớm đang từ từ di chuyển từ mặt nước lên những khoảng bờ bãi…. cả một vùng phù sa lâu đời cũng đang phô ra một thứ màu vàng thau xen lẫn với màu xanh non.. những màu sức thân thuộc quá như da thịt, như hơi thở…. Vậy mà cũng chỉ đến sáng hôm nay Nhĩ mới cảm nhận ra được như một phát hiện vừa mới mẻ, vừa muộn màng. Đây là « một chân trời gần gũi mà lại xa lắc vì chưa bao giờ đi đến ». Phải chăng đây là tâm trạng của một con người đang nặng trĩu những từng trải, đau thương : yêu quê hương nhưng một đời người thường phải li hương, thường hờ hững và mắc vào cái điều vòng vèo, chùng chình nên giờ thì cảm thấy tiếc nuối, xa xôi.

*b. Cảm xúc về vợ* :

- Phát hiện thấy ở Liên những tình cảm dịu dàng, sự tần tảo và đức hi sinh thầm lặng.

+ Liên mặc tấm áo vá, những ngón tay gầy guộc vuốt ve chồng, lảng tránh trả lời khi Nhĩ hỏi.

+ Nhĩ nhận ra sự nghiệt ngã của thời gian, không còn bao lâu nữa anh sẽ mãi mãi ra đi, Nhĩ đành phải xót xa nói ra một điều ân hận nhất : « Suốt đời anh chỉ làm em khổ tâm… mà em vẫn nín thinh ! »

+ Liên vẫn ân cần, vẫn yêu thương, lặng thầm hi sinh, chịu đựng : Anh cứ yên tâm.. Miễn là anh sống, luôn có mặt anh, tiếng nói của anh trong gian nhà này. »

- Giờ thì Nhĩ đã hiểu thật sâu, thật đau với một sự thấu hiểu, một sự ân hận và lòng biết ơn sâu sắc nhưng cũng đã muộn màng. (so sánh với Khúng và Huệ trong « Phiên chợ Giát »). Tại sao không nương tựa vào nhau để đi qua cuộc đời, qua số phận và bám lấy mảnh đất quê hương để mà sống, để tạo lập cuộc sống, để khẳng định con người trên mảnh đất này ? Sao không thể có được một cuộc đời tuy lầm lũi mà hạnh phúc như lão Khúng với mụ Huệ trong truyện « Phiên chợ Giát » dù cho cuộc đời có thấm đẫm đầy máu và nước mắt ? Phải chăng cũng bởi những cái vòng vèo, chùng chình không dứt ra được khiến cho Nhĩ từ lâu đã không nhận ra được tình yêu thương, sự tần tảo và đức hi sinh thầm lặng ấy của Liên ? Và để rồi cuối cùng mới nhận ra được cái đẹp trong tâm hồn vợ : *cũng như cánh bãi bồi đang nằm phơi mình bên kia, tâm hồn Liên vẫn giữ nguyên vẹn những nét tần tảo và chịu đựng hi sinh từ bao đời xưa và cũng chính nhờ có điều đó mà sau nhiều ngày tháng bôn tẩu, tìm kiếm… Nhĩ đã tìm thấy được nơi nương tựa là gia đình trong những ngày này*.

- Cách so sánh đầy tính triết lí trên đây của tác giả không chỉ là lời ngợi ca, sự nhìn nhận xứng đáng dành cho Liên mà còn là một phát hiện vốn cũng rất bình thường nhưng cũng đã bị chính cái vòng vèo, cái chùng chình làm cho con người ta đã phót lờ nó, xem thường nó, coi đó như là một lẽ đương nhien. Đáng ra chính Nhĩ đã phải phát hiện từ sớm để được suốt đời trân trọng, yêu thương như tình yêu mà Quỳ đã dành cho nhân vật « anh ấy » (Người đàn bà trên chuyến tầu tốc hành ). Hay nói như tác giả đã viết trong truyện ngắn « Cỏ lau » : người chết thì đã chết (mà Nhĩ cũng đã biết mình sắp chết)… Vậy anh hãy nói điều gì cho người sống được yên tâm. Sao Nhĩ vẫn lặng thinh ? Vẫn cứ chùng chình, im lặng ?

*c. Cảm xúc về quê hương* (từ những cảm nhận về thiên nhiên, cảm nhận về Liên, Nhĩ chợt nhận ra cái đẹp muôn thuở của quê hương)

- Thì ra « suốt đời  Nhĩ đã từng đi tới không sót một xó xỉnh nào trên trái đất » vậy mà giờ đây, nằm trong căn phòng nhìn qua cửa sổ, Nhĩ mới thấy được tất cả vẻ đẹp rất đỗi bình dị và gần gũi của cái bãi bồi bên kia sông khi mình sắp từ giã cõi đời.

d. Cảm xúc về bản thân và bình luận về tâm trạng khao khát của Nhĩ muốn được đặt chân lên bãi bồi bên kia sông.

- Bãi đất ấy đã làm bừng dậy một niềm khao khát vô vọng là được đặt chân lên một lần đến đó.

- Điều ước muốn ấy chính là sự thức tỉnh về những giá trị bền vững, bình thường, sâu xa trong cuộc sống vốn thường bị người ta lãng quên và chỉ có thể cảm nhận được khi đã ở cái độ từng trải.

- Thật là đau đớn vì đối với Nhĩ đó cũng là lúc cuối đời, cận kề với cái chết. Cho nên sự thức tỉnh tình yêu quê hương, yêu cái đẹp dung dị, bình thường, gần gũi có xen lẫn với niềm ân hận và nỗi xót xa : *« hoạ chăng chỉ có anh đã từng trải, đã từng in gót chân khắp mọi chân trời xa lạ mới nhìn thấy thấy hết sự giàu có lẫn mọi vẻ đẹp của một cái bãi bồi sông Hồng ngay bờ bên kia* ». Và cũng chỉ có anh mới nhận ra được điều đó, ngay cả đứa con anh cũng không sao hiểu được điều anh mơ ước. Nó ra đi một cách miễn cưỡng rồi bị cuốn hút vào trò chơi giải cờ thế trên vỉa hè, rất có thể nhõ chuyến đò ngang. Quả thật là « *con người ta trên đường đời khó tránh được những cái điều vòng vèo và chùng chình* » vậy.

- Nhĩ thất vọng nhưng ôm nỗi buồn riêng không hề trách móc một ai. Vì « *vả lại nó đã thấy có gì đáng hấp dẫn ở bên kia sông đâu* ! » Nhĩ chỉ còn biết thu hết tàn lực vào cái giờ phút không thể dừng lại được nữa khi thấy con đò ngang vừa chạm vào mũi vào đất lở bên này sông »… « *để đu mình, nhô người ra ngoài, giơ một cánh tay gầy guộc.. khoát khoát…* »Phải chăng anh đang nôn nóng thúc giục cậu con trai hãy mau lên kẻo lỡ chuyền đò ? Phải chăng anh đang cảm nhận cái ngắn ngủi của thời gian không hề chờ đợi anh thêm một chuyến đò khác. Hình ảnh này còn gợi ra ý nghĩa khái quát hơn nữa : đó là ý muốn của nhân vật (cũng như của nhà văn) là thức tỉnh mọi người về những cái vòng vèo, chùng chình mà chúng ta đang sa vào trên đường đời. Hãy mau mau dứt ra khỏi nó để hướng tới những giá trị đích thực vốn rất giản dị, gần gũi và bền vững.

***3. Ý đồ của nhà văn khi xây dựng nhân vật Nhĩ*** :

- Nhân vật Nhĩ trong truyện cũng như nhiều nhân vật khác trong truyện của « Nguyễn Minh Châu  sau năm 1975 là kiểu nhân vật tư tưởng với những trăn trở, nghĩ suy để tự nhận thức chính mình, tự nhận thức về cuộc đời vì như trên đã dẫn theo lời của tác giả là « cuộc đời vốn đa sự, con người vốn đa đoan ». Tác giả đã gửi gắm qua nhận vật nhiều điều quan sát, suy ngẫm, triết lí : nhân vật Nhĩ không đại diện cho một ai mà là cho tất cả. Do đó nhận vật không bị biến thành cái loa phát ngôn cho một giai tầng nào đó trong xã hội hay cho chính nhà văn. Chính những chiêm nghiệm, những triết lí đã được chuyển hoá vào trong đời sống nội tâm của nhân vật thông qua những diễn biến của tâm trạng, dưới sự tác động của hoàn cảnh đã được miêu tả tinh tế, hợp lí làm cho tác phẩm mang tính luận đề một cách tự nhiên mà sâu sắc.

4. ***ĐÁnh giá những thành công về nghệ thuật xây dựng truyện.***

- Miêu tả tinh tế tâm trạng, cảm nghĩ của nhân vật mang đầy ý nghĩa triết lí về con người.

- Sáng tạo những hình ảnh giầu ý nghĩa biểu đạt và hầu như mọi hình ảnh đều mang hai lớp nghĩa : nghĩa thực và nghĩa biểu tượng. (Dẫn chứng : hình ảnh hoa bằng lăng, hình ảnh bãi bồi bên kia sông, của con đò, của cánh buồm nâu đã bạc mầu… những tảng đất lở bên bờ sông…. hình ảnh cuối truyện….)

C**. Kết luận**.

- Nguyễn Minh Châu là nhà văn đi được xa nhất trên con đường đổi mới văn học, trong thời kì mà văn học đang « tự thay máu » của mình. Nhân vật thể hiện được những chiêm nghiệm, những điều trở trăn của một nhà văn nặng lòng với cuộc sống mới sau chiến tranh, minh chứng cho sự đổi t hay của một thời kì văn học mới.

- Tác phẩm mang phong cách hiện đại, tính nhân văn sâu sắc.

**CHUYÊN ĐỀ 19:**

**NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI**

**Nguyễn Minh Châu**

**I.Đọc, tìm hiểu chung về văn bản**

***1. Tác giả - tác phẩm***

a) Tác giả:

Lê Minh Khuê sinh năm 1949

- Quê: Tĩnh Gia – Thanh Hoá.

- Là Thanh niên xung phong trong kháng chiến chống Mĩ.

- Viết văn từ những năm 70.

Là cây bút truyện ngắn, ngòi bút miêu tả tâm lí tinh tế, sâu sắc đặc biệt là khi viết về phụ nữ.

- Đề tài trước 1975: Đều viết về cuộc sống chiền đấu của thanh niên xung phong và bộ đội trên tuyến đường Trường Sơn, gây được chú ý của bạn đọc.

- Sau 1975: Những sáng tác của Lê Minh Khuê bám sát những biến chuyển của đời sống – đề cập nhiều vấn đề bức xúc của xã hội và con người với tinh thần đởi mới mạnh mẽ.

b) Tác phẩm:

*Những ngôi sao xa xôi* là một trong những tác phẩm đầu tay của Lê Minh Khuê.

\* Xuất xứ: Viết năm 1971 – cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước đang diễn ra ác liệt.

- Đây là một truyện ngắn được viết ngay trong thời kì chiến tranh nên không tránh khỏi những hạn chế trong cách phản ánh hiện thực và con người. Tác phẩm này thể hiện chủ nghĩa anh hùng, vẻ đẹp tâm hồn, tư tưởng và những tác phẩm chất cao cả của con người Việt Nam trong cuộc chiến tranh yêu nước được nhìn nhận theo khuynh hướng sử thi.

Truyện viết về ba cô gái trong một tổ trinh sát phá bom ở một cao điểm trên tuyến đường Trường Sơn những năm kháng chiến chống Mĩ.

Đây là một trong những đề tài của nhiều tác phẩm thơ truyện – ca khúc thời kháng chiến chống Mĩ:

- Đường Trường Sơn. Những cô gái Thanh niên xung phong. Anh bộ đội lái xe.

Tiêu biểu là những bài thơ của: Phạm Tiến Duật, Lâm Thị Mĩ Dạ, Nguyễn Minh Châu (Truyện ngắn “*Mảnh trăng cuối rừng*”).

\* Ngôi kể:

- Ngôi thứ nhất thông qua lời kể của nhân vật chính. Lựa chọn ngôi kể này, nhà văn đã tạo được thuận lợi để biểu hiện đời sống nội tâm với nhiều cảm xúc ấn tượng hồi tưởng của nhân vật làm hiện lên vẻ đẹp trong sáng hồn nhiên của những cô gái thanh niên xung phong.

\* Đọc

\* Tóm tắt truyện: (SGV 150 - 151)

- Ba nữ thanh niên xung phong làm thành một tổ trinh sát mặt đường tại một trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn gồm ba cô gái rất trẻ: Định – Nho – Chị Thao (lớn tuổi hơn một chút).

- Nhiệm vụ của họ là quan sát địch ném bom – đo khối lượng đất đá phải san lấp do bom địch gây ra – đánh dấu những vị trí bom chưa nổ và phá bom.

- Họ ở trong một cái hang dưới chân cao điểm – tách xa đơn vị, cuộc sống gian khổ khó khăn nhưng họ vẫn có những nét vui vẻ hồn nhiên của tuổi trẻ, mơ mộng, yêu thương, gắn bó trong tình đồng đội.

- Truyện tập trung miêu tả nhân vật Phương Định – nhân vật chính – cô gái giàu cảm xúc, mơ mộng, hồn nhiên luôn nhớ những kỉ niệm của tuổi thiếu nữ, gia đình, thành phố thân yêu.

- Phần cuối tập trung miêu tả hành động và tâm trạng của các nhân vật trong 1 lần phá bom – Nho bị thương và sự lo lắng chăm sóc của hai người.

**II. Tìm hiểu truyện**

***1. Những nét tính cách chung của 3 cô gái TNXP trong tổ trinh sát mặt đường***

- Hoàn cảnh sống, chiến đấu: bom đạn – nguy hiểm – ác liệt – gian khổ - khó khăn.

- Họ ở trên một cao điểm, giữa một vùng trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn – nơi tập trung nhiều bom đạn – nguy hiểm – ác liệt.

+ Ở trong một cái hang dưới chân cao điểm.

+ Đường bị đánh lở loét màu đất đỏ trắng lẫn lộn.

+ Hai bên đường không có lá xanh – những thân cây bị tước khô cháy…

+ Một vài thùng xăng – ô tô méo mó han gỉ.

* Công việc:

+ Đo khối lượng đất đá lấp vào hố bom

+ Đếm – phá bom chưa nổ.

+ Những công việc mạo hiểm với cái chết – khó khăn – gian khổ.

+ Luôn căng thẳng thần kinh.

+ Đòi hỏi sự dũng cảm và hết sức bình tĩnh.

- Chúng tôi bị bom vùi luôn.

- Khi bò trên cao điểm chỉ thấy hai con mắt lấp lánh cười: Hàm răng trắng khuôn mặt nhem nhuốc – “Những con quỉ mắt đen”.

- Chạy trên cao điểm cả ban ngày.

- Thần chết không thích đùa: nằm trong ruột quả bom.

- Đất bốc khói, không khí bàng hoàng, máy bay ầm ĩ.

- Thần kinh căng như chão, tim đập bất chấp cả nhịp điệu, chân chạy trên những nền đất có nhiều quả bom chưa nổ.

- Thời tiết nóng bức: trên 30˚.

Xong việc thở phào, chạy về hang

Họ là những cô gái trẻ, dễ xúc cảm, hay mơ mộng.

- Dễ vui và cũng dễ trầm tư

- Thích làm đẹp cho cuộc sống của mình ngay ở trên chiến trường.

- Nho thích thêu thùa.

- Chị Thao chăm chép bài hát.

- Phương Định thích ngắm mình trong gương, ngồi bó gối mơ mộng rồi hát.

\* Họ cũng có những nét cá tính riêng.

- Chị Thao lớn tuổi hơn một chút, làm tổ trưởng từng trải hơn – không dễ dàng hồn nhiên – ước mơ và dự tính về tương lai- có vẻ thiết thực hơn, nhưng cũng không thiếu những khao khát rung động của tuổi trẻ. Chị chiến đấu dũng cảm, bình tĩnh nhưng lại rất sợ khi nhìn thấy máu chảy.

- Quê hương của họ: Họ là những cô gái còn rất trẻ đến từ Hà Nội – là thanh niên xung phong.

+ Tinh thần trách nhiệm cao với nhiệm vụ.

+ Dũng cảm.

+ Tình đồng đội gắn bó.

***2. Nét tính cách riêng của mỗi người.***

*a) Nhân vật Phương Định*

Là một cô gái Hà Nội xung phong vào chiến trường.

- Từ một cô gái thành phố vào chiến trường

- Có một thời học sinh hồn nhiên, sống vô tư bên mẹ trong một căn buồng nhỏ ở thành phố yên tĩnh trong những ngày thanh bình trước chiến tranh ở thành phố của mình.

- Những kỉ niệm ấy luôn sống lại trong cô ngay giữa chiến trường dữ dội – nó vừa là niềm khao khát, vừa làm dịu mát tâm hồn trong hoàn cảnh căng thẳng, khốc liệt của chiến trường.

+ Có những năm tháng tuổi thơ hồn nhiên – êm đềm bên mẹ.

+ Là một cô gái hồn nhiên hay mơ mộng, nhiều ước mơ, thích ca hát, khá xinh đẹp.

**III. Một số câu hỏi xoay quanh tác phẩm.**

**Câu 1 : Giải thích nhan đề : Những ngôi sao xa xôi.**

- Thoạt đầu, có vẻ như không có gì thật gắn bó với nội dung của truyện. Và chỉ gần đến cuối câu chuyện,  hình ảnh những ngôi sao mới xuất hiện trong những cảm xúc hồn nhiên, mơ mộng của Phương Định, ngôi sao trên bầu trời thành phố.

- Ánh đèn điện như những vì sao lung linh trong xứ sở thần thiên của những câu chuyện cổ tích.

+ Biểu hiện cho những tâm hồn hết sức hồn nhiên, mơ mộng, lãng mạn của những cô gái thành phố.

+  Biểu hiện cho những khát vọng, ước mơ trong tâm hồn thiếu nữ về một cuộc sống thanh bình, êm ả giữa những gì gần gũi khốc liệt của chiến tranh, không khí bàng hoàng của bom đạn, tất cả như trở nên xa vời.

+ Ánh sáng của các vì sao thường nhỏ bé, không dễ nhận ra, không rực rỡ chói loà như mặt trời, và cũng không bàng bạc, thấm đẫm bao phủ như mặt trăng. Nhiều khi nhìn lên bầu trời, ta phải thật chăm chú mới phát hiện ra những ngôi sao ấy.

- Và phải chăng vẻ đẹp của các cô thanh niên xung phong ấy cũng như vậy. Và chúng lại «xa xôi», vì thế phải thật chăm chú mới nhìn thấy được, mới yêu và quý trọng những vẻ đẹp như thế.

**Câu 2 : Tóm tắt nội dung cốt truyện và nêu ý nghĩa của truyện ?**

a. Tóm tắt : Ba nữ thanh niên xung phong làm thành một tổ trinh sát mặt đường tại một địa điểm trên tuyến đường Trường Sơn. Họ gồm có : hai cô gái rất trẻ là Định và Nho, còn tổ trưởng là chị Thao lớn tuổi hơn một chút. Nhiệm vụ của họ là quan sát địch ném bom, đo khối lượng đất đá phải san lấp do bom địch gây ra, đánh dấu vị trí các trái bom chưa nổ và phá bom. Công việc của họ hết sức nguy hiểm vì luôn phải đối mặt với thần chết trong mỗi lần phá bom và phải làm việc giữa ban ngày dưới bom đạn của quân thù trên một tuyến đường ác liệt. Tuy vậy, họ vẫn lạc quan yêu đời, vẫn có những niềm vui hồn nhiên của tuổi trẻ, những giây phút thanh thản, mơ mộng và đặc biệt họ rất gắn bó, yêu thương nhau trong tình đồng đội, dù mỗi người một cá tính. Cái hang đá dưới chân cao điểm là « ngôi nhà » của họ đã lưu giữ biết bao kỉ niệm đẹp của ba cô gái mở đường trong những tháng ngày gian khổ mà anh hùng của cuộc kháng chiến chống Mĩ.

b. Ý nghĩa của truyện :

 - Làm nổi bật tâm hồn trong sáng, mơ mộng, tình thần dũng cảm, cuộc sống chiến đấu vô cùng gian khổ, hi sinh nhưng rất hồn nhiên, lạc quan của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn. Đó chính là hình ảnh đẹp, tiêu biểu về thế hệ trẻ Việt Nam trong thời kì kháng chiến chống Mĩ.

**Câu 3** : **Truyện được trần thuật từ nhân vật nào ? Việc chọn vai kể như vậy có tác dụng gì trong việc thể hiện nội dung truyện ?**

- Truyện được trần thuật từ ngôi thứ nhất và những người kể chuyện cũng là nhân vật chính. Sự lựa chọn ngôi kể như vậy phù hợp với nội dung tác phẩm và tạo thuận lợi để tác giả miêu tả, biểu hiện thế giới tâm hồn, những cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật. Để cho nhân vật là người trong cuộc kể lại thì câu chuyện sẽ thật hơn, cụ thể và sinh động hơn, tạo cho người đọc cảm giác tin vào câu chuyện hơn. Và ở đây, truyện viết về chiến tranh, tất nhiên phải có bom đạn, chiến đấu, hi sinh, nhưng trong truyện này, hiện lên khá rõ là thế giới nội tâm của các cô gái thanh niên xung phong với vẻ đẹp tâm hồn của một thế hệ trẻ thời kháng chiến chống Mĩ. Đó cũng là do cách lựa chnj và kể của tác giả - nhất là vai kể ở đây lại là một cô gái trẻ Hà Nội có cá tính nhiều mộng mơ với những kỉ niệm đẹp của thời thiếu nữ.

**Câu 4 : Tìm hiểu những nét chung và những nét riêng của ba nhân vật cô gái thanh niên xung phong trong truyện**.

a. Nét chung :

- Họ đều thuộc thế hệ những cô gái thanh niên xung phong thời kì kháng chiến chống Mĩ mà tuổi đời còn rất trẻ (như Phương Định vốn là một cô học sihh thành phố), có lí tưởng, đã tạm xa gia đình, xa mái trường, tự nguyện vào chiến trường tham gia một cách vô tư, hồn nhiên. Việc họ lấy hang đá làm nhà, coi cao điểm đầy bom đạn là chiến trường hàng ngày đối mặt với cái chết trong gang tấc đã nói lên tất cả. Nét chung này không chỉ có ở đây mà còn được nói đến ở nhiều tác phẩm khác như « Gửi em, cô thanh niên xung phong » của Phạm Tiến Duật, « khoảng trời hố bom » của Lâm Thị Mỹ Dạ và truyện ngắn « mảnh trăng cuối rừng » của Nguyễn Minh Châu… Tạo thành biểu tượng gương mặt đẹp và đáng yêu của những cô gái mở dường thời kháng chiến chống Mĩ.

- Họ đều có những phẩm chất chung của những chiến sĩ thanh niên xung phong ở chiến trường : tinh thần trách nhiệm cao đối với nhiệm vụ, lòng dũng cảm không sợ hi sinh, tình đồng đội gắn bó. Có lệnh là lên đường, bất kể trong tình huống nào, nguy hiểm không từ nan dù phải đối mặt với máy bay và bom đạn quân thù, và đã lên đường là hoàn thành nhiệm vụ ( d/c – sgk). Khi đồng đội gặp tai nạn thì khẩn trương cứu chữa và tận tình chăm sóc (câu chuyện Nho bị thương khi phá bom). Cuộc sống và chiến đấu ở chiến trường thật gian khổ, nguy hiểm và luôn căng thẳng nhưng họ vẫn bình tĩnh, chủ động, luôn lạc quan yêu đời, trong hang vẫn vang lên tiếng hát của ba cô gái.

- Cùng là ba cô gái trẻ với cuộc sống nội tâm phong phú đáng yêu : dễ cảm xúc, nhiều mơ ước, hay mơ mộng, dễ vui, dễ buồn. Họ thích làm đẹp cho cuộc sống của mình, ngay cả trong hoàn cảnh chiến trường ác liệt. Nho thích thêu thùa, chị Thao chăm chép bài hát, Định thích ngắm mình trong gương, ngồi bó gối mơ mộng và hát… Cả ba đều chưa có người yêu, đều sống hồn nhiên tươi trẻ (chi tiết trận mưa đá bất chợt đến và niềm vui trẻ trung của ba cô gái khi được « thưởng thức » những viên đá nhỏ.

b. Nét riêng :

- **Nho** là một cô gái trẻ, xinh xắn, « trông nó nhẹ, mát mẻ như một que kem trắng », có « cái cổ tròn và những chiếc cúc áo nhỏ nhắn » rất dễ thương khiến Phương Định « muốn bế nó lên tay ». Nho lại rất hồn nhiên – cái hồn nhiên cảu trẻ thơ : « vừa tắm ở dưới suối lên, cứ quần áo ướt, Nho ngồi, đòi ăn kẹo » ; khi bị thương nằm trong hang vẫn nhổm dậy, xoè tay xin mấy viên đá mưa,  nhưng khi máy bay giặc đến thì chiến đấu rất dũng cảm, hành động thật nhanh gọn : « Nho cuộn tròn cái gối, cất nhanh vào túi », Nho quay lưng lại chúng tôi, chụp cái mũ sắt lên đầu » … Và trong một lần phá bom, cô đã bị sập hầm, đất phủ kín lên người.

- **Phương Định** cũng trẻ trung như Nho là một cô học sinh thành phố, nhạy cảm và hồn nhiên, thích mơ mộng và hay sống với những kỉ niệm của tuổi thiếu nữ vô từ về gia đình và về thành phố của mình. Ở đoạn cuối truyện, sau khi trận mưa đá tạnh, là cả một dòng thác kỉ niệm về gia đình, về thành phố trào lên và xoáy mạnh như sóng trong tâm trí cô gái. Có thể nói đây là những nét riêng cảu các cô gái trẻ Hà Nội vào chiến trường tham gia đánh giặc, tuy gian khổ nhưng vẫn giữ được cái phong cách riêng của người Hà Nội, rất trữ tình và đáng yêu.

- **Còn Thao**, tổ trưởng, ít nhiều có từng trải hơn, mơ ước và dự tính về tương lai có vẻ thiết thực hơn, nhưng cũng không thiếu nhưng khát khao và rung động của tuổi trẻ. « Áo lót của chị cái nào cũng thêu chỉ màu ».Chị lại hay tỉa đôi lông mày của mình, tỉa nhỏ như cái tăm. Nhưng trong công việc, ai cũng gờm chị về tính cương quyết, táo bạo. ĐẶc biệt là sự « bình tĩnh đến phát bực » : máy bay địch đến nhưng chị vẫn « móc bánh quy trong túi, thong thả nhai ». Có ai ngờ con người như thế lại sợ máu và vắt : « thấy máu, thấy vắt là chị nhắm mắt lại, mặt tái mét ».VÀ không ai có thể quên được chị hát : nhạc sai bét, giọng thì chua, chị không hát trôi chảy được bài nào. Nhưng chị lại có ba quyển sổ dày chép bài hát và rỗi là chị ngồi chép bài hát.

=> Những nét riêng đó đã làm cho các nhân vật sống hơn và cũng đáng yêu hơn.

**Câu 5 : Viết đoạn văn nêu cảm nhận về nhân vật Phương Định. (khoảng 12 -> 15 câu**)

**Gợi ý : Triển khai các ý sau** :

Phương Định là hình ảnh tiêu biểu của những người con gái Hà Nội vào chiến trường đánh giặc.

- Cô rất trẻ,  có thời học sinh hồn nhiên vô tư bên người mẹ trong những ngày thanh bình của thành phố.

- Ngay giữa chiến trường ác liệt, Phương Định vẫn không mất đi sự hồn nhiên, trong sáng : cô  hiện lên rất đời thường, rất thực với những nét đẹp tâm hồn :  nhạy cảm, hay mơ mộng và thích hát. ( Cảm xúc của Đình trước cơn mưa đá)

- Là cô gái kín đáo trong tình cảm và tự trọng về bản thân mình. (Hay ngắm mắt mình qua gương, biết mình đẹp và được các anh bộ đội để ý nhưng không tỏ ra săn sóc, vồn vã…., nét kiêu kì của những cô gái Hà thành)

- Tình cảm đồng đội sâu sắc :  yêu mến  hai cô bạn cùng tổ, yêu mến và cảm phục tất cả những chiến sĩ mà cô gặp trên tuyến đường Trường Sơn. (Chăm sóc Nho khi Nho bị thương….)

- Ngời lên những phẩm chất đáng quý : có trách nhiệm với công việc, dũng cảm, bình tĩnh, tự tin….

- Truyện kể theo ngôi thứ nhất (nhân vật kể là nhân vật chính) phù hợp với nội dung truyện và thể hiện tâm trạng suy nghĩ của nhân vật. Tác giả am hiểu và miêu tả sinh động nét tâm lí của những nữ thanh niên xung phong.

=> Nhân vật Phương Định đã  để lại trong lòng người đọc nỗi niềm đồng cảm, yêu mến và sự kính phục về phẩm chất tốt đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

**Đoạn** **văn mẫu :**

Là con gái Hà Nội vào chiến trường đánh giặc, cô mang theo những kỉ niệm đẹp của  một thời học sinh vô tư lự bên người mẹ và những hình ảnh, những kỉ niệm thân thương quá đối với thành phố của cô (**1).** Ở chiến trường 3 năm, đã quen với những thử thách nguy hiểm, giáp mặt hàng ngày với cái chết, nhưng cô không hề  mất đi sự hồn nhiên, trong sáng và những ước mơ về tương lai : nhạy cảm, mơ mộng và thích được hát**(2)**. Cô hồn nhiên đến đáng yêu khi gặp cơn mưa đá trên cao điểm : « Tôi chạy vào, bỏ trên bàn tay đang xoè ra của Nho mấy viên đá nhỏ. Lại chạy ra, vui thích cuống cuồng. Rồi mưa tạnh, tôi bỗng thẫn thờ tiếc không nói nổi »(**3**). Cùng với trận mưa đá ấy, những kỉ niệm thời thiếu nữ lại trào lên trong cô « xoáy mạnh như sóng » biết bao hình ảnh thân thương của gia đình, thành phố và quê hương (**4)**. Nó vừa là niềm khao khát, vừa làm dịu mát tâm hồn trong hoàn cảnh căng thẳng, khốc liệt của chiến trường (**5**). Là cô gái xinh đẹp, đầy nữ tính, biết điệu đà làm dáng nhưng lại rất kín đáo, tế nhị, có chiều sâu  trong tình cảm và tự trọng về bản thân mình **(6).** Biết mình được các anh lính  để mắt, điều đó khiến cô vui và tự hào nhưng cô không hề tỏ ra vồn vã, săn đón, cô luôn kín đáo giữa đám đông : « đứng ra xa, khoanh tay lại trước ngực và nhìn đi nơi khác, môi mìm chặt » (**7)**.  Cô yêu mến đồng đội, đặc biệt là hai người bạn gái cùng tổ, luôn lo lắng sau mỗi lần phá bom : « Tôi phủi áo, căng mắt nhìn qua khói và chạy theo chị Thao… Chi Thao vấp ngã. Tôi đỡ chị… Tôi moi đất, bế Nho đặt lên đùi mình », rồi chăm sóc đồng đội như một y tá(**8**). Cô còn yêu mến và cảm phục tất cả những chiến sĩ mà cô gặp trên tuyến đường Trường Sơn (**9)**.  Trong suy nghĩ của cô : « những người đẹp nhất, thông mình, can đảm và cao thượng nhất là những người mặc quân phục có ngôi sao trên mũ (**10)**.  Cuộc sống chiến đấu đối mặt với kẻ thù hàng ngày, thần Chết luôn đe doạ từng giây phút  đã rèn luyện cho cô gái Hà thành đức tính dũng cảm, gan dạ, tự tin để hoàn thành mọi nhiệm vụ **(11**). Công việc hàng ngày của cô và đồng đội rất nhiều và nguy hiểm : phá bom, ít nhất là 3 quả, có ngày 5 quả », công việc khủng khiếp bóp nghẹt trái tim, nhưng cô nói về chừng ấy công việc gọn gàng, khô khốc, tĩnh nhẹ như không, cô nghĩ về công việc của mình quá giản dị và còn cho là có cái thú riêng : « có ở đâu như thê này không. Đất bốc khói, không khí bàng hoàng, máy bay đang ầm ì xa dần. Thần kinh căng ra như chão, tim đập bất chấp cả nhịp điệu, chận chạy mà vẫn không biết rằng khắp xung quanh có nhiều quả bom chưa nổ. Có thể nổ bây giờ, có thể chốc nữa. Nhưng nhất định sẽ nổ » (**12)**.  Chiến tranh và đạn bom giặc Mỹ đã làm cô lớn lên, trở thành dũng sĩ mạnh mẽ mà cô không hề biết : « quen rồi. Một ngày tôi phá bom đến 5 lần. Ngày nào ít : ba lần. Tôi có nghĩ đến cái chết. Nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể » (**13**). Thế đấy, những cảm xúc, suy nghĩ chân thực của cô đã truyền sang cho người đọc nỗi niềm đồng cảm, yêu mến và sự kính phục (**14).**Tất cả đã được tác giả kể chân thực, sinh động và tự nhiên qua tâm lí nhân vật ở những sự việc và chi tiết có ý nghĩa trong truyện,  và những nét tâm lí này lại được chính nhân vật nói lên qua vai kể của mình nên lại càng thấm thía(**15**).

**Câu 6 : Viết một đoạn văn quy nạp (12 câu): « Những ngôi sao xa xôi » đã khắc hoạ vẻ đẹp tâm hồn của thanh niên Hà Nội qua hình ảnh Phương Định dũng cảm gan dạ mà cũng thật trong trẻo, mộng mơ.**

**Gợi ý :**

- Đoạn văn giầu chất thơ (tâm trạng trước trận mưa đá) => cảm xúc bâng khuâng xao xuyến, niềm vui nỗi buồn chợt đến, chợt đi.

- Niềm tin ấy cứ lấp lánh mãi như ánh sáng của những ngôi sao xa xôi mà không gì, không một thế lực tàn bạo, khắc nghiệt nào có thể dập tắt được

- Trong cảm xúc bâng khuâng, xao động, thoáng qua của PĐ, hình ảnh ngôi nhà, người mẹ, những gì thân thuộc gần gũi đến hình ảnh lung linh của những ngôi sao mà tác giả đã hơn một lần nhắc đến, ánh sáng của đèn điện ngỡ là thực mà như là ảo. Tất cả hiện lên trong ánh sáng lung lính của kí ức mộng mơ, rất thiếu nữ, rất dung dị của người Hà Nội.

**Câu 7** : Trong truyện « Những ngôi sao xa xôi » có đoạn : « Không hiểu vì sao mình gắt nữa…. đang bắn ».

Những câu văn trên đã thể hiện hiện thực như thế nào ? Nhận xét về hiệu quả diễn đạt của những câu văn ấy ?

Gợi ý :

-                                  Nhịp điệu dồn dập của những câu văn như những đợt bom đang liên tiếp dội xuống, như khói đang dồn vào hang => Góp phần tô đậm hiện thực.

-                                  Sợ + lo lắng -> « gắt »

-                                  « Trên cao điểm vắng vẻ, chỉ có »=> Vẫn tiếp tục bằng những câu văn ngắn, rất ngắn, một loạt các câu đặc biệt diễn tả sự cách biệt của con người trên cao điểm.

**Câu 8:**  Phân tích các nhân vật nữ thanh niên xung phong trong truyện (hoàn cảnh sống và chiến đấu, những phẩm chất chung ở họ và những đặc điểm tính cách riêng của mỗi người).

Gợi ý:

– Hoàn cảnh sống và chiến đấu của ba cô gái thanh niên xang phong hết sức gian khổ và ác liệt. Họ là một tổ trinh sát mặt đường tại một trọng điểm trên tuyến đường ra mặt trận. Họ ở trong một cái hang, ngay dưới chân cao điểm và cách xa đơn vị. Nhiệm vụ của họ là quan sát địch ném bom, đo khối lượng đất đá phải san lấp do bom địch gây ra, phá những quả bom nổ chậm hoặc chưa nổ. Công việc của họ hết sức nguy hiểm vì phải phơi mình trên cao điểm giữa ban ngày, máy bay địch có thể xuất hiện bất cứ lúc nào. Hơn nữa, họ phải trực tiếp phá bom, có khi phải làm nhiều lần trong ngày.

– Nét chung ở ba nhân vật:

+ Ba cô gái từ những miền quê khác nhau đến với con đường Trường Sơn, tại một vùng trọng điểm ác liệt và ở họ đều hình thành những phẩm chất chung của người chiến sĩ thanh niên xung phong: tinh thần trách nhiệm cao đối với nhiệm vụ; lòng dũng cảm, không sợ hi sinh; tình đồng đội gắn bó.

+ Ở họ còn có những nét chung của các cô gái trẻ: dễ xúc cảm, nhiều mơ ước, hay mơ mộng, dễ vui mà cũng dễ trầm tư. Họ cũng thích làm đẹp cho cuộc sống của mình, ngay cả trong hoàn cảnh chiến trường.

– Nét riêng của mỗi nhân vật: Họ là một tập thể nhỏ rất gắn bó, yêu thương nhau nhưng mỗi nhân vật vẫn là một cá tính và đó chính là thành công của tác giả trong nghệ thuật xây dựng nhân vật.

+ Trong ba người thì Nho và Phương Định trẻ hơn và cũng hồn nhiên, giàu mơ mộng; còn chị Thao lớn tuổi hơn. Mỗi người một sở thích: Nho thích thêu thùa; Phương Định thích hát, “thích ngồi bó gối mơ màng”, hay soi gương; chị Thao chăm chép bài hát dù hát “nhạc sai bét, còn giọng thì chua”, “không hát trôi chảy được bài nào”.

+ Mỗi người một tính cách: Nho vô tư, có vẻ dịu dàng mà rất gan góc; Phương Định mộng mơ, nhạy cảm và hồn nhiên; chị Thao ít nhiều từng trải hơn, dự tính về tương lai có vẻ thiết thực.

**Câu 9:** Tính cách và tâm lí nhân vật Phương Định được thể hiện như thế nào qua lời độc thoại của nhân vật? (Chú ý các đoạn nhân vật tự quan sát và nói về mình; tâm trạng của cô trong một lần phá bom; cảm xúc trước trận mưa đá.)

**Gợi ý**

Phương Định là người kể chuyện, đồng thời cũng là nhân vật trung tâm của truyện.

– Ở nơi trọng điểm ác liệt, hằng ngày giáp mặt với hiểm nguy và cái chết, chiến đấu dũng cảm nhưng ở cô vẫn không mất đi sự hồn nhiên, nhạy cảm, tâm hồn trong sáng và nhiều mơ mộng. Cũng như các cô gái mới lớn, Phương Định nhạy cảm và quan tâm đến hình thức của mình. Phương Định là con gái Hà Nội vào chiến trường, cô có một thời HS hồn nhiên, vô tư bên người mẹ và một căn buồng nhỏ ở một đường phố yên tĩnh trong những ngày thanh bình trước chiến tranh ở thành phố của mình. Những kỉ niệm ấy luôn sống lại trong cô ngay giữa chiến trường dữ dội. Nó vừa là niềm khao khát, vừa làm dịu mát tâm hồn trong hoàn cảnh căng thẳng, khốc liệt của chiến trường.

– Tuy là một cô gái hồn nhiền, hay mơ mộng nhưng trong công việc, Phương Định rất bình tĩnh, cẩn thận, chắc chắn. Đoạn cuối truyện, nhân vật kể về một lần phá bom đã bộc lộ những phẩm chất ấy ở cô. (Chú ý lời độc thoại của nhân vật tái hiện từng cảm giác, cảm xúc, ý nghĩ khi đứng gần quả bom trong quá trình phá bom; những xúc cảm hồn nhiên của Phương Định trước trận mưa đá.)

**Câu 10:** Em có nhận xét gì về ngôn ngữ, giọng điệu của truyện?

**Gợi ý:**

Phương Định là người kể chuyện, đồng thời cũng là nhân vật trung tâm của truyện.

– Ở nơi trọng điểm ác liệt, hằng ngày giáp mặt với hiểm nguy và cái chết, chiến đấu dũng cảm nhưng ở cô vẫn không mất đi sự hồn nhiên, nhạy cảm, tâm hồn trong sáng và nhiều mơ mộng. Cũng như các cô gái mới lớn, Phương Định nhạy cảm và quan tâm đến hình thức của mình. Phương Định là con gái Hà Nội vào chiến trường, cô có một thời HS hồn nhiên, vô tư bên người mẹ và một căn buồng nhỏ ở một đường phố yên tĩnh trong những ngày thanh bình trước chiến tranh ở thành phố của mình. Những kỉ niệm ấy luôn sống lại trong cô ngay giữa chiến trường dữ dội. Nó vừa là niềm khao khát, vừa làm dịu mát tâm hồn trong hoàn cảnh căng thẳng, khốc liệt của chiến trường.

– Tuy là một cô gái hồn nhiền, hay mơ mộng nhưng trong công việc, Phương Định rất bình tĩnh, cẩn thận, chắc chắn. Đoạn cuối truyện, nhân vật kể về một lần phá bom đã bộc lộ những phẩm chất ấy ở cô. (Chú ý lời độc thoại của nhân vật tái hiện từng cảm giác, cảm xúc, ý nghĩ khi đứng gần quả bom trong quá trình phá bom; những xúc cảm hồn nhiên của Phương Định trước trận mưa đá.)

**Câu 11:**Qua truyện ngắn này, em hình dung và có cảm nghĩ như thế nào về thế hệ trẻ Việt Nam trong thời kì kháng chiến chống Mĩ?

|  |
| --- |
| **Đề bài: Vẻ đẹp của ba cô thanh niên xung phong trong truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê.** |

A. Mở bài:

* Lê Minh Khuê là cây bút nữ chuyên viết về truyện ngắn.
* Trải nghiệm cuộc sống chiến trường nên nhà văn có những trang viết rất chân thực và sinh động về cuộc sống chiến đấu của những cô thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn.
* “Những ngôi sao xa xôi” là một trong những truyện ngắn đầu tay của tác giả được viết vào năm 1971.
* Truyện ca ngợi vẻ đẹp của ba cô gái thanh niên xung phong hồn nhiên, dũng cảm, lạc quan. Đó là hình ảnh đẹp

của thế hệ trẻ Việt Nam trong thời kì kháng chiến chống Mĩ.

B. Thân bài:

1. Khái quát: dẫn dắt vào bài:

Truyện có ba nhân vật: Phương Định, Nho và Thao. Ba cô gái có chung một trận tuyến chống giặc Mĩ, họ chung nhau phẩm chất anh hùng, và họ là một tập thể nhỏ rất gắn bó, yêu thương nhau. Nhưng mỗi nhân vật vẫn là một cá tính, và đó chính là thành công của tác giả trong việc xây dựng nhân vật.

1. Hoàn cảnh sống và chiến đấu:

- Mở đầu truyện ngắn, nhà văn Lê Minh Khuê đã giới thiệu

với chúng ta điều kiện sống của ba cô gái trong tổ trinh sát mặt đường: “Chúng tôi có ba người. Ba cô gái. Chúng tôi ở trong một hang dưới chân cao điểm. Con đường qua trước cửa hang, kéo lên đồi, đi đến đâu đó, xa! Đường bị đánh lở loét, màu đất đỏ, trắng lẫn lộn. Hai bên đường không có lá xanh. Chỉ có những thân cây bị tước khô cháy. Những cây nhiều rễ nằm lăn lóc. Những tảng đá to. Một vài cái thùng xăng hoặc thành ô tô méo mó, han gỉ nằm trong đất”.

+ Sống và chiến đấu trên tuyến đường Trường Sơn đầy bom đạn, ngòi bút của Lê Minh Khuê đã dựng lại được không khí chiến trường ác liệt bằng một giọng văn bình thản, dung dị.

+ Không cần tô vẽ, tự bản thân khung cảnh ấy, với những hình ảnh của hung thần chiến tranh đã đủ gây ấn tượng về sự ác liệt. Trong hoàn cảnh ấy, chỉ cần sống thôi, đã đủ cam đảm.

- Nhưng các cô gái không chỉ sống ở nơi cao điểm. Họ còn chiến đấu:

+ “Việc của chúng tôi là ngồi đây. Khi có bom nổ thì chạy lên, đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom”. Hàng loạt công việc nặng nhọc, đòi hỏi sức mạnh cơ giới.

+ Hơn cả nặng nhọc, đó là nhiệm vụ hiểm nghèo. Họ “bị bom vùi luôn”, họ “chạy trên cao điểm cả ban ngày. Mà ban ngày chạy trên cao điểm không phải chuyện chơi. Thần chết là một tay không thích đùa. Hắn ta lẩn trong ruột những quả bom”. Chạy trên cao điểm ( nơi giặc tập trung ném bom) nghĩa là chạy dưới mưa bom bão đạn. Cái chết luôn rình rập, bủa vây từ ba bề bốn bên. Nhiệm vụ của họ thật quan trọng nhưng cũng đầy gian khổ, hi sinh, phải mạo hiểm với cái chết, luôn căng thẳng thần kinh, đòi hỏi sự dũng cảm và bình tĩnh hết sức.

=> Không có sự tô vẽ ( lời kể của người trong cuộc, cô Phương Định chọn giọng thản nhiên như không) nhưng chính vì thế mà trang viết của Lê Minh Khuê đã ghi lại một cách ít lời nhất cuộc chiến đấu ác liệt của tổ trinh sát mặt đường.

3. Vẻ đẹp chung của ba cô gái

Cuộc sống gian khổ giữa chiến trường ác liệt, công việc đầy

nguy hiểm và luôn phải đối mặt với cái chết, nhưng ba cô gái vẫn giữ được sự hồn nhiên, trong sáng của tuổi trẻ, luôn thể hiện tinh thần dũng cảm không sợ hi sinh, lòng lạc quan và tình đồng đội gắn bó sâu sắc. Họ ngời sáng lên vẻ đẹp của chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến đấu.

- Các cô gái thanh niên xung phong trong “Những ngôi sao xa xôi” là những người có lòng yêu nước sâu sắc, có lí tưởng cao đẹp, sống, cống hiến tuổi thanh xuân của mình cho đất nước. Theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc “nước còn giặc còn đi đánh giặc”, “Chiến trường giục giã

bước hành quân”, họ rời xa gia đình, xa mái trường, tình nguyện vào cái nơi mà sự mất còn chỉ diễn ra trong gang tấc. Họ xung phong vào chiến trường, gặp gỡ nhau ở mục đích lí tưởng sống. Họ đã có mặt trên mọi tuyến đường của Tổ quốc để phá bom, nối liền mạch máu giao thông để bộ đội ta tiếp lương tải đạn ra chiến trường. Họ thực sự là những anh hùng mà không tự biết. Nét chung này không chỉ có ở đây mà còn được nói đến ở nhiều tác phẩm khác như “Gửi em, cô thanh niên xung phong” của Phạm Tiến Duật, “Khoảng trời hố bom” của Lâm Thị Mỹ Dạ và truyện ngắn “Mảnh trăng cuối rừng” của Nguyễn Minh Châu… Tạo thành biểu tượng gương mặt đẹp và đáng yêu của những cô gái mở đường thời kháng chiến chống Mĩ.

* Qua thực tế chiến đấu, cả ba cô gái đều có tinh thần trách nhiệm cao với công việc, lòng dũng cảm, gan dạ không sợ gian khổ hi sinh:

+ Mặc dù còn rất trẻ, luôn phải đối mặt với bom rơi, đạn nổ, họ có thể hi sinh bất cứ lúc nào, nhưng để con đường được thông suốt nên các cô luôn sẵn sàng trong việc ra trận. Có lệnh là lên đường bất kể trong tình huống nào. Họ làm việc một cách tự nguyện, luôn nhận khó khăn, nguy hiểm về mình: “Tôi một quả bom trên đồi. Nho hai quả dưới lòng đường. Chị Thao một quả dưới cái chân hầm ba – ri – e cũ”. Đối mặt với hiểm nguy, các cô cũng nghĩ đến cái chết nhưng là “một cái chết mờ nhạt không cụ thể” quan trọng là “liệu mìn có nổ, bom có nổ không?”. Như thế họ đã đặt công việc lên trên cả tính mạng của mình.

+ Họ bình tĩnh, can trường và có tinh thần dũng cảm. Những lúc căng thẳng nhất, chị Thao móc cái bánh bích quy trong túi ra nhai. Họ nói đến công việc phá bom với giọng điệu bình thản: “Quen rồi. Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần. Ngày nào ít: ba lần”. Khi phá bom, bước tới những quả bom chưa nổ, họ không đi khom mà cứ đường hoàng, thẳng lưng bước tới. Đối mặt với cái chết, các cô không hề run sợ mà bình tĩnh moi đất, đặt dây, châm lửa, tính toán sao cho chính xác.

* Cả Phương Định, Nho và Thao đều là những cô gái có tâm hồn trong sáng, lạc quan, yêu đời. Trong chiến đấu họ can trường bao nhiêu thì trong cuộc sống sinh hoạt họ hồn nhiên tươi trẻ bấy nhiêu.

+ Khi bị bom vùi, từ cõi chết trở về, họ tự vẽ chân dung ngộ nghĩnh của mình để vui cười: “Có khi bò trên cao điểm về chỉ thấy hai con mắt lấp lánh. Cười thì hàm răng lóa lên khuôn mặt nhem nhuốc. Những lúc đó, chúng tôi gọi nhau là “những con quỉ mắt đen”. Nét kí họa xinh đẹp này làm ta liên tưởng đến câu thơ của Phạm Tiến Duật: “Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha”, hay là sự ngỡ ngàng trong câu thơ của nhà thơ Tố Hữu:

Ơi này anh xung phong

Ơi này o du kích

Có nghe thấy gì không

Chuyện chi mà rúc rích.

Người xưa gọi đó là tinh thần ngạo nghễ trước lao lung. Chúng ta cảm kích cốt cách kiên cường, lòng lạc quan chiến đấu của họ.

+ Họ có cuộc sống nội tâm phong phú, đáng yêu, dễ xúc cảm, nhiều mơ ước. Họ thích làm đẹp cho cuộc sống của mình ngay cả trong hoàn cảnh chiến trường ác liệt. Nho thích thêu thùa,thích ăn kẹo, thích bơi lội tắm tắp ngoài suối; chị Thao chăm chép bài hát, thích làm đỏm – áo lót thêu, lông mày tỉa; Phương Định thích ngắm mình trong gương, ngồi bó gối mộng mơ và hát…

+ Họ hồn nhiên như những đứa trẻ trước cơn mưa đá. Và trận mưa đã trở thành nỗi nhớ - sự nối dài quá khứ hôm qua và khát vọng mai sau. Kỉ niệm sống dậy như những khoảng sáng trong tâm hồn, những cảm xúc hồn nhiên như nguồn sống, điểm tựa, giúp họ thêm vững vàng, thêm sức mạnh vượt qua những khó khăn, nguy hiểm.

=> Có thể nói, bom đạn thử thách làm sáng ngời phẩm chất anh hùng nhưng không làm mất đi nét đẹp dịu dàng, hương sắc của tâm hồn các thiếu nữ. Đó là sự phát hiện về sức sống diệu kì của những tâm hồn giàu lí tưởng.

- Ở họ còn có tình đồng đội gắn bó, thân thiết: hiểu được tính tình, sở thích của nhau, quan tâm chăm sóc nhau rất chu đáo. Phương Định bồn chồn, lo lắng khi chờ chị Thao và Nho đi trinh sát trên cao điểm. Khi Nho bị thương, Phương Định và chị Thao đã lo lắng, băng bó chăm sóc Nho cẩn thận với niềm xót xa như chị em ruột thịt và cảm thấy “đau hơn người bị thương”. Cũng giống như hai người đồng đội của mình, Phương Định yêu mến những người đồng đội trong tổ và cả đơn vị của mình. Đặc biệt, cô dành tình yêu và niềm cảm phục cho tất cả những người chiến sĩ mà hằng đêm cô gặp trên trọng điểm của con đường vào mặt trận.

=> Có thể nói, giữa nơi cái sống cận kề cái chết, sự yêu thương, đùm bọc nhau giữa những cô gái thanh niên xung phong thật không gì sánh nổi. Chính tình đồng đội sâu nặng đã giúp cho những con người giản dị, bình thường vượt lên đạn bom của kẻ thù.

=> Quả thật, đó là những cô gái mang trong mình những tính cách tưởng như không thể cùng tồn tại: vô cùng gan dạ, dũng cảm trong chiến đấu mà cũng hồn nhiên,vô tư trong cuộc sống. Những người như họ thật đáng trân trọng biết bao !

4. Vẻ đẹp riêng của ba cô gái

- Ở mỗi nhân vật còn có những nét tính cách riêng. Đó chính là sức sống của nhân vật trong lòng bạn đọc, là tài năng của nhà văn trong sáng tạo nghệ thuật.

+ Nho là một cô gái trẻ, xinh xắn, “trông nó nhẹ, mát mẻ như một que kem trắng”, có “cái cổ tròn và những cúc áo nhỏ nhắn” rất dễ thương khiến Phương Định “muốn bế nó trên tay”. Nho lại rất hồn nhiên – cái hồn nhiên trẻ thơ: “vừa tắm dưới suối lên, cứ quần áo ướt, Nho ngồi, đòi ăn kẹo”; khi bị thương nằm trong hang vẫn nhổm dậy, xòe tay xin mấy viên đá mưa. Nhưng trong chiến đấu thì rất dũng cảm, hành động thật nhanh gọn: “Nho cuộn tròn cái gối, cất nhanh vào túi”, “quay lưng lại chúng tôi, chụp cái mũ sắt lên đầu…” Và trong một lần phá bom, cô đã bị sập hầm, đất phủ kín lên người. Mặc dù bị thương rất đau nhưng cô không rên la, không muốn cho đồng đội phải lo lắng.

+ Phương Định cũng trẻ trung như Nho,là một cô học sinh thành phố, nhạy cảm và hồn nhiên, thích mơ mộng và hay sống với những kỉ niệm của tuổi thiếu nữ vô tư về gia đình và về thành phố của mình. Ở đoạn cuối truyện, sau khi trận mưa đá tạnh, là cả một dòng thác kỉ niệm về gia đình, về thành phố trào lên và xoáy mạnh như sóng trong tâm trí cô gái. Có thể nói đây là những nét riêng của các cô gái trẻ Hà Nội vào chiến trường tham gia đánh giặc, tuy gian khổ nhưng vẫn giữ được cái phong cách riêng của người Hà Nội, rất trữ tình và đáng yêu.

+ Trong ba người thì Nho và Phương Định trẻ hơn nên cũng hồn nhiên và giàu mơ mộng, còn chị Thao lớn tuổi hơn nên những ước mơ và dự định về tương lai cũng thiết thực hơn. Người tổ trưởng ấy chiến đấu rất dũng cảm, chỉ huy rất kiên cường nhưng lại rất sợ khi phải nhìn thấy máu và còn sợ cả vắt nữa. Ở chị, ta cảm nhận được vẻ của một người chị, một người chị nông thôn, đầy tinh thần trách nhiệm, dám quyết đoán, biết hi sinh và nhường nhịn, biết vượt lên chính mình để tỏ ra mạnh mẽ làm chỗ dựa cho hai người đồng đội nhỏ tuổi hơn. Chị Thao rất nữ tính và có ý thức làm đẹp, nhưng cách chị làm, có gì đó làm ta thấy thật thú vị, thật thương… Thêu chỉ màu vào áo trong, tỉa lông mày nhỏ xíu…chép thật nhiều bài hát nhưng hát thì sai nhạc…Cái riêng, cái đẹp của chị Thao chính là: người ta chân thành sống vui với tất cả những gì mình thích, mình có, mình yêu…

=> Những nét riêng đó đã làm cho các nhân vật sống hơn và cũng đáng yêu hơn. Trái tim đỏ rực của họ là “những ngôi sao xa xôi” mãi mãi lung linh, toả sáng.

5. Ý kiến đánh giá:

- Mỗi người có một cá tính riêng nhưng ở họ đều ngời sáng vẻ đẹp của chủ nghĩa anh hùng Việt Nam, của tuổi trẻ Việt

Nam. Viết về ba cô thanh niên xung phong, Lê Minh Khuê đã không tô vẽ, không mĩ lệ mà miêu tả hết sức cụ thể, chân thực bằng cách cá thể hóa nhân vật với những hình ảnh rất đời thường. Họ đã từ cuộc đời bước vào trang sách, trở thành những anh hùng –những ngôi sao trên bầu trời Trường Sơn.Hình ảnh họ khiến ta nhớ đến ý thơ của Lâm Thị Mĩ Dạ trong “Khoảng trời hố bom”:

Đêm đêm tâm hồn em tỏa sáng Những vì sao ngời chói lung linh.

6. Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm

* Lê Minh Khuê đã tỏ ra rất sắc sảo trong việc thể hiện khung cảnh và không khí sôi sục ở một trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn bằng một vài nét điển hình. Thành công hơn cả là nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật. Bằng cách để cho Phương Định đứng ra kể chuyện, tác giả đã phản ánh một cách tự nhiên và tinh tế tâm trạng của những cô gái ở chiến trường, luôn đối mặt với cái chết mà vẫn sống hồn nhiên, lạc quan và không kém phần lãng mạn. Chiến tranh làm cho họ dày dạn và cứng cỏi hơn, nhưng vẫn

không thể làm mất đi nét hồn nhiên, trong sáng của tuổi trẻ.

* Trong truyện tuy có nhiều chi tiết về cuộc sống gian khổ, hiểm nguy, về những chiến công thầm lặng và sự dũng cảm

,hi sinh của thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn ác liệt nhưng cái tạo nên sức hấp dẫn của truyện ngắn này là ở sự am hiểu cặn kẽ của tác giả về đời sống của những con người đang hiến dâng tuổi thanh xuân cho Tổ quốc. Qua đó, người đọc hình dung được phần nào về chủ nghĩa anh hùng cách mạng của tuổi trẻ Việt Nam và dân tộc Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước oanh liệt.

C.Kết bài:

Chiến tranh đã qua đi, sau hơn ba mươi năm, nhưng đọc truyện “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê, ta như được sống lại những năm tháng hào hùng của đất nước. Nhà văn khiến lòng ta sống lại hình ảnh tuyệt đẹp và những chiến công phi thường của tổ trinh sát mặt đường, của Định, của Nho, của Thao, của hàng ngàn, hàng vạn cô thanh niên xung phong thời chống Mĩ. Chiến công thầm lặng của họ mãi mãi là một bài ca bất tử.

Có biết bao người con gái, con trai

Trong bồn ngàn lớp người giống ta lứa tuổi Họ đã sống và chết

Giản dị và bình tâm Không ai nhớ mặt đặt tên

Nhưng họ đã làm ra Đất Nước

( “Đất nước” – Nguyễn Khoa Điềm)

|  |
| --- |
| **Đề bài: Cảm nhận về nhân vật Phương Định trong truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê.** |

# Mở bài:

“Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước Mà lòng phơi phới dậy tương lai”.

Đó là tinh thần của cả thời đại chống Mĩ. Đó là hình ảnh những anh bộ đội, những cô thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn đã đi vào văn chương và trở thành mạch nguồn cảm xúc xuyên suốt văn học một thời. Đó là những người lính lái xe trong “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật; “Mảnh trăng cuối rừng” của Nguyễn Minh Châu; những cô gái mở đường trong “Khoảng trời hố bom” của Lâm Thị Mĩ Dạ…Cũng được khơi nguồn từ cảm hứng ấy, truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê lại đem đến cho người đọc những cảm xúc mới mẻ về hình ảnh những nữ thanh niên xung phong trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt. Họ vừa mang vẻ đẹp của những cô gái tuổi mười tám, đôi mơi hồn nhiên giàu mộng mơ, lại vừa mang vẻ đẹp của người lính giữa chiến trường gan dạ, dũng cảm không sợ hi sinh. In đậm nhất trong tâm trí bạn đọc là hình ảnh nhân vật chính, cô thanh niên xung phong, cô “hoa hậu” trong lòng bom đạn – Phương Định.

# Thân bài:

* 1. **Khái quát ( Dẫn dắt vào bài ):**
* Lê Minh Khuê là nữ nhà văn đã từng có năm tháng tuổi trẻ gắn bó với những con đường Trường Sơn mưa bom, bão đạn, từng chứng kiến, trải qua và chia sẻ những gian khổ, hi sinh của người lính giữa chiến trường. Bởi vậy những trang viết của bà về con người và cuộc sống nơi đây thật chân thực và xúc động vô cùng. Ở “Những ngôi sao xa xôi” cũng vậy, hiện thực cuộc sống giữa chiến trường và hình ảnh những nữ thanh niên xung phong với cuộc sống gian khổ một thời cứ hiện lên sống động sau từng câu chữ.
* Ấn tượng sâu đậm nhất mà Lê Minh Khuê để lại trong lòng bạn đọc ở “Những ngôi sao xa xôi” là hình ảnh những con người dũng cảm, có tinh thần trách nhiệm cao, có t ình đồng chí, đồng đội sáng ngời, có tâm hồn trong trẻo, giàu mơ mộng, và nhạy cảm. Tất cả những vẻ đẹp ấy được thể hiện tập trung nhất ở nhân vật Phương Định, và chủ yếu qua đời sống nội tâm của cô.

# Hoàn cảnh sống và chiến đấu đầy gian khổ:

* Phương Định cùng những người đồng đội của mình ở trong một cái hang dưới chân cao điểm, giữa một vùng trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn, nơi tập trung nhiều nhất bom đạn, sự nguy hiểm và ác liệt, từng ngày từng giờ phải đối mặt với bom rơi, đạn nổ. Có biết bao thương tích vì bom đạn giặc: “Đường bị đánh lở loét, màu đất đỏ, trắng lẫn lộn. Hai bên đường không có lá xanh. Chỉ có những thân cây bị tước khô cháy. Những cây nhiều rễ nằm lăn lóc. Những tảng đá to. Một vài cái thùng xăng hoặc thành ô tô méo mó, han gỉ nằm trong đất”. Đó là hiện thực đầy mùi chiến tranh, không có màu xanh của sự sống, chỉ thấy thần chết luôn rình rập.

Công việc của các cô đặc biệt nguy hiểm. Họ phải chạy trên cao điểm giữa ban ngày, phơi mình ra giữa vùng trọng điểm đánh phá của máy bay địch để đo và ước tính khối lượng đất đá lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom. Nhiệm vụ của họ thật quan trọng nhưng cũng đầy gian khổ, hi sinh, phải mạo hiểm với cái chết, luôn căng thẳng thần kinh, đòi hỏi sự dũng cảm và bình tĩnh hết sức.

# Vẻ đẹp của Phương Định:

* Cuộc sống gian khổ giữa chiến trường ác liệt, công việc đầy nguy hiểm và luôn phải đối mặt với cái chết, nhưng Phương Định vẫn giữ được sự hồn nhiên, trong sáng của tuổi trẻ, luôn thể hiện tinh thần dũng cảm không sợ hi sinh, lòng lạc quan và tình đồng đội gắn bó sâu sắc. Cô ngời sáng lên vẻ đẹp của chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến đấu, vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam thời chống Mĩ.

# Lí tưởng sống cao đẹp, tinh thần dũng cảm:

* Vẻ đẹp của nhân vật Phương Định được tỏa sáng ở lí tưởng sống cao đẹp và tinh thần dũng cảm, không sợ gian khổ, hi sinh

+ Rời ghế nhà trường phổ thông, Phương Định xung phong ra mặt trận, cùng thể hệ của mình “Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước/Mà lòng phơi phới dậy tương lai” để giành độc lập, tự do của Tổ quốc. Cô ra đi mà không tiếc tuổi thanh xuân, nguyện dâng hiến hết mình cho đất nước:

“Ôi Tổ quốc!Nếu cần, ta chết

Cho mỗi ngôi nhà, ngọn núi, con sông…”.

+ Đối mặt với nguy hiểm, cô và những người đồng đội của mình thật sự là những anh hùng. Phương Định nghĩ về hoàn cảnh sống nơi đây một cách giản dị và cho là có cái thú riêng: “Có ở đâu như thế này không: đất bốc khói, không khí bàng hoàng, máy bay đang ầm ì xa dần. Thần kinh căng như chão, tim đập bất chấp cả nhịp điệu, chân chạy mà vẫn biết rằng khắp chung quanh có nhiều quả bom chưa nổ. Có thể nổ bây giờ, có thể chốc nữa. Nhưng nhất định sẽ nổ…”. Công việc phá bom đầy nguy hiểm và phải luôn đối mặt với thần chết được cô kể với giọng điệu bình thản, pha sự hóm hỉnh: “Quen rồi. Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần. Ngày nào ít: ba lần”. Thật là biết đùa trước gian khó.

+ Đặc biệt, hi sinh mất mát của bản thân cũng được Phương Định coi hết sức nhẹ nhàng: “Tôi bây giờ vẫn còn một vết thương chưa lành miệng ở đùi. Tất nhiên Tôi không vào viện quân y”. Nếu không có cái nhìn lạc quan và một tinh thần dũng cảm thì Phương Định không thể có cách nói bình thản như thế.

+ Cuộc sống nơi chiến trường luôn đối mặt với thử thách, nguy hiểm và cái chết đã tôi luyện ở Phương Định lòng quả cảm, không sợ hi sinh. Tâm lí Phương Định trong một lần phá bom được miêu tả rất cụ thể, tinh tế đến từng cảm giác. Khung cảnh và không khí chưa đầy sự căng thẳng nhưng Phương Định vẫn có nét tâm lí rất con gái, cảm giác: “Có ánh mắt các chiến sĩ dõi theo mình” để rồi sự dũng cảm ở cô như được kích thích bởi lòng tự trọng: “Tôi đến gần quả bom,… tôi không sợ nữa. Tôi sẽ không đi khom. Các anh ấy không thích cái kiểu đi khom khi có thể cứ đường hoàng mà bước tới”. Ở bên quả bom, cận kề với cái chết im lìm và bất ngờ, từng cảm giác của con người cũng trở nên sắc nhọn: “Thỉnh thoảng lưỡi xẻng chạm vào quả bom. Một tiếng động sắc đến gai người, cứa vào da thịt tôi. Tôi rùng mình và bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm. Nhanh lên một tí! Vỏ quả bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lành”. Tiếp đó, là cái giây phút căng thẳng chờ đợi tiếng nổ của quả bom. Phương Định có nghĩ đến cái chết nhưng là “một cái chết mờ nhạt, không cụ thể”, còn cái chính vẫn là: “liệu mìn có nổ, bom có nổ không?”. Đây là một trách nhiệm rất cao trong công việc, là lò ng dũng cảm vô song. Có thể khẳng định rằng: Phương Định và những đồng đội của cô thực sự là những người anh hùng, nhưng là những anh hùng mà không tự biết. Chính điều đó, khiến cho nhân vật Phương Định trở nên đáng mến.

# Tính hồn nhiên, mơ mộng, và tinh nghịch của Phương Định:

* Nét nổi bật và cũng là điểm hấp dẫn nhất ở Phương Định chính là vẻ đẹp của một tâm hồn trong sáng, hồn nhiên và mơ mộng:

+ Phương Định là nữ sinh của thủ đô thanh lịch bước vào chiến trường. Cô có một thời học sinh – cái thời áo trắng ngây thơ, hồn nhiên và vô tư sống bên mẹ trong một căn buồm nhỏ ở một đường phố yên tĩnh. Những hoài niệm của cô về thời học trò thật đáng yêu, luôn sống trong cô ngay giữa chiến trường dữ dội. Nó vừa là niềm khao khát, vừa làm dịu mát tâm hồn trong hoàn cảnh căng thẳng, khốc liệt của chiến tranh.

+ Sau những giây phút căng thẳng ở cao điểm, xong việc là thở phào chạy vào hàng, là sà ngay vào một thế giới khác – thế giới con gái với những mơ mộng: nằm dài trên nền ẩm, lười biếng nheo mắt nghe ca nhạc từ cái đài bán dẫn nhỏ, có thể nghe, có thể nghĩ ngợi lung tung… Phương Định mê hát và thích nhiều bài hát: những bài hành khúc bộ đội hay hát trên những ngả đường mặt trận; thích dân ca quan họ mềm mại, dịu dàng; thích Ca- chiu-sa của hồng quân Liên Xô; thích ngồi bó gối mơ màng trước lời bài hát dân ca Ý trữ tình… Thích hát, Phương Định còn bịa ra lời mà hát, ngồi dựa vào thành đá và khe khẽ hát. Rõ ràng, thích hát là nét tâm lí của thời đại – cái thời tiếng hát át tiếng bom, nhưng đây cũng là nét cá tính ở Phương Định hé lộ vẻ đẹp phong phú của tâm hồn. Trong tiếng hát, có ý thức về lý tưởng, có khao khát về quê hương, tình yêu của tuổi trẻ và có cả khát vọng được trở về cuộc sống thanh bình.

+ Cũng như bao cô gái mới lớn, Phương Định rất nhạy cảm và quan tâm đến hình thức của mình. Phương Định đẹp với “hai bím tóc dày tương đối mềm, một cái cổ cao kiêu hãnh như đài hoa loa kèn” và “đôi mắt nâu nâu dài dài hay nheo lại như chói năng, hay có cái nhìn xa xăm”. Biết mình đẹp, cô thích ngắm mình trong gương, có chút kiêu ngầm khi biết mình được các anh pháo thủ và lái xe thăm hỏi. Cô vui và tự hào về điều đó nhưng không hay biểu lộ tình cảm của mình mà thường rỏ ra kín đáo giữa đám đông. Lê Minh Khuê đã rất tinh tế khi phát hiện ra cái nét tâm lí kiêu ngầm ấy ở Phương Định. Đó là cái kiêu ngầm của một cô gái trẻ có ý thức sâu sắc về vẻ đẹp cuộc sống. Chính nét tâm lí rất đời thường, rất con gái này khiến nhân vật Phương Định càng trở nên gần gũi, chân thực và đáng yêu.

+ Vẻ đẹp tâm hồn Phương Định ngời sáng nhất khi cơn mưa đá bất ngờ ập đến. Chỉ một cơn mưa đá mà bao ngột ngạt, căng thẳng, hiểm nguy của chiến trường tan biến, để nhường chỗ cho niềm vui con trẻ òa nở, cuống cuồng:” Mưa đá!Cha mẹ ơi!Mưa đá!”. Chỉ một trận mưa đá vụt đi qua cũng đánh thức ở Phương Định rất nhiều kỉ niệm và nỗi nhớ về thành phố, quê hương, về gia đình, về tuổi thơ thanh bình của mình. Sau cái say sưa của niềm vui con trẻ là nỗi nhớ da diết khôn nguôi. Nhớ rất nhiều: người mẹ, cái cửa sổ ngôi nhà, những ngôi sao to trên bầu trời thành phố, cái cây, vòm trời của nhà hát, bà bán kém và đám trẻ háo húc vây quanh; con đường nhựa sau cơn mưa, những ngọn đèn trên quảng trường lung linh như những ngôi sao trong truyện cổ tích nói về xứ sở thần tiên… Tất cả vừa rõ ràng, vừa mờ ảo; vừa đồng hiện, vừa vụt hiện trong tâm trí; vừa gần gũi, vừa xa xôi. Những hòai niệm làm dịu cơn khát, những cơn khát cháy lòng, những hi vọng xa xôi. Tất cả ào đến, xoáy mạnh cũng mãnh liệt, dữ dội như con mưa đá. Tất cả làm thành hành trang tâm hồn của cô thanh niên xung phong, tiếp cho cô sức mạnh, thắp cho cô niềm tin và tỏa sáng vẻ đẹp của người chiến sĩ Trường Sơn, của những ngôi sao xa xôi.

# Tình đồng chí, đồng đội nồng ấm:

* Ở Phương Định nét đẹp còn được ngời sáng trong tình đồng đội thắm thiết. Cô luôn yêu thương trìu mến và quan tâm đến đồng đội. Cô lo lắng cho chị Thao và Nho lên cao điểm chưa về đến nỗi “nói như gắt vào máy” khi đại đội trưởng hỏi tình hình. Cô hiểu chị Thao và Nho như biết về những chị em ruột thịt. Đó là chị Thao sợ máu và vắt nhưng khi c hiến đấu lại rất dũng cảm. Trong cuộc việc, ai cũng gờm chị bởi sự bình tĩnh, cương quyết, táo bạo. Với Nho, cô em út của tổ trinh sát thì Phương Định rất muốn bế trên tay. “trông nói nhẹ mát như một que kem trắng. Biết bao trìu mến, yêu thương trong cái nhìn ấy. Khi Nho bị thương, cô vỗ về và chăm sóc như một người y tá: “moi đất, bế Nho đặt lên đùi”,”rửa cho Nho bằng nước đun sôi trên bếp than”,”tiêm cho Nho” rồi “pha sữa trong cái ca sắt…”. Đặc biệt, cô dành tình yêu và niềm cảm phục cho tất cả những chiến sĩ mà cô gặp ngày đêm trên con đường ra mặt trận. Với cô “những người đẹp nhất, thông minh, cam đảm và cao thượng nhất là những người mặc quân phục có ngôi sao trên mũ”.

-> Tình đồng chí đồng đội của Phương Định thật thiêng liêng, cao cả và đáng quý! Chính điều đó đã tiếp thêm sức mạnh cho cô để cô hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

# Nghệ thuật xây dựng nhân vật:

* Có thể nói, xây dựng nhân vật Phương Định, Lê Minh Khuê đã chọn được những phương thức trần thuật hợp lí khi nhà văn đặt điểm nhìn vào nhân vật chính của mình để nhân vật tự kể chuyện. Nhờ vậy, nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật – tâm lí Phương Định đạt đến độ tinh tế nhất. Ngôn ngữ trần thuật qua nhân vật chính làm cho tác phẩm có giọng điệu, ngôn ngữ tự nhiên gần với khẩu ngữ, trẻ trung, nữ tính. Lời kể linh hoạt, cùng câu ngắn dài, nhịp nhanh tạo không khí chiến trường, nhịp kể chậm lại khi hồi tưởng như gợi nhớ kỉ niệm của tuổi thơ êm đềm… Tất cả góp phần tạo nên một nhân vật chính- một Phương Định thật như ở ngoài đời và một Phương Định rất Hà Nội.

# Ý kiến đánh giá, bình luận:

* Qua dòng suy nghĩ và tâm trạng của nhân vật Phương Định, cuộc sống chiến đấu của các cô thanh niên xung phong được tái hiện đầy đủ, chân thực và sinh động với vẻ đẹp tỏa sáng. Hình tượng về những nữ thanh niên xung phong Trường Sơn không hiếm trong văn học chống Mĩ, song với những sáng tạo riêng của mình, Lê Minh Khuê trong truyện ngắn "Những ngôi sao xa xôi" đã làm nổi bật tâm hồn trong sáng giàu mơ mộng, cuộc sống chiến đấu đầy gian khổ, sự hi sinh và rất lạc quan của họ. Đó là hình ảnh đẹp, tiêu biểu cho thể hệ trẻ Việt Nam đã sống và chiến đấu, hi sinh tuổi thanh xuân của mình cho Tổ quốc thân yêu:

“Có biết bao người con gái, con trai

Trong bốn ngàn lớp người giống ta lứa tuổi Họ đã sống và chết

Giản dị và bình tâm Không ai nhớ mặt đặt tên

Nhưng họ đã làm ra Đất Nước”.

( “Đất nước” – Nguyễn Khoa Điềm).

# Kết bài:

* Đọc truyện ngắn "Những ngôi sao xa xôi" khám phá vẻ đẹp nhân vật Phương Định, ta yêu mến, tự hào về các cô thanh niên xung phong, Phương Định, Nho,chị Thao, mười cô gái ngã ba Đồng Lộc và bao nhiêu cô gái mở đường khác trên tuyến lửa Trường Sơn đã “Xẻng tay mà viết nên trang sử hồng” (Tố Hữu). Vẻ đẹp của họ mãi mãi tỏa sáng như vì sao lấp lánh trên bầu trời, trong sự cảm phục và lòng biết ơn của cả dân tộc:

“Đêm đêm tâm hồn em tỏa sáng

Những vì sao ngời chói lung linh” (“Khoảng trời hố bom” – Lâm Thị Mĩ Dạ)